Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 23/10/2026 17:11:42 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 16998/BTC-CHQ V/v thẩm định dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan	*Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Ngày 12/9/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1772/QĐ-TTg về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính xây dựng Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Thực hiện nhiệm vụ, Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP).

Ngày 22/9/2026, Bộ Tài chính có công văn số 14903/BTC-CHQ gửi hồ sơ dự thảo Nghị định để lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Kiểm toán Nhà nước; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Tài chính xin gửi hồ sơ dự thảo Nghị định đến Bộ Tư pháp để thẩm định theo quy định.

Hồ sơ dự thảo Nghị định gồm:

(i) Dự thảo Tờ trình Chính phủ;

(ii) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

(iii) Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật, kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan;

(iv) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định;

(v) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

(vi) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Vụ Pháp chế - BTC (để phối hợp, theo dõi);
- Lưu: VT, CHQ (3b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /TTr-BTC	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo 10/2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; thực hiện Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan được Quốc hội thông qua ngày 23/8/2026, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 12/9/2026 giao Bộ Tài chính xây dựng Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan.

b) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

c) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

d) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách.

đ) Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15.

e) Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

g) Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Theo đó,

cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027.

Những định hướng và giải pháp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị nêu trên đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu xây dựng Nghị định để tạo hành lang pháp lý vững chắc cho quá trình chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về hải quan, đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh mới, đặc biệt là các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử; đẩy mạnh cắt giảm thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan; tăng cường quản lý, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho hải quan địa phương.

2. Cơ sở thực tiễn

Qua thời gian thực hiện, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP đã góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan. Tuy nhiên, bối cảnh hiện nay đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng Nghị định thay thế xuất phát từ các cơ sở sau:

a) Nhóm vấn đề liên quan đến Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung:

Ngày 23/08/2026, Quốc hội đã thông qua Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan, trong đó giao Chính phủ quy định chi tiết 18 điều, khoản (nêu tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định) liên quan đến các nghiệp vụ cốt lõi như: quản lý rủi ro, tuân thủ hải quan, địa điểm làm thủ tục, thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan... Do đó, việc sửa đổi Nghị định là bắt buộc để bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý triển khai Luật.

b) Nhóm vấn đề do có sự thay đổi của hệ thống pháp luật liên quan:

Trong thời gian qua, nhiều đạo luật quan trọng đã được ban hành hoặc sửa đổi (Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Đầu tư số 143/2025/QH15, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23/4/2026; Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16,...), trong đó có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, theo đó quy định pháp luật hải quan cần được rà soát, điều chỉnh để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung. Đồng thời, các Nghị định mới ban hành có nội dung dẫn chiếu hoặc giao nhau với Nghị định số 08/2015/NĐ-CP gồm: Nghị định số 336/2026/NĐ-CP quy định thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN; Nghị định số 292/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định số 273/2026/NĐ-CP về kinh doanh hàng miễn thuế; Nghị định số 169/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; Nghị định số 378/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phát triển đô thị.

c) Nhóm vấn đề theo yêu cầu cần tháo gỡ vướng mắc từ các cơ chế, chính sách đặc thù:

Quốc hội đã ban hành nhiều Nghị quyết thí điểm cơ chế đặc thù cho các địa phương (Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/06/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/06/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa,...), Luật Thủ đô số 02/2026/QH16. Các văn bản này có nội dung phân cấp cho Hải quan khu vực về thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên, phạm vi áp dụng chế độ ưu tiên, điều kiện để được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên, điều kiện cần duy trì kể từ sau khi được công nhận. Nội dung này khác với quy định hiện hành tại Luật Hải quan và Luật số 90/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15. Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung các quy định về doanh nghiệp ưu tiên tại dự thảo Nghị định để đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

d) Nhóm vấn đề động lực từ quá trình hội nhập quốc tế:

Việc Việt Nam thực thi các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới với cam kết sâu rộng đòi hỏi chính sách, thủ tục hải quan phải không ngừng được cải thiện theo hướng minh bạch, thuận lợi và tiệm cận thông lệ quốc tế.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành

Dự thảo Nghị định được xây dựng và ban hành để quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kịp thời thống nhất các nội dung trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng mô hình hải quan số; đồng thời đơn giản hóa, đảm bảo tính minh bạch trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh phương tiện vận tải và đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung và tương thích với các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực hải quan; ngoài ra, củng cố cơ sở pháp lý về chuẩn cơ sở dữ liệu đầu vào phục vụ quản lý nhà nước về hải quan; công tác trị giá hải quan; thẩm quyền xử lý, thực thi công vụ của cơ quan hải quan trong các hoạt động kiểm tra sau thông quan và điều tra chống buôn lậu; nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người khai hải quan. Đồng thời, Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định đầy đủ, toàn diện, thống nhất các nội dung về tổ chức bộ máy ngành hải quan, góp phần tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò, trách nhiệm của công chức hải quan trong thi hành công vụ; giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng nhận diện lực lượng công

chức hải quan trong thực thi nhiệm vụ, phòng ngừa các hành vi vi phạm, giả mạo công chức hải quan; giúp nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, ý thức trách nhiệm, tác phong và hình ảnh chuyên nghiệp của công chức hải quan.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Nghị định số 167/2025/NĐ-CP thực hiện trên cơ sở các quan điểm, định hướng, quy định lớn của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các Nghị quyết mới của Bộ Chính trị. Cụ thể:

a) Bám sát chủ trương đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật

Theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Nghị định phải được xây dựng theo hướng:

- Bám sát thực tiễn, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế;

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật;

- Khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, rườm rà trong quy định;

- Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan quản lý chuyên ngành.

b) Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển

Theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/05/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, pháp luật phải đảm bảo quyền tự do kinh doanh, bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và môi trường kinh doanh minh bạch, hiện đại. Nghị định thay thế cần:

- Giảm chi phí tuân thủ, giảm thủ tục hành chính, tăng tính minh bạch.

- Không phát sinh rào cản mới, đảm bảo cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ để tiếp cận, thực hiện.

c) Gắn cải cách thủ tục hành chính với chuyển đổi số, hiện đại hóa quản lý

Thực hiện chủ trương cải cách hành chính, chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước, Nghị định mới cần phải:

- Quy định rõ ràng việc thực hiện thủ tục hành chính điện tử trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, dịch vụ công trực tuyến, Cổng thông tin một cửa quốc gia;

- Chuẩn hóa dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu chung về thông tin liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

- Liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

d) Tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Nghị định theo đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Nghị định số

78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tài chính đã thực hiện xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (trình tự thông thường), cụ thể như sau:

1. Xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định

Bộ Tài chính tổ chức tổng kết thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan, xây dựng dự thảo Nghị định.

2. Dự thảo Nghị định đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Kiểm toán Nhà nước; VCCI; Hiệp hội doanh nghiệp; 03 lần tổ chức Hội thảo trực tuyến và trực tiếp để lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

Tính đến ngày 19/10/2026, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến của 49 cơ quan (11 Bộ, 02 cơ quan ngang Bộ, 34 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Kiểm toán Nhà nước) và 14 doanh nghiệp, hiệp hội.

3. Tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương và chỉnh lý hồ sơ dự thảo Nghị định. Đồng thời, thực hiện đăng tải nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính.

4. Về ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Ngày ……, Bộ Tài chính đã có văn bản số …../BTC-CHQ gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định. Bộ Tư pháp đã thành lập Hội đồng thẩm định, tổ chức họp Hội đồng và có ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định kèm theo Báo cáo số ...../BCTĐ-BTP ngày ……

5. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ xem xét ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

- Khoản 1 Điều 1 nêu cụ thể các điều, khoản Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 11/2026/QH16 giao Chính phủ quy định chi tiết (18 điều, khoản, đã nêu tại điểm a mục 1 Phần I Tờ trình này).

- Khoản 2 Điều 1 quy định các nội dung hướng dẫn thi hành Luật Hải quan, các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành theo quy định tại Điều 104 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16, gồm 15 nhóm nội dung tại các điểm a đến điểm p khoản 2 Điều 1.

b) Đối tượng áp dụng

"1. Tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

3. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.

4. Cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan."

2. Bố cục của dự thảo văn bản

2.1. Về hình thức

Việc triển khai thi hành Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan đặt ra yêu cầu sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời khắc phục tình trạng các quy định có liên quan được thể hiện tại nhiều văn bản, gây khó khăn trong việc tra cứu, áp dụng và thực hiện, Bộ Tài chính đề xuất xây dựng Nghị định mới thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Việc ban hành Nghị định mới nhằm hệ thống hóa, hoàn thiện các quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng, thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện, góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

Dự thảo Nghị định sẽ:

- Kế thừa các nội dung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định 167/2025/NĐ-CP hiện đang thực hiện ổn định, không có vướng mắc phát sinh;

- Bổ sung các nội dung sửa đổi, bổ sung mới để đảm bảo phù hợp với Luật số 11/2026/QH16 và xử lý các vướng mắc phát sinh liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP;

- Rà soát và đưa các quy định về trình tự thủ tục hải quan, như: thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh, trung chuyển, tài sản di chuyển, phương tiện quay vòng tạm nhập, tạm xuất, hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất, hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại và hàng hóa đã nhập khẩu phải xuất khẩu...để quy định tại Thông tư, nhằm đảm bảo thống nhất về các thủ tục liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại Thông tư của Bộ Tài chính và đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 18 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định 167/2025/NĐ-CP.

2.2. Về tên Nghị định

Dự thảo Nghị định có tên: *"Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan."*

2.3. Về kết cấu

Dự thảo Nghị định gồm 09 Chương, 89 Điều, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung, gồm 06 Điều (từ Điều 1 đến Điều 6);

- Chương II. Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp, gồm 04 Điều (từ Điều 7 đến Điều 10);

- Chương III. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gồm 09 Mục, 42 Điều (từ Điều 11 đến Điều 52);

- Chương IV. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, gồm 06 Mục, 14 Điều (từ Điều 53 đến Điều 66);

- Chương V. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, gồm 02 Mục, 06 Điều (từ Điều 67 đến Điều 72);

- Chương VI. Kiểm tra sau thông quan, gồm 04 Điều (từ Điều 73 đến Điều 76);

- Chương VII. Kiểm soát hải quan, gồm 05 Điều (từ Điều 77 đến Điều 81);

- Chương VIII. Thông tin hải quan, gồm 05 Điều (từ Điều 82 đến Điều 86);

- Chương IX. Điều khoản thi hành, gồm 03 Điều (từ Điều 87 đến Điều 89).

3. Nội dung cơ bản

Trên cơ sở rà soát các quy định của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, dự thảo Nghị định tập trung vào các vấn đề cơ bản sau:

3.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

3.1.1. Nhóm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan

a) Người khai hải quan (Điều 5):

Bổ sung thêm (i) trường hợp khai hải quan gồm Người đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu; Chủ quản nền tảng thương mại điện tử (khoản 1, khoản 7 Điều 5); (ii) trường hợp ủy quyền khai hải quan: Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng; các trường hợp khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (điểm g, điểm h khoản 3 Điều 5).

Các nội dung bổ sung trên nhằm đảm bảo phù hợp với Luật Hải quan số 11/2026/QH16, đảm bảo quy định tại Hiệp định thương mại tự do giữa CHXHCN Việt Nam và Liên minh Châu Âu (liên quan đến thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam) và để đảm bảo các trường hợp khác phát sinh trong thực tiễn

trên cơ sở kiến nghị của Bộ Quốc phòng và Liên đoàn thương mại công nghiệp Việt Nam.

b) Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

- Dự thảo Nghị định không quy định chi tiết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển,... như Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Các thủ tục này được giao cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Thông tư, đảm bảo phù hợp với thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như: thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh, trung chuyển, tài sản di chuyển, phương tiện quay vòng tạm nhập, tạm xuất, hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất, hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại và hàng hóa đã nhập khẩu phải xuất khẩu…

- Về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Điều 31 dự thảo Nghị định):

+ Bỏ nội dung quy định người khai hải quan phải có văn bản thông báo cho cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan không thực hiện được, theo đó trường hợp này người khai chủ động lựa chọn khai qua đại lý hoặc khai tờ khai hải quan giấy (điểm d khoản 3 Điều 31).

+ Về khai thay đổi mục đích sử dụng: bổ sung, làm rõ thêm việc áp dụng chính sách quản lý đối với hàng hóa miễn thuế, không thuộc đối tượng chịu thuế… khi thay đổi mục đích sử dụng theo hướng: chính sách quản lý chuyên ngành áp dụng tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới, trừ trường hợp tại thời điểm nhập khẩu ban đầu hàng hóa không thuộc đối tượng áp dụng hoặc đã thực hiện đầy đủ chính sách; hàng hóa được miễn áp dụng chính sách tại thời điểm nhập khẩu ban đầu thì khi thay đổi mục đích sử dụng phải thực hiện chính sách tương ứng với mục đích mới; hàng hóa đã được cấp giấy phép theo mục đích sử dụng thì phải được cơ quan cấp phép đồng ý (khoản 4 Điều 31).

- Về phối hợp với cơ quan kiểm tra chuyên ngành (Điều 32 dự thảo Nghị định):

+ Quy định nguyên tắc trước khi lấy mẫu kiểm tra chuyên ngành, người khai hải quan phải thông báo thời gian, địa điểm lấy mẫu cho cơ quan hải quan để thực hiện việc kiểm tra, giám sát, không quy định chi tiết việc lập Biên bản chứng nhận việc lấy mẫu có xác nhận của người khai hải quan và cơ quan, tổ chức KTCN;

+ Để bổ sung cơ sở pháp lý cho việc cơ quan hải quan triển khai số hóa chứng từ tại điểm d khoản 2 Điều 32 sửa đổi theo hướng trường hợp cơ quan, tổ chức KTCN vẫn thực hiện cấp bản giấy kết quả KTCN, chưa thực hiện thủ tục kiểm tra, cập nhật kết quả KTCN trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì cơ quan hải quan sẽ tiếp nhận chứng từ KTCN do người khai hải quan nộp dưới dạng dữ liệu số hóa thông qua hệ thống;

+ Bổ sung quy định về trách nhiệm phối hợp, xử lý của Bộ chuyên ngành, cơ quan hải quan và doanh nghiệp đối với hàng hóa kiểm tra chuyên ngành quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản (thời hạn này hiện đang được quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC) nhưng chưa có kết quả kiểm tra chuyên ngành, nhằm đảm bảo công tác quản lý hải quan, nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong trường hợp được mang hàng hóa về bảo quản để chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, ngăn ngừa nguy cơ hàng hóa không đáp ứng điều kiện nhưng vẫn được lưu thông, đồng thời là cơ sở để cơ quan hải quan thực hiện xử lý vi phạm. Theo đó, cơ quan kiểm tra chuyên ngành trả lời cơ quan hải quan trong thời hạn 05 ngày làm việc; trường hợp chậm do cơ quan kiểm tra chuyên ngành thì người khai hải quan tiếp tục được bảo quản nguyên trạng hàng hóa (khoản 4 Điều 32).

c) Về giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh (Điều 33 dự thảo Nghị định)

- Bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi trong việc xử lý hàng hóa tồn đọng tại cảng, kho, bãi nếu không xác định được người vận chuyển, đảm bảo phù hợp với Điều 58 Luật Hải quan.

- Bổ sung trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc thực hiện hoạt động giám sát hải quan, tuần tra tại địa bàn hoạt động hải quan để đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của hải quan cửa khẩu/hải quan ngoài cửa khẩu, Đội kiểm soát hải quan thuộc hải quan khu vực theo quy định tại Điều 69 Luật Hải quan.

d) Về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa XNK tại chỗ (Điều 34 dự thảo Nghị định)

Quy định rõ, cụ thể các trường hợp, đối tượng được giao, nhận hàng hóa nhiều lần trước khi đăng ký tờ khai hải quan trong một thời hạn nhất định hoặc đăng ký tờ khai hải quan trước, giao, nhận hàng hóa sau (ngoài doanh nghiệp ưu tiên như quy định hiện hành, bổ sung trường hợp người xuất khẩu tại chỗ và người nhập khẩu tại chỗ đều có mức độ tuân thủ tốt); thời hạn giao, nhận nhiều lần trước khi đăng ký tờ khai là 30 ngày kể từ ngày giao, nhận lô hàng đầu tiên.

3.1.2. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa gia công, sản xuất xuất khẩu (từ Điều 35 đến Điều 39 dự thảo Nghị định)

a) Quy định thống nhất chế độ quản lý của 03 loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất: bổ sung quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu áp dụng cho cả DNCX để thống nhất chế độ quản lý của 03 loại hình này ***tại Điều 35 dự thảo.***

b) Về thông báo cơ sở sản xuất (CSSX) của loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với DNCX

- Bổ sung quy định cụ thể trường hợp thông báo cơ sở gia công, sản xuất đối với hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất tại khoản 1 Điều 35 dự thảo.

- Bổ sung quy định về thông báo cơ sở gia công, sản xuất, kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất kinh doanh sau đó tìm được thị trường xuất khẩu thì phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước thời điểm làm thủ tục hải quan xuất khẩu lô hàng đầu tiên để phù hợp với điều kiện hoàn thuế quy định tại pháp luật về thuế tại điểm a.4 khoản 1 Điều 35 dự thảo và thuộc đối tượng kiểm tra cơ sở sản xuất tại điểm b khoản 1 Điều 36 dự thảo.

- Bổ sung quy định về thời hạn thông báo cơ sở gia công lại đối với trường hợp gia công lại tại điểm b khoản 1 Điều 35 dự thảo.

- Bổ sung quy định về thông báo địa điểm lưu giữ bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất cho cơ quan hải quan theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Hải quan; theo đó, tổ chức, cá nhân thông báo cho cơ quan hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa hàng hóa đến địa điểm lưu giữ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định này. Hệ thống tự động tiếp nhận, phản hồi; cơ quan hải quan không kiểm tra địa điểm lưu giữ bên ngoài cơ sở sản xuất tại thời điểm tiếp nhận thông báo mà thực hiện kiểm tra cùng với thời điểm kiểm tra cơ sở sản xuất nếu thuộc đối tượng phải kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định này.

- Bổ sung nội dung thông báo, kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất tại điểm a3 khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 35 dự thảo. Theo đó, DNCX thông báo đã đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với DNCX một lần cùng với kiểm tra cơ sở sản xuất trước khi chính thức đi vào hoạt động. Về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với DNCX được quy định cụ thể tại dự thảo Thông tư, gồm 03 điều kiện (1) có cơ sở sản xuất, (2) có tường rào và (3) có hệ thống camera quan sát tại cổng/cửa ra, vào của hàng hóa. Như vậy, DNCX sẽ chỉ phải thông báo và kiểm tra một lần CSSX, điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan tương tự như doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu.

- Bổ sung lượng hóa các tiêu chí thay đổi cơ sở gia công, sản xuất dẫn đến thay đổi quy mô sản xuất, tránh cách hiểu không thống nhất hoặc khó thực hiện trong thực tiễn. Theo đó, bổ sung quy định thay đổi số lượng máy móc, thiết bị, nhân công vượt quá 10% so với lần thông báo gần nhất tổ chức, cá nhân mới phải thông báo cho cơ quan hải quan.

Về kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu:

- Bổ sung cụ thể các trường hợp phải kiểm tra báo cáo quyết toán tại trụ sở người khai hải quan (điểm b khoản 1 Điều 37).

- Quy định cụ thể việc kiểm tra, đối chiếu số liệu, dữ liệu báo cáo quyết toán được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan thông qua hồ sơ hải quan, thông tin hiện có để tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trường hợp qua kiểm tra, đối chiếu số liệu, dữ liệu báo cáo quyết toán

phát hiện có dấu hiệu vi phạm, cần thiết phải kiểm tra sâu để đánh giá, xác định thì cơ quan hải quan mới thực hiện kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan.

Về kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu

Tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, tại điểm b khoản 1 Điều 38 dự thảo Nghị định bổ sung quy định phải kiểm tra cơ sở sản xuất mà không cho phép doanh nghiệp giải trình, chứng minh đối với các trường hợp:

- Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ sản xuất, kinh doanh nhưng không có sản phẩm xuất khẩu;

- Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc xuất khẩu sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất.

- Bổ sung quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra DNCX để xử lý các vướng mắc khi thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, trong đó có quy định cụ thể:

+ Các trường hợp doanh nghiệp chế xuất được lựa chọn làm hoặc không làm thủ tục hải quan; trường hợp không làm thủ tục hải quan thì doanh nghiệp chế xuất phải thông báo thông tin hàng hoá cho cơ quan hải quan quản lý trước khi vận chuyển đối với: Hàng hóa đưa từ nội địa vào doanh nghiệp chế xuất để xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp và bảo trì công trình; Hàng hóa luân chuyển giữa các cơ sở gia công, sản xuất, chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất, kho thuê ngoài; Hàng hóa đưa ra, đưa vào doanh nghiệp chế xuất để thực hiện dịch vụ bảo hành, sửa chữa, giặt là, kiểm định, kiểm nghiệm.

+ Trường hợp DNCX đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý chuyên ngành và chính sách thuế khi nhập khẩu từ nước ngoài hoặc mua từ nội địa hoặc đã hoàn thành thủ tục thay đổi mục đích sử dụng thì không phải làm thủ tục hải quan để thống nhất với Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn thi hành về thuế GTGT;

+ Thủ tục thanh lý hàng hóa của DNCX.

Nội dung quy định này kế thừa khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP và tổng hợp xử lý vướng mắc của DNCX. Quy định này sẽ thay thế khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP (quy định cụ thể tại khoản 4 Điều 87 Nghị định).

3.1.3. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan, hàng hóa quá cảnh, trung chuyển (từ Điều 40 đến Điều 42 dự thảo Nghị định)

a) Ngoài địa điểm thu gom hàng lẻ tại cửa khẩu, tại dự thảo Nghị định bổ sung địa điểm đóng ghép hàng xuất khẩu với hàng quá cảnh: địa điểm thu gom hàng lẻ ngoài cửa khẩu, kho ngoại quan, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập

trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh, với điều kiện đóng gói riêng biệt, không thuộc hàng hóa có độ nguy hiểm cao, không làm thay đổi nhãn mác, ký mã hiệu, xuất xứ (khoản 4 Điều 41).

b) Bổ sung hoạt động trung chuyển hàng hóa từ nước ngoài vào Khu thương mại tự do để đưa ra nước ngoài từ chính cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu khác của Việt Nam theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 259/2025/QH15; thời hạn lưu giữ tối đa 90 ngày, gia hạn không quá 02 lần, mỗi lần không quá 60 ngày (điểm c khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 42).

c) Đối với hoạt động trung chuyển, tiếp thu kiến nghị của Tổng Công ty hàng không Việt Nam, ngoài các trường hợp như quy định hiện hành, tại dự thảo Nghị định bổ sung hàng hóa trung chuyển bao gồm: *Hàng hóa được vận chuyển bằng* đường hàng không từ nước ngoài *và dỡ xuống các cảng hàng không Việt Nam, sau đó đưa ra nước ngoài từ chính cảng hàng không này hoặc đưa đến cảng hàng không khác của Việt Nam để đưa ra nước ngoài (điểm* b khoản 1 Điều 42).

3.1.4. Thủ tục hải quan đối với một số nhóm hàng hóa khác (từ Điều 43 đến Điều 49 dự thảo Nghị định)

- Thay đổi về nguyên tắc quản lý đối với phương tiện quay vòng, theo đó nhóm hàng hóa là phương tiện quay vòng chia làm 2 nhóm (như hiện hành) nhưng được ứng xử về thủ tục theo bản chất hoạt động của từng nhóm, theo đó tại dự thảo quy định đối với phương tiện quay vòng là container, người khai hải quan chỉ thông báo một lần và cơ quan hải quan sẽ theo dõi phương tiện tạm nhập – tái xuất, tạm xuất – tái nhập khi đi vào hoặc đi ra lãnh thổ Việt Nam trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (Điều 46).

- Rà soát và đưa các nội dung quy định về thủ tục tạm nhập - tái xuất, chuyển nhượng, tiêu hủy đối với xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu của đối tượng ưu đãi, miễn trừ vào dự thảo Nghị định (điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 47) (hiện các nội dung này đang được quy định tại Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13/9/2013 được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 14/2021/QĐ-TTg ngày 26/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ), theo đó Bộ Tài chính dự kiến bãi bỏ các quy định tại 02 Quyết định của Thủ tướng dẫn trên.

3.1.5. Nhóm về phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh (từ Điều 53 đến Điều 66 dự thảo Nghị định)

- Tại Nghị định số 336/2026/NĐ-CP ngày 22/08/2026 quy định thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, theo đó tại Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục hành chính đối với nhóm phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đồng thời cũng bổ sung quy định đối với phương tiện vận tải đặc thù thực hiện qua cửa khẩu thông minh phải thực hiện khai báo, tiếp nhận, chia sẻ thông tin về phương tiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

- Đối với phương tiện vận chuyển hành khách tuyến cố định, vận chuyển hàng hóa thường xuyên qua cùng một cửa khẩu được khai 01 lần trong 30 ngày;

phương tiện làm nhiệm vụ khẩn cấp được ưu tiên qua cửa khẩu trước, hoàn tất khai báo trong 48 giờ; xe thô sơ, phương tiện thô sơ giao nhận hàng hóa trong khu vực cửa khẩu không quá 48 giờ (đường bộ), 72 giờ (đường thủy nội địa); bổ sung việc phương tiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại cửa khẩu đăng ký với cơ quan hải quan 01 năm 01 lần, trong thời gian đăng ký không phải khai hải quan.

3.1.6. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ (từ Điều 67 đến Điều 72 dự thảo Nghị định)

- Bổ sung chủ thể quản lý nền tảng thương mại điện tử vào nội dung chủ thể thực hiện các dịch vụ trong kho ngoại quan, chủ thể thuê kho ngoại quan (Điều 67, điểm c khoản 1 Điều 68);

- Bổ sung và làm rõ hơn các dịch vụ được thực hiện trong kho ngoại quan nhằm khuyến khích tạo thuận lợi cho hoạt động này theo kiến nghị của một số doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan và hải quan khu vực như: dán nhãn hàng hóa và các hoạt động khác tác động lên bao bì nhưng không làm thay đổi xuất xứ, mã số HS so với ban đầu (Điều 67).

- Bổ sung thêm quy định: *Hàng hóa của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên và doanh nghiệp tuân thủ tốt đưa từ nội địa vào kho ngoại quan và ngược lại được thực hiện thủ tục giao nhận trước, đăng ký tờ khai hải quan sau* (khoản 2 Điều 70).

- Bổ sung quy định cho phép các mặt hàng là máy móc, thiết bị, phương tiện và hàng hóa khác cung ứng từ nội địa vào kho ngoại quan, CFS để thực hiện các dịch vụ trong kho ngoại quan, CFS, chủ hàng hóa hoặc người được ủy quyền có thể lựa chọn không làm thủ tục hải quan, nhưng phải thông báo trước cho cơ quan hải quan (khoản 1 Điều 70, khoản 2 Điều 72).

3.1.7. Về phân loại hàng hóa (từ Điều 21 đến Điều 24 dự thảo Nghị định)

Căn cứ quy định tại khoản 12 Điều 1 Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung số 11/2026/QH16 và bất cập trong quá trình thực hiện, tại dự thảo Nghị định quy định chỉnh sửa, bổ sung các quy định sau:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật xây dựng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành trong đó có mô tả hàng hóa, đặc tính kỹ thuật và đầy đủ các thông tin chi tiết về hàng hóa để xác định mã số, chính sách quản lý hàng hóa, mã số hàng hóa dự kiến theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gửi Bộ Tài chính (khoản 3 Điều 23).

b) Bộ Tài chính thực hiện xác định về mã số hàng hóa trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ (thay vì 10 ngày như hiện nay) (điểm b khoản 3 Điều 23).

c) Đối với trường hợp có sự khác biệt về mã số hàng hóa giữa Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành và Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định mã số hàng hóa thống nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, đồng thời đề nghị Bộ, cơ quan

ngang Bộ quản lý chuyên ngành cập nhật mã số tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành; trường hợp cần thiết lấy ý kiến Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành, quá 20 ngày làm việc không nhận được ý kiến thì Bộ Tài chính quyết định (thay vì hiện nay đang quy định Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ) (khoản 6 Điều 23).

d) Trường hợp Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành chưa có mã số, chính sách quản lý chuyên ngành áp dụng căn cứ tên gọi, mô tả, đặc tính kỹ thuật của hàng hóa (khoản 5 Điều 23); Danh mục đã ban hành mà chưa có mã số thì trong 06 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, các Bộ, cơ quan ngang Bộ thống nhất với Bộ Tài chính để xác định mã số (khoản 7 Điều 88).

3.1.8. Về trị giá hải quan (từ Điều 25 đến Điều 28 dự thảo Nghị định)

a) Sửa đổi khái niệm về trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu để đảm bảo thống nhất với quy định tại Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan (khoản 1 Điều 25).

b) Chuyển công tác tham vấn trị giá trong thông quan sang kiểm tra trị giá sau khi hàng hóa đã thông quan, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra, xác định cơ sở nghi vấn trị giá và thông quan hàng hóa theo quy định; việc kiểm tra trị giá sau thông quan thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông quan; trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo thì người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc (khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 74).

3.1.9. Về chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp (từ Điều 7 đến Điều 10 dự thảo Nghị định)

Căn cứ quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP Đà Nẵng, Hải Phòng..., tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về chế độ ưu tiên theo hướng:

- Bổ sung quy định về điều kiện công nhận và điều kiện cần duy trì đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư chiến lược theo Nghị quyết đặc thù (khoản 8, khoản 9 Điều 8).

- Bổ sung quy định về hồ sơ đề nghị công nhận đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư theo Nghị quyết đặc thù; Bổ sung quy định về cơ quan tiếp nhận là Hải quan khu vực để phù hợp với Luật và Nghị quyết đặc thù; Bổ sung quy định về thẩm quyền của Hải quan khu vực và trách nhiệm báo cáo của Hải quan khu vực về Cục Hải quan đối với doanh nghiệp đặc thù, thẩm quyền KTSTQ đối với DNUT thuộc quản lý của Hải quan khu vực (khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 9).

- Điều 10 dự thảo Nghị định quy định về quản lý doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên: doanh nghiệp báo cáo hằng quý bằng phương thức điện tử gửi Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực có thẩm quyền; cơ quan hải quan kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp không quá 01 lần trong 03 năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm; cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời đề nghị đánh giá tuân thủ trong 10 ngày làm việc.

- Doanh nghiệp thuộc nhiều đối tượng được lựa chọn và chỉ được công nhận áp dụng một chế độ ưu tiên tại cùng một thời điểm (khoản 11 Điều 9); hồ sơ đề nghị công nhận, đình chỉ nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (khoản 4 Điều 9).

3.1.10. Về quản lý rủi ro, đánh giá tuân thủ (từ Điều 11 đến Điều 20 dự thảo Nghị định)*:*

- Thu hẹp phạm vi đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ so với hiện hành, tại dự thảo chỉ thực hiện đối với doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; không áp dụng đối với: Đại lý làm thủ tục hải quan, doanh nghiệp chuyển phát nhanh, bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi do việc đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ chưa gắn với cơ chế áp dụng chính sách, biện pháp quản lý cụ thể, đồng thời có thể phát sinh chồng chéo khi nhiều chủ thể cùng tham gia một hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

- Đề xuất quy định việc phân loại mức độ tuân thủ của doanh nghiệp theo 04 mức tuân thủ thay vì 05 mức như quy định hiện nay, gồm: Mức độ 1 - Tuân thủ tốt; Mức độ 2 - Tuân thủ; Mức độ 3 - Tuân thủ hạn chế; Mức độ 4 - Không tuân thủ.

- Cụ thể hóa quy định tại khoản 2 Điều 17a Luật Hải quan, dự thảo Nghị định đề xuất áp dụng các chế độ ưu tiên, tạo thuận lợi đối với doanh nghiệp được phân loại tuân thủ tốt, gồm:

+ Được cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa, kiểm tra, giám sát hải quan;

+ Được giao hàng trước, đăng ký tờ khai hải quan sau đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ với đối tác là doanh nghiệp tuân thủ tốt;

+ Được xem xét miễn kiểm tra hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa, trừ trường hợp pháp luật quy định phải kiểm tra, có thông tin, dấu hiệu vi phạm hoặc được lựa chọn ngẫu nhiên để đánh giá tuân thủ;

+ Trong 03 năm liên tục, không thực hiện quá 01 lần kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp, trừ trường hợp có dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm;

+ Được hỗ trợ, hướng dẫn duy trì mức độ tuân thủ và áp dụng các biện pháp tạo thuận lợi khác theo quy định của pháp luật.

- Đề xuất phân loại mức độ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan thành 03 mức độ thay vì 09 hạng rủi ro như hiện nay để đơn giản hóa, đồng bộ phương pháp phân loại mức độ rủi ro, gồm: Mức độ 1 - Rủi ro thấp; Mức độ 2 - Rủi ro trung bình; Mức độ 3 - Rủi ro cao.

3.1.11. Về kiểm tra sau thông quan (từ Điều 73 đến Điều 76 dự thảo Nghị định)

- Sửa đổi các quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan bao gồm: (i) *Chuẩn bị kiểm tra sau thông quan*; (ii) *Tiến hành kiểm tra sau thông quan*; (iii) *Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan* nhằm phù hợp với thực tiễn công tác kiểm

tra sau thông quan. Đồng thời quy định *"người ra quyết định kiểm tra tổ chức thẩm định dự thảo kết luận kiểm tra khi cần thiết"* nhằm tăng chất lượng, tính chặt chẽ pháp lý của kết luận trước khi ban hành; giảm rủi ro sai sót, khiếu nại, khiếu kiện; thêm một lớp kiểm soát nội bộ đối với các cuộc kiểm tra phức tạp, số thuế ấn định lớn.

- Nhằm xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện KTSTQ thời gian qua, dự thảo Nghị định bổ sung quy định các trường hợp Quyết định kiểm tra sau thông quan được sửa đổi, bổ sung, tạm dừng, hủy và các trường hợp Quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan được gia hạn.

3.1.12. Về kiểm soát hải quan (từ Điều 77 đến Điều 81 dự thảo Nghị định)

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 77 về các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan để đảm bảo tính hợp pháp, đồng bộ với các văn bản khác như Luật Hải quan, Luật Cán bộ, công chức,...

- Bổ sung Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu vào nhóm chức danh có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải, quyết định truy đuổi cho phù hợp với tổ chức bộ máy mới của cơ quan hải quan (khoản 2 Điều 79, khoản 2 Điều 80).

3.1.13. Về thông tin hải quan (từ Điều 82 đến Điều 86 dự thảo Nghị định)

- Sửa đổi, bổ sung nội dung thông tin hải quan gồm dữ liệu điện tử, dữ liệu số được kết nối từ hệ thống quản lý của doanh nghiệp; dữ liệu định vị, giám sát hành trình của phương tiện vận tải; hình ảnh và dữ liệu số từ các cơ quan kiểm tra chuyên ngành và doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi; dữ liệu chia sẻ, kết nối từ Cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan nhằm tạo cơ sở pháp lý để xây dựng kho dữ liệu dùng chung, giảm thao tác thủ công, tạo nền tảng ứng dụng công nghệ hiện đại (điểm d khoản 3, khoản 5 Điều 82).

- Sửa đổi, bổ sung cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan nhà nước có liên quan để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và điều tra hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật; đồng thời, quy định rõ nguyên tắc bảo mật thông tin thương mại, bí mật kinh doanh, đảm bảo cạnh tranh hợp pháp của doanh nghiệp (điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 83).

- Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước theo hướng: bổ sung Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan (khoản 1 Điều 84);

- Bổ sung về trách nhiệm cung cấp thông tin của cơ quan quản lý nhà nước theo hướng: *"Chỉ đạo các đơn vị quản lý dữ liệu thông tin do đơn vị mình quản lý cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan hải quan thực hiện khai thác hệ thống ca-mê-ra, hệ thống máy soi phục vụ việc quản lý hải quan"* để phục vụ công tác quản lý, giám sát của cơ quan hải quan (điểm g khoản 1 Điều 84). Đồng thời, tờ

khai hải quan điện tử có giá trị sử dụng trong các thủ tục hành chính khác; cơ quan quản lý nhà nước không yêu cầu người khai hải quan cung cấp bản giấy tờ khai hải quan (khoản 3 Điều 86).

3.2. Nội dung bổ sung mới

3.2.1. Về giải thích từ ngữ (Điều 3):

Dự thảo Nghị định bổ sung:

- Khái quát khái niệm về cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất tại Điều 20 và Điều 43 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP vào Điều này để đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng (khoản 5, khoản 6 Điều 3).

- Bổ sung khái niệm về cơ sở gia công, sản xuất nhằm xác định phạm vi, đối tượng được ưu đãi thuế, xử lý vi phạm hành chính khi doanh nghiệp tự gia công, sản xuất tại chính cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân, đưa ra ngoài lưu giữ, thuê gia công lại (khoản 7 Điều 3).

3.2.2. Bổ sung quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với:

- Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất (hiện chỉ đang được quy định tại cấp thông tư) tại điểm a khoản 1 Điều 47.

- Hàng hóa tạm nhập tái xuất của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ (trên cơ sở các nội dung quy định tại Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 14/2021/QĐ-TTg) tại điểm e khoản 1 và khoản 2 Điều 47.

3.2.3. Về tiêu chuẩn, hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế:

- Về tiêu chuẩn gồm: về vị trí đặt cửa hàng miễn thuế; về hệ thống công nghệ thông tin bảo đảm quản lý, lưu trữ, kết xuất dữ liệu hàng hóa đưa vào, đưa ra cửa hàng miễn thuế kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; về hệ thống ca-mê-ra giám sát cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, quầy nhận hàng kết nối với cơ quan hải quan.

- Trước khi hoạt động, mở rộng diện tích liền kề, thu hẹp, tạm dừng, hoạt động trở lại, chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp phải thông báo cho Hải quan khu vực quản lý.

3.2.4. Về thu thập thông tin, phúc tập hồ sơ để đảm bảo căn cứ pháp lý trong việc rà soát, đối chiếu hồ sơ hải quan sau khi hàng hóa thông quan trong bối cảnh tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp thông quan hàng hóa nhanh và đúng quy định, theo đó tại dự thảo Nghị định:

a) Xây dựng một Điều mới về thu thập thông tin trong lĩnh vực kiểm tra sau thông quan (khoản 1 Điều 74) để:

- Phục vụ kiểm tra sau thông quan (thông tin thu thập từ trong và ngoài ngành hải quan).

- Người khai hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu, tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra sau thông quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

b) Phúc tập hồ sơ hải quan (khoản 2 Điều 74)

Tại dự thảo Nghị định bổ sung quy định mới về phúc tập hồ sơ hải quan nhằm tạo thuận lợi trong thông quan, đồng thời đảm bảo thông tin để thực hiện việc kiểm soát của cơ quan hải quan sau khi hàng hóa đã thông quan, cụ thể:

- Quy định phúc tập hồ sơ hải quan là hoạt động kiểm tra, rà soát, đối chiếu các chứng từ trong hồ sơ hải quan về xuất xứ, trị giá, phân loại hàng hóa và các nội dung khác có liên quan sau khi hàng hóa đã thông quan;

- Kết quả phúc tập hồ sơ là nguồn thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan và hoạt động nghiệp vụ khác của cơ quan hải quan;

- Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro trong việc lựa chọn hồ sơ phúc tập.

3.2.5. Về số định danh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (khoản 5 Điều 33 dự thảo Nghị định):

Tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP ngày 22/8/2026 quy định: Số định danh hàng hóa là mã số điện tử do hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp để định danh, theo dõi và quản lý thống nhất đối với hàng hóa nhập khẩu trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục quản lý nhà nước liên quan; và tại khoản 3 Điều 48 Nghị định này quy định: Thời điểm chia sẻ, tiếp nhận, sử dụng thông tin, dữ liệu số định danh hàng hóa nhập khẩu quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 10, Điều 20 Nghị định này thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Căn cứ quy định trên, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định liên quan đến số định danh, theo đó quy định nguyên tắc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan sẽ tự sinh ra mã số định danh trên cơ sở thông tin vận đơn/bản kê hàng hóa nhập khẩu hoặc số tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu; cấp mới, điều chỉnh số khi thông tin lô hàng, vận đơn được sửa đổi, tách, gộp; giao Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình và thời điểm kết nối, chia sẻ, tiếp nhận, sử dụng dữ liệu theo từng phương thức vận chuyển.

3.2.6. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số nội dung của các nghị định có liên quan

a) Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Nghị định số 02/2021/NĐ-CP ngày 07/01/2021 của Chính phủ để phù hợp với chức danh, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ theo mô hình tổ chức bộ máy của cơ quan hải quan hiện nay (khoản 1 Điều 87).

b) Bãi bỏ, thay thế một số cụm từ quy định tại Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 12/2018/NĐ-CP và Nghị định số 153/2026/NĐ-CP để thống nhất với Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan (khoản 2 Điều 87).

c) Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số cụm từ của Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế *(khoản 3 Điều 87)*.

d) Bãi bỏ khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (khoản 5 Điều 88).

3.2.7. Một số nội dung sửa đổi kỹ thuật để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định hiện hành

Để đảm bảo dự thảo Nghị định có bố cục hợp lý, khoa học; ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày trong dự thảo rõ ràng, mạch lạc, phù hợp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại dự thảo Nghị định, cụ thể: Điều 4; điểm c khoản 3 Điều 6; Điều 77, Điều 78, Điều 85 (sửa đổi Điều 101, Điều 102, Điều 108 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP).

3.3. Nội dung bãi bỏ

3.3.1. Bãi bỏ quy định về kho bảo thuế tại mục 3 Chương V (gồm các điều từ Điều 93 đến Điều 96)

Bãi bỏ các quy định cụ thể về kho bảo thuế tại Mục 3 Chương V gồm các điều từ Điều 93 đến Điều 96 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP do Luật số 11/2026/QH16 đã bỏ chế độ kho bảo thuế (điểm k khoản 31 Điều 1); nguyên liệu, vật tư đã nhập kho bảo thuế còn tồn được xử lý theo khoản 1 Điều 4 Luật số 11/2026/QH16

3.3.2. Bãi bỏ 12 Điều

- Điều 13, Điều 14, Điều 15: Liên quan đến áp dụng quản lý rủi ro được bãi bỏ, thay thế bằng 10 Điều mới (từ Điều 11 đến Điều 20) liên quan đến quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ để đồng bộ, thống nhất với quy định tại khoản 5, 6 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan.

- Điều 26, 27, 28, 29, 30, 32, 56, 60a được chuyển xuống quy định tại Thông tư.

- Điều 42: nội dung quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra khu phi thuế quan được đưa vào quy định tại Nghị định số 378/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phát triển đô thị.

3.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

- Nhằm cắt giảm thủ tục tại khâu thông quan, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tạo thuận lợi cho người khai hải quan, quy định về kiểm tra, tham vấn trị giá tại dự thảo Nghị định được sửa đổi theo hướng: Chuyển công tác tham vấn trị giá trong thông quan sang kiểm tra trị giá sau thông quan thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông quan (nội dung quy định này được thể hiện tại điểm a khoản 2 Điều 26 và khoản 3 Điều 74).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về khai hải quan tại Điều 31 dự thảo Nghị định theo hướng: Trường hợp thông tin khai hải quan không đủ điều kiện đăng ký, Hệ thống tự động phản hồi và nêu rõ lý do; đồng thời, bỏ yêu cầu người khai hải quan phải có văn bản đề nghị gửi cơ quan hải quan khi hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan gặp sự cố.

- Bãi bỏ: 01 thủ tục liên quan đến kho bảo thuế: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa ra, đưa vào kho bảo thuế (Mã số TTHC: 1.007863).

3.5. Nội dung phân quyền, phân cấp

Tại dự thảo phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về:

- Danh mục hàng hóa nhập khẩu không được gửi kho ngoại quan (điểm đ khoản 2 Điều 69);

- Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập (khoản 2 Điều 4).

Thay vì hiện hành tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP đang giao Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 danh mục trên, quy định phân cấp tại dự thảo Nghị định phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền hiện nay, đồng thời cũng tương đồng với một số quy định khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như: Thông tư số 56/2026/TT-BKHCN ngày 05/9/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, Thông tư 21/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021 của Bộ Công Thương quy định về cửa khẩu nhập ô tô chở người dưới 16 chỗ.

3.6. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết

...

3.7. Hiệu lực thi hành

- Luật số 11/2026/QH16 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027.

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết;

Để đảm bảo các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định có hiệu lực cùng với Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung, Bộ Tài chính đề xuất Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/3/2027 (hiệu lực cùng với Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung).

Dự thảo Nghị định quy định chuyển tiếp đối với hồ sơ thủ tục hành chính đã nộp trước ngày Nghị định có hiệu lực (được tiếp tục giải quyết theo quy định tại thời điểm nộp hoặc lựa chọn áp dụng quy định mới), các quyết định kiểm tra đã ban hành, quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên đã ban hành và Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành chưa có mã số (khoản 3, khoản 4, khoản 7 Điều 88).

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Nguồn lực để thi hành Nghị định

1.1. Về nguồn nhân lực

Việc thực hiện các quy định của Nghị định được triển khai trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hải quan và trên cơ sở tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực hiện có; không làm phát sinh yêu cầu thành lập tổ chức, đơn vị mới hoặc tăng biên chế.

1.2. Về nguồn tài chính

Về kinh phí, việc thực hiện Nghị định trên hệ thống công nghệ thông tin hiện hành có thể phát sinh kinh phí để duy trì, bảo đảm hệ thống hoạt động thông suốt. Nhu cầu kinh phí được tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí theo quy định. Về lâu dài, kinh phí để triển khai đầy đủ các yêu cầu của Nghị định được thực hiện trong khuôn khổ dự án xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin thực hiện Hải quan số. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Điều kiện để đảm bảo thi hành

Để bảo đảm thi hành Nghị định, Bộ Tài chính sẽ chủ trì hướng dẫn, tập huấn, phổ biến, tuyên truyền quy định mới cho các đơn vị thuộc Cục Hải quan, doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

Dự kiến trình Chính phủ ban hành Nghị định theo thời gian nêu tại Quyết định số 1772/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (tháng 12/2026).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP), Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (i) Dự thảo Nghị định; (ii) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; (iii) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định; (iv) Bản

đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (v) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; (vi) Báo cáo thẩm định, báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (vii) Tài liệu khác: Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 12/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ,....)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CHQ (06b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2027/NĐ-CP	
DỰ THẢO 21/10	

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2014/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15 và Luật số 11/2026/QH16;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 05/2017/QH14, Luật số 44/2019/QH14 và Luật số 75/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2026/QH16;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 133/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2024/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 148/2025/QH15 và Luật số 20/2026/QH16;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết Điều 17, Điều 17a, Điều 22, khoản 4 Điều 26, khoản 5 Điều 28, khoản 2 Điều 29, khoản 4 Điều 42, Điều 47a, Điều 48, khoản 4 Điều 62, Điều 64, khoản 4 Điều 69, Điều 77, Điều 79, Điều 80, Điều 86, khoản 6 Điều 88, Điều 95 của Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 11/2026/QH16.

2. Nghị định này quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Hải quan, các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành theo quy định tại Điều 104 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16, bao gồm:

a) Người khai hải quan; đối tượng phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan;

b) Phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

c) Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hàng hóa;

d) Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh;

đ) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; chế xuất;

e) Thủ tục hải quan đối với tài sản di chuyển;

g) Xử lý hành lý bị thất lạc, nhầm lẫn của người xuất cảnh, nhập cảnh;

h) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại; hàng hóa nhập khẩu phải xuất khẩu;

i) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức miễn thuế; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi;

k) Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không, hãng hàng không hoặc người được hãng hàng không ủy quyền khi thực hiện thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

l) Trách nhiệm của cảng vụ hàng hải, doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển, thuyền trưởng và hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền khi thực hiện thủ tục đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

m) Trách nhiệm của Trưởng ga và Trưởng tàu liên vận quốc tế khi thực hiện thủ tục đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh, xuất cảnh;

n) Thu thập thông tin, phúc tập hồ sơ; gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm dừng, hủy quyết định kiểm tra sau thông quan;

o) Dừng phương tiện vận tải; truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới; trang bị phương tiện phục vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

p) Thông tin hải quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

3. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.

4. Cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Thủ tục hải quan điện tử" là thủ tục hải quan trong đó việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

2. "Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan" là hệ thống do Cục Hải quan quản lý cho phép cơ quan hải quan thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; kết nối, trao đổi thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải với các Bộ, ngành có liên quan.

3. "Hệ thống khai hải quan điện tử" là hệ thống cho phép người khai hải quan thực hiện việc khai hải quan điện tử, tiếp nhận thông tin, kết quả phản hồi của cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

4. "Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành" là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh phải kiểm tra nhà nước về chất lượng, văn hóa, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch y tế, kiểm tra an toàn thực phẩm và các hình thức kiểm tra chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Cửa khẩu nhập được xác định như sau:

a) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu nhập là cảng dỡ hàng hóa nhập khẩu ghi trên vận đơn;

b) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu nhập là ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới;

c) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu nhập là cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa đi vào lãnh thổ Việt Nam;

d) Đối với hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng biện pháp chỉ định cửa khẩu nhập khẩu thì cửa khẩu nhập thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý ngoại thương;

đ) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ khu vực hải quan riêng vào nội địa, cửa khẩu nhập là địa điểm ngăn cách giữa khu vực hải quan riêng và khu vực khác trong nội địa Việt Nam.

6. Cửa khẩu xuất được xác định như sau:

a) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu xuất là cảng biển, cảng hàng không nơi hàng hóa xuất khẩu được xếp hàng lên phương tiện vận tải;

b) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu xuất là ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới;

c) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu xuất là cửa khẩu biên giới nơi xuất khẩu hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam;

d) Trường hợp hàng hóa xuất khẩu từ nội địa vào khu vực hải quan riêng, cửa khẩu xuất là địa điểm ngăn cách giữa khu vực trong nội địa Việt Nam và khu vực hải quan riêng.

7. Cơ sở gia công, sản xuất là khu vực có địa chỉ được ngăn cách với khu vực xung quanh và ranh giới xác định, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân có hoạt động gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu hoặc của tổ chức, cá nhân nhận gia công lại, bao gồm khu vực sản xuất; khu vực lưu giữ nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm, thành phẩm, phế phẩm, phế liệu; khu vực phục vụ điều hành, quản lý sản xuất và các khu vực phụ trợ khác.

Điều 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan

1. Địa điểm làm thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan.

Thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, kể cả hàng hóa thuộc Danh mục quy định tại khoản 2 Điều này, được làm thủ tục hải quan tại Hải quan khu vực quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, hàng chuyển phát nhanh.

2. Căn cứ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập.

3. Căn cứ quy hoạch và công bố hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, cửa khẩu đường bộ, cảng cạn, ga đường sắt liên vận quốc tế, mạng bưu chính công cộng cung ứng dịch vụ quốc tế và các khu vực khác thuộc địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan công nhận kho, bãi, địa điểm đáp ứng điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định; Cục Hải quan bố trí lực lượng làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan.

Điều 5. Người khai hải quan

Người khai hải quan gồm:

1. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì phải thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan hoặc người đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.

2. Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hoặc người được chủ phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh ủy quyền.

3. Người được chủ hàng hóa ủy quyền đối với các loại hàng hóa sau đây:

a) Quà biếu, quà tặng của cá nhân;

b) Tài sản di chuyển của cá nhân;

c) Hàng hóa của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ;

d) Hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh;

đ) Hàng hóa tạm nhập tái xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài;

e) Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế;

g) Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng;

h) Các trường hợp khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa, trung chuyển hàng hóa.

5. Đại lý làm thủ tục hải quan.

6. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, trừ trường hợp chủ hàng có yêu cầu khác.

7. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử.

Điều 6. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan

1. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý, sản phẩm văn hóa, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; các vật phẩm khác xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trong địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan;

b) Phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Đối tượng chịu sự kiểm tra hải quan:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

c) Hồ sơ hải quan và các chứng từ liên quan đến đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối tượng chịu sự giám sát hải quan:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

c) Hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan;

d) Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành được đưa về bảo quản chờ thông quan;

đ) Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.

Chương II
CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

Điều 7. Chế độ ưu tiên

1. Chế độ ưu tiên thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Hải quan.

2. Được cơ quan hải quan và các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, địa điểm ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa trước, ưu tiên kiểm tra, giám sát trước.

3. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, doanh nghiệp được đưa hàng hóa nhập khẩu về kho của doanh nghiệp để bảo quản nguyên trạng trong khi chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật kiểm tra chuyên ngành có quy định hàng hóa phải kiểm tra tại cửa khẩu. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu thì được ưu tiên kiểm tra trước.

4. Được miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan.

Điều 8. Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên

1. Điều kiện về tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế:

Doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế tới mức bị xử lý vi phạm về các hành vi sau:

a) Hành vi trốn thuế; buôn lậu; sản xuất, buôn bán hàng cấm hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới;

b) Hành vi vi phạm hành chính có hình thức, mức xử phạt vượt thẩm quyền Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu và các chức danh tương đương.

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Phạm vi đánh giá điều kiện này là 02 năm liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.

Trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15, doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này chưa đủ thời gian hoạt động 02 năm thì điều kiện này được đánh giá trong phạm vi kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.

2. Điều kiện về chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán:

a) Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Báo cáo tài chính hằng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Phạm vi đánh giá điều kiện này là 02 năm liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.

Trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15, doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này chưa đủ thời gian hoạt động 02 năm thì điều kiện này được đánh giá trong phạm vi kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.

Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15, doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này chưa đủ thời gian hoạt động để lập báo cáo tài chính năm được kiểm toán thì điều kiện này được đánh giá theo điểm a khoản này kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.

3. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ

a) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ để giám sát, kiểm soát vận hành thực tế hoạt động của doanh nghiệp, trong đó bao gồm các nội dung sau:

a.1) Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định, cung cấp được cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu;

a.2) Giám sát nội bộ doanh nghiệp: Tự tiến hành đánh giá, rà soát hoạt động của các bộ phận và đề ra các biện pháp cải tiến; có quy trình để đào tạo nội bộ liên quan đến các vấn đề về đảm bảo an ninh theo quy định tại điểm b khoản này và các biện pháp ứng phó khi xảy ra các vấn đề về an ninh;

a.3) Quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; có biện pháp cải tiến, khắc phục đối với trường hợp xảy ra các bất thường; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận;

a.4) Kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế.

Tại thời điểm đánh giá, doanh nghiệp không phát sinh tiền thuế nợ theo quy định.

b) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo an ninh, an toàn dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó bao gồm các nội dung sau:

b.1) An ninh hàng hóa: Có biện pháp để đảm bảo tính nguyên trạng của hàng hóa và kiểm soát việc tiếp cận hàng hóa phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp;

b.2) An ninh vận tải: Có biện pháp nhằm đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng hàng hóa;

b.3) An ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp: Có biện pháp phân chia và ngăn cách các khu vực làm việc phù hợp với tính chất đặc thù ngành hàng và yêu cầu về an ninh hàng hóa; phân quyền, hạn chế tiếp cận đối với hàng hóa, biện pháp phòng ngừa việc xâm nhập bất hợp pháp vào các khu vực làm việc của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp có hệ thống ca-mê-ra và dữ liệu ca-mê-ra được lưu trữ đảm bảo việc quản lý, theo dõi, kiểm soát của doanh nghiệp đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, ca-mê-ra quan sát được các vị trí tại cổng, cửa ra, vào khuôn viên trụ sở chính và khuôn viên cơ sở hoạt động, kinh doanh, sản xuất khác của doanh nghiệp có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các kho, bãi lưu trữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ). Dữ liệu ca-mê-ra được doanh nghiệp lưu giữ tối thiểu 06 tháng.

Trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15, doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này chưa đủ thời gian hoạt động 06 tháng thì điều kiện về thời hạn lưu trữ dữ liệu ca-mê-ra nêu trên được đánh giá trong phạm vi kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên;

b.4) Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin: Có biện pháp đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, lưu trữ, khôi phục và bảo mật các thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp;

b.5) An ninh nhân sự: Có biện pháp đảm bảo nhân sự đang làm việc tại các vị trí quan trọng (tổng giám đốc, giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các bộ phận: Xuất khẩu, nhập khẩu, kho, an ninh) khi tuyển dụng không bị xử lý về hanh vi vi phạm pháp luật hình sự hoặc đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật; có biện pháp kiểm tra định kỳ thông tin cơ bản về nhân sự làm việc tại các vị trí quan trọng nêu trên; có biện pháp nhận diện nhân viên của doanh nghiệp và ngăn chặn những nhân viên đã nghỉ việc truy cập vào hệ thống thông tin và cơ sở vật chất của doanh nghiệp;

b.6) An ninh đối tác thương mại: Trong các hợp đồng ký với các đối tác thương mại (đối tác mua bán hàng hóa, vận tải nội địa, vận tải quốc tế, đại lý làm thủ tục hải quan, các nhà cung cấp dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) phải thể hiện các điều khoản về an ninh phù hợp với hình thức, quy

mô, tính chất, mặt hàng kinh doanh để đảm bảo tính chính xác về thông tin và nguyên trạng của hàng hóa, dịch vụ.

4. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu:

a) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đạt kim ngạch tối thiểu 100 triệu USD/năm;

b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đạt kim ngạch tối thiểu 40 triệu USD/năm;

c) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam đạt kim ngạch tối thiểu 30 triệu USD/năm.

Kim ngạch quy định tại các điểm a, b và c khoản này là kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu bình quân trong 02 năm liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên hoặc trong giai đoạn đánh giá gia hạn, không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác.

5. Các điều kiện khác thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15.

6. Bộ Tài chính xem xét áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 7 Nghị định này đối với hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo trước khi cấp phép đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

7. Đối với doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này. Doanh nghiệp phải duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.

Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều này. Doanh nghiệp phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.

8. Đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do theo quy định tại Nghị quyết số 226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Nghị quyết số 136/2024/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 259/2025/QH15, Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách

đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025, Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này. Đối tượng này phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp, nhà đầu tư chiến lược nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.

9. Đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do theo quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 259/2025/QH15; Nghị quyết số 98/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 260/2025/QH15 đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều này. Doanh nghiệp phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 9. Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

1. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15 gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;

b) Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính;

c) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính;

d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản sao;

đ) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao;

e) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao;

g) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh là các quy trình, nội quy, quy định hoặc hướng dẫn được công ty ban hành, hồ sơ về thực tế triển khai các quy trình, biện pháp): 01 bản sao, trong đó bao gồm:

g.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm

của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế;

g.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại.

2. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này và khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;

b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao;

c) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao;

d) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao;

đ) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh là các quy trình, nội quy, quy định hoặc hướng dẫn được công ty ban hành, hồ sơ về thực tế triển khai các quy trình, biện pháp): 01 bản sao, trong đó bao gồm:

đ.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế;

đ.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại.

e) Công bố của cơ quan có thẩm quyền về doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền về xác định doanh nghiệp thuộc nhóm đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này: 01 bản sao.

3. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 8 Điều 8 Nghị định này gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;

b) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính;

c) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản sao;

d) Bảo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản sao;

đ) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao;

e) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh là các quy trình, nội quy, quy định hoặc hướng dẫn được công ty ban hành, hồ sơ về thực tế triển khai các quy trình, biện pháp): 01 bản sao, trong đó bao gồm:

e.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế;

e.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại.

g) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về xác định doanh nghiệp thuộc nhóm đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 8 Nghị định này: 01 bản sao.

4. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị công nhận, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên thông qua hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trừ các chứng từ thuộc hồ sơ đề nghị công nhận áp dụng chế độ ưu tiên liên quan đến bảo mật kinh doanh theo đề nghị của doanh nghiệp.

5. Cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị công nhận, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên, thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên, tổ chức thực hiện quản lý doanh nghiệp được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên:

a) Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 8 Nghị định này:

Cục Hải quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên theo thẩm quyền của Cục trưởng Cục Hải quan.

Cục trưởng Cục Hải quan có thẩm quyền quyết định công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên và tổ chức thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều này; có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý theo Điều 10 Nghị định này đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên;

b) Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này:

Hải quan khu vực quản lý địa bàn Khu thương mại tự do tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo thẩm quyền của Trưởng Hải quan khu vực.

Trưởng Hải quan khu vực quản lý địa bàn Khu thương mại tự do có thẩm quyền quyết định công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên và tổ chức thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều này; có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý theo Điều 10 Nghị định này đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên.

6. Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu hoặc chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ và nộp lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn, doanh nghiệp không nộp hồ sơ thì xác định hồ sơ không đạt yêu cầu.

Doanh nghiệp có thể đề nghị tham vấn cơ quan hải quan về các quy định liên quan đến chế độ ưu tiên trước khi nộp hồ sơ.

7. Công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên:

a) Thẩm định:

Cơ quan hải quan tiến hành thẩm định, xem xét về việc áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cụ thể:

a.1) Thẩm định hồ sơ: Căn cứ hồ sơ của doanh nghiệp, cơ quan hải quan đánh giá, đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về doanh nghiệp với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 8 Nghị định này. Thời gian thẩm định không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định hồ sơ, cơ quan hải quan ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo kết quả thẩm định, cơ quan hải quan quyết định việc thẩm định thực tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định hồ sơ.

a.2) Thẩm định thực tế:

Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan không quá 15 ngày kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần nhưng không quá 15 ngày theo quy định tại Điều 79 và Điều 80 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16.

Trường hợp doanh nghiệp đã được kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan trong thời gian 02 năm liên tục tính đến thời điểm doanh

nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra sau thông quan này và thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp để đánh giá thông tin khai báo hồ sơ của doanh nghiệp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên tại trụ sở doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này và khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 có thời gian kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên dưới 02 năm thì cơ quan hải quan không thực hiện kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan để đánh giá công nhận. Cơ quan hải quan thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên tại trụ sở doanh nghiệp.

Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 8 Nghị định này để đánh giá công nhận (trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan).

Trưởng Hải quan khu vực nơi tiếp nhận hồ sơ quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này để đánh giá công nhận (trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan).

b) Xử lý kết quả thẩm định

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định thực tế hoặc kết thúc việc xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan:

Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ban hành quyết định công nhận áp dụng chế độ ưu tiên đối với đối tượng thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành quyết định.

Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, cơ quan hải quan ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện.

Trường hợp phức tạp, cần lấy ý kiến cơ quan chuyên môn thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

8. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên:

a) Doanh nghiệp được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên khi duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Trong thời gian 03 tháng tính đến thời hạn gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan căn cứ các thông tin thu thập, kết quả quản lý để tổ chức thực hiện đánh giá để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp;

b) Đánh giá để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên:

b.1) Cơ quan hải quan tổ chức tự đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 8 Nghị định này;

b.2) Trường hợp không đủ thông tin để tự đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp thì cơ quan hải quan tiến hành thẩm định thực tế hoặc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan.

Trường hợp thẩm định thực tế tại trụ sở người khai hải quan không thực hiện được vì lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật thì cơ quan hải quan thực hiện đánh giá việc duy trì, đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên bằng hình thức trực tuyến trên cơ sở thông tin, dữ liệu, tài liệu mà doanh nghiệp cung cấp, chia sẻ.

Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan không quá 15 ngày kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần nhưng không quá 15 ngày theo quy định tại Điều 79 và Điều 80 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16.

Cục trưởng Cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 8 Nghị định này để đánh giá gia hạn (trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan).

Trưởng Hải quan khu vực quy định tại khoản 5 Điều này quyết định kiểm tra sau thông quan đối với đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này để đánh giá gia hạn (trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan) theo kế hoạch đánh giá gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên hàng năm được Cục trưởng Cục Hải quan phê duyệt;

c) Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ban hành quyết định gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với đối tượng thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này trong thời gian 03 năm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành nếu doanh nghiệp vẫn duy trì đáp ứng các điều kiện theo kết quả đánh giá quy định tại điểm b.1 và b.2 khoản này.

9. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan khi đã được cơ quan hải quan thông báo thì Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ra quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với đối tượng thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này (theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành quyết định. Trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện quy định tại Điều 45 Luật Hải quan trong thời hạn quy định thì thông báo tới cơ quan hải quan có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này để xem xét ban hành Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

10. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên:

Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ban hành Quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với đối tượng thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp không duy trì việc đáp ứng một trong các điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 8 Nghị định này;

b) Hết thời hạn tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên mà doanh nghiệp không thực hiện các quy định tại Điều 45 Luật Hải quan;

c) Doanh nghiệp đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Doanh nghiệp gửi văn bản tới cơ quan hải quan có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này nêu lý do đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ban hành quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này.

11. Trường hợp một doanh nghiệp thuộc nhiều đối tượng quy định tại khoản 7, 8 và 9 Điều 8 Nghị định này thì doanh nghiệp được lựa chọn để đề nghị được cơ quan hải quan công nhận áp dụng theo một chế độ ưu tiên phù hợp và chỉ được công nhận áp dụng một chế độ ưu tiên tại cùng một thời điểm.

12. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết các mẫu, biểu hồ sơ liên quan đến việc thực hiện chế độ ưu tiên.

Điều 10. Quản lý doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên

1. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Theo dõi, thu thập, phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp để hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, phát hiện sớm các sai sót để kịp thời khắc phục và duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên;

b) Phối hợp với doanh nghiệp xử lý ngay các vấn đề vướng mắc phát sinh;

c) Phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa, kiểm tra, giám sát trước cho doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên;

d) Đối với đối tượng được áp dụng chế độ ưu tiên thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý, Cục Hải quan, Hải quan khu vực thực hiện thẩm định thực tế tại trụ sở doanh nghiệp định kỳ để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên hoặc đột xuất; có biện pháp giám sát và đánh giá trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro đối với việc duy trì đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên sau khi được công nhận.

Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan không quá một lần trong ba năm liên tục kể từ ngày doanh nghiệp được Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực công nhận hoặc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên (trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm);

đ) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định việc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Hải quan;

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên:

a) Tuân thủ tốt pháp luật hải quan, pháp luật thuế, chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán;

b) Thực hiện chế độ báo cáo hàng quý về tình hình hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tuân thủ pháp luật về hải quan, thuế, kế toán của doanh nghiệp (theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) bằng phương thức điện tử gửi Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực quản lý theo phân cấp trong 15 (mười lăm) ngày đầu tiên của quý tiếp theo;

c) Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp gửi Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực quản lý theo phân cấp báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của năm trước bằng phương thức điện tử;

d) Thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực quản lý theo phân cấp quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế, kế toán của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định;

đ) Thực hiện việc trao đổi thông tin với cơ quan hải quan để báo cáo những vướng mắc phát sinh (nếu có), vấn đề liên quan đến việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên;

e) Thực hiện việc rà soát, tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót và báo cáo cơ quan hải quan về những sai sót đã phát hiện, khắc phục;

g) Khi được cơ quan hải quan thông báo những sai sót hoặc những vấn đề cần làm rõ trong quá trình quản lý doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo đầy đủ, kịp thời những vấn đề cơ quan hải quan thông báo;

h) Thông báo cho Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực quản lý theo phân cấp danh sách đại lý làm thủ tục hải quan cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp;

i) Theo dõi, kiểm soát, quản lý được hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý được quá trình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế; có hệ thống công nghệ thông tin kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp, đảm bảo cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, số liệu trên hệ thống, số liệu trong quá khứ, số liệu theo giai đoạn (thời hạn 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan) liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm chứng minh tính đầy đủ, chính xác của số liệu doanh nghiệp đã khai báo với cơ quan hải quan.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan đánh giá việc tuân thủ pháp luật theo từng lĩnh vực phụ trách khi có văn bản đề nghị của cơ quan hải quan.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Chương III

THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Mục 1

ÁP DỤNG QUẢN LÝ TUÂN THỦ TRONG QUẢN LÝ HẢI QUAN VÀ QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HẢI QUAN

Điều 11. Thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan, quản lý hệ thống thông tin nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro

1. Cơ quan hải quan thu thập, cập nhật, xử lý và sử dụng thông tin, dữ liệu hải quan phục vụ quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro theo quy định của pháp luật từ các nguồn sau đây:

a) Hồ sơ hải quan, hồ sơ thuế và thông tin, dữ liệu phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan và các hoạt động nghiệp vụ hải quan;

b) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, khai thác của cơ quan hải quan;

c) Thông tin, dữ liệu do người khai hải quan, người nộp thuế, tổ chức, cá nhân cung cấp theo quy định của pháp luật;

d) Thông tin, dữ liệu được kết nối, trao đổi, chia sẻ với cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan;

đ) Thông tin, dữ liệu được trao đổi, cung cấp bởi cơ quan hải quan nước ngoài, cơ quan thực thi pháp luật, tổ chức quốc tế hoặc được tiếp nhận thông qua các cơ chế hợp tác quốc tế mà Việt Nam tham gia;

e) Các nguồn thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật khác có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan.

2. Việc thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan bao gồm thu thập, tiếp nhận, cập nhật; kiểm tra, xác minh; chuẩn hóa, tích hợp, liên kết; tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin, dữ liệu, kết quả xử lý thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan có liên quan.

3. Cơ quan hải quan xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin nghiệp vụ; xây dựng, quản lý hồ sơ đối tượng; ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ phù hợp trong thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan và thực hiện các hoạt động quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro.

Công chức hải quan thực hiện thu thập, cập nhật, kiểm tra, xác minh, xử lý, phân tích, cung cấp thông tin, dữ liệu và các hoạt động quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro theo yêu cầu nghiệp vụ và trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

4. Việc thu thập, cập nhật, tích hợp, xử lý, phân tích, cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu hải quan phải phù hợp với mục đích, phạm vi và yêu cầu quản lý; bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và khả năng kiểm tra, đối chiếu, truy xuất nguồn gốc phù hợp với tính chất và yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu và pháp luật có liên quan.

Trường hợp thông tin, dữ liệu chưa đầy đủ, chưa thống nhất, có mâu thuẫn hoặc chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng, cơ quan hải quan thực hiện thu thập bổ sung, kiểm tra, xác minh hoặc áp dụng biện pháp xử lý phù hợp với tính chất của hoạt động nghiệp vụ trước khi sử dụng.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, dữ liệu cung cấp theo quy định của pháp luật; cơ quan hải quan chịu trách nhiệm quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Việc ứng dụng công nghệ và xử lý tự động thông tin, dữ liệu trong quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro phải bảo đảm phù hợp với mục đích, phạm vi, yêu cầu quản lý; khả năng kiểm soát, kiểm tra, giám sát và truy vết quá trình, kết quả xử lý; tuân thủ quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu và pháp luật có liên quan.

Việc sử dụng kết quả xử lý tự động để thực hiện hoạt động nghiệp vụ hải quan, áp dụng biện pháp quản lý hoặc đưa ra quyết định ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm quyền, điều kiện và trình tự thực hiện; bảo đảm cơ chế kiểm soát, giám sát và can thiệp của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp phát hiện thông tin, dữ liệu hoặc kết quả xử lý tự động có sai lệch ảnh hưởng đến kết quả đánh giá tuân thủ, đánh giá rủi ro hoặc việc áp dụng biện pháp quản lý đối với tổ chức, cá nhân, cơ quan hải quan có trách nhiệm kiểm tra, xác định phạm vi ảnh hưởng, thực hiện điều chỉnh kết quả thuộc thẩm quyền và xử lý các vấn đề có liên quan theo quy định của pháp luật.

7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Đánh giá, giám sát tuân thủ và xây dựng, quản lý hồ sơ tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa

1. Đánh giá tuân thủ pháp luật:

a) Định kỳ 12 tháng, cơ quan hải quan thực hiện đánh giá tuân thủ pháp luật đối với doanh nghiệp thông qua các hoạt động đo lường, phân loại mức độ, đánh giá hành vi, xu hướng và khoảng cách tuân thủ trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, trên cơ sở áp dụng tiêu chí đánh giá tuân thủ tại điểm b khoản này.

Việc đánh giá tuân thủ pháp luật được thực hiện trên hệ thống thông tin nghiệp vụ của cơ quan hải quan. Kết quả đánh giá được cung cấp cho doanh nghiệp chậm nhất 05 ngày kể từ ngày kết thúc đánh giá.

b) Tiêu chí đánh giá tuân thủ được xây dựng trên cơ sở các nhóm thông tin, dữ liệu về:

b.1) Đặc điểm pháp lý, thời gian hoạt động, lĩnh vực, loại hình, quy mô, phạm vi và tần suất hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa;

b.2) Kết quả và chiều hướng, mức độ thay đổi của kết quả thực hiện nghĩa vụ pháp luật về hải quan, thuế và các quy định pháp luật có liên quan;

b.3) Năng lực tổ chức thực hiện tuân thủ; việc chủ động phòng ngừa, tự phát hiện, khai báo, sửa chữa, khắc phục sai sót, hạn chế và duy trì việc tuân thủ pháp luật;

b.4) Mức độ đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin, dữ liệu do doanh nghiệp cung cấp; mức độ hợp tác, minh bạch trong trao đổi, cung cấp thông tin và thực hiện yêu cầu của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật.

c) Mức độ tuân thủ của doanh nghiệp được phân loại theo một trong bốn mức sau đây:

c.1) Mức độ 1: Tuân thủ tốt;

c.2) Mức độ 2: Tuân thủ;

c.3) Mức độ 3: Tuân thủ hạn chế;

c.4) Mức độ 4: Không tuân thủ.

d) Kết quả đánh giá tuân thủ được cập nhật vào hồ sơ tuân thủ theo quy định tại khoản 3 Điều này, là một trong những căn cứ phục vụ giám sát tuân thủ, hỗ trợ tuân thủ và áp dụng các biện pháp quản lý hải quan phù hợp. Trường hợp có thông tin, dữ liệu hoặc căn cứ làm thay đổi kết quả đánh giá thì cơ quan hải quan thực hiện đánh giá lại và cập nhật kết quả theo quy định.

2. Trong kỳ đánh giá, cơ quan hải quan thực hiện việc giám sát tuân thủ pháp luật đối với doanh nghiệp thông qua theo dõi, phân tích việc thực hiện nghĩa vụ, hành vi, sự thay đổi tuân thủ và các nội dung có liên quan trong hoạt động xuất

khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa. Kết quả giám sát tuân thủ được cập nhật vào hồ sơ tuân thủ theo quy định tại khoản 3 Điều này, được sử dụng làm căn cứ để kiểm tra, xác minh, xem xét đánh giá lại tuân thủ, hỗ trợ tuân thủ và áp dụng biện pháp quản lý phù hợp.

Trong quá trình giám sát tuân thủ, cơ quan hải quan phát hiện doanh nghiệp có hành vi vi phạm hoặc thông tin khác dẫn đến thay đổi mức độ tuân thủ thì thực hiện đánh giá lại và thông báo kết quả cho doanh nghiệp.

3. Hồ sơ tuân thủ được xây dựng, quản lý để tập hợp, tích hợp, cập nhật, lưu trữ, cung cấp thông tin, dữ liệu về kết quả đánh giá, giám sát tuân thủ pháp luật tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các thông tin, dữ liệu có liên quan đến doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa nhằm phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan.

4. Doanh nghiệp có quyền được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá tuân thủ và kiến nghị cơ quan hải quan xem xét lại kết quả đánh giá khi có căn cứ cho rằng thông tin, dữ liệu, nghĩa vụ tuân thủ áp dụng hoặc kết quả đánh giá chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc chưa phù hợp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan hải quan xem xét, trả lời doanh nghiệp; trường hợp kiến nghị có căn cứ thì đánh giá lại và cập nhật kết quả vào hồ sơ tuân thủ và thông báo doanh nghiệp biết.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 13. Hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện

1. Cơ quan hải quan thực hiện Chương trình doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhận biết, thực hiện đúng nghĩa vụ tuân thủ; chủ động phòng ngừa, phát hiện, khắc phục sai sót, hạn chế, duy trì và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật.

2. Việc hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện bao gồm:

a) Cung cấp thông tin về nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, kết quả đánh giá, giám sát tuân thủ và các thông tin có liên quan đến quá trình tuân thủ của doanh nghiệp;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tự rà soát việc thực hiện nghĩa vụ tuân thủ, phát hiện, khai báo, khắc phục sai sót, hạn chế và thực hiện các biện pháp duy trì và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật;

c) Bố trí công chức hỗ trợ tiếp nhận, hướng dẫn, giải đáp, xử lý khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tuân thủ pháp luật;

d) Thực hiện các hình thức hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp tham gia Chương trình doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Được cơ quan hải quan hỗ trợ theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Cung cấp, giải trình, bổ sung thông tin, dữ liệu phục vụ việc tham gia Chương trình theo quy định của pháp luật;

c) Chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, tự rà soát, phát hiện, khai báo, khắc phục sai sót, hạn chế, bảo đảm duy trì và nâng cao mức độ tuân thủ theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các nội dung, biện pháp đã đăng ký, cam kết hoặc thống nhất với cơ quan hải quan trong khuôn khổ Chương trình và cung cấp thông tin về kết quả thực hiện theo quy định.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan và biện pháp quản lý hải quan trong quản lý tuân thủ

1. Việc xem xét áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan, miễn, giảm mức độ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và áp dụng các biện pháp quản lý khác đối với doanh nghiệp được căn cứ dựa trên mức độ tuân thủ, kết hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu quản lý hải quan, thông tin kết quả đánh giá tuân thủ, đánh giá rủi ro và các thông tin có liên quan, bảo đảm phù hợp với tính chất, yêu cầu của hoạt động nghiệp vụ và quy định của pháp luật.

2. Đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt, cơ quan hải quan áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan, miễn, giảm mức độ kiểm tra, kiểm tra sau thông quan và áp dụng các biện pháp quản lý khác, bao gồm:

a) Được cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, địa điểm ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa trước, ưu tiên kiểm tra, giám sát trước;

b) Được giao hàng trước, đăng ký tờ khai hải quan sau đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ với đối tác là doanh nghiệp tuân thủ tốt;

c) Được miễn kiểm tra hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa, trừ các trường hợp sau đây:

c.1) Hàng hóa thuộc trường hợp phải kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định của pháp luật;

c.2) Có thông tin, dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan;

c.3) Lựa chọn ngẫu nhiên để kiểm tra phục vụ đánh giá, đo lường tuân thủ.

d) Trong thời hạn 03 năm liên tục, cơ quan hải quan không thực hiện quá 01 lần kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp, trừ trường hợp có dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm;

đ) Được hỗ trợ, hướng dẫn duy trì mức độ tuân thủ và áp dụng các biện pháp tạo thuận lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Đối với doanh nghiệp tuân thủ, cơ quan hải quan áp dụng các biện pháp tạo thuận lợi phù hợp và xem xét giảm tần suất, mức độ kiểm tra hồ sơ hải quan,

kiểm tra thực tế hàng hóa trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro và các thông tin có liên quan; thực hiện các biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn nâng cao mức độ tuân thủ theo quy định của pháp luật.

4. Đối với doanh nghiệp tuân thủ hạn chế, cơ quan hải quan thực hiện giám sát, cảnh báo, hỗ trợ, yêu cầu rà soát, khắc phục và các biện pháp kiểm tra, kiểm soát phù hợp với kết quả đánh giá tuân thủ, kết quả đánh giá rủi ro và quy định của pháp luật.

5. Đối với doanh nghiệp không tuân thủ, cơ quan hải quan tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát, kiểm soát và các biện pháp quản lý cần thiết, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi không tuân thủ, kết quả đánh giá rủi ro và quy định của pháp luật; theo dõi việc khắc phục và kết quả thực hiện các biện pháp đã áp dụng.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Đối tượng và tiêu chí quản lý rủi ro

1. Đối tượng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan bao gồm: người khai hải quan; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; tổ chức, cá nhân và các đối tượng có liên quan theo quy định của pháp luật.

Các đối tượng quản lý rủi ro được xác định, định danh, cập nhật, quản lý và liên kết thông tin, dữ liệu trên hệ thống thông tin nghiệp vụ phù hợp với từng loại đối tượng để phục vụ quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

2. Cơ quan hải quan xây dựng, áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro để đánh giá, phân loại mức độ rủi ro, xác định trọng điểm và lựa chọn áp dụng kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác.

3. Tiêu chí quản lý rủi ro được xây dựng trên cơ sở quy định của pháp luật, yêu cầu quản lý hải quan, kết quả đánh giá tuân thủ, chấp hành pháp luật, thông tin, dữ liệu về đối tượng quản lý rủi ro và các yếu tố có liên quan, phù hợp với mục đích quản lý, loại rủi ro, đối tượng, lĩnh vực, phạm vi và điều kiện áp dụng.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 16. Đánh giá, giám sát rủi ro và xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan

1. Đánh giá rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan:

a) Cơ quan hải quan thực hiện đánh giá rủi ro đối với các đối tượng quản lý rủi ro quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này thông qua việc nhận diện, phân tích rủi ro, phân loại mức độ rủi ro và xác định các yếu tố có liên quan đến rủi ro, trên cơ sở thông tin, dữ liệu và áp dụng tiêu chí đánh giá, phân loại mức độ rủi ro.

b) Tiêu chí đánh giá, phân loại mức độ rủi ro được xây dựng, áp dụng trên cơ sở các nhóm thông tin, dữ liệu về:

b.1) Đối tượng quản lý rủi ro và mối quan hệ, liên kết giữa các đối tượng có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

b.2) Chính sách quản lý, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

b.3) Tính chất, đặc điểm của hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải;

b.4) Tần suất, tính chất, mức độ vi phạm pháp luật có liên quan đến đối tượng đánh giá rủi ro;

b.5) Xuất xứ, nguồn gốc của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh;

b.6) Tuyến đường, địa bàn, phương thức vận chuyển hàng hóa, hành lý, hành trình của phương tiện vận tải;

b.7) Quá trình hoạt động và kết quả thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro;

b.8) Dấu hiệu rủi ro, chỉ số rủi ro, cảnh báo rủi ro, thông tin nghiệp vụ và các thông tin có liên quan;

b.9) Các yếu tố khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

c) Mức độ rủi ro được phân loại theo một trong ba mức sau đây:

c.1) Mức độ rủi ro 1: Rủi ro thấp;

c.2) Mức độ rủi ro 2: Rủi ro trung bình;

c.3) Mức độ rủi ro 3: Rủi ro cao.

d) Kết quả đánh giá rủi ro được cập nhật vào hồ sơ rủi ro theo quy định tại khoản 3 Điều này, là một trong những căn cứ để xem xét áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan phù hợp.

2. Việc giám sát rủi ro được thực hiện thông qua theo dõi, phân tích trạng thái, diễn biến, mối quan hệ, sự thay đổi của các đối tượng, sự kiện và yếu tố có liên quan đến rủi ro. Kết quả giám sát rủi ro được cập nhật vào hồ sơ rủi ro theo quy định tại khoản 3 Điều này, được sử dụng làm căn cứ để kiểm tra, xác minh, xem xét đánh giá lại rủi ro và áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp.

3. Hồ sơ rủi ro được xây dựng, quản lý để tập hợp, tích hợp, cập nhật, lưu trữ, cung cấp thông tin, dữ liệu về kết quả đánh giá, giám sát rủi ro, phản ánh trạng thái, lịch sử và sự thay đổi của các đối tượng, sự kiện và yếu tố có liên quan đến rủi ro nhằm phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 17. Phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan phục vụ quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro

1. Cơ quan hải quan thực hiện phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan và thông tin, dữ liệu có liên quan nhằm xác định, làm rõ các thông tin, dữ liệu có liên quan, phát hiện các sai sót, dấu hiệu bất thường, dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm và các thông tin có liên quan trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan.

2. Việc phân tích, đối soát, kiểm tra được thực hiện tự động trên hệ thống thông tin nghiệp vụ và thông qua hoạt động nghiệp vụ của công chức hải quan trên cơ sở tổng hợp, phân loại, so sánh, đối chiếu, liên kết thông tin, dữ liệu theo từng hồ sơ, giao dịch, đối tượng hoặc giữa các hồ sơ, giao dịch, đối tượng có liên quan.

3. Kết quả phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan được cập nhật, lưu trữ và sử dụng trên hệ thống thông tin nghiệp vụ để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ hải quan theo quy định của pháp luật, bảo đảm khả năng truy vết nguồn thông tin, dữ liệu, căn cứ và quá trình thực hiện.

Điều 18. Xác định trọng điểm trong hoạt động nghiệp vụ hải quan

1. Cơ quan hải quan thực hiện xác định trọng điểm để lựa chọn đối tượng cần tập trung theo dõi, kiểm soát trong phạm vi, thời gian nhất định, trên cơ sở phân tích thông tin, dữ liệu có liên quan, các kết quả hoạt động quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro, hoạt động nghiệp vụ hải quan và áp dụng tiêu chí xác định trọng điểm.

2. Kết quả xác định trọng điểm bao gồm việc xác định được đối tượng trọng điểm, loại rủi ro, căn cứ xác định, nội dung, phạm vi và thời gian cần tập trung theo dõi, kiểm soát và yêu cầu quản lý đối với đối tượng trọng điểm.

3. Cơ quan hải quan xây dựng, quản lý hồ sơ trọng điểm để tập hợp, cập nhật, lưu trữ thông tin, dữ liệu về đối tượng trọng điểm, kết quả xác định trọng điểm; các biện pháp kiểm soát rủi ro, biện pháp nghiệp vụ đã được lựa chọn, áp dụng và kết quả thực hiện; kết quả theo dõi, rà soát và sự thay đổi có liên quan đến đối tượng trọng điểm.

4. Việc thực hiện xác định trọng điểm và xây dựng, quản lý hồ sơ trọng điểm được thực hiện trên hệ thống thông tin nghiệp vụ và thông qua hoạt động nghiệp vụ của công chức hải quan.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Phát hiện, dự báo, cảnh báo rủi ro và cung cấp thông tin nghiệp vụ

1. Cơ quan hải quan thực hiện phát hiện rủi ro trên cơ sở thông tin, dữ liệu được thu thập, phân tích, xử lý, kết quả thực hiện quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro, các hoạt động nghiệp vụ hải quan và các thông tin có liên quan để nhận diện rủi

ro mới phát sinh, sự thay đổi của rủi ro đã được nhận diện và các dấu hiệu, yếu tố, sự kiện, hành vi, mối quan hệ, phương thức, thủ đoạn có liên quan.

2. Việc dự báo rủi ro được thực hiện thông qua phân tích xu hướng và các yếu tố tác động để nhận định về khả năng phát sinh, diễn biến, thay đổi hoặc dịch chuyển của rủi ro, trên cơ sở kết quả phát hiện rủi ro, kết quả phân tích, đánh giá, giám sát rủi ro và thông tin, dữ liệu có liên quan.

Kết quả dự báo rủi ro xác định loại rủi ro, đối tượng, phạm vi, thời gian, xu hướng và mức độ ảnh hưởng dự kiến; được sử dụng trong quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan.

3. Cơ quan hải quan thực hiện cảnh báo đối với rủi ro mới phát sinh, có sự thay đổi, gia tăng, dịch chuyển hoặc cần được theo dõi, xử lý kịp thời theo yêu cầu quản lý, trên cơ sở kết quả phát hiện, dự báo, phân tích, đánh giá, giám sát rủi ro và các thông tin có liên quan.

Cảnh báo rủi ro bao gồm loại rủi ro, dấu hiệu, căn cứ cảnh báo, đối tượng, phạm vi, thời gian, mức độ, diễn biến, xu hướng và nội dung cần chú ý, theo dõi hoặc xử lý; được cung cấp kịp thời cho đơn vị, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền bằng phương thức phù hợp.

4. Thông tin nghiệp vụ là thông tin được tạo lập trên cơ sở tổng hợp, đối chiếu, phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu và kết quả thực hiện quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro, các hoạt động nghiệp vụ hải quan, phục vụ việc quyết định và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác.

Cơ quan hải quan thực hiện cung cấp thông tin nghiệp vụ thông qua hệ thống thông tin nghiệp vụ hoặc bằng phương thức phù hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan

1. Việc áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan bao gồm:

a) Xác định, lựa chọn biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp;

b) Áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro để lựa chọn áp dụng kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác;

c) Quyết định và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác;

d) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh việc áp dụng quản lý rủi ro trong các hoạt động quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này.

2. Biện pháp kiểm soát rủi ro được xác định, lựa chọn căn cứ vào loại, mức độ và đặc điểm của rủi ro; đối tượng quản lý rủi ro; kết quả đánh giá, giám sát rủi ro, xác định trọng điểm; yêu cầu quản lý và các thông tin, dữ liệu có liên quan. Việc áp dụng biện pháp kiểm soát rủi ro được xác định về phạm vi, thời gian phù hợp và thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Cục trưởng Cục Hải quan quyết định áp dụng hoặc phân cấp áp dụng tiêu chí lựa chọn áp dụng kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác trên cơ sở các yếu tố sau đây:

a) Quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý hải quan;

b) Mức độ tuân thủ pháp luật;

c) Mức độ rủi ro;

d) Kết quả xác định trọng điểm;

đ) Biện pháp kiểm soát rủi ro được xác định, lựa chọn theo khoản 2 Điều này;

e) Thông tin nghiệp vụ, dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm;

g) Kết quả kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác;

h) Các thông tin, yếu tố có liên quan.

Việc lựa chọn áp dụng kiểm tra có thể kết hợp lựa chọn ngẫu nhiên theo yêu cầu quản lý hải quan.

4. Trên cơ sở kết quả lựa chọn theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan hải quan, người có thẩm quyền quyết định việc kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và thực hiện các hoạt động nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với nguồn nhân lực và điều kiện thực tế quản lý hải quan.

5. Việc kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác được tổ chức thực hiện theo kết quả áp dụng quản lý rủi ro, quyết định của người có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

6. Cơ quan hải quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc áp dụng quản lý rủi ro; cập nhật, tích hợp, xử lý kết quả áp dụng biện pháp kiểm soát rủi ro, kết quả kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác trên hệ thống thông tin nghiệp vụ để đánh giá hiệu quả, rà soát, điều chỉnh tiêu chí quản lý rủi ro, biện pháp kiểm soát rủi ro và việc áp dụng quản lý rủi ro.

7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc xác định, lựa chọn, áp dụng, theo dõi và đánh giá biện pháp kiểm soát rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Mục 2
PHÂN LOẠI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Điều 21. Phân loại hàng hóa

1. Phân loại hàng hóa để xác định tên gọi, mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, làm cơ sở tính thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa.

2. Việc phân loại hàng hóa căn cứ vào hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin khác về đặc điểm, thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng, quy cách đóng gói và các thuộc tính khác của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc phân loại hàng hóa.

Điều 22. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

1. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gồm mã số, tên gọi, mô tả hàng hóa, đơn vị tính và các nội dung giải thích kèm theo và được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa theo quy định tại Điều 26 Luật Hải quan.

2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sử dụng để:

a) Xây dựng các Biểu thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Xây dựng các Danh mục hàng hóa theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 gồm: Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu; Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện; Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành (sau đây được gọi tắt là Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành);

c) Thống kê nhà nước về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Phục vụ công tác quản lý nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và các lĩnh vực khác.

Điều 23. Trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc thực hiện phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình khi ban hành các quy định hoặc xem xét giải quyết các vấn đề có liên quan đến phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phải thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Hải quan và các quy định tại Nghị định này.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật xây dựng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành, trong đó có tên gọi, mô tả hàng hóa, đặc tính kỹ thuật và đầy đủ các thông tin chi tiết về hàng hóa để xác định mã số, chính sách quản lý hàng hóa kèm mã số hàng hóa dự kiến theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gửi Bộ Tài chính.

a) Trường hợp chưa đủ thông tin để xác định mã số hàng hóa, Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ bổ sung thông tin, tài liệu liên quan;

b) Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận đủ thông tin, Bộ Tài chính thực hiện xác định về mã số hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các hàng hóa

này để các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện công bố ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

Đối với Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành đã ban hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa có mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thống nhất với Bộ Tài chính để xác định mã số hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam đối với danh mục các hàng hóa này.

4. Việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng quản lý theo các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành phải căn cứ vào mã số hàng hóa, tên gọi, mô tả hàng hóa, đặc tính kỹ thuật và các thông tin chi tiết khác về hàng hóa theo quy định của pháp luật chuyên ngành được quy định trong từng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.

5. Trường hợp Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành chưa có mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, việc áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành căn cứ vào tên gọi, mô tả hàng hóa, đặc tính kỹ thuật và các thông tin chi tiết khác về hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành. Việc xác định mã số hàng hóa để tính thuế khi làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định pháp luật hải quan về phân loại hàng hóa.

6. Trường hợp có sự khác biệt về mã số hàng hóa tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành với mã số hàng hóa được xác định theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định mã số hàng hóa thống nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam đồng thời có văn bản đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành cập nhật mã số tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.

Trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành trước khi quyết định mã số hàng hóa. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành phải có phản hồi về việc áp dụng mã số hàng hóa tại Danh mục quản lý chuyên ngành. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành hoặc trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản mà không nhận được ý kiến phản hồi của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành, Bộ Tài chính quyết định mã số hàng hóa thống nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam đồng thời đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành cập nhập mã số hàng hóa tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.

Việc áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành được thực hiện tương tự quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Trường hợp Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sửa đổi, bổ sung, thay thế, các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung,

cập nhật mã số hàng hóa, mô tả hàng hóa thuộc các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.

Điều 24. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

1. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam là tập hợp các thông tin liên quan về phân loại hàng hóa, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc xây dựng và sử dụng cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Mục 3
TRỊ GIÁ HẢI QUAN

Điều 25. Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan

1. Đối với hàng hóa xuất khẩu:

a) Trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu là giá thực tế của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm chi phí vận tải quốc tế và chi phí bảo hiểm quốc tế, được xác định theo trình tự các phương pháp sau:

a.1) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa xuất khẩu;

a.2) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa xuất khẩu giống hệt hoặc tương tự;

a.3) Phương pháp trị giá tính toán của hàng hóa xuất khẩu;

a.4) Phương pháp suy luận của hàng hóa xuất khẩu.

b) Cửa khẩu xuất được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 6 Điều 3 Nghị định này. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu vào khu phi thuế quan, cửa khẩu xuất là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam.

2. Đối với hàng hóa nhập khẩu:

a) Trị giá hải quan của hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, được xác định theo trình tự các phương pháp sau:

a.1) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu;

a.2) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt;

a.3) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự;

a.4) Phương pháp trị giá khấu trừ;

a.5) Phương pháp trị giá tính toán;

a.6) Phương pháp suy luận.

Trường hợp người khai hải quan đề nghị bằng văn bản thì trình tự áp dụng phương pháp trị giá khấu trừ và phương pháp trị giá tính toán có thể hoán đổi cho nhau.

b) Cửa khẩu nhập đầu tiên thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 7 Điều 3 Nghị định này. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa Việt Nam, cửa khẩu nhập đầu tiên là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 Điều này và nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan đối với các trường hợp khác.

Điều 26. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan

1. Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu có liên quan, thực tế hàng hóa.

2. Xử lý kết quả kiểm tra:

a) Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn cho người khai hải quan, thông quan hàng hóa theo quy định, thực hiện kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã thông quan;

b) Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo trị giá hải quan, yêu cầu người khai hải quan thực hiện khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Trường hợp người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá hải quan, ấn định thuế theo Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định.

c) Trường hợp không thuộc điểm a, điểm b khoản này, cơ quan hải quan chấp nhận trị giá khai báo để thông quan hàng hóa theo quy định.

3. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm tuần trước liền kề hoặc là tỷ giá cuối ngày của ngày làm việc liền trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày lễ, ngày nghỉ. Tỷ giá này được sử dụng để xác định tỷ giá tính thuế cho các tờ khai hải quan đăng ký trong tuần.

Đối với các ngoại tệ không được Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tỷ giá thì xác định theo tỷ giá tính chéo giữa đồng Việt Nam với một số ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đối với các ngoại tệ chưa được công bố tỷ giá tính chéo thì trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định và công bố tỷ giá.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 27. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan

1. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan là thông tin liên quan đến xác định trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan được Cục Hải quan xây dựng tập trung thống nhất và thường xuyên cập nhật.

2. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan là căn cứ để đánh giá rủi ro về trị giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 28. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê được xây dựng theo nguyên tắc và phương pháp quy định tại Điều 25 Nghị định này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với các trường hợp sau, trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê dựa trên cơ sở khai báo của người khai hải quan theo nguyên tắc:

a) Hàng hóa sau khi thuê gia công ở nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên trong đó bao gồm toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm, bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc xác định giá thành sản phẩm;

b) Hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công cho nước ngoài: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất trong đó bao gồm toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc xác định giá thành sản phẩm;

c) Hàng hóa theo hợp đồng thuê tài chính: là toàn bộ trị giá của hàng hóa, loại trừ các dịch vụ cung cấp kèm theo hợp đồng thuê tài chính;

d) Trường hợp hàng hóa không thuộc điểm a, điểm b, điểm c khoản này và không đủ thông tin để xác định phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế: là trị giá khai báo của người khai hải quan trên tờ khai hải quan.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc thu thập, xử lý, sử dụng và lưu trữ thông tin về trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê.

Mục 4

XÁC ĐỊNH TRƯỚC MÃ SỐ, XUẤT XỨ VÀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Điều 29. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan

1. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được thực hiện theo đề nghị của người khai hải quan. Cơ quan hải quan thực hiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo quy định tại Điều 28 Luật Hải quan.

2. Xác định trước trị giá hải quan bao gồm xác định trước phương pháp và mức giá.

Điều 30. Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan

1. Điều kiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu và cung cấp thông tin, chứng từ, hồ sơ cần thiết liên quan đến việc xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan;

b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cần xác định trước trị giá hải quan là hàng hóa lần đầu xuất khẩu, nhập khẩu hoặc có thay đổi lớn, bất thường so với trị giá hải quan mà người khai hải quan đang thực hiện hoặc là hàng hóa có tính chất đơn chiếc hoặc không có tính phổ biến hoặc không có hàng hóa giống hệt, tương tự trên thị trường để so sánh.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan:

a) Nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đến cơ quan hải quan trong thời hạn ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng;

b) Tham gia đối thoại với cơ quan hải quan nhằm làm rõ nội dung đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo đề nghị của cơ quan hải quan;

c) Thông báo bằng văn bản cho cơ quan hải quan trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi liên quan đến hàng hóa đã đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, trong đó nêu rõ nội dung, lý do, ngày, tháng, năm có sự thay đổi.

3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Cơ quan hải quan xử lý và ban hành Thông báo xác định trước mã số, trị giá là Chi cục Thuế xuất nhập khẩu, cơ quan hải quan xử lý và ban hành Thông báo xác định trước xuất xứ là Chi cục Giám sát quản lý về hải quan;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan hải quan có văn bản từ chối xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan gửi tổ chức, cá nhân đối với trường hợp không đủ điều kiện, hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số đã có văn bản hướng dẫn về mã số của cơ quan quản lý nhà nước;

c) Thủ trưởng cơ quan hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường) hoặc 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Cục Hải quan.

4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan là cơ sở để khai hải quan khi làm thủ tục hải quan.

Trường hợp không đồng ý với nội dung xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, tổ chức, cá nhân có văn bản yêu cầu cơ quan hải quan xem xét. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (đối với hàng hóa thông thường) hoặc 30 ngày (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ), kể từ ngày nhận được yêu cầu của người khai hải quan, cơ quan hải quan có văn bản trả lời kết quả cho người khai hải quan.

5. Hiệu lực của văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan:

a) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan có hiệu lực tối đa không quá 03 năm kể từ ngày ký ban hành. Riêng văn bản thông báo kết quả xác định trước mức giá có hiệu lực trực tiếp đối với lô hàng được xác định trước mức giá;

b) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan không có hiệu lực áp dụng trong trường hợp hàng hóa hoặc hồ sơ thực tế xuất khẩu, nhập khẩu khác với mẫu hàng hóa hoặc hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan;

c) Chi cục trưởng Chi cục Thuế xuất nhập khẩu ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, trị giá hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Giám sát quản lý về hải quan ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước xuất xứ trong trường hợp phát hiện hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan do tổ chức, cá nhân cung cấp không chính xác, không trung thực;

d) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan chấm dứt hiệu lực trong trường hợp quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế làm thay đổi kết quả xác định trước.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Mục 5
THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Điều 31. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Khai hải quan được thực hiện theo phương thức điện tử. Người khai hải quan đăng ký thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, xử lý tờ khai hải quan 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần.

Trường hợp chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp số tờ khai hải quan, xử lý tờ khai hải quan và phản hồi thông tin cho người khai hải quan.

Trường hợp các thông tin khai hải quan không đủ điều kiện đăng ký tờ khai hải quan, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động phản hồi cho người khai hải quan biết và nêu rõ lý do.

3. Các trường hợp sau đây người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy:

a) Hành lý vượt định mức miễn thuế;

b) Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập – tái xuất, tạm xuất – tái nhập phục vụ an ninh quốc phòng;

c) Hàng hóa của tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ;

d) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau mà nguyên nhân có thể do một hoặc cả hai hệ thống hoặc do nguyên nhân khác.

Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử hải quan chậm nhất 01 giờ kể từ thời điểm không thực hiện được các giao dịch điện tử.

Trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan thực hiện thủ tục khai hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan hoặc khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy.

Sau khi sự cố được khắc phục, cơ quan hải quan cập nhật thông tin tờ khai hải quan giấy đã tiếp nhận vào Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

đ) Hàng hóa khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thay đổi mục đích sử dụng:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế, áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan thì người khai hải quan phải khai tờ khai hải quan mới trước khi thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa;

b) Chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới;

c) Chính sách quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được áp dụng tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới, trừ trường hợp tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan ban đầu, hàng hóa không thuộc đối tượng áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành hoặc đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu quản lý chuyên ngành;

Trường hợp hàng hóa được miễn áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành tại thời điểm nhập khẩu ban đầu, khi thay đổi mục đích sử dụng phải thực hiện chính sách quản lý chuyên ngành theo quy định tương ứng với mục đích sử dụng mới;

Trường hợp hàng hóa đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo mục đích sử dụng tại thời điểm nhập khẩu ban đầu khi thay đổi mục đích sử dụng so với giấy phép thì phải được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 32. Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hàng hóa

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định thông quan hàng hóa.

Các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra đồng thời đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu hoặc các địa điểm kiểm tra hàng hóa, trừ trường hợp phải đưa về các địa điểm kiểm tra chuyên ngành.

2. Phối hợp lấy mẫu, kiểm tra chuyên ngành:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành, việc lấy mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành;

b) Trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan thì trước khi lấy mẫu, người khai hải quan phải thông báo cho cơ quan hải quan và cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thời gian, địa điểm lấy mẫu để cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu theo quy định;

c) Khi lấy mẫu, người khai hải quan phải xuất trình hàng hóa để cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh;

d) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia cho cơ quan hải quan và người khai hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra.

Trường hợp cơ quan, tổ chức hoạt động kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện thủ tục kiểm tra, cập nhật kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì cơ quan hải quan tiếp nhận thông báo kết quả kiểm tra do người khai hải quan nộp dưới dạng dữ liệu số hóa thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa khẩu, cảng cạn, kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ hoặc địa điểm kiểm tra tập trung hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cho đến khi thông quan. Ngoài các địa điểm quy định tại khoản này, hàng hóa được đưa về các địa điểm sau:

a) Hàng hóa phải đưa về các địa điểm để kiểm dịch trong nội địa theo quy định của pháp luật về kiểm dịch;

b) Trường hợp theo quy định của pháp luật cho phép đưa hàng về địa điểm khác để kiểm tra chuyên ngành hoặc người khai hải quan có văn bản đề nghị được đưa hàng về bảo quản, cơ quan hải quan cho phép đưa hàng về bảo quản tại các địa điểm lưu giữ hàng hóa là kho, bãi có địa chỉ rõ ràng, được ngăn cách với khu vực xung quanh, đảm bảo việc bảo quản nguyên trạng hàng hóa.

Đối với hàng hóa nhập khẩu không thể lấy mẫu để kiểm tra chuyên ngành và chỉ có thể thực hiện việc kiểm tra chuyên ngành trong nội địa, tại chân công trình theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan cho phép người khai hải quan được đưa hàng về bảo quản.

4. Quá thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản, nhưng chưa có kết quả kiểm tra chuyên ngành trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc người khai hải quan chưa nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan có văn bản đề nghị cơ quan kiểm tra chuyên ngành cung cấp thông tin về tình hình thực hiện thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với lô hàng nhập khẩu đưa về bảo quản.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan, cơ quan kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm có văn bản trả lời cơ quan hải quan, trong đó nêu rõ: cơ quan kiểm tra chuyên ngành đã

ban hành kết quả kiểm tra (số, ngày tháng năm của văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành); trường hợp cơ quan kiểm tra chuyên ngành chưa ban hành kết quả kiểm tra chuyên ngành thì nêu rõ nguyên nhân chậm ban hành kết quả kiểm tra, thời gian dự kiến ban hành kết quả chuyên ngành (nếu có).

Trường hợp việc chậm trả kết quả kiểm tra chuyên ngành do cơ quan kiểm tra chuyên ngành thì người khai hải quan tiếp tục được bảo quản nguyên trạng hàng hóa cho đến khi có kết quả kiểm tra chuyên ngành.

Quá thời hạn 05 ngày làm việc quy định tại khoản này, cơ quan hải quan không nhận được văn bản của cơ quan kiểm tra chuyên ngành thì thực hiện xử lý vi phạm theo quy định.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 33. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh

1. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thực hiện theo quy định tại các Điều 38, 39, 40, 41 Luật Hải quan.

2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm:

a) Bố trí địa điểm tập kết, địa điểm lưu giữ hàng hóa đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan và được cơ quan hải quan công nhận theo quy định, khu vực lưu giữ riêng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, hàng hóa tồn đọng, hàng hóa vi phạm pháp luật;

b) Bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ đến địa điểm soi chiếu trong khu vực cảng, kho, bãi theo yêu cầu của cơ quan hải quan;

c) Sử dụng hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định để quản lý, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang chịu sự giám sát hải quan đưa vào, lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi và thực hiện kết nối với cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu;

d) Kiểm tra các chứng từ đã được cơ quan hải quan xác nhận hàng hóa đã thông quan, giải phóng hàng, được đưa hàng về bảo quản, đưa về địa điểm kiểm tra và không thuộc trường hợp tạm dừng đưa hàng qua khu vực giám sát trước khi cho phép hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải để xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu được đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi;

đ) Bảo mật thông tin trên hệ thống theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền về xử lý hàng hóa vi phạm thời gian lưu giữ, hàng hóa tồn đọng theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan;

g) Chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy đối với hàng hóa lưu giữ tại cảng, kho, bãi gây ô nhiễm môi trường mà không xác định được chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận

tải ủy quyền dưới sự giám sát của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan khác theo quy định.

3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi quy định tại Điều 41 Luật Hải quan và khoản 2 Điều này. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi vi phạm các quy định về giám sát hải quan thì cơ quan hải quan xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật và tăng cường các biện pháp thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa đưa vào, ra khu vực cảng, kho, bãi;

b) Chia sẻ thông tin tờ khai hải quan đã được thông quan, giải phóng hàng, đưa hàng về bảo quản, đưa hàng về địa điểm kiểm tra để doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi thực hiện các quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 41 Luật Hải quan để phục vụ cho việc kết nối trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống;

c) Bố trí công chức phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi kiểm tra việc hàng hóa đưa vào, đưa ra khu vực cảng, kho, bãi, khu vực cửa khẩu khi có sự cố hệ thống;

d) Kiểm tra tình trạng hàng hóa, niêm phong hải quan đối với các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải niêm phong hải quan theo quy định;

đ) Thực hiện việc tuần tra, kiểm soát trong khu vực cảng, kho, bãi theo quy định.

4. Trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát hải quan, tuần tra tại địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, cơ quan hải quan có quyền:

a) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định tạm hoãn việc khởi hành, dừng phương tiện vận tải đang vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.

Trong trường hợp khẩn cấp, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được quyền tạm dừng phương tiện vận tải và báo cáo ngay với Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực;

b) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh quyết định việc kiểm tra hồ sơ, kiểm tra phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

c) Trưởng Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quyết định dừng hàng qua khu

vực giám sát để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.

d) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định việc truy đuổi phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan.

5. Số định danh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được quản lý thống nhất thông qua số quản lý hàng hóa trên cơ sở số định danh hàng hóa do Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP quy định thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và quy định tại Nghị định này.

b) Trừ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, số định danh hàng hóa được cấp theo nguyên tắc sau đây:

b.1) Đối với hàng hóa xuất khẩu, mỗi lô hàng được cấp một số định danh hàng hóa. Trường hợp lô hàng có tờ khai hải quan xuất khẩu tại thời điểm phát sinh lô hàng thì số định danh hàng hóa được cấp theo tờ khai hải quan xuất khẩu.

b.2) Đối với hàng hóa nhập khẩu có vận đơn, mỗi vận đơn nhập khẩu thứ cấp được cấp một số định danh hàng hóa. Trường hợp vận đơn chủ không có vận đơn thứ cấp thì số định danh hàng hóa được cấp theo vận đơn chủ.

b.3) Đối với hàng hóa nhập khẩu không có vận đơn, số định danh hàng hóa được cấp theo chứng từ vận tải hoặc bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu hoặc bản khai hàng hóa, tùy theo chứng từ được sử dụng trong từng trường hợp.

b.4) Trường hợp thông tin của lô hàng xuất khẩu hoặc vận đơn nhập khẩu được sửa đổi hoặc lô hàng xuất khẩu, vận đơn nhập khẩu được tách, gộp, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thực hiện cấp mới hoặc điều chỉnh số định danh hàng hóa theo thông tin sau khi sửa đổi, tách, gộp. Việc xử lý số định danh hàng hóa đã cấp trước đó và việc liên kết dữ liệu giữa số định danh hàng hóa cũ với số định danh hàng hóa mới được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c) Số quản lý hàng hóa được phản hồi cho người khai hải quan và người phát hành vận đơn nhập khẩu thứ cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Người khai hải quan và người nhận hàng được tra cứu số định danh hàng hóa của lô hàng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định về quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu.

d) Số định danh hàng hóa được sử dụng thống nhất trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan và kiểm tra sau thông quan đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu kể từ thời điểm được cấp.

đ) Trên cơ sở tình hình đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các hệ thống thông tin, Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình và thời điểm thực hiện việc kết nối, chia sẻ, tiếp nhận và sử dụng thông tin, dữ liệu về số quản lý hàng hóa theo từng phương thức vận chuyển.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 34. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hóa được quy định tại khoản 1 Điều 47a Luật Hải quan được bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15, bao gồm:

a) Hàng hóa gia công tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài đặt gia công bán, chuyển giao cho doanh nghiệp tại Việt Nam;

b) Hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp tại Việt Nam với thương nhân nước ngoài và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp tại Việt Nam.

2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan; chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi giao, nhận hàng hóa đến khi hoàn thành thủ tục hải quan hoặc từ khi làm thủ tục hải quan cho đến khi hoàn thành việc giao, nhận hàng hóa.

3. Các trường hợp được giao, nhận hàng hóa nhiều lần trước khi đăng ký tờ khai hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao, nhận lô hàng đầu tiên hoặc đăng ký tờ khai hải quan trước, giao, nhận hàng hóa sau:

a) Người xuất khẩu tại chỗ hoặc người nhập khẩu tại chỗ là doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên;

b) Người xuất khẩu tại chỗ và người nhập khẩu tại chỗ có mức độ tuân thủ tốt theo quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều 12 Nghị định này.

4. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được coi là đã hoàn thành thủ tục hải quan khi tờ khai hải quan xuất khẩu tại chỗ và tờ khai hải quan nhập khẩu tại chỗ đối ứng đã hoàn thành thủ tục hải quan.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Mục 6

THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐỂ GIA CÔNG, SẢN XUẤT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

Điều 35. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chế xuất

1. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chế xuất:

a) Thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan:

a.1) Đối với hoạt động sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư đầu tiên để sản xuất hàng hóa xuất khẩu;

a.2) Đối với hoạt động gia công cho thương nhân nước ngoài phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đầu tiên để gia công hàng hóa xuất khẩu;

a.3) Đối với doanh nghiệp chế xuất phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan để áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan trước thời điểm chính thức đi vào hoạt động. Thời điểm chính thức đi vào hoạt động được xác định theo quy định tại Điều...Nghị định số .../2027/NĐ-CP;

a.4) Tổ chức, cá nhân xuất khẩu lô hàng được sản xuất từ nguồn nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất kinh doanh có nhu cầu hoàn thuế đối với nguyên liệu, vật tư đã nộp thuế nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước thời điểm làm thủ tục hải quan xuất khẩu lô hàng đầu tiên.

b) Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân gia công lại thì thông báo cơ sở gia công lại cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công lại thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, bán thành phẩm, sản phẩm đến nơi nhận gia công lại;

c) Trường hợp lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất thì thông báo địa điểm lưu giữ cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn nơi có địa điểm lưu giữ thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa hàng hóa đến địa điểm lưu giữ;

d) Trường hợp thay đổi nội dung thông báo cơ sở gia công, sản xuất thì thông báo cho cơ quan hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo thời hạn sau:

d.1) Trường hợp thay đổi diện tích sử dụng, địa chỉ; thay đổi số lượng máy móc, thiết bị, nhân công vượt quá 10% so với lần thông báo gần nhất; thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi ngành hàng sản xuất thì thông báo trước khi thực hiện thủ tục hải quan cho lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu tiếp theo;

d.2) Trường hợp thay đổi nội dung khác ngoài các nội dung quy định tại điểm d.1 khoản này thì thông báo chậm nhất vào ngày thứ 10 của tháng đầu tiên của quý kế tiếp kể từ ngày phát sinh thay đổi.

đ) Báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của định mức thực tế sản xuất sản phẩm xuất khẩu, số liệu báo cáo quyết toán và việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu;

e) Lưu giữ và cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhà xưởng, máy móc, thiết bị; giải trình các số liệu, quy trình sản xuất liên quan đến việc quản lý, sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, máy móc, thiết bị khi cơ quan hải quan kiểm tra.

2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Tiếp nhận thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất theo quy định tại Điều 36 Nghị định này;

c) Kiểm tra việc sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu đối với các trường hợp phải kiểm tra theo quy định tại Điều 38 Nghị định này;

d) Tiếp nhận, kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu do tổ chức, cá nhân thông báo theo quy định tại Điều 37 Nghị định này.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; thủ tục thông báo quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này; điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất để áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan.

Điều 36. Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất để áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan

1. Các trường hợp kiểm tra:

a) Tổ chức, cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, bao gồm trường hợp kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất để áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan;

b) Tổ chức, cá nhân có hoạt động xuất khẩu hàng hóa được sản xuất từ nguồn nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất kinh doanh, trừ trường hợp đã được cơ quan hải quan kiểm tra;

c) Tổ chức, cá nhân có dấu hiệu thay đổi ngành hàng, quy mô, năng lực gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không thông báo với cơ quan hải quan;

d) Tổ chức, cá nhân có thay đổi địa chỉ, bổ sung cơ sở gia công, sản xuất;

đ) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công cho thương nhân nước ngoài, nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công lại toàn bộ hợp đồng gia công; toàn bộ hợp đồng sản xuất hàng hóa xuất khẩu;

e) Tổ chức, cá nhân có dấu hiệu lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu ngoài các địa điểm đã thông báo với cơ quan hải quan;

g) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra địa chỉ cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu;

b) Kiểm tra ngành nghề đầu tư kinh doanh;

c) Kiểm tra nhà xưởng, máy móc, thiết bị;

d) Kiểm tra nhân lực tham gia dây chuyền sản xuất;

đ) Kiểm tra quy trình, năng lực, quy mô sản xuất, gia công;

e) Kiểm tra việc lưu giữ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu tại các địa điểm đã thông báo và kiểm tra việc theo dõi nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị thông qua sổ kế toán theo dõi kho hoặc phần mềm quản lý hàng hóa nhập, xuất, tồn kho nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị;

g) Kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất.

3. Thẩm quyền quyết định kiểm tra: Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ.

4. Thời hạn kiểm tra:

a) Quyết định kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định kiểm tra;

b) Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc.

5. Xử lý kết quả kiểm tra:

a) Trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp với nội dung tổ chức, cá nhân đã thông báo, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ ban hành kết luận kiểm tra xác nhận cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ phù hợp. Đối với doanh nghiệp chế xuất, kết luận kiểm tra đồng thời xác nhận doanh nghiệp đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan;

b) Trường hợp kết quả kiểm tra không phù hợp với nội dung tổ chức, cá nhân đã thông báo hoặc doanh nghiệp chế xuất không đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ ban hành kết luận kiểm tra nêu rõ nội dung không phù hợp, điều kiện chưa đáp ứng;

c) Kết luận kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất.

Điều 37. Kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu

1. Nguyên tắc, các trường hợp kiểm tra báo cáo quyết toán:

a) Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận báo cáo quyết toán thực hiện việc phân tích, đánh giá, đối chiếu báo cáo quyết toán do tổ chức, cá nhân thông báo với cơ sở dữ liệu và thông tin thu thập hiện có để xác định báo cáo quyết toán thuộc trường hợp phải kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan;

b) Các trường hợp phải kiểm tra báo cáo quyết toán tại trụ sở người khai hải quan:

b.1) Số liệu báo cáo quyết toán của tổ chức, cá nhân có sự chênh lệch bất thường so với hồ sơ, dữ liệu trên Hệ thống của cơ quan hải quan;

b.2) Báo cáo quyết toán có dấu hiệu điều chỉnh bất thường làm thay đổi số lượng tồn kho, nguyên liệu, vật tư đã sử dụng, sản phẩm xuất khẩu hoặc nghĩa vụ thuế sau khi đã thông báo cho cơ quan hải quan;

b.3) Tổ chức, cá nhân chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp không hưởng chế độ chế xuất hoặc doanh nghiệp gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu chuyển đổi thành doanh nghiệp chế xuất;

b.4) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra hồ sơ hải quan nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, xuất khẩu sản phẩm;

b) Kiểm tra chứng từ, sổ kế toán, chứng từ theo dõi nguyên liệu, vật tư, sản phẩm nhập kho, xuất kho;

c) Kiểm tra các chứng từ khác phát sinh trong kỳ báo cáo người khai hải quan phải lưu theo quy định.

3. Thẩm quyền quyết định kiểm tra: Trưởng Hải quan khu vực nơi tiếp nhận báo cáo quyết toán hoặc người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền.

4. Thời gian kiểm tra:

a) Quyết định kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định kiểm tra;

b) Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc. Đối với trường hợp phức tạp, Trưởng Hải quan khu vực hoặc người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra.

5. Xử lý kết quả kiểm tra:

a) Trường hợp qua kiểm tra phát hiện có sự chênh lệch số liệu, không phù hợp nội dung giữa hồ sơ, dữ liệu, chứng từ có trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan với số liệu, dữ liệu, nội dung trên hồ sơ, chứng từ theo dõi quy định tại khoản 2 Điều này thì yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình bằng văn bản.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không có giải trình hoặc cơ quan hải quan không chấp nhận giải trình và có đủ căn cứ để chứng minh tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, về thuế, cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra báo cáo quyết toán để xử lý theo quy định;

b) Trường hợp kiểm tra các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này mà cơ quan hải quan phát hiện có dấu hiệu vi phạm nhưng chưa đủ cơ sở để kết luận thì thực hiện kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại Điều 38 Nghị định này hoặc kiểm tra sau thông quan và xử lý theo quy định.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục tiếp nhận, kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu.

Điều 38. Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu

1. Các trường hợp kiểm tra:

a) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ sản xuất, nhưng không có sản phẩm xuất khẩu;

b) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc xuất khẩu sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất;

c) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân bán nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm vào nội địa nhưng không khai hải quan;

d) Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kê khai sản phẩm xuất khẩu không đúng quy định và không đúng thực tế;

đ) Kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc diện phải thông báo thay đổi quy định tại điểm d.1 khoản 1 Điều 35 Nghị định này.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra hồ sơ hải quan, báo cáo nhập - xuất - tồn, chứng từ theo dõi nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập kho, xuất kho;

b) Kiểm tra định mức thực tế sản phẩm xuất khẩu;

c) Kiểm tra tính phù hợp của nguyên liệu, vật tư với sản phẩm xuất khẩu;

d) Kiểm tra nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị trên dây chuyền sản xuất;

đ) Kiểm tra số lượng hàng hóa nguyên liệu, vật tư còn tồn trong kho, đang đưa đi gia công lại;

e) Kiểm tra số lượng thành phẩm chưa xuất khẩu.

3. Thẩm quyền quyết định kiểm tra: Trưởng Hải quan khu vực quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công, sản xuất của tổ chức, cá nhân hoặc người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền.

4. Thời hạn kiểm tra:

a) Quyết định kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định kiểm tra;

b) Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được công bố quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc. Đối với trường hợp phức tạp, Trưởng Hải quan khu vực hoặc người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra.

5. Kết luận kiểm tra:

Chậm nhất trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng Hải quan khu vực hoặc người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền ban hành kết luận các nội dung được kiểm tra.

Trường hợp lấy ý kiến cơ quan chuyên môn, thời gian ban hành kết luận kiểm tra chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 39. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất

1. Doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa được lựa chọn làm hoặc không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa thuộc các trường hợp sau:

a) Hàng hóa đưa từ nội địa vào doanh nghiệp chế xuất để xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp và bảo trì công trình;

b) Hàng hóa là năng lượng, nhiên liệu, nước, do doanh nghiệp nội địa cung ứng cho doanh nghiệp chế xuất;

c) Văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng hóa đưa từ nội địa để phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của người lao động làm việc trong doanh nghiệp chế xuất, không trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh;

d) Hàng hóa luân chuyển giữa các cơ sở gia công, sản xuất, chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất, kho thuê ngoài;

đ) Hàng hóa đưa ra, đưa vào doanh nghiệp chế xuất để thực hiện dịch vụ bảo hành, sửa chữa, giặt là, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc các dịch vụ tương tự sau đó đưa trở lại doanh nghiệp chế xuất mà không làm thay đổi mã số, tính năng, công dụng của hàng hóa ban đầu;

e) Hàng hóa là phương tiện quay vòng được sử dụng nhiều lần để chứa hoặc đóng gói hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất.

Trường hợp doanh nghiệp chế xuất lựa chọn không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản này thì phải thông báo thông tin vận chuyển hàng hóa cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ có hàng hóa vận chuyển đi thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Không áp dụng quy định tại khoản này đối với hàng hóa là sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài, sản xuất hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp nội địa bán cho doanh nghiệp chế xuất.

2. Các trường hợp không phải làm thủ tục hải quan:

a) Hàng hóa doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu từ nước ngoài đã nộp đầy đủ các loại thuế và đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu theo quy định như hàng hóa nhập khẩu không hưởng chế độ, chính sách áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất khi trao đổi, mua bán hàng hóa này với doanh nghiệp nội địa;

b) Hàng hóa doanh nghiệp chế xuất mua từ nội địa và đã nộp đầy đủ các loại thuế theo quy định như doanh nghiệp không hưởng chế độ, chính sách áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất, trừ nguyên liệu sản xuất có thuế xuất khẩu cấu thành trong sản phẩm xuất khẩu;

c) Hàng hóa doanh nghiệp chế xuất đã hoàn thành thủ tục thay đổi mục đích sử dụng, nộp đầy đủ các loại thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu theo quy định, sau đó bán cho doanh nghiệp nội địa.

3. Thanh lý hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất:

a) Hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất được thanh lý theo các hình thức sau:

a.1) Xuất khẩu;

a.2) Bán vào nội địa;

a.3) Thay đổi mục đích sử dụng;

a.4) Tiêu hủy.

b) Trường hợp thanh lý theo hình thức thay đổi mục đích sử dụng thì thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định này;

c) Trường hợp thanh lý theo hình thức bán vào nội địa thì chính sách quản lý chuyên ngành áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định này;

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Mục 7

THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN CHỊU SỰ GIÁM SÁT HẢI QUAN

Điều 40. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan

1. Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Hải quan phải làm thủ tục hải quan theo hình thức vận chuyển độc lập hoặc theo hình thức vận chuyển kết hợp, chịu sự giám sát hải quan trong quá trình vận chuyển.

2. Người khai hải quan chịu trách nhiệm sử dụng phương tiện vận chuyển hàng hóa đảm bảo điều kiện niêm phong hải quan và bảo quản nguyên trạng niêm phong của hãng vận chuyển (nếu có), niêm phong hải quan (nếu có), vận chuyển hàng hóa đúng tuyến đường, thời gian đã đăng ký với cơ quan hải quan.

Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được thì người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

3. Người khai hải quan được thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều 64 Luật Hải quan tại địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan; kho

ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ và các địa điểm khác theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan.

Người khai hải quan thông báo cho cơ quan hải quan nơi quản lý kho, bãi, địa điểm chậm nhất 02 giờ trước khi thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 64 Luật Hải quan. Cơ quan hải quan có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 02 giờ kể từ khi nhận được thông báo của người khai hải quan.

Người khai hải quan chỉ được thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 64 Luật Hải quan sau khi nhận được sự đồng ý của cơ quan hải quan.

4. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.

Điều 41. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam

1. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương.

2. Hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập và chịu sự giám sát hải quan trong suốt quá trình vận chuyển đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

3. Thời gian hàng hóa quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương.

4. Hàng hóa quá cảnh được đóng ghép với hàng hóa xuất khẩu nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hàng hóa quá cảnh và hàng hóa xuất khẩu phải được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì) và có đánh dấu để nhận biết;

b) Hàng hóa quá cảnh phải không thuộc danh mục hàng hóa có độ nguy hiểm cao do Chính phủ quy định và không phải là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;

c) Việc đóng ghép phải thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ, kho ngoại quan hoặc địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh;

d) Việc đóng ghép không làm thay đổi nhãn mác, ký mã hiệu, xuất xứ của hàng hóa quá cảnh và được thực hiện dưới sự giám sát của cơ quan hải quan.

5. Hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt, vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ và hàng hóa có độ nguy hiểm cao phải được giám sát bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật.

Điều 42. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển

1. Hàng hóa trung chuyển bao gồm:

a) Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài và dỡ xuống các bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính bến cảng này hoặc đưa đến bến cảng khác của Việt Nam để đưa ra nước ngoài;

b) Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường hàng không từ nước ngoài và dỡ xuống các cảng hàng không Việt Nam, sau đó đưa ra nước ngoài từ chính cảng hàng không này hoặc đưa đến cảng hàng không khác của Việt Nam để đưa ra nước ngoài;

c) Hàng hóa trung chuyển vận chuyển từ nước ngoài đưa vào Khu thương mại tự do để đưa ra nước ngoài từ chính cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu khác của Việt Nam theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 259/2025/QH15.

2. Hoạt động trung chuyển hàng hóa quy định tại Điều này bao gồm việc xếp dỡ, thay container, vận chuyển, lưu giữ hàng hóa theo yêu cầu của người vận chuyển tại cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu xuất hoặc tại kho, bãi, địa điểm trong Khu thương mại tự do.

3. Thời hạn lưu giữ:

a) Trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, thời hạn lưu giữ tối đa 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập và không quá 02 lần gia hạn cho mỗi lô hàng, thời hạn gia hạn mỗi lần không quá 30 ngày;

b) Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, thời hạn lưu giữ tối đa 90 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập và không quá 02 lần gia hạn cho mỗi lô hàng, thời hạn gia hạn mỗi lần không quá 60 ngày;

c) Trước khi hết thời hạn lưu giữ quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người khai hải quan có văn bản đề nghị gia hạn gửi Trưởng Hải quan cửa khẩu nhập để quyết định việc gia hạn. Trường hợp hàng hóa trung chuyển bị hư hỏng, tổn thất thì thời gian khắc phục không tính vào thời gian lưu giữ, gia hạn;

d) Trưởng Hải quan cửa khẩu nhập trả lời trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn. Quá thời hạn lưu giữ, kể cả thời gian gia hạn, mà hàng hóa trung chuyển chưa được đưa ra nước ngoài thì xử lý như hàng hóa tồn đọng theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan.

4. Hàng hóa trung chuyển chịu sự giám sát hải quan từ khi đến cửa khẩu nhập cho đến khi đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Hàng hóa trung chuyển được đưa toàn bộ ra nước ngoài một lần hoặc nhiều lần.

Mục 8
THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU KHÁC

Điều 43. Thủ tục hải quan đối với tài sản di chuyển

1. Tài sản di chuyển gồm:

a) Tài sản của tổ chức, cá nhân đưa vào Việt Nam khi thôi cư trú hoặc chấm dứt hoạt động ở nước ngoài;

b) Tài sản của tổ chức, cá nhân đưa ra khỏi Việt Nam khi thôi cư trú hoặc chấm dứt hoạt động ở Việt Nam.

2. Tài sản di chuyển phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này.

3. Trường hợp tài sản di chuyển vượt định mức miễn thuế thì:

a) Hàng hóa phải đảm bảo các quy định của pháp luật về chính sách xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tại thời điểm xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Phải nộp đủ các loại thuế theo quy định của pháp luật đối với số lượng hàng hóa vượt định mức quy định.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 44. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại

1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa.

2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.

3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 45. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải xuất khẩu

1. Hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được xuất khẩu để trả cho người bán hoặc xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan thì thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.

2. Hàng hóa bị buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan hải quan thực hiện giám sát hàng hóa cho đến khi đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Trường hợp hàng hóa là hàng cấm nhập khẩu, hàng tạm ngừng nhập khẩu thì phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu quốc tế.

3. Hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan mà người vận tải hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Quy định tại khoản này không áp dụng đối với hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu và hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 46. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa theo phương thức tạm nhập, tạm xuất

1. Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm:

a) Container theo tiêu chuẩn quy định tại Công ước quốc tế về an toàn container năm 1972, có số ký hiệu in cố định trên phương tiện;

b) Phương tiện để chứa khí, chất lỏng có kết cấu ổn định, bền chắc, có số ký hiệu in cố định trên phương tiện;

c) Bồn mềm lót trong container để chứa hàng lỏng;

d) Các phương tiện khác có thể sử dụng nhiều lần để chứa hoặc đóng gói; cố định, nâng đỡ hoặc bảo vệ an toàn hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Người khai hải quan đối với phương tiện quay vòng:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này là người khai thác, quản lý việc sử dụng phương tiện quay vòng bao gồm: hãng vận chuyển hoặc chủ sở hữu hoặc người thuê hoặc tổ chức khác chịu trách nhiệm về phương tiện quay vòng;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này là người khai hải quan quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập phương tiện quay vòng:

a) Thời hạn tạm nhập - tái xuất của phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này không quá 12 tháng kể từ ngày đến cửa khẩu nhập.

Trường hợp phương tiện quay vòng chứa hàng hóa tồn đọng tại khu vực giám sát hải quan hoặc bị tạm giữ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì thời gian từ ngày cơ quan hải quan thông báo hàng hóa tồn đọng đến ngày kết thúc xử lý hàng hóa tồn đọng hoặc thời gian tạm giữ không tính vào thời hạn tạm nhập.

Trường hợp phương tiện quay vòng chưa thể tái xuất trong thời hạn quy định tại điểm này, người khai hải quan thông báo gia hạn cho cơ quan hải quan. Phương tiện quay vòng được gia hạn một lần, thời hạn gia hạn không quá 12 tháng.

b) Thời hạn tạm xuất - tái nhập phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này do người khai hải quan thỏa thuận với đối tác;

c) Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập phương tiện quay vòng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này do người khai hải quan thỏa thuận với đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Trường hợp cần gia hạn, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan.

4. Địa điểm lưu giữ phương tiện quay vòng tạm nhập:

Phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng phải được lưu giữ tại các địa điểm do người khai hải quan thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục tạm nhập. Riêng phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này phải được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan, trừ trường hợp đưa về địa điểm để đóng hàng, dỡ hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Trường hợp phương tiện chứa hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này được xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê mua tài chính hoặc hình thức khác thì thực hiện thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Mục 5 Chương này.

6. Phương tiện quay vòng chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi đến cửa khẩu nhập trong quá trình lưu giữ cho đến khi đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Cơ quan hải quan theo dõi, quản lý phương tiện quay vòng trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 47. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất

1. Các trường hợp tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất bao gồm:

a) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất;

b) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm;

c) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm nhập để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài; hàng hóa tạm nhập, tái xuất để cung ứng cho tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam;

d) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, trưng bày, giới thiệu;

đ) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp;

e) Xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu miễn thuế của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ;

g) Hàng hóa bao gồm cả phương tiện tự hành tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu trở lại để sửa chữa, thay thế, bảo hành, bảo dưỡng thuộc trách nhiệm của thương nhân sản xuất theo thỏa thuận đã có trong hợp đồng xuất khẩu, gia công, mua bán hàng hóa quy định tại Điều 44 Nghị định này.

2. Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập:

Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất – tái nhập thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại, quản lý ngoại thương. Trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này thì thời hạn tạm nhập – tái xuất như sau:

a) Đối với cơ quan, tổ chức được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ: Thời hạn tạm nhập theo nhu cầu sử dụng trong thời gian hoạt động tại Việt Nam và khai trên tờ khai hải quan;

b) Đối với cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ: Thời hạn tạm nhập theo thời hạn công tác của cá nhân đó tại Việt Nam ghi trên giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và khai trên tờ khai hải quan.

Trường hợp được gia hạn thời gian công tác tại Việt Nam thì người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan để gia hạn thời hạn tạm nhập – tái xuất.

3. Trường hợp hàng hóa tạm nhập, tạm xuất để nghiên cứu và phát triển sản phẩm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này khi tái xuất, tái nhập không đảm bảo nguyên trạng ban đầu thì người khai hải quan phải tái xuất, tái nhập toàn bộ sản phẩm, linh kiện, phụ tùng cấu tạo nên sản phẩm ban đầu.

4. Hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập được đưa vào, đưa ra lãnh thổ Việt Nam qua các cửa khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương và quy định pháp luật có liên quan, trừ trường hợp hàng hóa tái xuất, tái nhập vào khu phi thuế quan, kho ngoại quan, doanh nghiệp chế xuất.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 48. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu qua cửa khẩu Việt Nam

1. Hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu qua cửa khẩu Việt Nam được thực hiện theo các hình thức quy định tại pháp luật về quản lý ngoại thương.

2. Hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu qua cửa khẩu Việt Nam phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. Cơ quan hải quan chỉ thực hiện kiểm tra thực tế trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 49. Tiêu chuẩn, hoạt động kinh doanh địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế

1. Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Được đặt tại các vị trí theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16. Trong đó:

a.1) Khu vực cách ly của cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cảng hàng không quốc tế là khu vực được đặt sau khu vực làm thủ tục xuất cảnh.

Trường hợp có quầy nhận hàng cho người chờ xuất cảnh thì quầy nhận hàng phải đặt trong khu vực cách ly.

a.2) Khu vực hạn chế của cảng hàng không quốc tế là khu vực được đặt sau khu vực làm thủ tục nhập cảnh và trước khu vực làm thủ tục hải quan.

b) Có hệ thống công nghệ thông tin bảo đảm quản lý, lưu trữ, kết xuất dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa đưa vào, đưa ra, đối tượng mua hàng miễn thuế kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

c) Có hệ thống ca-mê-ra giám sát cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, quầy nhận hàng kết nối với cơ quan hải quan, hình ảnh quan sát được khu vực cửa sổ, cửa ra vào, toàn cảnh bên trong địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu hình ảnh phải bảo đảm khả năng truy xuất, trích xuất và được lưu giữ tối thiểu 06 tháng.

2. Khi có nhu cầu hoạt động, mở rộng diện tích liền kề, thu hẹp, tạm dừng, hoạt động trở lại, chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp phải thông báo theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho Hải quan khu vực quản lý chậm nhất 10 ngày trước ngày dự kiến hoạt động, mở rộng, thu hẹp, tạm dừng, hoạt động trở lại, chấm dứt hoạt động.

3. Doanh nghiệp chỉ được đưa địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế vào hoạt động khi đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này và đảm bảo việc kết nối, trao đổi dữ liệu hệ thống thông tin với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; thực hiện trao đổi dữ liệu hệ thống ca-mê-ra giám sát với cơ quan hải quan.

Khi không có nhu cầu hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp thực hiện xử lý hàng tồn đọng tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật và thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Trong thời gian hoạt động, trường hợp phát hiện địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế không đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan hải quan có văn bản thông báo tạm dừng việc đưa hàng hóa ra, vào địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế đến doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế. Thời hạn tạm dừng là 30 ngày kể từ ngày thông báo.

Trong thời gian tạm dừng hoạt động, doanh nghiệp có trách nhiệm bảo đảm nguyên trạng hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện giám sát lượng hàng hóa tồn tại địa điểm, không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra tại địa điểm, thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xử lý hàng hóa hết thời hạn lưu giữ tại Việt Nam theo quy định. Trong thời gian tạm dừng, doanh nghiệp phải khắc phục đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp quá thời hạn tạm dừng doanh nghiệp không khắc phục địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo các tiêu chuẩn, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp để chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, yêu cầu doanh nghiệp tái xuất hàng hóa hoặc thay đổi mục đích sử dụng và xử lý vi phạm theo quy định; sau khi đã khắc phục các tiêu chuẩn, doanh nghiệp thông báo hoạt động trở lại theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Mục 9

THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNH LÝ CỦA NGƯỜI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH

Điều 50. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh

1. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan của cơ quan hải quan tại cửa khẩu.

2. Trên cơ sở phân tích thông tin và quá trình giám sát người xuất cảnh, nhập cảnh, cơ quan hải quan quyết định lựa chọn hành lý có rủi ro để kiểm tra thực tế.

Trường hợp có căn cứ xác định người xuất cảnh, nhập cảnh có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới thì thực hiện việc khám người, khám đồ vật theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Người xuất cảnh, nhập cảnh được tạm gửi hành lý vào kho của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu nhưng phải thông báo trước cho cơ quan hải quan và được nhận lại khi nhập cảnh, xuất cảnh. Thời gian tạm gửi hành lý không quá 180 ngày, kể từ ngày hành lý được gửi vào kho.

4. Trong thời hạn tạm gửi hành lý quy định tại khoản 3 Điều này, trường hợp người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại hoặc cơ quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu xác định chủ sở hữu hành lý thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ thì xử lý như đối với hàng hóa tồn đọng tại địa bàn hoạt động hải quan.

5. Trường hợp hành lý vận chuyển bằng đường hàng không, không có thẻ hành lý, không xác định được chủ sở hữu hành lý, hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan trong việc xử lý hành lý theo quy định của pháp luật.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 51. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức miễn thuế; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi

1. Người xuất cảnh, nhập cảnh có hành lý vượt định mức miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế hoặc có hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi thì phải khai tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và phải làm thủ tục hải quan đối với hành lý như hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này.

Không gộp chung định mức miễn thuế của nhiều người nhập cảnh để khai báo miễn thuế cho một người nhập cảnh, trừ hành lý của các cá nhân trong một gia đình mang theo trong cùng chuyến đi. Việc khai báo định mức miễn thuế tính theo từng lần nhập cảnh.

2. Người nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan đối với hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hành lý đến cửa khẩu; trường hợp hành lý gửi cùng chuyến đi vượt quá định mức miễn thuế thì thực hiện thủ tục hải quan ngay sau khi nhập cảnh.

3. Hành lý của người nhập cảnh có tổng trị giá hải quan vượt định mức miễn thuế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định ... (Nghị định thay thế Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016) của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật, có tổng trị giá hải quan không quá 20.000.000 đồng Việt Nam hoặc hành lý là vật nguyên chiếc, nguyên đơn vị sản phẩm có tổng trị giá hải quan vượt quá 20.000.000 đồng khi làm thủ tục nhập khẩu không phải có giấy phép nhập khẩu.

4. Hành lý của người nhập cảnh thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật có tổng trị giá vượt mức quy định tại khoản 3 Điều này, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập cảnh phải có giấy phép nhập khẩu hàng hóa. Trường hợp không có giấy phép nhập khẩu, cơ quan hải quan xử lý theo quy định.

5. Khi làm thủ tục nhập khẩu hành lý quy định tại khoản 1 Điều này, người nhập cảnh không có tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh thì không được áp dụng tiêu chuẩn hành lý miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định ... (Nghị định thay thế Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016) của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thực hiện chính sách quản lý đối với hàng nhập khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 52. Xử lý hành lý bị thất lạc, nhầm lẫn

1. Hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh thất lạc, nhầm lẫn phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan tại cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất.

2. Đối với hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh qua đường hàng không thất lạc, nhầm lẫn:

Người khai thác cảng hàng không hoặc đại diện hãng hàng không có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan bản kê hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn. Cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với hãng hàng không và người khai thác cảng hàng không thực hiện kiểm tra qua máy soi hành lý trước khi đưa hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn vào khu vực lưu giữ và xử lý như sau:

a) Trường hợp kiểm tra không phát hiện dấu hiệu vi phạm và hành lý không vượt định mức miễn thuế thì giao người khai thác cảng hàng không hoặc đại diện hãng hàng không để chuyển trả cho người xuất cảnh, nhập cảnh;

b) Trường hợp kiểm tra phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế thì cơ quan hải quan thực hiện niêm phong và bàn giao cho người khai thác cảng hàng không đưa vào khu vực lưu giữ hành lý thất lạc, nhầm lẫn.

Khi nhận lại hành lý thất lạc, nhầm lẫn, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thực tế hành lý dưới sự chứng kiến của người khai thác cảng hàng không. Trường hợp hành lý vượt định mức miễn thuế thì người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 51 Nghị định này; trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật về hải quan thì xử lý theo quy định.

3. Hành lý thất lạc, nhầm lẫn không có người nhận được xử lý như đối với hàng hóa tồn đọng trong địa bàn hoạt động hải quan theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16.

Chương IV

THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH

Mục 1

TÀU BAY XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH

Điều 53. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

1. Đối với tàu bay nhập cảnh:

a) Hồ sơ hải quan:

a.1) Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu;

a.2) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house bill of lading) trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu;

a.3) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;

a.4) Danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay;

a.5) Bản trích lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;

a.6) Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR);

a.7) Thông tin về chuyến bay bao gồm: Đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian nhập cảnh.

b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:

b.1) Chậm nhất 03 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với các chuyến bay có thời gian bay từ 03 giờ trở lên;

b.2) Chậm nhất 30 phút trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với các chuyến bay có thời gian bay ngắn hơn 03 giờ bay;

b.3) Chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR).

c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:

c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2 khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa và hàng hóa chưa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan;

c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.3, a.4, a.5, a.7 khoản 1 Điều này được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu bay nhập cảnh dừng đỗ tại vị trí quy định;

c.3) Chứng từ quy định tại điểm a.6 khoản 1 Điều này được thực hiện chậm nhất 08 giờ trước thời gian tàu bay dự kiến nhập cảnh.

2. Đối với tàu bay xuất cảnh:

a) Hồ sơ hải quan:

a.1) Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa xuất khẩu;

a.2) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;

a.3) Danh sách tổ lái, nhân viên làm việc trên tàu bay;

a.4) Bản trích lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;

a.5) Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR);

a.6) Thông tin về chuyến bay bao gồm: đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian xuất cảnh.

b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:

b.1) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, a.4 và a.6 khoản này;

b.2) Chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.5 khoản này.

c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:

c.1) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4 và a.6 khoản này;

c.2) Trong 24 giờ kể từ khi tàu bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.1 khoản này;

c.3) Chậm nhất 08 giờ trước thời điểm chuyến bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.5 khoản này.

3. Đối với tàu bay quá cảnh:

Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu bay quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, trường hợp có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.

Tàu bay quá cảnh khi dừng kỹ thuật không phải khai hải quan, nhưng phải chịu sự giám sát hải quan.

Điều 54. Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:

a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 53 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Người phát hành vận đơn thứ cấp có trách nhiệm cung cấp đủ thông tin vận đơn thứ cấp đối với tàu bay nhập cảnh cho hãng hàng không để khai báo trong thời hạn quy định tại Điều 53 Nghị định này và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu bay không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan khai 01 bản chính chứng từ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 53 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và nộp cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.

Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.

Ngay sau khi sự cố được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:

a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ. Đối với thông tin khai không đầy đủ, Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động phản hồi từ chối tiếp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ.

3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:

a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai hải quan và các bên liên quan.

Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không, Cảng vụ hàng không biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với tàu bay thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu bay không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho người khai hải quan;

c) Trường hợp Cảng vụ hàng không, Tòa án, Công an và cơ quan có thẩm quyền khác có văn bản yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:

a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.

Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận;

b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ thông tin giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

5. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:

a) Hải quan nơi quản lý cảng hàng không có trách nhiệm thực hiện việc giám sát đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trong suốt quá trình tàu bay dừng đỗ tại cảng hàng không.

Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, thông tin do doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không cung cấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 Nghị định này và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), Hải quan nơi quản lý cảng hàng không áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, phương thức giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải.

b) Trong quá trình giám sát tàu bay dừng đỗ, bốc, dỡ hàng hóa, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp có cơ sở xác định trên tàu bay có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập

cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hoặc quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để khám xét.

Cơ quan hải quan thông báo việc tạm hoãn khởi hành, dừng phương tiện vận tải cho cảng vụ hàng không và hãng hàng không thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 55. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không, hãng hàng không hoặc người được hãng hàng không ủy quyền

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không:

a) Chậm nhất 24 giờ đối với chuyến bay thường lệ hoặc chậm nhất 01 giờ đối với chuyến bay không thường lệ trước khi tàu bay nhập cảnh và trước khi hãng vận chuyển hoàn thành thủ tục hàng không cho hành khách xuất cảnh và hàng hóa xuất khẩu trên chuyến bay xuất cảnh và quá cảnh, cung cấp cho Hải quan quản lý cảng hàng không gồm các thông tin sau:

a.1) Quốc tịch tàu bay;

a.2) Loại tàu bay;

a.3) Hành trình bay;

a.4) Thời gian đến, thời gian đi của tàu bay;

a.5) Vị trí đỗ của tàu bay;

a.6) Cửa vào của hành khách;

a.7) Thời gian xếp, dỡ hàng hóa lên, xuống tàu bay.

b) Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, thông báo cho cơ quan hải quan khi có thay đổi thông tin quy định tại điểm a khoản này;

c) Lưu trữ dữ liệu thông tin từ hệ thống ca-mê-ra, hệ thống máy soi tại nhà ga quốc tế và chia sẻ với cơ quan hải quan để phục vụ việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Trách nhiệm của hãng hàng không hoặc người được hãng hàng không ủy quyền:

a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan;

c) Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền phải xếp dỡ toàn bộ hàng hóa nhập khẩu tại cảng hàng không nơi tàu bay làm thủ tục nhập cảnh;

d) Đối với tàu bay kết thúc chặng nội địa được sử dụng để bay tiếp chặng quốc tế, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền chỉ được xếp hàng hóa xuất khẩu lên tàu bay xuất cảnh khi không còn hàng hóa trên tàu bay.

Mục 2
TÀU BIỂN XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH, *CHUYỂN CẢNG*

Điều 56. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng

1. Đối với tàu biển nhập cảnh:

a) Hồ sơ hải quan:

a.1) Bản khai chung;

a.2) Danh sách thuyền viên;

a.3) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;

a.4) Bản khai dự trữ của tàu;

a.5) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách;

a.6) Bản khai hàng hóa trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;

a.7) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house bill of lading) trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;

a.8) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP;

c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:

c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu dự kiến cập cảng;

c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.6, a.7, a.8 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan.

2. Đối với tàu biển xuất cảnh:

a) Hồ sơ hải quan:

a.1) Bản khai chung;

a.2) Danh sách thuyền viên;

a.3) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;

a.4) Bản khai dự trữ của tàu;

a.5) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách;

a.6) Bản khai hàng hóa trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;

a.7) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

Khi tàu biển xuất cảnh, trường hợp không có nội dung thay đổi so với nội dung đã khai báo khi tàu nhập cảnh thì người khai hải quan chỉ phải nộp bản khai chung quy định tại điểm a.1 khoản 2 Điều này.

b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP;

c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu rời cảng.

3. Đối với tàu biển quá cảnh:

Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu biển quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, trường hợp có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với tàu biển chuyển cảng:

Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng và chứng từ liên quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi tàu dự kiến cập cảng đến tiếp theo.

Điều 57. Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng

1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:

a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 56 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp người khai hải quan không có thông tin vận đơn thứ cấp thì cung cấp số tiếp nhận hồ sơ tàu biển nhập cảnh cho người phát hành vận đơn thứ cấp để khai đầy đủ thông tin vận đơn thứ cấp trong thời hạn quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung đối với chứng từ quy định tại điểm a.6, điểm a.7, điểm a.8 khoản 1 Điều 56 Nghị định này trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu biển không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố hoặc trường hợp tàu biển không có hô hiệu hoặc số IMO, người khai hải quan nộp 01 bộ hồ sơ giấy theo quy định của pháp luật về hàng hải cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh. Ngay sau khi sự cố hệ thống được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy và chứng từ giải trình, chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh;

đ) Trường hợp tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh có hoạt động chuyển tải, sang mạn tại khu neo đậu, chuyển tải do cơ quan có thẩm quyền công bố thì trước khi tàu biển đến khu vực neo đậu, chuyển tải, người khai hải quan thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cho cơ quan hải quan quản lý khu vực chuyển tải, sang mạn để thực hiện giám sát theo quy định.

2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:

a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ. Đối với thông tin khai không đầy đủ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ.

3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:

a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai hải quan và các bên liên quan.

Đối với tàu biển nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng hải biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với tàu biển thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu biển không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho Cảng vụ hàng hải để làm thủ tục cho tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh;

c) Cơ quan hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu biển vận chuyển hàng hóa gây ô nhiễm môi trường của hãng tàu không thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 hoặc điểm c khoản 4 Điều 58 Nghị định này.

Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng, cơ quan kiểm dịch và cơ quan có thẩm quyền khác thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

4. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ hải quan đối với tàu biển quá cảnh, chuyển cảng:

a) Đối với tàu biển quá cảnh:

Thủ tục hải quan đối với tàu biển quá cảnh được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Thủ tục nhập cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên, thủ tục xuất cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu xuất cuối cùng.

Trường hợp tàu biển quá cảnh đi qua lãnh hải Việt Nam đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 thì không phải làm thủ tục hải quan.

b) Đối với tàu biển chuyển cảng:

b.1) Trường hợp tàu biển có kế hoạch chuyển cảng đến một cảng biển khác tại Việt Nam, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi tiếp nhận thông tin tàu chuyển cảng do Cảng vụ hàng hải, Hãng tàu hoặc Đại lý hãng tàu chuyển đến, lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo chỉ tiêu thông tin quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính gửi đến cơ quan hải quan nơi tàu dự kiến đến;

b.2) Cơ quan hải quan tại nơi tàu đến tiếp nhận phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng, phản hồi thông tin cho hải quan nơi lập phiếu và thực hiện thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b.3) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi thực hiện lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; niêm phong cùng bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Nghị định này giao người khai hải quan chuyển cho cơ quan hải quan nơi tàu đến.

Cơ quan hải quan nơi tàu đến tiếp nhận từ người khai hải quan bộ hồ sơ đã niêm phong do cơ quan hải quan nơi tàu rời đi chuyển đến, phản hồi thông tin cho cơ quan hải quan nơi lập phiếu chuyển hồ sơ.

5. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng:

a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.

Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận;

b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; trường hợp có vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

6. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng:

a) Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng, kế hoạch chuyến tải, sang mạn của tàu biển đã được cơ quan hải quan đồng ý và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), Hải quan cửa khẩu nơi có tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, giám sát hải quan phù hợp;

b) Trong quá trình giám sát tàu biển neo đậu, bốc, dỡ hàng hóa, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp có cơ sở xác định trên tàu biển có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hoặc quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để khám xét.

Cơ quan hải quan thông báo việc tạm hoãn khởi hành, dừng phương tiện vận tải cho Cảng vụ hàng hải và hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Điều 58. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải, doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển, thuyền trưởng và hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền

1. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải:

a) Ngay sau khi nhận được xác báo về thời gian tàu đến cảng hoặc thời gian dự kiến tàu rời cảng, Cảng vụ hàng hải phải thông báo ngay cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển biết để phối hợp;

b) Ngay sau khi quyết định điều động tàu xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh vào cảng, thay đổi vị trí neo đậu của tàu, thuyền (nếu có), Cảng vụ hàng hải phải thông báo cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển về thời gian và địa điểm được chỉ định cho tàu, thuyền vào neo đậu tại cảng biển;

c) Cảng vụ hàng hải nơi làm thủ tục cho tàu vào hoặc rời cảng gửi giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động cho cơ quan hải quan tại cảng đó qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp Cảng vụ hàng hải chưa kết nối qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì ngay khi cấp giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động tại cảng đó, Cảng vụ hàng hải gửi 01 bản sao cho cơ quan hải quan;

d) Chia sẻ thông tin hệ thống nhận dạng tự động tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan để phục vụ công tác quản lý, giám sát hải quan.

2. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển:

a) Chia sẻ thông tin ca-mê-ra với cơ quan hải quan để phục vụ việc giám sát hải quan đối với tàu biển và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ tại khu vực cảng biển;

b) Trước khi dỡ hàng xuống cảng, doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển phải thông báo cho cơ quan hải quan vị trí kho, bãi dự kiến lưu giữ hàng hóa nhập khẩu;

c) Phối hợp thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra tại khu vực cảng biển theo quy định của Luật Hải quan và quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Trách nhiệm của Thuyền trưởng:

a) Điều khiển phương tiện vận tải nhập cảnh từ khi đến lãnh thổ Việt Nam cho đến khi tới địa bàn hoạt động hải quan, điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh từ địa bàn hoạt động hải quan cho đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đi đúng tuyến đường, neo đậu tại vị trí do cơ quan có thẩm quyền quy định. Trường hợp phải thay đổi tuyến đường, vị trí neo đậu phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Chỉ được phép chuyển tải, sang mạn hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải khi có sự đồng ý của cơ quan hải quan tại vị trí được phép neo đậu do cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

c) Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

4. Trách nhiệm của hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền:

a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan;

c) Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

Mục 3
TÀU HỎA LIÊN VẬN QUỐC TẾ NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH

Điều 59. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh

1. Hồ sơ hải quan, thời hạn nộp hồ sơ đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh:

a) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới:

a.1) Giấy giao tiếp hàng hóa;

a.2) Vận đơn;

a.3) Bản trích lược khai hàng hóa nhập khẩu dỡ xuống từng ga đường sắt liên vận quốc tế theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

a.4) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có);

a.5) Bảng kê nhiên liệu, dụng cụ, thực phẩm mang theo của tàu (nếu có).

b) Tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa:

b.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.2, điểm a.3 khoản 1 Điều này;

b.2) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có).

c) Thời hạn nộp, khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 39 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP.

2. Hồ sơ hải quan, thời hạn nộp hồ sơ đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh:

a) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa:

a.1) Bản xác báo thứ tự lập tàu đối với tàu khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa;

a.2) Vận đơn (nếu có);

a.3) Bản trích lược khai hàng hóa tại ga liên vận quốc tế trong nội địa theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

a.4) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có).

b) Tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới:

b.1) Chứng từ quy định tại điểm a.2, điểm a.3 khoản này;

b.2) Giấy giao tiếp hàng hóa;

b.3) Bản xác báo thứ tự lập tàu;

b.4) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có).

c) Thời hạn nộp, khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 và khoản 2 Điều 39 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP.

Điều 60. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh

1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh:

a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 59 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan nộp cho Hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới chứng từ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 59 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khi phương tiện vận tải đến ga liên vận quốc tế ở biên giới.

b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng phương tiện không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh:

Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan ngay khi nhận được thông tin khai đầy đủ. Đối với thông tin khai không đầy đủ, Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động phản hồi từ chối tiếp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan.

Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, Hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới tiếp nhận hồ sơ từ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 59 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khi phương tiện vận tải đến ga liên vận quốc tế ở biên giới.

3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh:

a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai hải quan và các bên liên quan.

Đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, Trưởng ga, Trưởng tàu biết để không dỡ hàng hóa xuống trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với tàu hỏa liên vận quốc tế thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, Trưởng ga, Trưởng tàu về việc phương tiện vận tải đường bộ không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho Trưởng ga, Trưởng tàu hỏa liên vận để làm thủ tục cho tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh hoặc nhập cảnh.

4. Kiểm tra, giám sát hải quan:

a) Kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ về số hiệu toa xe, số lượng toa xe hoặc container, số niêm phong (nếu có) với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi;

b) Niêm phong hải quan từng toa xe chứa hàng hóa, hành lý ký gửi đang chịu sự giám sát hải quan được vận chuyển tiếp đến ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa; trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời thì Trưởng

tàu chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, hành lý ký gửi, toa xe trong quá trình vận chuyển đến ga đích theo quy định;

c) Bàn giao hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa hoặc biên giới trong trường hợp có vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đến ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa đối với tàu nhập cảnh hoặc biên giới đối với tàu xuất cảnh theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

d) Trường hợp nộp hồ sơ giấy do Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan xác nhận và đóng dấu lên những giấy tờ do Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp nộp; niêm phong hồ sơ hải quan các chứng từ bàn giao cho Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp chuyển đến Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa theo quy định;

đ) Xác nhận và hồi báo cho Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa về việc tiếp nhận hàng hóa, hồ sơ lô hàng đang chịu sự giám sát hải quan và tình hình hàng hóa được chuyển đến. Lưu hồ sơ hải quan gồm: Bản trích lược khai hàng hóa và các chứng từ liên quan theo quy định;

e) Trong quá trình giám sát tàu hỏa liên vận quốc tế dừng đỗ, bốc, dỡ hàng hóa, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp có cơ sở xác định trên tàu hỏa liên vận quốc tế có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hoặc quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để khám xét.

Khi thực hiện việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải, cơ quan hải quan thông báo cho các cơ quan có liên quan và người khai hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

5. Trước khi hoàn thành kiểm tra hồ sơ đối với tàu nhập cảnh hoặc tàu xuất cảnh, Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp được thực hiện khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu có sự sai lệch như tên hàng, trọng lượng, số lượng (tăng hay giảm) giữa hàng hóa thực tế chuyên chở so với chứng từ vận đơn, bản trích lược khai, giấy giao tiếp hàng hóa, đã nộp cho cơ quan hải quan;

b) Những thay đổi khác so với chứng từ đã nộp về phương tiện, hàng hóa, hành lý xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ trong kho, bãi, xuất kho, nhập kho;

c) Việc khai sửa đổi, bổ sung phải thực hiện trước khi đưa phương tiện, hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan.

6. Trường hợp chuyển tải, sang toa, cắt toa, xếp dỡ hàng hóa, hành lý trên phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan chỉ được tiến hành khi có sự đồng ý của cơ quan hải quan.

a) Trách nhiệm của người khai hải quan: Có văn bản thông báo việc chuyển tải, sang toa, cắt toa, xếp dỡ hàng hóa, hành lý theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Khi thực hiện việc chuyển tải, sang toa, cắt toa, xếp dỡ hàng hóa, hành lý phải đảm bảo giữ nguyên trạng bao bì, thùng, kiện.

b) Trách nhiệm của cơ quan hải quan: Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh thông báo việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chuyển tải, sang toa, cắt toa, xếp dỡ hàng hóa, hành lý trên phương tiện vận tải.

Cơ quan hải quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát hải quan với hàng hóa, hành lý, toa xe được chuyển tải, sang toa, cắt toa theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 61. Trách nhiệm của Trưởng ga và Trưởng tàu liên vận quốc tế

1. Trách nhiệm của Trưởng ga:

a) Thông báo trước qua mạng máy tính, văn bản, điện fax cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế thông tin về hành trình tàu nhập cảnh, xuất cảnh gồm: số hiệu đầu tàu, toa xe; vị trí, thời gian tàu đến, dừng, rời ga liên vận; thông tin về hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, hành lý của hành khách nhập cảnh, xuất cảnh gồm: vị trí, thời gian xếp, dỡ lên xuống tàu và các thông tin thay đổi có liên quan đến tàu, hàng hóa, hành lý;

b) Xác nhận và đóng dấu lên những chứng từ do Trưởng tàu nộp để làm thủ tục hải quan;

c) Nộp, xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thực hiện thủ tục hải quan theo quy định;

d) Chịu trách nhiệm về tính xác thực về nội dung các chứng từ nộp cho cơ quan hải quan;

đ) Bố trí kho, bãi lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tách biệt với khu vực khai thác hàng hóa nội địa, đảm bảo việc giám sát hải quan đối với tàu liên vận quốc tế và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Phối hợp với cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát để ngăn chặn và phát hiện kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật hải quan trên tàu và tại các ga đường sắt liên vận quốc tế.

2. Trách nhiệm của Trưởng tàu:

a) Nộp, xuất trình đúng, đủ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thực hiện thủ tục hải quan theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm về tính xác thực về nội dung các chứng từ nộp cho Trưởng ga và cơ quan hải quan;

c) Phối hợp với Trưởng ga trong việc thực hiện thủ tục hải quan (bao gồm luân chuyển hồ sơ hải quan giữa Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới và ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa) theo quy định;

d) Đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan (nếu có), niêm phong của hãng vận tải trong quá trình vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan.

Mục 4
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH

Điều 62. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh

1. Hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ nhập cảnh:

a) Giấy phép liên vận hoặc giấy phép vận tải hoặc văn bản cho phép do cơ quan có thẩm quyền cấp: Nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để kiểm tra đối chiếu đối với lần đầu nhập cảnh hoặc khi được cấp mới.

Đối với các lần nhập cảnh tiếp theo, xuất trình bản chính để cơ quan hải quan xác nhận theo quy định của các Hiệp định vận tải có liên quan.

b) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách;

c) Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất, hoặc tờ khai hải quan phương tiện đường bộ tạm xuất - tái nhập có xác nhận về việc tạm xuất;

d) Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa quá cảnh.

2. Hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh:

a) Giấy phép liên vận hoặc giấy phép vận tải hoặc văn bản cho phép do cơ quan có thẩm quyền cấp: Nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để kiểm tra đối chiếu đối với lần đầu xuất cảnh hoặc khi được cấp mới.

Đối với các lần xuất cảnh tiếp theo, xuất trình bản chính để cơ quan hải quan xác nhận theo quy định của các Hiệp định vận tải có liên quan.

b) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách;

c) Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập hoặc tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất có xác nhận về việc tạm nhập.

3. Các trường hợp không phải nộp giấy phép liên vận hoặc giấy phép vận tải quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này:

a) Trường hợp chứng từ đã được chia sẻ từ cơ quan có thẩm quyền cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền có văn bản cho phép phương tiện vận tải nhập cảnh vào khu vực cửa khẩu để giao, nhận hàng hóa.

4. Thời hạn khai, khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP.

Điều 63. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại Điều 62 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố thì người khai hải quan khai và nộp hồ sơ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 62 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cho cơ quan hải quan khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới.

c) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng phương tiện không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan ngay khi nhận được thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp thông tin khai không đầy đủ, Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động phản hồi từ chối tiếp nhận hồ sơ (nêu rõ lý do) cho người khai hải quan.

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố Hải quan cửa khẩu biên giới tiếp nhận hồ sơ, chứng từ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 62 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới.

3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai hải quan và các bên liên quan.

Đối với phương tiện vận tải đường bộ nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan và các bên liên quan biết để không dỡ hàng hóa xuống, trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với phương tiện vận tải đường bộ thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc phương tiện vận tải đường bộ không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, hải quan cửa khẩu xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan giấy như sau:

b.1) Đối với trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký tờ khai hải quan, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và hướng dẫn khai bổ sung cho người khai hải quan;

b.2) Đối với trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận đăng ký và xác nhận phương tiện vận tải hoàn thành thủ tục hải quan; ký tên, đóng dấu công chức trên tờ khai hải quan.

Ngay sau khi sự cố được khắc phục, Hải quan cửa khẩu phải cập nhật thông tin tờ khai hải quan vào Cổng thông tin một cửa quốc gia.

c) Đối với trường hợp các Hiệp định vận tải đường bộ quy định về việc cơ quan hải quan xác nhận trên các hồ sơ, chứng từ của phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập – tái xuất, tạm xuất – tái nhập thì công chức hải quan đóng dấu "VIET NAM CUSTOMS" theo mẫu do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành.

4. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh:

a) Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), Hải quan nơi quản lý cửa khẩu đường bộ áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, phương thức giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải;

b) Trong quá trình phương tiện vận tải đường bộ dừng đỗ, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp có cơ sở xác định trên phương tiện vận tải đường bộ có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để khám xét.

Khi thực hiện việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải, cơ quan hải quan thông báo cho các cơ quan liên quan và người khai hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

5. Phương tiện vận tải quá cảnh khi nhập cảnh, xuất cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 62 và Điều này.

Mục 5
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH

Điều 64. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh

1. Hồ sơ hải quan đối với phương tiện nhập cảnh:

a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới hoặc văn bản cho phép do cơ quan có thẩm quyền cấp: hộp 01 bản sao, xuất trình bản chính;

b) Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất hoặc Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập;

c) Bảng kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa;

d) Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa (nếu có);

đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa;

e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hàng hóa;

g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hành khách.

2. Hồ sơ hải quan đối với phương tiện xuất cảnh:

a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới hoặc văn bản cho phép do cơ quan có thẩm quyền cấp: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính;

b) Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập hoặc Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất;

c) Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa (nếu có);

d) Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa;

đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa;

e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hàng hóa;

g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hành khách.

3. Các trường hợp không phải nộp giấy phép vận tải thủy qua biên giới hoặc văn bản cho phép do cơ quan có thẩm quyền cấp quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này:

a) Trường hợp chứng từ đã được chia sẻ từ cơ quan có thẩm quyền cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền có văn bản cho phép phương tiện vận tải nhập cảnh vào khu vực cửa khẩu để giao, nhận hàng hóa.

4. Thời hạn khai, khai sửa đổi, bổ sung và nộp hồ sơ hải quan: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 42 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP.

Điều 65. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:

a) Người khai hải quan khai chứng từ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 64 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố thì người khai hải quan thực hiện khai, nộp hồ sơ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 64 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cho cơ quan hải quan khi phương tiện vận tải đường thủy nội địa đến cửa khẩu biên giới;

c) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng phương tiện không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh:

a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan ngay khi nhận được thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp thông tin khai không đầy đủ, Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động phản hồi từ chối tiếp nhận hồ sơ (nêu rõ lý do) cho người khai hải quan.

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, Hải quan cửa khẩu biên giới tiếp nhận hồ sơ, chứng từ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 64 Nghị định này khi phương tiện vận tải đường thủy nội địa đến cửa khẩu biên giới;

3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh:

a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai hải quan và các bên liên quan.

Đối với phương tiện thủy nội địa nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan và các bên liên quan biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc phương tiện vận tải đường thủy nội địa không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;

b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, hải quan cửa khẩu tiếp nhận và xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan giấy như sau:

b.1) Đối với trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký tờ khai hải quan, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và hướng dẫn khai bổ sung cho người khai hải quan;

b.2) Đối với trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận đăng ký tờ khai hải quan, xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải, ký tên, đóng dấu công chức trên tờ khai hải quan;

Ngay sau khi sự cố được khắc phục, Hải quan cửa khẩu phải cập nhật thông tin tờ khai hải quan vào Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia, tàu thuyền nước ngoài từ Campuchia quá cảnh Việt Nam ra nước ngoài; tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền Campuchia có hô hiệu hoặc số IMO xuất cảnh, nhập cảnh qua đường sông Tiền, sông Hậu thực hiện theo quy định tại Điều 56, Điều 57, Điều 58 Nghị định này.

5. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh:

a) Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), Hải quan nơi quản lý cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, phương thức giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải;

b) Trong quá trình phương tiện vận tải đường thủy nội địa dừng đỗ, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp có cơ sở xác định trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để kiểm tra, kiểm soát.

Khi thực hiện việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải, cơ quan hải quan thông báo cho các cơ quan có liên quan và người khai hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Mục 6

PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐẶC THÙ

Điều 66. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với một số trường hợp đặc thù

1. Phương tiện vận tải đường bộ vận chuyển hành khách tuyến cố định, vận chuyển hàng hóa, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu theo giấy phép vận tải hoặc giấy phép liên vận thì người điều khiển phương tiện được khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn 30 ngày. Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo, cơ quan hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc hệ thống và thanh khoản tờ khai hải quan vào lần tái xuất hoặc tái nhập cuối cùng.

2. Đối với các trường hợp phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là xe cứu thương, xe chữa cháy, xe cứu nạn, cứu hộ, cứu trợ nhân đạo, làm nhiệm vụ khẩn cấp theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước thì thủ tục thực hiện như sau:

a) Người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khai tờ khai hải quan phương tiện vận tải tạm nhập – tái xuất, tạm xuất – tái nhập, xuất trình các giấy tờ liên quan đến phương tiện vận tải và giấy tờ tùy thân của người điều khiển phương tiện vận tải;

b) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình, kiểm tra thực tế phương tiện vận tải, cập nhật thông tin vào Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và thông báo cho các đơn vị, cơ quan có liên quan để phối hợp, theo dõi, xử lý;

c) Trường hợp có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tình trạng cần ưu tiên làm nhiệm vụ khẩn cấp, Hải quan cửa khẩu trên cơ sở kiểm tra phương tiện,

ghi nhận thông tin về loại phương tiện, biển kiểm soát phương tiện, thông tin người điều khiển phương tiện (tên và giấy tờ tùy thân), đơn vị chủ quản của phương tiện, thời gian qua cửa khẩu, cho phép phương tiện qua cửa khẩu và thông báo cho các đơn vị, cơ quan có liên quan để phối hợp, theo dõi, xử lý; yêu cầu đơn vị chủ quản phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện hoàn tất việc khai báo thủ tục với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh trong thời hạn 48 giờ kể từ khi được cho phép qua cửa khẩu.

3. Đối với phương tiện cơ giới của người nước ngoài vào Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 151/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ tạm nhập qua cửa khẩu đường bộ, tái xuất qua cửa khẩu quốc tế đường biển, đường hàng không, đường sắt và ngược lại thì thực hiện thủ tục hải quan cho phương tiện tạm nhập - tái xuất theo quy định tại Mục 4 Chương này.

4. Xe thô sơ, phương tiện thô sơ qua lại biên giới để giao nhận hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới chỉ được phép hoạt động trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.

Khi qua lại cửa khẩu biên giới, chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện xuất trình cho cơ quan hải quan giấy tờ tùy thân và giấy tờ phương tiện (nếu có). Trường hợp phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì nộp tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (hoặc chứng từ chứng minh là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) và 01 bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu (trong trường hợp vận chuyển hàng nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam).

Người điều khiển phương tiện có trách nhiệm đưa phương tiện chở hàng hóa nhập khẩu vào địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc khu vực tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa theo quy định tại khu vực cửa khẩu để chờ làm thủ tục hải quan.

Cơ quan hải quan tiếp nhận, kiểm tra các chứng từ do người điều khiển phương tiện nộp, xuất trình theo quy định tại khoản này; cập nhật vào Sổ theo dõi theo quy định và thực hiện giám sát phương tiện trong thời gian phương tiện hoạt động tại khu vực cửa khẩu. Trường hợp các chứng từ chưa đầy đủ, hợp lệ thì không cho phép phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh và thông báo rõ lý do cho người điều khiển phương tiện.

Thời gian phương tiện vận tải đường bộ quy định tại khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 48 giờ và thời gian phương tiện vận tải đường thủy nội địa quy định tại khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 72 giờ kể từ khi phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới. Trường hợp có lý do chính đáng cần kéo dài thời gian lưu lại tại khu vực cửa khẩu thì người điều khiển phương tiện hoặc chủ hàng hóa có văn bản đề nghị, Trưởng Hải quan cửa khẩu xem xét gia hạn không quá 48 giờ.

5. Phương tiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại cửa khẩu biên giới do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phải đăng ký

với cơ quan hải quan (01 năm 01 lần) để kiểm tra, giám sát theo quy định. Trong thời gian đăng ký, khi qua lại cửa khẩu biên giới, cá nhân, cơ quan, tổ chức không phải khai hải quan; cơ quan hải quan thực hiện giám sát, đối chiếu thông tin phương tiện đã đăng ký khi phương tiện qua lại biên giới.

Hồ sơ đăng ký gồm giấy tờ tùy thân của người điều khiển hoặc người đại diện hợp pháp; giấy tờ chứng minh phương tiện thuộc quyền sở hữu, quản lý hoặc sử dụng hợp pháp; thông tin về biển số, số khung, số máy, chủ phương tiện, người thường xuyên điều khiển và cửa khẩu đăng ký qua lại.

6. Các loại phương tiện quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này chỉ được tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập qua cùng một cửa khẩu. Hải quan cửa khẩu có trách nhiệm làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, vào khu vực cửa khẩu để giao nhận hàng theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển hàng hóa trái phép, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế phương tiện và xử lý theo quy định.

Chương V

THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI KHO NGOẠI QUAN, ĐỊA ĐIỂM THU GOM HÀNG LẺ

Mục 1

KHO NGOẠI QUAN

Điều 67. Các dịch vụ được thực hiện trong kho ngoại quan

Chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan, chủ quản nền tảng thương mại điện tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan hoặc đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện các dịch vụ sau đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan:

1. Gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa; phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa, dán nhãn hàng hóa, các hoạt động khác tác động lên bao bì không ảnh hưởng đến bản chất của hàng hóa.

Các dịch vụ thực hiện trên lô hàng trong kho ngoại quan không được làm thay đổi xuất xứ, mã HS của hàng hóa so với thời điểm trước khi đưa vào kho ngoại quan.

2. Lấy mẫu hàng hóa để phục vụ công tác quản lý hoặc làm thủ tục hải quan.

3. Chuyển quyền sở hữu hàng hóa.

4. Riêng đối với kho ngoại quan chuyên dùng chứa hóa chất, xăng dầu, trường hợp đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan và yêu cầu quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thì được phép pha chế, chuyển đổi chủng loại hàng hóa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 68. Thuê kho ngoại quan

1. Đối tượng được thuê kho ngoại quan:

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam;

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài;

c) Chủ quản nền tảng thương mại điện tử được thay mặt chủ hàng hóa trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại điện tử gửi kho ngoại quan.

2. Hợp đồng thuê kho ngoại quan:

a) Hợp đồng thuê kho ngoại quan do doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan và chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền ký kết theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp chủ hàng là doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan;

b) Thời hạn hiệu lực và thời hạn thuê kho ngoại quan do chủ hàng và doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan thỏa thuận trên hợp đồng thuê kho ngoại quan. Thời hạn thuê kho ngoại quan không quá thời hạn hàng hóa gửi kho ngoại quan theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan.

Điều 69. Hàng hóa gửi kho ngoại quan

1. Hàng hóa từ Việt Nam đã làm xong thủ tục hải quan để chờ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào Việt Nam; hàng hóa từ nước ngoài chờ làm thủ tục hải quan nhập khẩu vào Việt Nam hoặc chờ xuất khẩu ra nước ngoài được đưa vào lưu giữ trong kho ngoại quan.

2. Hàng hóa sau đây không được gửi kho ngoại quan:

a) Hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, giả mạo về sở hữu trí tuệ hoặc giả mạo tên gọi xuất xứ Việt Nam;

b) Hàng hóa gây nguy hiểm cho người hoặc ô nhiễm môi trường;

c) Hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép;

d) Hàng hóa buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Hàng hóa khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 70. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra kho ngoại quan

1. Hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan phải làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật. Riêng đối với các mặt hàng là máy móc, thiết bị, phương tiện và hàng hóa khác cung ứng từ nội địa vào kho ngoại quan để thực hiện các dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định này, chủ hàng hóa hoặc người được ủy quyền có thể lựa chọn không làm thủ tục hải quan, nhưng phải thông báo cụ thể cho Hải quan quản lý kho ngoại quan.

Cơ quan hải quan căn cứ vào chủng loại hàng hóa gửi kho ngoại quan, tình hình hoạt động của kho ngoại quan và việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan để áp dụng phương thức giám sát phù hợp.

2. Hàng hóa từ nước ngoài hoặc từ nội địa, từ khu phi thuế quan đưa vào kho ngoại quan và ngược lại; chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền phải làm thủ tục tại Hải quan quản lý kho ngoại quan.

Hàng hóa của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên và doanh nghiệp tuân thủ tốt đưa từ nội địa vào kho ngoại quan và ngược lại được thực hiện thủ tục giao nhận trước, đăng ký tờ khai hải quan sau.

3. Hàng hóa nhập khẩu từ kho ngoại quan vào thị trường Việt Nam thì phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài theo loại hình nhập khẩu tương ứng; thời điểm nhập khẩu thực tế hàng hóa là thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hàng hóa đưa ra khỏi kho ngoại quan.

Hàng hóa gửi kho ngoại quan thuộc diện buộc phải tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì không được phép nhập khẩu trở lại thị trường Việt Nam.

4. Hàng hóa lưu giữ, bảo quản trong kho ngoại quan phải phù hợp với hợp đồng thuê kho ngoại quan; kho ngoại quan chuyên dùng chỉ được phép lưu giữ các mặt hàng phù hợp với điều kiện bảo quản, lưu giữ của kho.

5. Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan áp dụng phương tiện, công nghệ thông tin để quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan và cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan về thực trạng hàng hóa trong kho và tình hình hoạt động của kho thông qua hệ thống công nghệ thông tin được kết nối với cơ quan hải quan.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra kho ngoại quan và việc xử lý hàng hóa quá thời hạn gửi kho ngoại quan.

Mục 2

ĐỊA ĐIỂM THU GOM HÀNG LẺ (CFS)

Điều 71. Các dịch vụ được thực hiện trong địa điểm thu gom hàng lẻ

1. Đóng gói, đóng gói lại, sắp xếp, sắp xếp lại hàng hóa chờ xuất khẩu.

2. Hàng quá cảnh, hàng trung chuyển được đưa vào các địa điểm thu gom hàng lẻ để chia tách, đóng ghép chung container xuất khẩu hoặc đóng ghép chung với hàng xuất khẩu của Việt Nam.

3. Chia tách các lô hàng nhập khẩu để chờ làm thủ tục nhập khẩu hoặc đóng ghép container với các lô hàng xuất khẩu khác để xuất sang nước thứ ba.

4. Chuyển quyền sở hữu đối với hàng hóa trong thời gian lưu giữ.

Điều 72. Quản lý, giám sát hải quan

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ trong địa điểm thu gom hàng lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16.

2. Hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra địa điểm thu gom hàng lẻ phải làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật. Riêng đối với các mặt hàng là máy móc, thiết bị, phương tiện và hàng hóa khác cung ứng từ nội địa vào địa điểm thu gom hàng lẻ để thực hiện các dịch vụ quy định tại Điều 71 Nghị định này, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ có thể lựa chọn không làm thủ tục hải quan, nhưng phải thông báo cụ thể cho Hải quan quản lý địa điểm thu gom hàng lẻ.

Cơ quan hải quan căn cứ vào chủng loại hàng hóa gửi địa điểm thu gom hàng lẻ, tình hình hoạt động của địa điểm thu gom hàng lẻ và việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ để áp dụng phương thức giám sát phù hợp.

3. Hàng hóa vận chuyển từ cửa khẩu đến địa điểm thu gom hàng lẻ nằm ngoài cửa khẩu và ngược lại hoặc hàng hóa vận chuyển từ địa điểm thu gom hàng lẻ đến các địa điểm làm thủ tục hải quan khác ngoài cửa khẩu và ngược lại phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra địa điểm thu gom hàng lẻ và việc xử lý hàng hóa quá thời hạn lưu giữ tại địa điểm thu gom hàng lẻ.

Chương VI

KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

Điều 73. Kiểm tra sau thông quan, thời hạn kiểm tra sau thông quan

1. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan:

a) Đối với các trường hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 78 Luật Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan.

Trường hợp phức tạp, có rủi ro về thuế, chính sách quản lý hàng hóa, Trưởng Hải quan khu vực ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan.

Trường hợp người khai hải quan có trụ sở chính hoặc mã số thuế không thuộc địa bàn quản lý của Hải quan khu vực thì chỉ thực hiện kiểm tra đối với các tờ khai hải quan làm thủ tục hải quan tại địa bàn quản lý. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với tờ khai hải quan làm thủ tục hải quan tại địa bàn quản lý của

Hải quan khu vực khác, đơn vị phát hiện dấu hiệu vi phạm báo cáo Cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra.

b) Thời hạn: Tối đa 10 ngày, không áp dụng gia hạn.

c) Người khai hải quan phải cung cấp hóa đơn thương mại, chứng từ vận tải, hợp đồng mua bán hàng hóa, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (nếu có), chứng từ thanh toán, hồ sơ, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa liên quan đến hồ sơ đang được kiểm tra trừ các chứng từ mà người khởi tạo các chứng từ đó đã cung cấp cho cơ quan hải quan và giải trình những nội dung liên quan.

2. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan:

a) Thẩm quyền quyết định kiểm tra:

Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan được thực hiện đối với các trường hợp quy định tại Điều 78 Luật Hải quan, bao gồm cả trường hợp đã kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan nhưng phát hiện có thông tin mới hoặc dấu hiệu vi phạm, có rủi ro về thuế.

a.1) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc đối với doanh nghiệp thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên trừ trường hợp phân cấp cho Trưởng Hải quan khu vực quy định tại các Luật, Nghị quyết của Quốc hội quy định cơ chế, chính sách đặc biệt, đặc thù;

a.2) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan trong phạm vi toàn quốc. Đối với trường hợp quy định tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Cục trưởng Cục Hải quan phân công;

a.3) Trưởng Hải quan khu vực quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan có trụ sở chính hoặc mã số thuế thuộc địa bàn quản lý, bao gồm cả các doanh nghiệp được công nhận, gia hạn, đình chỉ, tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên theo thẩm quyền được phân cấp tại các Luật, Nghị quyết của Quốc hội quy định cơ chế, chính sách đặc biệt, đặc thù. Đối với trường hợp quy định tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Cục trưởng Cục Hải quan phân công.

b) Thời hạn: Tối đa 20 ngày, được gia hạn 01 lần không quá 20 ngày.

Trường hợp kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan để đánh giá công nhận áp dụng chế độ ưu tiên hoặc đánh giá gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên: thực hiện theo quy định tại điểm a.2 khoản 7 và điểm b.2 khoản 8 Điều 9 Nghị định này.

Điều 74. Thu thập thông tin, phúc tập hồ sơ, kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã thông quan

1. Thu thập thông tin:

a) Thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan được thu thập từ trong và ngoài ngành hải quan;

b) Người khai hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu, tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra sau thông quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

2. Phúc tập hồ sơ hải quan:

a) Phúc tập hồ sơ hải quan là hoạt động kiểm tra, rà soát, đối chiếu các chứng từ trong hồ sơ hải quan về xuất xứ, trị giá, phân loại hàng hóa và các nội dung khác có liên quan sau khi hàng hóa đã thông quan;

b) Kết quả phúc tập hồ sơ là nguồn thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan và hoạt động nghiệp vụ khác của cơ quan hải quan;

c) Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro trong việc lựa chọn hồ sơ phúc tập.

3. Kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã được thông quan:

a) Kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã được thông quan là việc cơ quan hải quan kiểm tra trị giá hải quan đối với các trường hợp nghi vấn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định này;

b) Kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã được thông quan được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông quan hàng hóa.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 75. Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan

1. Chuẩn bị kiểm tra sau thông quan:

a) Thu thập, phân tích, đánh giá thông tin để chuẩn bị kiểm tra sau thông quan. Căn cứ kết quả thu thập, phân tích, đánh giá thông tin, cơ quan hải quan quyết định địa điểm kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan hoặc trụ sở người khai hải quan;

b) Trường hợp kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan, cơ quan hải quan khảo sát để chuẩn bị kiểm tra sau thông quan trong trường hợp cần thiết.

Không áp dụng quy định tại điểm a và điểm b khoản này đối với trường hợp kiểm tra sau thông quan để đánh giá gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên.

c) Ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan.

Quyết định kiểm tra sau thông quan gửi cho người khai hải quan bằng một trong các hình thức: gửi trực tiếp, thư bảo đảm, fax, thư điện tử; thời hạn gửi trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định kiểm tra sau thông quan, trừ trường hợp kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan.

2. Tiến hành kiểm tra sau thông quan:

a) Công bố quyết định kiểm tra.

Cơ quan hải quan và người khai hải quan ký biên bản công bố ghi nhận nguyên tắc kiểm tra, phương pháp kiểm tra;

b) Thu thập, xác minh thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra (trong trường hợp cần thiết);

c) Đối chiếu nội dung khai báo với các tài liệu có liên quan, tình trạng thực tế của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong phạm vi, nội dung của quyết định kiểm tra sau thông quan;

d) Lập biên bản kiểm tra sau thông quan khi kết thúc kiểm tra.

3. Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra sau thông quan;

b) Xây dựng dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan;

c) Gửi dự thảo kết luận cho người khai hải quan để giải trình;

d) Thẩm định dự thảo kết luận kiểm tra: người ra quyết định kiểm tra tổ chức thẩm định dự thảo kết luận kiểm tra khi cần thiết;

đ) Ban hành kết luận kiểm tra:

Trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan thì người quyết định kiểm tra phải ban hành kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan trong thời hạn tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra.

Trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan thì người quyết định kiểm tra phải ban hành kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan trong thời hạn tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra. Trường hợp kết luận kiểm tra cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn ký kết luận kiểm tra là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan. Trường hợp hết thời hạn 30 ngày làm việc, cơ quan hải quan không nhận được ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn dựa trên kết quả kiểm tra và dữ liệu của cơ quan hải quan hiện có;

e) Xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền xử lý theo kết quả kiểm tra. Trường hợp người khai hải quan không chấp hành quyết định kiểm tra, không giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu đúng thời hạn cho cơ quan hải quan thì cơ quan hải quan căn cứ hồ sơ, tài liệu đã thu thập, xác minh để quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật hải quan và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Điều 76. Gia hạn thời hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm dừng, hủy quyết định kiểm tra sau thông quan

1. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi thành viên đoàn kiểm tra, thay đổi về thời gian, thay đổi phạm vi, nội dung kiểm tra;

b) Quyết định kiểm tra sau thông quan có sai sót về thể thức, nội dung, kỹ thuật trình bày văn bản.

2. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét tạm dừng trong các trường hợp sau:

a) Tạm dừng khi cơ quan hải quan chưa thực hiện kiểm tra sau thông quan:

a.1) Người khai hải quan đang chịu sự kiểm tra, thanh tra, điều tra của các cơ quan có thẩm quyền;

a.2) Vì sự kiện bất khả kháng mà người khai hải quan không thể chấp hành được quyết định kiểm tra;

b) Tạm dừng khi cơ quan hải quan đang thực hiện kiểm tra sau thông quan:

b.1) Trường hợp cơ quan hải quan tạm dừng để thực hiện xác minh tại cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tạm dừng do sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người ban hành Quyết định kiểm tra ban hành thông báo tạm dừng gửi cho người khai hải quan. Thông báo nêu lý do và thời gian tạm dừng;

b.2) Trường hợp người khai hải quan đề nghị tạm dừng để có thời gian xử lý, khắc phục sự cố gây ra bởi sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người khai hải quan có văn bản đề nghị tạm dừng nêu lý do và thời gian tạm dừng gửi người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét, quyết định và thông tin cho người khai hải quan.

Thời gian tạm dừng này không tính vào thời gian kiểm tra của Quyết định kiểm tra sau thông quan.

3. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành quyết định kiểm tra quyết định hủy trong trường hợp người khai hải quan đã bỏ trốn, giải thể, phá sản, mất tích, ngừng hoạt động và trường hợp khác dẫn đến cơ quan hải quan không thực hiện được quyết định kiểm tra. Quyết định hủy quyết định kiểm tra sau thông quan phải nêu rõ lý do hủy.

4. Quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan được người ban hành quyết định kiểm tra quyết định gia hạn thời hạn trong trường hợp cần thiết. Thời hạn gia hạn được thực hiện theo khoản 2 Điều 79 Luật Hải quan.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Chương VII

KIỂM SOÁT HẢI QUAN

Điều 77. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan

1. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan gồm:

a) Vận động quần chúng tham gia phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

b) Tuần tra hải quan;

c) Thu thập, nghiên cứu thông tin về địa bàn, tuyến vận chuyển hàng hóa, hiện tượng, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

d) Thu thập, nghiên cứu thông tin về tổ chức, cá nhân có dấu hiệu hoạt động liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

đ) Thu thập, xử lý thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan. Cử công chức hải quan ra nước ngoài để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

e) Tuyển chọn, xây dựng, sử dụng những người không thuộc biên chế của cơ quan hải quan để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

g) Bố trí công chức hải quan kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

h) Sử dụng các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến, hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

i) Cơ quan hải quan sử dụng kết hợp các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật trong hoạt động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan và quy định chế độ đảm bảo thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan.

Điều 78. Tuần tra hải quan

1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm tổ chức lực lượng, phương tiện tiến hành biện pháp tuần tra trong địa bàn hoạt động hải quan để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2. Trong quá trình tuần tra, cơ quan hải quan có quyền:

a) Sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi, hình thức khác theo quy định của pháp luật để ra hiệu lệnh;

b) Dừng phương tiện vận tải để khám phương tiện vận tải, hàng hóa chứa trên phương tiện vận tải khi phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, vi phạm pháp luật hải quan;

c) Khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Tạm giữ người, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

đ) Trong trường hợp lực lượng kiểm soát đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra tại vùng nội thủy, lãnh hải mà phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì phát tín hiệu, ra hiệu lệnh dừng phương tiện vận tải để kiểm tra theo quy định của Luật Biển Việt Nam. Qua kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm pháp luật cần phải tiến hành khám thì phải đưa phương tiện vận tải về cảng hoặc vị trí neo đậu đảm bảo cho việc khám an toàn. Việc khám được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Kết thúc kiểm tra, cơ quan hải quan phải lập biên bản. Biên bản được giao cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải 01 bản.

Điều 79. Dừng phương tiện vận tải

1. Các trường hợp được dừng phương tiện vận tải:

a) Cơ quan hải quan nhận được tin tố giác về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và xác định thông tin đó là có cơ sở;

b) Cơ quan hải quan nhận được thông tin từ các cơ quan chức năng về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới hoặc yêu cầu dừng phương tiện vận tải từ các cơ quan đó;

c) Cơ quan hải quan nhận được thông tin từ hải quan các nước về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

d) Khi thực hiện kiểm soát hải quan, cơ quan hải quan phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

đ) Phương tiện vận tải chở hàng hóa đang làm thủ tục hải quan, hàng hóa chưa được phép thông quan hoặc giải phóng hàng mà cố tình đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan;

e) Khi có căn cứ cho rằng trên phương tiện vận tải có cất giấu hàng hóa trái phép, có dấu hiệu khác vi phạm pháp luật về hải quan;

g) Trường hợp quy định tại điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 78 Nghị định này.

2. Thẩm quyền dừng phương tiện vận tải:

a) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu được dừng phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan;

b) Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu được dừng phương tiện vận tải tại vùng nội thủy, lãnh hải phù hợp với quy định của Luật Biển Việt Nam.

3. Khi dừng phương tiện vận tải, công chức hải quan được sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi, hình thức khác theo quy định của pháp luật để yêu cầu phương tiện vận tải dừng lại.

Việc dừng phương tiện vận tải phải được thông báo bằng văn bản cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải, trừ trường hợp dừng phương tiện vận tải theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều này.

4. Người có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải quy định tại khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc dừng phương tiện vận tải của mình.

Điều 80. Truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới

1. Trường hợp có căn cứ xác định hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, phương tiện vận tải chở hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan thì cơ quan hải quan tiếp tục truy đuổi để ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền được quyết định việc truy đuổi.

Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không thực hiện ngay việc truy đuổi thì phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được thực hiện việc truy đuổi và báo cáo ngay với người có thẩm quyền quy định tại khoản này.

3. Khi thực hiện truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, công chức hải quan quy định tại khoản 2 Điều này được dừng phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan và báo cáo ngay với người có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định này.

4. Việc truy đuổi và dừng phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan phải được thông báo cho cơ quan công an, Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường trên địa bàn để phối hợp, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhận được thông báo có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ cơ quan hải quan truy đuổi, dừng phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật.

Điều 81. Trang bị phương tiện phục vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới

1. Để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên các tuyến đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, cơ quan hải quan được trang bị xe ô tô, xe mô tô, tàu cao tốc, xuồng máy, ca nô và các phương tiện chuyên dùng khác có lắp đặt đèn hiệu, cờ hiệu hải quan, biểu tượng hải quan, pháo hiệu, loa, còi và các phương tiện kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật.

2. Các phương tiện của cơ quan hải quan làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ được quyền ưu tiên khi thực hiện truy đuổi, bắt giữ, khám phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, dẫn giải, áp giải đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các nhiệm vụ khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp phép, quản lý, sử dụng các thiết bị phát tín hiệu, ra hiệu lệnh của xe được quyền ưu tiên của cơ quan hải quan đi làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VIII
THÔNG TIN HẢI QUAN

Điều 82. Thông tin hải quan

Thông tin hải quan bao gồm:

1. Thông tin từ hoạt động nghiệp vụ hải quan:

a) Thông tin thuộc bộ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

b) Thông tin nghiệp vụ hải quan được thực hiện trong quá trình kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Thông tin từ Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan:

a) Thông tin về chính sách quản lý hàng hóa sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành;

b) Thông tin về cấp phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

c) Thông tin về xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Thông tin về các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:

a) Thông tin về đăng ký, thành lập, giải thể, phá sản và tình trạng tài chính;

b) Thông tin về quá trình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

c) Thông tin về quá trình tuân thủ, chấp hành pháp luật trong lĩnh vực hải quan, thuế, kế toán, thống kê;

d) Dữ liệu điện tử, dữ liệu số được kết nối từ hệ thống quản lý của doanh nghiệp; dữ liệu định vị, giám sát hành trình của phương tiện vận tải; hình ảnh và dữ liệu số từ các cơ quan kiểm tra chuyên ngành và doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi;

đ) Thông tin khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh do các tổ chức, cá nhân thực hiện.

4. Các thông tin khác có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan.

5. Thông tin chia sẻ, kết nối từ Cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 83. Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan

1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin hải quan, bao gồm:

a) Tiếp nhận, xử lý thông tin hải quan thông qua hoạt động cung cấp, trao đổi, kết nối, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực hải quan;

b) Cử công chức hải quan ra nước ngoài để thực hiện nghiệp vụ thu thập thông tin phục vụ quản lý nhà nước về hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 96 Luật Hải quan.

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thu thập thông tin nghiệp vụ hải quan quy định tại điểm này;

c) Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cần thiết khác để thu thập thông tin liên quan về hàng hóa, phương tiện vận tải, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan, bao gồm:

a) Cung cấp thông tin về chế độ, chính sách, hướng dẫn về hải quan cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

b) Cung cấp cho người khai hải quan các thông tin liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan;

c) Cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan nhà nước có liên quan để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và điều tra hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật;

d) Cung cấp thông tin thống kê hải quan theo quy định của pháp luật về thống kê;

đ) Cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử cho các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng để thực hiện các thủ tục liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

e) Trường hợp bất khả kháng do yêu cầu phải khôi phục về dữ liệu hồ sơ hải quan của người khai hải quan, cơ quan hải quan cung cấp cho người khai hải quan các thông tin về hồ sơ hải quan;

g) Cung cấp thông tin hải quan cho cơ quan hải quan nước ngoài, tổ chức quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký kết.

3. Việc thu thập, cung cấp thông tin hải quan phải đảm bảo an ninh thông tin mạng, an ninh dữ liệu quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và bảo mật bí mật kinh doanh của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Cơ quan hải quan không được cung cấp các thông tin làm ảnh hưởng đến quyền cạnh tranh hợp pháp của doanh nghiệp, trừ trường hợp phục vụ công tác điều tra, tố tụng hình sự hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 84. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan tư pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan hải quan:

a) Thông tin liên quan đến chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và thông tin về hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành;

b) Thông tin cấp phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; thông tin liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ra nước ngoài;

c) Thông tin về tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm và kết quả xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Thông tin về các cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, cảng cạn, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế;

đ) Thông tin về tổ chức, cá nhân có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;

e) Thông tin về người xuất cảnh, nhập cảnh và thông tin về phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

g) Thông tin, dữ liệu, hình ảnh từ hệ thống ca-mê-ra, hệ thống máy soi phục vụ việc quản lý hải quan.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan tư pháp xây dựng các quy định cụ thể về trao đổi, cung cấp thông tin hải quan.

Điều 85. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan

1. Tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan nhằm phục vụ cho hoạt động thu thập, xử lý thông tin, kiểm tra hải quan và hoạt động điều tra, xác minh, xử lý các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới:

a) Hồ sơ, thông tin giao dịch thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và thanh toán tiền thuế liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua tài khoản ngân hàng của người khai hải quan; thông tin về số tiền bảo lãnh cho người nộp thuế của ngân hàng theo yêu cầu của cơ quan hải quan;

b) Hồ sơ, chứng từ, thông tin về số tài khoản thanh toán, bản sao sổ kế toán chi tiết tài khoản thanh toán, bản sao bộ chứng từ thanh toán quốc tế, bộ chứng từ thanh toán nội địa, thanh toán biên mậu qua ngân hàng của tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

2. Tổ chức bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến các giao dịch bảo hiểm theo yêu cầu của cơ quan hải quan để phục vụ hoạt động kiểm tra hải quan và hoạt động điều tra, xác minh, xử lý các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới của cơ quan hải quan.

3. Các tổ chức, cá nhân là đối tác kinh doanh hoặc khách hàng của người khai hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

4. Các hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm cung cấp thông tin về hợp đồng xuất khẩu của người khai hải quan trong trường hợp pháp luật có quy định các hiệp hội ngành nghề xác nhận hợp đồng xuất khẩu trước khi làm thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

Điều 86. Hình thức cung cấp và sử dụng thông tin hải quan

1. Thông tin hải quan được cung cấp bằng văn bản hoặc thông điệp dữ liệu. Giá trị pháp lý của thông tin hải quan cung cấp bằng hình thức thông điệp dữ liệu được quy định tại Luật Giao dịch điện tử.

2. Cơ quan hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp, sử dụng thông tin được cung cấp đúng mục đích; tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh thông tin mạng, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, pháp luật chuyên ngành có liên quan và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Tờ khai hải quan điện tử có giá trị sử dụng trong việc thực hiện các thủ tục về thuế, cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thủ tục thanh toán qua ngân hàng và các thủ tục hành chính khác; chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan sử dụng tờ khai hải quan điện tử phục vụ yêu cầu quản lý, không yêu cầu người khai hải quan cung cấp bản giấy tờ khai hải quan.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 87. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số nội dung của các nghị định có liên quan

1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Nghị định số 02/2021/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về cờ truyền thống, cờ hiệu, biểu tượng, hải quan hiệu, phù hiệu, biển tên, cấp hiệu, trang phục, chứng minh hải quan và dấu hiệu đặc trưng phương tiện tuần tra, kiểm soát, giám sát hải quan của Chính phủ:

a) Thay thế cụm từ "Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục Hải quan" tại khoản 2 Điều 2; Điều 8;

b) Thay thế cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Hải quan" tại khoản 5 Điều 3; Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP;

c) Thay thế cụm từ "Tổng cục trưởng", "Vụ trưởng", "Cục trưởng", "Chi cục trưởng" bằng cụm từ "Cấp trưởng" và thay thế cụm từ "Phó Tổng cục trưởng", "Phó Vụ trưởng", "Phó Cục trưởng", "Phó Chi cục trưởng" bằng cụm từ "Cấp phó" tại Mẫu số 02; Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP;

d) Thay thế cụm từ "Lãnh đạo Tổng cục" bằng cụm từ "Lãnh đạo Cục" tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 10; Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP;

đ) Thay thế cụm từ "Cục Hải quan" bằng cụm từ "Hải quan khu vực" tại điểm b khoản 3 Điều 13;

e) Thay thế cụm từ "Cục, Vụ" bằng cụm từ "Ban, Chi cục, Hải quan khu vực" và cụm từ "Chi cục, Đội kiểm soát hải quan" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội, Phòng" tại điểm đ khoản 1 Điều 10;

g) Thay thế cụm từ "Vụ, Cục" bằng cụm từ "Ban, Chi cục, Hải quan khu vực" và thay thế cụm từ "Chi cục, Đội và tương đương thuộc các Vụ, Cục" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội, Phòng và tương

đương" tại Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP;

h) Thay thế cụm từ "Cục" bằng cụm từ "Chi cục, Hải quan khu vực và tương đương"; thay thế cụm từ "Chi cục, Đội và tương đương thuộc Cục" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội, Phòng và tương đương" tại Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP;

i) Bỏ cụm từ: "và trực thuộc" tại khoản 2 Điều 2;

k) Bãi bỏ quy định: "Công chức giữ chức vụ lãnh đạo cấp Tổ, Đội thuộc Chi cục; cấp Tổ thuộc Đội Kiểm soát hải quan và các chức vụ tương đương: 01 vạch ngang màu vàng" và quy định "Công chức, viên chức tập sự: Không gắn vạch cấp hiệu" tại điểm đ khoản 1 Điều 10;

l) Bãi bỏ cấp hiệu gắn trên lễ phục, trang phục thu - đông, trang phục xuân - hè và trên trang phục chống buôn lậu của Lãnh đạo cấp Tổ, Đội và tương đương thuộc Chi cục tại Mẫu số 02 và Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP;

m) Sửa đổi, bổ sung phần "Tên đơn vị, Chỉ số đơn vị" tại Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP như sau:

Chi cục Điều tra chống buôn lậu: 11; Hải quan khu vực III: 12; Hải quan khu vực VII: 13; Hải quan khu vực VIII: 14; Hải quan khu vực X: 15; Hải quan khu vực XI: 16, 17; Hải quan khu vực IX: 18, 19, 20; Hải quan khu vực XII: 21, 22, 23; Hải quan khu vực XIV: 24; Hải quan khu vực XIII: 25; Hải quan khu vực II: 26, 27; Hải quan khu vực XVII: 28; Hải quan khu vực XX: 29, 30, 33; Hải quan khu vực XIX: 31, 32; Hải quan khu vực XVIII: 34; Hải quan khu vực IV: 35; Hải quan khu vực I: 36.

n) Bổ sung khoản 1a vào khoản 1 Điều 16 như sau: "1a. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổ chức đăng ký, đăng kiểm tàu thuyền, ca nô, xuồng máy phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát hải quan theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này".

2. Thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 và Nghị định số 153/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ như sau:

a) Bỏ cụm từ "dân dụng" tại Điều 5;

b) Bỏ cụm từ "kho bảo thuế" tại khoản 3 Điều 8;

c) Thay thế cụm từ "Khu vực cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa" bằng cụm từ "Cảng cạn" tại khoản 3 Điều 8.

3. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số cụm từ của Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế như sau:

a) Thay thế cụm từ "điểm a khoản 2 Điều 47 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014" bằng cụm từ "khoản 3 Điều 61 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16" tại khoản 6 Điều 3;

b) Thay thế cụm từ "Chi cục trưởng Chi cục Hải quan" bằng cụm từ "Trưởng Hải quan khu vực" tại khoản 2 Điều 7, điểm b khoản 2 Điều 17;

c) Thay thế cụm từ "Đội trưởng Hải quan" bằng cụm từ "Trưởng Hải quan" tại điểm b khoản 2 Điều 9, khoản 7, khoản 8 Điều 19;

d) Thay thế các cụm từ "Chi cục Hải quan", "Chi cục Hải quan khu vực" bằng cụm từ "Hải quan khu vực" tại Mẫu số 04/BBBG Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP;

đ) Thay thế cụm từ "Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016" bằng cụm từ "Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ..." tại khoản 2, khoản 3 Điều 6.

4. Bãi bỏ khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

Điều 88. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

3. Đối với hồ sơ để thực hiện các thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này, người khai hải quan đã nộp nhưng chưa hoàn thành thủ tục thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm trước khi Nghị định này có hiệu lực.

4. Quyết định kiểm tra sau thông quan, quyết định kiểm tra báo cáo quyết toán, tình hình sử dụng ban hành trước ngày 01/3/2027 tiếp tục thực hiện theo quy định tại thời điểm ban hành. Quyết định công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên đã ban hành tiếp tục có hiệu lực, việc gia hạn thực hiện theo Nghị định này.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 89. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao tại Nghị định.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phụ lục

CHỈ TIÊU THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ

(Kèm theo Nghị định số ...../...../NĐ-CP ngày ... tháng ..... năm..... của Chính phủ)

Mẫu số 01

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
Mẫu số 01	**Thông báo của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế**	Thực hiện khi có nhu cầu hoạt động, mở rộng diện tích liền kề, thu hẹp, tạm dừng, hoạt động trở lại, chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế
A	**Thông tin về doanh nghiệp**	
1.1	Tên doanh nghiệp	Nhập tên doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế.
1.2	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế
1.3	Trụ sở chính	Nhập địa chỉ trụ sở chính
1.4	Số điện thoại	Nhập số điện thoại của doanh nghiệp
1.5	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/chứng nhận đầu tư	Nhập số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/chứng nhận đầu tư, ngày tháng năm của Giấy chứng nhận. (Ghi rõ loại giấy tờ theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp).
1.6	Ngành nghề kinh doanh	Chỉ nhập ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế
B	**Thông tin về tiêu chuẩn địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế**	
1.7	Vị trí	Nhập cụ thể vị trí, địa chỉ của địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế. Trường hợp địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế có các vị trí khác nhau thì ghi cụ thể vị trí, địa chỉ của từng kho, cửa hàng, quầy nhận hàng; trường hợp địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế đã được cơ quan hải quan cấp mã địa điểm thì ghi thêm mã địa điểm tại chỉ tiêu này
1.8	Diện tích	Nhập tổng diện tích địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế: .... m^2. Trong đó: - Diện tích kho chứa hàng miễn thuế: .... m^2 (ghi cụ thể diện tích của từng kho nếu địa điểm có nhiều kho); - Diện tích cửa hàng miễn thuế: .... m^2 (ghi cụ thể diện tích của từng cửa hàng nếu địa điểm có nhiều cửa hàng);

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
		- Diện tích quầy nhận hàng: ..... m^2 (ghi cụ thể vị trí, diện tích của từng quầy nhận hàng nếu địa điểm có nhiều quầy nhận hàng); - Diện tích khác (nếu có): ..... m^2;
1.9	Hệ thống phần mềm	Nhập hợp đồng cung cấp hệ thống thông tin (phần mềm quản lý) số:.....; đối tác.... (Trường hợp doanh nghiệp tự phát triển phần mềm thì ghi: Phần mềm doanh nghiệp tự xây dựng
1.10	Các thông tin khác	Nhập các thông tin liên quan đến Hệ thống phần mềm. Ví dụ: yếu tố kỹ thuật, mô tả hệ thống, ...
1.11	Hệ thống ca-mê-ra giám sát hải quan	Nhập hợp đồng cung cấp lắp đặt số:....; đối tác....Trường hợp doanh nghiệp tự lắp đặt thì ghi: Hệ thống ca-mê-ra giám sát do doanh nghiệp tự mua, lắp đặt.
1.12	Số lượng ca-mê-ra	Nhập số lượng ca-mê-ra tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế
1.13	Các thông tin khác	Nhập các thông tin liên quan đến Hệ thống ca-mê-ra giám sát. Ví dụ: thông số kỹ thuật, mô tả hoạt động, ...
1.14	Thông tin về chứng từ chứng nhận quyền sử dụng đất, công trình địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế	Nhập số chứng từ, ... ngày ... cơ quan cấp: ... thời hạn ..../số hợp đồng thuê ... ngày ...: thời hạn thuê: từ ngày ... đến ngày ...
1.15	Thông tin về chứng từ chứng nhận phòng cháy chữa cháy	Nhập số chứng từ... ngày ... cơ quan cấp: ... thời hạn ....
1.16	Thông tin về chứng từ khác	Nhập các thông tin về chứng từ khác (nếu có)
C	**Trường hợp thông báo hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế**	Thực hiện khi doanh nghiệp có nhu cầu hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế
1.17	Thông tin địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế dự kiến bắt đầu hoạt động	Nhập thông tin địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế dự kiến bắt đầu hoạt động từ ngày ... tháng ... năm ...
D	**Trường hợp thông báo mở rộng diện tích liền kề/thu hẹp địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế**	Thực hiện khi doanh nghiệp có nhu cầu mở rộng diện tích liền kề/thu hẹp địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế
1.18	Mở rộng diện tích liền kề thêm/Thu hẹp diện tích	Nhập thông tin diện tích đối với phần mở rộng diện tích liền kề thêm/thu hẹp diện tích theo m2

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
1.19	Diện tích sau khi mở rộng diện tích liền kề/thu hẹp địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế	Nhập diện tích sau khi mở rộng diện tích liền kề/thu hẹp địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo m2
1.20	Dự kiến hoạt động	Nhập thời gian dự kiến hoạt động theo ngày…tháng…năm
E	**Trường hợp thông báo tạm dừng hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế**	Thực hiện khi doanh nghiệp có nhu cầu tạm dừng hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế
1.21	Thời gian tạm dừng hoạt động	Nhập rõ từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...
G	**Trường hợp thông báo hoạt động trở lại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế**	Thực hiện khi doanh nghiệp hoạt động trở lại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế
1.22	Thời gian hoạt động trở lại	Nhập rõ từ ngày ... tháng ... năm ...
H	**Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế**	Thực hiện khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế
1.23	Thời gian chấm dứt hoạt động	Nhập rõ chấm dứt hoạt động từ ngày ... tháng ... năm ...
I	**Hồ sơ kèm theo**	Đính kèm sơ đồ thiết kế khu vực kho, cửa hàng, quầy nhận hàng (Yêu cầu sơ đồ phải thể hiện rõ vị trí đặt địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, hệ thống cửa ra vào, cửa sổ, vị trí lắp đặt hệ thống ca-mê-ra, vị trí kho, cửa hàng, quầy nhận hàng, vị trí khác (nếu có))

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 868 /BC-BTC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 *(gọi tắt là Nghị định)*. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

1.1. Bối cảnh trong nước

- Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra nhiệm vụ, giải pháp: "*Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân*".

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: "*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm" và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn*".

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách "*Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động*

hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là về ....thuế, hải quan... Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn; Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị; Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật".

- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025 (Điều 7 quy định về phân quyền và Điều 8 quy định về phân cấp).

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước.

- Nghị định số 376/2026/NĐ-CP ngày 01/10/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Những định hướng và giải pháp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị nêu trên đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu sửa đổi Nghị định để tạo hành lang pháp lý vững chắc cho quá trình chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về hải quan theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh mới đặc biệt là các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử; đẩy mạnh cắt giảm thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan; tăng cường quản lý, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho hải quan địa phương theo Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW.

1.2. Bối cảnh quốc tế

Việc tổng kết thi hành Nghị định diễn ra trong bối cảnh trên thế giới cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan. Theo đó, cách mạng công nghiệp 4.0 mang đến cơ hội to lớn trong việc cải cách, hiện đại hóa hoạt động quản lý nhà nước về hải quan nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan và tạo thuận lợi thương mại. Cùng với đó, xu thế số hóa và dịch chuyển chuỗi cung ứng đòi hỏi các thao tác xử lý cần được kết hợp hài hòa giữa trí tuệ con người và trí tuệ nhân tạo, đảm bảo các quy trình nghiệp vụ hải quan được tự động ở mức cao, cho phép các bên tham gia có thể được trao đổi, chia sẻ thông tin với tốc độ nhanh.

Do đó, việc rà soát, sửa đổi Nghị định trong giai đoạn hiện nay được xác định là bước chuyển tiếp mang tính bản lề. Mục tiêu của lần sửa đổi này là kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, điểm nghẽn cấp bách phát sinh trong thực tiễn,

bước đầu luật hóa việc thu thập, kết nối luồng thông tin, dữ liệu số. Đây là tiền đề pháp lý quan trọng để thúc đẩy phương thức quản lý liên thông, chia sẻ, xây dựng kho dữ liệu lớn, qua đó chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết cho cuộc cải cách toàn diện trong thời gian tới, đưa Hải quan Việt Nam tiến tới hải quan phi giấy tờ thực chất.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Bộ Tài chính (Cục Hải quan) đã thực hiện rà soát, tổng kết tình hình thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

Thông qua quá trình tổng kết, nhiều điểm vướng mắc, bất cập đã được nhận diện, đặt ra yêu cầu bức thiết trong việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Sau khi Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được ban hành, Bộ Tài chính (Cục Hải quan) đã chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện thống nhất trong toàn ngành Hải quan, từ cấp trung ương đến các đơn vị hải quan địa phương.

Công tác quán triệt, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các quy định của Nghị định được triển khai kịp thời thông qua việc ban hành văn bản hướng dẫn, tổ chức hội nghị tập huấn và tuyên truyền, phổ biến đến các công chức hải quan các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, cơ quan hải quan các cấp thường xuyên hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc phát sinh của người khai hải quan, doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp; đồng thời tổ chức các hội nghị đối thoại doanh nghiệp để tiếp nhận, trao đổi, xử lý các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền. Đối với các nội dung vượt thẩm quyền, cơ quan hải quan đã kịp thời tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý nhằm đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với thực tiễn.

Việc triển khai đồng bộ các quy định của Nghị định đã góp phần bảo đảm tổ chức thi hành pháp luật về hải quan thống nhất trong toàn Ngành, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan.

2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật:

Sau hơn 10 năm triển khai thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, các quy định của Nghị định đã được tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn ngành Hải quan và đạt được nhiều kết quả tích cực. Nghị định đã phát huy vai trò là văn bản quy định chi tiết quan trọng của Luật Hải quan, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý rủi ro và kiểm tra sau thông quan; góp phần cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan, tạo thuận lợi thương mại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế trong từng giai đoạn. Cụ thể:

2.1. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật

a) Về thủ tục hải quan, hải quan điện tử và Cơ chế một cửa

Các quy định của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP về thủ tục hải quan đã được triển khai thống nhất trong toàn ngành Hải quan, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện đồng bộ thủ tục hải quan điện tử và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan. Qua thực tiễn thi hành, các quy định về hồ sơ hải quan, khai hải quan, khai bổ sung, xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, địa điểm làm thủ tục hải quan và thủ tục đối với từng loại hình hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, đồng thời tạo thuận lợi cho hoạt động của người khai hải quan và doanh nghiệp.

Việc triển khai thủ tục hải quan trên môi trường điện tử được thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc, góp phần chuyển đổi phương thức quản lý từ xử lý hồ sơ giấy sang xử lý dữ liệu điện tử. Hệ thống thông quan tự động và các hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan hải quan được vận hành ổn định, bảo đảm việc tiếp nhận, xử lý, phản hồi thông tin và giải quyết thủ tục hải quan nhanh chóng, công khai, minh bạch, qua đó rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.

Cùng với đó, việc triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực hải quan đã tăng cường kết nối, trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan với các bộ, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan, từng bước hình thành phương thức xử lý thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu điện tử, giảm việc cung cấp lặp lại thông tin và chứng từ, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh và quá cảnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các quy định của Nghị định cũng được rà soát, sửa đổi, bổ sung theo hướng đơn giản hóa thành phần hồ sơ và thủ tục hành chính đối với một số loại hình hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, góp phần giảm gánh nặng tuân thủ cho doanh nghiệp nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý

nhà nước. Một số quy định được sửa đổi theo hướng giảm thành phần hồ sơ phải nộp hoặc xuất trình, tạo điều kiện để người khai hải quan thực hiện thủ tục thuận lợi hơn trên cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý rủi ro.

Bên cạnh việc hoàn thiện quy định, cơ quan hải quan các cấp đã thường xuyên hướng dẫn, giải đáp và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan; đồng thời tổng hợp các khó khăn từ thực tiễn để nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định khi cần thiết. Qua đó, việc tổ chức thực hiện các quy định về thủ tục hải quan cơ bản bảo đảm tính thống nhất trong toàn Ngành, đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi thương mại và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan.

b) Về kiểm tra, giám sát hải quan

Các quy định về kiểm tra, giám sát hải quan theo Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP) đã được triển khai thống nhất, tạo cơ sở pháp lý cho việc đổi mới phương thức quản lý, từng bước chuyển từ phương thức giám sát chủ yếu bằng thủ công sang kết hợp giữa giám sát trực tiếp với giám sát trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện kỹ thuật hiện đại. Qua thực tiễn triển khai, các quy định của Nghị định đã đáp ứng yêu cầu quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; đồng thời bảo đảm tạo thuận lợi cho hoạt động logistics và lưu thông hàng hóa.

Việc ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát hải quan tiếp tục được mở rộng và phát huy hiệu quả. Hệ thống quản lý hải quan tự động tại cảng, kho, bãi (VASSCM) được triển khai tại các địa bàn đáp ứng điều kiện, góp phần tăng cường kết nối, trao đổi dữ liệu giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi và các đơn vị có liên quan; hỗ trợ theo dõi, quản lý hàng hóa từ khi đưa vào khu vực giám sát hải quan đến khi hàng hóa được thông quan, giải phóng hàng hoặc đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan. Qua đó, từng bước giảm các thao tác thủ công, nâng cao tính chính xác, minh bạch trong quản lý và tăng cường khả năng giám sát của cơ quan hải quan.

Bên cạnh đó, việc áp dụng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật hiện đại như hệ thống camera giám sát, máy soi container, seal định vị điện tử (GPS) và các thiết bị hỗ trợ kiểm tra khác đã góp phần nâng cao hiệu quả giám sát, phát hiện, cảnh báo và xử lý kịp thời các trường hợp có dấu hiệu vi phạm; đồng thời giảm tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa đối với các lô hàng có mức độ rủi ro thấp, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan.

Các quy định về địa điểm kiểm tra, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa; kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung và các địa điểm chịu sự giám sát hải quan đã tạo cơ sở pháp lý để cơ quan hải quan thực hiện quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng trong việc phối

hợp với cơ quan hải quan từng bước được thực hiện đầy đủ hơn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, hạn chế thất thoát, nhầm lẫn và bảo đảm an toàn đối với hàng hóa chịu sự giám sát hải quan.

Qua thực tiễn tổ chức thực hiện cho thấy, các quy định về kiểm tra, giám sát hải quan đã tạo nền tảng quan trọng cho việc hiện đại hóa công tác giám sát, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và phương tiện kỹ thuật trong quản lý hải quan, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời đáp ứng yêu cầu tạo thuận lợi thương mại theo chủ trương cải cách, hiện đại hóa hải quan.

c) Về quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro được xác định là một trong những phương thức quản lý hiện đại và được triển khai xuyên suốt trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP). Việc áp dụng quản lý rủi ro trong các khâu nghiệp vụ hải quan đã góp phần đổi mới phương thức quản lý theo hướng tập trung nguồn lực đối với các đối tượng có mức độ rủi ro cao, đồng thời tạo thuận lợi đối với doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật.

Trên cơ sở các quy định của Nghị định, hệ thống quản lý rủi ro và phân luồng tự động được triển khai thống nhất trong toàn Ngành, hỗ trợ cơ quan hải quan thực hiện thu thập, xử lý, phân tích và đánh giá thông tin về người khai hải quan, doanh nghiệp, hàng hóa, tuyến đường, phương thức vận chuyển và các yếu tố có liên quan để quyết định hình thức, mức độ kiểm tra phù hợp. Việc phân luồng hàng hóa theo các mức độ rủi ro đã góp phần giảm tỷ lệ kiểm tra thực tế đối với các lô hàng có mức độ rủi ro thấp, rút ngắn thời gian thông quan và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của cơ quan hải quan.

Cùng với việc áp dụng quản lý rủi ro trong thông quan, việc đánh giá mức độ tuân thủ của doanh nghiệp ngày càng được chú trọng, tạo cơ sở để áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp đối với từng nhóm đối tượng. Phương thức quản lý từng bước chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở phân tích, đánh giá rủi ro và mức độ tuân thủ, phù hợp với thông lệ hải quan hiện đại, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đồng thời tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

Qua quá trình tổ chức thực hiện cho thấy, các quy định về quản lý rủi ro đã phát huy hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng công tác quản lý, bảo đảm cân bằng giữa yêu cầu kiểm soát của cơ quan hải quan với mục tiêu tạo thuận lợi thương mại; đồng thời tạo nền tảng để tiếp tục hoàn thiện phương thức quản lý hải quan hiện đại trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu và quản lý tuân thủ.

Số tờ khai hải quan xuất nhập khẩu giai đoạn 2015-2026:

Đơn vị tính: triệu tờ khai

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	06 tháng 2026
Số tờ khai XNK	8,68	9,54	10,62	12,05	13,18	12.73	13 37	14.55	15.01	17,73	20,26	11,46

(Nguồn: Số liệu lấy từ báo cáo tổng kết các năm từ 2015-2025, báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2026.)

d) Về chính sách thuế

Các quy định của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP liên quan đến quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được triển khai thống nhất, đồng bộ với Luật Quản lý thuế, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thi hành, tạo cơ sở pháp lý để cơ quan hải quan thực hiện hiệu quả công tác quản lý thuế, đồng thời tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Qua quá trình tổ chức thực hiện, các quy định về khai thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa và quản lý nợ thuế từng bước được hoàn thiện theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Việc triển khai nộp thuế điện tử và thông quan 24/7 trên cơ sở kết nối giữa cơ quan hải quan với Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại đã tạo điều kiện để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế nhanh chóng, chính xác, giảm thời gian thực hiện thủ tục, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý thu, hạn chế tình trạng chậm nộp và nợ đọng thuế.

Các quy định về trị giá hải quan được triển khai thống nhất với Hiệp định về trị giá hải quan của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Luật Hải quan và các văn bản pháp luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý cho việc xác định đúng trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Một số nội dung kỹ thuật về xác định trị giá, xác định cửa khẩu xuất đối với từng phương thức vận tải được quy định cụ thể hơn, góp phần nâng cao tính thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật, hạn chế vướng mắc và tạo điều kiện để doanh nghiệp thực hiện đúng quy định.

Trong bối cảnh thủ tục hải quan được đơn giản hóa, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, tăng trưởng kinh tế, kim ngạch năm sau tăng hơn năm trước, trong khi thuế suất theo lộ trình phải cắt giảm sâu để thực hiện các cam kết quốc tế, tuy nhiên, số thuế ngành Hải quan thu được trong 03 năm qua luôn là năm sau cao hơn năm trước và luôn hoàn thành chỉ tiêu pháp lệnh, chỉ tiêu phấn đấu thu nộp ngân sách nhà nước.

Thực tiễn thi hành cho thấy, các quy định về quản lý thuế và trị giá hải quan đã góp phần nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước, đồng thời tạo môi

trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng và thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2015-2026:

Đơn vị tính: tỷ USD

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	06 tháng 2026
Tổng trị giá XNK	327,89	350,69	425,12	480,16	517,26	545,35	668,54	730,28	681,04	786,29	930,07	549,68

Số thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2015-2026:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	06 tháng 2026
Số thu NSNN	261.824	272.239	297.082	314.907	348.721	317.090	378.889	437.351	369.093	427.577	469.504	264.795

e) Về kiểm tra sau thông quan

Việc triển khai các quy định về kiểm tra sau thông quan theo Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP) đã góp phần từng bước chuyển đổi phương thức quản lý hải quan từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro, phù hợp với yêu cầu cải cách, hiện đại hóa hải quan và thông lệ quốc tế.

Các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan được triển khai thống nhất trong toàn Ngành, tạo cơ sở pháp lý để cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan và trụ sở người khai hải quan đối với các trường hợp có dấu hiệu rủi ro hoặc cần đánh giá việc chấp hành pháp luật hải quan. Việc phân cấp thẩm quyền cho các đơn vị hải quan trong thực hiện kiểm tra sau thông quan đã góp phần nâng cao tính chủ động, kịp thời trong tổ chức thực hiện, đáp ứng yêu cầu quản lý tại từng địa bàn.

Hoạt động kiểm tra sau thông quan được thực hiện trên cơ sở phân tích thông tin, đánh giá rủi ro và mức độ tuân thủ của doanh nghiệp, tập trung vào các nội dung có nguy cơ vi phạm cao như trị giá hải quan, mã số hàng hóa, xuất xứ, chính sách quản lý hàng hóa, định mức đối với loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, báo cáo quyết toán và các nội dung khác theo quy định của pháp luật. Qua đó, cơ quan hải quan đã kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm, truy thu các khoản thuế còn thiếu, đồng thời chấn chỉnh, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

Qua thực tiễn tổ chức thực hiện, kiểm tra sau thông quan đã từng bước khẳng định vai trò là công cụ quản lý quan trọng trong điều kiện cải cách, hiện đại hóa hải quan; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm áp lực

kiểm tra trong quá trình thông quan, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đối với các doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật.

g) Về kiểm soát hải quan

Các quy định của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP về kiểm soát hải quan đã tạo cơ sở pháp lý để lực lượng hải quan triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các hành vi vi phạm pháp luật hải quan.

Thực tế triển khai áp dụng các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan trong thời gian qua cho thấy việc sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan giúp cơ quan hải quan chủ động nắm tình hình địa bàn, phát hiện sớm các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật, nguy cơ tiềm ẩn của các đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, gian lận thương mại và hàng giả, giúp cơ quan hải quan kịp thời phá những chuyên án lớn, đặc biệt là trong công tác phòng, chống ma tuý giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh đó, việc kết hợp giữa các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan với ứng dụng công nghệ và quản lý rủi ro đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát hải quan, hạn chế sự can thiệp thủ công trong quá trình quản lý, đồng thời tạo thuận lợi đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp của doanh nghiệp. Một số mô hình phối hợp kiểm tra liên ngành tại cửa khẩu, cảng biển và cảng hàng không tiếp tục được triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ.

Việc sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan trong giai đoạn từ 2015 đến nay đã mang lại kết quả đáng ghi nhận trong công tác chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới: toàn ngành Hải quan đã phát hiện, bắt giữ và xử lý: 181.614 vụ việc vi phạm pháp luật Hải quan, trị giá hàng hóa vi phạm ước tính: 85.870 tỷ đồng, trong đó cơ quan hải quan đã khởi tố: 470 vụ, chuyển cơ quan khác kiến nghị khởi tố: 1.465 vụ. Tổng số tiền thu nộp ngân sách nhà nước: 4.949.076 triệu đồng.

Qua thực tiễn thi hành cho thấy, các quy định về kiểm soát hải quan cơ bản đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trong từng giai đoạn, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để lực lượng hải quan tiếp tục đổi mới phương thức kiểm soát theo hướng hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và tăng cường phối hợp liên ngành.

2.2. Đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế

a) Ưu điểm

Qua hơn 10 năm tổ chức thực hiện cho thấy, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP) đã cơ bản cụ thể

hóa đầy đủ các nội dung được Luật Hải quan giao Chính phủ quy định chi tiết, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, quản lý rủi ro, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và kiểm tra sau thông quan.

Các quy định của Nghị định cơ bản bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Luật Hải quan và các văn bản pháp luật có liên quan, đặc biệt là Luật Quản lý thuế, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các quy định của Nghị định đã góp phần chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ hải quan, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan hải quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan, tạo cơ sở để triển khai thống nhất trong toàn Ngành.

Nghị định đã thể chế hóa kịp thời chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan, ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan. Nhiều quy định đã tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thủ tục hải quan điện tử, Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử và các hệ thống quản lý hải quan hiện đại, góp phần từng bước chuyển đổi phương thức quản lý từ xử lý hồ sơ giấy sang quản lý trên môi trường điện tử, phù hợp với xu hướng phát triển của hải quan hiện đại và thông lệ quốc tế.

Việc áp dụng quản lý rủi ro xuyên suốt trong các khâu nghiệp vụ, kết hợp với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và phương tiện kỹ thuật hiện đại đã góp phần đổi mới phương thức quản lý hải quan theo hướng giảm kiểm tra không cần thiết, tập trung nguồn lực đối với các đối tượng, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, qua đó vừa nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, vừa tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

Qua thực tiễn thi hành, các quy định của Nghị định cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan trong từng giai đoạn, góp phần cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo thuận lợi thương mại và thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho quá trình hiện đại hóa và chuyển đổi số của ngành Hải quan.

b) Bất cập, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua hơn 10 năm tổ chức thực hiện, một số quy định của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP đã bộc lộ những hạn chế nhất định trong bối cảnh hệ thống pháp luật có nhiều thay đổi, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, logistics và thương mại điện tử xuyên biên giới phát triển nhanh, yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và hiện đại hóa hải quan ngày càng cao.

Một số quy định của Nghị định được xây dựng trên cơ sở yêu cầu quản lý và điều kiện thực tiễn tại thời điểm Luật Hải quan năm 2014 có hiệu lực. Đến

nay, cùng với việc nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung, một số quy định của Nghị định cần tiếp tục được rà soát, hoàn thiện để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý đối với các mô hình kinh doanh, phương thức giao dịch và phương thức quản lý mới phát sinh trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa cơ quan hải quan với các bộ, ngành, tổ chức, doanh nghiệp và các chủ thể có liên quan đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các quy định về hồ sơ, chứng từ điện tử, phương thức quản lý, trách nhiệm cung cấp, kết nối và chia sẻ dữ liệu cũng như các quy định về quản lý trên cơ sở quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ và ứng dụng công nghệ thông tin.

Đặc biệt, Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan đã được Quốc hội thông qua ngày 23/8/2026 với nhiều nội dung đổi mới về phương thức quản lý, chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính và hoàn thiện mô hình quản lý hải quan hiện đại. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục duy trì Nghị định số 08/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP sẽ không còn đáp ứng đầy đủ yêu cầu cụ thể hóa các quy định mới của Luật số 11/2026/QH16. Do đó, việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định mới thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP là yêu cầu khách quan, cấp thiết nhằm bảo đảm sự đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc triển khai Luật số 11/2026/QH16, đồng thời đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa và chuyển đổi số của ngành Hải quan trong giai đoạn mới.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc

Qua quá trình tổ chức thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP), bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn triển khai cũng phát sinh một số khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan trong giai đoạn mới.

Thứ nhất, một số quy định của Nghị định chưa theo kịp yêu cầu đổi mới về tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, chuyển đổi số và hiện đại hóa hải quan. Việc thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo các nghị quyết của Đảng và Quốc hội dẫn đến một số quy định về chức danh, thẩm quyền của cơ quan hải quan tại Nghị định không còn hoàn toàn phù hợp với mô hình tổ chức hiện nay. Đồng thời, một số quy định được xây dựng trên cơ sở phương thức quản lý truyền thống, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý trên môi trường số, hải quan số, hải quan thông minh và quản lý dựa trên dữ liệu.

Thứ hai, việc triển khai các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý điện tử và kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hoạt động hải quan còn gặp một số khó khăn. Hạ tầng công nghệ thông tin và một số hệ thống nghiệp vụ chưa

đáp ứng đầy đủ yêu cầu xử lý khối lượng dữ liệu ngày càng lớn; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan hải quan với các bộ, ngành, tổ chức và doanh nghiệp chưa thực sự đồng bộ, ảnh hưởng đến việc khai thác, đối chiếu, phân tích thông tin phục vụ công tác quản lý. Trong khi đó, một số quy định hiện hành vẫn đặt ra yêu cầu nộp hoặc xuất trình chứng từ trong những trường hợp thông tin đã có khả năng được chia sẻ, khai thác từ các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoặc các cơ sở dữ liệu có liên quan.

Thứ ba, một số quy định về quản lý địa điểm kiểm tra, giám sát hải quan, kho, bãi, cảng, địa điểm tập kết hàng hóa, giám sát hải quan điện tử và trách nhiệm cung cấp, kết nối, chia sẻ dữ liệu của các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, logistics, bưu chính, chuyển phát nhanh, sàn giao dịch thương mại điện tử và các chủ thể khác trong chuỗi cung ứng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý trong bối cảnh chuyển đổi số và tự động hóa các quy trình nghiệp vụ hải quan.

Thứ tư, quá trình triển khai các quy định về quản lý đối với hàng gia công, sản xuất xuất khẩu, doanh nghiệp chế xuất, hàng miễn thuế, hoàn thuế, không thu thuế, thay đổi mục đích sử dụng và một số loại hình hàng hóa đặc thù còn phát sinh vướng mắc do có sự giao thoa với nhiều quy định của các văn bản pháp luật khác nhau, dẫn đến cách hiểu và áp dụng trong một số trường hợp chưa thật sự thống nhất.

Thứ năm, sự phát triển nhanh của thương mại điện tử xuyên biên giới, hoạt động logistics hiện đại, dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh và các phương thức kinh doanh mới đặt ra nhiều yêu cầu quản lý chưa được quy định đầy đủ trong Nghị định hiện hành. Một số nội dung liên quan đến quản lý dữ liệu giao dịch, dữ liệu thanh toán, thông tin về chủ thể tham gia giao dịch, kết nối và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ và giám sát hải quan chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ để triển khai thống nhất.

Bên cạnh đó, trong quá trình tổ chức thực hiện, một số quy định của Nghị định vẫn phải tiếp tục được hướng dẫn, giải đáp để bảo đảm thống nhất trong áp dụng. Điều này cho thấy một số quy định cần được nghiên cứu, quy định cụ thể, rõ ràng hơn nhằm hạn chế cách hiểu khác nhau, tạo thuận lợi cho cơ quan hải quan và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

Đối với công tác quản lý rủi ro, mặc dù Nghị định hiện hành đã quy định về đánh giá mức độ tuân thủ của người khai hải quan nhưng chưa quy định đầy đủ, đồng bộ về quản lý tuân thủ theo hướng quản lý hiện đại, dựa trên mức độ tuân thủ. Trong khi đó, Luật số 11/2026/QH16 đã bổ sung Điều 17a về quản lý tuân thủ trong quản lý hải quan và giao Chính phủ quy định chi tiết, tạo cơ sở pháp lý để hoàn thiện và triển khai quản lý tuân thủ theo hướng hiện đại, phù hợp với mức độ tuân thủ của người khai hải quan.

3.2. Nguyên nhân

Những khó khăn, vướng mắc nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân trong quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế.

Trước hết, Luật Hải quan năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết được xây dựng trong bối cảnh hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới, logistics hiện đại, giao dịch điện tử, phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các phương thức quản lý dựa trên dữ liệu chưa phát triển mạnh như hiện nay. Trong hơn 10 năm qua, sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ và hoạt động thương mại quốc tế đã làm phát sinh nhiều mô hình kinh doanh, phương thức giao dịch và yêu cầu quản lý mới mà tại thời điểm xây dựng Luật và Nghị định chưa thể dự liệu đầy đủ.

Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hải quan đã được sửa đổi, bổ sung ở nhiều lĩnh vực như quản lý thuế, giao dịch điện tử, đầu tư, thương mại, quản lý ngoại thương, tổ chức bộ máy nhà nước và các lĩnh vực chuyên ngành khác. Sự thay đổi này đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định của Nghị định nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với mô hình tổ chức, phương thức quản lý mới.

Ngoài ra, hoạt động quản lý hải quan có phạm vi điều chỉnh rộng, liên quan đến nhiều cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp. Trong khi đó, cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu và phối hợp giữa các chủ thể có liên quan chưa được quy định đầy đủ, đồng bộ ở cấp luật, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai quản lý hải quan trên môi trường số và việc khai thác dữ liệu phục vụ quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ và kiểm tra, giám sát hải quan.

Quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách cũng chịu tác động của sự thay đổi nhanh chóng của thực tiễn quản lý. Một số vấn đề mới phát sinh chưa được tổng kết đầy đủ tại thời điểm xây dựng văn bản hoặc chưa có đủ cơ sở pháp lý để quy định ngay trong Luật Hải quan, dẫn đến phải hướng dẫn tại văn bản dưới luật hoặc thông qua quá trình tổ chức thực hiện. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc một số quy định của Nghị định cần tiếp tục được rà soát, sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý trong giai đoạn hiện nay và đồng bộ với Luật số 11/2026/QH16 đã được Quốc hội thông qua ngày 23/8/2026.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Bên cạnh những yêu cầu đổi mới về phương thức quản lý, việc triển khai các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, sắp xếp tổ chức bộ máy và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với hệ thống pháp luật về hải quan. Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Đồng thời, Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật và Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý các vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục đặt ra

yêu cầu hoàn thiện thể chế theo hướng bảo đảm đồng bộ với mô hình tổ chức mới, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

Theo đó, việc hoàn thiện pháp luật hải quan cần đáp ứng yêu cầu chuyển đổi từ phương thức quản lý dựa trên hồ sơ, chứng từ sang quản lý dựa trên dữ liệu; tạo cơ sở pháp lý cho việc tiếp nhận, xử lý và khai thác thông điệp dữ liệu điện tử, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan hải quan với các cơ quan, tổ chức có liên quan; đồng thời tiếp tục hoàn thiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong một số lĩnh vực quản lý hải quan, bảo đảm phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính, hiện đại hóa hải quan và mô hình tổ chức bộ máy hiện nay.

Ngoài ra, hệ thống các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù tại một số địa phương (như Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/06/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/06/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa,...) đang có phân cấp cho Hải quan khu vực về thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên, phạm vi áp dụng chế độ ưu tiên, điều kiện để được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên, điều kiện cần duy trì kể từ sau khi được công nhận. Nội dung này khác với quy định hiện hành tại Luật Hải quan và Luật số 90/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15. Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung các quy định về doanh nghiệp ưu tiên tại dự thảo Nghị định để đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

Tóm lại, những vấn đề mới phát sinh nêu trên là cơ sở thực tiễn quan trọng để tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật hải quan. Việc xây dựng Nghị định mới nhằm cụ thể hóa Luật số 11/2026/QH16, các Luật và Nghị quyết đặc thù có liên quan sẽ kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Qua kết quả tổng kết thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP cho thấy các quy định của Nghị định đã cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan, tạo cơ sở pháp lý cho việc cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hải quan và tạo thuận lợi thương mại. Tuy nhiên, với việc Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan đã được Quốc hội thông qua ngày 23/8/2026, cùng với sự thay đổi của hệ thống pháp luật có liên quan như Luật Quản lý thuế, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Giao dịch điện tử, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Đầu

tư, Luật Phát triển đô thị,... và yêu cầu triển khai các chủ trương của Đảng về chuyển đổi số, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, việc xây dựng Nghị định mới thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP là cần thiết và cấp bách nhằm bảo đảm cụ thể hóa đầy đủ các quy định, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan trong giai đoạn mới.

Nghị định thay thế cần được nghiên cứu, xây dựng theo hướng kế thừa các quy định đã được thực tiễn kiểm nghiệm và phát huy hiệu quả; đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hóa hải quan và tạo thuận lợi thương mại. Trọng tâm là hoàn thiện quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với từng loại hình; quản lý rủi ro gắn với quản lý tuân thủ; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan hải quan với các bộ, ngành, tổ chức và doanh nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền phù hợp với mô hình tổ chức hiện nay.

Đồng thời, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định cụ thể nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn; hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền; nghiên cứu đơn giản hóa thủ tục kiểm tra, tham vấn trị giá theo hướng tăng cường hậu kiểm, quản lý rủi ro, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu nhưng vẫn bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước.

Bên cạnh việc hoàn thiện thể chế, cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng số và các hệ thống công nghệ thông tin của ngành Hải quan theo hướng đồng bộ, hiện đại. Tiếp tục hoàn thiện các nền tảng số, tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan, từng bước chuyển từ phương thức quản lý dựa trên hồ sơ sang quản lý dựa trên dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo thuận lợi thương mại và giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

IV. Về rà soát, đề xuất sửa đổi một số Nghị định khác có liên quan

Bên cạnh nội dung trọng tâm là tổng kết, đánh giá thực tiễn thi hành Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 167/2025/NĐ-CP nêu trên, qua rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hải quan, Bộ Tài chính nhận thấy cần thiết phải sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung mang tính kỹ thuật tại 02 Nghị định khác nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Cụ thể:

1. Nghị định số 02/2021/NĐ-CP ngày 07/01/2021 của Chính phủ quy định về cờ truyền thống, cờ hiệu, biểu tượng, hải quan hiệu, phù hiệu, biển tên, cấp hiệu, trang phục, chứng minh hải quan và dấu hiệu đặc trưng phương tiện tuần tra, kiểm soát, giám sát hải quan

Ngày 19/02/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Điều này dẫn đến một số quy định liên quan đến tên gọi, thẩm quyền của các đơn vị hải quan tại Nghị định số 02/2021/NĐ-CP không còn phù hợp. Do đó,

cần thiết phải rà soát, sửa đổi một số điều, khoản của Nghị định số 02/2021/NĐ-CP để phù hợp với chức danh, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ theo mô hình tổ chức bộ máy của cơ quan hải quan hiện nay.

2. Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 và Nghị định số 153/2026/NĐ-CP ngày 14/5/2026

Triển khai thi hành Luật số 11/2026/QH16, một số cụm từ, thuật ngữ đang được sử dụng tại Nghị định số 01/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2026/NĐ-CP đã không còn phù hợp. Nhằm bảo đảm bảo tính thống nhất, hợp pháp và phù hợp với quy định mới của Luật Hải quan, việc thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại Nghị định nêu trên là hoàn toàn cần thiết.

3. Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07/7/2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế

Luật Hải quan số 11/2026/QH16 có một số quy định mới liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế. Do đó, cần rà soát, sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị định số 273/2026/NĐ-CP để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Hải quan và thống nhất với quy định tại Nghị định thay thế Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

Việc quy định các nội dung sửa đổi mang tính kỹ thuật của hai Nghị định nêu trên vào cùng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP sẽ giúp rút gọn thủ tục hành chính, tiết kiệm nguồn lực xây dựng pháp luật mà vẫn đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025, Bộ Tài chính trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC-BTC;
- Lưu: VT, CHQ (3b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

PHỤ LỤC

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
- Ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong thu thập, xử lý thông tin hải quan trong quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro; đánh giá, giám sát, xây dựng, quản lý hồ sơ tuân thủ pháp luật; hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện; đánh giá, giám sát rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan; xác định trọng điểm; nâng cao hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan (Điều 11, Điều 12, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20). - Việc khai hải quan, giải quyết thủ tục và xác nhận việc xuất nhập cảnh của phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường thuỷ trên môi trường điện tử, giảm việc xử lý thủ tục công, sử dụng tờ khai điện tử cho phương tiện vận tải xuất nhập cảnh (Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 63, Điều 64, Điều 65 dự thảo).	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách "Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là về ….thuế, hải quan... Thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo; Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn; Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị; Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lắp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 01 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật". Nội dung tại điểm 8 Mục III Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ chính trị "lấy đạo đức, văn hoá kinh doanh làm cốt lõi, đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật", trong đó có tiêu chí "mức độ tuân thủ pháp luật". Nội dung tại điểm 4 Phụ lục 1 Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp	Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025, theo đó, giải pháp "áp dụng đầy đủ nguyên tắc về quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và mức độ rủi ro của hàng hóa". Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra nhiệm vụ, giải pháp: "Xây dựng nền tảng số dùng chung quốc gia, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân."; "Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.". Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã nêu:		
+ Khoản 2 Điều 4: Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng	Phù hợp với chủ trương,	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập; + Khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 9 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP): Phân cấp cho Hải quan khu vực về thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp trong các khu vực đặc thù theo quy định tại Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23/4/2026 và các Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách đặc biệt, đặc thù của Quốc hội. + Ngoài ra, tại dự thảo Nghị định đã phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn tại 49 Điều, cụ thể: Điều 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan; Điều 5. Người khai hải quan; Điều 9. Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên; Điều 11. Thu thập, xử lý thông tin hải quan trong quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro; Điều 12. Đánh giá, giám sát tuân thủ và xây dựng, quản lý hồ sơ tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; Điều 13. Hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện; Điều 14. Áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan và biện pháp quản lý hải quan trong quản lý tuân thủ; Điều 15. Đối tượng và tiêu chí quản lý rủi ro; Điều 16. Đánh giá, giám sát rủi ro và xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; Điều 18. Xác định trọng điểm trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; Điều 20. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; Điều 21. Phân loại hàng hóa; Điều 23. Trách nhiệm của Bộ, ngành trong việc thực hiện phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều 24. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Điều 25. Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan; Điều 26. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan; Điều 28. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều 30. Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan; Điều 31. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều 32. Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm	yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã nêu: "Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý;..."; "Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, **gắn với phân cấp, phân quyền tối đa...**". Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó liên quan đến nội dung đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách đã nêu: "Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, **phân cấp,** phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính."	đường lối của Đảng	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quyền trong việc kiểm tra hàng hóa; Điều 33. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; Điều 34. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ; Điều 35. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chế xuất; Điều 36. Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất đáp ứng điều kiện là khu phi thuế quan; Điều 37. Kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu; Điều 38. Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu; Điều 39. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất; Điều 40. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan; Điều 43. Thủ tục hải quan đối với tài sản di chuyển; Điều 44. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu nhập khẩu trở lại; Điều 45. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải xuất khẩu; Điều 46. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa theo phương thức tạm nhập, tạm xuất; Điều 47. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất; Điều 48. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh chuyển qua cửa khẩu Việt Nam; Điều 50. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; Điều 54. Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; Điều 57. Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng; Điều 59. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh; Điều			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
60. Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh; Điều 63. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; Điều 65. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; Điều 69. Hàng hóa gửi kho ngoại quan; Điều 70. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra kho ngoại quan; Điều 72. Quản lý, giám sát hải quan; Điều 74. Thu thập thông tin, phúc tập hồ sơ, kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã thông quan; Điều 75. Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan; Điều 76. Gia hạn thời hạn, sử đổi, bổ sung, tạm dừng, hủy quyết định kiểm tra sau thông quan; Điều 77. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan; Điều 84. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước; Điều 86. Hình thức cung cấp và sử dụng thông tin hải quan.			
- Sửa đổi, nội dung quy định liên quan đến thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa theo hướng thực hiện thủ tục điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; bỏ quy định về việc đóng dấu của cơ quan hải quan, công chức hải quan lên tờ khai phương tiện vận tải, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển sang hướng sử dụng tờ khai được cơ quan hải quan xác nhận điện tử, nhằm đơn giản hoá thủ tục, cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. - Bãi bỏ Điều 93 (Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư đưa vào, đưa ra kho bảo thuế), Điều 94 (Kiểm tra, giám sát kho bảo thuế), Điều 95 (Chế độ báo cáo tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư tại kho bảo thuế), Điều 96 (Xử lý nguyên liệu, vật tư gửi kho bảo thuế bị hư hỏng, giảm phẩm chất trong kho bảo thuế). Theo đó, bãi bỏ 01 thủ tục liên quan đến kho bảo thuế: (i) thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa ra đưa vào kho bảo thuế (Mã số: 1.007863).	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra nhiệm vụ giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách "...Thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo..." Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã nêu: "Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý;..." Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và	Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	chuyển đổi số quốc gia đề ra nhiệm vụ, giải pháp: "Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để ... khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ,. đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính;....".		
- Sửa đổi, bổ sung Điều 81 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (Điều 66 dự thảo Nghị định) theo hướng bổ sung quy định cho phép phương tiện làm nhiệm vụ khẩn cấp được ưu tiên xuất cảnh, nhập cảnh trước; hồ sơ, tờ khai được hoàn thiện trong thời hạn nhất định sau khi hoàn thành nhiệm vụ hoặc sau khi qua cửa khẩu (trong vòng 48 giờ kể từ khi được cho phép qua cửa khẩu) trên cơ sở xác nhận của cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo xử lý tình trạng khẩn cấp.	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách: "....Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính..."	Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Hoàn thiện quy định về thu thập, khai thác thông tin, dữ liệu phục vụ kiểm tra sau thông quan; tăng cường ứng dụng công nghệ số, dữ liệu điện tử trong hoạt động KTSTQ	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	Đã thể chế hoá một phần. Pháp luật hải quan đã quy định về hải quan số, quản lý rủi ro và sử dụng dữ liệu điện tử, tuy nhiên chưa có cơ chế đầy đủ để khai thác, kết nối và sử dụng dữ liệu từ các cơ sở	Tiếp tục hoàn thiện quy định về thu thập, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ KTSTQ trên môi trường số

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ KTSTQ	
Sửa đổi quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan theo hướng đơn giản hoá thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới	Đã thể chế hoá một phần. Các quy định hiện hành đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động KTSTQ nhưng còn phát sinh một số thủ tục, quy trình chưa phù hợp với yêu cầu quản lý hiện đại	Rà soát, đơn giản hoá thủ tục, bảo đảm minh bạch, khả thi và nâng cao hiệu lực quản lý
Bổ sung cơ chế kiểm tra đối với giao dịch thương mại điện tử, hoạt động xuất nhập khẩu phát sinh từ mô hình kinh doanh mới	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân	Đã thể chế hoá một phần. Hệ thống pháp luật hải quan chưa có đầy đủ quy định đáp ứng yêu cầu quản lý đối với các mô hình kinh doanh xuyên	Bổ sung quy định nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, chống thất thu ngân sách nhà nước nhưng

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		biên giới, thương mại điện tử có tốc độ tăng trưởng nhanh	vẫn bảo đảm tạo thuận lợi thương mại
Hoàn thiện cơ chế KTSTQ nhằm chống gian lận thương mại, chống thất thu ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý hải quan	Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; các Nghị quyết của Trung ương về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm nguồn thu ngân sách nhà nước	Đã thể chế hoá cơ bản nhưng cần tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới	Sửa đổi, bổ sung các quy định về phạm vi, nội dung, phương pháp KTSTQ trên cơ sở quản lý rủi ro và ứng dụng công nghệ thông tin
Bổ sung quy định về doanh nghiệp ưu tiên theo Luật và các Nghị quyết đặc thù của Quốc hội	Căn cứ quy định tại các văn bản pháp luật về các khu đặc thù như: Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/06/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Nghị quyết Đà Nẵng); Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ	Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	Bổ sung, sửa đổi để triển khai Luật và Nghị quyết đặc thù

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Chí Minh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết Hồ Chí Minh); Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, Luật thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23/4/2026, trong đó + Nghị quyết Đà Nẵng và Hồ Chí Minh phân cấp cho Trưởng Hải quan khu vực về thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do. + Luật Thủ đô, Nghị quyết Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Khánh Hòa: quy định nhà đầu tư chiến lược phải đáp ứng 5 điều kiện kể từ sau khi được công nhận (không xét điều kiện kim ngạch). + Nghị quyết Đà Nẵng, Hồ Chí Minh: quy định doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thuowg mại tự do phải dáp ứng 4 điều kiện để được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên (không xét điều kiện kim ngạch và tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế) và duy trì 5 điều kiện kể từ sau khi được công nhận (không xét điều kiện kim ngạch). Cụ thể: **- Khu thương mại tự do TP. Đà Nẵng,** Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/06/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11/12/2025: + Khoản 5 Điều 12: **"Điều 12. Thu hút nhà đầu tư chiến lược** 5. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi sau đây: b) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu; + Khoản 6 Điều 13: **"Điều 13. Thành lập Khu thương mại tự do Đà Nẵng** Doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do Đà Nẵng được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có phần mềm hoặc hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan; thực hiện thanh toán qua ngân hàng; có hệ thống kiểm soát nội bộ; chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về kiểm toán. Kể từ ngày được công nhận, nếu doanh nghiệp không duy trì việc đáp ứng một trong các điều kiện nêu trên hoặc không tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế thì bị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên." + Điểm a Khoản 7a Điều 13: **"Điều 13. Thành lập Khu thương mại tự do Đà Nẵng** 7a. Ngoài các thẩm quyền được quy định của pháp luật về hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực quản lý Khu thương mại tự do có thẩm quyền sau: a) Quyết định công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do;" **- Khu thương mại tự do TP. Hải Phòng,** Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/06/2025 Điểm c Khoản 1 Điều 10:		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	"Điều 10. Các cơ chế, chính sách trong Khu Thương mại tự do Thành phố 1. Về đơn giản hóa thủ tục hành chính: …c) Doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu TMTD được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu trên địa bàn Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan, thuế, tài chính và pháp luật có liên quan, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu;" - **Khu thương mại tự do TP. Hồ Chí Minh,** Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh: + Điểm b khoản 8 Điều 7 **"Điều 7. Về danh mục ưu tiên và chính sách thu hút nhà đầu tư chiến lược** 8. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi sau đây: …b) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu; + Điểm c khoản 5 Điều 7a: **"Điều 7a. Thành lập và hoạt động của Khu thương mại tự do Thành phố Hồ Chí Minh** 5. Thẩm quyền quản lý của cơ quan hải quan trong Khu		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	thương mại tự do: Ngoài các thẩm quyền được quy định của pháp luật hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực quản lý Khu thương mại tự do có thẩm quyền sau: a) Quyết định công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do." + Điểm c khoản 7 Điều 7a: **"Điều 7a. Thành lập và hoạt động của Khu thương mại tự do Thành phố Hồ Chí Minh** 7. Về đơn giản hóa thủ tục hành chính: Doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có phần mềm hoặc hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan; thực hiện thanh toán qua ngân hàng; có hệ thống kiểm soát nội bộ; chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán. Kể từ ngày được công nhận, nếu doanh nghiệp không duy trì việc đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại điểm này hoặc không tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế thì bị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên;" **- Khu kinh tế Vân Phong,** Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa: Điểm b khoản 8 Điều 7 "Điều 7. Phát triển **khu kinh tế Vân Phong**		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	8. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi sau đây: a) … b) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Khu kinh tế Vân Phong khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu." **Luật thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23/4/2026** **- Điểm b khoản 5 Điều 26:** "Điều 26. Thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp 5. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây: … b) Hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện trên địa bàn Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu;"		
Sửa đổi tên gọi, chức danh trong hệ thống tổ chức của Hải quan Việt Nam: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2021/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về cờ truyền thống, cờ hiệu, biểu tượng, hải quan hiệu, phù hiệu, biển tên, cấp hiệu, trang phục, chứng minh hải quan và dấu hiệu đặc trưng phương tiện tuần tra, kiểm soát, giám sát hải quan của Chính phủ 1. Thay thế một số cụm từ	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước có quy định: "1. Việc rà soát, xác định phương án xử lý các văn bản quy phạm pháp luật chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước phải được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. 2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy	Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	Bổ sung, sửa đổi để triển khai Luật và Nghị quyết 190

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
a) Thay thế cụm từ "Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục Hải quan" tại khoản 2 Điều 2; Điều 8. b) Thay thế cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Hải quan" tại khoản 5 Điều 3; Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP. c) Thay thế cụm từ "Tổng cục trưởng", "Vụ trưởng", "Cục trưởng", "Chi cục trưởng" thành cụm từ "Cấp trưởng" và thay thế cụm từ "Phó Tổng cục trưởng", "Phó Vụ trưởng", "Phó Cục trưởng", "Phó Chi cục trưởng" thành cụm từ "Cấp phó" tại Mẫu số 02; Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP. d) Thay thế cụm từ "Lãnh đạo Tổng cục" bằng cụm từ "Lãnh đạo Cục" tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 10; Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP. đ) Thay thế cụm từ "Cục Hải quan" bằng cụm từ "Hải quan khu vực" tại điểm b khoản 3 Điều 13. e) Thay thế cụm từ "Cục, Vụ" bằng cụm từ "Ban, Chi cục, Hải quan khu vực" và cụm từ "Chi cục, Đội kiểm soát hải quan" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội, Phòng" tại điểm d khoản 1 Điều 10; g) Thay thế cụm từ "Vụ, Cục" thành cụm từ "Ban, Chi cục, Hải quan khu vực" và thay thế cụm từ "Chi cục, Đội và tương đương thuộc các Vụ, Cục" thành cụm từ "Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội, Phòng và tương đương" tại Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP. h) Thay thế cụm từ "Cục" thành cụm từ "Chi cục, Hải quan khu vực và tương đương"; thay thế cụm từ "Chi cục, Đội và tương đương thuộc Cục" thành cụm từ "Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội, Phòng và tương đương" tại Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP. 2. Bãi bỏ một số quy định a) Bỏ cụm từ: "và trực thuộc" tại khoản 2 Điều 2;	phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027. 3. Không bắt buộc ban hành văn bản chỉ để xử lý nội dung về tên gọi của các cơ quan, chức danh có thẩm quyền bị thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước."		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
b) Bãi bỏ quy định: "Công chức giữ chức vụ lãnh đạo cấp Tổ, Đội thuộc Chi cục; cấp Tổ thuộc Đội Kiểm soát hải quan và các chức vụ tương đương: 01 vạch ngang màu vàng" và quy định "Công chức, viên chức tập sự: Không gắn vạch cấp hiệu" tại điểm đ khoản 1 Điều 10. c) Bãi bỏ cấp hiệu gắn trên lễ phục, trang phục thu - đông, trang phục xuân - hè và trên trang phục chống buôn lậu của Lãnh đạo cấp Tổ, Đội và tương đương thuộc Chi cục tại Mẫu số 02 và Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP. 3. Sửa đổi, bổ sung phần "Tên đơn vị, Chỉ số đơn vị" tại Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP như sau: Chi cục Điều tra chống buôn lậu: 11; Hải quan khu vực III: 12; Hải quan khu vực VII: 13; Hải quan khu vực VIII: 14; Hải quan khu vực X: 15; Hải quan khu vực XI: 16, 17; Hải quan khu vực IX: 18, 19, 20; Hải quan khu vực XII: 21, 22, 23; Hải quan khu vực XIV: 24; Hải quan khu vực XIII: 25; Hải quan khu vực II: 26, 27; Hải quan khu vực XVII: 28; Hải quan khu vực XX: 29, 30, 33; Hải quan khu vực XIX: 31, 32; Hải quan khu vực XVIII: 34; Hải quan khu vực IV: 35; Hải quan khu vực I: 36.			

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 5. Người khai hải quan Người khai hải quan gồm: 1. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì phải thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan hoặc người đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có tên trên Giấy chứng nhận đăng ký	- Khoản 14 Điều 4 Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan quy định: "14. Người khai hải quan bao gồm: chủ hàng hóa; chủ phương tiện vận tải; người điều khiển phương tiện vận tải; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bưu chính,	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu. 2. Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hoặc người được chủ phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh ủy quyền. 3. Người được chủ hàng hóa ủy quyền đối với các loại hàng hóa sau đây: a) Quà biếu, quà tặng của cá nhân; b) Tài sản di chuyển của cá nhân; c) Hàng hóa của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ; d) Hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh; đ) Hàng hóa tạm nhập tái xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài; e) Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế; g) Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng; h) Các trường hợp khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 4. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa, trung chuyển hàng hóa. 5. Đại lý làm thủ tục hải quan. 6. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, trừ trường hợp chủ hàng có yêu cầu khác. 7. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử.	doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế; chủ quản nền tảng thương mại điện tử; người thực hiện dịch vụ quá cảnh, trung chuyển hàng hóa; đại lý làm thủ tục hải quan, người được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan." - Điểm 4 Phụ lục 2 (Các quy định trong hiệp định được áp dụng trực tiếp) Nghị quyết số 102/2020/QH14 của Quốc hội ngày 08/6/2020 phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do giữa CHXHCN Việt Nam và Liên minh Châu Âu quy định: Trường hợp thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam thì việc khai hải quan được thực hiện bởi đại lý làm thủ tục hải quan hoặc người đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu (Điều 4.11 Chương 4 về Hải quan và tạo thuận lợi thương mại).		
Điều 7. Chế độ ưu tiên 1. Chế độ ưu tiên thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Hải quan. 2. Được cơ quan hải quan và các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, địa điểm ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa trước, ưu tiên kiểm tra, giám sát trước.	**- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15:** **Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên** 1. Doanh nghiệp được công nhận áp	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
3. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, doanh nghiệp được đưa hàng hóa nhập khẩu về kho của doanh nghiệp để bảo quản nguyên trạng trong khi chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật kiểm tra chuyên ngành có quy định hàng hóa phải kiểm tra tại cửa khẩu. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu thì được ưu tiên kiểm tra trước. 4. Được miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan. **Điều 8. Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên** 1. Điều kiện về tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế: Doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế tới mức bị xử lý vi phạm về các hành vi sau: a) Hành vi trốn thuế; buôn lậu; sản xuất, buôn bán hàng cấm hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; b) Hành vi vi phạm hành chính có hình thức, mức xử phạt vượt thẩm quyền Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu và các chức danh tương đương. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Phạm vi đánh giá điều kiện này là 02 năm liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên. Trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15, doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này chưa đủ thời gian hoạt động 02 năm thì điều kiện này được đánh giá trong phạm vi kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.	dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục; b) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hằng năm đạt mức quy định; c) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có phần mềm hoặc hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan; d) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng; đ) Có hệ thống kiểm soát nội bộ; e) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán. 2. Doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công bố là doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao; doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo; doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều này.		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
2. Điều kiện về chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán: a) Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; b) Báo cáo tài chính hằng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Phạm vi đánh giá điều kiện này là 02 năm liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên. Trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15, doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này chưa đủ thời gian hoạt động 02 năm thì điều kiện này được đánh giá trong phạm vi kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15, doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này chưa đủ thời gian hoạt động để lập báo cáo tài chính năm được kiểm toán thì điều kiện này được đánh giá theo điểm a khoản này kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên. 3. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ a) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ để giám sát, kiểm soát vận hành thực tế hoạt động của doanh nghiệp, trong đó bao gồm các nội	3. Doanh nghiệp ưu tiên thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ có ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật này. 4. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ ưu tiên, việc quản lý đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên. **Điều 43. Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp** 1. Miễn kiểm tra chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật. 2. Được làm thủ tục hải quan bằng tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc kể từ ngày nộp chứng từ thay thế tờ khai hải quan, người khai hải quan phải nộp tờ khai hải quan hoàn chỉnh và các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan. 3. Được ưu tiên khi thực hiện thủ tục về thuế đối với hàng hóa theo quy định của pháp luật về thuế. 4. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật này được áp dụng chế độ ưu tiên đối với hàng hóa xuất khẩu,		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
dung sau: a.1) Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định, cung cấp được cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu; a.2) Giám sát nội bộ doanh nghiệp: Tự tiến hành đánh giá, rà soát hoạt động của các bộ phận và đề ra các biện pháp cải tiến; có quy trình để đào tạo nội bộ liên quan đến các vấn đề về đảm bảo an ninh theo quy định tại điểm b khoản này và các biện pháp ứng phó khi xảy ra các vấn đề về an ninh; a.3) Quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; có biện pháp cải tiến, khắc phục đối với trường hợp xảy ra các bất thường; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; a.4) Kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế. Tại thời điểm đánh giá, doanh nghiệp không phát sinh tiền thuế nợ theo quy định. b) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo an ninh, an toàn dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó bao gồm các nội dung sau: b.1) An ninh hàng hóa: Có biện pháp để đảm bảo tính nguyên trạng của hàng hóa và kiểm soát việc tiếp cận hàng hóa phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp; b.2) An ninh vận tải: Có biện pháp nhằm đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng hàng hóa; b.3) An ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp: Có biện pháp phân chia và ngăn cách các khu vực làm việc phù hợp với tính chất đặc thù ngành hàng và yêu cầu về an ninh hàng hóa; phân quyền, hạn chế tiếp cận đối với hàng hóa, biện pháp phòng ngừa việc xâm nhập bất hợp pháp vào các	nhập khẩu liên quan đến công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ số trọng điểm theo danh mục do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố. Danh mục quy định tại khoản này có mã số hàng hóa thống nhất với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. **Điều 44. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc thực hiện chế độ ưu tiên** 1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xét, công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp. 2. Cơ quan hải quan các cấp có trách nhiệm: a) Kiểm tra, giám sát, đánh giá sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; b) Hướng dẫn doanh nghiệp về chính sách, quy định của pháp luật về thuế và hải quan. **Điều 45. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên** 1. Định kỳ hàng năm cung cấp cho cơ quan hải quan báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính. 2. Chấp hành các quy định về kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. 3. Thông báo cho cơ quan hải quan quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế, kế toán của cơ quan có thẩm quyền		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
khu vực làm việc của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có hệ thống ca-mê-ra và dữ liệu ca-mê-ra được lưu trữ đảm bảo việc quản lý, theo dõi, kiểm soát của doanh nghiệp đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, ca-mê-ra quan sát được các vị trí tại cổng, cửa ra, vào khuôn viên trụ sở chính và khuôn viên cơ sở hoạt động, kinh doanh, sản xuất khác của doanh nghiệp có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các kho, bãi lưu trữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ). Dữ liệu ca-mê-ra được doanh nghiệp lưu giữ tối thiểu 06 tháng. Trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15, doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này chưa đủ thời gian hoạt động 06 tháng thì điều kiện về thời hạn lưu trữ dữ liệu ca-mê-ra nêu trên được đánh giá trong phạm vi kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên; b.4) Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin: Có biện pháp đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, lưu trữ, khôi phục và bảo mật các thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp; b.5) An ninh nhân sự: Có biện pháp đảm bảo nhân sự đang làm việc tại các vị trí quan trọng (tổng giám đốc, giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các bộ phận: Xuất khẩu, nhập khẩu, kho, an ninh) khi tuyển dụng không bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật hình sự hoặc đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật; có biện pháp kiểm tra định kỳ thông tin cơ bản về nhân sự làm việc tại các vị trí quan trọng nêu trên; có biện pháp nhận diện nhân viên của doanh nghiệp và ngăn chặn những nhân viên đã nghỉ việc truy cập vào hệ thống thông tin và cơ sở vật chất của doanh nghiệp; b.6) An ninh đối tác thương mại: Trong các hợp đồng	đối với doanh nghiệp. **- Luật thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23/4/2026** Điểm b khoản 5 Điều 26: "Điều 26. Thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp 5. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây: ...b) Hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện trên địa bàn Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu;" **- Dự thảo Luật phát triển đô thị** + Khoản 3 và 7 Điều 20 Dự thảo Luật quy định: **"Điều 20. Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp** 3. Người đứng đầu Hải quan khu vực quản lý Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp có thẩm quyền sau đây: a) Quyết định công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp; 7. Doanh nghiệp trong Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
ký với các đối tác thương mại (đối tác mua bán hàng hóa, vận tải nội địa, vận tải quốc tế, đại lý làm thủ tục hải quan, các nhà cung cấp dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) phải thể hiện các điều khoản về an ninh phù hợp với hình thức, quy mô, tính chất, mặt hàng kinh doanh để đảm bảo tính chính xác về thông tin và nguyên trạng của hàng hóa, dịch vụ. 4. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu: a) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đạt kim ngạch tối thiểu 100 triệu USD/năm; b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đạt kim ngạch tối thiểu 40 triệu USD/năm; c) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam đạt kim ngạch tối thiểu 30 triệu USD/năm. Kim ngạch quy định tại các điểm a, b và c khoản này là kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu bình quân trong 02 năm liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên hoặc trong giai đoạn đánh giá gia hạn, không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác. 5. Các điều kiện khác thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15. 6. Bộ Tài chính xem xét áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 7 Nghị định này đối với hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo trước khi cấp phép đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản. 7. Đối với doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4[5] và 5 Điều này.	theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào, đưa ra Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và các quy định về thời hạn (nếu có) để được áp dụng chế độ ưu tiên và thực hiện thủ tục hải quan tại đơn vị hải quan quản lý Khu thương mại tự do, Khu logistics tích hợp." + Điểm b Khoản 7 Điều 35 quy định: 7. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi, hỗ trợ sau đây: b) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và các quy định về thời hạn (nếu có) để được áp dụng chế độ ưu tiên và thực hiện thủ tục hải quan tại đơn vị hải quan quản lý địa bàn thành phố. Người đứng đầu Hải quan khu vực quản lý địa bàn thành phố có thẩm quyền		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Doanh nghiệp phải duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều này. Doanh nghiệp phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên. 8. Đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do theo quy định tại Nghị quyết số 226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Nghị quyết số 136/2024/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 259/2025/QH15, Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025, Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này. Đối tượng này phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp, nhà đầu tư chiến lược nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên. 9. Đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong	công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên của nhà đầu tư chiến lược tại Thành phố;" **+ Khoản 6 Điều 47** **"Điều 47. Thu hút nhà đầu tư chiến lược** 6. Doanh nghiệp hoạt động trong khu kinh tế đặc biệt được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trên địa bàn khu kinh tế đặc biệt khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và các quy định về thời hạn đối với các điều kiện có quy định về thời hạn để được áp dụng chế độ ưu tiên. Người đứng đầu cơ quan Hải quan khu vực quản lý địa bàn khu kinh tế đặc biệt được công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong khu kinh tế đặc biệt."		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do theo quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 259/2025/QH15; Nghị quyết số 98/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 260/2025/QH15 đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều này. Doanh nghiệp phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên. **Điều 9. Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên** 1. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15 gồm: a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính; b) Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính; c) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính; d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản sao; đ) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao; e) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao; g) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh là các quy trình, nội quy, quy định hoặc hướng dẫn được công ty ban hành, hồ sơ về			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thực tế triển khai các quy trình, biện pháp): 01 bản sao, trong đó bao gồm: g.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế; g.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại. 2. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này và khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 gồm: a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính; b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao; c) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao; d) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao; đ) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh là các quy trình, nội quy, quy định hoặc hướng dẫn được công ty ban hành, hồ sơ về thực tế triển khai các quy trình, biện pháp): 01 bản sao, trong			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đó bao gồm: đ.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế; đ.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại. e) Công bố của cơ quan có thẩm quyền về doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền về xác định doanh nghiệp thuộc nhóm đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này: 01 bản sao. 3. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 8 Điều 8 Nghị định này gồm: a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính; b) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính; c) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản sao; d) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản sao;			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đ) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao; e) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh là các quy trình, nội quy, quy định hoặc hướng dẫn được công ty ban hành, hồ sơ về thực tế triển khai các quy trình, biện pháp): 01 bản sao, trong đó bao gồm: e.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế; e.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại. g) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về xác định doanh nghiệp thuộc nhóm đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 8 Nghị định này: 01 bản sao. 4. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị công nhận, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên thông qua hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trừ các chứng từ thuộc hồ sơ đề nghị công nhận áp dụng chế độ ưu tiên liên quan đến bào mật kinh doanh theo đề nghị của doanh nghiệp. 5. Cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị công nhận, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên, thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên, tổ chức			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thực hiện quản lý doanh nghiệp được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên: a) Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 8 Nghị định này: Cục Hải quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên theo thẩm quyền của Cục trưởng Cục Hải quan. Cục trưởng Cục Hải quan có thẩm quyền quyết định công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên và tổ chức thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều này; có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý theo Điều 10 Nghị định này đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên; b) Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này: Hải quan khu vực quản lý địa bàn Khu thương mại tự do tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo thẩm quyền của Trưởng Hải quan khu vực. Trưởng Hải quan khu vực quản lý địa bàn Khu thương mại tự do có thẩm quyền quyết định công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên và tổ chức thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều này; có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý theo Điều 10 Nghị định này đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên. 6. Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu hoặc chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ và nộp lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn, doanh nghiệp không nộp hồ sơ thì xác định hồ sơ không đạt yêu cầu. Doanh nghiệp có thể đề nghị tham vấn cơ quan hải quan về các quy định liên quan đến chế độ ưu tiên trước khi nộp hồ			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
sơ. 7. Công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên: a) Thẩm định: Cơ quan hải quan tiến hành thẩm định, xem xét về việc áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cụ thể: a.1) Thẩm định hồ sơ: Căn cứ hồ sơ của doanh nghiệp, cơ quan hải quan đánh giá, đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về doanh nghiệp với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 8 Nghị định này. Thời gian thẩm định không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định hồ sơ, cơ quan hải quan ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo kết quả thẩm định, cơ quan hải quan quyết định việc thẩm định thực tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định hồ sơ. a.2) Thẩm định thực tế: Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan không quá 15 ngày kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần nhưng không quá 15 ngày theo quy định tại Điều 79 và Điều 80 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16. Trường hợp doanh nghiệp đã được kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan trong thời gian 02			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
năm liên tục tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra sau thông quan này và thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp để đánh giá thông tin khai báo hồ sơ của doanh nghiệp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên tại trụ sở doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này và khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 có thời gian kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên dưới 02 năm thì cơ quan hải quan không thực hiện kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan để đánh giá công nhận. Cơ quan hải quan thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên tại trụ sở doanh nghiệp. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 8 Nghị định này để đánh giá công nhận (trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan). Trưởng Hải quan khu vực nơi tiếp nhận hồ sơ quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này để đánh giá công nhận (trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan). b) Xử lý kết quả thẩm định Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định thực tế hoặc kết thúc việc xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan: Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Cục trưởng Cục Hải quan,			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Trưởng Hải quan khu vực ban hành quyết định công nhận áp dụng chế độ ưu tiên đối với đối tượng thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành quyết định. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, cơ quan hải quan ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện. Trường hợp phức tạp, cần lấy ý kiến cơ quan chuyên môn thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày. 8. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên: a) Doanh nghiệp được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên khi duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 8 Nghị định này. Trong thời gian 03 tháng tính đến thời hạn gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan căn cứ các thông tin thu thập, kết quả quản lý để tổ chức thực hiện đánh giá để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp; b) Đánh giá để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên: b.1) Cơ quan hải quan tổ chức tự đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; b.2) Trường hợp không đủ thông tin để tự đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp thì cơ quan hải quan tiến hành thẩm định thực tế hoặc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan. Trường hợp thẩm định thực tế tại trụ sở người khai hải quan không thực hiện được vì lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật thì cơ quan hải quan thực hiện đánh giá việc duy trì, đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
bằng hình thức trực tuyến trên cơ sở thông tin, dữ liệu, tài liệu mà doanh nghiệp cung cấp, chia sẻ. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan không quá 15 ngày kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần nhưng không quá 15 ngày theo quy định tại Điều 79 và Điều 80 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16. Cục trưởng Cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 8 Nghị định này để đánh giá gia hạn (trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan). Trưởng Hải quan khu vực quy định tại khoản 5 Điều này quyết định kiểm tra sau thông quan đối với đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này để đánh giá gia hạn (trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan) theo kế hoạch đánh giá gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên hàng năm được Cục trưởng Cục Hải quan phê duyệt; c) Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ban hành quyết định gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với đối tượng thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này trong thời gian 03 năm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành nếu doanh nghiệp vẫn duy trì đáp ứng các điều kiện theo kết quả đánh giá quy định tại điểm b.1 và b.2 khoản này. 9. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan khi đã được cơ quan hải quan thông báo thì Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ra quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với đối tượng thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều này (theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành quyết định. Trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện quy định tại Điều 45 Luật Hải quan trong thời hạn quy định thì thông báo tới cơ quan hải quan có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này để xem xét ban hành Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. 10. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ban hành Quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với đối tượng thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong các trường hợp sau: a) Doanh nghiệp không duy trì việc đáp ứng một trong các điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; b) Hết thời hạn tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên mà doanh nghiệp không thực hiện các quy định tại Điều 45 Luật Hải quan; c) Doanh nghiệp đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Doanh nghiệp gửi văn bản tới cơ quan hải quan có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này nêu lý do đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ban hành quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này. 11. Trường hợp một doanh nghiệp thuộc nhiều đối tượng quy định tại khoản 7, 8 và 9 Điều 8 Nghị định này thì doanh nghiệp được lựa chọn để đề nghị được cơ quan hải quan công nhận áp dụng theo một chế độ ưu tiên phù hợp và chỉ được công nhận áp dụng một chế độ ưu tiên tại cùng một			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thời điểm. 12. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết các mẫu, biểu hồ sơ liên quan đến việc thực hiện chế độ ưu tiên. **Điều 10. Quản lý doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên** 1. Trách nhiệm của cơ quan hải quan: a) Theo dõi, thu thập, phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp để hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, phát hiện sớm các sai sót để kịp thời khắc phục và duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên; b) Phối hợp với doanh nghiệp xử lý ngay các vấn đề vướng mắc phát sinh; c) Phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa, kiểm tra, giám sát trước cho doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên; d) Đối với đối tượng được áp dụng chế độ ưu tiên thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý, Cục Hải quan, Hải quan khu vực thực hiện thẩm định thực tế tại trụ sở doanh nghiệp định kỳ để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên hoặc đột xuất; có biện pháp giám sát và đánh giá trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro đối với việc duy trì đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên sau khi được công nhận. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan không quá một lần trong ba năm liên tục kể từ ngày doanh nghiệp được Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực công nhận hoặc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên (trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm); đ) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định việc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Hải quan; 2. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên: a) Tuân thủ tốt pháp luật hải quan, pháp luật thuế, chấp			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán; b) Thực hiện chế độ báo cáo hàng quý về tình hình hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tuân thủ pháp luật về hải quan, thuế, kế toán của doanh nghiệp (theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) bằng phương thức điện tử gửi Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực quản lý theo phân cấp trong 15 (mười lăm) ngày đầu tiên của quý tiếp theo; c) Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp gửi Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực quản lý theo phân cấp báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của năm trước bằng phương thức điện tử; d) Thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực quản lý theo phân cấp quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế, kế toán của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định; đ) Thực hiện việc trao đổi thông tin với cơ quan hải quan để báo cáo những vướng mắc phát sinh (nếu có), vấn đề liên quan đến việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên; e) Thực hiện việc rà soát, tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót và báo cáo cơ quan hải quan về những sai sót đã phát hiện, khắc phục; g) Khi được cơ quan hải quan thông báo những sai sót hoặc những vấn đề cần làm rõ trong quá trình quản lý doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo đầy đủ, kịp thời những vấn đề cơ quan hải quan thông báo; h) Thông báo cho Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực quản lý theo phân cấp danh sách đại lý làm thủ tục hải quan cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp; i) Theo dõi, kiểm soát, quản lý được hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý được quá trình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế; có hệ thống công nghệ thông tin kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp, đảm bảo cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, số liệu trên hệ thống, số liệu trong quá khứ, số liệu theo giai đoạn (thời hạn 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan) liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm chứng minh tính đầy đủ, chính xác của số liệu doanh nghiệp đã khai báo với cơ quan hải quan. 3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan đánh giá việc tuân thủ pháp luật theo từng lĩnh vực phụ trách khi có văn bản đề nghị của cơ quan hải quan. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.			
Điều 11. Thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan, quản lý hệ thống thông tin nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro 1. Cơ quan hải quan thu thập, cập nhật, xử lý và sử dụng thông tin, dữ liệu hải quan phục vụ quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro theo quy định của pháp luật từ các nguồn sau đây: a) Hồ sơ hải quan, hồ sơ thuế và thông tin, dữ liệu phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan và các hoạt động nghiệp vụ hải quan; b) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, khai thác của cơ quan hải quan; c) Thông tin, dữ liệu do người khai hải quan, người nộp thuế, tổ chức, cá nhân cung cấp theo quy định của pháp luật;	Dự thảo Luật Hải quan. 1. Khoản 27 Điều 4: "27. Quản lý tuân thủ là việc cơ quan hải quan tổ chức thực hiện có hệ thống các biện pháp, quy trình nghiệp vụ để theo dõi, đánh giá, hỗ trợ và áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp theo mức độ tuân thủ pháp luật của người khai hải quan tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, nâng cao hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan" 2. Khoản 2 Điều 16 dự thảo Luật Hải quan: "2. Kiểm tra, giám sát hải quan được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
d) Thông tin, dữ liệu được kết nối, trao đổi, chia sẻ với cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan; đ) Thông tin, dữ liệu được trao đổi, cung cấp bởi cơ quan hải quan nước ngoài, cơ quan thực thi pháp luật, tổ chức quốc tế hoặc được tiếp nhận thông qua các cơ chế hợp tác quốc tế mà Việt Nam tham gia; e) Các nguồn thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật khác có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan. 2. Việc thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan bao gồm thu thập, tiếp nhận, cập nhật; kiểm tra, xác minh; chuẩn hóa, tích hợp, liên kết; tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin, dữ liệu, kết quả xử lý thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan có liên quan. 3. Cơ quan hải quan xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin nghiệp vụ; xây dựng, quản lý hồ sơ đối tượng; ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ phù hợp trong thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan và thực hiện các hoạt động quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro. Công chức hải quan thực hiện thu thập, cập nhật, kiểm tra, xác minh, xử lý, phân tích, cung cấp thông tin, dữ liệu và các hoạt động quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro theo yêu cầu nghiệp vụ và trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật. 4. Việc thu thập, cập nhật, tích hợp, xử lý, phân tích, cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu hải quan phải phù hợp với mục đích, phạm vi và yêu cầu quản lý; bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và khả năng kiểm tra, đối chiếu, truy xuất nguồn gốc phù hợp với tính chất và yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, bảo	lý tuân thủ, quản lý rủi ro nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh." **3. "Điều 17. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan** 1. Cơ quan hải quan thực hiện quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan, bao gồm: thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan; phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan; xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro, hồ sơ trọng điểm; xây dựng, áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro; giám sát, đánh giá rủi ro; xác định trọng điểm, phát hiện, dự báo, cảnh báo rủi ro, cung cấp thông tin nghiệp vụ; quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác phù hợp theo mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật. 2. Cơ quan hải quan quản lý hệ thống thông tin nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo để thực hiện quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.". **4. Điều 17a. Quản lý tuân thủ trong quản lý hải quan** 1. Cơ quan hải quan thực hiện quản lý tuân thủ trong quản lý hải quan, bao gồm:		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
vệ dữ liệu và pháp luật có liên quan. Trường hợp thông tin, dữ liệu chưa đầy đủ, chưa thống nhất, có mâu thuẫn hoặc chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng, cơ quan hải quan thực hiện thu thập bổ sung, kiểm tra, xác minh hoặc áp dụng biện pháp xử lý phù hợp với tính chất của hoạt động nghiệp vụ trước khi sử dụng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, dữ liệu cung cấp theo quy định của pháp luật; cơ quan hải quan chịu trách nhiệm quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. 5. Việc ứng dụng công nghệ và xử lý tự động thông tin, dữ liệu trong quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro phải bảo đảm phù hợp với mục đích, phạm vi, yêu cầu quản lý; khả năng kiểm soát, kiểm tra, giám sát và truy vết quá trình, kết quả xử lý; tuân thủ quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu và pháp luật có liên quan. Việc sử dụng kết quả xử lý tự động để thực hiện hoạt động nghiệp vụ hải quan, áp dụng biện pháp quản lý hoặc đưa ra quyết định ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm quyền, điều kiện và trình tự thực hiện; bảo đảm cơ chế kiểm soát, giám sát và can thiệp của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 6. Trường hợp phát hiện thông tin, dữ liệu hoặc kết quả xử lý tự động có sai lệch ảnh hưởng đến kết quả đánh giá tuân thủ, đánh giá rủi ro hoặc việc áp dụng biện pháp quản lý đối với tổ chức, cá nhân, cơ quan hải quan có trách nhiệm kiểm tra, xác định phạm vi ảnh hưởng, thực hiện điều chỉnh kết quả thuộc thẩm quyền và xử lý các vấn đề có liên quan theo quy định của pháp luật. 7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. **Điều 12. Đánh giá, giám sát tuân thủ và xây dựng,**	thu thập, xử lý thông tin hải quan; xây dựng, quản lý hồ sơ tuân thủ; giám sát, đánh giá tuân thủ; thực hiện các biện pháp hỗ trợ người khai hải quan tuân thủ tự nguyện và áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp theo mức độ tuân thủ pháp luật. Cơ quan hải quan ứng dụng hệ thống thông tin nghiệp vụ, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo để thực hiện quản lý tuân thủ trong quản lý hải quan. 2. Người khai hải quan tuân thủ pháp luật được xem xét ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan, miễn, giảm mức độ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quản lý hồ sơ tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa 1. Đánh giá tuân thủ pháp luật: a) Định kỳ 12 tháng, cơ quan hải quan thực hiện đánh giá tuân thủ pháp luật đối với doanh nghiệp thông qua các hoạt động đo lường, phân loại mức độ, đánh giá hành vi, xu hướng và khoảng cách tuân thủ trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, trên cơ sở áp dụng tiêu chí đánh giá tuân thủ tại điểm b khoản này. Việc đánh giá tuân thủ pháp luật được thực hiện trên hệ thống thông tin nghiệp vụ của cơ quan hải quan. Kết quả đánh giá được cung cấp cho doanh nghiệp chậm nhất 05 ngày kể từ ngày kết thúc đánh giá. b) Tiêu chí đánh giá tuân thủ được xây dựng trên cơ sở các nhóm thông tin, dữ liệu về: b.1) Đặc điểm pháp lý, thời gian hoạt động, lĩnh vực, loại hình, quy mô, phạm vi và tần suất hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; b.2) Kết quả và chiều hướng, mức độ thay đổi của kết quả thực hiện nghĩa vụ pháp luật về hải quan, thuế và các quy định pháp luật có liên quan; b.3) Năng lực tổ chức thực hiện tuân thủ; việc chủ động phòng ngừa, tự phát hiện, khai báo, sửa chữa, khắc phục sai sót, hạn chế và duy trì việc tuân thủ pháp luật; b.4) Mức độ đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin, dữ liệu do doanh nghiệp cung cấp; mức độ hợp tác, minh bạch trong trao đổi, cung cấp thông tin và thực hiện yêu cầu của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật. c) Mức độ tuân thủ của doanh nghiệp được phân loại theo một trong bốn mức sau đây: c.1) Mức độ 1: Tuân thủ tốt; c.2) Mức độ 2: Tuân thủ; c.3) Mức độ 3: Tuân thủ hạn chế;			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
c.4) Mức độ 4: Không tuân thủ. d) Kết quả đánh giá tuân thủ được cập nhật vào hồ sơ tuân thủ theo quy định tại khoản 3 Điều này, là một trong những căn cứ phục vụ giám sát tuân thủ, hỗ trợ tuân thủ và áp dụng các biện pháp quản lý hải quan phù hợp. Trường hợp có thông tin, dữ liệu hoặc căn cứ làm thay đổi kết quả đánh giá thì cơ quan hải quan thực hiện đánh giá lại và cập nhật kết quả theo quy định. 2. Trong kỳ đánh giá, cơ quan hải quan thực hiện việc giám sát tuân thủ pháp luật đối với doanh nghiệp thông qua theo dõi, phân tích việc thực hiện nghĩa vụ, hành vi, sự thay đổi tuân thủ và các nội dung có liên quan trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa. Kết quả giám sát tuân thủ được cập nhật vào hồ sơ tuân thủ theo quy định tại khoản 3 Điều này, được sử dụng làm căn cứ để kiểm tra, xác minh, xem xét đánh giá lại tuân thủ, hỗ trợ tuân thủ và áp dụng biện pháp quản lý phù hợp. Trong quá trình giám sát tuân thủ, cơ quan hải quan phát hiện doanh nghiệp có hành vi vi phạm hoặc thông tin khác dẫn đến thay đổi mức độ tuân thủ thì thực hiện đánh giá lại và thông báo kết quả cho doanh nghiệp. 3. Hồ sơ tuân thủ được xây dựng, quản lý để tập hợp, tích hợp, cập nhật, lưu trữ, cung cấp thông tin, dữ liệu về kết quả đánh giá, giám sát tuân thủ pháp luật tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các thông tin, dữ liệu có liên quan đến doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa nhằm phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan. 4. Doanh nghiệp có quyền được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá tuân thủ và kiến nghị cơ quan hải quan xem xét lại kết quả đánh giá khi có căn cứ cho rằng thông tin, dữ liệu, nghĩa vụ tuân thủ áp dụng hoặc kết quả đánh giá chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc chưa phù hợp.			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan hải quan xem xét, trả lời doanh nghiệp; trường hợp kiến nghị có căn cứ thì đánh giá lại và cập nhật kết quả vào hồ sơ tuân thủ và thông báo doanh nghiệp biết. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. **Điều 13. Hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện** 1. Cơ quan hải quan thực hiện Chương trình doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhận biết, thực hiện đúng nghĩa vụ tuân thủ; chủ động phòng ngừa, phát hiện, khắc phục sai sót, hạn chế, duy trì và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật. 2. Việc hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện bao gồm: a) Cung cấp thông tin về nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, kết quả đánh giá, giám sát tuân thủ và các thông tin có liên quan đến quá trình tuân thủ của doanh nghiệp; b) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tự rà soát việc thực hiện nghĩa vụ tuân thủ, phát hiện, khai báo, khắc phục sai sót, hạn chế và thực hiện các biện pháp duy trì và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật; c) Bố trí công chức hỗ trợ tiếp nhận, hướng dẫn, giải đáp, xử lý khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tuân thủ pháp luật; d) Thực hiện các hình thức hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật. 3. Doanh nghiệp tham gia Chương trình doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Được cơ quan hải quan hỗ trợ theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này; b) Cung cấp, giải trình, bổ sung thông tin, dữ liệu phục vụ việc tham gia Chương trình theo quy định của pháp luật; c) Chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, tự rà soát, phát hiện, khai báo, khắc phục sai sót, hạn chế, bảo đảm			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
duy trì và nâng cao mức độ tuân thủ theo quy định của pháp luật; d) Thực hiện các nội dung, biện pháp đã đăng ký, cam kết hoặc thống nhất với cơ quan hải quan trong khuôn khổ Chương trình và cung cấp thông tin về kết quả thực hiện theo quy định. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. **Điều 14. Áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan và biện pháp quản lý hải quan trong quản lý tuân thủ** 1. Việc xem xét áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan, miễn, giảm mức độ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và áp dụng các biện pháp quản lý khác đối với doanh nghiệp được căn cứ dựa trên mức độ tuân thủ, kết hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu quản lý hải quan, thông tin kết quả đánh giá tuân thủ, đánh giá rủi ro và các thông tin có liên quan, bảo đảm phù hợp với tính chất, yêu cầu của hoạt động nghiệp vụ và quy định của pháp luật. 2. Đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt, cơ quan hải quan áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan, miễn, giảm mức độ kiểm tra, kiểm tra sau thông quan và áp dụng các biện pháp quản lý khác, bao gồm: a) Được cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, địa điểm ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa trước, ưu tiên kiểm tra, giám sát trước; b) Được giao hàng trước, đăng ký tờ khai hải quan sau đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ với đối tác là doanh nghiệp tuân thủ tốt; c) Được miễn kiểm tra hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa, trừ các trường hợp sau đây: c.1) Hàng hóa thuộc trường hợp phải kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định của pháp luật; c.2) Có thông tin, dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan;			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
c.3) Lựa chọn ngẫu nhiên để kiểm tra phục vụ đánh giá, đo lường tuân thủ. d) Trong thời hạn 03 năm liên tục, cơ quan hải quan không thực hiện quá 01 lần kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp, trừ trường hợp có dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm; đ) Được hỗ trợ, hướng dẫn duy trì mức độ tuân thủ và áp dụng các biện pháp tạo thuận lợi khác theo quy định của pháp luật. 3. Đối với doanh nghiệp tuân thủ, cơ quan hải quan áp dụng các biện pháp tạo thuận lợi phù hợp và xem xét giảm tần suất, mức độ kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro và các thông tin có liên quan; thực hiện các biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn nâng cao mức độ tuân thủ theo quy định của pháp luật. 4. Đối với doanh nghiệp tuân thủ hạn chế, cơ quan hải quan thực hiện giám sát, cảnh báo, hỗ trợ, yêu cầu rà soát, khắc phục và các biện pháp kiểm tra, kiểm soát phù hợp với kết quả đánh giá tuân thủ, kết quả đánh giá rủi ro và quy định của pháp luật. 5. Đối với doanh nghiệp không tuân thủ, cơ quan hải quan tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát, kiểm soát và các biện pháp quản lý cần thiết, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi không tuân thủ, kết quả đánh giá rủi ro và quy định của pháp luật; theo dõi việc khắc phục và kết quả thực hiện các biện pháp đã áp dụng. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. **Điều 15. Đối tượng và tiêu chí quản lý rủi ro** 1. Đối tượng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan bao gồm: người khai hải quan; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; tổ chức, cá nhân và các đối tượng có liên			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quan theo quy định của pháp luật. Các đối tượng quản lý rủi ro được xác định, định danh, cập nhật, quản lý và liên kết thông tin, dữ liệu trên hệ thống thông tin nghiệp vụ phù hợp với từng loại đối tượng để phục vụ quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan. 2. Cơ quan hải quan xây dựng, áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro để đánh giá, phân loại mức độ rủi ro, xác định trọng điểm và lựa chọn áp dụng kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác. 3. Tiêu chí quản lý rủi ro được xây dựng trên cơ sở quy định của pháp luật, yêu cầu quản lý hải quan, kết quả đánh giá tuân thủ, chấp hành pháp luật, thông tin, dữ liệu về đối tượng quản lý rủi ro và các yếu tố có liên quan, phù hợp với mục đích quản lý, loại rủi ro, đối tượng, lĩnh vực, phạm vi và điều kiện áp dụng. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. **Điều 16. Đánh giá, giám sát rủi ro và xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan** 1. Đánh giá rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan: a) Cơ quan hải quan thực hiện đánh giá rủi ro đối với các đối tượng quản lý rủi ro quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này thông qua việc nhận diện, phân tích rủi ro, phân loại mức độ rủi ro và xác định các yếu tố có liên quan đến rủi ro, trên cơ sở thông tin, dữ liệu và áp dụng tiêu chí đánh giá, phân loại mức độ rủi ro. b) Tiêu chí đánh giá, phân loại mức độ rủi ro được xây dựng, áp dụng trên cơ sở các nhóm thông tin, dữ liệu về: b.1) Đối tượng quản lý rủi ro và mối quan hệ, liên kết giữa các đối tượng có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; b.2) Chính sách quản lý, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hành lý của người xuất cảnh, nhập			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
cảnh, quá cảnh; b.3) Tính chất, đặc điểm của hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải; b.4) Tần suất, tính chất, mức độ vi phạm pháp luật có liên quan đến đối tượng đánh giá rủi ro; b.5) Xuất xứ, nguồn gốc của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; b.6) Tuyến đường, địa bàn, phương thức vận chuyển hàng hóa, hành lý, hành trình của phương tiện vận tải; b.7) Quá trình hoạt động và kết quả thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro; b.8) Dấu hiệu rủi ro, chỉ số rủi ro, cảnh báo rủi ro, thông tin nghiệp vụ và các thông tin có liên quan; b.9) Các yếu tố khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. c) Mức độ rủi ro được phân loại theo một trong ba mức sau đây: c.1) Mức độ rủi ro 1: Rủi ro thấp; c.2) Mức độ rủi ro 2: Rủi ro trung bình; c.3) Mức độ rủi ro 3: Rủi ro cao. d) Kết quả đánh giá rủi ro được cập nhật vào hồ sơ rủi ro theo quy định tại khoản 3 Điều này, là một trong những căn cứ để xem xét áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan phù hợp. 2. Việc giám sát rủi ro được thực hiện thông qua theo dõi, phân tích trạng thái, diễn biến, mối quan hệ, sự thay đổi của các đối tượng, sự kiện và yếu tố có liên quan đến rủi ro. Kết quả giám sát rủi ro được cập nhật vào hồ sơ rủi ro theo quy định tại khoản 3 Điều này, được sử dụng làm căn cứ để kiểm tra, xác minh, xem xét đánh giá lại rủi ro và áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp. 3. Hồ sơ rủi ro được xây dựng, quản lý để tập hợp, tích hợp, cập nhật, lưu trữ, cung cấp thông tin, dữ liệu về kết quả			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đánh giá, giám sát rủi ro, phản ánh trạng thái, lịch sử và sự thay đổi của các đối tượng, sự kiện và yếu tố có liên quan đến rủi ro nhằm phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. **Điều 17. Phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan phục vụ quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro** 1. Cơ quan hải quan thực hiện phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan và thông tin, dữ liệu có liên quan nhằm xác định, làm rõ các thông tin, dữ liệu có liên quan, phát hiện các sai sót, dấu hiệu bất thường, dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm và các thông tin có liên quan trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan. 2. Việc phân tích, đối soát, kiểm tra được thực hiện tự động trên hệ thống thông tin nghiệp vụ và thông qua hoạt động nghiệp vụ của công chức hải quan trên cơ sở tổng hợp, phân loại, so sánh, đối chiếu, liên kết thông tin, dữ liệu theo từng hồ sơ, giao dịch, đối tượng hoặc giữa các hồ sơ, giao dịch, đối tượng có liên quan. 3. Kết quả phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan được cập nhật, lưu trữ và sử dụng trên hệ thống thông tin nghiệp vụ để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ hải quan theo quy định của pháp luật, bảo đảm khả năng truy vết nguồn thông tin, dữ liệu, căn cứ và quá trình thực hiện. **Điều 18. Xác định trọng điểm trong hoạt động nghiệp vụ hải quan** **1. Cơ quan hải quan thực hiện xác định trọng điểm** để lựa chọn đối tượng cần tập trung theo dõi, kiểm soát trong phạm vi, thời gian nhất định, trên cơ sở phân tích thông tin,			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
dữ liệu có liên quan, các kết quả hoạt động tuân thủ, quản lý rủi ro, hoạt động nghiệp vụ hải quan và áp dụng tiêu chí xác định trọng điểm. 2. Kết quả xác định trọng điểm bao gồm việc xác định được đối tượng trọng điểm, loại rủi ro, căn cứ xác định, nội dung, phạm vi và thời gian cần tập trung theo dõi, kiểm soát và yêu cầu quản lý đối với đối tượng trọng điểm. 3. Cơ quan hải quan xây dựng, quản lý hồ sơ trọng điểm để tập hợp, cập nhật, lưu trữ thông tin, dữ liệu về đối tượng trọng điểm, kết quả xác định trọng điểm; các biện pháp kiểm soát rủi ro, biện pháp nghiệp vụ đã được lựa chọn, áp dụng và kết quả thực hiện; kết quả theo dõi, rà soát và sự thay đổi có liên quan đến đối tượng trọng điểm. 4. Việc thực hiện xác định trọng điểm và xây dựng, quản lý hồ sơ trọng điểm được thực hiện trên hệ thống thông tin nghiệp vụ và thông qua hoạt động nghiệp vụ của công chức hải quan. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. **Điều 19. Phát hiện, dự báo, cảnh báo rủi ro và cung cấp thông tin nghiệp vụ** 1. Cơ quan hải quan thực hiện phát hiện rủi ro trên cơ sở thông tin, dữ liệu được thu thập, phân tích, xử lý, kết quả thực hiện quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro, các hoạt động nghiệp vụ hải quan và các thông tin có liên quan để nhận diện rủi ro mới phát sinh, sự thay đổi của rủi ro đã được nhận diện và các dấu hiệu, yếu tố, sự kiện, hành vi, mối quan hệ, phương thức, thủ đoạn có liên quan. 2. Việc dự báo rủi ro được thực hiện thông qua phân tích xu hướng và các yếu tố tác động để nhận định về khả năng phát sinh, diễn biến, thay đổi hoặc dịch chuyển của rủi ro, trên cơ sở kết quả phát hiện rủi ro, kết quả phân tích, đánh giá, giám sát rủi ro và thông tin, dữ liệu có liên quan. Kết quả dự báo rủi ro xác định loại rủi ro, đối tượng,			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phạm vi, thời gian, xu hướng và mức độ ảnh hưởng dự kiến; được sử dụng trong quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan. 3. Cơ quan hải quan thực hiện cảnh báo đối với rủi ro mới phát sinh, có sự thay đổi, gia tăng, dịch chuyển hoặc cần được theo dõi, xử lý kịp thời theo yêu cầu quản lý, trên cơ sở kết quả phát hiện, dự báo, phân tích, đánh giá, giám sát rủi ro và các thông tin có liên quan. Cảnh báo rủi ro bao gồm loại rủi ro, dấu hiệu, căn cứ cảnh báo, đối tượng, phạm vi, thời gian, mức độ, diễn biến, xu hướng và nội dung cần chú ý, theo dõi hoặc xử lý; được cung cấp kịp thời cho đơn vị, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền bằng phương thức phù hợp. 4. Thông tin nghiệp vụ là thông tin được tạo lập trên cơ sở tổng hợp, đối chiếu, phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu và kết quả thực hiện quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro, các hoạt động nghiệp vụ hải quan; phục vụ việc quyết định và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác. Cơ quan hải quan thực hiện cung cấp thông tin nghiệp vụ thông qua hệ thống thông tin nghiệp vụ hoặc bằng phương **thức phù hợp theo quy định của pháp luật.** **Điều 20. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan** 1. Việc áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan bao gồm: a) Xác định, lựa chọn biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp; b) Áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro để lựa chọn áp dụng kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác; c) Quyết định và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
khác; d) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh việc áp dụng quản lý rủi ro trong các hoạt động quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này. 2. Biện pháp kiểm soát rủi ro được xác định, lựa chọn căn cứ vào loại, mức độ và đặc điểm của rủi ro; đối tượng quản lý rủi ro; kết quả đánh giá, giám sát rủi ro, xác định trọng điểm; yêu cầu quản lý và các thông tin, dữ liệu có liên quan. Việc áp dụng biện pháp kiểm soát rủi ro được xác định về phạm vi, thời gian phù hợp và thực hiện theo quy định của pháp luật. 3. Cục trưởng Cục Hải quan quyết định áp dụng hoặc phân cấp áp dụng tiêu chí lựa chọn áp dụng kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác trên cơ sở các yếu tố sau đây: a) Quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý hải quan; b) Mức độ tuân thủ pháp luật; c) Mức độ rủi ro; d) Kết quả xác định trọng điểm; đ) Biện pháp kiểm soát rủi ro được xác định, lựa chọn theo khoản 2 Điều này; e) Thông tin nghiệp vụ, dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm; g) Kết quả kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác; h) Các thông tin, yếu tố có liên quan. Việc lựa chọn áp dụng kiểm tra có thể kết hợp lựa chọn ngẫu nhiên theo yêu cầu quản lý hải quan. 4. Trên cơ sở kết quả lựa chọn theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan hải quan, người có thẩm quyền quyết định việc kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và thực hiện các hoạt động nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với nguồn nhân lực và điều kiện thực tế			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quản lý hải quan. 5. Việc kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác được tổ chức thực hiện theo kết quả áp dụng quản lý rủi ro, quyết định của người có thẩm quyền và quy định của pháp luật. 6. Cơ quan hải quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc áp dụng quản lý rủi ro; cập nhật, tích hợp, xử lý kết quả áp dụng biện pháp kiểm soát rủi ro, kết quả kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác trên hệ thống thông tin nghiệp vụ để đánh giá hiệu quả, rà soát, điều chỉnh tiêu chí quản lý rủi ro, biện pháp kiểm soát rủi ro và việc áp dụng quản lý rủi ro. 7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc xác định, lựa chọn, áp dụng, theo dõi và đánh giá biện pháp kiểm soát rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.			
Điều 21. Phân loại hàng hóa 1. Phân loại hàng hóa để xác định tên gọi, mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, làm cơ sở tính thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa. 2. Việc phân loại hàng hóa căn cứ vào hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin khác về đặc điểm, thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng, quy cách đóng gói và các thuộc tính khác của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc phân loại hàng hóa.	Khoản 1 Điều 26 Luật Hải quan năm 2014 **Điều 26. Phân loại hàng hóa** 1. Phân loại hàng hóa để xác định mã số hàng hóa làm cơ sở tính thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa. Khi phân loại hàng hóa phải căn cứ hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để xác định tên gọi, mã số của hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.	Hợp pháp, thống nhất	
Điều 22. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam 1. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gồm mã số, tên gọi, mô tả hàng hóa, đơn vị tính và các nội dung giải thích kèm theo và được xây dựng trên cơ sở áp	Khoản 2, 3 Điều 26 Luật Hải quan năm 2014: 2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gồm mã số, tên gọi, mô tả hàng hóa, đơn vị tính và các nội	Phù hợp, thống nhất	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN.	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa theo quy định tại Điều 26 Luật Hải quan. 2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sử dụng để: a) Xây dựng các Biểu thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; b) Xây dựng các Danh mục hàng hóa theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 gồm: Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu; Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện; Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành (sau đây được gọi tắt là Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành); c) Thống kê nhà nước về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; d) Phục vụ công tác quản lý nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và các lĩnh vực khác.	dung giải thích kèm theo. 3. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thống nhất trong toàn quốc.		
Điều 23. Trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc thực hiện phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình khi ban hành các quy định hoặc xem xét giải quyết các vấn đề có liên quan đến phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phải thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Hải quan và các quy định tại Nghị định này. 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật xây dựng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành, trong đó có tên gọi, mô tả hàng hóa, đặc tính kỹ thuật và đầy đủ các thông tin chi tiết về hàng hóa	- Khoản 4 Điều 26 Luật Hải quan năm 2014: 4. Trên cơ sở Danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, Danh mục hàng xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước thẩm quyền, Danh mục hàng hoá thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành do Chính phủ quy định, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành mã số hàng hoá thống nhất với mã số thuộc Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. - Dự thảo Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan sửa	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
để xác định mã số, chính sách quản lý hàng hóa kèm mã số hàng hóa dự kiến theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gửi Bộ Tài chính. a) Trường hợp chưa đủ thông tin để xác định mã số hàng hóa, Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ bổ sung thông tin, tài liệu liên quan; b) Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận đủ thông tin, Bộ Tài chính thực hiện xác định về mã số hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các hàng hóa này để các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện công bố ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành. Đối với Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành đã ban hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa có mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thống nhất với Bộ Tài chính để xác định mã số hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam đối với danh mục các hàng hóa này. 4. Việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng quản lý theo các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành phải căn cứ vào mã số hàng hóa, tên gọi, mô tả hàng hóa, đặc tính kỹ thuật và các thông tin chi tiết khác về hàng hóa theo quy định của pháp luật chuyên ngành được quy định trong từng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành. 5. Trường hợp Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành chưa có mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, việc áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành căn cứ vào tên gọi, mô tả hàng hóa, đặc tính kỹ thuật và các thông tin chi tiết khác về hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành. Việc xác định mã	đổi khoản 4 Điều 26 như sau: "4. Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, **theo điều kiện**, Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành đảm bảo thống nhất **về mã số hàng hóa theo** Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Chính phủ quy định chi tiết khoản này."		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
số hàng hóa để tính thuế khi làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định pháp luật hải quan về phân loại hàng hóa. 6. Trường hợp có sự khác biệt về mã số hàng hóa tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành với mã số hàng hóa được xác định theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định mã số hàng hóa thống nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam đồng thời có văn bản đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành cập nhật mã số tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành. Trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành trước khi quyết định mã số hàng hóa. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành phải có phản hồi về việc áp dụng mã số hàng hóa tại Danh mục quản lý chuyên ngành. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành hoặc trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản mà không nhận được ý kiến phản hồi của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành, Bộ Tài chính quyết định mã số hàng hóa thống nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam đồng thời đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành cập nhập mã số hàng hóa tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành. Việc áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành được thực hiện tương tự quy định tại khoản 5 Điều này. 7. Trường hợp Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sửa đổi, bổ sung, thay thế, các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung, cập nhật mã số hàng hóa, mô tả hàng hóa thuộc các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.			
Điều 24. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất	Điều 104 Luật Hải quan được sửa đổi,	Hợp pháp, hợp hiến và thống nhất	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
khẩu, nhập khẩu Việt Nam 1. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam là tập hợp các thông tin liên quan về phân loại hàng hóa, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc xây dựng và sử dụng cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.	bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan. Điều 13, Điều 14 Thông tư số 85/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính (thay thế Thông tư số 14/2015/TT-BTC, Thông tư số 17/2021/TT-BTC) **"Điều 13. Nguồn thông tin xây dựng Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu** 1. Công ước HS và các phụ lục kèm theo; 2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; 3. Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương; 4. Văn bản hướng dẫn về phân loại hàng hóa của Bộ Tài chính, Cục Hải quan; 5. Thông báo kết quả xác định trước mã số; Thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hoá; Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa; Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật; 6. Các văn bản giải quyết khiếu nại về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	của Bộ Tài chính, Cục Hải quan. **Điều 14. Thẩm quyền thu thập, cập nhật, sửa đổi Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam** 1. Cục Hải quan tổ chức thu thập, cập nhật, sửa đổi cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện, tập trung, thống nhất và cập nhật kịp thời, đảm bảo an toàn thông tin và có khả năng kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu Quốc gia theo quy định. 2. Thông tin trong cơ sở dữ liệu được bổ sung, sửa đổi khi các nguồn thông tin nêu tại Điều 13 Thông tư này thay đổi. 3. Cục Hải quan công khai các thông tin nêu tại Điều 13 Thông tư này trên trang thông tin điện tử của Cục Hải quan để người khai hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, cơ quan hải quan các cấp, công chức hải quan sử dụng và đồng bộ các danh mục nêu tại Điều 13 Thông tư này về danh mục điện tử dùng chung ngành Tài chính để các đơn vị trong ngành Tài chính, người khai hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, cơ quan hải quan các cấp, công chức hải quan sử dụng."		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 25. Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan 1. Đối với hàng hóa xuất khẩu: a) Trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu là giá thực tế của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm chi phí vận tải quốc tế và chi phí bảo hiểm quốc tế, được xác định theo trình tự các phương pháp sau: a.1) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa xuất khẩu; a.2) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa xuất khẩu giống hệt hoặc tương tự; a.3) Phương pháp trị giá tính toán của hàng hóa xuất khẩu; a.4) Phương pháp suy luận của hàng hóa xuất khẩu. b) Cửa khẩu xuất được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 6 Điều 3 Nghị định này. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu vào khu phi thuế quan, cửa khẩu xuất là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam. 2. Đối với hàng hóa nhập khẩu: a) Trị giá hải quan của hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, được xác định theo trình tự các phương pháp sau: a.1) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu; a.2) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt; a.3) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự; a.4) Phương pháp trị giá khấu trừ; a.5) Phương pháp trị giá tính toán; a.6) Phương pháp suy luận. Trường hợp người khai hải quan đề nghị bằng văn bản	Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan sửa đổi khoản 2 Điều 86 về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu là giá thực tế của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất khẩu, không bao gồm chi phí vận tải quốc tế và chi phí bảo hiểm quốc tế..	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thì trình tự áp dụng phương pháp trị giá khấu trừ và phương pháp trị giá tính toán có thể hoán đổi cho nhau. b) Cửa khẩu nhập đầu tiên thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 7 Điều 3 Nghị định này. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa Việt Nam, cửa khẩu nhập đầu tiên là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 Điều này và nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan đối với các trường hợp khác.			
Điều 26. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan 1. Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu có liên quan, thực tế hàng hóa. 2. Xử lý kết quả kiểm tra: a) Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn cho người khai hải quan, thông quan hàng hóa theo quy định, thực hiện kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã thông quan; b) Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo trị giá hải quan, yêu cầu người khai hải quan thực hiện khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Trường hợp người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá hải quan, ấn định thuế theo Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định. c) Trường hợp không thuộc điểm a, điểm b khoản này, cơ quan hải quan chấp nhận trị giá khai báo để thông quan hàng hóa theo quy định. 3. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng	Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị nhằm giảm thủ tục hành chính	Đảm bảo tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm tuần trước liền kề hoặc là tỷ giá cuối ngày của ngày làm việc liền trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày lễ, ngày nghỉ. Tỷ giá này được sử dụng để xác định tỷ giá tính thuế cho các tờ khai hải quan đăng ký trong tuần. Đối với các ngoại tệ không được Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tỷ giá thì xác định theo tỷ giá tính chéo giữa đồng Việt Nam với một số ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đối với các ngoại tệ chưa được công bố tỷ giá tính chéo thì trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định và công bố tỷ giá. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.			
Điều 27. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan 1. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan là thông tin liên quan đến xác định trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan được Cục Hải quan xây dựng tập trung thống nhất và thường xuyên cập nhật. 2. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan là căn cứ để đánh giá rủi ro về trị giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.	Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, chỉ thay đổi STT điều	Đảm bảo tính thống nhất.	
Điều 29. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan 1. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được thực hiện theo đề nghị của người khai hải quan. Cơ quan hải quan thực hiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo quy định tại Điều 28 Luật Hải quan. 2. Xác định trước trị giá hải quan bao gồm xác định trước phương pháp và mức giá.	Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, chỉ thay đổi STT điều	Đảm bảo tính thống nhất.	
Điều 30. Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị	**Khoản 5 Điều 28. Xác định trước mã**	Đảm bảo tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
giá hải quan 1. Điều kiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan: a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu và cung cấp thông tin, chứng từ, hồ sơ cần thiết liên quan đến việc xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan; b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cần xác định trước trị giá hải quan là hàng hóa lần đầu xuất khẩu, nhập khẩu hoặc có thay đổi lớn, bất thường so với trị giá hải quan mà người khai hải quan đang thực hiện hoặc là hàng hóa có tính chất đơn chiếc hoặc không có tính phổ biến hoặc không có hàng hóa giống hệt, tương tự trên thị trường để so sánh. 2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan: a) Nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đến cơ quan hải quan trong thời hạn ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng; b) Tham gia đối thoại với cơ quan hải quan nhằm làm rõ nội dung đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo đề nghị của cơ quan hải quan; c) Thông báo bằng văn bản cho cơ quan hải quan trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi liên quan đến hàng hóa đã đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, trong đó nêu rõ nội dung, lý do, ngày, tháng, năm có sự thay đổi. 3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan: a) Cơ quan hải quan xử lý và ban hành Thông báo xác định trước mã số, trị giá là Chi cục Thuế xuất nhập khẩu, cơ quan hải quan xử lý và ban hành Thông báo xác định trước xuất xứ là Chi cục Giám sát quản lý về hải quan; b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận	**số, xuất xứ, trị giá hải quan:** 5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục, thời hạn xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan; thời hạn giải quyết yêu cầu xem xét lại kết quả xác định trước; thời hạn hiệu lực của văn bản xác định trước quy định tại Điều này.		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
được đơn đề nghị, cơ quan hải quan có văn bản từ chối xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan gửi tổ chức, cá nhân đối với trường hợp không đủ điều kiện, hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số đã có văn bản hướng dẫn về mã số của cơ quan quản lý nhà nước; c) Thủ trưởng cơ quan hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường) hoặc 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Cục Hải quan. 4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan là cơ sở để khai hải quan khi làm thủ tục hải quan. Trường hợp không đồng ý với nội dung xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, tổ chức, cá nhân có văn bản yêu cầu cơ quan hải quan xem xét. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (đối với hàng hóa thông thường) hoặc 30 ngày (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ), kể từ ngày nhận được yêu cầu của người khai hải quan, cơ quan hải quan có văn bản trả lời kết quả cho người khai hải quan. 5. Hiệu lực của văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan: a) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan có hiệu lực tối đa không quá 03 năm kể từ ngày ký ban hành. Riêng văn bản thông báo kết quả xác định trước mức giá có hiệu lực trực tiếp đối với lô hàng được			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
xác định trước mức giá; b) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan không có hiệu lực áp dụng trong trường hợp hàng hóa hoặc hồ sơ thực tế xuất khẩu, nhập khẩu khác với mẫu hàng hóa hoặc hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan; c) Chi cục trưởng Chi cục Thuế xuất nhập khẩu ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, trị giá hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Giám sát quản lý về hải quan ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước xuất xứ trong trường hợp phát hiện hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan do tổ chức, cá nhân cung cấp không chính xác, không trung thực; d) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan chấm dứt hiệu lực trong trường hợp quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế làm thay đổi kết quả xác định trước. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.			
Điều 31. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 1. Khai hải quan được thực hiện theo phương thức điện tử. Người khai hải quan đăng ký thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 2. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, xử lý tờ khai hải quan 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần. Trường hợp chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp số tờ khai hải quan, xử lý tờ khai hải quan và phản hồi thông tin cho người khai hải quan. Trường hợp các thông tin khai hải quan không đủ điều	- Khoản 2 Điều 29 Luật Hải quan quy định: 2. Khai hải quan được thực hiện theo phương thức điện tử, trừ trường hợp người khai hải quan được khai trên tờ khai hải quan giấy theo quy định của Chính phủ. - Khoản 7 Điều 29 Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan giao: "**7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.**". - Điều 30 Luật Hải quan quy định: **Điều 30. Đăng ký tờ khai hải quan**		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
kiện đăng ký tờ khai hải quan, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động phản hồi cho người khai hải quan biết và nêu rõ lý do. 3. Các trường hợp sau đây người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy: a) Hành lý vượt định mức miễn thuế; b) Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập – tái xuất, tạm xuất – tái nhập phục vụ an ninh quốc phòng; c) Hàng hóa của tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ; d) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau mà nguyên nhân có thể do một hoặc cả hai hệ thống hoặc do nguyên nhân khác. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử hải quan chậm nhất 01 giờ kể từ thời điểm không thực hiện được các giao dịch điện tử. Trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan thực hiện thủ tục khai hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan hoặc khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy. Sau khi sự cố được khắc phục, cơ quan hải quan cập nhật thông tin tờ khai hải quan giấy đã tiếp nhận vào Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. đ) Hàng hóa khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 4. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thay đổi mục đích sử dụng: a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng	1. Phương thức đăng ký tờ khai hải quan được quy định như sau: a) Tờ khai hải quan điện tử được đăng ký theo phương thức điện tử; b) Tờ khai hải quan giấy được đăng ký trực tiếp tại cơ quan hải quan. 2. Tờ khai hải quan được đăng ký sau khi cơ quan hải quan chấp nhận việc khai của người khai hải quan. Thời điểm đăng ký được ghi trên tờ khai hải quan. Trường hợp không chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan, cơ quan hải quan thông báo lý do bằng văn bản giấy hoặc qua phương thức điện tử cho người khai hải quan biết.		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế, áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan thì người khai hải quan phải khai tờ khai hải quan mới trước khi thay đổi mục dích sử dụng hàng hóa; b) Chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới; c) Chính sách quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được áp dụng tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới, trừ trường hợp tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan ban đầu, hàng hóa không thuộc đối tượng áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành hoặc đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu quản lý chuyên ngành; Trường hợp hàng hóa được miễn áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành tại thời điểm nhập khẩu ban đầu, khi thay đổi mục đích sử dụng phải thực hiện chính sách quản lý chuyên ngành theo quy định tương ứng với mục đích sử dụng mới; Trường hợp hàng hóa đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo mục đích sử dụng tại thời điểm nhập khẩu ban đầu khi thay đổi mục đích sử dụng so với giấy phép thì phải được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.			
Điều 32. Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hàng hóa 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối	Điều 35 Luật Hải quan quy định: "Điều 35. Trách nhiệm kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
tượng kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định thông quan hàng hóa. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra đồng thời đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu hoặc các địa điểm kiểm tra hàng hóa, trừ trường hợp phải đưa về các địa điểm kiểm tra chuyên ngành. 2. Phối hợp lấy mẫu, kiểm tra chuyên ngành: a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành, việc lấy mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành; b) Trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan thì trước khi lấy mẫu, người khai hải quan phải thông báo cho cơ quan hải quan và cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thời gian, địa điểm lấy mẫu để cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu theo quy định; c) Khi lấy mẫu, người khai hải quan phải xuất trình hàng hóa để cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; d) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia cho cơ quan hải quan và người khai hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra. Trường hợp cơ quan, tổ chức hoạt động kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện thủ tục kiểm tra, cập nhật kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì cơ quan hải quan tiếp nhận thông báo kết quả kiểm tra do người khai hải quan	1. Trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải. Trường hợp theo quy định của pháp luật phải kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm đối với hàng hóa, phương tiện vận tải thì cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành để quyết định việc thông quan. 2. Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa khẩu cho đến khi được thông quan. Trường hợp quy định của pháp luật cho phép đưa hàng hóa về địa điểm khác để tiến hành việc kiểm tra chuyên ngành hoặc chủ hàng hóa có yêu cầu đưa hàng hóa về bảo quản thì địa điểm lưu giữ phải đáp ứng điều kiện về giám sát hải quan và hàng hóa đó chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cho đến khi được thông quan. Chủ hàng hóa chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hàng hóa tại địa điểm kiểm tra chuyên ngành hoặc địa điểm lưu giữ của chủ hàng hóa cho đến khi cơ quan hải quan quyết định thông quan.		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nộp dưới dạng dữ liệu số hóa thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. 3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa khẩu, cảng cạn, kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ hoặc địa điểm kiểm tra tập trung hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cho đến khi thông quan. Ngoài các địa điểm quy định tại khoản này, hàng hóa được đưa về các địa điểm sau: a) Hàng hóa phải đưa về các địa điểm để kiểm dịch trong nội địa theo quy định của pháp luật về kiểm dịch; b) Trường hợp theo quy định của pháp luật cho phép đưa hàng về địa điểm khác để kiểm tra chuyên ngành hoặc người khai hải quan có văn bản đề nghị được đưa hàng về bảo quản, cơ quan hải quan cho phép đưa hàng về bảo quản tại các địa điểm lưu giữ hàng hóa là kho, bãi có địa chỉ rõ ràng, được ngăn cách với khu vực xung quanh, đảm bảo việc bảo quản nguyên trạng hàng hóa. Đối với hàng hóa nhập khẩu không thể lấy mẫu để kiểm tra chuyên ngành và chỉ có thể thực hiện việc kiểm tra chuyên ngành trong nội địa, tại chân công trình theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan cho phép người khai hải quan được đưa hàng về bảo quản. 4. Quá thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản, nhưng chưa có kết quả kiểm tra chuyên ngành trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc người khai hải quan chưa nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan có văn bản đề nghị cơ quan kiểm tra chuyên ngành cung cấp thông tin về tình hình thực hiện thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với lô hàng nhập khẩu đưa về bảo quản. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan, cơ quan kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm có văn bản trả lời cơ	3. Thời hạn kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Cơ quan kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra. 4. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu để bảo đảm thông quan nhanh chóng hàng hóa, phương tiện vận tải."		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quan hải quan, trong đó nêu rõ: cơ quan kiểm tra chuyên ngành đã ban hành kết quả kiểm tra (số, ngày tháng năm của văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành); trường hợp cơ quan kiểm tra chuyên ngành chưa ban hành kết quả kiểm tra chuyên ngành thì nêu rõ nguyên nhân chậm ban hành kết quả kiểm tra, thời gian dự kiến ban hành kết quả chuyên ngành (nếu có). Trường hợp việc chậm trả kết quả kiểm tra chuyên ngành do cơ quan kiểm tra chuyên ngành thì người khai hải quan tiếp tục được bảo quản nguyên trạng hàng hóa cho đến khi có kết quả kiểm tra chuyên ngành. Quá thời hạn 05 ngày làm việc quy định tại khoản này, cơ quan hải quan không nhận được văn bản của cơ quan kiểm tra chuyên ngành thì thực hiện xử lý vi phạm theo quy định. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.			
Điều 33. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh 1. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thực hiện theo quy định tại các Điều 38, 39, 40, 41 Luật Hải quan. 2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm: a) Bố trí địa điểm tập kết, địa điểm lưu giữ hàng hóa đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan và được cơ quan hải quan công nhận theo quy định, khu vực lưu giữ riêng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, hàng hóa tồn đọng, hàng hóa vi phạm pháp luật; b) Bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ đến địa điểm soi chiếu trong khu vực cảng, kho, bãi theo yêu cầu của cơ quan hải quan; c) Sử dụng hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định để quản lý, giám sát hàng hóa xuất khẩu,	**- Luật Hải quan quy định:** **Điều 38. Đối tượng, phương thức và thời gian giám sát hải quan** 1. Đối tượng giám sát hải quan gồm hàng hóa, phương tiện vận tải, phương tiện vận tải nội địa vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan. 2. Giám sát hải quan được thực hiện bằng các phương thức sau đây: a) Niêm phong hải quan; b) Giám sát trực tiếp do công chức hải quan thực hiện; c) Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật. 3. Căn cứ kết quả phân tích, đánh giá rủi ro và các thông tin khác có liên quan đến đối tượng giám sát hải quan, cơ quan hải quan quyết định phương thức giám sát phù hợp. Trường hợp có dấu hiệu vi	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nhập khẩu đang chịu sự giám sát hải quan đưa vào, lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi và thực hiện kết nối với cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu; d) Kiểm tra các chứng từ đã được cơ quan hải quan xác nhận hàng hóa đã thông quan, giải phóng hàng, được đưa hàng về bảo quản, đưa về địa điểm kiểm tra và không thuộc trường hợp tạm dừng đưa hàng qua khu vực giám sát trước khi cho phép hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải để xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu được đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi; đ) Bảo mật thông tin trên hệ thống theo quy định của pháp luật; e) Thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền về xử lý hàng hóa vi phạm thời gian lưu giữ, hàng hóa tồn đọng theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan; g) Chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy đối với hàng hóa lưu giữ tại cảng, kho, bãi gây ô nhiễm môi trường mà không xác định được chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền dưới sự giám sát của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan khác theo quy định. 3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan: a) Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi quy định tại Điều 41 Luật Hải quan và khoản 2 Điều này. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi vi phạm các quy định về giám sát hải quan thì cơ quan hải quan xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật và tăng cường các biện pháp thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa đưa vào, ra khu vực cảng, kho, bãi; b) Chia sẻ thông tin tờ khai hải quan đã được thông quan, giải phóng hàng, đưa hàng về bảo quản, đưa hàng về địa điểm kiểm tra để doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi thực hiện các quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 41 Luật Hải	phạm pháp luật, cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa. 4. Thời gian giám sát hải quan: a) Hàng hóa nhập khẩu chịu sự giám sát hải quan từ khi tới địa bàn hoạt động hải quan đến khi được thông quan, giải phóng hàng hóa và đưa ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan; b) Hàng hóa xuất khẩu miễn kiểm tra thực tế hàng hóa chịu sự giám sát hải quan từ khi thông quan đến khi ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan. Trường hợp phải kiểm tra thực tế, hàng hóa xuất khẩu chịu sự giám sát hải quan từ khi bắt đầu kiểm tra thực tế hàng hóa đến khi ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan; c) Hàng hóa quá cảnh chịu sự giám sát hải quan từ khi tới cửa khẩu nhập đầu tiên đến khi ra khỏi cửa khẩu xuất cuối cùng; d) Thời gian giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. **Điều 39. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong hoạt động giám sát hải quan** 1. Thực hiện các phương thức giám sát phù hợp tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và bảo đảm quản lý hải quan đối với hàng hóa theo quy định của Luật này. 2. Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quan để phục vụ cho việc kết nối trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống; c) Bố trí công chức phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi kiểm tra việc hàng hóa đưa vào, đưa ra khu vực cảng, kho, bãi, khu vực cửa khẩu khi có sự cố hệ thống; d) Kiểm tra tình trạng hàng hóa, niêm phong hải quan đối với các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải niêm phong hải quan theo quy định; d) Thực hiện việc tuần tra, kiểm soát trong khu vực cảng, kho, bãi theo quy định. 4. Trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát hải quan, tuần tra tại địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, cơ quan hải quan có quyền: a) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định tạm hoãn việc khởi hành, dừng phương tiện vận tải đang vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh. Trong trường hợp khẩn cấp, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được quyền tạm dừng phương tiện vận tải và báo cáo ngay với Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực; b) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quyết định việc kiểm tra hồ sơ, kiểm tra phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; c) Trưởng Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa, Thủ trưởng	bảo đảm giám sát hải quan theo quy định của Luật này. 3. Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về giám sát hải quan của người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu và các bên có liên quan. **Điều 40. Trách nhiệm của người khai hải quan, người chỉ huy hoặc người điều khiển phương tiện vận tải trong hoạt động giám sát hải quan** 1. Chấp hành và tạo điều kiện để cơ quan hải quan thực hiện giám sát hải quan theo quy định của Luật này. 2. Bảo đảm nguyên trạng hàng hóa và niêm phong hải quan; vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, lộ trình, thời gian được cơ quan hải quan chấp nhận. Trường hợp hàng hóa bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng thì người khai hải quan phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. 3. Sử dụng hàng hóa đúng mục đích khai báo với cơ quan hải quan. 4. Sử dụng phương tiện vận chuyển hàng hóa đủ điều kiện theo quy định để cơ quan hải quan áp dụng các phương thức giám sát hải quan phù hợp. 5. Xuất trình hồ sơ và hàng hóa cho cơ quan hải quan kiểm tra khi được yêu cầu. 6. Trong trường hợp bất khả kháng mà không bảo đảm được nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan hoặc không		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quyết định dừng hàng qua khu vực giám sát để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh. d) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định việc truy đuổi phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan. 5. Số định danh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được quản lý thống nhất thông qua số quản lý hàng hóa trên cơ sở số định danh hàng hóa do Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP quy định thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và quy định tại Nghị định này. b) Trừ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, số định danh hàng hóa được cấp theo nguyên tắc sau đây: b.1) Đối với hàng hóa xuất khẩu, mỗi lô hàng được cấp một số định danh hàng hóa. Trường hợp lô hàng có tờ khai hải quan xuất khẩu tại thời điểm phát sinh lô hàng thì số định danh hàng hóa được cấp theo tờ khai hải quan xuất khẩu. b.2) Đối với hàng hóa nhập khẩu có vận đơn, mỗi vận đơn nhập khẩu thứ cấp được cấp một số định danh hàng hóa. Trường hợp vận đơn chủ không có vận đơn thứ cấp thì số định danh hàng hóa được cấp theo vận đơn chủ. b.3) Đối với hàng hóa nhập khẩu không có vận đơn, số định danh hàng hóa được cấp theo chứng từ vận tải hoặc bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu hoặc bản khai hàng hóa, tùy	vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, lộ trình, thời gian thì sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra phải thông báo ngay với cơ quan hải quan để xử lý; trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp thông báo với cơ quan công an, Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển để xác nhận. **Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi trong hoạt động giám sát hải quan** 1. Bố trí địa điểm để lắp đặt phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ giám sát hải quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan. 2. Kết nối hệ thống thông tin quản lý hàng hóa của doanh nghiệp với hệ thống thông quan điện tử của cơ quan hải quan để quản lý hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đưa vào lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi. 3. Thực hiện đầy đủ chế độ quản lý, thống kê, lưu giữ chứng từ, sổ sách, số liệu hàng hóa đưa vào lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi theo quy định của pháp luật và xuất trình, cung cấp cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu. 4. Cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan hải quan trong việc theo dõi, kiểm tra, giám sát hàng hóa ra, vào, lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi. 5. Bảo quản, sắp xếp, lưu giữ nguyên		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
theo chứng từ được sử dụng trong từng trường hợp. b.4) Trường hợp thông tin của lô hàng xuất khẩu hoặc vận đơn nhập khẩu được sửa đổi hoặc lô hàng xuất khẩu, vận đơn nhập khẩu được tách, gộp, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thực hiện cấp mới hoặc điều chỉnh số định danh hàng hóa theo thông tin sau khi sửa đổi, tách, gộp. Việc xử lý số định danh hàng hóa đã cấp trước đó và việc liên kết dữ liệu giữa số định danh hàng hóa cũ với số định danh hàng hóa mới được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. c) Số quản lý hàng hóa được phản hồi cho người khai hải quan và người phát hành vận đơn nhập khẩu thứ cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Người khai hải quan và người nhận hàng được tra cứu số định danh hàng hóa của lô hàng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định về quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu. d) Số định danh hàng hóa được sử dụng thống nhất trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan và kiểm tra sau thông quan đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu kể từ thời điểm được cấp. đ) Trên cơ sở tình hình đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các hệ thống thông tin, Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình và thời điểm thực hiện việc kết nối, chia sẻ, tiếp nhận và sử dụng thông tin, dữ liệu về số quản lý hàng hóa theo từng phương thức vận chuyển. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	trạng hàng hóa trong khu vực cảng, kho, bãi theo yêu cầu giám sát, quản lý của cơ quan hải quan. 6. Chỉ cho phép vận chuyển hàng hóa ra, vào khu vực cảng, kho, bãi khi có chứng từ của cơ quan hải quan. 7. Thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền về xử lý hàng hóa vi phạm. - Dự thảo Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 58 Luật Hải quan như sau: "b) Đối với hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền có trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đó ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp không xác định được chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền, **doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy,** cơ quan hải quan chủ trì **thực hiện giám sát việc tiêu hủy và** phối hợp cơ quan **có** liên quan **để bảo đảm** thực hiện việc tiêu hủy **theo quy định của pháp luật.**";		
Điều 34. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hóa được quy định tại khoản 1 Điều 47a Luật Hải quan được bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15, bao gồm:	**Điều 47a Luật Hải quan quy định:** **Điều 47a. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ** 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
a) Hàng hóa gia công tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài đặt gia công bán, chuyển giao cho doanh nghiệp tại Việt Nam; b) Hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp tại Việt Nam với thương nhân nước ngoài và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp tại Việt Nam. 2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan; chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi giao, nhận hàng hóa đến khi hoàn thành thủ tục hải quan hoặc từ khi làm thủ tục hải quan cho đến khi hoàn thành việc giao, nhận hàng hóa. 3. Các trường hợp được giao, nhận hàng hóa nhiều lần trước khi đăng ký tờ khai hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao, nhận lô hàng đầu tiên hoặc đăng ký tờ khai hải quan trước, giao, nhận hàng hóa sau: a) Người xuất khẩu tại chỗ hoặc người nhập khẩu tại chỗ là doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên; b) Người xuất khẩu tại chỗ và người nhập khẩu tại chỗ có mức độ tuân thủ tốt theo quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều 12 Nghị định này. 4. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được coi là đã hoàn thành thủ tục hải quan khi tờ khai hải quan xuất khẩu tại chỗ và tờ khai hải quan nhập khẩu tại chỗ đối ứng đã hoàn thành thủ tục hải quan. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	là hàng hoá giao, nhận tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài theo hợp đồng mua bán, gia công, thuê, mượn giữa các doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài.. 2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		
Điều 35. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chế xuất 1. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chế xuất: a) Thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu	**1. Luật Hải quan:** Điều 59. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu 1. Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất. Các quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu bao gồm hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất cần thiết phải quy định tại pháp luật về hải quan để	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan: a.1) Đối với hoạt động sản xuất hàng hóa xuất khẩu, phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư đầu tiên để sản xuất hàng hóa xuất khẩu; a.2) Đối với hoạt động gia công cho thương nhân nước ngoài phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đầu tiên để gia công hàng hóa xuất khẩu; a.3) Đối với doanh nghiệp chế xuất phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan để áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan trước thời điểm chính thức đi vào hoạt động. Thời điểm chính thức đi vào hoạt động được xác định theo quy định tại Điều.:.Nghị định số .../2027/NĐ-CP; a.4) Tổ chức, cá nhân xuất khẩu lô hàng được sản xuất từ nguồn nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất kinh doanh có nhu cầu hoàn thuế đối với nguyên liệu, vật tư đã nộp thuế nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước thời điểm làm thủ tục hải quan xuất khẩu lô hàng đầu tiên. b) Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân gia công lại thì thông báo cơ sở gia công lại cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công lại thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, bán thành phẩm, sản phẩm đến nơi nhận gia công lại; c) Trường hợp lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất thì thông báo địa điểm lưu giữ cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa	khẩu phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi nhập khẩu, trong quá trình sản xuất ra sản phẩm cho đến khi sản phẩm được xuất khẩu hoặc thay đổi mục đích sử dụng. 2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm: a) Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất; năng lực gia công, sản xuất của tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; b) Kiểm tra việc sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu trong quá trình gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, kiểm tra số lượng hàng hóa tồn kho của tổ chức, cá nhân gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; c) Kiểm tra việc quyết toán, quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư của tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu. 3. Việc kiểm tra, giám sát hải quan quy định tại Điều này thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro. Điều 60. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu 1. Thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu với cơ quan hải quan. 2. Sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu vào mục đích gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng thì phải làm thủ tục hải quan theo quy định của Luật này.	thống nhất thực hiện.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
khẩu quản lý địa bàn nơi có địa điểm lưu giữ thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa hàng hóa đến địa điểm lưu giữ; d) Trường hợp thay đổi nội dung thông báo cơ sở gia công, sản xuất thì thông báo cho cơ quan hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo thời hạn sau: d.1) Trường hợp thay đổi diện tích sử dụng, địa chỉ; thay đổi số lượng máy móc, thiết bị, nhân công vượt quá 10% so với lần thông báo gần nhất; thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi ngành hàng sản xuất thì thông báo trước khi thực hiện thủ tục hải quan cho lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu tiếp theo; d.2) Trường hợp thay đổi nội dung khác ngoài các nội dung quy định tại điểm d.1 khoản này thì thông báo chậm nhất vào ngày thứ 10 của tháng đầu tiên của quý kế tiếp kể từ ngày phát sinh thay đổi. đ) Báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của định mức thực tế sản xuất sản phẩm xuất khẩu, số liệu báo cáo quyết toán và việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; e) Lưu giữ và cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhà xưởng, máy móc, thiết bị; giải trình các số liệu, quy trình sản xuất liên quan đến việc quản lý, sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, máy móc, thiết bị khi cơ quan hải quan kiểm tra. 2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan: a) Tiếp nhận thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều này; b) Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất	3. Lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nguyên liệu, vật tư sử dụng để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu trong khu vực sản xuất; trường hợp lưu giữ ngoài khu vực sản xuất phải được sự đồng ý của cơ quan hải quan. 4. Thực hiện đầy đủ chế độ quản lý, kế toán, thống kê, lưu giữ chứng từ, sổ sách, số liệu hàng hóa đưa vào, đưa ra cơ sở gia công, sản xuất; xuất trình sổ sách, chứng từ, hàng hóa khi cơ quan hải quan kiểm tra. 5. Thực hiện báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan. 2. Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế Tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định: Quan hệ trao đổi hàng hóa giữa doanh nghiệp chế xuất với các khu vực khác trên lãnh thổ Việt Nam, không phải là khu phi thuế quan, là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu trừ các trường hợp quy định tại điểm c khoản này và các trường hợp không phải làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan như sau: a) Thủ tục hải quan, kiểm tra và giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại doanh nghiệp chế xuất thực hiện theo quy định áp dụng đối với khu vực hải quan		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất theo quy định tại Điều 36 Nghị định này; c) Kiểm tra việc sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu đối với các trường hợp phải kiểm tra theo quy định tại Điều 38 Nghị định này; d) Tiếp nhận, kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu do tổ chức, cá nhân thông báo theo quy định tại Điều 37 Nghị định này. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; thủ tục thông báo quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này; điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất để áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan. **Điều 36. Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất đáp ứng điều kiện là khu phi thuế quan** 1. Các trường hợp kiểm tra: a) Tổ chức, cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, bao gồm trường hợp kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất đáp ứng điều kiện là khu phi thuế quan; b) Tổ chức, cá nhân có hoạt động xuất khẩu hàng hóa được sản xuất từ nguồn nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất kinh doanh, trừ trường hợp đã được cơ quan hải quan kiểm tra;	riêng, khu phi thuế quan trừ các quy định riêng áp dụng đối với khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế; b) Vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng từ nội địa Việt Nam để xây dựng công trình, phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của người lao động làm việc tại doanh nghiệp chế xuất không phải thực hiện quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra và giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp chế xuất, người bán hàng được lựa chọn thực hiện hoặc không phải thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu đối với vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng từ nội địa Việt Nam; c) Doanh nghiệp chế xuất được bán, thanh lý vào thị trường nội địa tài sản đã qua sử dụng và các hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan. Tại thời điểm bán, thanh lý vào thị trường nội địa không áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện khi nhập khẩu; hàng hóa quản lý bằng giấy phép thì phải được cơ quan cấp phép nhập khẩu đồng ý bằng		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
c) Tổ chức, cá nhân có dấu hiệu thay đổi ngành hàng, quy mô, năng lực gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không thông báo với cơ quan hải quan; d) Tổ chức, cá nhân có thay đổi địa chỉ, bổ sung cơ sở gia công, sản xuất; đ) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công cho thương nhân nước ngoài, nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công lại toàn bộ hợp đồng gia công; toàn bộ hợp đồng sản xuất hàng hóa xuất khẩu; e) Tổ chức, cá nhân có dấu hiệu lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu ngoài các địa điểm đã thông báo với cơ quan hải quan; g) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. 2. Nội dung kiểm tra: a) Kiểm tra địa chỉ cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu; b) Kiểm tra ngành nghề đầu tư kinh doanh; c) Kiểm tra nhà xưởng, máy móc, thiết bị; d) Kiểm tra nhân lực tham gia dây chuyền sản xuất; đ) Kiểm tra quy trình, năng lực, quy mô sản xuất, gia công; e) Kiểm tra việc lưu giữ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu tại các địa điểm đã thông báo và kiểm tra việc theo dõi nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị thông qua sổ kế toán theo dõi kho hoặc phần mềm quản lý hàng hóa nhập, xuất, tồn kho nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị; g) Kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất. 3. Thẩm quyền quyết định kiểm tra: Trưởng Hải quan	văn bản.		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
cửa khẩu, Trường Hải quan ngoài cửa khẩu nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ.. 4. Thời hạn kiểm tra: a) Quyết định kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định kiểm tra; b) Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc. 5. Xử lý kết quả kiểm tra: a) Trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp với nội dung tổ chức, cá nhân đã thông báo, Trường Hải quan cửa khẩu, Trường Hải quan ngoài cửa khẩu nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ ban hành kết luận kiểm tra xác nhận cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ phù hợp. Đối với doanh nghiệp chế xuất, kết luận kiểm tra đồng thời xác nhận doanh nghiệp đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan; b) Trường hợp kết quả kiểm tra không phù hợp với nội dung tổ chức, cá nhân đã thông báo hoặc doanh nghiệp chế xuất không đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan, Trường Hải quan cửa khẩu, Trường Hải quan ngoài cửa khẩu nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ ban hành kết luận kiểm tra nêu rõ nội dung không phù hợp, điều kiện chưa đáp ứng; c) Kết luận kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất.			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 37. Kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu 1. Nguyên tắc, các trường hợp kiểm tra báo cáo quyết toán: a) Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận báo cáo quyết toán thực hiện việc phân tích, đánh giá, đối chiếu báo cáo quyết toán do tổ chức, cá nhân thông báo với cơ sở dữ liệu và thông tin thu thập hiện có để xác định báo cáo quyết toán thuộc trường hợp phải kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan; b) Các trường hợp phải kiểm tra báo cáo quyết toán tại trụ sở người khai hải quan: b.1) Số liệu báo cáo quyết toán của tổ chức, cá nhân có sự chênh lệch bất thường so với hồ sơ, dữ liệu trên Hệ thống của cơ quan hải quan; b.2) Báo cáo quyết toán có dấu hiệu điều chỉnh bất thường làm thay đổi số lượng tồn kho, nguyên liệu, vật tư đã sử dụng, sản phẩm xuất khẩu hoặc nghĩa vụ thuế sau khi đã thông báo cho cơ quan hải quan; b.3) Tổ chức, cá nhân chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp không hưởng chế độ chế xuất hoặc doanh nghiệp gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu chuyển đổi thành doanh nghiệp chế xuất; b.4) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. 2. Nội dung kiểm tra: a) Kiểm tra hồ sơ hải quan nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, xuất khẩu sản phẩm; b) Kiểm tra chứng từ, sổ kế toán, chứng từ theo dõi nguyên liệu, vật tư, sản phẩm nhập kho, xuất kho; c) Kiểm tra các chứng từ khác phát sinh trong kỳ báo cáo người khai hải quan phải lưu theo quy định. 3. Thẩm quyền quyết định kiểm tra: Trưởng Hải quan			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
khu vực nơi tiếp nhận báo cáo quyết toán hoặc người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền. 4. Thời gian kiểm tra: a) Quyết định kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định kiểm tra; b) Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc. Đối với trường hợp phức tạp, Trưởng Hải quan khu vực quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra. 5. Xử lý kết quả kiểm tra: a) Trường hợp qua kiểm tra phát hiện có sự chênh lệch số liệu, không phù hợp nội dung giữa hồ sơ, dữ liệu, chứng từ có trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan với số liệu, dữ liệu, nội dung trên hồ sơ, chứng từ theo dõi tại doanh nghiệp tại khoản 2 Điều này thì yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình bằng văn bản. Trường hợp tổ chức, cá nhân không có giải trình hoặc cơ quan hải quan không chấp nhận giải trình và có đủ căn cứ để chứng minh tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, về thuế, cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra báo cáo quyết toán để xử lý theo quy định. b) Trường hợp kiểm tra các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này mà cơ quan hải quan phát hiện có dấu hiệu vi phạm nhưng chưa đủ cơ sở để kết luận thì thực hiện kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại Điều 38 Nghị định này hoặc kiểm tra sau thông quan và xử lý theo quy định. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục tiếp nhận, kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu. **Điều 38. Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu** 1. Các trường hợp kiểm tra: a) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ sản xuất, nhưng không có sản phẩm xuất khẩu; b) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc xuất khẩu sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất; c) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân bán nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm vào nội địa nhưng không khai hải quan; d) Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kê khai sản phẩm xuất khẩu không đúng quy định và không đúng thực tế; đ) Kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc diện phải thông báo thay đổi quy định tại điểm d.1 khoản 1 Điều 35 Nghị định này. 2. Nội dung kiểm tra: a) Kiểm tra hồ sơ hải quan, báo cáo nhập - xuất - tồn, chứng từ theo dõi nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập kho, xuất kho; b) Kiểm tra định mức thực tế sản phẩm xuất khẩu; c) Kiểm tra tính phù hợp của nguyên liệu, vật tư với sản phẩm xuất khẩu; d) Kiểm tra nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị trên dây chuyền sản xuất; đ) Kiểm tra số lượng hàng hóa nguyên liệu, vật tư còn tồn trong kho, đang đưa đi gia công lại; e) Kiểm tra số lượng thành phẩm chưa xuất khẩu. 3. Thẩm quyền quyết định kiểm tra: Trưởng Hải quan khu vực quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công, sản xuất của tổ			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
chức, cá nhân hoặc người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền. 4. Thời hạn kiểm tra: a) Quyết định kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định kiểm tra; b) Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được công bố quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc. Đối với trường hợp phức tạp, Trưởng Hải quan khu vực quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra. 5. Kết luận kiểm tra: Chậm nhất trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng Hải quan khu vực hoặc người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền ban hành kết luận các nội dung được kiểm tra. Trường hợp lấy ý kiến cơ quan chuyên môn, thời gian ban hành kết luận kiểm tra chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. **Điều 39. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất** 1. Doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa được lựa chọn làm hoặc không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa thuộc các trường hợp sau: a) Hàng hóa đưa từ nội địa vào doanh nghiệp chế xuất để xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp và bảo trì công trình; b) Hàng hóa là năng lượng, nhiên liệu, nước, do doanh nghiệp nội địa cung ứng cho doanh nghiệp chế xuất; c) Văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng hóa			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đưa từ nội địa để phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của người lao động làm việc trong doanh nghiệp chế xuất, không trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh; d) Hàng hóa luân chuyển giữa các cơ sở gia công, sản xuất, chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất, kho thuê ngoài; đ) Hàng hóa đưa ra, đưa vào doanh nghiệp chế xuất để thực hiện dịch vụ bảo hành, sửa chữa, giặt là, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc các dịch vụ tương tự sau đó đưa trở lại doanh nghiệp chế xuất mà không làm thay đổi mã số, tính năng, công dụng của hàng hóa ban đầu; e) Hàng hóa là phương tiện quay vòng được sử dụng nhiều lần để chứa hoặc đóng gói hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất lựa chọn không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản này thì phải thông báo thông tin vận chuyển hàng hóa cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ có hàng hóa vận chuyển đi thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Không áp dụng quy định tại khoản này đối với hàng hóa là sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài, sản xuất hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp nội địa bán cho doanh nghiệp chế xuất. 2. Các trường hợp không phải làm thủ tục hải quan: a) Hàng hóa doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu từ nước ngoài đã nộp đầy đủ các loại thuế và đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu theo quy định như hàng hóa nhập khẩu không hưởng chế độ, chính sách áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất khi trao đổi, mua bán hàng hóa này với doanh nghiệp nội địa; b) Hàng hóa doanh nghiệp chế xuất mua từ nội địa và			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đã nộp đầy đủ các loại thuế theo quy định như doanh nghiệp không hưởng chế độ, chính sách áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất, trừ nguyên liệu sản xuất có thuế xuất khẩu cấu thành trong sản phẩm xuất khẩu; c) Hàng hóa doanh nghiệp chế xuất đã hoàn thành thủ tục thay đổi mục đích sử dụng, nộp đầy đủ các loại thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu theo quy định, sau đó bán cho doanh nghiệp nội địa. 3. Thanh lý hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất: a) Hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất được thanh lý theo các hình thức sau: a.1) Xuất khẩu; a.2) Bán vào nội địa; a.3) Thay đổi mục đích sử dụng; a.4) Tiêu hủy. b) Trường hợp thanh lý theo hình thức thay đổi mục đích sử dụng thì thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định này; c) Trường hợp thanh lý theo hình thức bán vào nội địa thì chính sách quản lý chuyên ngành áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định này; 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.			
Điều 40. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan 1. Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Hải quan phải làm thủ tục hải quan theo hình thức vận chuyển độc lập hoặc theo hình thức vận chuyển kết hợp, chịu sự giám sát hải quan trong quá trình vận chuyển. 2. Người khai hải quan chịu trách nhiệm sử dụng phương tiện vận chuyển hàng hóa đảm bảo điều kiện niêm phong hải quan và bảo quản nguyên trạng niêm phong của	Điều 64 Luật Hải quan quy định: "Điều 64. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan 1. Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan bao gồm hàng hóa quá cảnh và hàng hóa chuyển cửa khẩu. 2. Khi vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan, người khai hải quan phải khai tờ khai vận chuyển hàng hóa; nộp hoặc xuất trình chứng từ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 của Luật này.	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
hãng vận chuyển (nếu có), niêm phong hải quan (nếu có), vận chuyển hàng hóa đúng tuyến đường, thời gian đã đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được thì người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa trong quá trình vận chuyển. 3. Người khai hải quan được thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều 64 Luật Hải quan tại địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan; kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ và các địa điểm khác theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan. Người khai hải quan thông báo cho cơ quan hải quan nơi quản lý kho, bãi, địa điểm chậm nhất 02 giờ trước khi thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 64 Luật Hải quan. Cơ quan hải quan có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 02 giờ kể từ khi nhận được thông báo của người khai hải quan. Người khai hải quan chỉ được thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 64 Luật Hải quan sau khi nhận được sự đồng ý của cơ quan hải quan. 4. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.	3. Cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai vận chuyển hàng hóa, kiểm tra các chứng từ và hàng hóa do người khai hải quan xuất trình để quyết định cho phép vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan. 4. Trong thời gian vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, nếu người khai hải quan thực hiện việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức vận tải hoặc các công việc khác thì phải thông báo và được sự đồng ý của cơ quan hải quan trước khi thực hiện. Cơ quan hải quan có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 02 giờ kể từ khi nhận được thông báo của người khai hải quan." - Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 5 Điều 64 như sau: "1. Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan bao gồm hàng hóa quá cảnh, **trung chuyển** và hàng hóa chuyển cửa khẩu. **5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này."** - Điểm c khoản 4 Điều 38 Luật Hải quan quy định: c) Hàng hóa quá cảnh chịu sự giám sát hải quan từ khi tới cửa khẩu nhập đầu tiên đến khi ra khỏi cửa khẩu xuất cuối cùng;. - Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan sửa đổi		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Điều 65 như sau: **Điều 65. Tuyến đường, thời gian vận chuyển** 1. Hàng hóa **vận chuyển** chịu sự giám sát hải quan phải được vận chuyển đúng tuyến đường, đúng cửa khẩu, đúng thời hạn. **2.** Người khai hải quan **thông báo với cơ quan hải quan** tuyến đường hàng hóa **vận chuyển chịu sự giám sát hải quan theo quy định.**". **- Luật Quản lý ngoại thương:** + Điều 44. Cho phép quá cảnh hàng hóa; + Điều 45. Nguyên tắc quản lý hoạt động quá cảnh hàng hóa; + Điều 46. Cửa khẩu và tuyến đường quá cảnh hàng hóa; + Điều 47. Thời gian quá cảnh;		
Điều 41. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam 1. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương. 2. Hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập và chịu sự giám sát hải quan trong suốt quá trình vận chuyển đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. 3. Thời gian hàng hóa quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương.	Điều 64 Luật Hải quan quy định: "Điều 64. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan 1. Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan bao gồm hàng hóa quá cảnh và hàng hóa chuyển cửa khẩu. 2. Khi vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan, người khai hải quan phải khai tờ khai vận chuyển hàng hóa; nộp hoặc xuất trình chứng từ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 của Luật này. 3. Cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai vận chuyển hàng hóa, kiểm tra các chứng từ	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
4. Hàng hóa quá cảnh được đóng ghép với hàng hóa xuất khẩu nếu đáp ứng các điều kiện sau: a) Hàng hóa quá cảnh và hàng hóa xuất khẩu phải được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì) và có đánh dấu để nhận biết; b) Hàng hóa quá cảnh phải không thuộc danh mục hàng hóa có độ nguy hiểm cao do Chính phủ quy định và không phải là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; c) Việc đóng ghép phải thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ, kho ngoại quan hoặc địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; d) Việc đóng ghép không làm thay đổi nhãn mác, ký mã hiệu, xuất xứ của hàng hóa quá cảnh và được thực hiện dưới sự giám sát của cơ quan hải quan. 5. Hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt, vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ và hàng hóa có độ nguy hiểm cao phải được giám sát bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật.	và hàng hóa do người khai hải quan xuất trình để quyết định cho phép vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan. 4. Trong thời gian vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, nếu người khai hải quan thực hiện việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức vận tải hoặc các công việc khác thì phải thông báo và được sự đồng ý của cơ quan hải quan trước khi thực hiện. Cơ quan hải quan có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 02 giờ kể từ khi nhận được thông báo của người khai hải quan." - Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 5 Điều 64 như sau: "1. Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan bao gồm hàng hóa quá cảnh, **trung chuyển** và hàng hóa chuyển cửa khẩu. **5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này."** - Điểm c khoản 4 Điều 38 Luật Hải quan quy định: c) Hàng hóa quá cảnh chịu sự giám sát hải quan từ khi tới cửa khẩu nhập đầu tiên đến khi ra khỏi cửa khẩu xuất cuối cùng; - Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan sửa đổi Điều 65 như sau:		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Điều 65. Tuyến đường, thời gian vận chuyển 1. Hàng hóa **vận chuyển** chịu sự giám sát hải quan phải được vận chuyển đúng tuyến đường, đúng cửa khẩu, đúng thời hạn. **2.** Người khai hải quan **thông báo với cơ quan hải quan** tuyến đường hàng hóa **vận chuyển chịu sự giám sát hải quan theo quy định.**". **- Luật Quản lý ngoại thương:** + Điều 44. Cho phép quá cảnh hàng hóa; + Điều 45. Nguyên tắc quản lý hoạt động quá cảnh hàng hóa; + Điều 46. Cửa khẩu và tuyến đường quá cảnh hàng hóa; + Điều 47. Thời gian quá cảnh; **- Tại Điều 25 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP** ngày 22/7/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương: **Điều 25. Quy định chung về quá cảnh hàng hóa** 1. Đối với các Hiệp định quá cảnh hàng hóa qua lãnh thổ Việt Nam ký giữa Việt Nam và các nước có chung đường biên giới, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	2. Việc vận chuyển hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa có độ nguy hiểm cao do Chính phủ quy định quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về vận chuyển hàng nguy hiểm và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. 3. Chủ hàng quá cảnh hoặc người thực hiện dịch vụ quá cảnh phải nộp lệ phí hải quan và các loại phí khác áp dụng cho hàng hóa quá cảnh theo quy định hiện hành của Việt Nam.		
Điều 42. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển 1. Hàng hóa trung chuyển bao gồm: a) Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài và dỡ xuống các bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính bến cảng này hoặc đưa đến bến cảng khác của Việt Nam để đưa ra nước ngoài; b) Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường hàng không từ nước ngoài và dỡ xuống các cảng hàng không Việt Nam, sau đó đưa ra nước ngoài từ chính cảng hàng không này hoặc đưa đến cảng hàng không khác của Việt Nam để đưa ra nước ngoài; c) Hàng hóa trung chuyển vận chuyển từ nước ngoài đưa vào Khu thương mại tự do để đưa ra nước ngoài từ chính cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu khác của Việt Nam theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 259/2025/QH15. 2. Hoạt động trung chuyển hàng hóa quy định tại Điều	- Khoản 7 Điều 26 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương: 7. Trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài vào khu vực trung chuyển tại cảng biển, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính khu vực trung chuyển này hoặc đưa đến khu vực trung chuyển tại bến cảng, cảng biển khác để đưa ra nước ngoài, thủ tục trung chuyển thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, không phải có giấy phép quá cảnh.		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
này bao gồm việc xếp dỡ, thay container, vận chuyển, lưu giữ hàng hóa theo yêu cầu của người vận chuyển tại cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu xuất hoặc tại kho, bãi, địa điểm trong Khu thương mại tự do. 3. Thời hạn lưu giữ: a) Trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, thời hạn lưu giữ tối đa 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập và không quá 02 lần gia hạn cho mỗi lô hàng, thời hạn gia hạn mỗi lần không quá 30 ngày; b) Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, thời hạn lưu giữ tối đa 90 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập và không quá 02 lần gia hạn cho mỗi lô hàng, thời hạn gia hạn mỗi lần không quá 60 ngày; c) Trước khi hết thời hạn lưu giữ quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người khai hải quan có văn bản đề nghị gia hạn gửi Trường Hải quan cửa khẩu nhập để quyết định việc gia hạn. Trường hợp hàng hóa trung chuyển bị hư hỏng, tổn thất thì thời gian khắc phục không tính vào thời gian lưu giữ, gia hạn; d) Trường Hải quan cửa khẩu nhập trả lời trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn. Quá thời hạn lưu giữ, kể cả thời gian gia hạn, mà hàng hóa trung chuyển chưa được đưa ra nước ngoài thì xử lý như hàng hóa tồn đọng theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan. 4. Hàng hóa trung chuyển chịu sự giám sát hải quan từ khi đến cửa khẩu nhập cho đến khi đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Hàng hóa trung chuyển được đưa toàn bộ ra nước ngoài một lần hoặc nhiều lần.			
Điều 43. Thủ tục hải quan đối với tài sản di chuyển 1. Tài sản di chuyển gồm: a) Tài sản của tổ chức, cá nhân đưa vào Việt Nam khi thôi cư trú hoặc chấm dứt hoạt động ở nước ngoài;	- Luật Hải quan: + Khoản 20 Điều 4 quy định: Tài sản di chuyển là đồ dùng, vật dụng phục vụ sinh hoạt, làm việc của cá nhân, gia đình, tổ	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
b) Tài sản của tổ chức, cá nhân đưa ra khỏi Việt Nam khi thôi cư trú hoặc chấm dứt hoạt động ở Việt Nam. 2. Tài sản di chuyển phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này. 3. Trường hợp tài sản di chuyển vượt định mức miễn thuế thì: a) Hàng hóa phải đảm bảo các quy định của pháp luật về chính sách xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tại thời điểm xuất khẩu, nhập khẩu; b) Phải nộp đủ các loại thuế theo quy định của pháp luật đối với số lượng hàng hóa vượt định mức quy định. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	chức được mang theo khi thôi cư trú, chấm dứt hoạt động ở Việt Nam hoặc nước ngoài. + Điều 53 quy định: **Điều 53. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tài sản di chuyển** Tài sản di chuyển của cá nhân, gia đình, tổ chức phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan. Cá nhân, tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa là tài sản di chuyển phải có giấy tờ chứng minh việc cư trú, hoạt động ở Việt Nam hoặc nước ngoài.		
Điều 44. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại 1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa. 2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác. 3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	**- Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP quy định:** 3. Đối với hàng hóa do thương nhân sản xuất và đã xuất khẩu, thương nhân được tạm nhập, tái xuất để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài và tái xuất khẩu trả lại thương nhân nước ngoài. Thủ tục tạm nhập, tái xuất thực hiện tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm nhập, tái xuất.	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	
Điều 46. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa theo phương thức tạm nhập, tạm xuất 1. Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm nhập,	- Điều 48 Luật Hải quan quy định: **Điều 48. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu**	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm: a) Container theo tiêu chuẩn quy định tại Công ước quốc tế về an toàn container năm 1972, có số ký hiệu in cố định trên phương tiện; b) Phương tiện để chứa khí, chất lỏng có kết cấu ổn định, bền chắc, có số ký hiệu in cố định trên phương tiện; c) Bồn mềm lót trong container để chứa hàng lỏng; d) Các phương tiện khác có thể sử dụng nhiều lần để chứa hoặc đóng gói; cố định, nâng đỡ hoặc bảo vệ an toàn hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 2. Người khai hải quan đối với phương tiện quay vòng: a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này là người khai thác, quản lý việc sử dụng phương tiện quay vòng bao gồm: hãng vận chuyển hoặc chủ sở hữu hoặc người thuê hoặc tổ chức khác chịu trách nhiệm về phương tiện quay vòng; b) Đối với trường hợp quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này là người khai hải quan quy định tại Điều 5 Nghị định này. 3. Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập phương tiện quay vòng: a) Thời hạn tạm nhập - tái xuất của phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này không quá 12 tháng kể từ ngày đến cửa khẩu nhập. Trường hợp phương tiện quay vòng chứa hàng hóa tồn đọng tại khu vực giám sát hải quan hoặc bị tạm giữ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì thời gian từ ngày cơ quan hải quan thông báo hàng hóa tồn đọng đến ngày kết thúc xử lý hàng hóa tồn đọng hoặc thời gian tạm giữ không tính vào thời hạn tạm nhập. Trường hợp phương tiện quay vòng chưa thể tái xuất trong thời hạn quy định tại điểm này, người khai hải quan	1. Các loại hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu bao gồm: a) Phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa; ... 2. Hàng hóa tạm xuất khẩu phải tái nhập khẩu, hàng hóa tạm nhập khẩu phải tái xuất khẩu trong thời hạn quy định và phải được làm thủ tục hải quan. 3. Hàng hóa tạm xuất khẩu, hàng hóa tạm nhập khẩu thuộc một tờ khai hải quan được tái nhập khẩu, tái xuất khẩu theo nhiều chuyến hàng thuộc nhiều tờ khai hải quan tái nhập khẩu, tái xuất khẩu. 4. Hàng hóa tạm xuất khẩu mà không tái nhập khẩu, hàng hóa tạm nhập khẩu mà không tái xuất khẩu nếu được bán, tặng, trao đổi phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thông báo gia hạn cho cơ quan hải quan. Phương tiện quay vòng được gia hạn một lần, thời hạn gia hạn không quá 12 tháng. b) Thời hạn tạm xuất - tái nhập phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này do người khai hải quan thỏa thuận với đối tác; c) Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập phương tiện quay vòng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này do người khai hải quan thỏa thuận với đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Trường hợp cần gia hạn, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan. 4. Địa điểm lưu giữ phương tiện quay vòng tạm nhập: Phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng phải được lưu giữ tại các địa điểm do người khai hải quan thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục tạm nhập. Riêng phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này phải được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan, trừ trường hợp đưa về địa điểm để đóng hàng, dỡ hàng xuất khẩu, nhập khẩu. 5. Trường hợp phương tiện chứa hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này được xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê mua tài chính hoặc hình thức khác thì thực hiện thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Mục 5 Chương này. 6. Phương tiện quay vòng chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi đến cửa khẩu nhập trong quá trình lưu giữ cho đến khi đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Cơ quan hải quan theo dõi, quản lý phương tiện quay vòng trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. 7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 47. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập – tái xuất 1. Các trường hợp tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất bao gồm: a) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất; b) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm; c) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm nhập để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài; hàng hóa tạm nhập, tái xuất để cung ứng cho tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam; d) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, trưng bày, giới thiệu; đ) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp; e) Xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu miễn thuế của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ; g) Hàng hóa bao gồm cả phương tiện tự hành tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu trở lại để sửa chữa, thay thế, bảo hành, bảo dưỡng thuộc trách nhiệm của thương nhân sản xuất theo thỏa thuận đã có trong hợp đồng xuất khẩu, gia công, mua bán hàng hóa quy định tại Điều 44	- Điều 48 Luật Hải quan quy định: **Điều 48. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu** 1. Các loại hàng hóa tạm nhập khẩu, tạm xuất khẩu bao gồm: a) Phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa; b) Máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định; c) Máy móc, thiết bị, phương tiện thi công, khuôn, mẫu theo các hợp đồng thuê, mượn để sản xuất, thi công; d) Linh kiện, phụ tùng của chủ tàu nhập khẩu để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài; đ) Hàng hóa tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm; e) Hàng hóa khác theo quy định của pháp luật. 2. Hàng hóa tạm xuất khẩu phải tái nhập khẩu, hàng hóa tạm nhập khẩu phải tái xuất khẩu trong thời hạn quy định và phải được làm thủ tục hải quan. 3. Hàng hóa tạm xuất khẩu, hàng hóa tạm nhập khẩu thuộc một tờ khai hải quan được tái nhập khẩu, tái xuất khẩu theo nhiều chuyến hàng thuộc nhiều tờ khai hải quan tái nhập khẩu, tái xuất khẩu. 4. Hàng hóa tạm xuất khẩu mà không tái nhập khẩu, hàng hóa tạm nhập khẩu mà không tái xuất khẩu nếu được bán, tặng,	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Nghị định này. 2. Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập: Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất – tái nhập thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại, quản lý ngoại thương. Trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này thì thời hạn tạm nhập – tái xuất như sau: a) Đối với cơ quan, tổ chức được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ: Thời hạn tạm nhập theo nhu cầu sử dụng trong thời gian hoạt động tại Việt Nam và khai trên tờ khai hải quan; b) Đối với cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ: Thời hạn tạm nhập theo thời hạn công tác của cá nhân đó tại Việt Nam ghi trên giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và khai trên tờ khai hải quan. Trường hợp được gia hạn thời gian công tác tại Việt Nam thì người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan để gia hạn thời hạn tạm nhập – tái xuất. 3. Trường hợp hàng hóa tạm nhập, tạm xuất để nghiên cứu và phát triển sản phẩm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này khi tái xuất, tái nhập không đảm bảo nguyên trạng ban đầu thì người khai hải quan phải tái xuất, tái nhập toàn bộ sản phẩm, linh kiện, phụ tùng cấu tạo nên sản phẩm ban đầu. 4. Hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập được đưa vào, đưa ra lãnh thổ Việt Nam qua các cửa khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương và quy định pháp luật có liên quan, trừ trường hợp hàng hóa tái xuất, tái nhập vào khu phi thuế quan, kho ngoại quan, doanh nghiệp chế xuất. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	trao đổi phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. - **Điều 41, 42 Luật Quản lý ngoại thương quy định về tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập hàng hóa:** **Điều 41. Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác** 1. Trừ trường hợp kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại Điều 39 của Luật này, thương nhân được tạm nhập vào Việt Nam hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa không thuộc diện tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo hợp đồng với nước ngoài để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác trong một khoảng thời gian nhất định rồi tái xuất chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam. 2. Thủ tục tạm nhập, tái xuất được thực hiện như sau: a) Thương nhân phải có giấy phép tạm nhập, tái xuất đối với hàng hóa chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam; hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp hạn ngạch xuất khẩu, hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; b) Thương nhân chỉ phải làm thủ tục tạm nhập, tái xuất tại cơ quan hải quan đối		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	với hàng hóa không thuộc quy định tại điểm a khoản này. 3. Thời hạn tạm nhập, tái xuất thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập. 4. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất khi tiêu thụ nội địa phải thực hiện theo quy định về quản lý nhập khẩu hàng hóa của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. **Điều 42. Tạm xuất, tái nhập hàng hóa** 1. Thương nhân được tạm xuất, tái nhập hàng hóa để phục vụ mục dích bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, sản xuất, thi công, thuê, mượn, trưng bày, triển lãm hoặc để sử dụng vì mục đích khác theo hợp đồng với nước ngoài. 2. Thủ tục tạm xuất, tái nhập được thực hiện như sau: a) Thương nhân phải có giấy phép tạm xuất, tái nhập đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp hạn ngạch xuất khẩu, hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; b) Thương nhân chỉ phải làm thủ tục tạm xuất, tái nhập tại cơ quan hải quan đối với hàng hóa không thuộc quy định tại điểm a khoản này.		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	3. Thời hạn tạm xuất, tái nhập thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm xuất. 4. Hàng hóa tạm xuất, tái nhập khi tiêu thụ tại nước ngoài phải thực hiện theo quy định về quản lý xuất khẩu hàng hóa của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. **- Nghị định số 292/2026/NĐ-CP:** **+ Điều 14 quy định Kinh doanh tạm nhập, tái xuất:** 4. Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan từ khi tạm nhập cho tới khi hàng hóa thực tái xuất ra khỏi Việt Nam. Không chia nhỏ hàng hóa vận chuyển bằng công-ten-nơ trong suốt quá trình vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu tạm nhập đến khu vực chịu sự giám sát của cơ quan hải quan, cửa khẩu tái xuất theo quy định. Trường hợp do yêu cầu vận chuyển cần phải thay đổi hoặc chia nhỏ hàng hóa vận chuyển bằng công-ten-nơ để tái xuất thì thực hiện theo quy định của cơ quan hải quan. 5. Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất được lưu lại tại Việt Nam không quá 60 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tạm nhập. Trường hợp cần kéo dài thời hạn, thương nhân có văn bản đề		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	nghị gia hạn gửi cơ quan hải quan nơi thực hiện thủ tục tạm nhập; thời hạn gia hạn mỗi lần không quá 30 ngày và không quá 02 lần gia hạn cho mỗi lô hàng tạm nhập, tái xuất. Quá thời hạn nêu trên, thương nhân phải tái xuất hàng hóa ra khỏi Việt Nam hoặc tiêu hủy. Trường hợp tiêu hủy hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất do quá thời hạn lưu tại Việt Nam, thương nhân tự tổ chức tiêu hủy và chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về hải quan. Trường hợp nhập khẩu vào Việt Nam, thương nhân phải tuân thủ các quy định về quản lý nhập khẩu hàng hóa và thuế. + **Điều 16. Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác** 1. Thương nhân được tạm nhập, tái xuất từ nước ngoài hàng hóa không thuộc diện quản lý bằng biện pháp cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác trong một khoảng thời gian nhất định rồi tái xuất chính hàng hóa đó ra khỏi Việt Nam. Thương nhân làm thủ tục tạm nhập, tái xuất tại cơ quan hải quan trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 9 Điều này. 3. Đối với hàng hóa do thương nhân sản		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	xuất và đã xuất khẩu, thương nhân được tạm nhập, tái xuất để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài và tái xuất khẩu trả lại thương nhân nước ngoài. Thủ tục tạm nhập, tái xuất thực hiện tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm nhập, tái xuất. 4. Đối với việc tạm nhập, tái xuất máy móc, phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ các sự kiện ngoại giao, chương trình văn hóa, các đoàn nghệ thuật, đoàn thi đấu, biểu diễn thể thao, chương trình khám chữa bệnh vì mục đích nhân đạo, thủ tục tạm nhập, tái xuất thực hiện tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm nhập, tái xuất. 6. Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác quy định tại Điều này phải đảm bảo không làm thay đổi hình dáng, công dụng, đặc tính cơ bản của hàng hóa và không tạo ra hàng hóa khác. 7. Thời hạn tạm nhập, tái xuất hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Quản lý ngoại thương. Trường hợp cần kéo dài thời hạn, thương nhân có văn bản đề nghị gia hạn gửi cơ quan hải quan nơi thực hiện thủ tục tạm nhập. Mỗi lô hàng tạm nhập, tái xuất được thực hiện không quá 02 lần gia hạn. 8. Trường hợp hàng hóa đã tạm nhập theo hợp đồng thuê, mượn được đối tác nước ngoài chỉ định giao cho thương nhân để		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	tạm nhập, tái xuất theo hợp đồng thuê, mượn ký với đối tác nước ngoài đó, thương nhân phải tuân thủ các quy định về tạm nhập, tái xuất tại Điều này. Thủ tục hải quan thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. + **Điều 17. Tạm xuất, tái nhập** 1. Thương nhân được tạm xuất, tái nhập hàng hóa ra nước ngoài để phục vụ các mục đích sản xuất, thi công, cho thuê, cho mượn, đo kiểm, kiểm nghiệm, tham gia hội chợ, triển lãm, sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng hoặc để sử dụng vì các mục đích khác trong một thời gian nhất định sau đó tái nhập chính hàng hóa đó trở lại Việt Nam. Riêng đối với trường hợp tạm xuất, tái nhập để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa khi không còn thời hạn bảo hành theo hợp đồng nhập khẩu hoặc theo hợp đồng, thỏa thuận bảo hành, thương nhân chỉ được thực hiện đối với hàng hóa không thuộc Danh mục hàng tiêu dùng đã qua sử dụng cấm nhập khẩu. Thương nhân làm thủ tục tạm xuất, tái nhập tại cơ quan hải quan trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này. 6. Thời hạn tạm xuất, tái nhập thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Luật Quản lý ngoại thương. Trường hợp cần kéo dài thời hạn, thương nhân có văn bản đề nghị gia hạn gửi cơ quan hải quan nơi		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	thực hiện thủ tục tạm xuất. Mỗi lô hàng tạm xuất, tái nhập được thực hiện không quá 02 lần gia hạn. 7. Các hình thức tạm xuất, tái nhập quy định tại Điều này phải đảm bảo không làm thay đổi hình dáng, công dụng, đặc tính cơ bản của hàng hóa và không tạo ra hàng hóa khác. + **Điều 18. Cửa khẩu tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập hàng hóa** 1. Hàng hóa tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập được tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính. 2. Trường hợp hàng hóa nước ngoài gửi vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất qua các tỉnh biên giới thì cửa khẩu tạm nhập để gửi kho ngoại quan và cửa khẩu xuất khẩu, tái xuất hàng hóa qua các tỉnh biên giới thực hiện theo quy định tại Điều này. + **Khoản 1 Điều 24** quy định Cục Hải quan: 1. Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, kiểm soát, giám sát chặt chẽ hàng hóa tạm nhập, tái xuất từ khi nhập khẩu vào Việt Nam cho đến khi thực xuất khẩu ra khỏi Việt Nam hoặc chuyển tiêu thụ nội địa, tiêu hủy trong trường hợp được chuyển tiêu thụ nội địa, tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành.		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 48. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu qua cửa khẩu Việt Nam 1. Hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu qua cửa khẩu Việt Nam được thực hiện theo các hình thức quy định tại pháp luật về quản lý ngoại thương. 2. Hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu qua cửa khẩu Việt Nam phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. Cơ quan hải quan chỉ thực hiện kiểm tra thực tế trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	- Điều 30 Luật Thương mại quy định: Điều 30. Chuyển khẩu hàng hoá 1. Chuyển khẩu hàng hóa là việc mua hàng từ một nước, vùng lãnh thổ để bán sang một nước, vùng lãnh thổ ngoài lãnh thổ Việt Nam mà không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam. 2. Chuyển khẩu hàng hóa được thực hiện theo các hình thức sau đây: a) Hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam; b) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam; c) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, khu vực trung chuyển hàng hoá tại các cảng Việt Nam, không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam. 3. Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động chuyển khẩu hàng hóa. - Điều 40 Luật Quản lý ngoại thương quy định: Điều 40. Cấm kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	1. Cấm kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu đối với hàng hóa thuộc các trường hợp sau đây: a) Hàng hóa là chất thải nguy hại, phế liệu, phế thải; b) Hàng hóa thuộc diện cấm kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; c) Hàng hóa là hàng tiêu dùng đã qua sử dụng có nguy cơ gian lận thương mại; d) Hàng hóa có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người. 2. Chính phủ quy định chi tiết Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu. 3. Trường hợp để ngăn ngừa tình trạng gây ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người, chuyển tải bất hợp pháp, nguy cơ gian lận thương mại, Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định, công bố công khai hàng hóa tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu.		
Điều 49. Tiêu chuẩn, hoạt động kinh doanh địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế 1. Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a) Được đặt tại các vị trí theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16. Trong đó: a.1) Khu vực cách ly của cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga	Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan quy định: + Khoản 28 Điều 4: **28. Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế là địa điểm lưu giữ, bán, giao nhận hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, sản xuất trong nước cho các đối tượng được mua hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật.**”.	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cảng hàng không quốc tế là khu vực được đặt sau khu vực làm thủ tục xuất cảnh. Trường hợp có quầy nhận hàng cho người chờ xuất cảnh thì quầy nhận hàng phải đặt trong khu vực cách ly. a.2) Khu vực hạn chế của cảng hàng không quốc tế là khu vực được đặt sau khu vực làm thủ tục nhập cảnh và trước khu vực làm thủ tục hải quan. b) Có hệ thống công nghệ thông tin bảo đảm quản lý, lưu trữ, kết xuất dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa đưa vào, đưa ra, đối tượng mua hàng miễn thuế kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; c) Có hệ thống ca-mê-ra giám sát cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, quầy nhận hàng kết nối với cơ quan hải quan, hình ảnh quan sát được khu vực cửa sổ, cửa ra vào, toàn cảnh bên trong địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu hình ảnh phải bảo đảm khả năng truy xuất, trích xuất và được lưu giữ tối thiểu 06 tháng. 2. Khi có nhu cầu hoạt động, mở rộng diện tích liền kề, thu hẹp, tạm dừng, hoạt động trở lại, chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp phải thông báo theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho Hải quan khu vực quản lý chậm nhất 10 ngày trước ngày dự kiến hoạt động, mở rộng, thu hẹp, tạm dừng, hoạt động trở lại, chấm dứt hoạt động. 3. Doanh nghiệp chỉ được đưa địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế vào hoạt động khi đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này và đảm bảo việc kết nối, trao đổi dữ liệu hệ thống thông tin với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; thực hiện trao đổi dữ liệu hệ thống ca-mê-ra giám sát với cơ quan hải quan.	**+ Điều 62. Kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế** 2. **Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế được đặt tại các vị trí sau đây:** **a) Trong khu vực cách ly của cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; trong khu vực cách ly và khu vực hạn chế của cảng hàng không quốc tế;** **b) Các khu vực khác được thành lập địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật.** 4. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung sau: **a) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan,** việc thành lập và hoạt động của kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, **địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;** **b) Các dịch vụ thực hiện trong kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ;** **c) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, hoạt động kinh doanh, tiêu chuẩn địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế.**		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Khi không có nhu cầu hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp thực hiện xử lý hàng tồn đọng tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật và thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trong thời gian hoạt động, trường hợp phát hiện địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế không đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan hải quan có văn bản thông báo tạm dừng việc đưa hàng hóa ra, vào địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế đến doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế. Thời hạn tạm dừng là 30 ngày kể từ ngày thông báo. Trong thời gian tạm dừng hoạt động, doanh nghiệp có trách nhiệm bảo đảm nguyên trạng hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện giám sát lượng hàng hóa tồn tại địa điểm, không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra tại địa điểm, thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xử lý hàng hóa hết thời hạn lưu giữ tại Việt Nam theo quy định. Trong thời gian tạm dừng, doanh nghiệp phải khắc phục đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp quá thời hạn tạm dừng doanh nghiệp không khắc phục địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo các tiêu chuẩn, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp để chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, yêu cầu doanh nghiệp tái xuất hàng hóa hoặc thay đổi mục đích sử dụng và xử lý vi phạm theo quy định; sau khi đã khắc phục các tiêu chuẩn, doanh nghiệp thông báo hoạt động trở lại theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.			
Điều 50. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh 1. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp phải chịu	**- Luật Hải quan quy định:** + Khoản 7 Điều 4: 7. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh là vật dụng cần thiết cho nhu cầu sinh hoạt hoặc mục đích chuyến đi của người xuất cảnh, nhập	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
sự kiểm tra, giám sát hải quan của cơ quan hải quan tại cửa khẩu. 2. Trên cơ sở phân tích thông tin và quá trình giám sát người xuất cảnh, nhập cảnh, cơ quan hải quan quyết định lựa chọn hành lý có rủi ro để kiểm tra thực tế. Trường hợp có căn cứ xác định người xuất cảnh, nhập cảnh có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới thì thực hiện việc khám người, khám đồ vật theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. 3. Người xuất cảnh, nhập cảnh được tạm gửi hành lý vào kho của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu nhưng phải thông báo trước cho cơ quan hải quan và được nhận lại khi nhập cảnh, xuất cảnh. Thời gian tạm gửi hành lý không quá 180 ngày, kể từ ngày hành lý được gửi vào kho. 4. Trong thời hạn tạm gửi hành lý quy định tại khoản 3 Điều này, trường hợp người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại hoặc cơ quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu xác định chủ sở hữu hành lý thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ thì xử lý như đối với hàng hóa tồn đọng tại địa bàn hoạt động hải quan. 5. Trường hợp hành lý vận chuyển bằng đường hàng không, không có thẻ hành lý, không xác định được chủ sở hữu hành lý, hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan trong việc xử lý hành lý theo quy định của pháp luật. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. **Điều 51. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức miễn thuế; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi**	cảnh, bao gồm hành lý mang theo người, hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi. + Điều 54. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh 1. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan tại cửa khẩu. 2. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh vượt định mức miễn thuế phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Người xuất cảnh, nhập cảnh có thể gửi hành lý vào kho tại cửa khẩu và được nhận lại khi nhập cảnh, xuất cảnh. 3. Tiêu chuẩn hành lý, định mức hành lý được miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1. Người xuất cảnh, nhập cảnh có hành lý vượt định mức miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế hoặc có hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi thì phải khai tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và phải làm thủ tục hải quan đối với hành lý như hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này. Không gộp chung định mức miễn thuế của nhiều người nhập cảnh để khai báo miễn thuế cho một người nhập cảnh, trừ hành lý của các cá nhân trong một gia đình mang theo trong cùng chuyến đi. Việc khai báo định mức miễn thuế tính theo từng lần nhập cảnh. 2. Người nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan đối với hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hành lý đến cửa khẩu; trường hợp hành lý gửi cùng chuyến đi vượt quá định mức miễn thuế thì thực hiện thủ tục hải quan ngay sau khi nhập cảnh. 3. Hành lý của người nhập cảnh có tổng trị giá hải quan vượt định mức miễn thuế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định ... (Nghị định thay thế Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016) của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật, có tổng trị giá hải quan không quá 20.000.000 đồng Việt Nam hoặc hành lý là vật nguyên chiếc, nguyên đơn vị sản phẩm có tổng trị giá hải quan vượt quá 20.000.000 đồng khi làm thủ tục nhập khẩu không phải có giấy phép nhập khẩu. 4. Hành lý của người nhập cảnh thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật có tổng trị giá vượt mức quy định tại khoản 3 Điều này, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập cảnh phải có giấy phép nhập khẩu hàng hóa. Trường hợp không có giấy			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phép nhập khẩu, cơ quan hải quan xử lý theo quy định. 5. Khi làm thủ tục nhập khẩu hành lý quy định tại khoản 1 Điều này, người nhập cảnh không có tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh thì không được áp dụng tiêu chuẩn hành lý miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định ... (Nghị định thay thế Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016) của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thực hiện chính sách quản lý đối với hàng nhập khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều này. **Điều 52. Xử lý hành lý bị thất lạc, nhầm lẫn** 1. Hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh thất lạc, nhầm lẫn phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan tại cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất. 2. Đối với hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh qua đường hàng không thất lạc, nhầm lẫn: Người khai thác cảng hàng không hoặc đại diện hãng hàng không có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan bản kê hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn. Cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với hãng hàng không và người khai thác cảng hàng không thực hiện kiểm tra qua máy soi hành lý trước khi đưa hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn vào khu vực lưu giữ và xử lý như sau: a) Trường hợp kiểm tra không phát hiện dấu hiệu vi phạm và hành lý không vượt định mức miễn thuế thì giao người khai thác cảng hàng không hoặc đại diện hãng hàng không để chuyển trả cho người xuất cảnh, nhập cảnh; b) Trường hợp kiểm tra phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế thì cơ quan hải quan thực hiện niêm phong và bàn giao cho người khai thác cảng hàng không đưa vào khu vực lưu giữ hành lý thất lạc, nhầm lẫn. Khi nhận lại hành lý thất lạc, nhầm lẫn, cơ quan hải			

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
quan thực hiện kiểm tra thực tế hành lý dưới sự chứng kiến của người khai thác cảng hàng không. Trường hợp hành lý vượt định mức miễn thuế thì người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 51 Nghị định này; trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật về hải quan thì xử lý theo quy định. 3. Hành lý thất lạc, nhầm lẫn không có người nhận được xử lý như đối với hàng hóa tồn đọng trong địa bàn hoạt động hải quan theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16.			
Điều 53. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh **Điều 54. Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh** **Điều 55. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không, hãng hàng không hoặc người được hãng hàng không ủy quyền** **Điều 56. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng** **Điều 57. Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng** **Điều 58. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải, doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển, thuyền trưởng và hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền** **Điều 59. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh** **Điều 60. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh** **Điều 61. Trách nhiệm của Trưởng ga và Trưởng tàu liên vận quốc tế** **Điều 62. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với**	**Điều 69 Luật Hải quan quy định:** **Điều 69. Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải** 1. Khi làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền phải khai hải quan; nộp, xuất trình các chứng từ vận tải để làm thủ tục hải quan; cung cấp các thông tin, chứng từ về hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải. Trường hợp các chứng từ liên quan đã đáp ứng yêu cầu của việc kiểm tra hải quan thì chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền không phải khai hải quan, trừ hành lý, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của người xuất cảnh, nhập cảnh trên phương tiện vận tải. 2. Thời hạn khai và nộp tờ khai hải quan,	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh **Điều 63. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh** **Điều 64. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh** **Điều 65. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh** **Điều 66. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với một số trường hợp đặc thù**	chứng từ liên quan được quy định như sau: a) Đối với phương tiện vận tải quá cảnh được thực hiện ngay khi tới cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên và trước khi phương tiện vận tải qua cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng; b) Đối với phương tiện vận tải đường biển nhập cảnh được thực hiện chậm nhất 02 giờ sau khi cảng vụ thông báo phương tiện vận tải nhập cảnh đã đến vị trí đón hoa tiêu; đối với phương tiện vận tải đường biển xuất cảnh được thực hiện chậm nhất 01 giờ trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh; c) Đối với phương tiện vận tải đường hàng không xuất cảnh, nhập cảnh được thực hiện ngay khi phương tiện vận tải nhập cảnh đến cửa khẩu và trước khi tổ chức vận tải chấm dứt việc làm thủ tục nhận hàng hóa xuất khẩu, hành khách xuất cảnh; d) Đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ và đường sông xuất cảnh, nhập cảnh được thực hiện ngay sau khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên và trước khi phương tiện vận tải qua cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng. 3. Phương tiện vận tải quân sự, phương tiện vận tải khác được sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	4. Chính phủ quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải. - Ngày 22/8/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 336/2026/NĐ-CP quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN. Theo đó, quy định về việc thực hiện thủ tục cho phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa xuất cảnh, nhập cảnh bằng phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.		
Điều 67. Các dịch vụ được thực hiện trong kho ngoại quan Chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan, chủ quản nền tảng thương mại điện tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan hoặc đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện các dịch vụ sau đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan: 1. Gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa; phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa, dán nhãn hàng hóa, các hoạt động khác tác động lên bao bì không ảnh hưởng đến bản chất của hàng hóa. Các dịch vụ thực hiện trên lô hàng trong kho ngoại quan không được làm thay đổi xuất xứ, mã HS của hàng hóa so với thời điểm trước khi đưa vào kho ngoại quan. 2. Lấy mẫu hàng hóa để phục vụ công tác quản lý hoặc làm thủ tục hải quan. 3. Chuyển quyền sở hữu hàng hóa. 4. Riêng đối với kho ngoại quan chuyên dùng chứa hóa	**- Khoản 4 Điều 4 Luật Hải quan quy định:** Địa điểm thu gom hàng lẻ là khu vực kho, bãi dùng để thực hiện các hoạt động thu gom, chia, tách hàng hóa của nhiều chủ hàng vận chuyển chung công-te-nơ. **- Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung:** **+ Khoản 10 Điều 4:** 10. Kho ngoại quan là khu vực kho, bãi lưu giữ hàng hóa đã làm thủ tục hải quan được gửi để chờ xuất khẩu **hoặc nhập khẩu vào Việt Nam**; hàng hóa từ nước ngoài đưa vào gửi để chờ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào Việt Nam."; **+ Điều 61. Hàng hóa gửi tại kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, hàng**	Đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
chất, xăng dầu, trường hợp đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan và yêu cầu quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thì được phép pha chế, chuyển đổi chủng loại hàng hóa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Điều 68. Thuê kho ngoại quan** 1. Đối tượng được thuê kho ngoại quan: a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam; b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài; c) Chủ quản nền tảng thương mại điện tử được thay mặt chủ hàng hóa trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại điện tử gửi kho ngoại quan. 2. Hợp đồng thuê kho ngoại quan: a) Hợp đồng thuê kho ngoại quan do doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan và chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền ký kết theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp chủ hàng là doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan; b) Thời hạn hiệu lực và thời hạn thuê kho ngoại quan do chủ hàng và doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan thỏa thuận trên hợp đồng thuê kho ngoại quan. Thời hạn thuê kho ngoại quan không quá thời hạn hàng hóa gửi kho ngoại quan theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan. **Điều 69. Hàng hóa gửi kho ngoại quan** 1. Hàng hóa từ Việt Nam đã làm xong thủ tục hải quan để chờ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào Việt Nam; hàng hóa từ nước ngoài chờ làm thủ tục hải quan nhập khẩu vào Việt Nam hoặc chờ xuất khẩu ra nước ngoài được đưa vào lưu giữ trong kho ngoại quan. 2. Hàng hóa sau đây không được gửi kho ngoại quan: a) Hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, giả mạo về sở hữu trí tuệ hoặc giả mạo tên gọi xuất xứ Việt Nam; b) Hàng hóa gây nguy hiểm cho người hoặc ô nhiễm môi trường; c) Hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng	**hóa bán tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế** 1. Hàng hóa gửi kho ngoại quan được lưu giữ trong thời gian **tối đa không quá 24 tháng** kể từ ngày được gửi vào kho. **2.** Hàng hóa được đưa vào địa điểm thu gom hàng lẻ gồm hàng hóa nhập khẩu chưa làm thủ tục hải quan, hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan hoặc đã đăng ký tờ khai hải quan nhưng việc kiểm tra thực tế hàng hóa sẽ được thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ. Hàng hóa được lưu giữ tại địa điểm thu gom hàng lẻ trong thời gian **tối đa không quá 180** ngày kể từ ngày được đưa vào địa điểm thu gom hàng lẻ. **+ Điều 62. Kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế** 1. Kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, **địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu** được thành lập tại địa bàn nơi có các khu vực sau đây: a) Cảng biển; cảng hàng không quốc tế; cửa khẩu đường bộ; ga đường sắt liên vận quốc tế; **cảng cạn; cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;**		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép; d) Hàng hóa buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; đ) Hàng hóa khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Điều 70. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra kho ngoại quan** 1. Hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan phải làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật. Riêng đối với các mặt hàng là máy móc, thiết bị, phương tiện và hàng hóa khác cung ứng từ nội địa vào kho ngoại quan để thực hiện các dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định này, chủ hàng hóa hoặc người được ủy quyền có thể lựa chọn không làm thủ tục hải quan, nhưng phải thông báo cụ thể cho Hải quan quản lý kho ngoại quan. Cơ quan hải quan căn cứ vào chủng loại hàng hóa gửi kho ngoại quan, tình hình hoạt động của kho ngoại quan và việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan để áp dụng phương thức giám sát phù hợp. 2. Hàng hóa từ nước ngoài hoặc từ nội địa, từ khu phi thuế quan đưa vào kho ngoại quan và ngược lại; chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền phải làm thủ tục tại Hải quan quản lý kho ngoại quan. Hàng hóa của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên và doanh nghiệp tuân thủ tốt đưa từ nội địa vào kho ngoại quan và ngược lại được thực hiện thủ tục giao nhận trước, đăng ký tờ khai hải quan sau. 3. Hàng hóa nhập khẩu từ kho ngoại quan vào thị trường Việt Nam thì phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài theo loại hình nhập khẩu tương ứng; thời điểm nhập khẩu thực tế hàng hóa là thời điểm	b) Khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu phi thuế quan, **khu thương mại tự do, trung tâm logistics, khu công nghệ số tập trung, cụm công nghiệp** và các khu vực khác theo quy định của pháp luật. **3. Kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế phải bảo đảm các yêu cầu về kiểm tra, giám sát hải quan.** 4. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung sau: **a) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan,** việc thành lập và hoạt động của kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, **địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;** **b) Các dịch vụ thực hiện trong kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ;** **c) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, hoạt động kinh doanh, tiêu chuẩn địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế.** **Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ, chủ hàng hóa, doanh nghiệp kinh**		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
cơ quan hải quan xác nhận hàng hóa đưa ra khỏi kho ngoại quan. Hàng hóa gửi kho ngoại quan thuộc diện buộc phải tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì không được phép nhập khẩu trở lại thị trường Việt Nam. 4. Hàng hóa lưu giữ, bảo quản trong kho ngoại quan phải phù hợp với hợp đồng thuê kho ngoại quan; kho ngoại quan chuyên dùng chỉ được phép lưu giữ các mặt hàng phù hợp với điều kiện bảo quản, lưu giữ của kho. 5. Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan áp dụng phương tiện, công nghệ thông tin để quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan và cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan về thực trạng hàng hóa trong kho và tình hình hoạt động của kho thông qua hệ thống công nghệ thông tin được kết nối với cơ quan hải quan. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra kho ngoại quan và việc xử lý hàng hóa quá thời hạn gửi kho ngoại quan. **Điều 71. Các dịch vụ được thực hiện trong địa điểm thu gom hàng lẻ** 1. Đóng gói, đóng gói lại, sắp xếp, sắp xếp lại hàng hóa chờ xuất khẩu. 2. Hàng quá cảnh, hàng trung chuyển được đưa vào các địa điểm thu gom hàng lẻ để chia tách, đóng ghép chung container xuất khẩu hoặc đóng ghép chung với hàng xuất khẩu của Việt Nam. 3. Chia tách các lô hàng nhập khẩu để chờ làm thủ tục nhập khẩu hoặc đóng ghép container với các lô hàng xuất khẩu khác để xuất sang nước thứ ba. 4. Chuyển quyền sở hữu đối với hàng hóa trong thời gian lưu giữ.	**doanh hàng miễn thuế** 1. Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan được thực hiện hợp đồng nhận hàng hóa gửi kho ngoại quan; được di chuyển hàng hóa trong kho ngoại quan theo thỏa thuận với chủ hàng hóa. Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan có trách nhiệm thực hiện yêu cầu kiểm tra hàng hóa của cơ quan hải quan; b) Chủ hàng hóa được gia cố bao bì, phân loại hàng hóa, lấy mẫu hàng hóa và thực hiện các công việc khác dưới sự giám sát của **cơ quan** hải quan; được chuyển quyền sở hữu hàng hóa. Hàng hóa vận chuyển từ kho ngoại quan này sang kho ngoại quan khác phải **chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định.** **2.** Chủ hàng hóa, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Chủ hàng hóa được chuyển quyền sở hữu hàng hóa, đóng gói, đóng gói lại, gia cố, sửa chữa, bảo quản hàng hóa; b) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ được chia tách, đóng ghép các lô hàng của nhiều chủ hàng hóa		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 72. Quản lý, giám sát hải quan 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ trong địa điểm thu gom hàng lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16. 2. Hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra địa điểm thu gom hàng lẻ phải làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật. Riêng đối với các mặt hàng là máy móc, thiết bị, phương tiện và hàng hóa khác cung ứng từ nội địa vào địa điểm thu gom hàng lẻ để thực hiện các dịch vụ quy định tại Điều 71 Nghị định này, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ có thể lựa chọn không làm thủ tục hải quan, nhưng phải thông báo cụ thể cho Hải quan quản lý địa điểm thu gom hàng lẻ. Cơ quan hải quan căn cứ vào chủng loại hàng hóa gửi địa điểm thu gom hàng lẻ, tình hình hoạt động của địa điểm thu gom hàng lẻ và việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ để áp dụng phương thức giám sát phù hợp. 3. Hàng hóa vận chuyển từ cửa khẩu đến địa điểm thu gom hàng lẻ nằm ngoài cửa khẩu và ngược lại hoặc hàng hóa vận chuyển từ địa điểm thu gom hàng lẻ đến các địa điểm làm thủ tục hải quan khác ngoài cửa khẩu và ngược lại phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra địa điểm thu gom hàng lẻ và việc xử lý hàng hóa quá thời hạn lưu giữ tại địa điểm thu gom hàng lẻ.	vận chuyển chung trong một công-te-nơ, sắp xếp, sắp xếp lại hàng hóa lưu giữ. **4.** Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ, **doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế** có trách nhiệm thực hiện chế độ kế toán, thống kê, trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật quản lý hàng hóa bằng phương thức điện tử và **kết** nối với cơ quan hải quan để thực hiện việc kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của Luật này. **5.** Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ, chủ hàng hóa, **doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế** có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật.".		
Sửa đổi quy định về thu thập, xử lý, sử dụng thông tin phục vụ KTSTQ	Luật Hải quan; Luật Quản lý thuế; Luật Dữ liệu	Bảo đảm tính hợp tiến, hợp pháp; phù hợp với chủ trương chuyển	Tiếp tục hoàn thiện

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		đổi số và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước	quy định bảo đảm thống nhất với Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế và pháp luật về dữ liệu
Sửa đổi quy định về kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	Luật Hải quan; Luật Quản lý thuế; pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	Phù hợp với thẩm quyền được giao tại Luật Hải quan; không làm phát sinh thủ tục hành chính mới	Tiếp tục rà soát bảo đảm tính thống nhất với các quy định về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm
Bổ sung quy định về trách nhiệm cung cấp hồ sơ, chứng từ, dữ liệu điện tử phục vụ KTSTQ	Luật Hải quan; Luật Giao dịch điện tử năm 2023; Luật Dữ liệu năm 2024	Bảo đảm tính hợp pháp và phù hợp với xu hướng quản lý trên môi trường số	Quy định rõ trách nhiệm, phương thức cung cấp và giá trị pháp lý của dữ liệu điện tử
Hoàn thiện quy định về kết luận kiểm tra, xử lý kết quả KTSTQ	Luật Hải quan; Luật Quản lý thuế; các văn bản hướng dẫn thi hành	Cơ bản thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành	Sửa đổi để khắc phục các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn và

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
			bảo đảm tính minh bạch, khả thi
Điều 77. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan 1. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan gồm: a) Vận động quần chúng tham gia phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; b) Tuần tra hải quan; c) Thu thập, nghiên cứu thông tin về địa bàn, tuyến vận chuyển hàng hóa, hiện tượng, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; d) Thu thập, nghiên cứu thông tin về tổ chức, cá nhân có dấu hiệu hoạt động liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; đ) Thu thập, xử lý thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan. Cử công chức hải quan ra nước ngoài để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; e) Tuyển chọn, xây dựng, sử dụng những người không thuộc biên chế của cơ quan hải quan để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; g) Bố trí công chức hải quan kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; h) Sử dụng các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến, hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; i) Cơ quan hải quan sử dụng kết hợp các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật trong	- Theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Hải quan, cơ quan hải quan tổ chức thu thập thông tin từ các nguồn sau: "c) Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; d) Các nguồn thông tin khác". - Căn cứ Điều 76 Bộ luật hình sự thì pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự về 33 tội trong đó có tội quy định tại điều 188, 189, 190 Bộ luật hình sự. - Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Luật Hải quan, cơ quan hải quan cử công chức hải quan Việt Nam ra nước ngoài để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký kết. - Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, cơ quan hải quan không có chức danh "cán bộ".	- Đảm bảo phù hợp với điểm c, điểm d khoản 1 Điều 95 Luật Hải quan. - Đảm bảo phù hợp với Điều 76 Bộ luật hình sự. - Đảm bảo phù hợp với điểm c khoản 6 Luật Hải quan. - Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Cán bộ, công chức.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
hoạt động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan và quy định chế độ thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan.			
Điều 78. Tuần tra hải quan 1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm tổ chức lực lượng, phương tiện tiến hành biện pháp tuần tra trong địa bàn hoạt động hải quan để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. 2. Trong quá trình tuần tra, cơ quan hải quan có quyền: a) Sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi, hình thức khác theo quy định của pháp luật để ra hiệu lệnh; b) Dừng phương tiện vận tải để khám phương tiện vận tải, hàng hóa chứa trên phương tiện vận tải khi phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, vi phạm pháp luật hải quan; c) Khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; d) Tạm giữ người, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đ) Trong trường hợp lực lượng kiểm soát đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra tại vùng nội thủy, lãnh hải mà phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì phát tín hiệu, ra hiệu lệnh dừng phương tiện vận tải để kiểm tra theo quy định của Luật Biển Việt Nam. Qua kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm pháp luật cần phải tiến hành khám thì phải đưa phương tiện vận tải về cảng hoặc vị trí neo đậu đảm bảo cho việc khám an toàn. Việc khám được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Kết thúc kiểm tra, cơ quan hải quan phải lập biên bản. Biên bản được giao cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải 01 bản.	- Khoản 4 Điều 88 Luật Hải quan quy định: "Tại vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, cơ quan hải quan thực hiện, phối hợp thực hiện tuần tra, kiểm soát nhằm ngăn ngừa hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; thực hiện các biện pháp ngăn chặn và xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong vùng nội thủy, lãnh hải phù hợp với quy định của Luật Biển Việt Nam". - Khoản 2 Điều 89 Luật Hải quan quy định: "Khi tiến hành kiểm soát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan được áp dụng biện pháp tuần tra, điều tra, xác minh hoặc biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của Luật này, pháp luật xử lý vi phạm hành chính, pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật tổ chức điều tra hình sự". - Khoản 5 Điều 89 Luật Hải quan quy định thẩm quyền của cơ quan hải quan trong việc áp dụng các biện pháp phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới: "Sử dụng cờ hiệu, đèn hiệu, pháo hiệu, còi, loa; sử dụng vũ khí và công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ	- Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 88 Luật Hải quan. - Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Hải quan. - Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 89 Luật Hải quan.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ". - Khoản 1 Điều 30 Luật Biển Việt Nam quy định: "Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển có quyền tiến hành các biện pháp để bắt người, điều tra đối với tội phạm xảy ra trên tàu thuyền nước ngoài sau khi rời khỏi nội thủy và đang đi trong lãnh hải Việt Nam". - Khoản 1 Điều 41 Luật Biển Việt Nam quy định: "Lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển có quyền truy đuổi tàu thuyền nước ngoài vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam nếu các tàu thuyền này đang ở trong nội thủy, lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải Việt Nam. Quyền truy đuổi được tiến hành sau khi lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển đã phát tín hiệu yêu cầu tàu thuyền vi phạm hay có dấu hiệu vi phạm pháp luật dừng lại để tiến hành kiểm tra nhưng tàu thuyền đó không chấp hành. Việc truy đuổi có thể được tiếp tục ở ngoài ranh giới của lãnh hải hay vùng tiếp giáp lãnh hải Việt Nam nếu được tiến hành liên tục, không ngắt quãng".	- Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Biển Việt Nam. - Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Biển Việt Nam.	
Điều 79. Dừng phương tiện vận tải 1. Các trường hợp được dừng phương tiện vận tải: a) Cơ quan hải quan nhận được tin tố giác về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và xác định thông tin đó là có cơ sở; b) Cơ quan hải quan nhận được thông tin từ các cơ quan chức năng về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua	- Khoản 1 Điều 90 Luật Hải quan (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16) quy định: "Trường hợp có căn cứ cho rằng có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội	- Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Hải quan (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16).	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
biên giới hoặc yêu cầu dừng phương tiện vận tải từ các cơ quan đó; c) Cơ quan hải quan nhận được thông tin từ hải quan các nước về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; d) Khi thực hiện kiểm soát hải quan, cơ quan hải quan phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; đ) Phương tiện vận tải chở hàng hóa đang làm thủ tục hải quan, hàng hóa chưa được phép thông quan hoặc giải phóng hàng mà cố tình đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan; e) Khi có căn cứ cho rằng trên phương tiện vận tải có cất giấu hàng hóa trái phép, có dấu hiệu khác vi phạm pháp luật về hải quan; g) Trường hợp quy định tại điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 78 Nghị định này. 2. Thẩm quyền dừng phương tiện vận tải: a) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu được dừng phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; b) Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu được dừng phương tiện vận tải tại vùng nội thủy, lãnh hải phù hợp với quy định của Luật Biển Việt Nam. 3. Khi dừng phương tiện vận tải, công chức hải quan được sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi, hình thức khác theo quy định của pháp luật để yêu cầu phương tiện vận tải dừng lại. Việc dừng phương tiện vận tải phải được thông báo bằng văn bản cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển	Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải, tạm giữ người, áp giải người vi phạm". - Khoản 1 Điều 41 Luật Biển Việt Nam quy định: "Lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển có quyền truy đuổi tàu thuyền nước ngoài vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam nếu các tàu thuyền này đang ở trong nội thủy, lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải Việt Nam. Quyền truy đuổi được tiến hành sau khi lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển đã phát tín hiệu yêu cầu tàu thuyền vi phạm hay có dấu hiệu vi phạm pháp luật dừng lại để tiến hành kiểm tra nhưng tàu thuyền đó không chấp hành. Việc truy đuổi có thể được tiếp tục ở ngoài ranh giới của lãnh hải hay vùng tiếp giáp lãnh hải Việt Nam nếu được tiến hành liên tục, không ngắt quãng". - Khoản 5 Điều 89 Luật Hải quan quy định thẩm quyền của cơ quan hải quan trong việc áp dụng các biện pháp phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới: "Sử dụng cờ hiệu, đèn hiệu, pháo hiệu, còi, loa; sử dụng vũ khí và công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ".	- Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Biển Việt Nam. - Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 89 Luật Hải quan.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phương tiện vận tải, trừ trường hợp dừng phương tiện vận tải theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều này. 4. Người có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải quy định tại khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc dừng phương tiện vận tải của mình.			
Điều 80. Truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới 1. Trường hợp có căn cứ xác định hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, phương tiện vận tải chở hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan thì cơ quan hải quan tiếp tục truy đuổi để ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. 2. Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền được quyết định việc truy đuổi. Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không thực hiện ngay việc truy đuổi thì phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được thực hiện việc truy đuổi và báo cáo ngay với người có thẩm quyền quy định tại khoản này. 3. Khi thực hiện truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, công chức hải quan quy định tại khoản 2 Điều này được dừng phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan và báo cáo ngay với người có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định này. 4. Việc truy đuổi và dừng phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan	- Căn cứ khoản 1 Điều 88 Luật Hải quan quy định: "Trường hợp có căn cứ xác định hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, phương tiện vận tải chở hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan thì cơ quan hải quan tiếp tục truy đuổi, thông báo cho cơ quan công an, Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường trên địa bàn để phối hợp, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật". - Căn cứ khoản 1 Điều 90 Luật Hải quan (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16), tên gọi của một số đơn vị, chức danh có thẩm quyền đã thay đổi.	- Đảm bảo phù hợp với khoản 1 Điều 88 Luật Hải quan. - Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Hải quan (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16).	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phải được thông báo cho cơ quan công an, Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường trên địa bàn để phối hợp, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhận được thông báo có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ cơ quan hải quan truy đuổi, dừng phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật.			
Điều 81. Trang bị phương tiện phục vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới 1. Để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên các tuyến đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, cơ quan hải quan được trang bị xe ô tô, xe mô tô, tàu cao tốc, xuồng máy, ca nô và các phương tiện chuyên dùng khác có lắp đặt đèn hiệu, cờ hiệu hải quan, biểu tượng hải quan, pháo hiệu, loa, còi và các phương tiện kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật. 2. Các phương tiện của cơ quan hải quan làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ được quyền ưu tiên khi thực hiện truy đuổi, bắt giữ, khám phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, dẫn giải, áp giải đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các nhiệm vụ khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp phép, quản lý, sử dụng các thiết bị phát tín hiệu, ra hiệu lệnh của xe được quyền ưu tiên của cơ quan hải quan đi làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật.	- Khoản 5 Điều 89 Luật Hải quan quy định thẩm quyền của cơ quan hải quan trong việc áp dụng các biện pháp phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới: "Sử dụng cờ hiệu, đèn hiệu, pháo hiệu, còi, loa; sử dụng vũ khí và công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ". - Căn cứ Điều 124 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 31 Nghị định số 59/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 của Chính phủ quy định hình thức xử phạt trục xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất thì cơ quan hải quan có thẩm quyền áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính.	- Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 89 Luật Hải quan. - Đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 124 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 31 Nghị định số 59/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 của Chính phủ.	

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 5. Người khai hải quan 1. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì phải	- Chuẩn mực 3.7 Chương 3 Phụ lục chung (General Annex) Công ước Kyoto về đơn giản hóa và hài hòa thủ tục hải quan (sau đây gọi là Công ước Kyoto)	Dự thảo văn bản tương thích với Công ước Kyoto và	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan **hoặc người đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.** ...	quy định bất kỳ người nào có quyền định đoạt đối với hàng hóa đều có quyền hoạt động với tư cách người khai hải quan. - Điều 4.11 Đại lý hải quan tại Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Liên minh Châu Âu quy định:"Các Bên sẽ không yêu cầu việc bắt buộc sử dụng đại lý hải quan tại các quy định và thủ tục về hải quan của mỗi Bên. Các Bên phải áp dụng các nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử, hợp lý khi cấp phép cho đại lý hải quan."	Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Liên minh Châu Âu	
Điều 12. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	1. Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (Công ước HS): Nghị định thư ASEAN về hải quan ký kết ngày 30/3/2012 và các Nghị định thư về thực hiện Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN đã được ký kết	Tương thích với Công ước HS và Nghị định thư ASEAN về hải quan ký kết ngày 30/3/2012 và các Nghị định thư về thực hiện Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN đã được ký kết.	
Điều 11. Thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan, quản lý hệ thống thông tin nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro	Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc Chương 4. Thủ tục hải quan và thuận lợi hóa thương mại Điều 4.4. Quản lý rủi ro quy định: *"Mỗi Bên phải áp dụng hoặc duy trì hệ thống quản lý rủi ro tự động hoặc điện tử để đánh giá và xác định trọng điểm nhằm giúp các Bên tập trung các hoạt động kiểm tra vào các hàng hóa có rủi ro cao và đơn giản hóa việc thông quan và luân chuyển hàng hóa có rủi ro thấp."*	Dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	2. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam – UAE Chương 4. Thủ tục hải quan & tạo thuận lợi thương mại Điều 4.6. Quản lý rủi ro quy định: *"Các Bên sẽ áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong các hoạt động hải quan của mình, dựa trên rủi ro đã được xác định đối với hàng hóa, nhằm tạo thuận lợi cho việc thông quan các lô hàng có rủi ro thấp, đồng thời tập trung các hoạt động kiểm tra đối với hàng hóa có rủi ro cao."*		
Điều 11. Thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan, quản lý hệ thống thông tin nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro Điều 12. Đánh giá, giám sát tuân thủ và xây dựng, quản lý hồ sơ tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa Điều 13. Hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện Điều 14. Áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan và biện pháp quản lý hải quan trong quản lý tuân thủ Điều 15. Đối tượng và tiêu chí quản lý rủi ro Điều 16. Đánh giá, giám sát rủi ro và xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan Điều 17. Phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan phục vụ quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro Điều 18. Xác định trọng điểm trong hoạt động nghiệp vụ hải quan Điều 19. Phát hiện, dự báo, cảnh báo rủi ro và cung cấp thông tin nghiệp vụ Điều 20. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan	Chuẩn mực 6.3, 6.4, 6.5 Chương 6 Phụ lục chung (General Annex) Công ước Kyoto: 6.3. Chuẩn mực: Khi thực hiện kiểm tra hải quan, cơ quan hải quan phải áp dụng quản lý rủi ro. 6.4. Chuẩn mực: Cơ quan hải quan phải sử dụng kỹ thuật phân tích rủi ro để xác định người và hàng hóa, kể cả phương tiện vận tải, cần được kiểm tra cũng như mức độ kiểm tra. 6.5. Chuẩn mực: Cơ quan hải quan phải thực hiện một chiến lược đo lường mức độ tuân thủ luật pháp để hỗ trợ cho công tác quản lý rủi ro.	Dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 25. Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan Điều 26. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan	Hiệp định trị giá WTO	Dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế.	
Điều 31. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	1. Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc Chương 4. Thủ tục hải quan và thuận lợi hóa thương mại Điều 4.2. Giải phóng hàng quy định: *"1. Nhằm tạo thuận lợi thương mại song phương, mỗi Bên phải áp dụng hoặc duy trì thủ tục hải quan được đơn giản hóa nhằm tạo thuận lợi cho việc giải phóng hàng.* *2. Theo đoạn 1, mỗi Bên phải áp dụng hoặc duy trì thủ tục:* *(a) quy định hàng được giải phóng trong khoảng thời gian không quá khoảng thời gian cần thiết để đảm bảo tuân thủ luật và quy định hải quan trong nước;* *(b) quy định việc nộp và xử lý thông tin hải quan điện tử trước khi hàng đến nhằm giúp hàng được giải phóng khi đến;* *(c) cho phép hàng hóa được giải phóng tại nơi hàng đến, không tạm thời chuyển lưu kho hoặc chuyển tới các địa điểm khác; và* *(d) cho phép nhà nhập khẩu được lấy hàng trước khi có quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu về thuế hải quan, phí và nghĩa vụ hải quan khi những khoản này chưa thể được xác định trước hoặc ngay khi hàng đến, với điều kiện hàng hóa đáp ứng các điều kiện khác liên quan."* Điểm a Điều 4.3. Tự động hóa quy định: *"Trong khả năng có thể, mỗi Bên phải sử dụng*	Dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	công nghệ thông tin nhằm đẩy nhanh thủ tục giải phóng hàng và phải: *(a) cung cấp hệ thống điện tử cho người khai hải quan sử dụng;"* Chương 10. Thương mại điện tử Điều 10.7 quy định: *"1. Mỗi Bên sẽ nỗ lực đưa ra công khai phiên bản điện tử đối với các loại giấy tờ hành chính.* *2. Mỗi Bên sẽ nỗ lực để chấp nhận các giấy tờ hành chính thương mại được nộp bằng phương thức điện tử có giá trị pháp lý ngang với hình thức nộp bằng văn bản giấy thông thường."* 2. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam – UAE Chương 4. Thủ tục hải quan & tạo thuận lợi thương mại Điều 4.7. Trao đổi phi giấy tờ quy định: *"1. Với mục đích tạo thuận lợi cho việc trao đổi song phương dữ liệu thương mại quốc tế và đẩy nhanh thủ tục giải phóng hàng, các Bên sẽ nỗ lực cung cấp một môi trường điện tử hỗ trợ việc trao đổi và giao dịch giữa Cơ quan Hải quan và các doanh nghiệp.* *2. Các Bên sẽ trao đổi quan điểm và thông tin về việc hiện thực hóa và thúc đẩy trao đổi phi giấy tờ giữa Cơ quan Hải quan và các doanh nghiệp.* *3. Trong khi thực hiện các sáng kiến về sử dụng trao đổi phi giấy tờ, Cơ quan Hải quan của các Bên sẽ tính đến các phương thức đã được thống nhất tại WCO."* 3. Hiệp định giữa Nhật Bản và Cộng hòa xã hội chủ		

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	nghĩa Việt Nam về đối tác kinh tế: Điều 41. Thủ tục thông quan quy định: *"1. Cả hai Bên phải áp dụng các thủ tục hải quan của mình một cách có thể dự đoán, nhất quán và minh bạch.* *2. Để đẩy nhanh việc thông quan hàng hóa thương mại giữa hai Bên, mỗi Bên phải:* *a) nỗ lực để tận dụng công nghệ thông tin và viễn thông;* *b) đơn giản hóa các thủ tục hải quan;* *c) hài hoà các thủ tục hải quan, trong khả năng có thể, với các tiêu chuẩn quốc tế và kinh nghiệm thực tế như những tiêu chuẩn được đưa ra dưới sự hỗ trợ của Hội đồng hợp tác hải quan; và* *d) đẩy mạnh hợp tác, khi thích hợp, giữa các cơ quan hải quan và:* *(i) các cơ quan thẩm quyền quốc gia khác của mỗi Bên;* *(ii) cộng đồng kinh doanh của mỗi Bên; và* *(iii) các cơ quan hải quan khác từ bên ngoài.* *3. Mỗi Bên phải cung cấp cho các Bên chịu ảnh hưởng được tiếp cận dễ dàng vào những quá trình hành chính và rà soát pháp lý đối với những biện pháp hành chính liên quan đến các vấn đề hải quan."*		
Điều 31. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Điều 32. Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hàng hóa	Công ước quốc tế về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan (Công ước Kyoto). Chương 3 (Thông quan và các thủ tục hải quan khác), Chương 6 (Kiểm tra hải quan), Chương 7 (Áp dụng công nghệ thông tin) Phụ lục chung (General Annex) Công ước Kyoto.	Dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế.	
Mục 6. THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU ĐỂ GIA CÔNG; HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU Điều 35. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với	Công ước quốc tế về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan (Công ước Kyoto). Phụ lục chuyên đề F (Gia công) Công ước Kyoto.	Dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chế xuất Điều 36. Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất đáp ứng điều kiện là khu phi thuế quan Điều 37. Kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu Điều 38. Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu Điều 39. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất			
Điều 40. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan Điều 42. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển	Công ước quốc tế về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan (Công ước Kyoto). Phụ lục chuyên đề E (Quá cảnh hải quan).	Dự thảo tương thích với điều ước quốc tế.	Giữ nguyên dự thảo
Điều 41. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam	Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc Chương 3. Quy tắc xuất xứ và quy trình cấp xuất xứ Khoản 2 Điều 3.8 quy định: *"2. Mặc dù có quy định tại đoạn 1, trường hợp hàng hóa trong quá trình vận chuyển phải quá cảnh qua một hay nhiều nước không phải là thành viên Hiệp định này, ngoài lãnh thổ của các Bên, vẫn được coi là vận chuyển trực tiếp, với điều kiện:* *(a) việc quá cảnh là cần thiết vì lý do địa lý hoặc do yêu cầu có liên quan đặc biệt đến vận tải;* *(b) hàng hóa không tham gia vào giao dịch thương mại hoặc tiêu thụ tại nước quá cảnh đó; và* *(c) hàng hóa không trải qua bất kỳ công đoạn nào khác, ngoài việc dỡ hàng và bốc lại hàng hoặc những công đoạn cần thiết để bảo quản hàng hóa*	Dự thảo tương thích với điều ước quốc tế.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	trong điều kiện tốt."		
Điều 46. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa theo phương thức tạm nhập, tạm xuất Điều 47. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất	Công ước quốc tế về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan (Công ước Kyoto). Phụ lục chuyên đề G (Tạm nhập).	Dự thảo tương thích với điều ước quốc tế	Giữ nguyên dự thảo
Điều 50. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh Điều 52. Xử lý hành lý bị thất lạc, nhầm lẫn	Công ước quốc tế về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan (Công ước Kyoto). Phụ lục chuyên đề J (Hành khách).	Dự thảo tương thích với điều ước quốc tế	Giữ nguyên dự thảo
Điều 78. Tuần tra hải quan 1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm tổ chức lực lượng, phương tiện tiến hành biện pháp tuần tra trong địa bàn hoạt động hải quan để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. 2. Trong quá trình tuần tra, cơ quan hải quan có quyền: a) Sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi, hình thức khác theo quy định của pháp luật để ra hiệu lệnh; b) Dừng phương tiện vận tải để khám phương tiện vận tải, hàng hóa chứa trên phương tiện vận tải khi phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, vi phạm pháp luật hải quan; c) Khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; d) Tạm giữ người, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đ) Trong trường hợp lực lượng kiểm soát đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra tại vùng nội thủy, lãnh hải mà phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì phát tín hiệu, ra hiệu lệnh dừng phương tiện vận tải để kiểm tra theo quy định của Luật Biển Việt Nam. Qua kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm pháp luật cần phải tiến hành khám thì phải đưa phương tiện vận tải về cảng hoặc vị trí neo đậu đảm bảo cho việc khám an toàn. Việc khám được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	- Điều 2 Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển[1] quy định: "Chủ quyền của quốc gia ven biển được mở rộng ra ngoài lãnh thổ và nội thủy của mình, và trong trường hợp một quốc gia quần đảo, ra ngoài vùng nước quần đảo, đến một vùng biển tiếp liền, gọi là lãnh hải (merterritoriale). Chủ quyền này được mở rộng đến vùng trời trên lãnh hải, cũng như đến đáy và lòng đất của biển này". - Điểm g khoản 2 Điều 19 Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển quy định: "2. Việc đi qua của một tàu thuyền nước ngoài bị coi như phương hại đến hòa bình, trật tự hay an ninh của quốc gia ven biển, nếu như ở trong lãnh hải, tàu thuyền này tiến hành một trong bất kỳ hoạt động nào sau đây: g) Xếp hoặc dỡ hàng hóa, tiền bạc hay đưa người lên xuống tàu trái với các luật và quy định về hải quan, thuế khóa, y tế hoặc nhập cư của quốc gia ven biển;" - Điểm h khoản 1 Điều 21 Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển quy định: "1. Quốc gia ven biển có thể định ra, phù hợp với các quy định của Công ước và các quy tắc khác của pháp luật quốc tế, các luật và quy định liên quan đến việc đi qua không	- Phù hợp, tương thích với Điều 2 Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển. - Phù hợp, tương thích với điểm g khoản 2 Điều 19 Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển. - Phù hợp, tương	

[1] Nguồn: Bộ Ngoại giao, *Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển*, [https://mofa.gov.vn/documents/d/guest/ubbg-cong-uoc-cua-lien-hop-quoc-ve-luat-bien-1982-1-pdf] (truy cập ngày 20/10/2026)

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Kết thúc kiểm tra, cơ quan hải quan phải lập biên bản. Biên bản được giao cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải 01 bản. **Điều 79. Dừng phương tiện vận tải** 1. Các trường hợp được dừng phương tiện vận tải: a) Cơ quan hải quan nhận được tin tố giác về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và xác định thông tin đó là có cơ sở; b) Cơ quan hải quan nhận được thông tin từ các cơ quan chức năng về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới hoặc yêu cầu dừng phương tiện vận tải từ các cơ quan đó; c) Cơ quan hải quan nhận được thông tin từ hải quan các nước về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; d) Khi thực hiện kiểm soát hải quan, cơ quan hải quan phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; đ) Phương tiện vận tải chở hàng hóa đang làm thủ tục hải quan, hàng hóa chưa được phép thông quan hoặc giải phóng hàng mà cố tình đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan; e) Khi có căn cứ cho rằng trên phương tiện vận tải có cất giấu hàng hóa trái phép, có dấu hiệu khác vi phạm pháp luật về hải quan; g) Trường hợp quy định tại điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 78 Nghị định này. 2. Thẩm quyền dừng phương tiện vận tải: a) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu được dừng phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; b) Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu được dừng phương tiện vận tải tại vùng nội thủy, lãnh hải phù hợp với quy định của Luật Biển Việt Nam. 3. Khi dừng phương tiện vận tải, công chức hải quan được sử dụng	gây hại ở trong lãnh hải của mình về các vấn đề sau đây: h) Ngăn ngừa những sự vi phạm các luật và quy định về hải quan, thuế khóa, y tế hay nhập cư của quốc gia ven biển;" - Khoản 1 Điều 25 Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển quy định: "1. Quốc gia ven biển có thể thi hành các biện pháp cần thiết trong lãnh hải của mình để ngăn cản mọi việc đi qua có gây hại". - Khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 111 Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển quy định: "1. Việc truy đuổi một tàu nước ngoài có thể được tiến hành nếu những nhà đương cục có thẩm quyền của quốc gia ven biển có những lý do đúng đắn để cho rằng chiếc tàu này đã vi phạm các luật và quy định của quốc gia đó. Việc truy đuổi phải bắt đầu khi chiếc tàu nước ngoài hay một trong những chiếc xuồng của nó đang ở trong nội thủy, trong vùng nước quần đảo, trong lãnh hải hay trong vùng tiếp giáp của quốc gia truy đuổi, và chỉ có thể được tiếp tục ở ngoài ranh giới của lãnh hải hay vùng tiếp giáp với điều kiện là việc truy đuổi này không bị gián đoạn... 4. Việc truy đuổi chỉ được coi như bắt đầu, nếu chiếc tàu truy đuổi bằng các phương tiện có thể sử dụng được mà mình có, biết một cách chắc chắn là chiếc tàu bị đuổi, hay một trong những chiếc xuồng của nó hoặc các phương tiện đi biển khác hoạt động thành tốp và dùng chiếc tàu bị truy đuổi làm chiếc tàu mẹ, đang ở bên trong ranh giới của lãnh hải, hay tùy theo trường hợp đang ở trong vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế hay ở trên thềm lục địa. Việc truy đuổi chỉ có thể bắt đầu sau khi đã phát tín hiệu nhìn hoặc nghe bắt nó dừng lại, ở một cự ly cần thiết để chiếc tàu nói trên nhận biết được.	thích với điểm h khoản 1 Điều 21 Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển. - Phù hợp, tương thích với khoản 1 Điều 25 Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển. - Phù hợp, tương thích với khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 111 Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển.	

CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi, hình thức khác theo quy định của pháp luật để yêu cầu phương tiện vận tải dừng lại. Việc dừng phương tiện vận tải phải được thông báo bằng văn bản cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải, trừ trường hợp dừng phương tiện vận tải theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều này. 4. Người có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải quy định tại khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc dừng phương tiện vận tải của mình.	5. Quyền truy đuổi chỉ có thể được thực hiện bởi các tàu chiến hay các phương tiện quân sự hoặc các tàu hay phương tiện bay khác có mang các dấu hiệu ở bên ngoài chỉ rõ ràng rằng, các tàu hay phương tiện bay đó được sử dụng cho một cơ quan Nhà nước và được phép làm nhiệm vụ này."		
Hoàn thiện cơ chế KTSTQ trên cơ sở hiện đại hoá và áp dụng quản lý rủi ro	World Customs Organization - Công ước sửa đổi Kyoto về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan (Revised Kyoto Convention)	Tương thích. Công ước khuyến nghị cơ quan Hải quan tăng cường áp dụng KTSTQ thay cho kiểm tra trước thông quan	Tiếp tục hoàn thiện các quy định theo hướng quản lý hiện đại, dựa trên quản lý rủi ro và hậu kiểm
Tăng cường sử dụng dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử trong KTSTQ	Các cam kết tạo thuận lợi thương mại trong World Trade Organization, đặc biệt là Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại (TFA)	Tương thích. Quy định góp phần giảm chi phí tuân thủ và tăng hiệu quả quản lý	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế trao đổi, khai thác dữ liệu điện tử
Hoàn thiện cơ chế kiểm tra nhằm phòng, chống gian lận thương mại, gian lận xuất xứ, trị giá hải quan	Các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP	Tương thích. Các Hiệp định đều cho phép cơ quan Hải quan tiến hành kiểm tra, xác minh sau thông quan để bảo đảm việc thực thi cam kết	

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT HẢI QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT HẢI QUAN (THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2015/NĐ-CP NGÀY 21/01/2015 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 167/2025/NĐ-CP NGÀY 30/6/2025)

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan và kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, thông tin có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan.	1. Nghị định này quy định chi tiết Điều 17, Điều 17a, Điều 22, khoản 4 Điều 26, khoản 5 Điều 28, khoản 2 Điều 29, khoản 4 Điều 42, Điều 47a, Điều 48, khoản 4 Điều 62, Điều 64, khoản 4 Điều 69, Điều 77, Điều 79, Điều 80, Điều 86, khoản 6 Điều 88, Điều 95 của Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 11/2026/QH16. 2. Nghị định này quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Hải quan, các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành theo quy định tại Điều 104 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16, bao gồm: a) Người khai hải quan; đối tượng phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan; b) Phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; c) Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hàng hóa; d) Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; đ) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; chế xuất;	**Ban GSQL (NV2)** Tại Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản: *1. Phạm vi điều chỉnh của văn bản phải nêu các nội dung chính của văn bản.* *2. Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.* *3. Trường hợp văn bản quy định chi tiết nhiều điều, khoản hoặc vừa quy định chi tiết các điều, khoản được giao vừa quy định các nội dung khác thì phải nêu đầy đủ trong phần quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản."* Căn cứ quy định nêu trên, tại Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về phạm vi điều chỉnh, trong đó: - Khoản 1 nêu cụ thể các điều, khoản Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 11/2026/QH16 giao trực tiếp Chính phủ quy định chi tiết.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	e) Thủ tục hải quan đối với tài sản di chuyển; g) Xử lý hành lý bị thất lạc, nhầm lẫn của người xuất cảnh, nhập cảnh; h) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại; hàng hóa nhập khẩu phải xuất khẩu; i) Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức miễn thuế; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi; k) Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không, hãng hàng không hoặc người được hãng hàng không ủy quyền khi thực hiện thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; l) Trách nhiệm của cảng vụ hàng hải, doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển, thuyền trưởng và hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền khi thực hiện thủ tục đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; m) Trách nhiệm của Trưởng ga và Trưởng tàu liên vận quốc tế khi thực hiện thủ tục đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh, xuất cảnh; n) Thu thập thông tin, phúc tập hồ sơ; gia hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm dừng, hủy quyết định kiểm tra sau thông quan; o) Dừng phương tiện vận tải; truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới; trang bị phương tiện phục vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; p) Thông tin hải quan.	- Khoản 2 quy định các nội dung hướng dẫn thi hành Luật Hải quan, các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ theo quy định tại Điều 104 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16.
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Giữ nguyên	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
1. Tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải. 2. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải. 3. Cơ quan hải quan, công chức hải quan. 4. Cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan.		
Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. "Thủ tục hải quan điện tử" là thủ tục hải quan trong đó việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. 2. "Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan" là hệ thống do *Cục Hải quan* quản lý cho phép cơ quan hải quan thực hiện thủ tục hải quan điện tử, kết nối, trao đổi thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu với các Bộ, ngành có liên quan. 3. "Hệ thống khai hải quan điện tử" là hệ thống cho phép người khai hải quan thực hiện việc khai hải quan điện tử, tiếp nhận thông tin, kết quả phản hồi của cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử. 4. "Tham vấn trị giá" là việc cơ quan hải quan và người khai hải quan trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định trị giá hải quan đã kê khai của người khai hải quan.	**Điều 3. Giải thích từ ngữ** Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. "Thủ tục hải quan điện tử" là thủ tục hải quan trong đó việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai hải quan, trao đổi các thông tin khác theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. 2. "Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan" là hệ thống do Cục Hải quan quản lý cho phép cơ quan hải quan thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; kết nối, trao đổi thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải với các Bộ, ngành có liên quan. 3. "Hệ thống khai hải quan điện tử" là hệ thống cho phép người khai hải quan thực hiện việc khai hải quan điện tử, tiếp nhận thông tin, kết quả phản hồi của cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử. 4. "Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành" là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh phải kiểm tra nhà nước về chất lượng, văn hóa, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực	**Ban GSQL (NV4, NV3, NV2), Ban NVTHQ** - Khoản 2: Sửa đổi, bổ sung khái niệm "Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan" để bao quát các hoạt động của Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. - Sửa đổi, bổ sung khoản 4 để bao quát các hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành, đảm bảo phù hợp với thực tế quản lý nhà nước về hải quan và quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. - Khoản 5, 6: Tại Nghị định có sử dụng các thuật ngữ: "cửa khẩu nhập", "cửa khẩu xuất" nhưng chưa có định nghĩa cụ thể để có cách hiểu thống nhất khi làm thủ tục hải quan. Theo đó, đề xuất bổ sung các khái niệm chung để tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, minh bạch, hạn chế cách hiểu khác nhau, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện. - Khoản 6: Về khái niệm cơ sở gia công, sản xuất Tại Luật Hải quan, Nghị định số

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
5. "Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành" là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải kiểm tra về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.	vật, kiểm dịch y tế, kiểm tra an toàn thực phẩm và các hình thức kiểm tra chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành. 5. Cửa khẩu nhập được xác định như sau: a) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu nhập là cảng dỡ hàng hóa nhập khẩu ghi trên vận đơn; b) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu nhập là ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới; c) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu nhập là cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa đi vào lãnh thổ Việt Nam; d) Đối với hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng biện pháp chỉ định cửa khẩu nhập khẩu thì cửa khẩu nhập thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý ngoại thương; đ) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ khu vực hải quan riêng vào nội địa, cửa khẩu nhập là địa điểm ngăn cách giữa khu vực hải quan riêng và khu vực khác trong nội địa Việt Nam. 6. Cửa khẩu xuất được xác định như sau: a) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu xuất là cảng biển, cảng hàng không nơi hàng hóa xuất khẩu được xếp hàng lên phương tiện vận tải; b) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu xuất là ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới; c) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu xuất là cửa khẩu biên giới nơi xuất khẩu hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam; d) Trường hợp hàng hóa xuất khẩu từ nội địa vào khu vực hải quan riêng, cửa khẩu xuất là địa điểm ngăn cách giữa khu vực trong nội địa Việt Nam và khu vực hải quan riêng. 7. Cơ sở gia công, sản xuất là khu vực có địa chỉ	08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, Thông tư 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC quy định tổ chức, cá nhân thông báo cơ sở sản xuất, cơ sở gia công lại, địa điểm lưu giữ bên ngoài cơ sở sản xuất theo mẫu số 12/TBCSSX-GSQL (bản giấy) hoặc mẫu số 20 về chỉ tiêu thông tin theo thông điệp điện tử, bao gồm cơ sở sản xuất của chính tổ chức, cá nhân, nơi lưu giữ bên ngoài, nơi nhận gia công lại. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật về hải quan chưa có khái niệm "cơ sở gia công, sản xuất", việc chưa quy định cụ thể về khái niệm trong đó định danh, nội dung cơ sở sản xuất dẫn đến vướng mắc khó khăn trong việc xác định phạm vi, đối tượng được ưu đãi thuế, xử lý vi phạm hành chính khi doanh nghiệp tự gia công, sản xuất tại chính cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân, đưa ra ngoài lưu giữ, thuê gia công lại. Do vậy, cần thiết phải bổ sung khái niệm "cơ sở gia công, sản xuất" tại dự thảo. - Bãi bỏ khái niệm tham vấn trị giá tại khoản 4 nhằm thống nhất với quy định tại Điều 29 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 21 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP).

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	được ngăn cách với khu vực xung quanh và ranh giới xác định, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân có hoạt động gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu hoặc của tổ chức, cá nhân nhận gia công lại, bao gồm khu vực sản xuất; khu vực lưu giữ nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm, thành phẩm, phế phẩm, phế liệu; khu vực phục vụ điều hành, quản lý sản xuất và các khu vực phụ trợ khác.	
Điều 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan *1. Địa điểm làm thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan.* *Thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh bao gồm hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập do Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tại khoản 2 Điều này được làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan khu vực quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, hàng chuyển phát nhanh.* *Đối với hàng hóa quá cảnh gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh, địa điểm làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định này.* *Đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh, địa điểm làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.* 2. Căn cứ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập. *3. Căn cứ vào quy hoạch và công bố hệ*	**Điều 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan** 1. Địa điểm làm thủ tục hải quan được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan. Thư, gói, kiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, kể cả hàng hóa thuộc Danh mục quy định tại khoản 2 Điều này, được làm thủ tục hải quan tại Hải quan khu vực quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, hàng chuyển phát nhanh. 2. Căn cứ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập. 3. Căn cứ quy hoạch và công bố hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, cửa khẩu đường bộ, cảng cạn, ga đường sắt liên vận quốc tế, mạng bưu chính công cộng cung ứng dịch vụ quốc tế và các khu vực khác thuộc địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan công nhận kho, bãi, địa điểm đáp ứng điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định; Cục Hải quan bố trí lực lượng làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan.	**Ban GSQL (NV4, NV2, NV5)** **- Khoản 1:** Sửa đổi khoản 1 theo hướng bỏ các quy định về địa điểm làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh do các nội dung này sẽ được quy định tại Thông tư bưu chính, chuyển phát nhanh. **- Khoản 2:** Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đề xuất giao Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập. **- Khoản 3:** + Bỏ cụm từ "ICD" để đảm bảo phù hợp với Luật Hải quan sửa đổi và Luật Hàng hải. + Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hải quan, đề xuất giao Cục Hải quan bố trí lực lượng làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan. + Bỏ dẫn chiếu Nghị định số 68/2016/NĐ-CP và Nghị định số 67/2020/NĐ-CP: Thủ tục

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
thống cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, cửa khẩu đường bộ, cảng cạn (ICD), ga đường sắt liên vận quốc tế, mạng bưu chính công cộng cung ứng dịch vụ quốc tế và các khu vực khác thuộc địa bàn hoạt động hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc tổ chức bộ máy, bố trí lực lượng làm thủ tục hải quan; cơ quan hải quan công nhận kho, bãi, địa điểm trong khu vực cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế đủ điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ.		công nhận kho bãi, địa điểm đáp ứng điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan được quy định tại Nghị định thay thế Nghị định số 68/2016/NĐ-CP và Nghị định số 67/2020/NĐ-CP.
Điều 5. Người khai hải quan Người khai hải quan gồm: 1. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì phải thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan. 2. Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hoặc người được chủ phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh ủy quyền. *3. Người được chủ hàng hóa ủy quyền đối với các loại hàng hóa sau đây:* a) *Quà biếu, quà tặng của cá nhân;* b) *Tài sản di chuyển của cá nhân;*	**Điều 5. Người khai hải quan** Người khai hải quan gồm: 1. Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Trường hợp chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thì phải thực hiện thủ tục hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan hoặc người đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu. 2. Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh hoặc người được chủ phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh ủy quyền. 3. Người được chủ hàng hóa ủy quyền đối với các loại hàng hóa sau đây:	**Ban GSQL (NV2, NV4), Ban NVTHQ** - Khoản 14 Điều 4 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan quy định: "14. Người khai hải quan bao gồm: chủ hàng hóa; chủ phương tiện vận tải; người điều khiển phương tiện vận tải; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế; chủ quản nền tảng thương mại điện tử; người thực hiện dịch vụ quá cảnh, trung chuyển hàng hóa; đại lý làm thủ tục hải quan, người được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan." - Về cơ bản, nội dung Điều 5 kế thừa quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
c) *Hàng hóa của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ;* d) *Hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh;* *đ) Hàng hóa tạm nhập tái xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài;* e) *Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế.* *4. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa, trung chuyển hàng hóa.* 5. Đại lý làm thủ tục hải quan. 6. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính quốc tế, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế trừ trường hợp chủ hàng có yêu cầu khác.	a) Quà biếu, quà tặng của cá nhân; b) Tài sản di chuyển của cá nhân; c) Hàng hóa của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ; d) Hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh; đ) Hàng hóa tạm nhập tái xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài; e) Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế; g) Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng; h) Các trường hợp khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 4. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh hàng hóa, trung chuyển hàng hóa. 5. Đại lý làm thủ tục hải quan. 6. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế, trừ trường hợp chủ hàng có yêu cầu khác. 7. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử.	đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, chỉ bổ sung một số đối tượng: **+ Khoản 1:** Điểm 4 Phụ lục 2 (Các quy định trong hiệp định được áp dụng trực tiếp) Nghị quyết số 102/2020/QH14 của Quốc hội ngày 08/6/2020 phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do giữa CHXHCN Việt Nam và Liên minh Châu Âu quy định: *Trường hợp thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam thì việc khai hải quan được thực hiện bởi đại lý làm thủ tục hải quan hoặc người đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu (Điều 4.11 Chương 4 về Hải quan và tạo thuận lợi thương mại).* Theo đó, đề xuất sửa đổi khoản 1 để phù hợp, thống nhất với Nghị quyết số 102/2020/QH14. **+ Điểm g khoản 3 Điều 5:** Bổ sung "hàng hóa nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng" để đảm bảo phù hợp pháp luật Đấu thầu. **+ Điểm h khoản 3 Điều 5:** Bổ sung "Các trường hợp khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính" để đảm bảo xử lý các tình huống phát sinh trong thực tế. **+ Khoản 7:** Bổ sung chủ quản nền tảng thương mại điện tử để phù hợp, thống nhất với Luật số 11/2026/QH16;
Điều 6. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan *1. Đối tượng phải làm thủ tục hải quan:*	Giữ nguyên khoản 1, 2 Điều 6	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý, sản phẩm văn hóa, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; các vật phẩm khác xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trong địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan; *b) Phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.* *2. Đối tượng chịu sự kiểm tra hải quan:* *a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;* *b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;* *c) Hồ sơ hải quan và các chứng từ liên quan đến đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.*		
3. Đối tượng chịu sự giám sát hải quan: *a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;* *b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;* *c) Hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan; hàng hóa là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu đang lưu giữ tại các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân;* *d) Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành được đưa về bảo quản chờ thông quan;* *đ) Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.*	*3. Đối tượng chịu sự giám sát hải quan:* *a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;* *b) Vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;* *c) Hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan; ~~hàng hóa là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu đang lưu giữ tại các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân;~~* *d) Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành được đưa về bảo quản chờ thông quan;* *đ) Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.*	**Ban GSQL (NV3)** - Khoản 1 Điều 59 Luật Hải quan quy định: *1. Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi nhập khẩu, trong quá trình sản xuất ra sản phẩm cho đến khi sản phẩm được xuất khẩu hoặc thay đổi mục đích sử dụng.* - Tại Điều 2 Nghị định số 153/2026/NĐ-CP ngày 14/5/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2018/NĐ-

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
		CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 về Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại các khu vực ngoài cửa khẩu cụ thể như sau: *"2. Trụ sở, kho hàng, cơ sở sản xuất của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa chịu sự giám sát, kiểm soát hải quan tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu thương mại tự do, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, trung tâm tài chính quốc tế; trụ sở, kho hàng, cơ sở sản xuất của doanh nghiệp chế xuất; trụ sở, kho hàng, cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá để gia công, sản xuất xuất khẩu; khu chế xuất; khu phi thuế quan; khu vực ưu đãi hải quan khác; khu vực hải quan riêng.* Từ các căn cứ nêu trên, đề nghị bỏ quy định ***...hàng hóa là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu đang lưu giữ tại các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân*** ra khỏi điểm c khoản 3 Điều 6, do nội hàm quy định *Hàng hóa, phương tiện vận tải trong địa bàn hoạt động hải quan* đã bao hàm cả địa bàn giám sát hải quan đối với gia công, SXXK, chế xuất.
Chương II. CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP	**Giữ nguyên**	
Điều 9. Chế độ ưu tiên 1. Chế độ ưu tiên thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Hải quan. 2. Được cơ quan hải quan và các cơ quan kinh doanh cảng, kho bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa trước, ưu tiên kiểm tra giám sát trước. 3. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra	**Điều 7. Chế độ ưu tiên** 1. Chế độ ưu tiên thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Hải quan. 2. Được cơ quan hải quan và các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, địa điểm ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa trước, ưu tiên kiểm tra, giám sát trước. 3. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, doanh nghiệp được đưa hàng hóa nhập khẩu về	**Chi cục KTSTQ** Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, chỉ thay đổi STT điều và chỉnh lý từ ngữ cho phù hợp các thuật ngữ hiện nay.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
chuyên ngành, doanh nghiệp được đưa hàng hóa nhập khẩu về kho của doanh nghiệp để bảo quản trong khi chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật kiểm tra chuyên ngành có quy định hàng hóa phải kiểm tra tại cửa khẩu. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu thì được ưu tiên kiểm tra trước. *4. Được miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan.*	kho của doanh nghiệp để bảo quản nguyên trạng trong khi chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật kiểm tra chuyên ngành có quy định hàng hóa phải kiểm tra tại cửa khẩu. Trường hợp hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu thì được ưu tiên kiểm tra trước. 4. Được miễn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan.	
Điều 10. Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên *1. Điều kiện về tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế:* *Doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế tới mức bị xử lý vi phạm về các hành vi sau:* *a) Hành vi trốn thuế; buôn lậu; sản xuất, buôn bán hàng cấm hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới;* *b) Hành vi vi phạm hành chính có hình thức, mức xử phạt vượt thẩm quyền Đội trưởng Hải quan và các chức danh tương đương.* *Trường hợp doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Phạm vi đánh giá điều kiện này là 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.* *2. Điều kiện về chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán:* *a) Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;* *b) Báo cáo tài chính hàng năm phải được*	**Điều 8. Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên** 1. Điều kiện về tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế: Doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế tới mức bị xử lý vi phạm về các hành vi sau: a) Hành vi trốn thuế; buôn lậu; sản xuất, buôn bán hàng cấm hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; b) Hành vi vi phạm hành chính có hình thức, mức xử phạt vượt thẩm quyền Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu và các chức danh tương đương. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Phạm vi đánh giá điều kiện này là 02 năm liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên. Trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15, doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này chưa đủ thời gian hoạt động 02 năm thì điều kiện này được đánh giá trong phạm vi kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	**Chi cục KTSTQ:** Cập nhật dẫn chiếu quy định sửa đổi khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 Bổ sung quy định về điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên để triển khai quy định liên quan đến các nhà đầu tư, doanh nghiệp theo Luật Thủ đô và các Nghị quyết đặc thù Viết lại cho ngắn gọn khi trích dẫn các nhóm DN đặc thù do đã chia riêng các nhóm đối tượng từ khoản 7 đến khoản 9 Điều 8 Nghị định này Cụ thể: Khoản 1 Điều 8: Bổ sung hướng dẫn về phạm vi đánh giá đối với nhóm DN không xét điều kiện về tuân thủ; chỉnh lý chức danh theo cơ cấu tổ chức bộ máy mới, phù hợp với Luật số 11/2026/QH16. Khoản 2 Điều 8: - Bổ sung hướng dẫn về phạm vi, nội dung đánh giá đối với nhóm DN không áp dụng điều kiện tuân thủ pháp luật hải quan và thuế trong 02 năm khi chưa đủ 02 năm hoạt động và chưa đủ thời gian làm báo cáo tài chính được kiểm toán

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. *Trường hợp doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Phạm vi đánh giá điều kiện này là 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.* *Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công chưa đủ thời gian hoạt động để lập báo cáo tài chính năm được kiểm toán thì điều kiện này được đánh giá theo điểm a khoản 2 Điều này kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên.* *3. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ* *a) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ để giám sát, kiểm soát vận hành thực tế hoạt động của doanh nghiệp, trong đó bao gồm các nội dung sau:* *a.1) Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định, cung cấp được cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu;*	lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên. 2. Điều kiện về chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán: a) Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; b) Báo cáo tài chính hằng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Phạm vi đánh giá điều kiện này là 02 năm liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên. Trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15, doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này chưa đủ thời gian hoạt động 02 năm thì điều kiện này được đánh giá trong phạm vi kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15, doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này chưa đủ thời gian hoạt động để lập báo cáo tài chính năm được kiểm toán thì điều kiện này được đánh giá theo điểm a khoản này kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên. 3. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ	Điểm b.3 khoản 3 Điều 8: + Viết lại theo hướng tập trung kiểm soát sự ra vào của hàng hóa XNK, các kho, bãi lưu trữ hàng hóa, đảm bảo minh bạch, nội dung này không phát sinh vị trí so với quy định hiện hành tại NĐ167, không phát sinh chi phí với DNUT, không phát sinh thêm vị trí camera so với NĐ167. Quy định rõ ràng, minh bạch hơn. + Kết luận của Hội nghị về rà soát dự thảo Nghị định tại Hải Phòng từ ngày 12/10/2026 đến 16/10/2026 là: Đối với điều kiện về lưu trữ dữ liệu camera của doanh nghiệp ưu tiên: tăng thời hạn yêu cầu từ 03 tháng thành 06 tháng để phù hợp với Nghị định số 378/2026/NĐ-CP. + Bổ sung hướng dẫn nội dung đánh giá trường hợp doanh nghiệp chưa hoạt động đủ 06 tháng. Khoản 5, 6: kế thừa Khoản 7: viết ngắn gọn lại các nội dung kế thừa - Bổ sung từ ngữ "đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên" để làm rõ nghĩa vì khoản 1 điều 42 Luật Hải quan là điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên - Viết ngắn gọn về điều kiện công nhận và điều kiện duy trì của nhóm đối tượng theo khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan (đáp ứng đủ 6 điều kiện) trên cơ sở gộp khổ 1 và 3 của khoản 7 trước đây. - Viết ngắn gọn về điều kiện công nhận và điều kiện duy trì của nhóm đối tượng theo khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan (đáp ứng 4 điều kiện và duy trì 5 điều kiện) trên cơ sở gộp khổ 2 và 4 của khoản 7 trước đây. Bổ sung Khoản 8- 9 Điều 8: bổ sung hướng

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
a.2) Giám sát nội bộ doanh nghiệp: Tự tiến hành đánh giá, rà soát hoạt động của các bộ phận và đề ra các biện pháp cải tiến; có quy trình để đào tạo nội bộ liên quan đến các vấn đề về đảm bảo an ninh theo quy định tại điểm b khoản này và các biện pháp ứng phó khi xảy ra các vấn đề về an ninh; *a.3) Quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; có biện pháp cải tiến, khắc phục đối với trường hợp xảy ra các bất thường; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận;* *a.4) Kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế.* *Tại thời điểm đánh giá, doanh nghiệp không phát sinh tiền thuế nợ theo quy định.* *b) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo an ninh an toàn dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó bao gồm các nội dung sau:* *b.1) An ninh hàng hóa: Có biện pháp để đảm bảo tính nguyên trạng của hàng hóa và kiểm soát việc tiếp cận hàng hóa phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp;* *b.2) An ninh vận tải: Có biện pháp nhằm đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng hàng hóa;* *b.3) An ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp: Có biện pháp phân chia và ngăn cách các khu vực làm việc phù hợp với tính chất đặc thù ngành hàng và yêu cầu về an ninh hàng hóa;*	a) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ để giám sát, kiểm soát vận hành thực tế hoạt động của doanh nghiệp, trong đó bao gồm các nội dung sau: a.1) Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định, cung cấp được cho cơ quan hải quan khi có yêu cầu; a.2) Giám sát nội bộ doanh nghiệp: Tự tiến hành đánh giá, rà soát hoạt động của các bộ phận và đề ra các biện pháp cải tiến; có quy trình để đào tạo nội bộ liên quan đến các vấn đề về đảm bảo an ninh theo quy định tại điểm b khoản này và các biện pháp ứng phó khi xảy ra các vấn đề về an ninh; a.3) Quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; có biện pháp cải tiến, khắc phục đối với trường hợp xảy ra các bất thường; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; a.4) Kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế. Tại thời điểm đánh giá, doanh nghiệp không phát sinh tiền thuế nợ theo quy định. b) Doanh nghiệp xây dựng, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo an ninh, an toàn dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó bao gồm các nội dung sau: b.1) An ninh hàng hóa: Có biện pháp để đảm bảo tính nguyên trạng của hàng hóa và kiểm soát việc tiếp cận hàng hóa phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp;	dẫn về điều kiện công nhận và duy trì đối với các nhóm đối tượng theo Luật Thủ đô và NQ đặc thù. Bổ sung yêu cầu duy trì loại hình DN đã được xác định tại thời điểm xét công nhận áp dụng chế độ ưu tiên. Chia các khoản từ 8 đến 9 để hướng dẫn các nhóm đối tượng khác nhau về quy định thẩm quyền, địa bàn hải quan, điều kiện công nhận và điều kiện duy trì. - Khoản 8 Điều 8: bổ sung hướng dẫn về điều kiện công nhận và duy trì đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư chiến lược cần đáp ứng 5 điều kiện (trừ kim ngạch) và thẩm quyền công nhận thuộc Cục trưởng (do Nghị quyết không quy định phân cấp), phạm vi áp dụng chế độ ưu tiên trên toàn quốc (do Nghị quyết không quy định - trừ doanh nghiệp trong Khu TMTD HP thì Nghị quyết quy định XNK tại địa bàn thuộc HQKV). - Khoản 9 Điều 8: bổ sung hướng dẫn về điều kiện công nhận và duy trì đối với doanh nghiệp cần đáp ứng 4 điều kiện khi công nhận và duy trì 5 điều kiện, thẩm quyền công nhận thuộc HQKV, địa bàn HQ toàn quốc (do NQ không quy định)

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
phân quyền, hạn chế tiếp cận đối với hàng hóa, biện pháp phòng ngừa việc xâm nhập bất hợp pháp vào các khu vực làm việc của doanh nghiệp; có hệ thống ca-mê-ra quan sát được các vị trí tại cổng/cửa ra, vào và các vị trí lưu trữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ) dữ liệu ca-mê-ra lưu giữ tại doanh nghiệp tối thiểu 03 tháng; *b.4) Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin: Có biện pháp đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, lưu trữ, khôi phục và bảo mật các thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp;* *b.5) An ninh nhân sự: Có biện pháp đảm bảo nhân sự đang làm việc tại các vị trí quan trọng (tổng giám đốc, giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các bộ phận: Xuất khẩu, nhập khẩu, kho, an ninh) khi tuyển dụng không bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật hình sự hoặc đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật; có biện pháp kiểm tra định kỳ thông tin cơ bản về nhân sự làm việc tại các vị trí quan trọng nêu trên; có biện pháp nhận diện nhân viên của doanh nghiệp và ngăn chặn những nhân viên đã nghỉ việc truy cập vào hệ thống thông tin và cơ sở vật chất của doanh nghiệp;* *b.6) An ninh đối tác thương mại: Trong các hợp đồng ký với các đối tác thương mại (đối tác mua bán hàng hóa, vận tải nội địa, vận tải quốc tế, đại lý làm thủ tục hải quan, các nhà cung cấp dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) phải thể hiện các điều khoản về an ninh phù hợp với hình thức, quy mô, tính chất, mặt hàng kinh doanh để đảm bảo tính chính xác*	b.2) An ninh vận tải: Có biện pháp nhằm đảm bảo an ninh chuỗi cung ứng hàng hóa; b.3) An ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp: Có biện pháp phân chia và ngăn cách các khu vực làm việc phù hợp với tính chất đặc thù ngành hàng và yêu cầu về an ninh hàng hóa; phân quyền, hạn chế tiếp cận đối với hàng hóa, biện pháp phòng ngừa việc xâm nhập bất hợp pháp vào các khu vực làm việc của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có hệ thống ca-mê-ra và dữ liệu ca-mê-ra được lưu trữ đảm bảo việc quản lý, theo dõi, kiểm soát của doanh nghiệp đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, ca-mê-ra quan sát được các vị trí tại cổng, cửa ra, vào khuôn viên trụ sở chính và khuôn viên cơ sở hoạt động, kinh doanh, sản xuất khác của doanh nghiệp có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các kho, bãi lưu trữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ). Dữ liệu ca-mê-ra được doanh nghiệp lưu giữ tối thiểu 06 tháng. Trường hợp doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15, doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều này chưa đủ thời gian hoạt động 06 tháng thì điều kiện về thời hạn lưu trữ dữ liệu ca-mê-ra nêu trên được đánh giá trong phạm vi kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên; b.4) Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin: Có biện pháp đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, lưu trữ, khôi phục và bảo mật các thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp; b.5) An ninh nhân sự: Có biện pháp đảm bảo nhân	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
về thông tin và nguyên trạng của hàng hóa, dịch vụ. *4. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu:* *a) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đạt kim ngạch tối thiểu 100 triệu USD/năm;* *b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đạt kim ngạch tối thiểu 40 triệu USD/năm;* *c) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam đạt kim ngạch tối thiểu 30 triệu USD/năm;* *Kim ngạch quy định tại các điểm a, b và c khoản này là kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu bình quân trong 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên hoặc trong giai đoạn đánh giá gia hạn, không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác.* *5. Các điều kiện khác thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.* 6. Bộ Tài chính xem xét áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 9 Nghị định này đối với hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo trước khi cấp phép đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.	sự đang làm việc tại các vị trí quan trọng (tổng giám đốc, giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các bộ phận: Xuất khẩu, nhập khẩu, kho, an ninh) khi tuyển dụng không bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật hình sự hoặc đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật; có biện pháp kiểm tra định kỳ thông tin cơ bản về nhân sự làm việc tại các vị trí quan trọng nêu trên; có biện pháp nhận diện nhân viên của doanh nghiệp và ngăn chặn những nhân viên đã nghỉ việc truy cập vào hệ thống thông tin và cơ sở vật chất của doanh nghiệp; b.6) An ninh đối tác thương mại: Trong các hợp đồng ký với các đối tác thương mại (đối tác mua bán hàng hóa, vận tải nội địa, vận tải quốc tế, đại lý làm thủ tục hải quan, các nhà cung cấp dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) phải thể hiện các điều khoản về an ninh phù hợp với hình thức, quy mô, tính chất, mặt hàng kinh doanh để đảm bảo tính chính xác về thông tin và nguyên trạng của hàng hóa, dịch vụ. 4. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu: a) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đạt kim ngạch tối thiểu 100 triệu USD/năm; b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đạt kim ngạch tối thiểu 40 triệu USD/năm; c) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam đạt kim ngạch tối thiểu 30 triệu USD/năm. Kim ngạch quy định tại các điểm a, b và c khoản này là kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu bình quân trong 02 năm liên tục tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên hoặc trong giai đoạn đánh giá gia hạn, không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác. 5. Các điều kiện khác thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
7. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này. *Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều này.* *Doanh nghiệp được công nhận theo khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công phải duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận*	đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15. 6. Bộ Tài chính xem xét áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 7 Nghị định này đối với hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo trước khi cấp phép đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản. 7. Đối với doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này. Doanh nghiệp phải duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều này. Doanh nghiệp phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên. 8. Đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do theo quy định tại Nghị quyết số 226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Nghị quyết số 136/2024/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
áp dụng chế độ ưu tiên. *Doanh nghiệp được công nhận theo khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công phải duy trì việc được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố thuộc nhóm doanh nghiệp tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.*	phố Đà Nẵng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 259/2025/QH15, Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025, Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này. Đối tượng này phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp, nhà đầu tư chiến lược nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên. 9. Đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do theo quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 259/2025/QH15; Nghị quyết số 98/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 260/2025/QH15 đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều này. Doanh nghiệp phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.	
Điều 11. Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên *1. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên gồm:* *a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;*	**Điều 9. Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên** 1. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15 gồm:	**Chi cục KTSTQ:** Cập nhật trích dẫn về quy định sửa đổi khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 Sửa đổi bổ sung để phù hợp với quy định tại Luật Thủ đô và các Nghị quyết đặc thù.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
b) Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính; *c) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính;* *d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chụp;* *đ) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;* *e) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;* *g) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh): 01 bản chụp, trong đó bao gồm:* *g.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế;* *g.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại.*	a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính; b) Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính; c) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính; d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản sao; đ) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao; e) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao; g) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh là các quy trình, nội quy, quy định hoặc hướng dẫn được công ty ban hành, hồ sơ về thực tế triển khai các quy trình, biện pháp): 01 bản sao, trong đó bao gồm: g.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế; g.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh	Cụ thể: Khoản 1 Điều 9: - Hướng dẫn chung về hồ sơ đối với các trường hợp cần đáp ứng 6 điều kiện ưu tiên theo quy định. - Bổ sung làm rõ nhóm đối tượng áp dụng hồ sơ tại khoản 1 Điều 9 - Điểm g khoản 1 Điều 9: bổ sung làm rõ các tài liệu thuyết minh để minh bạch. - 02 khổ cuối của khoản 1 Điều 9 tách thành 01 khoản mới (Khoản 6 Điều 9) để hướng dẫn chung về trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ. Khoản 2 Điều 9: làm rõ nhóm đối tượng cần đáp ứng 4 điều kiện - Điểm d khoản 2 Điều 9: bổ sung làm rõ các tài liệu thuyết minh để minh bạch. - Điểm e khoản 2 Điều 9: Sửa cụm từ "Bộ Khoa học và công nghệ" thành "cơ quan có thẩm quyền"để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025; Cập nhật trích dẫn quy định sửa đổi khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 Điều 9: quy định hồ sơ đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 8 Điều 8 NĐ (5 điều kiện trừ kim ngạch) Bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 9: quy định về hình thức nộp hồ sơ. Kết luận của Hội nghị về rà soát dự thảo Nghị định tại Hải Phòng từ ngày 12/10/2026 đến 16/10/2026 là: Bổ sung quy định về tiếp nhận hồ sơ công nhận và đình chỉ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến để phù hợp xu thế chuyển đổi số đồng thời tôn trọng quyền bảo mật kinh doanh của doanh nghiệp.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu hoặc chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hải quan thông báo cho doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ và nộp lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn, doanh nghiệp không nộp hồ sơ thì xác định hồ sơ không đạt yêu cầu. *Doanh nghiệp có thể đề nghị tham vấn cơ quan hải quan về các quy định liên quan đến chế độ ưu tiên trước khi nộp hồ sơ.* *2. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công gồm:* *a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;* *b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;* *c) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;* *d) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản chụp;* *đ) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp kèm tài liệu thuyết minh: 01 bản chụp, trong đó bao gồm:* *đ.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ,*	nhân sự; an ninh đối tác thương mại. 2. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này và khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 gồm: a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính; b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao; c) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao; đ) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao; đ) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh là các quy trình, nội quy, quy định hoặc hướng dẫn được công ty ban hành, hồ sơ về thực tế triển khai các quy trình, biện pháp): 01 bản sao, trong đó bao gồm: đ.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế; đ.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại.	Bổ sung Khoản 5 sau khoản 4 Điều 9: quy định thẩm quyền và trách nhiệm quản lý đồng thời viết lại trình tự thủ tục tại Điều 9 và trách nhiệm quản lý tại Điều 10 để phù hợp phân cấp, phân quyền theo Luật Thủ đô và NQ đặc thù Bổ sung Khoản 6 sau khoản 5 Điều 9: bổ sung trên cơ sở kế thừa nội dung tại 02 khổ cuối khoản 1 để hướng dẫn chung về trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ. Khoản 7 Điều 9: Cập nhật trích dẫn quy định sửa đổi khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15; chỉnh lý câu từ để quy định phù hợp trong triển khai đối với cả thủ tục đã phân cấp tại Luật Thủ đô và NQ đặc thù Điểm a.1 khoản 7 Điều 9: - Giảm thời hạn trả lời doanh nghiệp khi không đáp ứng từ 15 ngày thành 05 ngày làm việc để rút ngắn thời gian xử lý thông tin từ phía cơ quan hải quan. - Bổ sung thời hạn cơ quan hải quan quyết định việc thẩm định thực tế là 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định hồ sơ: để minh bạch về trình tự, thủ tục Điểm a.2 khoản 7 Điều 9: - Bổ sung quy định về thời hạn kiểm tra sau thông quan theo hướng tạo thuận lợi cho đối tượng này (thời hạn KTSTQ là tối đa 15 ngày) - Bổ sung quy định về thẩm quyền KTSTQ của Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ, Trưởng HQKV khi đánh giá công nhận. Điểm b khoản 7 Điều 9: Giảm thời hạn xử lý kết quả thẩm định từ 15 ngày thành 10 ngày làm

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế; *đ.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại.* *e) Công bố của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: 01 bản chụp;* *3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cục Hải quan.* *4. Công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên:* *a) Thẩm định:* *Cục Hải quan tiến hành thẩm định, xem xét về việc áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định*	e) Công bố của cơ quan có thẩm quyền về doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền về xác định doanh nghiệp thuộc nhóm đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này: 01 bản sao. 3. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 8 Điều 8 Nghị định này gồm: a) Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính; b) Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính; c) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản sao; d) Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản sao; đ) Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01 bản sao; e) Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh là các quy trình, nội quy, quy định hoặc hướng dẫn được công ty ban hành, hồ sơ về thực tế triển khai các quy trình, biện pháp): 01 bản sao, trong đó bao gồm: e.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với	việc để giảm thời gian xử lý của cơ quan hải quan. Khoản 8 Điều 9: Cập nhật trích dẫn quy định sửa đổi khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15; chỉnh lý câu từ để quy định phù hợp trong triển khai đối với cả thủ tục đã phân cấp tại Luật Thủ đô và NQ đặc thù - Bổ sung quy định về thời hạn kiểm tra sau thông quan theo hướng tạo thuận lợi cho đối tượng này (thời hạn KTSTQ là tối đa 15 ngày) - Bổ sung quy định về thẩm quyền KTSTQ của Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng HQKV khi đánh giá gia hạn. Điểm c Khoản 8: sửa đổi, bổ sung câu từ để làm rõ quy định để phù hợp với cả trường hợp phân cấp phân quyền Khoản 10: sửa đổi, bổ sung câu từ để làm rõ quy định để phù hợp với cả trường hợp phân cấp phân quyền Khoản 11: bổ sung nội dung để tránh sự trùng lắp theo hướng DN chủ động quyết định lựa chọn phương án tối ưu và phù hợp khi cùng lúc đáp ứng nhiều đối tượng hưởng chế độ ưu tiên. Khoản 12: kế thừa từ quy định hiện hành và đánh lại số thứ tự khoản

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
tại khoản 1 Điều này, cụ thể: *a.1) Thẩm định hồ sơ: Căn cứ hồ sơ của doanh nghiệp, cơ quan hải quan đánh giá, đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về doanh nghiệp với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 10 Nghị định này. Thời gian thẩm định không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.* *Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm định hồ sơ, Cục Hải quan ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện.* *Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo kết quả thẩm định hồ sơ, Cục Hải quan tổ chức thẩm định thực tế;* *a.2) Thẩm định thực tế:* *Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định tại Điều 80 Luật Hải quan.* *Trường hợp doanh nghiệp đã được kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan trong thời gian 02 năm (24 tháng) liên tục tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra sau thông quan này và thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp để đánh giá thông tin khai báo hồ sơ của doanh nghiệp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên. Thời gian thẩm định thực tế không*	các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế; c.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại. g) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về xác định doanh nghiệp thuộc nhóm đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 8 Nghị định này: 01 bản sao. 4. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị công nhận, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên thông qua hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trừ các chứng từ thuộc hồ sơ đề nghị công nhận áp dụng chế độ ưu tiên liên quan đến bảo mật kinh doanh theo đề nghị của doanh nghiệp. 5. Cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị công nhận, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên, thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên, tổ chức thực hiện quản lý doanh nghiệp được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên: a) Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 8 Nghị định này: Cục Hải quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên theo thẩm quyền của Cục trưởng Cục Hải quan. Cục trưởng Cục Hải quan có thẩm quyền quyết định công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên và tổ chức thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều này; có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý theo Điều 10 Nghị định này đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên; b) Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này: Hải quan khu vực quản lý địa bàn Khu thương mại	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên tại trụ sở người khai hải quan. *Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có thời gian kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên dưới 02 năm thì cơ quan hải quan không thực hiện kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan để đánh giá công nhận. Cơ quan hải quan thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên tại trụ sở người khai hải quan.* *b) Xử lý kết quả thẩm định* *Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm định thực tế hoặc kết thúc việc xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan:* *Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành quyết định.* *Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Cục Hải quan ban hành văn bản trả lời*	tự do tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo thẩm quyền của Trường Hải quan khu vực. Trường Hải quan khu vực quản lý địa bàn Khu thương mại tự do có thẩm quyền quyết định công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên và tổ chức thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều này; có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý theo Điều 10 Nghị định này đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên. 6. Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu hoặc chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp để hoàn thiện hồ sơ và nộp lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Quá thời hạn, doanh nghiệp không nộp hồ sơ thì xác định hồ sơ không đạt yêu cầu. Doanh nghiệp có thể đề nghị tham vấn cơ quan hải quan về các quy định liên quan đến chế độ ưu tiên trước khi nộp hồ sơ. 7. Công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên: a) Thẩm định: Cơ quan hải quan tiến hành thẩm định, xem xét về việc áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cụ thể: a.1) Thẩm định hồ sơ: Căn cứ hồ sơ của doanh nghiệp, cơ quan hải quan đánh giá, đối chiếu thông tin doanh nghiệp cung cấp, thông tin thu thập về doanh nghiệp với điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 8 Nghị định này. Thời gian thẩm định không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện. *Trường hợp phức tạp, cần lấy ý kiến cơ quan chuyên môn thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.* *5. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên:* *a) Doanh nghiệp được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên khi duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 10 Nghị định này.* *Trong thời gian 03 tháng tính đến thời hạn gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, Cục Hải quan căn cứ các thông tin thu thập, kết quả quản lý để tổ chức thực hiện đánh giá để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp;* *b) Đánh giá để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên:* *b.1) Cục Hải quan tổ chức tự đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;* *b.2) Trường hợp không đủ thông tin để tự đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp thì Cục Hải quan tiến hành thẩm định thực tế hoặc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan.* *Trường hợp thẩm định thực tế tại trụ sở người khai hải quan không thực hiện được vì lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật thì cơ quan hải quan thực hiện đánh giá việc duy trì, đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên bằng hình thức trực tuyến trên cơ sở thông tin, dữ liệu, tài liệu mà doanh nghiệp cung cấp,*	định hồ sơ, cơ quan hải quan ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo kết quả thẩm định, cơ quan hải quan quyết định việc thẩm định thực tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định hồ sơ. a.2) Thẩm định thực tế: Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan không quá 15 ngày kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần nhưng không quá 15 ngày theo quy định tại Điều 79 và Điều 80 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16. Trường hợp doanh nghiệp đã được kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan trong thời gian 02 năm liên tục tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra sau thông quan này và thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp để đánh giá thông tin khai báo hồ sơ của doanh nghiệp với thực tế hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên tại trụ sở doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này và khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 có thời gian kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên dưới 02 năm thì cơ quan hải quan không thực hiện kiểm tra	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
chia sẻ. *Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định tại Điều 80 Luật Hải quan.* *c) Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên trong thời gian 03 năm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành nếu doanh nghiệp vẫn duy trì đáp ứng các điều kiện theo quy định.* *6. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan khi đã được cơ quan hải quan thông báo thì Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên (theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành quyết định. Trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện quy định tại Điều 45 Luật Hải quan trong thời hạn quy định thì thông báo tới Cục Hải quan để xem xét ban hành Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.* *7. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên* *Cục trưởng Cục Hải quan ban hành Quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong các trường hợp sau:* *a) Doanh nghiệp không duy trì việc đáp ứng một trong các điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;* *b) Hết thời hạn tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên mà doanh nghiệp không thực hiện các*	sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan để đánh giá công nhận. Cơ quan hải quan thực hiện thẩm định thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên tại trụ sở doanh nghiệp. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 8 Nghị định này để đánh giá công nhận (trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan). Trưởng Hải quan khu vực nơi tiếp nhận hồ sơ quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này để đánh giá công nhận (trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan). b) Xử lý kết quả thẩm định Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định thực tế hoặc kết thúc việc xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan: Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ban hành quyết định công nhận áp dụng chế độ ưu tiên đối với đối tượng thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ban hành quyết định. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định, cơ quan hải quan ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng điều kiện. Trường hợp phức tạp, cần lấy ý kiến cơ quan chuyên môn thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày. 8. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên:	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
quy định tại Điều 45 Luật Hải quan; *c) Doanh nghiệp đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Doanh nghiệp gửi văn bản tới Cục Hải quan nêu lý do đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp.* *8. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết các mẫu, biểu hồ sơ liên quan đến việc thực hiện chế độ ưu tiên.*	a) Doanh nghiệp được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên khi duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại Điều 8 Nghị định này. Trong thời gian 03 tháng tính đến thời hạn gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan căn cứ các thông tin thu thập, kết quả quản lý để tổ chức thực hiện đánh giá để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp; b) Đánh giá để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên: b.1) Cơ quan hải quan tổ chức tự đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; b.2) Trường hợp không đủ thông tin để tự đánh giá việc duy trì đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên của doanh nghiệp thì cơ quan hải quan tiến hành thẩm định thực tế hoặc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan. Trường hợp thẩm định thực tế tại trụ sở người khai hải quan không thực hiện được vì lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật thì cơ quan hải quan thực hiện đánh giá việc duy trì, đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên bằng hình thức trực tuyến trên cơ sở thông tin, dữ liệu, tài liệu mà doanh nghiệp cung cấp, chia sẻ. Thời gian thẩm định thực tế không quá 10 ngày kể từ ngày làm việc đầu tiên. Thời gian thực hiện kiểm tra sau thông quan không quá 15 ngày kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần nhưng không quá 15 ngày theo quy định tại Điều 79 và Điều 80 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16. Cục trưởng Cục Hải quan quyết định kiểm tra sau	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	thông quan đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 8 Nghị định này để đánh giá gia hạn (trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan). Trưởng Hải quan khu vực quy định tại khoản 5 Điều này quyết định kiểm tra sau thông quan đối với đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này để đánh giá gia hạn (trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan) theo kế hoạch đánh giá gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên hàng năm được Cục trưởng Cục Hải quan phê duyệt; c) Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ban hành quyết định gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với đối tượng thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này trong thời gian 03 năm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành nếu doanh nghiệp vẫn duy trì đáp ứng các điều kiện theo kết quả đánh giá quy định tại điểm b.1 và b.2 khoản này. 9. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Trường hợp doanh nghiệp chưa thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Luật Hải quan khi đã được cơ quan hải quan thông báo thì Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ra quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với đối tượng thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này (theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành quyết định. Trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện quy định tại Điều 45 Luật Hải quan trong thời hạn quy định thì thông báo tới cơ quan hải quan có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này để xem xét ban hành Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. 10. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	ban hành Quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với đối tượng thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong các trường hợp sau: a) Doanh nghiệp không duy trì việc đáp ứng một trong các điều kiện để áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; b) Hết thời hạn tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên mà doanh nghiệp không thực hiện các quy định tại Điều 45 Luật Hải quan; c) Doanh nghiệp đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Doanh nghiệp gửi văn bản tới cơ quan hải quan có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này nêu lý do đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ban hành quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp thuộc phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này. 11. Trường hợp một doanh nghiệp thuộc nhiều đối tượng quy định tại khoản 7, 8 và 9 Điều 8 Nghị định này thì doanh nghiệp được lựa chọn để đề nghị được cơ quan hải quan công nhận áp dụng theo một chế độ ưu tiên phù hợp và chỉ được công nhận áp dụng một chế độ ưu tiên tại cùng một thời điểm. 12. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết các mẫu, biểu hồ sơ liên quan đến việc thực hiện chế độ ưu tiên.	
Điều 12. Quản lý doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên *1. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:* *a) Theo dõi, thu thập, phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp để hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, phát hiện sớm các sai sót để kịp thời khắc*	**Điều 10. Quản lý doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên** 1. Trách nhiệm của cơ quan hải quan: a) Theo dõi, thu thập, phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp để hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, phát hiện sớm các sai sót để kịp thời khắc phục và duy trì các điều kiện áp dụng chế	**Chi cục KTSTQ:** Điều 10: kế thừa quy định hiện hành và sửa đổi, bổ sung câu từ để làm rõ quy định để phù hợp với cả trường hợp phân cấp phân quyền

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
phục và duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên; *b) Phối hợp với doanh nghiệp xử lý ngay các vấn đề vướng mắc phát sinh;* *c) Phối hợp với các cơ quan kinh doanh cảng, kho bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa, kiểm tra giám sát trước cho doanh nghiệp ưu tiên;* *d) Cục Hải quan thực hiện thẩm định thực tế tại trụ sở doanh nghiệp định kỳ để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên hoặc đột xuất; có biện pháp giám sát và đánh giá trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro đối với việc duy trì đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên sau khi được công nhận; kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan không quá một lần trong ba năm liên tục kể từ ngày được Cục trưởng Cục Hải quan công nhận hoặc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên (trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm);* *đ) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định việc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Hải quan.* *2. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên:* *a) Tuân thủ tốt pháp luật hải quan, pháp luật thuế, chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán;* *b) Thực hiện chế độ báo cáo hàng quý về tình hình hoạt động xuất nhập khẩu, tuân thủ pháp luật về hải quan, thuế, kế toán của doanh nghiệp (theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) bằng phương thức điện tử gửi Cục Hải quan trong 15 (mười lăm) ngày đầu tiên của*	độ ưu tiên; b) Phối hợp với doanh nghiệp xử lý ngay các vấn đề vướng mắc phát sinh; c) Phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa, kiểm tra, giám sát trước cho doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên; d) Đối với đối tượng được áp dụng chế độ ưu tiên thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý, Cục Hải quan, Hải quan khu vực thực hiện thẩm định thực tế tại trụ sở doanh nghiệp định kỳ để gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên hoặc đột xuất; có biện pháp giám sát và đánh giá trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro đối với việc duy trì đáp ứng điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên sau khi được công nhận. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan không quá một lần trong ba năm liên tục kể từ ngày doanh nghiệp được Cục trưởng Cục Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực công nhận hoặc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên (trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm); đ) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định việc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Hải quan; 2. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên: a) Tuân thủ tốt pháp luật hải quan, pháp luật thuế, chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán; b) Thực hiện chế độ báo cáo hàng quý về tình hình hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tuân thủ pháp luật về hải quan, thuế, kế toán của doanh nghiệp (theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành) bằng phương thức điện tử gửi Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực quản lý theo phân cấp trong 15 (mười lăm) ngày đầu tiên của	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
quý tiếp theo; *c) Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp gửi Cục Hải quan báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của năm trước bằng phương thức điện tử;* *d) Thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế, kế toán của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định;* *đ) Thực hiện việc trao đổi thông tin với cơ quan hải quan để báo cáo những vướng mắc phát sinh (nếu có), vấn đề liên quan đến việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên;* *e) Thực hiện việc rà soát, tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót và báo cáo cơ quan hải quan về những sai sót đã phát hiện, khắc phục;* *g) Khi được cơ quan hải quan thông báo những sai sót hoặc những vấn đề cần làm rõ trong quá trình quản lý doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo đầy đủ, kịp thời những vấn đề cơ quan hải quan thông báo;* *h) Thông báo cho Cục Hải quan danh sách đại lý làm thủ tục hải quan cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp;* *i) Theo dõi, kiểm soát, quản lý được hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý được quá trình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế; Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp, đảm bảo cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, số*	quý tiếp theo; c) Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp gửi Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực quản lý theo phân cấp báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của năm trước bằng phương thức điện tử; d) Thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực quản lý theo phân cấp quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế, kế toán của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định; đ) Thực hiện việc trao đổi thông tin với cơ quan hải quan để báo cáo những vướng mắc phát sinh (nếu có), vấn đề liên quan đến việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên; e) Thực hiện việc rà soát, tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót và báo cáo cơ quan hải quan về những sai sót đã phát hiện, khắc phục; g) Khi được cơ quan hải quan thông báo những sai sót hoặc những vấn đề cần làm rõ trong quá trình quản lý doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo đầy đủ, kịp thời những vấn đề cơ quan hải quan thông báo; h) Thông báo cho Cục Hải quan hoặc Hải quan khu vực quản lý theo phân cấp danh sách đại lý làm thủ tục hải quan cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp; i) Theo dõi, kiểm soát, quản lý được hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý được quá trình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế; có hệ thống công nghệ thông tin kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp, đảm bảo cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, số liệu trên hệ thống, số liệu trong quá khứ, số liệu theo	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
liệu trên hệ thống, số liệu trong quá khứ, số liệu theo giai đoạn (thời hạn 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan) liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo yêu cầu của cơ quan hải quan. *Doanh nghiệp chịu trách nhiệm chứng minh tính đầy đủ, chính xác của số liệu doanh nghiệp đã khai báo với cơ quan hải quan.* *3. Trách nhiệm của cơ quan liên quan* *Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan đánh giá việc tuân thủ pháp luật theo từng lĩnh vực phụ trách khi có văn bản đề nghị của cơ quan hải quan.* *Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.*	giai đoạn (thời hạn 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan) liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm chứng minh tính đầy đủ, chính xác của số liệu doanh nghiệp đã khai báo với cơ quan hải quan. 3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan đánh giá việc tuân thủ pháp luật theo từng lĩnh vực phụ trách khi có văn bản đề nghị của cơ quan hải quan. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.	
Chương III. THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU	**Giữ nguyên**	
Mục 1 ÁP DỤNG QUẢN LÝ RỦI RO TRONG THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN	**Mục 1** **ÁP DỤNG *QUẢN LÝ TUÂN THỦ TRONG QUẢN LÝ HẢI QUAN VÀ* QUẢN LÝ RỦI RO TRONG *HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HẢI QUAN***	**Ban QLRR** Bổ sung cụm từ "*Quản lý tuân thủ*", lý do: Dự thảo Luật Hải quan đã bổ sung quy định nội dung Quản lý tuân thủ (Điều 17a), do đó, dự thảo Nghị định quy định cần bổ sung để hướng dẫn Luật Hải quan
	Điều 11. Thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan, quản lý hệ thống thông tin nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro 1. Cơ quan hải quan thu thập, cập nhật, xử lý và sử dụng thông tin, dữ liệu hải quan phục vụ quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro theo quy định của pháp luật từ các	**Ban QLRR** - Việc bổ sung Điều 11 nhằm cụ thể hóa khoản 1 Điều 17a và khoản 1 Điều 17 Luật Hải quan về thu thập, xử lý thông tin, đồng thời thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 3 Điều 17a và khoản 3 Điều 17 là Chính phủ quy định chi tiết các nội dung này.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	nguồn sau đây: a) Hồ sơ hải quan, hồ sơ thuế và thông tin, dữ liệu phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan và các hoạt động nghiệp vụ hải quan; b) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, khai thác của cơ quan hải quan; c) Thông tin, dữ liệu do người khai hải quan, người nộp thuế, tổ chức, cá nhân cung cấp theo quy định của pháp luật; d) Thông tin, dữ liệu được kết nối, trao đổi, chia sẻ với cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan; đ) Thông tin, dữ liệu được trao đổi, cung cấp bởi cơ quan hải quan nước ngoài, cơ quan thực thi pháp luật, tổ chức quốc tế hoặc được tiếp nhận thông qua các cơ chế hợp tác quốc tế mà Việt Nam tham gia; e) Các nguồn thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật khác có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan. 2. Việc thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan bao gồm thu thập, tiếp nhận, cập nhật; kiểm tra, xác minh; chuẩn hóa, tích hợp, liên kết; tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin, dữ liệu, kết quả xử lý thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan có liên quan. 3. Cơ quan hải quan xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin nghiệp vụ; xây dựng, quản lý hồ sơ đối tượng; ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ phù hợp trong thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan và thực hiện các hoạt động quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro. Công chức hải quan thực hiện thu thập, cập nhật, kiểm tra, xác minh, xử lý, phân tích, cung cấp thông tin, dữ liệu và các hoạt động quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro theo yêu cầu nghiệp vụ và trong phạm vi nhiệm vụ,	- Quy định tại Điều 11 đồng thời tạo cơ sở pháp lý để thu thập, xử lý, kết nối và khai thác thông tin, dữ liệu, phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và ứng dụng công nghệ số trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật. 4. Việc thu thập, cập nhật, tích hợp, xử lý, phân tích, cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu hải quan phải phù hợp với mục đích, phạm vi và yêu cầu quản lý; bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và khả năng kiểm tra, đối chiếu, truy xuất nguồn gốc phù hợp với tính chất và yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu và pháp luật có liên quan. Trường hợp thông tin, dữ liệu chưa đầy đủ, chưa thống nhất, có mâu thuẫn hoặc chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng, cơ quan hải quan thực hiện thu thập bổ sung, kiểm tra, xác minh hoặc áp dụng biện pháp xử lý phù hợp với tính chất của hoạt động nghiệp vụ trước khi sử dụng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, dữ liệu cung cấp theo quy định của pháp luật; cơ quan hải quan chịu trách nhiệm quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. 5. Việc ứng dụng công nghệ và xử lý tự động thông tin, dữ liệu trong quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro phải bảo đảm phù hợp với mục đích, phạm vi, yêu cầu quản lý; khả năng kiểm soát, kiểm tra, giám sát và truy vết quá trình, kết quả xử lý; tuân thủ quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu và pháp luật có liên quan. Việc sử dụng kết quả xử lý tự động để thực hiện hoạt động nghiệp vụ hải quan, áp dụng biện pháp quản lý hoặc đưa ra quyết định ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân phải tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm quyền, điều kiện và trình tự thực hiện; bảo	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	đảm cơ chế kiểm soát, giám sát và can thiệp của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 6. Trường hợp phát hiện thông tin, dữ liệu hoặc kết quả xử lý tự động có sai lệch ảnh hưởng đến kết quả đánh giá tuân thủ, đánh giá rủi ro hoặc việc áp dụng biện pháp quản lý đối với tổ chức, cá nhân, cơ quan hải quan có trách nhiệm kiểm tra, xác định phạm vi ảnh hưởng, thực hiện điều chỉnh kết quả thuộc thẩm quyền và xử lý các vấn đề có liên quan theo quy định của pháp luật. 7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	
Điều 14. Đánh giá tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan 1. Việc đánh giá mức độ tuân thủ của người khai hải quan được dựa trên hệ thống các chỉ tiêu, thông tin về: a) Tần suất vi phạm pháp luật hải quan và pháp luật thuế; b) Tính chất, mức độ vi phạm pháp luật hải quan và pháp luật thuế; c) Việc hợp tác với cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan và chấp hành các quyết định khác của cơ quan hải quan. 2. Cơ quan hải quan đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của người khai hải quan để áp dụng các biện pháp quản lý hải quan phù hợp theo từng mức độ tuân thủ.	**Điều 12. Đánh giá, giám sát tuân thủ và xây dựng, quản lý hồ sơ tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa** 1. Đánh giá tuân thủ pháp luật: a) Định kỳ 12 tháng, cơ quan hải quan thực hiện đánh giá tuân thủ pháp luật đối với doanh nghiệp thông qua các hoạt động đo lường, phân loại mức độ, đánh giá hành vi, xu hướng và khoảng cách tuân thủ trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, trên cơ sở áp dụng tiêu chí đánh giá tuân thủ tại điểm b khoản này. Việc đánh giá tuân thủ pháp luật được thực hiện trên hệ thống thông tin nghiệp vụ của cơ quan hải quan. Kết quả đánh giá được cung cấp cho doanh nghiệp chậm nhất 05 ngày kể từ ngày kết thúc đánh giá. b) Tiêu chí đánh giá tuân thủ được xây dựng trên cơ sở các nhóm thông tin, dữ liệu về: b.1) Đặc điểm pháp lý, thời gian hoạt động, lĩnh vực, loại hình, quy mô, phạm vi và tần suất hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; b.2) Kết quả và chiều hướng, mức độ thay đổi của	**Ban QLRR.** 1. Về nội dung: Đánh giá tuân thủ pháp luật Quy định tại Điều 14 Nghị định 08/2015/NĐ-CP hiện hành chỉ quy định căn cứ đánh giá tuân thủ và mục đích đánh giá mức độ tuân thủ của người khai hải quan, chưa quy định cụ thể các hoạt động đánh giá tuân thủ, các mức độ tuân thủ cũng như cơ chế thông tin, phản hồi về kết quả đánh giá. Điều này chưa tạo được cơ sở đầy đủ để thực hiện thống nhất hoạt động đánh giá tuân thủ, đồng thời chưa bảo đảm doanh nghiệp được biết và có cơ chế phản hồi đối với kết quả đánh giá. 2. Về nội dung giám sát tuân thủ và xây dựng, quản lý hồ sơ tuân thủ - Nghị định hiện hành chỉ có Điều 14 quy định Đánh giá tuân thủ. Trong khi Điều 17a dự thảo Luật Hải quan đã quy định hoạt động "giám sát tuân thủ và xây dựng, quản lý hồ sơ tuân thủ" là 1 nội dung trong Quản lý tuân thủ. Do đó, để cụ thể hóa đầy đủ các nội dung quản lý tuân thủ

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	kết quả thực hiện nghĩa vụ pháp luật về hải quan, thuế và các quy định pháp luật có liên quan; b.3) Năng lực tổ chức thực hiện tuân thủ; việc chủ động phòng ngừa, tự phát hiện, khai báo, sửa chữa, khắc phục sai sót, hạn chế và duy trì việc tuân thủ pháp luật; b.4) Mức độ đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin, dữ liệu do doanh nghiệp cung cấp; mức độ hợp tác, minh bạch trong trao đổi, cung cấp thông tin và thực hiện yêu cầu của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật. c) Mức độ tuân thủ của doanh nghiệp được phân loại theo một trong bốn mức sau đây: c.1) Mức độ 1: Tuân thủ tốt; c.2) Mức độ 2: Tuân thủ; c.3) Mức độ 3: Tuân thủ hạn chế; c.4) Mức độ 4: Không tuân thủ. d) Kết quả đánh giá tuân thủ được cập nhật vào hồ sơ tuân thủ theo quy định tại khoản 3 Điều này, là một trong những căn cứ phục vụ giám sát tuân thủ, hỗ trợ tuân thủ và áp dụng các biện pháp quản lý hải quan phù hợp. Trường hợp có thông tin, dữ liệu hoặc căn cứ làm thay đổi kết quả đánh giá thì cơ quan hải quan thực hiện đánh giá lại và cập nhật kết quả theo quy định. 2. Trong kỳ đánh giá, cơ quan hải quan thực hiện việc giám sát tuân thủ pháp luật đối với doanh nghiệp thông qua theo dõi, phân tích việc thực hiện nghĩa vụ, hành vi, sự thay đổi tuân thủ và các nội dung có liên quan trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa. Kết quả giám sát tuân thủ được cập nhật vào hồ sơ tuân thủ theo quy định tại khoản 3 Điều này, được sử dụng làm căn cứ để kiểm tra, xác minh, xem xét đánh giá lại tuân thủ, hỗ trợ tuân thủ và áp dụng biện pháp quản lý phù hợp. Trong quá trình giám sát tuân thủ, cơ quan hải quan	được quy định tại Điều 17a Luật Hải quan, dự thảo Nghị định bổ sung nội dung quy định giám sát tuân thủ và xây dựng, quản lý hồ sơ tuân thủ vào dự thảo Điều 12 Nghị định này.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	phát hiện doanh nghiệp có hành vi vi phạm hoặc thông tin khác dẫn đến thay đổi mức độ tuân thủ thì thực hiện đánh giá lại và thông báo kết quả cho doanh nghiệp. 3. Hồ sơ tuân thủ được xây dựng, quản lý để tập hợp, tích hợp, cập nhật, lưu trữ, cung cấp thông tin, dữ liệu về kết quả đánh giá, giám sát tuân thủ pháp luật tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các thông tin, dữ liệu có liên quan đến doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa nhằm phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan. 4. Doanh nghiệp có quyền được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá tuân thủ và kiến nghị cơ quan hải quan xem xét lại kết quả đánh giá khi có căn cứ cho rằng thông tin, dữ liệu, nghĩa vụ tuân thủ áp dụng hoặc kết quả đánh giá chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc chưa phù hợp. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan hải quan xem xét, trả lời doanh nghiệp; trường hợp kiến nghị có căn cứ thì đánh giá lại và cập nhật kết quả vào hồ sơ tuân thủ và thông báo doanh nghiệp biết. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	
	Điều 13. Hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện 1. Cơ quan hải quan thực hiện Chương trình doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhận biết, thực hiện đúng nghĩa vụ tuân thủ; chủ động phòng ngừa, phát hiện, khắc phục sai sót, hạn chế, duy trì và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật. 2. Việc hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện bao gồm: a) Cung cấp thông tin về nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, kết quả đánh giá, giám sát tuân thủ và các thông tin	**Ban QLRR** Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung năm 2026 đã bổ sung Điều 17a quy định về quản lý tuân thủ trong quản lý hải quan, trong đó xác định "hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện" là một trong những nội dung của hoạt động quản lý tuân thủ. Do đó, dự thảo Nghị định bổ sung Điều 13 quy định về hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện nhằm cụ thể hóa quy định của Luật Hải quan, bảo đảm thực hiện đầy đủ nội dung được Luật

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	có liên quan đến quá trình tuân thủ của doanh nghiệp; b) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tự rà soát việc thực hiện nghĩa vụ tuân thủ, phát hiện, khai báo, khắc phục sai sót, hạn chế và thực hiện các biện pháp duy trì và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật; c) Bố trí công chức hỗ trợ tiếp nhận, hướng dẫn, giải đáp, xử lý khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tuân thủ pháp luật; d) Thực hiện các hình thức hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật. 3. Doanh nghiệp tham gia Chương trình doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Được cơ quan hải quan hỗ trợ theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này; b) Cung cấp, giải trình, bổ sung thông tin, dữ liệu phục vụ việc tham gia Chương trình theo quy định của pháp luật; c) Chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, tự rà soát, phát hiện, khai báo, khắc phục sai sót, hạn chế, bảo đảm duy trì và nâng cao mức độ tuân thủ theo quy định của pháp luật; d) Thực hiện các nội dung, biện pháp đã đăng ký, cam kết hoặc thống nhất với cơ quan hải quan trong khuôn khổ Chương trình và cung cấp thông tin về kết quả thực hiện theo quy định. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	giao Chính phủ quy định chi tiết.
	Điều 14. Áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan và biện pháp quản lý hải quan trong quản lý tuân thủ 1. Việc xem xét áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan, miễn, giảm mức độ kiểm tra, giám sát hải	**Ban QLRR** Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung năm 2026 đã bổ sung Điều 17a quy định về quản lý tuân thủ trong quản lý hải quan, theo đó, doanh nghiệp được cơ quan hải quan đánh giá, phân loại mức

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	quan, kiểm tra sau thông quan và áp dụng các biện pháp quản lý khác đối với doanh nghiệp được căn cứ dựa trên mức độ tuân thủ, kết hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu quản lý hải quan, thông tin kết quả đánh giá tuân thủ, đánh giá rủi ro và các thông tin có liên quan, bảo đảm phù hợp với tính chất, yêu cầu của hoạt động nghiệp vụ và quy định của pháp luật. 2. Đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt, cơ quan hải quan áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan, miễn, giảm mức độ kiểm tra, kiểm tra sau thông quan và áp dụng các biện pháp quản lý khác, bao gồm: a) Được cơ quan hải quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, địa điểm ưu tiên làm thủ tục giao nhận hàng hóa trước, ưu tiên kiểm tra, giám sát trước; b) Được giao hàng trước, đăng ký tờ khai hải quan sau đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ với đối tác là doanh nghiệp tuân thủ tốt; c) Được miễn kiểm tra hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa, trừ các trường hợp sau đây: c.1) Hàng hóa thuộc trường hợp phải kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định của pháp luật; c.2) Có thông tin, dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan; c.3) Lựa chọn ngẫu nhiên để kiểm tra phục vụ đánh giá, đo lường tuân thủ. d) Trong thời hạn 03 năm liên tục, cơ quan hải quan không thực hiện quá 01 lần kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp, trừ trường hợp có dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm; đ) Được hỗ trợ, hướng dẫn duy trì mức độ tuân thủ và áp dụng các biện pháp tạo thuận lợi khác theo quy định của pháp luật. 3. Đối với doanh nghiệp tuân thủ, cơ quan hải quan	độ tuân thủ pháp luật và xem xét áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan, miễn, giảm mức độ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác trên cơ sở mức độ tuân thủ. Đồng thời, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Do đó, dự thảo Nghị định bổ sung Điều "Áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan và biện pháp quản lý hải quan trong quản lý tuân thủ" nhằm cụ thể hóa quy định của Luật, xác định các biện pháp quản lý hải quan phù hợp với mức độ tuân thủ của doanh nghiệp, qua đó khuyến khích doanh nghiệp nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	áp dụng các biện pháp tạo thuận lợi phù hợp và xem xét giảm tần suất, mức độ kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro và các thông tin có liên quan; thực hiện các biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn nâng cao mức độ tuân thủ theo quy định của pháp luật. 4. Đối với doanh nghiệp tuân thủ hạn chế, cơ quan hải quan thực hiện giám sát, cảnh báo, hỗ trợ, yêu cầu rà soát, khắc phục và các biện pháp kiểm tra, kiểm soát phù hợp với kết quả đánh giá tuân thủ, kết quả đánh giá rủi ro và quy định của pháp luật. 5. Đối với doanh nghiệp không tuân thủ, cơ quan hải quan tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát, kiểm soát và các biện pháp quản lý cần thiết, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi không tuân thủ, kết quả đánh giá rủi ro và quy định của pháp luật; theo dõi việc khắc phục và kết quả thực hiện các biện pháp đã áp dụng. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	
Điều 13. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan 1. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra và các biện pháp nghiệp vụ khác dựa trên việc tổng hợp, xử lý các kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro. 2. *Cục trưởng Cục Hải quan* căn cứ vào kết quả tổng hợp, xử lý các kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro tại Khoản 1 Điều này theo tiêu chí do Bộ Tài chính ban hành để quyết định hoặc phân cấp quyết định việc kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra hải quan và các biện pháp nghiệp vụ hải quan khác	**Điều 15. Đối tượng và tiêu chí quản lý rủi ro** 1. Đối tượng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan bao gồm: người khai hải quan; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; tổ chức, cá nhân và các đối tượng có liên quan theo quy định của pháp luật. Các đối tượng quản lý rủi ro được xác định, định danh, cập nhật, quản lý và liên kết thông tin, dữ liệu trên hệ thống thông tin nghiệp vụ phù hợp với từng loại đối tượng để phục vụ quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan. 2. Cơ quan hải quan xây dựng, áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro để đánh giá, phân loại mức độ rủi ro, xác định trọng điểm và lựa chọn áp dụng kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp	**Ban QLRR** 1. Về nội dung quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan: Nghị định hiện hành chỉ có 02 Điều: Điều 13. Áp dụng QLRR trong hoạt động nghiệp vụ Hải quan và Điều 15. Thực hiện phân loại mức độ rủi ro. Trong khi Điều 17 Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung năm 2026 đã quy định nội dung "Quản lý lý rủi ro" bao gồm các hoạt động sau: *thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan; phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan; xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro, hồ sơ trọng điểm; xây dựng, áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro; giám sát, đánh giá rủi ro; xác định trọng điểm, phát hiện, dự báo, cảnh báo rủi ro, cung cấp thông tin nghiệp vụ; quyết định và tổ chức*

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
trên cơ sở phù hợp với nguồn nhân lực, các điều kiện thực tế quản lý hải quan. **Điều 15. Thực hiện phân loại mức độ rủi ro** 1. Việc phân loại mức độ rủi ro trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được thực hiện dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của người khai hải quan. 2. Trong quá trình phân loại mức độ rủi ro, cơ quan hải quan xem xét các yếu tố liên quan, gồm: a) Chính sách quản lý, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hành lý của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; b) Tính chất, đặc điểm của hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải; c) Tần suất, tính chất, mức độ vi phạm liên quan đến hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải; d) Xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; đ) Tuyến đường, phương thức vận chuyển hàng hóa, hành lý; e) Các yếu tố khác liên quan đến quá trình hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. 3. Cơ quan hải quan thực hiện đánh giá phân loại rủi ro đối với người khai hải quan, các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo các mức độ khác nhau để áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan,	vụ khác. 3. Tiêu chí quản lý rủi ro được xây dựng trên cơ sở quy định của pháp luật, yêu cầu quản lý hải quan, kết quả đánh giá tuân thủ, chấp hành pháp luật, thông tin, dữ liệu về đối tượng quản lý rủi ro và các yếu tố có liên quan, phù hợp với mục đích quản lý, loại rủi ro, đối tượng, lĩnh vực, phạm vi và điều kiện áp dụng. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. **Điều 16. Đánh giá, giám sát rủi ro và xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan** 1. Đánh giá rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan: a) Cơ quan hải quan thực hiện đánh giá rủi ro đối với các đối tượng quản lý rủi ro quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này thông qua việc nhận diện, phân tích rủi ro, phân loại mức độ rủi ro và xác định các yếu tố có liên quan đến rủi ro, trên cơ sở thông tin, dữ liệu và áp dụng tiêu chí đánh giá, phân loại mức độ rủi ro. b) Tiêu chí đánh giá, phân loại mức độ rủi ro được xây dựng, áp dụng trên cơ sở các nhóm thông tin, dữ liệu về: b.1) Đối tượng quản lý rủi ro và mối quan hệ, liên kết giữa các đối tượng có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; b.2) Chính sách quản lý, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; b.3) Tính chất, đặc điểm của hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải; b.4) Tần suất, tính chất, mức độ vi phạm pháp luật có liên quan đến đối tượng đánh giá rủi ro;	*thực hiện các biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác phù hợp theo mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật.* Như vậy, các quy định về quản lý rủi ro tại Nghị định hiện hành chưa bao quát đầy đủ các hoạt động quản lý rủi ro theo quy định mới của Luật Hải quan. Do đó, để cụ thể hóa đầy đủ quy định tại Điều 17 Luật Hải quan và bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện thống nhất các hoạt động quản lý rủi ro, dự thảo Nghị định đã rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thành 05 điều, gồm: - Điều 15. Đối tượng và tiêu chí quản lý rủi ro; - Điều 16. Đánh giá, giám sát rủi ro và xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; - Điều 17. Phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan phục vụ quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro; - Điều 18. Phát hiện, dự báo, cảnh báo rủi ro và cung cấp thông tin nghiệp vụ; - Điều 19. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan. Việc sửa đổi, bổ sung 05 điều nêu trên nhằm cụ thể hóa đầy đủ các hoạt động quản lý rủi ro, bảo đảm thực hiện đầy đủ nội dung Luật Hải quan giao Chính phủ quy định chi tiết tại Điều 17. **2. Điều 15. Đối tượng và tiêu chí quản lý rủi ro.** Nghị định hiện hành chưa có quy định riêng về đối tượng và tiêu chí quản lý rủi ro, trong khi

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
thanh tra phù hợp.	b.5) Xuất xứ, nguồn gốc của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; b.6) Tuyến đường, địa bàn, phương thức vận chuyển hàng hóa, hành lý, hành trình của phương tiện vận tải; b.7) Quá trình hoạt động và kết quả thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro; b.8) Dấu hiệu rủi ro, chỉ số rủi ro, cảnh báo rủi ro, thông tin nghiệp vụ và các thông tin có liên quan; b.9) Các yếu tố khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. c) Mức độ rủi ro được phân loại theo một trong ba mức sau đây: c.1) Mức độ rủi ro 1: Rủi ro thấp; c.2) Mức độ rủi ro 2: Rủi ro trung bình; c.3) Mức độ rủi ro 3: Rủi ro cao. d) Kết quả đánh giá rủi ro được cập nhật vào hồ sơ rủi ro theo quy định tại khoản 3 Điều này, là một trong những căn cứ để xem xét áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan phù hợp. 2. Việc giám sát rủi ro được thực hiện thông qua theo dõi, phân tích trạng thái, diễn biến, mối quan hệ, sự thay đổi của các đối tượng, sự kiện và yếu tố có liên quan đến rủi ro. Kết quả giám sát rủi ro được cập nhật vào hồ sơ rủi ro theo quy định tại khoản 3 Điều này, được sử dụng làm căn cứ để kiểm tra, xác minh, xem xét đánh giá lại rủi ro và áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp. 3. Hồ sơ rủi ro được xây dựng, quản lý để tập hợp, tích hợp, cập nhật, lưu trữ, cung cấp thông tin, dữ liệu về kết quả đánh giá, giám sát rủi ro, phản ánh trạng thái, lịch sử và sự thay đổi của các đối tượng, sự kiện và yếu tố có liên quan đến rủi ro nhằm phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan.	khoản 1 Điều 17 Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung năm 2026 đã quy định xây dựng, áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro là một trong những hoạt động quản lý rủi ro. Do đó, dự thảo bổ sung Điều 15 nhằm xác định đầy đủ các đối tượng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; quy định nguyên tắc xây dựng, áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro làm cơ sở đánh giá, phân loại mức độ rủi ro, xác định trọng điểm và lựa chọn áp dụng các biện pháp quản lý hải quan phù hợp. **3. Điều 16. Đánh giá, giám sát rủi ro và xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan** Điều 15 Nghị định hiện hành mới chỉ quy định về phân loại mức độ rủi ro và các yếu tố xem xét khi phân loại, chưa quy định đầy đủ hoạt động đánh giá, giám sát rủi ro và xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro. Trong khi đó, khoản 1 Điều 17 Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung năm 2026 đã xác định đây là những nội dung của hoạt động quản lý rủi ro. Do đó, dự thảo bổ sung Điều 16 nhằm quy định cụ thể việc nhận diện, phân tích, đánh giá, phân loại mức độ rủi ro; theo dõi, giám sát diễn biến rủi ro và xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro, làm cơ sở xác định, lựa chọn và áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp. So với Điều 15 hiện hành, Điều 16 dự thảo có một số nội dung mới, cụ thể: - Xác định rõ cụ thể đối tượng đánh giá rủi ro bao gồm: người khai hải quan; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; tổ chức, cá nhân và các đối tượng có liên quan theo

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. **Điều 17. Phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan phục vụ quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro** 1. Cơ quan hải quan thực hiện phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan và thông tin, dữ liệu có liên quan nhằm xác định, làm rõ các thông tin, dữ liệu có liên quan, phát hiện các sai sót, dấu hiệu bất thường, dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm và các thông tin có liên quan trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan. 2. Việc phân tích, đối soát, kiểm tra được thực hiện tự động trên hệ thống thông tin nghiệp vụ và thông qua hoạt động nghiệp vụ của công chức hải quan trên cơ sở tổng hợp, phân loại, so sánh, đối chiếu, liên kết thông tin, dữ liệu theo từng hồ sơ, giao dịch, đối tượng hoặc giữa các hồ sơ, giao dịch, đối tượng có liên quan. 3. Kết quả phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan được cập nhật, lưu trữ và sử dụng trên hệ thống thông tin nghiệp vụ để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ hải quan theo quy định của pháp luật, bảo đảm khả năng truy vết nguồn thông tin, dữ liệu, căn cứ và quá trình thực hiện. **Điều 18. Xác định trọng điểm trong hoạt động nghiệp vụ hải quan** 1. Cơ quan hải quan thực hiện xác định trọng điểm để lựa chọn đối tượng cần tập trung theo dõi, kiểm soát trong phạm vi, thời gian nhất định, trên cơ sở phân tích thông tin, dữ liệu có liên quan, các kết quả hoạt động quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro, hoạt động nghiệp vụ hải quan và áp dụng tiêu chí xác định trọng điểm.	quy định của pháp luật - Chuyển từ quy định đơn thuần về "phân loại mức độ rủi ro" sang quy định đầy đủ về "đánh giá rủi ro", bao gồm xác định rủi ro, xây dựng và áp dụng tiêu chí, phân tích và phân loại mức độ rủi ro, đồng thời xác định yêu cầu quản lý đối với từng đối tượng rủi ro. - Quy định cụ thể các mức độ rủi ro, gồm 03 mức: rủi ro thấp, rủi ro trung bình và rủi ro cao. Việc xác định rõ các mức độ rủi ro tạo cơ sở thống nhất cho việc phân loại đối tượng, xác định yêu cầu và áp dụng biện pháp quản lý phù hợp với từng mức độ rủi ro, thay cho quy định hiện hành chỉ nêu việc "đánh giá phân loại rủi ro ... theo các mức độ khác nhau" nhưng chưa xác định cụ thể các mức độ này. - Bổ sung quy định giám sát rủi ro và xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro **4. Điều 17. Phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan phục vụ quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro** Nghị định hiện hành chưa có quy định cụ thể về hoạt động phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan, trong khi khoản 1 Điều 17 Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung năm 2026 đã bổ sung nội dung này vào hoạt động quản lý rủi ro. Do đó, dự thảo bổ sung Điều 17 nhằm quy định việc phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan bằng phương thức tự động trên hệ thống và thông qua hoạt động nghiệp vụ của công chức hải quan để phát hiện sai sót, dấu hiệu bất thường, dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm, phục vụ quản lý tuân thủ,

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	2. Kết quả xác định trọng điểm bao gồm việc xác định được đối tượng trọng điểm, loại rủi ro, căn cứ xác định, nội dung, phạm vi và thời gian cần tập trung theo dõi, kiểm soát và yêu cầu quản lý đối với đối tượng trọng điểm. 3. Cơ quan hải quan xây dựng, quản lý hồ sơ trọng điểm để tập hợp, cập nhật, lưu trữ thông tin, dữ liệu về đối tượng trọng điểm, kết quả xác định trọng điểm; các biện pháp kiểm soát rủi ro, biện pháp nghiệp vụ đã được lựa chọn, áp dụng và kết quả thực hiện; kết quả theo dõi, rà soát và sự thay đổi có liên quan đến đối tượng trọng điểm. 4. Việc thực hiện xác định trọng điểm và xây dựng, quản lý hồ sơ trọng điểm được thực hiện trên hệ thống thông tin nghiệp vụ và thông qua hoạt động nghiệp vụ của công chức hải quan. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. **Điều 19. Phát hiện, dự báo, cảnh báo rủi ro và cung cấp thông tin nghiệp vụ** 1. Cơ quan hải quan thực hiện phát hiện rủi ro trên cơ sở thông tin, dữ liệu được thu thập, phân tích, xử lý, kết quả thực hiện quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro, các hoạt động nghiệp vụ hải quan và các thông tin có liên quan để nhận diện rủi ro mới phát sinh, sự thay đổi của rủi ro đã được nhận diện và các dấu hiệu, yếu tố, sự kiện, hành vi, mối quan hệ, phương thức, thủ đoạn có liên quan. 2. Việc dự báo rủi ro được thực hiện thông qua phân tích xu hướng và các yếu tố tác động để nhận định về khả năng phát sinh, diễn biến, thay đổi hoặc dịch chuyển của rủi ro, trên cơ sở kết quả phát hiện rủi ro, kết quả phân tích, đánh giá, giám sát rủi ro và thông tin, dữ liệu có liên quan.	quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan. **5. Điều 18. Xác định trọng điểm trong hoạt động nghiệp vụ hải quan** Nghị định hiện hành chưa có quy định về hoạt động xác định trọng điểm và xây dựng, quản lý hồ sơ trọng điểm, trong khi khoản 1 Điều 17 Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung năm 2026 đã xác định đây là những nội dung của hoạt động quản lý rủi ro. Do đó, dự thảo bổ sung Điều 18 nhằm quy định việc xác định, lựa chọn đối tượng trọng điểm cần tập trung theo dõi, kiểm soát trên cơ sở thông tin, dữ liệu, kết quả quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và áp dụng tiêu chí xác định trọng điểm; đồng thời quy định việc xây dựng, quản lý hồ sơ trọng điểm làm cơ sở tập trung nguồn lực, lựa chọn và áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, nâng cao hiệu quả quản lý hải quan. 6. **Điều 19. Phát hiện, dự báo, cảnh báo rủi ro và cung cấp thông tin nghiệp vụ** Nghị định hiện hành chưa quy định về hoạt động phát hiện, dự báo, cảnh báo rủi ro và cung cấp thông tin nghiệp vụ, trong khi khoản 1 Điều 17 Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung năm 2026 đã xác định đây là các nội dung của hoạt động quản lý rủi ro. Do đó, dự thảo bổ sung Điều 19 nhằm cụ thể hóa việc phát hiện rủi ro mới phát sinh, dự báo xu hướng, diễn biến rủi ro; cảnh báo kịp thời và cung cấp thông tin nghiệp vụ cho các đơn vị, cá nhân có liên quan, làm cơ sở chủ động phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả quản lý hải quan.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	Kết quả dự báo rủi ro xác định loại rủi ro, đối tượng, phạm vi, thời gian, xu hướng và mức độ ảnh hưởng dự kiến; được sử dụng trong quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ hải quan. 3. Cơ quan hải quan thực hiện cảnh báo đối với rủi ro mới phát sinh, có sự thay đổi, gia tăng, dịch chuyển hoặc cần được theo dõi, xử lý kịp thời theo yêu cầu quản lý, trên cơ sở kết quả phát hiện, dự báo, phân tích, đánh giá, giám sát rủi ro và các thông tin có liên quan. Cảnh báo rủi ro bao gồm loại rủi ro, dấu hiệu, căn cứ cảnh báo, đối tượng, phạm vi, thời gian, mức độ, diễn biến, xu hướng và nội dung cần chú ý, theo dõi hoặc xử lý; được cung cấp kịp thời cho đơn vị, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền bằng phương thức phù hợp. 4. Thông tin nghiệp vụ là thông tin được tạo lập trên cơ sở tổng hợp, đối chiếu, phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu và kết quả thực hiện quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro, các hoạt động nghiệp vụ hải quan, phục vụ việc quyết định và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác. Cơ quan hải quan thực hiện cung cấp thông tin nghiệp vụ thông qua hệ thống thông tin nghiệp vụ hoặc bằng phương thức phù hợp theo quy định của pháp luật. **Điều 20. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan** 1. Việc áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan bao gồm: a) Xác định, lựa chọn biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp; b) Áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro để lựa chọn áp dụng kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác;	**7. Điều 20. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan** Điều 13 Nghị định hiện hành mới chỉ quy định về căn cứ và thẩm quyền quyết định áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan, chưa quy định đầy đủ việc xác định, lựa chọn biện pháp kiểm soát rủi ro; áp dụng tiêu chí lựa chọn đối tượng kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và theo dõi, đánh giá, điều chỉnh việc áp dụng quản lý rủi ro. Trong khi đó, Điều 17 Luật Hải quan sửa đổi, bổ sung năm 2026 đã quy định việc quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý hải quan phù hợp theo mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật. Do đó, dự thảo sửa đổi, hoàn thiện Điều 20 nhằm quy định đầy đủ các nội dung, căn cứ, thẩm quyền và cơ chế áp dụng quản lý rủi ro, bảo đảm việc lựa chọn, quyết định, tổ chức thực hiện và điều chỉnh các biện pháp quản lý hải quan phù hợp với mức độ rủi ro, mức độ tuân thủ pháp luật và yêu cầu quản lý hải quan.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	c) Quyết định và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác; d) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh việc áp dụng quản lý rủi ro trong các hoạt động quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này. 2. Biện pháp kiểm soát rủi ro được xác định, lựa chọn căn cứ vào loại, mức độ và đặc điểm của rủi ro; đối tượng quản lý rủi ro; kết quả đánh giá, giám sát rủi ro, xác định trọng điểm; yêu cầu quản lý và các thông tin, dữ liệu có liên quan. Việc áp dụng biện pháp kiểm soát rủi ro được xác định về phạm vi, thời gian phù hợp và thực hiện theo quy định của pháp luật. 3. Cục trưởng Cục Hải quan quyết định áp dụng hoặc phân cấp áp dụng tiêu chí lựa chọn áp dụng kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác trên cơ sở các yếu tố sau đây: a) Quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý hải quan; b) Mức độ tuân thủ pháp luật; c) Mức độ rủi ro; d) Kết quả xác định trọng điểm; đ) Biện pháp kiểm soát rủi ro được xác định, lựa chọn theo khoản 2 Điều này; e) Thông tin nghiệp vụ, dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm; g) Kết quả kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác; h) Các thông tin, yếu tố có liên quan. Việc lựa chọn áp dụng kiểm tra có thể kết hợp lựa chọn ngẫu nhiên theo yêu cầu quản lý hải quan. 4. Trên cơ sở kết quả lựa chọn theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan hải quan, người có thẩm quyền quyết định việc kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	tra sau thông quan và thực hiện các hoạt động nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với nguồn nhân lực và điều kiện thực tế quản lý hải quan. 5. Việc kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác được tổ chức thực hiện theo kết quả áp dụng quản lý rủi ro, quyết định của người có thẩm quyền và quy định của pháp luật. 6. Cơ quan hải quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc áp dụng quản lý rủi ro; cập nhật, tích hợp, xử lý kết quả áp dụng biện pháp kiểm soát rủi ro, kết quả kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác trên hệ thống thông tin nghiệp vụ để đánh giá hiệu quả, rà soát, điều chỉnh tiêu chí quản lý rủi ro, biện pháp kiểm soát rủi ro và việc áp dụng quản lý rủi ro. 7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc xác định, lựa chọn, áp dụng, theo dõi và đánh giá biện pháp kiểm soát rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.	
Điều 16. Phân loại hàng hóa 1. Phân loại hàng hóa để xác định tên gọi, mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. 2. Việc phân loại hàng hóa căn cứ vào hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin về thành phần, tính chất lý, hóa, tính năng, công dụng của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 3. Phân loại hàng hóa để xác định mã số hàng hóa làm cơ sở tính thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc phân loại hàng hóa.	**Điều 21. Phân loại hàng hóa** 1. Phân loại hàng hóa để xác định tên gọi, mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, làm cơ sở tính thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa. 2. Việc phân loại hàng hóa căn cứ vào hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin khác về đặc điểm, thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng, quy cách đóng gói và các thuộc tính khác của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc phân loại hàng hóa.	**Ban NVTHQ** Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP., chỉ thay đổi STT điều do không có vướng mắc trong quá trình thực hiện.
Điều 17. Danh mục hàng hóa xuất khẩu,	**Điều 22. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập**	**Ban NVTHQ:**

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
nhập khẩu Việt Nam 1. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gồm mã số, tên gọi, mô tả hàng hóa, đơn vị tính và các nội dung giải thích kèm theo và được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa theo quy định tại Điều 26 Luật Hải quan. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam trong toàn quốc. 3. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sử dụng để: a) Xây dựng các Biểu thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; b) Xây dựng các Danh mục hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ; c) Thống kê Nhà nước về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; d) Phục vụ công tác quản lý nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và các lĩnh vực khác.	**khẩu Việt Nam** 1. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gồm mã số, tên gọi, mô tả hàng hóa, đơn vị tính và các nội dung giải thích kèm theo và được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa theo quy định tại Điều 26 Luật Hải quan. 2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sử dụng để: a) Xây dựng các Biểu thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; b) Xây dựng các Danh mục hàng hóa theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 gồm: Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu; Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện; Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành (sau đây được gọi tắt là Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành); c) Thống kê nhà nước về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; d) Phục vụ công tác quản lý nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và các lĩnh vực khác.	Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Viết lại điểm b khoản 2 để phù hợp với khoản 4 Điều 26 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16. Bỏ khoản 2 do trùng với quy định tại khoản 1 Điều 23.
Điều 19. Trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc thực hiện phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình khi ban hành các quy định hoặc xem xét giải quyết các vấn đề	**Điều 23. Trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc thực hiện phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu** 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình khi ban hành các quy định hoặc xem xét giải quyết các vấn đề có liên quan đến	**Ban NVTHQ** - Trong quá trình thực hiện, nhiều bộ ngành chỉ xây dựng danh mục hàng hóa với thông tin về hàng hóa rất khái quát gửi cho Cục Hải quan để xác định mã số, trong khi việc phân loại hàng hóa để xác định mã số thì phải căn cứ vào đặc điểm, thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng, quy cách đóng gói và các thuộc tính khác của hàng hóa. Điều này gây khó khăn cho

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
có liên quan đến phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phải thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Hải quan và các quy định tại Nghị định này. 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật xây dựng Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu; Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép; Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành gửi Bộ Tài chính. Chậm nhất 10 ngày làm việc, Bộ Tài chính thực hiện xác định về mã số hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các hàng hóa này để các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện công bố ban hành. Đối với Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành do các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành đã ban hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa có mã số hàng hóa hoặc có mã số hàng hóa nhưng chưa phù hợp thì trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thống nhất với Bộ Tài chính để có mã số hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam đối với danh mục các hàng hóa này.	phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phải thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Hải quan và các quy định tại Nghị định này. 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật xây dựng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành, trong đó có tên gọi, mô tả hàng hóa, đặc tính kỹ thuật và đầy đủ các thông tin chi tiết về hàng hóa để xác định mã số, chính sách quản lý hàng hóa kèm mã số hàng hóa dự kiến theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gửi Bộ Tài chính. a) Trường hợp chưa đủ thông tin để xác định mã số hàng hóa, Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ bổ sung thông tin, tài liệu liên quan; b) Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận đủ thông tin, Bộ Tài chính thực hiện xác định về mã số hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các hàng hóa này để các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện công bố ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành. Đối với Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành đã ban hành trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa có mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thống nhất với Bộ Tài chính để xác định mã số hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam đối với danh mục các hàng hóa này. 4. Việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng quản lý theo các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành phải căn cứ vào mã số hàng hóa, tên gọi, mô tả hàng hóa, đặc tính kỹ thuật và các thông tin chi tiết khác về hàng hóa	Cục Hải quan khi xác định mã số hàng hóa, phải mất nhiều thời gian trao đổi, đề nghị các bộ ngành cung cấp bổ sung thông tin về hàng hóa làm cơ sở để xác định mã số. Do vậy, dự thảo Nghị định đã bổ sung tại Khoản 3 Điều 23 về trách nhiệm của các Bộ, Ngành xây dựng Danh mục hàng hóa QLCN phải cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về hàng hóa thuộc Danh mục gửi Bộ Tài chính bao gồm tên gọi, mô tả hàng hóa, đặc tính kỹ thuật và các thông tin khác để làm căn cứ xác định mã số hàng hóa. - Về thời hạn để Bộ Tài chính xác định mã số cho Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành, pháp luật hiện hành đang quy định 10 ngày là rất ngắn để thực hiện do số lượng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành ngày càng nhiều, việc phân loại hàng hóa xác định mã số thì rất phức tạp, thực tế cơ quan hải quan phải mất nhiều thời gian để trao đổi, làm việc trực tiếp với các bộ, ngành. Do vậy, tại điểm b Khoản 3 Điều 23 đã sửa đổi thời hạn Bộ Tài chính hoàn thành việc xác định mã số hàng hóa đối với từng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành kể từ thời điểm nhận đủ thông tin là 30 ngày. - Hiện nay, một số hàng hóa tại danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành chưa xác định được mã số hàng hóa do phạm vi điều chỉnh rộng, mô tả hàng hóa và đặc tính kỹ thuật của một đối tượng thuộc Danh mục có thể bao gồm nhiều mã HS tại nhiều Chương, nhóm khác nhau, dẫn đến không liệt kê được cụ thể tại Danh mục. Để giải quyết vướng mắc, dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định tại khoản 5 Điều

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
4. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, tổ chức liên quan để quyết định việc phân loại hàng hóa đối với các trường hợp có sự khác biệt trong việc áp dụng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hoặc có sự khác biệt giữa các Danh mục hàng hóa do các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.	theo quy định của pháp luật chuyên ngành được quy định trong từng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành. 5. Trường hợp Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành chưa có mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, việc áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành căn cứ vào tên gọi, mô tả hàng hóa, đặc tính kỹ thuật và các thông tin chi tiết khác về hàng hóa quy định tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành. Việc xác định mã số hàng hóa để tính thuế khi làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định pháp luật hải quan về phân loại hàng hóa. 6. Trường hợp có sự khác biệt về mã số hàng hóa tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành với mã số hàng hóa được xác định theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định mã số hàng hóa thống nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam đồng thời có văn bản đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành cập nhật mã số tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành. Trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành trước khi quyết định mã số hàng hóa. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành phải có phản hồi về việc áp dụng mã số hàng hóa tại Danh mục quản lý chuyên ngành. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thông tin của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành hoặc trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản mà không nhận được ý kiến phản hồi của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành, Bộ Tài chính quyết định mã số hàng hóa thống nhất theo Danh mục hàng hóa xuất	23 về các căn cứ áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành và căn cứ tính thuế đối với trường hợp Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành không quy định mã số cụ thể. - Do đặc thù của phân loại hàng hóa là rất phức tạp, Danh mục HS, Danh mục AHTN và Danh mục hàng hóa XK, NK VN chỉ là Danh mục hài hòa, không thể chi tiết được hết các mặt hàng, trong khi công nghệ ngày càng phát triển, ngày càng có nhiều hàng hóa phức tạp, kết hợp nhiều công nghệ mà Danh mục HS không cập nhật kịp thời, do vậy dẫn đến thực trạng là khi xây dựng mã số hàng hóa tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành trong một số trường hợp có sự sai khác so với mã số hàng hóa xác định theo danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, dẫn đến vướng mắc khiếu kiện trong việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành. Để khắc phục vướng mắc này, tại khoản 6 Điều 23 có bổ sung quy định cách thức xử lý đối với trường hợp có sự khác biệt về mã số hàng hóa giữa Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành và danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành trong việc xử lý vướng mắc về khác biệt mã số hàng hóa giữa hai Danh mục.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	khẩu, nhập khẩu Việt Nam đồng thời đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành cập nhập mã số hàng hóa tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành. Việc áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành được thực hiện tương tự quy định tại khoản 5 Điều này. 7. Trường hợp Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sửa đổi, bổ sung, thay thế, các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung, cập nhật mã số hàng hóa, mô tả hàng hóa thuộc các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.	
Điều 18. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam 1. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam là tập hợp các thông tin liên quan về phân loại hàng hóa, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gồm: a) Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành; b) Văn bản hướng dẫn về phân loại hàng hóa của Bộ Tài chính. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc xây dựng và sử dụng cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.	**Điều 24. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam** 1. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam là tập hợp các thông tin liên quan về phân loại hàng hóa, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc xây dựng và sử dụng cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.	**Ban NVTHQ** Quy định hiện hành tại Điều 18 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP về Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam là chưa phù hợp do thực tế có nhiều nội dung hơn cần đưa vào cơ sở dữ liệu để cộng đồng doanh nghiệp và cơ quan hải quan có thể tham khảo trong quá trình khai báo, kiểm tra hải quan như: Công ước HS và các phụ lục kèm theo; Văn bản hướng dẫn về phân loại hàng hoá của Cục Hải quan; Thông báo kết quả xác định trước mã số; Thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hoá; Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hoá; Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật; Các văn bản giải quyết khiếu nại về phân loại hàng hoá, áp dụng mức thuế của Bộ Tài chính, Cục Hải quan; Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, Danh mục hàng hoá cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Danh mục hàng hoá

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
		thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành;... Các nội dung này đã được quy định tại Điều 13, Điều 14 Thông tư số 85/2016/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính (thay thế Thông tư số 14/2015/TT-BTC, Thông tư số 17/2021/TT-BTC).
Điều 20. Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan *1. Đối với hàng hoá xuất khẩu:* *a) Trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế, được xác định trên cơ sở trị giá thực tế của hàng hóa tại cửa khẩu xuất, theo trình tự các phương pháp sau:* *a.1) Giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất bao gồm giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hóa đơn thương mại và các khoản chi phí liên quan đến hàng hóa xuất khẩu phù hợp với chứng từ có liên quan nếu các khoản chi phí này chưa bao gồm trong giá bán của hàng hóa;* *a.2) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự trên cơ sở dữ liệu trị giá hải quan sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất tại thời điểm gần nhất so với ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu của lô hàng đang xác định trị giá;* *a.3) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu giống hệt, tương tự tại thị trường Việt Nam sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất tại thời điểm gần nhất so với ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu của lô hàng đang xác định trị giá;*	**Điều 25. Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan** 1. Đối với hàng hóa xuất khẩu: a) Trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu là giá thực tế của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm chi phí vận tải quốc tế và chi phí bảo hiểm quốc tế, được xác định theo trình tự các phương pháp sau: a.1) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa xuất khẩu; a.2) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa xuất khẩu giống hệt hoặc tương tự; a.3) Phương pháp trị giá tính toán của hàng hóa xuất khẩu; a.4) Phương pháp suy luận của hàng hóa xuất khẩu. b) Cửa khẩu xuất được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 6 Điều 3 Nghị định này. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu vào khu phi thuế quan, cửa khẩu xuất là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam. 2. Đối với hàng hóa nhập khẩu: a) Trị giá hải quan của hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, được xác định theo trình tự các phương pháp sau: a.1) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu; a.2) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt; a.3) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa	**Ban NVTHQ** Hiện nay, Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan sửa đổi khoản 2 Điều 86 về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu là giá thực tế của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất khẩu, không bao gồm chi phí vận tải quốc tế và chi phí bảo hiểm quốc tế. Theo đó, quy định này cần được sửa tương ứng tại điểm a khoản 1 để đảm bảo phù hợp với Luật số 11/2026/QH16 . Tại Điều 3 dự thảo Nghị định, bổ sung khái niệm "cửa khẩu xuất", "cửa khẩu nhập" có nội hàm giống với khái niệm "cửa khẩu xuất" và "cửa khẩu nhập đầu tiên" tại Điều này. Do vậy, khái niệm "cửa khẩu nhập đầu tiên" và "cửa khẩu xuất" quy định tại Điều này sẽ sửa đổi theo hướng rút gọn lại và dẫn chiếu theo quy định tại Điều 3 để thống nhất áp dụng chung.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
a.4) Giá bán của hàng hóa xuất khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất. *b) Cửa khẩu xuất được xác định như sau:* *b.1) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu xuất là cảng xếp hàng, nơi hàng hóa xuất khẩu được xếp lên phương tiện vận tải tại cảng ghi trên tờ khai hải quan;* *b.2) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu xuất là địa điểm xếp hàng nơi hàng hóa xuất khẩu được xếp lên phương tiện vận tải tại cửa khẩu đường sắt liên vận quốc tế ghi trên tờ khai hải quan;* *b.3) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu xuất là cửa khẩu biên giới nơi xuất khẩu hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc các chứng từ khác có liên quan.* *Trường hợp hàng hóa xuất khẩu vào khu phi thuế quan, cửa khẩu xuất là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam.* *2. Đối với hàng hoá nhập khẩu:* *a) Trị giá hải quan của hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, được xác định theo trình tự các phương pháp sau:* *a.1) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu;* *a.2) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hệt;*	nhập khẩu tương tự; a.4) Phương pháp trị giá khấu trừ; a.5) Phương pháp trị giá tính toán; a.6) Phương pháp suy luận. Trường hợp người khai hải quan đề nghị bằng văn bản thì trình tự áp dụng phương pháp trị giá khấu trừ và phương pháp trị giá tính toán có thể hoán đổi cho nhau. b) Cửa khẩu nhập đầu tiên thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 7 Điều 3 Nghị định này. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa Việt Nam, cửa khẩu nhập đầu tiên là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 Điều này và nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan đối với các trường hợp khác.	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
a.3) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu tương tự; *a.4) Phương pháp trị giá khấu trừ;* *a.5) Phương pháp trị giá tính toán;* *a.6) Phương pháp suy luận.* *Trường hợp người khai hải quan đề nghị bằng văn bản thì trình tự áp dụng phương pháp trị giá khấu trừ và phương pháp trị giá tính toán có thể hoán đổi cho nhau.* *b) Cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau:* *b.1) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu nhập đầu tiên là cảng dỡ hàng hóa nhập khẩu ghi trên vận đơn;* *b.2) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu nhập đầu tiên là ga đường sắt liên vận quốc tế ghi trên tờ khai hải quan;* *b.3) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu nhập đầu tiên là cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa nhập khẩu đi vào lãnh thổ Việt Nam ghi trên tờ khai hải quan.* *Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa Việt Nam, cửa khẩu nhập đầu tiên là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam.* 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Khoản 1, Khoản 2 Điều này và nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan đối với các trường hợp khác.		
Điều 21. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan *1. Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ trên hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu*	**Điều 26. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan** 1. Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu có liên quan, thực tế	**Ban NVTHQ** Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị nhằm giảm thủ tục

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
có liên quan, thực tế hàng hóa. *2. Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo, đề nghị người khai hải quan thực hiện khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và giải phóng hàng theo quy định. Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định.* *3. Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn, mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định và giải phóng hàng hóa theo quy định, người khai hải quan thực hiện tham vấn với cơ quan hải quan nhằm làm rõ về tính chính xác của trị giá khai báo.* *a) Trường hợp người khai hải quan đồng ý với mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định thì thực hiện khai bổ sung theo quy định trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày đến cơ quan hải quan thực hiện tham vấn, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Trường hợp người khai hải quan không khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định;* *b) Trường hợp bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan đề nghị người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc*	hàng hóa. 2. Xử lý kết quả kiểm tra: a) Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn cho người khai hải quan, thông quan hàng hóa theo quy định, thực hiện kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã thông quan; b) Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo trị giá hải quan, yêu cầu người khai hải quan thực hiện khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Trường hợp người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá hải quan, ấn định thuế theo Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định. c) Trường hợp không thuộc điểm a, điểm b khoản này, cơ quan hải quan chấp nhận trị giá khai báo để thông quan hàng hóa theo quy định. 3. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm tuần trước liền kề hoặc là tỷ giá cuối ngày của ngày làm việc liền trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày lễ, ngày nghỉ. Tỷ giá này được sử dụng để xác định tỷ giá tính thuế cho các tờ khai hải quan đăng ký trong tuần. Đối với các ngoại tệ không được Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tỷ giá thì xác định theo tỷ giá tính chéo giữa đồng Việt Nam với một số ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước	hành chính, quy định về kiểm tra, tham vấn trị giá trong thông quan được sửa đổi theo hướng chuyển công tác tham vấn trị giá trong thông quan sang kiểm tra trị giá sau khi hàng hóa đã thông quan nhằm tạo điều kiện cho người khai hải quan, tăng thời gian thông quan và là tiền đề, căn cứ pháp lý xây dựng công tác kiểm tra trị giá cho hệ thống hải quan số trong tương lai.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
kể từ ngày kết thúc tham vấn. Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định; *c) Trường hợp chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo trị giá khai báo.* *4. Trường hợp không thuộc khoản 2, 3 Điều này, cơ quan hải quan chấp nhận trị giá khai báo để thông quan hàng hóa theo quy định.* *5. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm tuần trước liền kề hoặc là tỷ giá cuối ngày của ngày làm việc liền trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày lễ, ngày nghỉ. Tỷ giá này được sử dụng để xác định tỷ giá tính thuế cho các tờ khai hải quan đăng ký trong tuần.* *Đối với các ngoại tệ không được Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tỷ giá thì xác định theo tỷ giá tính chéo giữa đồng Việt Nam với một số ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đối với các ngoại tệ chưa được công bố tỷ giá tính chéo thì trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước*	Việt Nam công bố trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đối với các ngoại tệ chưa được công bố tỷ giá tính chéo thì trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định và công bố tỷ giá. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
Việt Nam xác định và công bố tỷ giá. *6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.*		
Điều 22. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan 1. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan là thông tin liên quan đến xác định trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định của Bộ Tài chính. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan được *Cục Hải quan* xây dựng tập trung thống nhất và thường xuyên cập nhật. 2. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan là căn cứ để đánh giá rủi ro về trị giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.	**Điều 27. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan** 1. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan là thông tin liên quan đến xác định trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan được Cục Hải quan xây dựng tập trung thống nhất và thường xuyên cập nhật. 2. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan là căn cứ để đánh giá rủi ro về trị giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.	**Ban NVTHQ** Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, chỉ thay đổi STT điều
Điều 22a. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu *1. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê được xây dựng theo nguyên tắc và phương pháp quy định tại Điều 20 Nghị định này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.* *2. Đối với các trường hợp sau, trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê dựa trên cơ sở khai báo của người khai hải quan theo nguyên tắc:* *a) Hàng hóa sau khi thuê gia công ở nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên trong đó bao gồm toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm, bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc xác định giá thành sản phẩm;*	**Điều 28. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu** 1. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê được xây dựng theo nguyên tắc và phương pháp quy định tại Điều 25 Nghị định này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Đối với các trường hợp sau, trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê dựa trên cơ sở khai báo của người khai hải quan theo nguyên tắc: a) Hàng hóa sau khi thuê gia công ở nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên trong đó bao gồm toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm, bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc xác định giá thành sản phẩm; b) Hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công cho nước ngoài: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất trong đó bao gồm toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản	**Ban CNTT** Về cơ bản, Điều này kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, chỉ thay đổi STT điều; sửa dẫn chiếu để đảm bảo phù hợp và bổ sung điểm d khoản 2 về "*Trường hợp hàng hóa không thuộc điểm a, điểm b, điểm c khoản này và không đủ thông tin để xác định phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế: là trị giá khai báo của người khai hải quan trên tờ khai hải quan*" để đảm bảo phù hợp với thực tiễn đang thực hiện hiện nay và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành như Thông tư số 131/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo thống kê ngành tài chính, Thông tư số 129/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
b) Hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công cho nước ngoài: là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất trong đó bao gồm toàn bộ trị giá cấu thành của sản phẩm bao gồm trị giá nguyên vật liệu cấu thành nên sản phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc xác định giá thành sản phẩm; *c) Hàng hóa theo hợp đồng thuê tài chính: là toàn bộ trị giá của hàng hóa, loại trừ các dịch vụ cung cấp kèm theo hợp đồng thuê tài chính.* *3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc thu thập, xử lý, sử dụng và lưu trữ thông tin về trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê.*	phẩm, giá gia công sản phẩm và các chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc xác định giá thành sản phẩm; c) Hàng hóa theo hợp đồng thuê tài chính: là toàn bộ trị giá của hàng hóa, loại trừ các dịch vụ cung cấp kèm theo hợp đồng thuê tài chính; d) Trường hợp hàng hóa không thuộc điểm a, điểm b, điểm c khoản này và không đủ thông tin để xác định phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế: là trị giá khai báo của người khai hải quan trên tờ khai hải quan. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc thu thập, xử lý, sử dụng và lưu trữ thông tin về trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê.	
Điều 23. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan 1. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được thực hiện theo đề nghị của người khai hải quan. Cơ quan hải quan thực hiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo quy định tại Điều 28 Luật Hải quan. 2. Xác định trước trị giá hải quan bao gồm xác định trước phương pháp và mức giá.	**Điều 29. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan** 1. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được thực hiện theo đề nghị của người khai hải quan. Cơ quan hải quan thực hiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo quy định tại Điều 28 Luật Hải quan. 2. Xác định trước trị giá hải quan bao gồm xác định trước phương pháp và mức giá.	**Ban NVTHQ** Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, chỉ thay đổi STT điều
Điều 24. Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan 1. Điều kiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu và cung cấp thông tin, chứng từ, hồ sơ cần thiết liên quan đến việc xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan;	**Điều 30. Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan** 1. Điều kiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan: a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu và cung cấp thông tin, chứng từ, hồ sơ cần thiết liên quan đến việc xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan; b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cần xác định	**Ban NVTHQ** Cơ bản kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Sửa đổi thẩm quyền xử lý và ban hành thông báo kết quả xác định trước từ Cục Hải quan thành Chi cục Thuế XNK và Chi cục Giám sát quản lý để thực hiện phân cấp, phù hợp với thực tế thực hiện . Sửa nội dung trường hợp tổ chức, cá nhân

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cần xác định trước trị giá hải quan là hàng hóa lần đầu xuất khẩu, nhập khẩu hoặc có thay đổi lớn, bất thường so với trị giá hải quan mà người khai hải quan đang thực hiện hoặc là hàng hóa có tính chất đơn chiếc hoặc không có tính phổ biến hoặc không có hàng hóa giống hệt, tương tự trên thị trường để so sánh. *2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan:* *a) Nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đến Cục Hải quan trong thời hạn ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng;* *b) Tham gia đối thoại với cơ quan hải quan nhằm làm rõ nội dung đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo đề nghị của cơ quan hải quan;* *c) Thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi liên quan đến hàng hóa đã đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, trong đó nêu rõ nội dung, lý do, ngày, tháng, năm có sự thay đổi.* *3. Trách nhiệm của Cục Hải quan:* *a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Cục Hải quan có văn bản từ chối xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan gửi tổ chức, cá nhân đối với trường hợp không đủ điều kiện, hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước hoặc hàng hóa nêu tại*	trước trị giá hải quan là hàng hóa lần đầu xuất khẩu, nhập khẩu hoặc có thay đổi lớn, bất thường so với trị giá hải quan mà người khai hải quan đang thực hiện hoặc là hàng hóa có tính chất đơn chiếc hoặc không có tính phổ biến hoặc không có hàng hóa giống hệt, tương tự trên thị trường để so sánh. 2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan: a) Nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đến cơ quan hải quan trong thời hạn ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng; b) Tham gia đối thoại với cơ quan hải quan nhằm làm rõ nội dung đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo đề nghị của cơ quan hải quan; c) Thông báo bằng văn bản cho cơ quan hải quan trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi liên quan đến hàng hóa đã đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, trong đó nêu rõ nội dung, lý do, ngày, tháng, năm có sự thay đổi. 3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan: a) Cơ quan hải quan xử lý và ban hành Thông báo xác định trước mã số, trị giá là Chi cục Thuế xuất nhập khẩu, cơ quan hải quan xử lý và ban hành Thông báo xác định trước xuất xứ là Chi cục Giám sát quản lý về hải quan; b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan hải quan có văn bản từ chối xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan gửi tổ chức, cá nhân đối với trường hợp không đủ điều kiện, hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước hoặc hàng hóa nêu tại đơn đề nghị xác định trước mã số đã có văn bản hướng dẫn về mã số của cơ	không đồng ý với nội dung xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan mà tổ chức, cá nhân cần thiết thông quan hàng hóa thì tổ chức, cá nhân thực hiện khai báo theo Thông báo xác định trước để thống nhất với khổ 1 khoản 4 quy định văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan là cơ sở để khai hải quan khi làm thủ tục hải quan. Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này để làm cơ sở quy định chi tiế tại Thông tư.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
đơn đề nghị xác định trước mã số đã có văn bản hướng dẫn về mã số của cơ quan quản lý nhà nước; *b) Cục trưởng Cục Hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường) hoặc 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Cục Hải quan.* 4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan là cơ sở để khai hải quan khi làm thủ tục hải quan. Trường hợp tổ chức, cá nhân không đồng ý với nội dung xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan của *Cục trưởng Cục Hải quan* mà tổ chức, cá nhân cần thiết thông quan hàng hóa thì tổ chức, cá nhân thực hiện nộp thuế theo giá khai báo hoặc thực hiện bảo lãnh theo quy định để thực hiện thông quan hàng hóa. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại cơ quan hải quan. 5. Trường hợp không đồng ý với nội dung xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, tổ chức, cá nhân có văn bản yêu cầu *Cục Hải quan* xem xét. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (đối với hàng hóa thông thường) hoặc 30 ngày (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ), kể từ ngày nhận được yêu cầu của người khai hải quan, *Cục Hải quan* có văn bản trả lời	quan quản lý nhà nước; c) Thủ trưởng cơ quan hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường) hoặc 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Cục Hải quan. 4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan là cơ sở để khai hải quan khi làm thủ tục hải quan. Trường hợp không đồng ý với nội dung xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, tổ chức, cá nhân có văn bản yêu cầu cơ quan hải quan xem xét. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (đối với hàng hóa thông thường) hoặc 30 ngày (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ), kể từ ngày nhận được yêu cầu của người khai hải quan, cơ quan hải quan có văn bản trả lời kết quả cho người khai hải quan. 5. Hiệu lực của văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan: a) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan có hiệu lực tối đa không quá 03 năm kể từ ngày ký ban hành. Riêng văn bản thông báo kết quả xác định trước mức giá có hiệu lực trực tiếp đối với lô hàng được xác định trước mức giá; b) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan không có hiệu lực áp dụng trong trường hợp hàng hóa hoặc hồ sơ thực tế xuất khẩu, nhập khẩu khác với mẫu hàng hóa hoặc hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan;	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
kết quả cho người khai hải quan. 6. Hiệu lực của văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan: a) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan có hiệu lực tối đa không quá 03 năm kể từ ngày *Cục trưởng Cục Hải quan* ký ban hành. Riêng văn bản thông báo kết quả xác định trước mức giá có hiệu lực trực tiếp đối với lô hàng được xác định trước mức giá; b) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan không có hiệu lực áp dụng trong trường hợp hàng hóa hoặc hồ sơ thực tế xuất khẩu, nhập khẩu khác với mẫu hàng hóa hoặc hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan; c) *Cục trưởng Cục Hải quan* ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong trường hợp phát hiện hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan do tổ chức, cá nhân cung cấp không chính xác, không trung thực; d) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan chấm dứt hiệu lực trong trường hợp quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. *7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan và các trường hợp đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước.*	c) Chi cục trưởng Chi cục Thuế xuất nhập khẩu ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, trị giá hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Giám sát quản lý về hải quan ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước xuất xứ trong trường hợp phát hiện hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan do tổ chức, cá nhân cung cấp không chính xác, không trung thực; d) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan chấm dứt hiệu lực trong trường hợp quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế làm thay đổi kết quả xác định trước. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	
Điều 25. Khai hải quan 1. Khai hải quan được thực hiện theo phương	**Điều 31. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**	**Ban GSQL (NV2)** - Tại khoản 7 Điều 29 dự thảo Luật sửa đổi,

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
thức điện tử. Người khai hải quan đăng ký thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. *2. Các trường hợp sau đây người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy:* *a) Hành lý vượt định mức miễn thuế;* *b) Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tạm xuất, tái nhập phục vụ an ninh quốc phòng;* *c) Hàng hóa của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ;* *d) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau mà nguyên nhân có thể do một hoặc cả hai hệ thống hoặc do nguyên nhân khác.* *Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử hải quan chậm nhất 01 giờ kể từ thời điểm không thực hiện được các giao dịch điện tử.* *Trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan có văn bản đề nghị Chi cục Hải quan khu vực nơi dự kiến làm thủ tục hải quan, trong đó nêu rõ tên và nguyên nhân sự cố, thời hạn dự kiến khắc phục sự cố và lựa chọn phương thức thực hiện thủ tục khai hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan hoặc khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy trong thời gian hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan gặp sự cố;* *đ) Hàng hóa khác theo quy định của Bộ*	1. Khai hải quan được thực hiện theo phương thức điện tử. Người khai hải quan đăng ký thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 2. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, xử lý tờ khai hải quan 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần. Trường hợp chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp số tờ khai hải quan, xử lý tờ khai hải quan và phản hồi thông tin cho người khai hải quan. Trường hợp các thông tin khai hải quan không đủ điều kiện đăng ký tờ khai hải quan, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động phản hồi cho người khai hải quan biết và nêu rõ lý do. 3. Các trường hợp sau đây người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy: a) Hành lý vượt định mức miễn thuế; b) Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập – tái xuất, tạm xuất – tái nhập phục vụ an ninh quốc phòng; c) Hàng hóa của tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ; d) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau mà nguyên nhân có thể do một hoặc cả hai hệ thống hoặc do nguyên nhân khác. Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử hải quan chậm nhất 01 giờ kể từ thời điểm không thực hiện được các giao dịch điện tử. Trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của	bổ sung một số điều của Luật Hải quan giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều về khai hải quan. Theo đó, các nội dung tại Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP sẽ được chuyển xuống quy định tại Thông tư. - Tại Điều này chỉ quy định nguyên tắc chung về việc khai hải quan; các trường hợp khai trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Hải quan; đồng thời để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc triển khai số hóa chứng từ, đồng bộ với quy định tại Thông tư, đề xuất bổ sung nội dung *"Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải qua tự động kiểm tra, đối chiếu thông tin khai trên tờ khai hải quan với thông tin trên chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để cảnh báo các thông tin sai khác cho công chức hải quan"*; và giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết. - Liên quan đến khoản 4 về khai thay đổi mục đích sử dụng: + Vướng mắc: ++ Khi nhập khẩu ban đầu mặc dù hàng hóa thuộc danh mục quản lý chuyên ngành nhưng pháp luật về chuyên ngành quy định: thuộc đối tượng được miễn/không áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành ví dụ như nhập khẩu để gia công, SXXK thì khi thay đổi mục đích sử dụng có phải tuân thủ chính sách mặt hàng hay không? Khi nhập khẩu ban đầu phải có giấy phép nhập khẩu, tạm nhập thì khi thay đổi mục đích sử dụng có phải có giấy phép không? Ví dụ: Bộ Nông nghiệp

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
trưởng Bộ Tài chính. *3. Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, trung thực, rõ ràng các tiêu chí trên tờ khai hải quan, tự tính để xác định số thuế, các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.* *Trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải có giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thì phải có giấy phép trước khi đăng ký tờ khai hải quan và phải khai đầy đủ thông tin giấy phép trên tờ khai hải quan theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.* *Khi kiểm tra hồ sơ cơ quan hải quan đủ cơ sở xác định hàng hóa thuộc diện phải có giấy phép mà không có giấy phép tại thời điểm đăng ký tờ khai thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.* *4. Khi khai hải quan, người khai hải quan thực hiện:* *a) Tạo thông tin khai tờ khai hải quan trên Hệ thống khai hải quan điện tử;* *b) Nộp tờ khai hải quan và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan dưới dạng dữ liệu điện tử hoặc dữ liệu số hóa đến cơ quan Hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.* *Trường hợp các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đã có trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì người khai hải quan không phải nộp cho cơ quan hải quan. Trường hợp phải nộp bản chính chứng từ thuộc hồ sơ hải quan thì người khai hải quan phải nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính cho cơ quan hải quan;* *c) Tiếp nhận thông tin phản hồi và thực hiện*	người khai hải quan không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan thực hiện thủ tục khai hải quan thông qua đại lý làm thủ tục hải quan hoặc khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy. Sau khi sự cố được khắc phục, cơ quan hải quan cập nhật thông tin tờ khai hải quan giấy đã tiếp nhận vào Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. đ) Hàng hóa khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 4. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thay đổi mục đích sử dụng: a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế, áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan thì người khai hải quan phải khai tờ khai hải quan mới trước khi thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa; b) Chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới; c) Chính sách quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được áp dụng tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới, trừ trường hợp tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan ban đầu, hàng hóa không thuộc đối tượng áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành hoặc đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu quản lý chuyên ngành; Trường hợp hàng hóa được miễn áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành tại thời điểm nhập khẩu ban đầu,	và Môi trường cấp giấy phép nhập khẩu phân Ure để thực hiện khảo nghiệm, khi doanh nghiệp chuyển sang mục đích khác (như chuyển sang mục đích sản xuất hoặc xuất bán…) thì có phải có giấy phép khi thực hiện khai tờ khai mới hay không? ++ DNCX khi thanh lý hàng hóa bán cho DN nội địa thì không thực hiện được do hàng hóa đã qua sử dụng thường rơi vào hàng hóa cấm nhập khẩu. Để tháo gỡ các vướng mắc trên, tại dự thảo Nghị định quy định theo hướng sau: + Tại thời điểm nhập khẩu/tạm nhập ban đầu đã thực hiện đầy đủ chính sách thì khi thay đổi mục đích sử dụng không áp dụng chính sách quản lý chuyên ngành (như hiện hành đang quy định). + Đối với các trường hợp sau khi thay đổi mục đích sử dụng thì phải áp dụng chính sách tại thời điểm đăng ký tờ khai mới gồm: ++ Khi nhập khẩu ban đầu *thuộc đối tượng được miễn/không áp dụng chính sách ví dụ như nhập khẩu để gia công, sxxk* thì khi thay đổi mục đích sử dụng có phải tuân thủ chính sách mặt hàng hay không? ++ Tại thời điểm nhập khẩu phải có giấy phép, khi thay đổi mục đích sử dụng khác với mục đích ghi trên giấy phép. + Quy định về chính sách kiểm tra chuyên ngành dẫn trên áp dụng đồng thời cho trường hợp thanh lý hàng hóa của DNCX (vì hàng hóa NK của DNCX thuộc đối tượng không chịu thuế).

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
theo hướng dẫn của cơ quan Hải quan. *Đối với khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy, người khai hải quan khai đầy đủ các tiêu chí trên tờ khai hải quan, ký tên, đóng dấu (trừ trường hợp người khai hải quan là cá nhân) trên tờ khai hải quan và nộp các chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan cho cơ quan hải quan.* *5. Người khai hải quan phải khai tờ khai hải quan mới trong các trường hợp sau:* *a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế, áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan;* *b) Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa tạm nhập, tạm xuất đã giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa.* *Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.* 6. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo các loại hình khác nhau thì phải khai trên tờ khai	khi thay đổi mục đích sử dụng phải thực hiện chính sách quản lý chuyên ngành theo quy định tương ứng với mục đích sử dụng mới; Trường hợp hàng hóa đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo mục đích sử dụng tại thời điểm nhập khẩu ban đầu khi thay đổi mục đích sử dụng so với giấy phép thì phải được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác nhau theo từng loại hình tương ứng. 7. Khai hải quan đối với hàng hóa có nhiều hợp đồng hoặc đơn hàng a) Hàng hóa nhập khẩu có nhiều hợp đồng hoặc đơn hàng, có một hoặc nhiều hóa đơn của một người bán hàng, cùng điều kiện giao hàng, cùng phương thức thanh toán, giao hàng một lần, có một vận đơn thì được khai trên một hoặc nhiều tờ khai hải quan; b) Hàng hóa xuất khẩu có nhiều hợp đồng hoặc đơn hàng, cùng điều kiện giao hàng, cùng phương thức thanh toán, cùng bán cho một khách hàng và giao hàng một lần thì được khai trên một hoặc nhiều tờ khai hải quan.8. Đăng ký tờ khai một lần Người khai hải quan thường xuyên xuất khẩu, nhập khẩu đối với mặt hàng nhất định, trong một thời gian nhất định của cùng một hợp đồng mua bán hàng hóa với cùng một người mua, người bán, qua cùng cửa khẩu được đăng ký tờ khai hải quan một lần trong thời hạn không quá 01 năm. Tờ khai hải quan một lần không còn giá trị làm thủ tục hải quan khi có sự thay đổi về chính sách thuế, chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 9. Việc sử dụng tờ khai hải quan điện tử Tờ khai hải quan điện tử có giá trị sử dụng trong việc thực hiện các thủ tục về thuế, cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thủ tục thanh toán qua Ngân hàng và các thủ tục hành chính khác; chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường. Các cơ quan quản lý nhà		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
nước có liên quan sử dụng tờ khai hải quan điện tử phục vụ yêu cầu quản lý, không yêu cầu người khai hải quan cung cấp tờ khai hải quan giấy. Cơ quan Hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin tờ khai hải quan dưới dạng dữ liệu điện tử cho các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Các cơ quan có liên quan có trách nhiệm trang bị các thiết bị để tra cứu dữ liệu trên tờ khai hải quan điện tử. *10. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc khai bổ sung, hủy tờ khai hải quan, đăng ký tờ khai hải quan một lần; khai tờ khai hải quan mới đối với hàng hóa thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa và xử lý trong trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc hệ thống khai hải quan điện tử gặp sự cố.*		
Điều 26. Tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, xử lý tờ khai hải quan 1. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, xử lý tờ khai hải quan 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần. 2. Trong trường hợp không chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan, cơ quan Hải quan thông báo thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho người khai hải quan biết và nêu rõ lý do. 3. Trường hợp chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp số tờ khai hải quan, xử lý tờ khai hải quan và phản hồi thông tin cho người khai hải quan. *4. Cục trưởng Cục Hải quan căn cứ tiêu chí*	**Bãi bỏ Điều 26**	**Ban GSQL (NV2)** Tại khoản 7 Điều 29 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều về khai hải quan. Theo đó, nội dung tại Điều 26 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP sẽ được chuyển xuống quy định tại Thông tư. Riêng nội dung khoản 1, 2, 3 chuyển lên quy định tại Điều 33 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
phân loại mức độ rủi ro do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để quyết định kiểm tra hải quan và thông báo trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo một trong những hình thức dưới đây: *a) Chấp nhận thông tin khai Tờ khai hải quan để quyết định thông quan hàng hóa;* *b) Kiểm tra các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình hoặc các chứng từ có liên quan trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để quyết định việc thông quan hàng hóa hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa để quyết định thông quan.* *Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể thời điểm thông báo việc kiểm tra hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.* 5. Trường hợp khai hải quan trên tờ khai hải quan giấy Việc đăng ký tờ khai hải quan được thực hiện ngay sau khi người khai hải quan khai, nộp đủ hồ sơ hải quan theo quy định và được cơ quan hải quan kiểm tra các điều kiện đăng ký tờ khai hải quan, bao gồm: a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các thông tin khai hải quan và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan; b) Kiểm tra việc tuân thủ chế độ, chính sách quản lý và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; c) Kiểm tra việc áp dụng biện pháp cưỡng chế tạm dừng làm thủ tục hải quan. *Đội trưởng Hải quan* nơi tiếp nhận, xử lý hồ sơ căn cứ vào hồ sơ hải quan và thực tế hàng hóa để quyết định việc làm thủ tục hải quan.		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
Trường hợp đủ điều kiện đăng ký tờ khai hải quan, cơ quan hải quan cấp số đăng ký tờ khai hải quan, quyết định việc kiểm tra hải quan theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký tờ khai hải quan, cơ quan hải quan thông báo ngay lý do bằng văn bản cho người khai hải quan. 6. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong thời hạn hiệu lực của tờ khai hải quan quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Hải quan được áp dụng các chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai. 7. Tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ yêu cầu khẩn cấp, hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh quốc phòng theo quy định tại Điều 50 Luật Hải quan và tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Điều 43 Luật Hải quan gồm các nội dung sau: Tên, địa chỉ người xuất khẩu hàng hóa, người nhập khẩu hàng hóa; những thông tin sơ bộ về tên hàng, lượng hàng, trị giá; cửa khẩu nhập; thời gian phương tiện vận tải vận chuyển lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có thuế được áp dụng chính sách thuế có hiệu lực tại thời điểm đăng ký và nộp tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh.		
Điều 27. Kiểm tra hồ sơ hải quan 1. Việc kiểm tra hồ sơ hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 32 Luật Hải quan. Thời	**Bãi bỏ Điều 27**	**Ban GSQL (NV2)** Tại khoản 3 Điều 32 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan giao Bộ

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hạn hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ hải quan thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan. 2. Trong quá trình kiểm tra chi tiết hồ sơ bởi công chức hải quan, nếu phát hiện sự không chính xác, không đầy đủ, không phù hợp giữa nội dung khai hải quan với chứng từ có liên quan thuộc hồ sơ hải quan; có dấu hiệu không tuân thủ chính sách quản lý hàng hóa, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì *Đội trưởng Hải quan* nơi tiếp nhận, đăng ký tờ khai hải quan xem xét, quyết định việc kiểm tra thực tế hàng hóa. 3. Trường hợp việc kiểm tra hồ sơ hải quan được thực hiện bởi công chức hải quan, *Đội trưởng Hải quan* xem xét đề nghị của người khai hải quan, quyết định gia hạn thời gian nộp bản chính một số chứng từ kèm theo tờ khai hải quan trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.		trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều kiểm tra hồ sơ hải quan. Theo đó, nội dung tại Điều 27 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP sẽ được chuyển xuống quy định tại Thông tư.
Điều 28. Kiểm tra hải quan trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ hàng hóa trong địa bàn hoạt động hải quan *1. Căn cứ kết quả phân tích thông tin quản lý rủi ro, cơ quan hải quan quyết định việc kiểm tra hàng hóa thông qua máy soi, thiết bị kỹ thuật khác.* *2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu đến địa điểm kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan.* *3. Trường hợp kiểm tra hàng hóa qua máy*	**Bãi bỏ Điều 28**	**Ban GSQL (NV2)** Nội dung tại Điều 28 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP sẽ được chuyển xuống quy định tại Thông tư.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
soi, thiết bị kỹ thuật, cơ quan hải quan phát hiện lô hàng có nghi vấn cần phải kiểm tra thực tế hàng hóa bởi công chức hải quan, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi để phối hợp bố trí khu vực lưu giữ riêng.		
Điều 29. Kiểm tra thực tế hàng hóa 1. Nội dung kiểm tra gồm: Kiểm tra tên hàng, mã số, số lượng, trọng lượng, khối lượng, chất lượng, xuất xứ, trị giá hải quan của hàng hóa. Kiểm tra đối chiếu sự phù hợp giữa thực tế hàng hóa với hồ sơ hải quan. 2. Thẩm quyền quyết định hình thức, mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải kiểm tra thực tế, *Đội trưởng Hải quan* nơi tiếp nhận, xử lý hồ sơ hải quan căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 26 Nghị định này và thông tin liên quan đến hàng hóa để quyết định hình thức, mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa. Thời hạn hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hóa thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi tiếp nhận, xử lý hồ sơ hải quan, *Đội trưởng Hải quan* nơi lưu giữ hàng hóa hoặc thủ trưởng cơ quan Hải quan quản lý địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung quyết định thay đổi mức độ, hình thức kiểm tra thực tế hàng hóa và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. 3. Mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa: Việc kiểm tra thực tế hàng hóa được thực hiện cho đến khi đủ cơ sở xác định tính hợp pháp, phù	**Bãi bỏ Điều 29**	**Ban GSQL (NV2)** Tại khoản 7 Điều 33 Luật Hải quan giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc kiểm tra thực tế hàng hóa. Theo đó, nội dung tại Điều 29 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP sẽ được chuyển xuống quy định tại Thông tư.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hợp của toàn bộ lô hàng với hồ sơ hải quan. Công chức hải quan thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa theo quyết định của *Đội trưởng Hải quan* và căn cứ thông tin liên quan đến hàng hóa tại thời điểm kiểm tra; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra đối với phần hàng hóa được kiểm tra. 4. Các hình thức kiểm tra thực tế hàng hóa: a) Công chức hải quan kiểm tra trực tiếp; b) Kiểm tra bằng các phương tiện kỹ thuật, các biện pháp nghiệp vụ khác; c) Kiểm tra thông qua kết quả phân tích, giám định hàng hóa. Trong quá trình kiểm tra thực tế hàng hóa nếu cần thiết phải thay đổi hình thức kiểm tra hàng hóa thì *Đội trưởng Hải quan* nơi kiểm tra thực tế hàng hóa quyết định. Kết quả kiểm tra thực tế bằng máy soi, thiết bị soi chiếu kết hợp với cân điện tử và các thiết bị kỹ thuật khác là cơ sở để cơ quan hải quan ra quyết định việc thông quan hàng hóa. *5. Trường hợp bằng các máy móc, thiết bị kỹ thuật do cơ quan hải quan trang bị, công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa không đủ cơ sở để xác định tính chính xác đối với nội dung khai của người khai hải quan về tên hàng, mã số, chất lượng, khối lượng thì thực hiện như sau:* *a) Trường hợp hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá tiếp nhận thực hiện tại cơ quan kiểm định hải quan: Hải quan nơi kiểm tra thực tế hàng hóa đề nghị cơ quan kiểm định hải quan thực hiện phân tích phân loại; kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật của hàng hoá bằng máy móc, trang thiết bị để xác định các nội dung trên*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
và căn cứ kết quả của cơ quan kiểm định hải quan để quyết định việc thông quan hàng hoá. *Cục Hải quan thông báo Danh mục hàng hoá tiếp nhận thực hiện tại cơ quan kiểm định hải quan.* *b) Trường hợp hàng hoá không thuộc Danh mục hàng hoá tiếp nhận thực hiện tại cơ quan kiểm định hải quan: Hải quan nơi kiểm tra thực tế hàng hóa trưng cầu giám định của tổ chức giám định theo quy định của pháp luật và căn cứ kết quả giám định để quyết định việc thông quan hàng hóa.*		
Điều 30. Xử lý kết quả kiểm tra hải quan 1. Trường hợp người khai hải quan nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan về tên hàng, mã số, xuất xứ, trọng lượng, chất lượng, trị giá hải quan của hàng hóa thì thực hiện việc khai bổ sung các nội dung theo yêu cầu của cơ quan hải quan và xử lý theo quy định pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc quy định của pháp luật liên quan. Trường hợp không nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan về tên hàng, mã số, xuất xứ, trọng lượng, chất lượng, trị giá hải quan thì người khai hải quan thực hiện khiếu nại hoặc được lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định để thực hiện việc giám định hàng hóa theo quy định của pháp luật. Trường hợp người khai hải quan lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định, cơ quan hải quan căn cứ kết luận của cơ quan, tổ chức giám định để quyết định việc thông quan. 2. Trường hợp cơ quan hải quan không nhất trí với kết quả giám định do người khai hải quan	Bãi bỏ Điều 30	**Ban GSQL (NV2)** Tại khoản 7 Điều 29 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều về khai hải quan. Đồng thời, tại khoản 4 Điều 33 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc khai hải quan, kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa và xử lý kết quả kiểm tra Theo đó, các nội dung tại Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP sẽ được chuyển xuống quy định tại Thông tư.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
cung cấp, cơ quan hải quan lựa chọn cơ quan, tổ chức giám định và căn cứ vào kết quả giám định này để quyết định việc thông quan. Nếu người khai hải quan không đồng ý với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan thì thực hiện khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.		
Điều 32. Giải phóng hàng hóa, thông quan hàng hóa *1. Giải phóng hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Hải quan. Các trường hợp được giải phóng hàng bao gồm:* *a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải thực hiện việc phân tích, phân loại hoặc giám định để xác định mã số hàng hóa, số lượng, trọng lượng, khối lượng của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan.* *Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cũng được xem thuộc trường hợp phải thực hiện việc phân tích, phân loại hoặc giám định để xác định mã số hàng hóa mà không phải lấy mẫu để phân tích, phân loại hoặc giám định khi có cùng tên hàng, thành phần, cấu tạo, tính chất lý hóa, tính năng, công dụng, quy cách đóng gói, cùng nhà sản xuất với hàng hóa trước đó đã được lấy mẫu, đang chờ kết quả phân tích, phân loại hoặc giám định của cùng người khai hải quan;* *b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở giá do người khai hải quan tạm tính;* *c) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy*	Bãi bỏ Điều 32	**Ban GSQL (NV2)** Nội dung Điều này sẽ được chuyển xuống quy định tại Thông tư.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này và người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan; *d) Người khai hải quan chưa có đủ thông tin, tài liệu để xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì được giải phóng hàng hóa nếu được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở trị giá hải quan do cơ quan hải quan xác định.* 2. Việc thông quan hàng hóa thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Hải quan. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan nhưng vẫn đang trong địa bàn hoạt động hải quan, nếu cơ quan hải quan phát hiện dấu hiệu vi phạm thì *Đội trưởng Hải quan* quyết định kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa, xử lý theo quy định của pháp luật và chịu các chi phí phát sinh trong trường hợp không phát hiện vi phạm.		
Điều 33. ***Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải*** *1.Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc đối tượng phải kiểm dịch thì phải kiểm dịch tại cửa khẩu trước khi hoàn thành thủ tục hải quan trừ trường hợp pháp luật về kiểm dịch cho phép đưa hàng hóa về các địa điểm để kiểm dịch trong nội địa. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm thì việc kiểm tra thực hiện theo quy*	**Điều 32. Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hàng hóa** 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định thông quan hàng hóa. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra đồng thời đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu hoặc các địa điểm	**Ban GSQL (NV2)** - Quy định khái quát các mặt hàng thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành (KTCN) thay vì liệt kê; chuẩn hóa cụm từ "quyết định thông quan hàng hóa" và bãi bỏ quy định về địa điểm thực hiện kiểm dịch để đảm bảo bao quát, thống nhất với khoản 2 Điều 23 Luật Hải quan, làm rõ đối tượng chịu tác động, đồng thời tránh chồng chéo với các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về kiểm dịch động, thực vật đã quy định. - Bổ sung hàng hóa "quá cảnh" thuộc đối tượng KTCN vì thực tế, ngoài giấy phép, hàng hóa quá cảnh thuộc danh mục KTCN vẫn phải

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
định của pháp luật về kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm, cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định thông quan. *Các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra đồng thời đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu hoặc các địa điểm kiểm tra hàng hóa, trừ trường hợp vì yêu cầu kỹ thuật, chuyên môn phải đưa về các địa điểm kiểm tra chuyên ngành.* *2. Phối hợp lấy mẫu, kiểm tra chuyên ngành:* *a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, việc lấy mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành;* *b) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại địa điểm do người khai hải quan thông báo; trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu;* *c) Trước khi lấy mẫu, người khai hải quan phải thông báo cho cơ quan hải quan và cơ quan kiểm tra chuyên ngành thời gian, địa điểm lấy mẫu.* *Người khai hải quan phải xuất trình hàng hóa để cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc cơ quan hải quan thực hiện việc lấy mẫu;* *d) Khi lấy mẫu phải có đại diện của người*	kiểm tra hàng hóa, trừ trường hợp phải đưa về các địa điểm kiểm tra chuyên ngành. 2. Phối hợp lấy mẫu, kiểm tra chuyên ngành: a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành, việc lấy mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành; b) Trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan thì trước khi lấy mẫu, người khai hải quan phải thông báo cho cơ quan hải quan và cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thời gian, địa điểm lấy mẫu để cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu theo quy định; c) Khi lấy mẫu, người khai hải quan phải xuất trình hàng hóa để cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; d) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia cho cơ quan hải quan và người khai hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra. Trường hợp cơ quan, tổ chức hoạt động kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện thủ tục kiểm tra, cập nhật kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì cơ quan hải quan tiếp nhận thông báo kết quả kiểm tra do người khai hải quan nộp dưới dạng dữ liệu số hóa thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. 3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa khẩu, cảng cạn, kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ hoặc địa điểm kiểm tra tập trung hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cho đến khi thông quan. Ngoài các địa điểm quy định tại	thực hiện kiểm tra theo quy định; - Việc lấy mẫu hàng hóa thuộc đối tượng KTCN thực hiện theo quy định của pháp luật KTCN, theo đó, biên bản lấy mẫu thực hiện theo pháp luật chuyên ngành. Do vậy, đề xuất bỏ đoạn "lập Biên bản chứng nhận việc lấy mẫu có xác nhận của người khai hải quan và cơ quan, tổ chức KTCN". Do hàng hóa đang thuộc địa hoạt động hải quan nên cơ quan hải quan có trách nhiệm giám sát, đảm bảo sự nguyên trạng của hàng hóa. Theo đó, trong quá trình cơ quan KTCN thực hiện việc lấy mẫu, cơ quan hải quan sẽ thực hiện giám sát việc lấy mẫu. Việc giám sát của cơ quan hải quan thực hiện theo quy định tại dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC và 121/2025/TT-BTC. - Điểm d: ++ Sửa thành cụm từ "cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, tổ chức hoạt động kiểm tra chuyên ngành" để thống nhất với khoản 3 Điều 24 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16 *("Đối với thành phần hồ sơ hải quan do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, tổ chức hoạt động kiểm tra chuyên ngành cấp qua cơ chế một cửa quốc gia thì người khai hải quan không phải nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan."* + Sửa "bản chụp" thông báo kết quả kiểm tra thành thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành dưới dạng dữ liệu số hóa để đảm bảo cơ sở pháp lý triển khai số hóa chứng từ, đồng bộ với quy định tại Thông tư thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC và

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
khai hải quan. Mẫu phải được niêm phong và lập Biên bản chứng nhận việc lấy mẫu có xác nhận của người khai hải quan và cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành; *đ) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia cho cơ quan hải quan và người khai hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra.* *Trường hợp cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện thủ tục kiểm tra, cập nhật kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì cơ quan hải quan tiếp nhận bản chụp thông báo kết quả kiểm tra do người khai hải quan nộp thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.* 3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa khẩu, cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa, kho ngoại quan hoặc địa điểm kiểm tra tập trung hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cho đến khi thông quan. Ngoài các địa điểm trên, hàng hóa được đưa về các địa điểm sau: a) Hàng hóa phải đưa về các địa điểm để kiểm dịch trong nội địa theo quy định của pháp luật về kiểm dịch; b) Trường hợp theo quy định của pháp luật cho phép đưa hàng về địa điểm khác để kiểm tra chuyên ngành hoặc người khai hải quan có văn bản đề nghị được đưa hàng về bảo quản, cơ quan hải quan cho phép đưa hàng về bảo quản nếu địa điểm lưu giữ hàng hóa là kho, bãi có địa chỉ rõ	khoản này, hàng hóa được đưa về các địa điểm sau: a) Hàng hóa phải đưa về các địa điểm để kiểm dịch trong nội địa theo quy định của pháp luật về kiểm dịch; b) Trường hợp theo quy định của pháp luật cho phép đưa hàng về địa điểm khác để kiểm tra chuyên ngành hoặc người khai hải quan có văn bản đề nghị được đưa hàng về bảo quản, cơ quan hải quan cho phép đưa hàng về bảo quản tại các địa điểm lưu giữ hàng hóa là kho, bãi có địa chỉ rõ ràng, được ngăn cách với khu vực xung quanh, đảm bảo việc bảo quản nguyên trạng hàng hóa. Đối với hàng hóa nhập khẩu không thể lấy mẫu để kiểm tra chuyên ngành và chỉ có thể thực hiện việc kiểm tra chuyên ngành trong nội địa, tại chân công trình theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan cho phép người khai hải quan được đưa hàng về bảo quản. 4. Quá thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản, nhưng chưa có kết quả kiểm tra chuyên ngành trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc người khai hải quan chưa nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan có văn bản đề nghị cơ quan kiểm tra chuyên ngành cung cấp thông tin về tình hình thực hiện thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với lô hàng nhập khẩu đưa về bảo quản. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hải quan, cơ quan kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm có văn bản trả lời cơ quan hải quan, trong đó nêu rõ: cơ quan kiểm tra chuyên ngành đã ban hành kết quả kiểm tra (số, ngày tháng năm của văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành); trường hợp cơ quan kiểm tra chuyên ngành chưa ban hành kết quả kiểm tra chuyên ngành thì nêu rõ nguyên nhân chậm ban hành kết quả kiểm tra, thời gian dự kiến ban hành kết quả chuyên ngành (nếu	121/2025/TT-BTC. - Khoản 3: Thay cụm từ "cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa" bằng cụm từ "cảng cạn" để đảm bảo phù hợp với Bộ luật hàng hải. - Khoản 4: + Tại khoản 3 Điều 35 Luật Hải quan quy định: *Cơ quan kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan hải quan trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra.* + Tại thông tư 38/2015/TT-BTC quy định: *người khai hải quan có trách nhiệm nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành cho cơ quan hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản trừ trường hợp việc kiểm tra kéo dài theo xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành; Quá thời hạn này cơ quan hải quan chưa nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành, thì chủ trì việc kiểm tra hoặc phối hợp với cơ quan hải quan nơi có địa điểm bảo quản kiểm tra việc bảo quản hàng hóa của người khai hải quan và xử lý theo quy định.* + Vướng mắc: Pháp luật hải quan không quy định cụ thể thời hạn cơ quan kiểm tra chuyên ngành phải ban hành kết quả kiểm tra chuyên ngành, không quy định công tác phối hợp, trong khi doanh nghiệp được đưa hàng về bảo quản để chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan phụ thuộc vào kết quả kiểm tra chuyên ngành để quyết định thông quan hàng hóa dẫn đến tình trạng nhiều lô hàng đưa về bảo quản nhưng quá 30 ngày không có kết quả kiểm tra chuyên ngành.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
ràng, được ngăn cách với khu vực xung quanh đảm bảo việc bảo quản nguyên trạng hàng hóa. Đối với một số hàng hóa nhập khẩu không thể lấy mẫu để kiểm tra chuyên ngành và chỉ có thể thực hiện việc kiểm tra chuyên ngành trong nội địa, tại chân công trình theo quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành, cơ quan hải quan cho phép người khai hải quan được đưa hàng về bảo quản; người khai hải quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc bảo quản hàng hóa cho đến khi thông quan.	có). Trường hợp việc chậm trả kết quả kiểm tra chuyên ngành do cơ quan kiểm tra chuyên ngành thì người khai hải quan tiếp tục được bảo quản nguyên trạng hàng hóa cho đến khi có kết quả kiểm tra chuyên ngành. Quá thời hạn 05 ngày làm việc quy định tại khoản này, cơ quan hải quan không nhận được văn bản của cơ quan kiểm tra chuyên ngành thì thực hiện xử lý vi phạm theo quy định. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	+ Đề xuất: Nhằm nâng cao trách nhiệm của các bên (cơ quan chuyên ngành, cơ quan hải quan, doanh nghiệp), hạn chế tình trạng doanh nghiệp chây ì, kéo dài việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để thực hiện kiểm tra chuyên ngành hoặc có thể đưa hàng vào sử dụng khi chưa có kết quả kiểm tra chuyên ngành, đề xuất thời hạn doanh nghiệp đưa hàng về bảo quản để chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành là 30 ngày (như hiện đang quy định tại Thông tư 38). Trường hợp quá hạn, doanh nghiệp chưa nộp: ++ Cơ quan hải quan phải có văn bản đề nghị cơ quan chuyên ngành cung cấp thông tin. ++ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra chuyên ngành phải có văn bản trả lời, nêu rõ đã ban hành kết quả hoặc nguyên nhân chậm ban hành, thời gian dự kiến ban hành; trường hợp nguyên nhân do cơ quan chuyên ngành đang trong quá trình xử lý, kiểm tra chuyên ngành thì doanh nghiệp tiếp tục được bảo quản. Quá thời hạn 05 ngày làm việc nêu trên, cơ quan hải quan không nhận được văn bản của cơ quan kiểm tra chuyên ngành thì cơ quan hải quan thực hiện xử lý theo quy định. - Khoản 5: bổ sung nội dung giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản 3 điều này để làm cơ sở pháp lý quy định chi tiết nội dung đưa hàng về bảo quản tại cấp Thông tư. Việc sửa đổi, bổ sung tại Điều này đảm bảo tránh tình trạng gian lận qua hình thức quá cảnh, giảm bớt thủ tục hành chính trùng lặp; tạo cơ sở pháp lý đồng bộ với Luật Hải quan và dự thảo Thông tư mới của Bộ Tài chính; qua đó đẩy

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
		mạnh ứng dụng chứng từ điện tử, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp.
Điều 34. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh 1. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thực hiện theo quy định tại các Điều 38, 39, 40, 41 Luật Hải quan. 2. Để thực hiện các quy định về giám sát hải quan tại Luật Hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm: *a) Bố trí khu vực lưu giữ riêng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hàng hóa nhập khẩu quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu nhưng không có người đến nhận; hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan;* b) Sử dụng hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định để quản lý, giám sát hàng hóa xuất khẩu; nhập khẩu đang chịu sự giám sát hải quan đưa vào lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi và thực hiện kết nối với cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu; c) Kiểm tra các chứng từ đã được cơ quan hải quan xác nhận hàng hóa đã thông quan, giải phóng hàng, được đưa hàng về bảo quản, đưa về địa điểm kiểm tra trước khi cho phép hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải để xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu được đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi; d) Bảo mật thông tin trên hệ thống theo quy định của pháp luật; đ) Thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền về xử lý hàng hóa vi phạm thời gian lưu giữ, hàng hóa tồn đọng theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan.	**Điều 33. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh** 1. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thực hiện theo quy định tại các Điều 38, 39, 40, 41 Luật Hải quan. 2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm: a) Bố trí địa điểm tập kết, địa điểm lưu giữ hàng hóa đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan và được cơ quan hải quan công nhận theo quy định, khu vực lưu giữ riêng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, hàng hóa tồn đọng, hàng hóa vi phạm pháp luật; b) Bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ đến địa điểm soi chiếu trong khu vực cảng, kho, bãi theo yêu cầu của cơ quan hải quan; c) Sử dụng hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định để quản lý, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang chịu sự giám sát hải quan đưa vào, lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi và thực hiện kết nối với cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu; d) Kiểm tra các chứng từ đã được cơ quan hải quan xác nhận hàng hóa đã thông quan, giải phóng hàng, được đưa hàng về bảo quản, đưa về địa điểm kiểm tra và không thuộc trường hợp tạm dừng đưa hàng qua khu vực giám sát trước khi cho phép hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải để xuất khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu được đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi; đ) Bảo mật thông tin trên hệ thống theo quy định của pháp luật;	**Ban GSQL (NV5)** - Điểm a khoản 2: Bổ sung "địa điểm tập kết, địa điểm lưu giữ hàng hóa đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan và được cơ quan hải quan công nhận theo quy định...", lý do: làm rõ trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh kho bãi cảng theo quy định tại Điều 41 Luật Hải quan. - Bổ sung quy định trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy đối với hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường mà không xác định được chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền dưới sự giám sát của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan khác theo quy định theo quy định tại Điều 58 của Luật hải quan, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16. - Bổ sung khoản 5 về số định danh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu: + Tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP ngày 22/8/2026 quy định: *Số định danh hàng hóa là mã số điện tử do hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp để định danh, theo dõi và quản lý thống nhất đối với hàng hóa nhập khẩu trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục quản lý nhà nước liên quan;* và tại Khoản 3 Điều 48 Nghị định này quy định: *Thời điểm chia sẻ, tiếp nhận, sử dụng thông tin, dữ liệu số định danh hàng hóa nhập khẩu quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 10, Điều 20 Nghị định này thực hiện theo quy định của*

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
3. Để thực hiện các quy định tại Khoản 2, Khoản 6 Điều 41 Luật Hải quan, cơ quan hải quan có trách nhiệm: a) Kiểm tra việc thực hiện các trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi quy định tại Điều 41 Luật Hải quan và Khoản 2 Điều này. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi vi phạm các quy định về giám sát hải quan thì bị xử lý theo quy định của pháp luật và cơ quan hải quan tăng cường các biện pháp thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ hàng hóa đưa vào, ra khu vực kho, bãi cảng; b) Chia sẻ thông tin tờ khai hải quan đã được thông quan, giải phóng hàng, đưa hàng về bảo quản, đưa hàng về địa điểm kiểm tra để doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi thực hiện các quy định tại Khoản 2, Khoản 6 Điều 41 Luật Hải quan để phục vụ cho việc kết nối trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống; c) Bố trí cán bộ phối hợp cùng doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi kiểm tra việc hàng hóa đưa vào khu vực cảng khi có sự cố hệ thống; d) Kiểm tra tình trạng hàng hóa, niêm phong hải quan đối với các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải niêm phong hải quan theo quy định của Bộ Tài chính; đ) Thực hiện việc tuần tra, kiểm soát trong khu vực cảng, kho, bãi theo quy định. 4. Trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát hải quan, tuần tra tại địa bàn hoạt động hải quan, *Đội trưởng Hải quan* có quyền: a) Quyết định tạm hoãn việc khởi hành, dừng phương tiện vận tải đang vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh khi phát hiện có	e) Thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền về xử lý hàng hóa vi phạm thời gian lưu giữ, hàng hóa tồn đọng theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan; g) Chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy đối với hàng hóa lưu giữ tại cảng, kho, bãi gây ô nhiễm môi trường mà không xác định được chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền dưới sự giám sát của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan khác theo quy định. 3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan: a) Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi quy định tại Điều 41 Luật Hải quan và khoản 2 Điều này. Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi vi phạm các quy định về giám sát hải quan thì cơ quan hải quan xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật và tăng cường các biện pháp thực hiện kiểm tra, giám sát hàng hóa đưa vào, ra khu vực cảng, kho, bãi; b) Chia sẻ thông tin tờ khai hải quan đã được thông quan, giải phóng hàng, đưa hàng về bảo quản, đưa hàng về địa điểm kiểm tra để doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi thực hiện các quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 41 Luật Hải quan để phục vụ cho việc kết nối trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống; c) Bố trí công chức phối hợp với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi kiểm tra việc hàng hóa đưa vào, đưa ra khu vực cảng, kho, bãi, khu vực cửa khẩu khi có sự cố hệ thống; d) Kiểm tra tình trạng hàng hóa, niêm phong hải quan đối với các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện phải niêm phong hải quan theo quy định; đ) Thực hiện việc tuần tra, kiểm soát trong khu vực cảng, kho, bãi theo quy định.	*Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.* + Căn cứ quy định trên, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định liên quan đến số định danh, theo đó quy định nguyên tắc hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan sẽ tự sinh ra mã số định danh trên cơ sở thông tin vận đơn/bản kê hàng hóa nhập khẩu hoặc số tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu; cấp mới, điều chỉnh số khi thông tin lô hàng, vận đơn được sửa đổi, tách, gộp; giao Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình và thời điểm kết nối, chia sẻ, tiếp nhận, sử dụng dữ liệu theo từng phương thức vận chuyển. - Phân định rõ trách nhiệm của người có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát hải quan như thẩm quyền dừng phương tiện vận tải, hoãn khởi hành phương tiện vận tải, quyết định kiểm tra thực tế, hàng hóa phương tiện vận tải. - Các nội dung khác kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan. Trong trường hợp khẩn cấp, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được quyền tạm dừng phương tiện vận tải và báo cáo ngay với Chi cục trưởng Chi cục Hải quan; b) Quyết định việc kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan; c) Quyết định việc truy đuổi phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể về giám sát hải quan.	4. Trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát hải quan, tuần tra tại địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, cơ quan hải quan có quyền: a) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định tạm hoãn việc khởi hành, dừng phương tiện vận tải đang vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh. Trong trường hợp khẩn cấp, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được quyền tạm dừng phương tiện vận tải và báo cáo ngay với Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực; b) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh quyết định việc kiểm tra hồ sơ, kiểm tra phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; c) Trưởng Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quyết định dừng hàng qua khu vực giám sát để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh. d) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định việc truy đuổi phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	địa bàn hoạt động hải quan. 5. Số định danh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được quản lý thống nhất thông qua số quản lý hàng hóa trên cơ sở số định danh hàng hóa do Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP quy định thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và quy định tại Nghị định này. b) Trừ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, số định danh hàng hóa được cấp theo nguyên tắc sau đây: b.1) Đối với hàng hóa xuất khẩu, mỗi lô hàng được cấp một số định danh hàng hóa. Trường hợp lô hàng có tờ khai hải quan xuất khẩu tại thời điểm phát sinh lô hàng thì số định danh hàng hóa được cấp theo tờ khai hải quan xuất khẩu. b.2) Đối với hàng hóa nhập khẩu có vận đơn, mỗi vận đơn nhập khẩu thứ cấp được cấp một số định danh hàng hóa. Trường hợp vận đơn chủ không có vận đơn thứ cấp thì số định danh hàng hóa được cấp theo vận đơn chủ. b.3) Đối với hàng hóa nhập khẩu không có vận đơn, số định danh hàng hóa được cấp theo chứng từ vận tải hoặc bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu hoặc bản khai hàng hóa, tùy theo chứng từ được sử dụng trong từng trường hợp. b.4) Trường hợp thông tin của lô hàng xuất khẩu hoặc vận đơn nhập khẩu được sửa đổi hoặc lô hàng xuất khẩu, vận đơn nhập khẩu được tách, gộp, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thực hiện cấp mới hoặc điều chỉnh số định danh hàng hóa theo thông tin sau khi sửa	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	đổi, tách, gộp. Việc xử lý số định danh hàng hóa đã cấp trước đó và việc liên kết dữ liệu giữa số định danh hàng hóa cũ với số định danh hàng hóa mới được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. c) Số quản lý hàng hóa được phản hồi cho người khai hải quan và người phát hành vận đơn nhập khẩu thứ cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Người khai hải quan và người nhận hàng được tra cứu số định danh hàng hóa của lô hàng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định về quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu. d) Số định danh hàng hóa được sử dụng thống nhất trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan và kiểm tra sau thông quan đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu kể từ thời điểm được cấp. đ) Trên cơ sở tình hình đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các hệ thống thông tin, Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình và thời điểm thực hiện việc kết nối, chia sẻ, tiếp nhận và sử dụng thông tin, dữ liệu về số quản lý hàng hóa theo từng phương thức vận chuyển. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	
Điều 35. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ *1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hóa được quy định tại khoản 1 Điều 47a Luật Hải quan được bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý,*	**Điều 34. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ** 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hóa được quy định tại khoản 1 Điều 47a Luật Hải quan được bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15, bao gồm: a) Hàng hóa gia công tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài đặt gia công bán, chuyển giao cho doanh nghiệp tại Việt Nam; b) Hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp tại Việt Nam với thương nhân nước ngoài và	**Ban GSQL (NV3)** - Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP; - Trên cơ sở ý kiến tham gia của một số UBND, doanh nghiệp đề xuất tách khoản 2 hiện hành thành khoản 2 và khoản 3: *"2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan; chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi giao, nhận hàng hóa đến khi hoàn thành thủ tục hải quan hoặc từ khi*

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
sử dụng tài sản công, bao gồm: *a) Hàng hoá gia công tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài đặt gia công bán, chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam;* *b) Hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp tại Việt Nam.* *2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan; được giao, nhận hàng hóa trước làm thủ tục hải quan sau hoặc được làm thủ tục hải quan trước giao, nhận hàng hoá sau; chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi giao, nhận hàng hóa đến khi hoàn thành thủ tục hải quan hoặc từ khi làm thủ tục hải quan cho đến khi hoàn thành việc giao, nhận hàng hóa.* *3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được coi là đã hoàn thành thủ tục hải quan khi các tờ khai xuất khẩu tại chỗ và tờ khai nhập khẩu tại chỗ đều đã hoàn thành thủ tục hải quan.* *4. Thời hạn, địa điểm, phương thức giao, nhận hàng hóa thực hiện theo chỉ định của thương nhân nước ngoài và phải thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan hoặc trước thời điểm thực hiện việc giao, nhận hàng hóa.* *5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết điều này.*	được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp tại Việt Nam. 2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan; chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi giao, nhận hàng hóa đến khi hoàn thành thủ tục hải quan hoặc từ khi làm thủ tục hải quan cho đến khi hoàn thành việc giao, nhận hàng hóa. 3. Các trường hợp được giao, nhận hàng hóa nhiều lần trước khi đăng ký tờ khai hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao, nhận lô hàng đầu tiên hoặc đăng ký tờ khai hải quan trước, giao, nhận hàng hóa sau: a) Người xuất khẩu tại chỗ hoặc người nhập khẩu tại chỗ là doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên; b) Người xuất khẩu tại chỗ và người nhập khẩu tại chỗ có mức độ tuân thủ tốt theo quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều 12 Nghị định này. 4. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được coi là đã hoàn thành thủ tục hải quan khi tờ khai hải quan xuất khẩu tại chỗ và tờ khai hải quan nhập khẩu tại chỗ đối ứng đã hoàn thành thủ tục hải quan. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	*làm thủ tục hải quan cho đến khi hoàn thành việc giao, nhận hàng hóa.* *3. Các trường hợp được giao, nhận hàng hóa nhiều lần trước khi đăng ký tờ khai hải quan trong một thời hạn nhất định hoặc đăng ký tờ khai hải quan trước, giao, nhận hàng hóa sau:* *a) Người xuất khẩu tại chỗ hoặc người nhập khẩu tại chỗ là doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên;* *b) Người xuất khẩu tại chỗ và người nhập khẩu tại chỗ có mức độ tuân thủ tốt theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này."* - Bỏ quy định tại khoản 4; tại khoản 4 Điều này quy định: *"4. Thời hạn, địa điểm, phương thức giao, nhận hàng hóa thực hiện theo chỉ định của thương nhân nước ngoài và phải thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan hoặc trước thời điểm thực hiện việc giao, nhận hàng hóa."* Lý do người khai hải quan đã khai thông tin *thời hạn, địa điểm, phương thức giao, nhận hàng hóa* trên tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ và không yêu cầu người khai hải quan phải thông báo thông tin cho cơ quan hải quan để đơn giản hóa thủ tục hành chính do đối tượng được áp dụng quy định này là doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên với đối tác và doanh nghiệp có mức độ tuân thủ tốt với nhau.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
Mục 6 **THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU ĐỂ GIA CÔNG; HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU**	**Mục 6 THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU ĐỂ GIA CÔNG; HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU**	
Điều 36. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để gia công; hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu 1. Trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư đầu tiên để thực hiện gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tổ chức, cá nhân thông báo cơ sở sản xuất cho cơ quan hải quan. 2. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu. 3. Địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và sản phẩm xuất khẩu phải nằm trong khu vực sản xuất của tổ chức, cá nhân; trường hợp lưu giữ ngoài khu vực sản xuất thì tổ chức, cá nhân phải có văn bản, gửi cơ quan hải quan xem xét, quyết định. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan, việc báo cáo quyết toán đối với nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị xuất khẩu, nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; kiểm tra cơ sở sản xuất, năng lực sản xuất, tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị.	**Điều 35. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chế xuất** 1. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chế xuất: a) Thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan: a.1) Đối với hoạt động sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư đầu tiên để sản xuất hàng hóa xuất khẩu; a.2) Đối với hoạt động gia công cho thương nhân nước ngoài phải thông báo cơ sở	**Ban GSQL (NV3)** Về cơ bản, các nội dung tại Điều này được kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, có bổ sung thêm một số nội dung như sau: *- Bổ sung quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu áp dụng cho cả DNCX để thống nhất chế độ quản lý của 03 loại hình này. Cụ thể:* "Điều 39. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, **chế xuất.**" - Sửa đổi, bổ sung Điều 39 dự thảo: + Gộp Điều 40 dự thảo (quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân), Điều 41 dự thảo (quy định trách nhiệm của cơ quan hải quan) vào Điều 39 thành 01 Điều chung quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu (giảm 02 Điều tại Nghị định). + Quy định cụ thể trường hợp thông báo cơ sở gia công, sản xuất đối với hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất: *a.1) Đối với hoạt động sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng*

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	gia công, sản xuất trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đầu tiên để gia công hàng hóa xuất khẩu; a.3) Đối với doanh nghiệp chế xuất phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan để áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan trước thời điểm chính thức đi vào hoạt động. Thời điểm chính thức đi vào hoạt động được xác định theo quy định tại Điều...Nghị định số .../2027/NĐ-CP; a.4) Tổ chức, cá nhân xuất khẩu lô hàng được sản xuất từ nguồn nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất kinh doanh có nhu cầu hoàn thuế đối với nguyên liệu, vật tư đã nộp thuế nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước thời điểm làm thủ tục hải quan xuất khẩu lô hàng đầu tiên. b) Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân gia công lại thì thông báo cơ sở gia công lại cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công lại thông qua Hệ	*nguyên liệu, vật tư đầu tiên để sản xuất hàng hóa xuất khẩu;* *a.2) Đối với hoạt động gia công cho thương nhân nước ngoài phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đầu tiên để gia công hàng hóa xuất khẩu;* *a.3) Đối với doanh nghiệp chế xuất phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan để áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan trước thời điểm chính thức đi vào hoạt động. Thời điểm chính thức đi vào hoạt động được xác định theo quy định tại Điều...Nghị định số .../2027/NĐ-CP.* + Bổ sung quy định về thông báo cơ sở gia công, sản xuất đối với trường hợp xuất khẩu lô hàng được sản xuất từ nguồn nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất kinh doanh nếu có nhu cầu hoàn thuế đối với nguyên liệu, vật tư đã nộp thuế nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước thời điểm làm thủ tục hải quan xuất khẩu lô hàng đầu tiên để phù hợp với điều kiện hoàn thuế quy định tại pháp luật về thuế. + Bổ sung quy định về thời hạn thông báo cơ sở gia công lại đối với trường hợp gia công lại: *"b) Trường hợp thuê tổ chức, cá nhân gia công lại thì thông báo cơ sở gia công lại cho cơ quan hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, bán thành phẩm, sản phẩm đến nơi nhận gia công lại."* + Bổ sung quy định về thông báo địa điểm

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, bán thành phẩm, sản phẩm đến nơi nhận gia công lại; c) Trường hợp lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất thì thông báo địa điểm lưu giữ cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn nơi có địa điểm lưu giữ thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa hàng hóa đến địa điểm lưu giữ; d) Trường hợp thay đổi nội dung thông báo cơ sở gia công, sản xuất thì thông báo cho cơ quan hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo thời hạn sau: d.1) Trường hợp thay đổi diện tích sử dụng, địa chỉ; thay đổi số lượng máy móc, thiết bị, nhân công vượt quá 10% so với lần thông báo gần nhất; thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi ngành hàng sản xuất thì thông báo trước khi thực hiện thủ tục hải quan cho lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu tiếp theo; d.2) Trường hợp thay đổi nội dung khác	lưu giữ cho cơ quan hải quan quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Hải quan; theo đó, tổ chức, cá nhân thông báo cho cơ quan hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa hàng hóa đến địa điểm lưu giữ. Hệ thống tự động tiếp nhận phản hồi cho tổ chức, cá nhân biết; cơ quan hải quan không kiểm tra địa điểm lưu giữ bên ngoài tại thời điểm này mà thực hiện kiểm tra cùng với thời điểm kiểm tra cơ sở sản xuất nếu thuộc đối tượng phải kiểm tra theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. + Bổ sung nội dung thông báo, kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất về trách nhiệm của DN và cơ quan hải quan. Theo đó, DNCX tự đối chiếu với quy chuẩn về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan để tự thông báo đã đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với DNCX một lần cùng với kiểm tra cơ sở sản xuất trước khi chính thức đi vào hoạt động. Về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với DNCX được quy định cụ thể tại dự thảo Thông tư, gồm 03 điều kiện (1) có cơ sở sản xuất, (2) có tường rào và (3) có hệ thống camera quan sát tại cổng/cửa ra, vào hàng hóa. Như vậy, DNCX sẽ chỉ phải thông báo và kiểm tra một lần CSSX, điều kiện kiểm tra giám sát hải quan tương tự như doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu. ÷ Bổ sung, làm rõ thông báo cơ sở gia công, sản xuất dẫn đến thay đổi quy mô sản xuất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	ngoài các nội dung quy định tại điểm d.1 khoản này thì thông báo chậm nhất vào ngày thứ 10 của tháng đầu tiên của quý kế tiếp kể từ ngày phát sinh thay đổi. đ) Báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của định mức thực tế sản xuất sản phẩm xuất khẩu, số liệu báo cáo quyết toán và việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; e) Lưu giữ và cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhà xưởng, máy móc, thiết bị; giải trình các số liệu, quy trình sản xuất liên quan đến việc quản lý, sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, máy móc, thiết bị khi cơ quan hải quan kiểm tra. 2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan: a) Tiếp nhận thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều này;	08/2015/NĐ-CP (tại Điều 39 dự thảo Nghị định) về trường hợp thay đổi nội dung "quy mô sản xuất" để lượng hóa các tiêu chí thay đổi dẫn đến thay đổi quy mô sản xuất, tránh cách hiểu không thống nhất hoặc khó thực hiện trong thực tiễn. Theo đó, bổ sung quy định thay đổi số lượng máy móc, thiết bị vượt quá 10% so với lần thông báo gần nhất tổ chức, cá nhân mới phải thông báo cho cơ quan hải quan. Cụ thể: *"d.1)Trường hợp thay đổi diện tích sử dụng, địa chỉ; thay đổi số lượng máy móc, thiết bị, nhân công vượt quá 10% so với lần thông báo gần nhất; thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi ngành hàng sản xuất thì thông báo trước khi thực hiện thủ tục hải quan cho lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu tiếp theo."* - Đồng thời bổ sung quy định giao Bộ trưởng BTC quy định chi tiết Điều này.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	b) Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất theo quy định tại Điều 36 Nghị định này; c) Kiểm tra việc sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu đối với các trường hợp phải kiểm tra theo quy định tại Điều 38 Nghị định này; d) Tiếp nhận, kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu do tổ chức, cá nhân thông báo theo quy định tại Điều 37 Nghị định này. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; thủ tục thông báo quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này; điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất để áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	quan.	
Điều 37. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu *1. Thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu* *a) Trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đầu tiên để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tổ chức, cá nhân thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành cho cơ quan hải quan quản lý địa bàn nơi có cơ sở sản xuất thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;* *b) Trường hợp thay đổi nội dung thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu dẫn đến thay đổi mặt bằng, địa chỉ, quy mô sản xuất, người đại diện theo pháp luật của thương nhân, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đưa đi gia công lại, thay đổi nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu thì phải thông báo với cơ quan hải quan trước khi nhập khẩu, đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, bán thành phẩm, sản phẩm đến nơi nhận gia công lại, địa điểm lưu giữ mới. Trường hợp có sự thay đổi ngoài các nội dung nêu trên thì phải thông báo cho cơ quan hải quan chậm nhất vào ngày thứ mười tháng đầu tiên của quý kế tiếp kể từ ngày phát sinh thay đổi.* 2. Lưu giữ hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia		**Ban GSQL (NV3)** Bỏ điều 37, 38 do đã gộp chung vào Điều 39 dự thảo

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
công, định mức sử dụng nguyên liệu, vật tư cho từng mã sản phẩm, sơ đồ thiết kế mẫu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất, sơ đồ giác mẫu (nếu có) tại tổ chức, cá nhân và xuất trình khi cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật. 3. Báo cáo quyết toán nhập - xuất - tồn về tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, hàng hóa xuất khẩu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của định mức thực tế sản xuất sản phẩm xuất khẩu, số liệu báo cáo quyết toán và tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu. 4. Cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, nhà xưởng, máy móc, thiết bị; giải trình các số liệu, quy trình sản xuất liên quan đến việc sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị khi cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật.		
Điều 38. Trách nhiệm của cơ quan hải quan 1. Tiếp nhận văn bản thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu do tổ chức, cá nhân nộp. 2. Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, năng lực gia công, sản xuất, kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu đối với các trường hợp phải kiểm tra theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 Nghị định này. 3. Tiếp nhận báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị,		**Ban GSQL (NV3)** Bỏ điều 37, 38 do đã gộp chung vào Điều 39 dự thảo

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hàng hóa xuất khẩu do tổ chức, cá nhân nộp; xử lý các vấn đề liên quan đến thuế đối với loại hình nhập nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu. 4. Căn cứ kết quả xử lý thông tin hải quan và tiêu chí quản lý rủi ro, cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ báo cáo quyết toán; đối với tổ chức, cá nhân có thông tin nghi vấn có dấu hiệu gian lận thương mại thì cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan và xử lý theo quy định. 5. Thực hiện ấn định thuế, xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, về thuế theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.		
Điều 39. Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu *1. Các trường hợp kiểm tra:* *a) Tổ chức, cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu;* *b) Khi phát hiện có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân thay đổi thông tin về địa chỉ, ngành hàng, quy mô, năng lực sản xuất nhưng không thông báo với cơ quan hải quan;* *c) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công cho thương nhân nước ngoài nhưng thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công lại toàn bộ hợp đồng gia công;* *d) Khi phát hiện dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân lưu giữ nguyên liệu vật tư, linh kiện nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu ngoài các địa điểm đã thông báo với cơ quan hải quan;*	**Điều 36. Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất để áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan** 1. Các trường hợp kiểm tra: a) Tổ chức, cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, bao gồm trường hợp kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất để áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan; b) Tổ chức, cá nhân có hoạt động xuất khẩu hàng hóa được sản xuất từ nguồn nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất kinh doanh, trừ trường hợp đã được cơ quan hải quan kiểm tra; c) Tổ chức, cá nhân có dấu hiệu thay đổi ngành hàng, quy mô, năng lực gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không thông báo với cơ quan hải quan; d) Tổ chức, cá nhân có thay đổi địa chỉ, bổ sung cơ	**Ban GSQL (NV3)** Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Bổ sung một số nội dung sau: - Bổ sung quy định cụ thể trường hợp thông báo cơ sở gia công, sản xuất đối với hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất tại khoản 1 Điều 35 dự thảo. - Bổ sung quy định về thông báo cơ sở gia công, sản xuất, kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất kinh doanh sau đó tìm được thị trường xuất khẩu thì phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất trước thời điểm làm thủ tục hải quan xuất khẩu lô hàng đầu tiên để phù hợp với điều kiện hoàn thuế quy định tại pháp luật về thuế tại điểm a.4 khoản 1 Điều 35 dự thảo và thuộc đối tượng kiểm tra **cơ sở sản xuất** tại điểm b khoản 1 Điều 36 dự thảo.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
đ) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. *2. Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu quyết định việc kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu.* *Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân nhận được quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc.* *3. Nội dung kiểm tra:* *a) Kiểm tra địa chỉ cơ sở gia công, sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu;* *b) Kiểm tra ngành nghề đầu tư kinh doanh;* *c) Kiểm tra nhà xưởng, máy móc, thiết bị;* *d) Kiểm tra tình trạng nhân lực tham gia dây chuyền sản xuất;* *đ) Kiểm tra quy trình, năng lực, quy mô sản xuất, gia công;* *e) Kiểm tra việc lưu giữ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu tại các địa điểm đã thông báo và kiểm tra việc theo dõi nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị thông qua sổ kế toán theo dõi kho hoặc phần mềm quản lý hàng hóa nhập, xuất, tồn kho lượng nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị.* *4. Xử lý kết quả kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu:*	sở gia công, sản xuất; đ) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công cho thương nhân nước ngoài, nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện gia công lại toàn bộ hợp đồng gia công; toàn bộ hợp đồng sản xuất hàng hóa xuất khẩu; e) Tổ chức, cá nhân có dấu hiệu lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu và sản phẩm xuất khẩu ngoài các địa điểm đã thông báo với cơ quan hải quan; g) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. 2. Nội dung kiểm tra: a) Kiểm tra địa chỉ cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu; b) Kiểm tra ngành nghề đầu tư kinh doanh; c) Kiểm tra nhà xưởng, máy móc, thiết bị; d) Kiểm tra nhân lực tham gia dây chuyền sản xuất; đ) Kiểm tra quy trình, năng lực, quy mô sản xuất, gia công; e) Kiểm tra việc lưu giữ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu tại các địa điểm đã thông báo và kiểm tra việc theo dõi nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị thông qua sổ kế toán theo dõi kho hoặc phần mềm quản lý hàng hóa nhập, xuất, tồn kho nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu, máy móc, thiết bị; g) Kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất. 3. Thẩm quyền quyết định kiểm tra: Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ.	- Bổ sung quy định về thời hạn thông báo cơ sở gia công lại đối với trường hợp gia công lại tại điểm b khoản 1 Điều 35 dự thảo. - Bổ sung quy định về thông báo địa điểm lưu giữ bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất cho cơ quan hải quan theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Hải quan; theo đó, tổ chức, cá nhân thông báo cho cơ quan hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa hàng hóa đến địa điểm lưu giữ **theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định này**. Hệ thống tự động tiếp nhận, phản hồi; cơ quan hải quan không kiểm tra địa điểm lưu giữ bên ngoài **cơ sở sản xuất** tại thời điểm tiếp nhận thông báo mà thực hiện kiểm tra cùng với thời điểm kiểm tra cơ sơ sản xuất nếu thuộc đối tượng phải kiểm tra theo quy định tại khoản 1 **Điều 36** Nghị định này. - Bổ sung nội dung thông báo, kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất tại điểm a3 khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 35 dự thảo. Theo đó, DNCX tự đối chiếu với quy chuẩn về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan để tự thông báo đã đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với DNCX một lần cùng với kiểm tra cơ sở sản xuất trước khi chính thức đi vào hoạt động. Về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với DNCX được quy định cụ thể tại dự thảo Thông tư, gồm 03 điều kiện (1) có cơ sở sản xuất, (2) có tường rào và (3) có hệ thống camera quan sát tại cổng/cửa ra, vào của hàng hóa. Như vậy, DNCX sẽ chỉ phải thông báo và

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
a) Trường hợp cơ sở sản xuất đủ điều kiện để thực hiện hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu thì được hưởng ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có) kể từ thời điểm tổ chức, cá nhân thông báo cơ sở sản xuất cho cơ quan hải quan; *b) Trường hợp không có cơ sở gia công, sản xuất hoặc có cơ sở gia công, sản xuất nhưng không đúng với nội dung đã thông báo, không phù hợp để thực hiện gia công, sản xuất xuất khẩu thì tổ chức, cá nhân phải nộp đủ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (nếu có), tiền chậm nộp kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu đến ngày thực nộp thuế và bị xử lý vi phạm theo quy định đối với số lượng nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu không được ưu đãi thuế theo quy định;* *c) Trường hợp có căn cứ xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị vượt quá năng lực sản xuất hoặc thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật mà tổ chức, cá nhân không xuất trình được giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc nhập khẩu nguyên liệu vật tư, máy móc, thiết bị không phù hợp với ngành nghề sản xuất đã thông báo với cơ quan hải quan thì cho phép tổ chức, cá nhân được giải trình, chứng minh; trường hợp tổ chức, cá nhân không giải trình hoặc giải trình, chứng minh không hợp lý thì xử lý theo quy định.*	4. Thời hạn kiểm tra: a) Quyết định kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định kiểm tra; b) Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc. 5. Xử lý kết quả kiểm tra: a) Trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp với nội dung tổ chức, cá nhân đã thông báo, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ ban hành kết luận kiểm tra xác nhận cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ phù hợp. Đối với doanh nghiệp chế xuất, kết luận kiểm tra đồng thời xác nhận doanh nghiệp đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan; b) Trường hợp kết quả kiểm tra không phù hợp với nội dung tổ chức, cá nhân đã thông báo hoặc doanh nghiệp chế xuất không đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ ban hành kết luận kiểm tra nêu rõ nội dung không phù hợp, điều kiện chưa đáp ứng; c) Kết luận kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám	kiểm tra một lần CSSX, điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan tương tự như doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu. Việc bổ sung quy định này không làm phát sinh thủ tục hành chính, DNCX thực hiện thông báo cơ sở sản xuất, điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan một lần, trong cùng 01 biểu mẫu điện tử và cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra một lần tại DNCX đối với 02 nội dung này đối với trường hợp phải kiểm tra. - Bổ sung, làm rõ thông báo cơ sở gia công, sản xuất dẫn đến thay đổi quy mô sản xuất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP về trường hợp thay đổi nội dung "quy mô sản xuất" để lượng hóa các tiêu chí thay đổi dẫn đến thay đổi quy mô sản xuất, tránh cách hiểu không thống nhất hoặc khó thực hiện trong thực tiễn. Theo đó, bổ sung quy định thay đổi số lượng máy móc, thiết bị vượt quá 10% so với lần thông báo gần nhất tổ chức, cá nhân mới phải thông báo cho cơ quan hải quan tại điểm d.1 khoản 1 Điều 35 dự thảo. + Bổ sung làm rõ thời hạn kiểm tra tại khoản 4: *"4. Thời hạn kiểm tra* *a) Quyết định kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định kiểm tra.* *b) Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc."*

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất.	- Phần xử lý kết quả kiểm tra tại khoản 5 bổ sung nội dung: ***Đối với doanh nghiệp chế xuất, kết luận kiểm tra đồng thời xác nhận doanh nghiệp đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan*** để phù hợp với quy định tại Nghị định thay thế Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2021/NĐ-CP. - Đồng thời bổ sung quy định giao Bộ trưởng BTC quy định chi tiết Điều này.
Điều 41. Chế độ báo cáo quyết toán; kiểm tra báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị 1. Nguyên tắc báo cáo quyết toán Tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị theo hình thức nhập - xuất - tồn. 2. Xử lý báo cáo quyết toán a) Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro; b) Căn cứ kết quả kiểm tra báo cáo quyết toán, cơ quan hải quan xử lý các vấn đề liên quan đến thuế đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thủ tục, thời điểm báo cáo quyết toán, việc kiểm tra báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu.	**Điều 37. Kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu** 1. Nguyên tắc, các trường hợp kiểm tra báo cáo quyết toán: a) Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận báo cáo quyết toán thực hiện việc phân tích, đánh giá, đối chiếu báo cáo quyết toán do tổ chức, cá nhân thông báo với cơ sở dữ liệu và thông tin thu thập hiện có để xác định báo cáo quyết toán thuộc trường hợp phải kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan; b) Các trường hợp phải kiểm tra báo cáo quyết toán tại trụ sở người khai hải quan: b.1) Số liệu báo cáo quyết toán của tổ chức, cá nhân có sự chênh lệch bất thường so với hồ sơ, dữ liệu trên Hệ thống của cơ quan hải quan; b.2) Báo cáo quyết toán có dấu hiệu điều chỉnh bất thường làm thay đổi số lượng tồn kho, nguyên liệu, vật tư đã sử dụng, sản phẩm xuất khẩu hoặc nghĩa vụ thuế sau khi đã thông báo cho cơ quan hải quan; b.3) Tổ chức, cá nhân chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp không hưởng chế độ chế xuất hoặc doanh nghiệp gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu chuyển đổi thành doanh nghiệp chế xuất;	**Ban GSQL (NV3)** Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. + Bổ sung cụ thể các trường hợp phải kiểm tra báo cáo quyết toán tại tại trụ sở người khai hải quan tại điểm b khoản 1 Điều 37 dự thảo: *a) Số liệu báo cáo quyết toán của tổ chức, cá nhân có sự chênh lệch bất thường so với hồ sơ, dữ liệu trên Hệ thống của cơ quan hải quan;* *b) Báo cáo quyết toán có dấu hiệu điều chỉnh bất thường làm thay đổi số lượng tồn kho, nguyên liệu, vật tư đã sử dụng, sản phẩm xuất khẩu hoặc nghĩa vụ thuế sau khi đã thông báo cho cơ quan hải quan;* *c) Tổ chức, cá nhân chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp không hưởng chế độ chế xuất hoặc doanh nghiệp gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu chuyển đổi thành doanh nghiệp chế xuất;* *d) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.* + Bổ sung quy định kiểm tra, đối chiếu số

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	b.4) Các trường hợp khác kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. 2. Nội dung kiểm tra: a) Kiểm tra hồ sơ hải quan nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, xuất khẩu sản phẩm; b) Kiểm tra chứng từ, sổ kế toán, chứng từ theo dõi nguyên liệu, vật tư, sản phẩm nhập kho, xuất kho; c) Kiểm tra các chứng từ khác phát sinh trong kỳ báo cáo người khai hải quan phải lưu theo quy định. 3. Thẩm quyền quyết định kiểm tra: Trưởng Hải quan khu vực nơi tiếp nhận báo cáo quyết toán hoặc người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền. 4. Thời gian kiểm tra: a) Quyết định kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định kiểm tra; b) Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc. Đối với trường hợp phức tạp, Trưởng Hải quan khu vực hoặc người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra. 5. Xử lý kết quả kiểm tra: a) Trường hợp qua kiểm tra phát hiện có sự chênh lệch số liệu, không phù hợp nội dung giữa hồ sơ, dữ liệu, chứng từ có trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan với số liệu, dữ liệu, nội dung trên hồ sơ, chứng từ theo dõi quy định tại khoản 2 Điều này thì yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình bằng văn bản. Trường hợp tổ chức, cá nhân không có giải trình hoặc cơ quan hải quan không chấp nhận giải trình và có	liệu, dữ liệu báo cáo quyết toán được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan thông qua hồ sơ hải quan, thông tin hiện có để tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trường hợp qua kiểm tra, đối chiếu số liệu, dữ liệu báo cáo quyết toán tại trụ sở cơ quan hải quan phát hiện có dấu hiệu vi phạm, cần thiết phải kiểm tra sau để đánh giá, xác định thì cơ quan hải quan mới thực hiện kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan tại điểm a khoản 1 Điều 37 dự thảo. + *Bổ sung quy định giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính tại khoản 6, cụ thể: "6.* Bộ trưởng Bộ Tài chính ***quy định chi tiết thủ tục tiếp nhận,*** kiểm tra báo cáo quyết toán ***việc quản lý,*** sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu" để có cơ sở hướng dẫn tại Thông tư

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	đủ căn cứ để chứng minh tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, về thuế, cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra báo cáo quyết toán để xử lý theo quy định; b) Trường hợp kiểm tra các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này mà cơ quan hải quan phát hiện có dấu hiệu vi phạm nhưng chưa đủ cơ sở để kết luận thì thực hiện kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại Điều 38 Nghị định này hoặc kiểm tra sau thông quan và xử lý theo quy định. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục tiếp nhận, kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu.	
Điều 40. Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, thiết bị *1. Các trường hợp kiểm tra:* *a) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ sản xuất, kinh doanh nhưng không có sản phẩm xuất khẩu;* *b) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc xuất khẩu sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất;* *c) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân bán nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm vào nội địa nhưng không khai hải quan;* *d) Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kê khai sản phẩm xuất khẩu không đúng quy định và không đúng thực tế;* *đ) Kiểm tra trên cơ sở quản lý rủi ro đối với*	**Điều 38. Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu** 1. Các trường hợp kiểm tra: a) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ sản xuất, nhưng không có sản phẩm xuất khẩu; b) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc xuất khẩu sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất; c) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân bán nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm vào nội địa nhưng không khai hải quan; d) Khi phát hiện tổ chức, cá nhân kê khai sản phẩm xuất khẩu không đúng quy định và không đúng thực tế; đ) Kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc diện phải thông	**Ban GSQL (NV3)** Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, sửa đổi một số nội dung sau: - Bổ sung trường hợp thuộc đối tượng phải kiểm tra *tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu* ngay mà không cho phép doanh nghiệp giải trình, chứng minh đối với (1) *Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ sản xuất, kinh doanh nhưng không có sản phẩm xuất khẩu; (2) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc xuất khẩu sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất* tại điểm d khoản 1 Điều 38 dự thảo.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
các trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc diện phải thông báo ngay thông tin thay đổi về mặt bằng, địa chỉ, quy mô sản xuất, người đại diện theo pháp luật của thương nhân, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đưa đi gia công lại, thay đổi nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định này. *Đối với các trường hợp nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, tổ chức cá nhân có văn bản giải trình theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Việc kiểm tra chỉ được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân không có giải trình hoặc cơ quan hải quan có căn cứ giải trình của tổ chức, cá nhân là không hợp lý.* 2. *Đội trưởng Hải quan* thực hiện kiểm tra theo quyết định của *Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực.* Việc kiểm tra được thực hiện không quá 05 ngày làm việc tại cơ sở sản xuất, trụ sở của tổ chức, cá nhân. Đối với trường hợp phức tạp, *Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực* ban hành quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc. 3. Nội dung kiểm tra: a) Kiểm tra hồ sơ hải quan, báo cáo nhập - xuất - tồn, chứng từ theo dõi nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập kho, xuất kho; b) Kiểm tra định mức thực tế sản phẩm xuất khẩu; c) Kiểm tra tính phù hợp của nguyên liệu, vật tư với sản phẩm xuất khẩu; d) Kiểm tra nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị trên dây chuyền sản xuất;	báo thay đổi quy định tại điểm d.1 khoản 1 Điều 35 Nghị định này. 2. Nội dung kiểm tra: a) Kiểm tra hồ sơ hải quan, báo cáo nhập - xuất - tồn, chứng từ theo dõi nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập kho, xuất kho; b) Kiểm tra định mức thực tế sản phẩm xuất khẩu; c) Kiểm tra tính phù hợp của nguyên liệu, vật tư với sản phẩm xuất khẩu; d) Kiểm tra nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị trên dây chuyền sản xuất; đ) Kiểm tra số lượng hàng hóa nguyên liệu, vật tư còn tồn trong kho, đang đưa đi gia công lại; e) Kiểm tra số lượng thành phẩm chưa xuất khẩu. 3. Thẩm quyền quyết định kiểm tra: Trưởng Hải quan khu vực quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công, sản xuất của tổ chức, cá nhân hoặc người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền. 4. Thời hạn kiểm tra: a) Quyết định kiểm tra được gửi cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định kiểm tra; b) Việc kiểm tra được thực hiện chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được công bố quyết định kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 05 ngày làm việc. Đối với trường hợp phức tạp, Trưởng Hải quan khu vực hoặc người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra. 5. Kết luận kiểm tra: Chậm nhất trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng Hải quan khu vực hoặc	Nội dung này được tiếp thu theo ý kiến tham gia của Bộ Công an, theo đó, Bộ Công an đề nghị kiểm tra ngay, mà không quy định cho phép tổ chức, cá nhân có văn bản giải trình đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 41 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP (điểm đ khoản 1 Điều 44 dự thảo), trường hợp tổ chức, cá nhân không có giải trình hoặc cơ quan hải quan có căn cứ xác định giải trình của tổ chức, cá nhân là không hợp lý thì mới thực hiện kiểm tra CSSX. - Bổ sung khoản 6: *Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này* để có cơ sở hướng dẫn tại Thông tư

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
đ) Kiểm tra số lượng hàng hóa còn tồn trong kho; e) Kiểm tra số lượng thành phẩm chưa xuất khẩu. 4. Xử lý kết quả kiểm tra Trường hợp qua kiểm tra phát hiện hàng hóa còn tồn, đang lưu giữ tại kho của tổ chức, cá nhân không đúng với số lượng trên hồ sơ, chứng từ, báo cáo quyết toán thì yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình bằng văn bản. Trường hợp cơ quan hải quan không chấp nhận giải trình và có đủ căn cứ để chứng minh tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, về thuế, cơ quan hải quan quyết định việc ấn định thuế, xử lý vi phạm theo quy định.	người được Trưởng Hải quan khu vực ủy quyền ban hành kết luận các nội dung được kiểm tra. Trường hợp lấy ý kiến cơ quan chuyên môn, thời gian ban hành kết luận kiểm tra chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	
	Điều 39. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất 1. Doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa được lựa chọn làm hoặc không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa thuộc các trường hợp sau: a) Hàng hóa đưa từ nội địa vào doanh nghiệp chế xuất để xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp và bảo trì công trình; b) Hàng hóa là năng lượng, nhiên liệu, nước, do doanh nghiệp nội địa cung ứng cho doanh nghiệp chế xuất; c) Văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng hóa đưa từ nội địa để phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của người lao động làm việc trong doanh nghiệp chế xuất, không trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh; d) Hàng hóa luân chuyển giữa các cơ sở gia công, sản xuất, chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất, kho thuê	**Ban GSQL (NV3)** Bổ sung Điều 39 quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra DNCX để xử lý các vướng mắc khi thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế. Cụ thể: - Quy định các trường hợp doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa được lựa chọn làm hoặc không làm thủ tục hải quan; Trường hợp lựa chọn không làm thủ tục hải quan đối với (1) Hàng hóa đưa từ nội địa vào doanh nghiệp chế xuất để xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp và bảo trì công trình, (2) Hàng hóa luân chuyển giữa các cơ sở gia công, sản xuất, chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất, kho thuê ngoài; (3) Hàng hóa đưa ra, đưa vào doanh nghiệp chế xuất để thực hiện dịch vụ bảo hành, sửa chữa, giặt là, kiểm định, kiểm

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	ngoài; d) Hàng hóa đưa ra, đưa vào doanh nghiệp chế xuất để thực hiện dịch vụ bảo hành, sửa chữa, giặt là, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc các dịch vụ tương tự sau đó đưa trở lại doanh nghiệp chế xuất mà không làm thay đổi mã số, tính năng, công dụng của hàng hóa ban đầu; e) Hàng hóa là phương tiện quay vòng được sử dụng nhiều lần để chứa hoặc đóng gói hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất lựa chọn không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản này thì phải thông báo thông tin vận chuyển hàng hóa cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ có hàng hóa vận chuyển đi thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Không áp dụng quy định tại khoản này đối với hàng hóa là sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài, sản xuất hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp nội địa bán cho doanh nghiệp chế xuất. 2. Các trường hợp không phải làm thủ tục hải quan: a) Hàng hóa doanh nghiệp chế xuất nhập khẩu từ nước ngoài đã nộp đầy đủ các loại thuế và đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu theo quy định như hàng hóa nhập khẩu không hưởng chế độ, chính sách áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất khi trao đổi, mua bán hàng hóa này với doanh nghiệp nội địa; b) Hàng hóa doanh nghiệp chế xuất mua từ nội địa và đã nộp đầy đủ các loại thuế theo quy định như doanh nghiệp không hưởng chế độ, chính sách áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất, trừ nguyên liệu sản xuất có thuế xuất khẩu cấu thành trong sản phẩm xuất khẩu; c) Hàng hóa doanh nghiệp chế xuất đã hoàn thành	nghiệm hoặc các dịch vụ tương tự sau đó đưa trở lại doanh nghiệp chế xuất mà không làm thay đổi mã số, tính năng, công dụng của hàng hóa ban đầu, doanh nghiệp chế xuất phải thông báo thông tin trước khi vận chuyển hàng hóa cho Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu quản lý địa bàn nơi có cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ có hàng hóa vận chuyển đi thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Quy định này có thể phát sinh thủ tục hành chính cho DNCX, tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu giám sát hải quan quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Hải quan (hàng hóa gia công, sản xuất xuất khẩu phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi nhập khẩu, trong quá trình sản xuất ra sản phẩm cho đến khi sản phẩm được xuất khẩu hoặc thay đổi mục đích sử dụng) thì khi DNCX lựa chọn không làm thủ tục hải quan thì phải thông báo một số thông tin về hàng hóa cho cơ quan hải quan và chỉ thực hiện thông báo khi có hệ thống hỗ trợ để cơ quan hải quan có thông tin phân tích, đánh giá phục vụ mục đích quản lý. - Quy định các trường hợp DNCX đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hoá và chính sách thuế khi mua hàng hoá từ nước ngoài hoặc nội địa thì không phải làm thủ tục hải quan để thống nhất với Nghị định số 181/2025/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn thi hành về thuế GTGT; - Quy định thủ tục thanh lý hàng hóa của DNCX. Nội dung quy định này được chuyển hoá từ khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP và trên cơ sở các ý kiến phản ánh vướng mắc

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	thủ tục thay đổi mục đích sử dụng, nộp đầy đủ các loại thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu theo quy định, sau đó bán cho doanh nghiệp nội địa. 3. Thanh lý hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất: a) Hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất được thanh lý theo các hình thức sau: a.1) Xuất khẩu; a.2) Bán vào nội địa; a.3) Thay đổi mục đích sử dụng; a.4) Tiêu hủy. b) Trường hợp thanh lý theo hình thức thay đổi mục đích sử dụng thì thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định này; c) Trường hợp thanh lý theo hình thức bán vào nội địa thì chính sách quản lý chuyên ngành áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định này; 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	của DNCX, khi quy định nội dung này tại dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính kiến nghị bãi bỏ khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP tại khoản 5 Điều 88 về hiệu lực thi hành của Nghị định này để thống nhất thực hiện theo pháp luật hải quan. - Đồng thời giao Bộ trưởng BTC quy định chi tiết Điều này.
Mục 7. THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA TRUNG CHUYỂN, QUÁ CẢNH, HÀNG HÓA ĐƯA VÀO, ĐƯA RA KHU PHI THUẾ QUAN	Mục 7. **THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN CHỊU SỰ GIÁM SÁT HẢI QUAN**	
Điều 42. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra khu phi thuế quan 1. Hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu phi thuế quan, hàng hóa đưa từ khu phi thuế quan ra nước ngoài phải khai hải quan. 2. Hàng hóa từ khu phi thuế quan đưa vào nội địa phải làm thủ tục như đối với hàng hóa nhập khẩu. 3. Hàng hóa từ nội địa đưa vào khu phi thuế quan phải làm thủ tục như đối với hàng hóa xuất	Bãi bỏ	**Ban GSQL (NV3)** Nội dung này được đưa vào quy định tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Phát triển đô thị

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
khẩu. 4. Hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác thực hiện thủ tục hải quan như hàng vận chuyển chịu sự giám sát hải quan. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra khu phi thuế quan.		
	Điều 40. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan 1. Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Hải quan phải làm thủ tục hải quan theo hình thức vận chuyển độc lập hoặc theo hình thức vận chuyển kết hợp, chịu sự giám sát hải quan trong quá trình vận chuyển. 2. Người khai hải quan chịu trách nhiệm sử dụng phương tiện vận chuyển hàng hóa đảm bảo điều kiện niêm phong hải quan và bảo quản nguyên trạng niêm phong của hãng vận chuyển (nếu có), niêm phong hải quan (nếu có), vận chuyển hàng hóa đúng tuyến đường, thời gian đã đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được thì người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa trong quá trình vận chuyển. 3. Người khai hải quan được thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều 64 Luật Hải quan tại địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan; kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ và các địa điểm khác theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan. Người khai hải quan thông báo cho cơ quan hải quan nơi quản lý kho, bãi, địa điểm chậm nhất 02 giờ trước khi thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 64 Luật Hải quan. Cơ quan hải quan có trách	**Ban GSQL (NV4)** Đề xuất bổ sung 01 Điều về "*Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan*" để hướng dẫn nội dung khoản 1 "Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan" Điều 64 Luật Hải quan và quy định chi tiết nội dung khoản 5 Điều 64 về việc giao Chính phủ quy định chi tiết điều này gồm hàng hóa quá cảnh, trung chuyển, chuyển cửa khẩu và hướng dẫn nguyên tắc kiểm tra, giám sát hải quan đối với các trường này để đảm bảo thống nhất thực hiện.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	nhiệm trả lời trong thời hạn 02 giờ kể từ khi nhận được thông báo của người khai hải quan. Người khai hải quan chỉ được thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 64 Luật Hải quan sau khi nhận được sự đồng ý của cơ quan hải quan. 4. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.	
Điều 43. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh *1. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thực hiện tại trụ sở hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên và cửa khẩu xuất cuối cùng* *a) Cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau:* *a.1) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không là cảng đích ghi trên vận đơn.* *Trường hợp cảng đích ghi trên vận đơn không phải là cảng biển, cảng hàng không thì cửa khẩu nhập đầu tiên là cảng dỡ hàng khi tàu biển, tàu bay nhập cảnh vào Việt Nam;* *a.2) Đối với phương thức vận tải đường sắt là ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới;* *a.3) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa là cửa khẩu quốc tế nơi hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam;* *a.4) Đối với hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh, cửa khẩu nhập khẩu đầu tiên là địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát*	**Điều 41. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam** 1. Người thực hiện dịch vụ quá cảnh phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương. 2. Hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập và chịu sự giám sát hải quan trong suốt quá trình vận chuyển đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. 3. Thời gian hàng hóa quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương. 4. Hàng hóa quá cảnh được đóng ghép với hàng hóa xuất khẩu nếu đáp ứng các điều kiện sau: a) Hàng hóa quá cảnh và hàng hóa xuất khẩu phải được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì) và có đánh dấu để nhận biết; b) Hàng hóa quá cảnh phải không thuộc danh mục hàng hóa có độ nguy hiểm cao do Chính phủ quy định và không phải là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ,	**Ban GSQL (NV4)** 1. Sửa tên Điều 43 *"Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh"* thành *"Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh"* để nội dung Nghị định sẽ chỉ quy định nguyên tắc về "kiểm tra, giám sát hải quan" và nội dung chi tiết về "Thủ tục hải quan" sẽ được quy định tại Thông tư hướng dẫn. 2. Bỏ khoản 1 Điều 43,lý do: Quy định cụ thể khái niệm "Cửa khẩu nhập" tại khoản 6 Điều 3 để tránh trùng lắp về nội dung khái niệm. 3. Đề xuất bỏ khoản 2 "*Hồ sơ hải quan*", khoản 3 "*Trách nhiệm của người khai hải quan*" khoản 4 "*Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu nhập*" khoản 5 "*Trách nhiệm của Hải quan nơi quản lý địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải*" khoản 6 "*Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu xuất*" để đưa các nội dung này xuống Thông tư thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC và 121/2025/TT-BTC, đảm bảo các nội dung chi tiết sẽ được hướng dẫn

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
tập trung đối với hàng hóa bưu chính, chuyển phát nhanh. *b) Cửa khẩu xuất cuối cùng là cửa khẩu nơi phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa quá cảnh xuất cảnh.* *Hàng hóa quá cảnh theo các Hiệp định đa phương về quá cảnh hàng hóa được Việt Nam ký kết tham gia, thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.* *2. Hồ sơ hải quan:* *a) Tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai; Trường hợp tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai không thể khai thông tin chi tiết về hàng hóa thì người khai hải quan khai bảng kê chi tiết hàng hoá quá cảnh theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;* *b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;* *c) Giấy phép quá cảnh; giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.* *3. Trách nhiệm của người khai hải quan:* *a) Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này;* *b) Vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, cửa khẩu, thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Hải quan;* *c) Đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển.* *Trường hợp bất khả kháng mà không bảo đảm được nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển hoặc*	công cụ hỗ trợ; c) Việc đóng ghép phải thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ, kho ngoại quan hoặc địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh; d) Việc đóng ghép không làm thay đổi nhãn mác, ký mã hiệu, xuất xứ của hàng hóa quá cảnh và được thực hiện dưới sự giám sát của cơ quan hải quan. 5. Hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt, vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ và hàng hóa có độ nguy hiểm cao phải được giám sát bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật.	tại Thông tư và tránh trùng lắp các thủ tục đã được quy định với loại hình vận chuyển chịu sự giám sát hải quan (quá cảnh, trung chuyển, chuyển cửa khẩu). 4. Bổ sung quy định tại khoản 3: *"Thời gian hàng hóa quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương"* nhằm dẫn chiếu đến việc thực hiện quy định này tại Luật quản lý ngoại thương. *5. Bổ sung quy định tại khoản 4 về điều kiện đóng ghép hàng hóa quá cảnh với hàng hóa xuất khẩu "Việc đóng ghép không làm thay đổi nhãn mác, ký mã hiệu, xuất xứ của hàng hóa quá cảnh và được thực hiện dưới sự giám sát của cơ quan hải quan"*

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
không vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, thời gian thì người khai hải quan sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra phải thông báo ngay với cơ quan hải quan để xử lý; trường hợp không thể thông báo ngay với cơ quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp thông báo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển hoặc chính quyền địa phương để xử lý theo quy định của pháp luật; *d) Sử dụng phương tiện vận chuyển hàng hóa quá cảnh phải đáp ứng điều kiện giám sát hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Hải quan;* *đ) Trường hợp hàng hóa quá cảnh có thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu, người khai hải quan gửi văn bản đề nghị Hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.* *Việc chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải được thực hiện tại khu vực cửa khẩu, kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu được thành lập trong nội địa, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các địa điểm khác do Cục trưởng Cục Hải quan công nhận theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan;* *e) Hàng hóa quá cảnh đóng ghép với hàng hóa xuất khẩu phải đáp ứng các điều kiện sau:* *e.1) Hàng hóa quá cảnh và hàng hóa xuất khẩu phải được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng,*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
bao bì); *e.2) Hàng hóa quá cảnh phải không thuộc danh mục mặt hàng thuộc thẩm quyền cho phép quá cảnh của Thủ tướng Chính phủ;* *e.3) Việc đóng ghép phải thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ tại cửa khẩu xuất cuối cùng hoặc địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh.* *g) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế theo yêu cầu của cơ quan hải quan.* *4. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu nhập:* *a) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan quy định tại khoản 2 Điều này;* *b) Thực hiện giám sát hải quan theo quy định tại khoản 7 Điều này;* *c) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm;* *d).Theo dõi quá trình vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan;* *đ) Trường hợp chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu, cơ quan hải quan nơi tiếp nhận văn bản đề nghị kiểm tra nếu địa điểm đáp ứng điều kiện quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này và phù hợp với tuyến đường quá cảnh đã đăng ký với cơ quan hải quan thì lập biên bản bàn giao, gửi kèm văn bản đề nghị đã được phê duyệt cho Hải quan nơi thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu.* *5. Trách nhiệm của Hải quan nơi quản lý địa*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải: *a) Tiếp nhận lô hàng vận chuyển đến và kiểm tra, đối chiếu tình trạng niêm phong hoặc nguyên trạng hàng hóa với biên bản bàn giao;* *b) Giám sát hoạt động chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu;* *c) Niêm phong hải quan trong trường hợp có thay đổi niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển;* *d) Lập biên bản bàn giao cho Hải quan cửa khẩu xuất hoặc Hải quan nơi thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung với hàng xuất khẩu.* *6. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu xuất:* *a) Kiểm tra các thông tin về tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;* *b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hoặc nguyên trạng hàng hóa.* *Trường hợp hàng hóa quá cảnh vận chuyển bằng đường thủy nội địa ra nước ngoài, Hải quan cửa khẩu xuất căn cứ thông tin về lộ trình, thời gian vận chuyển, các cảnh báo (nếu có) để quyết định việc kiểm tra niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển;* *c) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm;* *d) Tiếp nhận văn bản đề nghị đóng chung với hàng xuất khẩu theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này;* *đ) Giám sát hàng hóa đến khi thực xuất*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
khẩu. *7. Giám sát hải quan:* *a) Hàng hóa quá cảnh phải được niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển hoặc giám sát bằng phương tiện kỹ thuật. Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được thì giao người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa;* *b) Hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật;* *c) Hàng hóa quá cảnh là vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và hàng hóa có độ nguy hiểm cao phải được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật hoặc được giám sát trực tiếp bằng công chức hải quan.*		
Điều 44. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển tại cảng biển *1. Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài vào các bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính bến cảng này hoặc đưa đến bến cảng khác trong cùng một cảng biển hoặc cảng biển khác để đưa ra nước ngoài. Hàng hóa trung chuyển được đưa toàn bộ ra nước ngoài một lần hoặc nhiều lần.* *2. Hoạt động trung chuyển hàng hóa quy định tại Điều này bao gồm việc xếp dỡ, thay container, vận chuyển, lưu giữ hàng hóa theo yêu cầu của người vận chuyển tại cửa khẩu*	**Điều 42. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển** 1. Hàng hóa trung chuyển bao gồm: a) Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài và dỡ xuống các bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính bến cảng này hoặc đưa đến bến cảng khác của Việt Nam để đưa ra nước ngoài; b) Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường hàng không từ nước ngoài và dỡ xuống các cảng hàng không Việt Nam, sau đó đưa ra nước ngoài từ chính cảng hàng không này hoặc đưa đến cảng hàng không khác của Việt Nam để đưa ra nước ngoài; c) Hàng hóa trung chuyển vận chuyển từ nước ngoài đưa vào Khu thương mại tự do để đưa ra nước	**Ban GSQL (NV4)** 1. Sửa tên Điều 44 *"Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển tại cảng biển"* thành *"Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển"* để nội dung Nghị định sẽ chỉ quy định nguyên tắc về "kiểm tra, giám sát hải quan" và nội dung chi tiết về "Thủ tục hải quan" sẽ được quy định tại Thông tư hướng dẫn. 2. Bổ sung quy định về các trường hợp trung chuyển hàng hóa, bao quát trường hợp trung chuyển hàng hóa qua đường hàng không, hàng hóa vận chuyển từ nước ngoài đưa vào Khu thương mại tự do. 3. Bổ sung quy định trường hợp hàng hóa

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
nhập hoặc cửa khẩu xuất. *Thời hạn lưu giữ hàng hóa trung chuyển không quá 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập.* *Trường hợp hàng hóa trung chuyển trong thời gian được lưu giữ tại cảng biển Việt Nam bị hư hỏng, tổn thất cần phải có thêm thời gian để khắc phục thì thời gian trung chuyển được gia hạn tương ứng với thời gian cần thiết để thực hiện các công việc đó và phải được cơ quan hải quan nơi làm thủ tục trung chuyển chấp thuận.* *3. Hàng hóa trung chuyển chịu sự giám sát hải quan từ khi đến cảng biển Việt Nam, trong suốt quá trình lưu giữ tại cảng và quá trình vận chuyển cho đến khi hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa trung chuyển chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.* *4. Trách nhiệm của người khai hải quan:* *a) Thực hiện khai tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này hoặc khai chứng từ thay thế tờ khai hải quan;* *b) Chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, nguyên niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển trong suốt quá trình vận chuyển, lưu giữ hàng hóa tại cảng;* *c) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan;* *d) Đưa toàn bộ hàng hóa trung chuyển ra nước ngoài trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.* *5. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu nhập:* *a) Tiếp nhận và xử lý tờ khai hải quan hoặc*	ngoài từ chính cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu khác của Việt Nam theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 259/2025/QH15. 2. Hoạt động trung chuyển hàng hóa quy định tại Điều này bao gồm việc xếp dỡ, thay container, vận chuyển, lưu giữ hàng hóa theo yêu cầu của người vận chuyển tại cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu xuất hoặc tại kho, bãi, địa điểm trong Khu thương mại tự do. 3. Thời hạn lưu giữ: a) Trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, thời hạn lưu giữ tối đa 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập và không quá 02 lần gia hạn cho mỗi lô hàng, thời hạn gia hạn mỗi lần không quá 30 ngày; b) Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, thời hạn lưu giữ tối đa 90 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập và không quá 02 lần gia hạn cho mỗi lô hàng, thời hạn gia hạn mỗi lần không quá 60 ngày; c) Trước khi hết thời hạn lưu giữ quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người khai hải quan có văn bản đề nghị gia hạn gửi Trưởng Hải quan cửa khẩu nhập để quyết định việc gia hạn. Trường hợp hàng hóa trung chuyển bị hư hỏng, tổn thất thì thời gian khắc phục không tính vào thời gian lưu giữ, gia hạn; d) Trưởng Hải quan cửa khẩu nhập trả lời trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn. Quá thời hạn lưu giữ, kể cả thời gian gia hạn, mà hàng hóa trung chuyển chưa được đưa ra nước ngoài thì xử lý như hàng hóa tồn đọng theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan. 4. Hàng hóa trung chuyển chịu sự giám sát hải quan từ khi đến cửa khẩu nhập cho đến khi đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Hàng hóa trung chuyển được đưa toàn	trung chuyển được vận chuyển từ nước ngoài vào các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do (TMTD) và từ Khu TMTD đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua các cửa khẩu khác (gồm cửa khẩu đường biển, cửa khẩu quốc tế đường bộ, đường hàng không, đường sắt, đường thủy nội địa) tại khoản 1 Điều 44 nhằm cụ thể hóa quy định "*Chính phủ quy định và hướng dẫn đối với việc lưu giữ hàng hoá trung chuyển... trong khu thương mại tự do và cửa khẩu đưa các hàng hóa này ra nước ngoài*" nêu tại Nghị quyết số 259/2025/QH15 và cụ thể hóa mục tiêu thúc đẩy Khu thương mại tự do trở thành mắt xích quan trọng trong mạng lưới chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực, tạo môi trường thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo công tác quản lý nhà nước về hải quan. 4. Bổ sung quy định về thời hạn lưu giữ hàng hóa trung chuyển, trong đó có quy định về thời hạn lưu giữ hàng hóa để đáp ứng quy định Nghị quyết số 259/2025/QH15 5. Bãi bỏ khoản 4 "Trách nhiệm của người khai hải quan", khoản 5 "Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu nhập" và khoản 6 "Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu xuất" và bổ sung 01 khoản "***Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này***" để có cơ sở pháp lý quy định các nội dung này tại Thông tư thay thế Thông tư 38 theo hướng gộp các loại hình có thủ tục giống nhau (quá cảnh, trung chuyển, chuyển cửa khẩu) sẽ thực hiện chung 01 thủ tục hàng hóa chịu sự giám sát hải quan nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
chứng từ thay thế tờ khai hải quan; *b) Thực hiện giám sát hàng hóa trung chuyển;* *c) Niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng trong trường hợp không còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển;* *d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm.* *6. Trách nhiệm của Hải quan cửa khẩu xuất:* *a) Kiểm tra các thông tin trên tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai;* *b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển hoặc nguyên trạng hàng hóa trong trường hợp hàng hóa không thể niêm phong;* *c) Thực hiện việc giám sát hàng hóa trung chuyển xếp lên phương tiện vận tải để xuất ra nước ngoài;* *d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm.* *Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể Điều này.*	bộ ra nước ngoài một lần hoặc nhiều lần.	
Mục 8 **THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU KHÁC**	**Mục 8** **~~THỦ TỤC HẢI QUAN,~~ KIỂM TRA GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU KHÁC**	**Ban GSQL (NV4)** Sửa tiêu đề mục 8 để đảm bảo chỉ quy định nguyên tắc quản lý, bỏ các quy định về hồ sơ hải quan, thủ tục hải quan để chuyển xuống Thông tư thay thế
Điều 45. Tài sản di chuyển 1. Người nước ngoài đưa tài sản di chuyển vào Việt Nam, khi làm thủ tục hải quan phải nộp: a) Tờ khai hải quan: 02 bản chính; b) Văn bản xác nhận đến công tác, làm việc tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức nơi người	**Điều 43. Thủ tục hải quan đối với tài sản di chuyển** 1. Tài sản di chuyển gồm: a) Tài sản của tổ chức, cá nhân đưa vào Việt Nam khi thôi cư trú hoặc chấm dứt hoạt động ở nước ngoài; b) Tài sản của tổ chức, cá nhân đưa ra khỏi Việt Nam khi thôi cư trú hoặc chấm dứt hoạt động ở Việt	**Ban GSQL (NV4)** 1. Đề xuất viết lại Điều này đảm bảo chỉ quy định nguyên tắc quản lý, bỏ các quy định về hồ sơ hải quan, thủ tục hải quan để chuyển xuống Thông tư thay thế; bổ sung quy định tại khoản 2 và bỏ khoản 5 vì thực tế từ khi ban hành Nghị định 08 chưa có quyết định của Thủ tướng ban

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
nước ngoài làm việc hoặc giấy phép làm việc tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền cấp: 01 bản chụp; c) Chứng từ vận tải trong trường hợp tài sản vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp. 2. Người nước ngoài chuyển tài sản di chuyển ra khỏi Việt Nam, khi làm thủ tục hải quan phải nộp: a) Tờ khai hải quan: 02 bản chính; b) Văn bản chứng minh hết thời gian làm việc: 01 bản chụp; c) Tờ khai hải quan nhập khẩu có xác nhận của cơ quan hải quan đối với tài sản di chuyển là xe ô tô, xe gắn máy hoặc chứng từ thay đổi mục đích sử dụng và chứng từ nộp thuế đối với hàng hóa thuộc diện phải nộp thuế: 01 bản chụp. 3. Tổ chức, công dân Việt Nam đưa tài sản di chuyển về nước, khi làm thủ tục hải quan phải nộp: a) Tờ khai hải quan: 02 bản chính: b) Văn bản chứng minh việc hết thời hạn kinh doanh, làm việc ở nước ngoài hoặc trở về Việt Nam cư trú: 01 bản chụp; c) Chứng từ vận tải trong trường hợp tài sản vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp. 4. Tổ chức, công dân Việt Nam đưa tài sản di chuyển ra nước ngoài, khi làm thủ tục hải quan phải nộp: a) Tờ khai hải quan: 02 bản chính; b) Văn bản chứng minh công tác, làm việc hoặc cư trú tại nước ngoài: 01 bản chụp. 5. Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục	Nam. 2. Tài sản di chuyển phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này. 3. Trường hợp tài sản di chuyển vượt định mức miễn thuế thì: a) Hàng hóa phải đảm bảo các quy định của pháp luật về chính sách xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tại thời điểm xuất khẩu, nhập khẩu; b) Phải nộp đủ các loại thuế theo quy định của pháp luật đối với số lượng hàng hóa vượt định mức quy định. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	hành Danh mục. 2. Đề xuất bổ sung 01 khoản "***Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này***" để có cơ sở pháp lý, căn cứ quy định chi tiết về thủ tục hải quan đối với tài sản di chuyển tại Thông tư.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hàng hóa là tài sản di chuyển thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, hàng hóa thuộc danh mục hạn chế nhập khẩu, nhập khẩu có điều kiện được mang vào Việt Nam tùy từng thời kỳ và định mức hàng hóa là tài sản di chuyển miễn thuế.		
Điều 46. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hành lý ký gửi của người nhập cảnh, xuất cảnh thất lạc, nhầm lẫn 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh thất lạc, nhầm lẫn phải chịu sự kiểm tra; giám sát của cơ quan hải quan tại cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất. 2. Đối với hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh qua đường hàng không thất lạc, nhầm lẫn: Doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc đại diện doanh nghiệp vận chuyển có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan bản kê hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn. Cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với Cảng vụ Hàng không, An ninh Hàng không thực hiện kiểm tra qua máy soi hành lý trước khi đưa hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn vào khu vực lưu giữ. a) Trường hợp qua kiểm tra máy soi không phát hiện hành lý vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế theo quy định, hành lý vi phạm thì giao doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc đại diện doanh nghiệp vận chuyển để chuyển trả cho người xuất cảnh, nhập cảnh; b) Trường hợp qua kiểm tra máy soi phát hiện hành lý vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế theo quy định, hành lý vi phạm thì cơ quan hải quan thực hiện niêm phong trước khi đưa	Bãi bỏ	**Ban GSQL (NV4)** Đề xuất bãi bỏ Điều này và đưa nội dung Điều 46 xuống mục Hành lý

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
vào khu vực lưu giữ hành lý thất lạc, nhầm lẫn của doanh nghiệp kinh doanh cảng. Khi nhận lại hành lý thất lạc, nhầm lẫn, người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 59 Nghị định này. Việc mở hành lý thất lạc, nhầm lẫn để kiểm tra phải được sự đồng ý và giám sát của cơ quan hải quan. 3. Bộ Tài chính quy định chi tiết việc xử lý đối với hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn không xác định được người nhận.		
Điều 47. Thủ tục hải quan tái nhập đối với hàng hóa đã xuất khẩu *1. Thương nhân được tái nhập hàng hóa chưa qua sử dụng của chính thương nhân nhưng bị trả lại. Hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài đã xuất khẩu không được tái nhập để tiêu hủy.* *2. Hồ sơ hải quan:* *a) Tờ khai hải quan;* *b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: nộp 01 bản chụp.* *3. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai hải quan không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* *4. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *5. Đối với hàng hóa tái nhập để tiêu huỷ, sửa chữa, tái chế sau đó tái xuất hoặc tái nhập để tái*	**Điều 44. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại** 1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa. 2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác. 3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	**Ban GSQL (NV3)** Trên cơ sở các ý kiến tham gia của Bộ, UBND, Hiệp hội, doanh nghiệp, để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện nếu để ở cấp độ Nghị định, kiến nghị tại Điều này chỉ quy định nguyên tắc đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại của chính thương nhân để phục vụ các mục đích khác nhau và bổ sung quy định tổ chức, cá nhân được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa đã xuất khẩu để phục vụ các mục đích khác nhau. Giao thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan tại Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định này, Cụ thể: *"1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa.* *3. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Tổ chức, cá nhân không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra*

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
xuất ra nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan, thời hạn tiêu huỷ, tái xuất không quá 12 tháng kể từ ngày đăng ký tờ khai tái nhập, trừ trường hợp hàng hóa đặc thù có thời gian sửa chữa, tái chế quá 12 tháng theo yêu cầu của chu trình sản xuất thì cơ quan hải quan quyết định theo thỏa thuận của các bên. *Người khai hải quan chưa phải nộp thuế trong thời hạn sửa chữa, tái chế, nếu quá thời hạn sửa chữa, tái chế đã đăng ký mà chưa tái xuất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *6. Thủ tục tái xuất hàng đã sửa chữa, tái chế thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.* *7. Xử lý hàng sửa chữa, tái chế không tái xuất được:* *a) Đối với sản phẩm sửa chữa, tái chế là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu: Làm thủ tục hải quan để tiêu thụ nội địa hoặc tiêu hủy.* *Trường hợp tiêu thụ nội địa phải kê khai, nộp thuế đối với nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả vật tư làm bao bì hoặc bao bì để đóng gói sản phẩm xuất khẩu), linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để đóng gói, dán nhãn hoặc gắn, lắp ráp vào sản phẩm xuất khẩu hoặc đóng chung thành mặt hàng đồng bộ với sản phẩm xuất khẩu;* *b) Đối với sản phẩm sửa chữa, tái chế không phải là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu thì chuyển tiêu thụ nội địa như hàng hóa tái nhập để tiêu thụ nội địa. Việc xử lý về thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế;* *c) Đối với sản phẩm gia công, sản xuất xuất*		*chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* *3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quy định tại Điều này."*

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
khẩu tái nhập sửa chữa, tái chế nhưng chỉ sử dụng được một phần nguyên liệu, vật tư để tiếp tục sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu (cùng hoặc khác chủng loại sản phẩm) thì phải theo dõi, xây dựng định mức riêng cho các mã sản phẩm sau sửa chữa, tái chế. Phế liệu, phế phẩm, phế thải loại ra từ quá trình sửa chữa, tái chế được theo dõi, xử lý tương tự như phế liệu, phế phẩm, phế thải của hoạt động gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu. *8. Trường hợp hàng hóa tái nhập là sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã được miễn thuế nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu có nguồn gốc nhập khẩu được hoàn thuế nhập khẩu thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tái nhập thông báo cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục báo cáo quyết toán hoặc nơi làm thủ tục hoàn thuế biết (nếu là hai cơ quan hải quan khác nhau) về trường hợp không tái xuất được nêu tại khoản 7 Điều này hoặc trường hợp quá thời hạn nêu tại khoản 5 Điều này để xử lý thuế theo quy định.* *9. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu đã qua sử dụng của chính thương nhân tái nhập khẩu để tái chế, bảo hành theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài, sau đó tái xuất, thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định này.*		
Điều 48. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất ra nước ngoài hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan *1. Hồ sơ hải quan:* *a) Tờ khai hải quan;*	**Điều 45. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải xuất khẩu** 1. Hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được xuất khẩu để trả cho người bán hoặc xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan thì thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.	**Ban GSQL (NV2)** - Khoản 1: Quy định nhằm phân định thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được xuất trả ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan, bảo đảm phù hợp với tình trạng pháp lý của hàng hóa và quy định

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
b) Hóa đơn thương mại trong trường hợp xuất bán ra nước ngoài hoặc hóa đơn bán hàng, hóa đơn giá trị gia tăng trong trường hợp xuất bán vào khu phi thuế quan: 01 bản chụp. *2. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.* *3. Trường hợp hàng hóa (trừ hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu) đang chịu sự giám sát hải quan nhưng do gửi nhầm lẫn, thất lạc, không có người nhận hoặc bị từ chối nhận hàng do không phù hợp với hợp đồng, nếu người vận tải hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất (trong đó nêu rõ lý do nhầm lẫn, thất lạc hoặc từ chối nhận) hoặc hàng hóa buộc tái xuất theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu quốc tế.*	2. Hàng hóa bị buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan hải quan thực hiện giám sát hàng hóa cho đến khi đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp hàng hóa là hàng cấm nhập khẩu, hàng tạm ngừng nhập khẩu thì phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu quốc tế. 3. Hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan mà người vận tải hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Quy định tại khoản này không áp dụng đối với hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu và hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này.	về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu. - Khoản 2: Nội dung này được kế thừa từ khoản 3 Điều 48 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP và quy định cụ thể việc cơ quan hải quan thực hiện việc giám sát hàng hóa cho đến khi đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 36 Nghị định số 169/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan. - Khoản 3: Quy định nhằm xử lý trường hợp hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan phát sinh yêu cầu tái xuất trong quá trình vận chuyển, giao nhận quốc tế; tạo cơ sở giải quyết việc tái xuất trên cơ sở đề nghị của người vận tải hoặc chủ hàng, đồng thời bảo đảm tuân thủ quy định về giám sát hải quan và chính sách quản lý ngoại thương. Đồng thời, bổ sung việc giao thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để làm cơ sở hướng dẫn chi tiết tại Thông tư. - Bỏ quy định về hồ sơ hải quan tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP vì hồ sơ hải quan thực hiện theo quy định chung tại Thông tư thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC và 121/2025/TT-BTC.
Điều 49. Thủ tục hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng tạm nhập, tạm xuất *1. Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm:*	**Điều 46. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa theo phương thức tạm nhập, tạm xuất** 1. Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm:	**Ban GSQL (NV4)** - Tái cấu trúc Điều 49 theo hướng chuyển các nội dung liên quan đến thủ tục hành chính như hồ sơ hải quan, trình tự thực hiện, địa điểm làm thủ tục hải quan xuống Thông tư. - Bổ sung một số nội dung liên quan đến các

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
a) Container có hoặc không có móc treo; *b) Phương tiện (bồn) chứa khí, chất lỏng có kết cấu ổn định, bền chắc, được sử dụng chuyên dùng chứa và vận chuyển khí, chất lỏng có số ký hiệu in cố định trên vỏ mặt bồn và chuyên chở bằng xe ô tô chuyên dùng;* *c) Bồn mềm lót trong container để chứa hàng lỏng;* *d) Các phương tiện khác có thể sử dụng nhiều lần để chứa hoặc đóng gói hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.* *2. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan hoặc gửi văn bản đề nghị gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất đối với trường hợp khai Bản kê và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất trước thời điểm hết hạn tạm nhập, tạm xuất đã đăng ký với cơ quan hải quan.* *Riêng đối với phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập không quá 24 tháng trừ trường hợp phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng đang chứa hàng hóa tồn đọng tại khu vực giám sát hải quan.* *3. Thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này*	a) Container theo tiêu chuẩn quy định tại Công ước quốc tế về an toàn container năm 1972, có số ký hiệu in cố định trên phương tiện; b) Phương tiện để chứa khí, chất lỏng có kết cấu ổn định, bền chắc, có số ký hiệu in cố định trên phương tiện; c) Bồn mềm lót trong container để chứa hàng lỏng; d) Các phương tiện khác có thể sử dụng nhiều lần để chứa hoặc đóng gói; cố định, nâng đỡ hoặc bảo vệ an toàn hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 2. Người khai hải quan đối với phương tiện quay vòng: a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này là người khai thác, quản lý việc sử dụng phương tiện quay vòng bao gồm: hãng vận chuyển hoặc chủ sở hữu hoặc người thuê hoặc tổ chức khác chịu trách nhiệm về phương tiện quay vòng; b) Đối với trường hợp quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này là người khai hải quan quy định tại Điều 5 Nghị định này. 3. Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập phương tiện quay vòng: a) Thời hạn tạm nhập - tái xuất của phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này không quá 12 tháng kể từ ngày đến cửa khẩu nhập. Trường hợp phương tiện quay vòng chứa hàng hóa tồn đọng tại khu vực giám sát hải quan hoặc bị tạm giữ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì thời gian từ ngày cơ quan hải quan thông báo hàng hóa tồn đọng đến ngày kết thúc xử lý hàng hóa tồn đọng hoặc thời gian tạm giữ không tính vào thời hạn tạm nhập. Trường hợp phương tiện quay vòng chưa thể tái xuất trong thời hạn quy định tại điểm này, người khai hải quan thông báo gia hạn cho cơ quan hải quan.	trường hợp phương tiện quay vòng tại khoản 1 để đảm bảo quy định đầy đủ, cụ thể, tránh phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. - Bãi bỏ cụm từ "thuộc sở hữu của hãng vận chuyển" tại khoản về địa điểm lưu giữ để đảm bảo áp dụng quy định nhất quán đối với các loại PTQV thuộc sở hữu của các nhóm đối tượng khác nhau. - Sửa đổi quy định về thời hạn tạm nhập 12 tháng chỉ áp dụng đối với container/ bồn chứa khí tạm nhập và được gia hạn 01 lần với thời hạn 12 tháng. Trường hợp tạm xuất container/ bồn chứa khí thì thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với đối tác. - Bổ sung quy định "Cơ quan hải quan theo dõi, quản lý phương tiện quay vòng trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan." để cụ thể hóa định hướng quản lý phương tiện quay vòng trên Hệ thống, đảm bảo quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
a) Người khai hải quan khai và nộp bộ hồ sơ tại Hải quan cửa khẩu. Bộ hồ sơ gồm: *a.1) Bản kê tạm nhập, tạm xuất hoặc tái xuất, tái nhập theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 02 bản chính;* *a.2) Chứng từ vận tải đối với phương tiện không chứa hàng: 01 bản chụp;* *a.3) Văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.* *b) Cơ quan hải quan kiểm tra, đối chiếu thông tin khai trên Bản kê tạm nhập, tạm xuất hoặc tái xuất, tái nhập với bộ hồ sơ hải quan, trường hợp các thông tin phù hợp và không có dấu hiệu nghi vấn xác nhận trên 02 Bản kê; lưu 01 bản và trả 01 bản cho người khai hải quan; trường hợp có nghi vấn thực hiện kiểm tra thực tế, xử lý vi phạm theo quy định;* *c) Định kỳ hàng năm, chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 người khai hải quan thực hiện báo cáo tình hình sử dụng, nơi lưu giữ phương tiện chứa hàng hóa cho cơ quan hải quan.* *4. Hồ sơ và thủ tục hải quan đối với trường hợp quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này* *a) Người khai hải quan khai và nộp bộ hồ sơ tại Hải quan cửa khẩu hoặc Hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa chứa trong phương tiện chứa hàng theo phương thức quay vòng. Bộ hồ sơ gồm:* *a.1) Tờ khai hải quan;* *a.2) Chứng từ vận tải đường biển, đường hàng không, đường sắt đối với trường hợp phương tiện quay vòng tạm nhập không chứa*	Phương tiện quay vòng được gia hạn một lần, thời hạn gia hạn không quá 12 tháng. b) Thời hạn tạm xuất - tái nhập phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này do người khai hải quan thỏa thuận với đối tác; c) Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập phương tiện quay vòng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này do người khai hải quan thỏa thuận với đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Trường hợp cần gia hạn, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan. 4. Địa điểm lưu giữ phương tiện quay vòng tạm nhập: Phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng phải được lưu giữ tại các địa điểm do người khai hải quan thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục tạm nhập. Riêng phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này phải được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan, trừ trường hợp đưa về địa điểm để đóng hàng, dỡ hàng xuất khẩu, nhập khẩu. 5. Trường hợp phương tiện chứa hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này được xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê mua tài chính hoặc hình thức khác thì thực hiện thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Mục 5 Chương này. 6. Phương tiện quay vòng chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi đến cửa khẩu nhập trong quá trình lưu giữ cho đến khi đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Cơ quan hải quan theo dõi, quản lý phương tiện quay vòng trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. 7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hàng xuất khẩu, nhập khẩu: 01 bản chụp; *a.3) Giấy phép, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.* *b) Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.* *5. Địa điểm lưu giữ* *Phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng phải được lưu giữ tại các địa điểm do người khai hải quan thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục tạm nhập.* *Riêng phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thuộc sở hữu của hãng vận chuyển phải được lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan, trừ trường hợp đưa về địa điểm đóng hàng, dỡ hàng của người xuất khẩu, nhập khẩu.* *6. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định này.* *7. Phương tiện chứa hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này nếu xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê mua tài chính hoặc hình thức khác thì thực hiện thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Mục 5 Chương này.*	này.	
Điều 50. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất *1. Các trường hợp tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất bao gồm:*	**Điều 47. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất** 1. Các trường hợp tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất bao gồm:	**Ban GSQL (NV4), Ban NVTHQ** 1. Tại Nghị định sẽ quy định nguyên tắc về kiểm tra, giám sát hải quan và nội dung chi tiết về Thủ tục hải quan sẽ được quy định tại Thông tư hướng dẫn.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
a) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm; *b) Tàu biển, tàu bay tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng;* *c) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam;* *d) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;* *đ) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;* *e) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế;* *g) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập khác.* *2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất:* *a) Tờ khai hải quan;* *b) Đối với hàng hóa tạm nhập thì nộp bổ sung:* *b.1) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng*	a) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất; b) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm; c) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng tạm nhập để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài hoặc tạm xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài; hàng hóa tạm nhập, tái xuất để cung ứng cho tàu biển, tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam; d) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, trưng bày, giới thiệu; đ) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp; e) Xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu miễn thuế của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ; g) Hàng hóa bao gồm cả phương tiện tự hành tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu trở lại để sửa chữa, thay thế, bảo hành, bảo dưỡng thuộc trách nhiệm của thương nhân sản xuất theo thỏa thuận đã có trong hợp đồng xuất khẩu, gia công, mua bán hàng hóa quy định tại Điều 44 Nghị định này.	2. Đề xuất bổ sung điểm "c***) Xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu miễn thuế của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ***" vào khoản 1 Điều 50 vì lý do sau: Đơn vị hiện được giao rà soát bãi bỏ 02 Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg và 14/2021/QĐ-TTg về quy định về thủ tục hải quan (tạm nhập, tái xuất, chuyển nhượng, tiêu huỷ) đối với xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu của đối tượng ưu đãi, miễn trừ. Thủ tục về tạm nhập khẩu, tái xuất, chuyển nhượng phương tiện của các đối tượng này đã có quy định thủ tục tương tự tại Điều 50 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP (quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hoá tạm nhập, tái xuất). Vì vậy, đề xuất gộp nội dung các thủ tục này vào Điều 50 Nghị định 08/2015/NĐ-CP để cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết đồng thời đảm bảo thống nhất trong thực hiện. Theo đó, quy định hiện hành chưa có quy định cụ thể trường hợp hàng hoá tạm nhập, tái xuất là xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ. 3. Bổ sung điểm a khoản 1 để quy định về trường hợp hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất. 4. Đối với điểm g khoản 1 để đảm bảo phân biệt hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập thuộc trách nhiệm của thương nhân sản xuất theo thỏa thuận đã có trong hợp đồng xuất khẩu, gia công, mua bán hàng hóa với hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập không thuộc trường hợp vừa nêu. Sửa đổi điểm g khoản 1 như sau: "g) Hàng

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt (nếu có): 01 bản chụp; *b.2) Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo quy định của pháp luật; văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật: 01 bản chính;* *b.3) Hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, tàu bay đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: 01 bản chụp;* *b.4) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm nhập, tái xuất để giới thiệu sản phẩm) đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này: 01 bản chụp;* *b.5) Văn bản về việc tham gia các công việc đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này: 01 bản chụp.* *3. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập:* *a) Tờ khai hải quan;* *b) Đối với hàng hóa tạm xuất thì nộp bổ sung:* *b.1) Giấy phép tạm xuất, tái nhập theo quy định của pháp luật; văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật: 01 bản chính;* *b.2) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm xuất, tái nhập để giới thiệu sản phẩm): 01 bản chụp.* *c) Đối với hàng hóa tái nhập thì nộp bổ sung chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không,*	2. Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập: Thời hạn tạm nhập - tái xuất, tạm xuất – tái nhập thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại, quản lý ngoại thương. Trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này thì thời hạn tạm nhập – tái xuất như sau: a) Đối với cơ quan, tổ chức được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ: Thời hạn tạm nhập theo nhu cầu sử dụng trong thời gian hoạt động tại Việt Nam và khai trên tờ khai hải quan; b) Đối với cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ: Thời hạn tạm nhập theo thời hạn công tác của cá nhân đó tại Việt Nam ghi trên giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và khai trên tờ khai hải quan. Trường hợp được gia hạn thời gian công tác tại Việt Nam thì người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan để gia hạn thời hạn tạm nhập – tái xuất. 3. Trường hợp hàng hóa tạm nhập, tạm xuất để nghiên cứu và phát triển sản phẩm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này khi tái xuất, tái nhập không đảm bảo nguyên trạng ban đầu thì người khai hải quan phải tái xuất, tái nhập toàn bộ sản phẩm, linh kiện, phụ tùng cấu tạo nên sản phẩm ban đầu. 4. Hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập được đưa vào, đưa ra lãnh thổ Việt Nam qua các cửa khẩu theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương và quy định pháp luật có liên quan, trừ trường hợp hàng hóa tái xuất, tái nhập vào khu phi thuế quan, kho ngoại quan, doanh nghiệp chế xuất. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	hóa bao gồm cả phương tiện tự hành tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, thuê, mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu trở lại để sửa chữa, thay thế, bảo hành, bảo dưỡng thuộc trách nhiệm của thương nhân sản xuất theo thỏa thuận đã có trong hợp đồng xuất khẩu, gia công, mua bán hàng hoá quy định tại Điều 50 Nghị định này;mua bán hàng hóa quy định tại Điều 44 Nghị định này." 5. Tại khoản 2 Điều 50: quy định thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo hướng dẫn chiếu quy định pháp luật về quản lý ngoại thương. Ngoài ra, để làm rõ quy định về thời hạn tạm nhập đối với xe ô tô, xe gắn máy của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tương ứng với thời gian nhiệm kỳ công tác của cá nhân đó. 6. Bổ sung 01 khoản về việc Bộ Tài chính quy định chi tiết để có cơ sở quy định chi tiết tại Thông tư thay thế.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
đường sắt (nếu có): 01 bản chụp. *4. Địa điểm làm thủ tục hải quan:* *Người khai hải quan được lựa chọn làm thủ tục hải quan tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập tại cơ quan Hải quan nơi thuận tiện.* *5. Thủ tục hải quan:* *a) Thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này;* *b) Đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay theo hợp đồng cung ứng dịch vụ sửa chữa thực hiện theo quy định đối với loại hình gia công theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.* *6. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập:* *a) Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, e và g khoản 1 Điều này thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan.* *Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất theo thỏa thuận với bên đối tác thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp văn bản thỏa thuận với đối tác về việc gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. Đối với trường hợp tạm nhập, tạm xuất hàng hóa để thực hiện dự án thì thời gian gia hạn không được quá thời hạn thực hiện dự án đầu tư;* *b) Đối với trường hợp quy định tại điểm d*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
khoản 1 Điều này thì thời hạn tái xuất, tái nhập như sau: *b.1) Hàng hóa tạm nhập khẩu để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm tại Việt Nam phải được tái xuất khẩu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm đã đăng ký với cơ quan hải quan;* *b.2) Thời hạn tạm xuất khẩu hàng hóa để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm ở nước ngoài là một năm kể từ ngày hàng hóa được tạm xuất khẩu; nếu quá thời hạn nêu trên mà chưa được tái nhập khẩu thì hàng hóa đó phải chịu thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.* *c) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này: Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập theo thời hạn thực tế phát sinh công việc và phải đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp 01 bản chụp giấy tờ chứng minh việc kéo dài thời hạn phát sinh công việc cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất.* *7. Trường hợp doanh nghiệp tạm nhập, tạm xuất thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thì phải làm thủ tục hải quan nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này.* *8. Trường hợp hàng hóa tạm nhập, tạm xuất để nghiên cứu, phát triển sản phẩm khi tái xuất, tái nhập không đảm bảo nguyên trạng ban đầu*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
thì người khai hải quan phải tái xuất, tái nhập toàn bộ sản phẩm, linh kiện, phụ tùng cấu tạo nên sản phẩm ban đầu.		
Điều 56. Theo dõi tờ khai hải quan tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập 1. *Hải quan* nơi làm thủ tục tạm nhập hoặc tạm xuất chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý tờ khai hải quan tạm nhập, tạm xuất đối với hàng hóa quy định tại Mục này. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc theo dõi tờ khai hải quan tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập đối với hàng hóa quy định tại mục này.	~~**Điều 56. Theo dõi tờ khai hải quan tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập**~~ ~~1. *Hải quan* nơi làm thủ tục tạm nhập hoặc tạm xuất chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý tờ khai hải quan tạm nhập, tạm xuất đối với hàng hóa quy định tại Mục này.~~ ~~2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc theo dõi tờ khai hải quan tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập đối với hàng hóa quy định tại mục này.~~	**Ban GSQL (NV4)** Đề xuất bãi bỏ Điều 56 Nghị định vì lý do: Nội dung này trùng với Điều 84 Thông tư số 38/2015/TT-BTC và đây là nội dung quy định chi tiết nên chỉ để tại Điều 84 Thông tư số 38/2015/TT-BTC để đơn giản thủ tục.
	Điều 48. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu qua cửa khẩu Việt Nam 1. Hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu qua cửa khẩu Việt Nam được thực hiện theo các hình thức quy định tại pháp luật về quản lý ngoại thương. 2. Hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu qua cửa khẩu Việt Nam phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. Cơ quan hải quan chỉ thực hiện kiểm tra thực tế trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	**Ban GSQL (NV4)** Bổ sung 01 Điều quy định về hàng hóa chuyển khẩu. Nội dung hướng dẫn chủ yếu về các hình thức chuyển khẩu và một số các nguyên tắc chung trong công tác kiểm tra, giám sát hải quan đối với loại hình chuyển khẩu.
	Điều 49. Tiêu chuẩn, hoạt động kinh doanh địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế 1. Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a) Được đặt tại các vị trí theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16. Trong đó: a.1) Khu vực cách ly của cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển, cảng thủy	**Ban GSQL (NV4)** Đề xuất bổ sung 01 Điều về "***Tiêu chuẩn, hoạt động kinh doanh địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế***"vì lý do: Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, ĐKKD. Trong đó tại mục III Phụ lục I.7 ban hành kèm theo Nghị quyết có quy định

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cảng hàng không quốc tế là khu vực được đặt sau khu vực làm thủ tục xuất cảnh. Trường hợp có quầy nhận hàng cho người chờ xuất cảnh thì quầy nhận hàng phải đặt trong khu vực cách ly. a.2) Khu vực hạn chế của cảng hàng không quốc tế là khu vực được đặt sau khu vực làm thủ tục nhập cảnh và trước khu vực làm thủ tục hải quan. b) Có hệ thống công nghệ thông tin bảo đảm quản lý, lưu trữ, kết xuất dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa đưa vào, đưa ra, đối tượng mua hàng miễn thuế kết nối với Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; c) Có hệ thống ca-mê-ra giám sát cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế, quầy nhận hàng kết nối với cơ quan hải quan, hình ảnh quan sát được khu vực cửa sổ, cửa ra vào, toàn cảnh bên trong địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế vào tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ), dữ liệu hình ảnh phải bảo đảm khả năng truy xuất, trích xuất và được lưu giữ tối thiểu 06 tháng. 2. Khi có nhu cầu hoạt động, mở rộng diện tích liền kề, thu hẹp, tạm dừng, hoạt động trở lại, chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp phải thông báo theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho Hải quan khu vực quản lý chậm nhất 10 ngày trước ngày dự kiến hoạt động, mở rộng, thu hẹp, tạm dừng, hoạt động trở lại, chấm dứt hoạt động. 3. Doanh nghiệp chỉ được đưa địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế vào hoạt động khi đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này và đảm bảo việc kết nối, trao đổi dữ liệu hệ thống thông tin với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; thực hiện trao đổi dữ liệu hệ thống ca-mê-ra giám sát với cơ quan hải quan.	"không thực hiện điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế" và giao Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế và quy định về quản lý đối với hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế. Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 28/02/2027. Do đó, nhằm đảm bảo việc quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế được thông suốt và ban hành văn bản hướng dẫn đối với hoạt động này phù hợp với Luật ban hành văn bản QPPL và các văn bản có liên quan, đề nghị bổ sung nội dung 01 Điều về "***Tiêu chuẩn, hoạt động kinh doanh địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế***" tại dự thảo Nghị định.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	Khi không có nhu cầu hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế, doanh nghiệp thực hiện xử lý hàng tồn đọng tại địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định của pháp luật và thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trong thời gian hoạt động, trường hợp phát hiện địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế không đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan hải quan có văn bản thông báo tạm dừng việc đưa hàng hóa ra, vào địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế đến doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế. Thời hạn tạm dừng là 30 ngày kể từ ngày thông báo. Trong thời gian tạm dừng hoạt động, doanh nghiệp có trách nhiệm bảo đảm nguyên trạng hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện giám sát lượng hàng hóa tồn tại địa điểm, không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra tại địa điểm, thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xử lý hàng hóa hết thời hạn lưu giữ tại Việt Nam theo quy định. Trong thời gian tạm dừng, doanh nghiệp phải khắc phục đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp quá thời hạn tạm dừng doanh nghiệp không khắc phục địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế theo các tiêu chuẩn, cơ quan hải quan thông báo cho doanh nghiệp để chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, yêu cầu doanh nghiệp tái xuất hàng hóa hoặc thay đổi mục đích sử dụng và xử lý vi phạm theo quy định; sau khi đã khắc phục các tiêu chuẩn, doanh nghiệp thông báo hoạt động trở lại theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.	
Mục 9 THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNH LÝ CỦA NGƯỜI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH	**Mục 9. THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNH LÝ CỦA NGƯỜI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH**	
Điều 57. Đối tượng áp dụng	Bãi bỏ	**Ban GSQL (NV4)**

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp.		Đề xuất bãi bỏ Điều 57 để ghép vào khoản 1 Điều 50 Nghị định 08/2015/NĐ-CP để đảm bảo nguyên tắc chung sẽ được quy định thống nhất tại Điều 50.
Điều 59. Thủ tục đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh 1. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu. *2. Người xuất cảnh, nhập cảnh không phải khai hải quan nếu không có hành lý vượt định mức miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế, không có hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi.* *Người xuất cảnh, nhập cảnh mang hàng hóa vượt định mức hành lý miễn thuế qua khu vực kiểm tra hải quan mà không khai hải quan đều coi là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bất hợp pháp và bị xử lý theo quy định của pháp luật.* *Khi khai hải quan, người khai hải quan không gộp chung định mức miễn thuế của nhiều người nhập cảnh để khai báo miễn thuế cho một người nhập cảnh, trừ hành lý của các cá nhân trong một gia đình mang theo trong cùng chuyến đi. Việc khai báo định mức miễn thuế tính theo từng lần nhập cảnh.* 3. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh được kiểm tra qua hệ thống máy soi hàng hóa và các trang thiết bị khác. Trên cơ sở phân tích thông tin và quá trình giám sát người xuất cảnh, nhập cảnh, cơ quan hải quan quyết định lựa chọn hành lý có rủi ro để kiểm tra thực tế. 4. Trường hợp có căn cứ xác định người xuất cảnh, nhập cảnh có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới thì thực	**Điều 50. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh** 1. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan của cơ quan hải quan tại cửa khẩu. 2. Trên cơ sở phân tích thông tin và quá trình giám sát người xuất cảnh, nhập cảnh, cơ quan hải quan quyết định lựa chọn hành lý có rủi ro để kiểm tra thực tế. Trường hợp có căn cứ xác định người xuất cảnh, nhập cảnh có hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới thì thực hiện việc khám người, khám dồ vật theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. 3. Người xuất cảnh, nhập cảnh được tạm gửi hành lý vào kho của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu nhưng phải thông báo trước cho cơ quan hải quan và được nhận lại khi nhập cảnh, xuất cảnh. Thời gian tạm gửi hành lý không quá 180 ngày, kể từ ngày hành lý được gửi vào kho. 4. Trong thời hạn tạm gửi hành lý quy định tại khoản 3 Điều này, trường hợp người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại hoặc cơ quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu xác định chủ sở hữu hành lý thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ thì xử lý như đối với hàng hóa tồn đọng tại địa bàn hoạt động hải quan. 5. Trường hợp hành lý vận chuyển bằng đường	**Ban GSQL (NV4)** 1. Sửa tên Điều 59 "Thủ tục đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh" thành "*Kiểm tra, giám sát hải quan* đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh" để nội dung Nghị định sẽ chỉ quy định nguyên tắc về "kiểm tra, giám sát hải quan" và nội dung chi tiết về "Thủ tục hải quan" sẽ được quy định tại Thông tư hướng dẫn. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 59 theo hướng: quy định rõ đối tượng áp dụng là "*người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan*" (khác với đối tượng là cư dân biên giới xuất cảnh, nhập cảnh bằng giấy thông hành hoặc giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh vùng biên giới, thuộc đối tượng áp dụng chính sách quản lý riêng).

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hiện việc khám người theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. *5. Người xuất cảnh, nhập cảnh được tạm gửi hành lý vào kho của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu và được nhận lại khi nhập cảnh, xuất cảnh. Thời gian tạm gửi hành lý không quá 180 ngày, kể từ ngày hành lý được gửi vào kho.* *Trước khi kết thúc ngày làm việc, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng gửi thông tin về hành lý gửi kho cho Hải quan cửa khẩu theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định này.* *6. Trong thời hạn tạm gửi hành lý quy định tại khoản 5 Điều này, nếu người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại hoặc cơ quan, doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu xác định chủ sở hữu hành lý thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ thì xử lý như đối với hàng hóa tồn đọng tại địa bàn hoạt động hải quan.* *7. Trong trường hợp hành lý vận chuyển bằng đường hàng không, không có thẻ hành lý, không xác định được chủ sở hữu hành lý, hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan trong việc xử lý hành lý theo quy định của pháp luật.*	hàng không, không có thẻ hành lý, không xác định được chủ sở hữu hành lý, hãng hàng không có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hải quan trong việc xử lý hành lý theo quy định của pháp luật. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	
Điều 60. Thủ tục hải quan đối với hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức miễn thuế; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi 1. Hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức miễn thuế, hành lý của người xuất	**Điều 51. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức miễn thuế; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi** 1. Người xuất cảnh, nhập cảnh có hành lý vượt định mức miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế hoặc	**Ban GSQL (NV4)** Bổ sung quy định người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện khai tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, làm cơ sở thực hiện khai báo, tiếp nhận và xử lý thông tin trên

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
cảnh, nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi phải làm thủ tục hải quan theo quy định tại Mục 5 Chương này. 2. Hồ sơ hải quan: a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành: 02 bản chính; b) Hộ chiếu hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu có dấu xác nhận của cơ quan xuất cảnh, nhập cảnh đối với người nhập cảnh: 01 bản chụp; c) Tờ khai xuất nhập cảnh có xác nhận của *Hải quan cửa khẩu* nơi làm thủ tục nhập cảnh đối với người nhập cảnh: 01 bản chính; d) Chứng từ vận tải trong trường hợp hành lý của người nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi: 01 bản chụp. 3. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa để áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, chính sách thuế theo quy định của pháp luật *4. Người nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan đối với hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hành lý đến cửa khẩu; trường hợp hành lý gửi cùng chuyến đi vượt quá định mức miễn thuế thì thực hiện thủ tục hải quan ngay sau khi nhập cảnh.* *5. Hành lý của người nhập cảnh có tổng trị giá hải quan vượt định mức miễn thuế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của*	có hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi thì phải khai tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và phải làm thủ tục hải quan đối với hành lý như hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Mục 5 Chương này. Không gộp chung định mức miễn thuế của nhiều người nhập cảnh để khai báo miễn thuế cho một người nhập cảnh, trừ hành lý của các cá nhân trong một gia đình mang theo trong cùng chuyến đi. Việc khai báo định mức miễn thuế tính theo từng lần nhập cảnh. 2. Người nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan đối với hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hành lý đến cửa khẩu; trường hợp hành lý gửi cùng chuyến đi vượt quá định mức miễn thuế thì thực hiện thủ tục hải quan ngay sau khi nhập cảnh. 3. Hành lý của người nhập cảnh có tổng trị giá hải quan vượt định mức miễn thuế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định ... (Nghị định thay thế Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016) của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật, có tổng trị giá hải quan không quá 20.000.000 đồng Việt Nam hoặc hành lý là vật nguyên chiếc, nguyên đơn vị sản phẩm có tổng trị giá hải quan vượt quá 20.000.000 đồng khi làm thủ tục nhập khẩu không phải có giấy phép nhập khẩu. 4. Hành lý của người nhập cảnh thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật có tổng trị giá vượt mức quy định tại khoản 3 Điều này, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập cảnh phải có giấy phép nhập khẩu hàng hóa. Trường hợp không có giấy phép nhập khẩu, cơ quan hải	hệ thống điện tử hải quan, phục vụ công tác số hóa của ngành, tạo thuận lợi cho người xuất cảnh, nhập cảnh.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
pháp luật, có tổng trị giá hải quan không quá 20.000.000 đồng Việt Nam hoặc hành lý là vật nguyên chiếc, nguyên đơn vị sản phẩm có tổng trị giá hải quan vượt quá 20.000.000 đồng khi làm thủ tục nhập khẩu không phải có giấy phép nhập khẩu. *6. Hành lý của người nhập cảnh thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật có tổng trị giá vượt mức quy định tại khoản 5 Điều này, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập cảnh phải có giấy phép nhập khẩu hàng hóa. Trường hợp không có giấy phép nhập khẩu, cơ quan hải quan thực hiện xử lý theo quy định.* *7. Khi làm thủ tục nhập khẩu hành lý quy định tại khoản 1 Điều này, người nhập cảnh không có tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thì không được áp dụng tiêu chuẩn hành lý miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thực hiện chính sách quản lý đối với hàng nhập khẩu theo quy định tại khoản 5 Điều này.*	quan xử lý theo quy định. 5. Khi làm thủ tục nhập khẩu hành lý quy định tại khoản 1 Điều này, người nhập cảnh không có tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh thì không được áp dụng tiêu chuẩn hành lý miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định ... (Nghị định thay thế Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016) của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thực hiện chính sách quản lý đối với hàng nhập khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều này.	
Điều 46. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hành lý ký gửi của người nhập cảnh, xuất cảnh thất lạc, nhầm lẫn 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh thất lạc, nhầm lẫn phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan tại cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất. 2. Đối với hành lý ký gửi của người xuất cảnh,	**Điều 52. Xử lý hành lý bị thất lạc, nhầm lẫn** 1. Hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh thất lạc, nhầm lẫn phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan tại cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất. 2. Đối với hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh qua đường hàng không thất lạc, nhầm lẫn: Người khai thác cảng hàng không hoặc đại diện hãng hàng không có trách nhiệm thông báo cho cơ quan	**Ban GSQL (NV4)** Sửa tên điều để bao quát và phù hợp với nội dung của điều. Sửa đổi khoản 3 để đảm bảo việc xử lý hàng hoá tồn đọng được thống nhất theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan và Thông tư số 203/2014/TT-BTC.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
nhập cảnh qua đường hàng không thất lạc, nhầm lẫn: Doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc đại diện doanh nghiệp vận chuyển có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan bàn kê hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn. Cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với Cảng vụ Hàng không, An ninh Hàng không thực hiện kiểm tra qua máy soi hành lý trước khi đưa hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn vào khu vực lưu giữ. a) Trường hợp qua kiểm tra máy soi không phát hiện hành lý vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế theo quy định, hành lý vi phạm thì giao doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc đại diện doanh nghiệp vận chuyển để chuyển trả cho người xuất cảnh, nhập cảnh; b) Trường hợp qua kiểm tra máy soi phát hiện hành lý vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế theo quy định, hành lý vi phạm thì cơ quan hải quan thực hiện niêm phong trước khi đưa vào khu vực lưu giữ hành lý thất lạc, nhầm lẫn của doanh nghiệp kinh doanh cảng. Khi nhận lại hành lý thất lạc, nhầm lẫn, người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 59 Nghị định này. Việc mở hành lý thất lạc, nhầm lẫn để kiểm tra phải được sự đồng ý và giám sát của cơ quan hải quan. 3. Bộ Tài chính quy định chi tiết việc xử lý đối với hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn không xác định được người nhận.	hải quan bàn kê hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn. Cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với hãng hàng không và người khai thác cảng hàng không thực hiện kiểm tra qua máy soi hành lý trước khi đưa hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn vào khu vực lưu giữ và xử lý như sau: a) Trường hợp kiểm tra không phát hiện dấu hiệu vi phạm và hành lý không vượt định mức miễn thuế thì giao người khai thác cảng hàng không hoặc đại diện hãng hàng không để chuyển trả cho người xuất cảnh, nhập cảnh; b) Trường hợp kiểm tra phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế thì cơ quan hải quan thực hiện niêm phong và bàn giao cho người khai thác cảng hàng không đưa vào khu vực lưu giữ hành lý thất lạc, nhầm lẫn. Khi nhận lại hành lý thất lạc, nhầm lẫn, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra thực tế hành lý dưới sự chứng kiến của người khai thác cảng hàng không. Trường hợp hành lý vượt định mức miễn thuế thì người xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 51 Nghị định này; trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật về hải quan thì xử lý theo quy định. 3. Hành lý thất lạc, nhầm lẫn không có người nhận được xử lý như đối với hàng hóa tồn đọng trong địa bàn hoạt động hải quan theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16.	
Điều 60a. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa cung ứng cho	**Bãi bỏ**	**Ban GSQL (NV4)** Đề xuất bãi bỏ Điều 60a để chuyển xuống dự

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
tàu bay xuất cảnh, tàu biển nước ngoài neo đậu tại cảng biển Việt Nam *1. Hàng hóa nhập khẩu để cung ứng cho tàu bay xuất cảnh, tàu biển nước ngoài được lưu giữ tại các địa điểm sau:* *a) Kho ngoại quan;* *b) Khu vực cửa khẩu có tàu bay, tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh;* *c) Cơ sở gia công, sản xuất suất ăn.* *2. Hàng hoá cung ứng cho tàu bay, tàu biển xuất cảnh thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan theo loại hình xuất khẩu, nhập khẩu tương ứng và được đăng ký tờ khai một lần, giao nhận nhiều lần.*		thảo Thông tư thay thế Thông tư 38 để đảm bảo nguyên tắc nội dung chi tiết về thủ tục hải quan chỉ nên hướng dẫn tại Thông tư.
Chương IV **THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH**	**Chương IV. THỦ TỤC HẢI QUAN, *KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN* ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH**	**Ban GSQL (NV5)** Bổ sung "kiểm tra, giám sát hải quan" để đảm bảo phù hợp với nội hàm chương IV.
Mục 1: THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI TÀU BAY XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH	**Mục 1. ~~THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI~~ TÀU BAY XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH**	**Ban GSQL (NV5)** Sửa lại kết cấu mục theo các loại hình phương tiện vận tải tương ứng.
Điều 61. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh *1. Đối với tàu bay nhập cảnh:* *a) Hồ sơ hải quan:* *a.1) Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu;* *a.2) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house	**Điều 53. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh** 1. Đối với tàu bay nhập cảnh: a) Hồ sơ hải quan: a.1) Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu; a.2) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house bill of lading) trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu;	**Ban GSQL (NV5)** Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Sửa thời hạn nộp hồ sơ hải quan phù hợp với quy định tại Luật Hải quan và yêu cầu quản lý

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
bill of lading) trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu; *a.3) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;* *a.4) Danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay;* *a.5) Bản lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;* *a.6) Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR);* *a.7) Thông tin về chuyến bay bao gồm: Đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian nhập cảnh.* *b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:* *b.1) Chậm nhất 03 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với các chuyến bay có thời gian dài hơn 03 giờ bay;* *b.2) Chậm nhất 30 phút trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với các chuyến bay có thời gian bay ngắn hơn 03 giờ bay;* *b.3) Chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR).* *c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:* *c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2 khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa và hàng hóa chưa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan;* *c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.3, a.4, a.5, a.7 khoản 1 Điều này được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu bay nhập cảnh dừng đỗ tại vị trí quy định;*	a.3) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách; a.4) Danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay; a.5) Bản trích lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách; a.6) Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR); a.7) Thông tin về chuyến bay bao gồm: Đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian nhập cảnh. b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: b.1) Chậm nhất 03 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với các chuyến bay có thời gian bay từ 03 giờ trở lên; b.2) Chậm nhất 30 phút trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với các chuyến bay có thời gian bay ngắn hơn 03 giờ bay; b.3) Chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến nhập cảnh đối với thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR). c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2 khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa và hàng hóa chưa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan; c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.3, a.4, a.5, a.7 khoản 1 Điều này được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu bay nhập cảnh dừng đỗ tại vị trí quy định; c.3) Chứng từ quy định tại điểm a.6 khoản 1 Điều này được thực hiện chậm nhất 08 giờ trước thời gian tàu bay dự kiến nhập cảnh. 2. Đối với tàu bay xuất cảnh: a) Hồ sơ hải quan: a.1) Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
c.3) Chứng từ quy định tại điểm a.6 khoản 1 Điều này được thực hiện chậm nhất 08 giờ trước thời gian tàu bay dự kiến nhập cảnh. *2. Đối với tàu bay xuất cảnh:* *a) Hồ sơ hải quan:* *a.1) Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa xuất khẩu;* *a.2) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;* *a.3) Danh sách tổ lái, nhân viên làm việc trên tàu bay;* *a.4) Bản lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách;* *a.5) Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR);* *a.6) Thông tin về chuyến bay bao gồm: đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian xuất cảnh.* *b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:* *b.1) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4 và a.6 khoản này;* *b.2) Chậm nhất 01 giờ sau thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.1 khoản này;* *b.3) Chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.5 khoản này.* *c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:* *c.1) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4 và a.6 khoản này;*	không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa xuất khẩu; a.2) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách; a.3) Danh sách tổ lái, nhân viên làm việc trên tàu bay; a.4) Bản trích lược khai hành lý ký gửi trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách; a.5) Thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR); a.6) Thông tin về chuyến bay bao gồm: đường bay, số hiệu chuyến bay, tên hãng hàng không, cửa khẩu, số lượng hành khách và thời gian xuất cảnh. b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: b.1) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, a.4 và a.6 khoản này; b.2) Chậm nhất 24 giờ trước thời điểm tàu bay dự kiến xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.5 khoản này. c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: c.1) Trước thời điểm tàu bay xuất cảnh đối với các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4 và a.6 khoản này; c.2) Trong 24 giờ kể từ khi tàu bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.1 khoản này; c.3) Chậm nhất 08 giờ trước thời điểm chuyến bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.5 khoản này. 3. Đối với tàu bay quá cảnh: Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu bay quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, trường hợp có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
c.2) Trong 24 giờ kể từ khi tàu bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.1 khoản này; *c.3) Chậm nhất 08 giờ trước thời điểm chuyến bay xuất cảnh đối với chứng từ quy định tại điểm a.5 khoản này.* *3. Đối với tàu bay quá cảnh* *Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu bay quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.* *Tàu bay quá cảnh khi dừng kỹ thuật không phải làm thủ tục kê khai hải quan, nhưng phải chịu sự giám sát hải quan.*	thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này. Tàu bay quá cảnh khi dừng kỹ thuật không phải khai hải quan, nhưng phải chịu sự giám sát hải quan.	
Điều 63. Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh *1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:* *a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 61 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Người phát hành vận đơn thứ cấp có trách nhiệm cung cấp đủ thông tin vận đơn thứ cấp đối với tàu bay nhập cảnh cho hãng hàng không để khai báo trong thời hạn quy định tại Điều 61 Nghị định này và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;* *b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh đã*	**Điều 54. Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh** 1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 53 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Người phát hành vận đơn thứ cấp có trách nhiệm cung cấp đủ thông tin vận đơn thứ cấp đối với tàu bay nhập cảnh cho hãng hàng không để khai báo trong thời hạn quy định tại Điều 53 Nghị định này và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ	**Ban GSQL (NV5)** Nội dung dự thảo bổ sung nội dung hướng dẫn về công tác giám sát với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, làm rõ thời gian giám sát, nguyên tắc quyết định các biện pháp kiểm tra, giám sát với tàu bay tại sân đỗ. Bổ sung cụm từ "tự động" sau Cổng thông tin một cửa quốc gia để làm rõ cơ chế hoạt động của thủ tục điện tử; sửa cụm từ "sân bay" thành "cảng hàng không" để thống nhất nội dung tại dự thảo. Quy định rõ nội dung, thẩm quyền quyết định tạm dừng tàu bay để kiểm tra, giám sát phương tiện. Sửa thuật ngữ "*doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không*" thành "*doanh nghiệp cảng*

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; *c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu bay không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;* *d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan khai 01 bản chính chứng từ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 61 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và nộp cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.* *Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh.* *Ngay sau khi sự cố được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin chứng từ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.* *2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh:* *a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin khai không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ (có*	Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu bay không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan khai 01 bản chính chứng từ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 53 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và nộp cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh. Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh. Ngay sau khi sự cố được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. 2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ. Đối với thông tin khai không đầy đủ, Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động phản hồi từ chối tiếp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ; b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ	*hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không*" để phù hợp với các thuật ngữ tương ứng tại Luật hàng không dân dụng

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ; *b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ.* *3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh* *a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.* *Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng không biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.* *Đối với tàu bay thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu bay không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan;* *b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho người khai hải quan;* *c) Trường hợp Cảng vụ hàng không, Tòa án, Công an và cơ quan có thẩm quyền khác có văn bản yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối*	thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ. 3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai hải quan và các bên liên quan. Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không, Cảng vụ hàng không biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Đối với tàu bay thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu bay không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan; b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho người khai hải quan; c) Trường hợp Cảng vụ hàng không, Tòa án, Công an và cơ quan có thẩm quyền khác có văn bản yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật. 4. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật. *4. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh* *a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ.* *Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận;* *b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ thông tin giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;* *c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.* *5. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh* *Cơ quan hải quan có trách nhiệm thực hiện việc giám sát đối với tàu bay xuất cảnh, nhập*	khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận; b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ thông tin giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 30 phút kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ. 5. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: a) Hải quan nơi quản lý cảng hàng không có trách nhiệm thực hiện việc giám sát đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trong suốt quá trình tàu bay dừng đỗ tại cảng hàng không. Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, thông tin do doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không cung cấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 Nghị định này và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), Hải quan nơi quản lý cảng hàng không áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, phương thức giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải. b) Trong quá trình giám sát tàu bay dừng đỗ, bốc, dỡ hàng hóa, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan,	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
cảnh, quá cảnh trong suốt quá trình tàu bay dừng đỗ tại sân bay. *Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, thông tin do doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không cung cấp theo quy định tại Điều 61 Nghị định này và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, biện pháp giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải.* *Trong quá trình giám sát, trường hợp xác định có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, ngăn chặn theo quy định của pháp luật.*	trường hợp có cơ sở xác định trên tàu bay có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hoặc quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để khám xét. Cơ quan hải quan thông báo việc tạm hoãn khởi hành, dừng phương tiện vận tải cho cảng vụ hàng không và hãng hàng không thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.	
Điều 64. ***Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không, Hãng hàng không hoặc người được Hãng hàng không ủy quyền*** *1. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không:* *a) Chậm nhất 24 giờ đối với chuyến bay thường lệ hoặc chậm nhất 01 giờ đối với chuyến bay không thường lệ trước khi tàu bay nhập cảnh và trước khi hãng vận chuyển hoàn thành thủ tục hàng không cho hành khách xuất cảnh và hàng hóa xuất khẩu trên chuyến bay xuất cảnh và quá cảnh, cung cấp cho Hải quan quản lý sân bay gồm các thông tin sau:* *a.1) Quốc tịch tàu bay;* *a.2) Loại tàu bay;* *a.3) Hành trình bay;* *a.4) Thời gian đến, thời gian đi của tàu bay;*	**Điều 55. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không, hãng hàng không hoặc người được hãng hàng không ủy quyền** 1. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không: a) Chậm nhất 24 giờ đối với chuyến bay thường lệ hoặc chậm nhất 01 giờ đối với chuyến bay không thường lệ trước khi tàu bay nhập cảnh và trước khi hãng vận chuyển hoàn thành thủ tục hàng không cho hành khách xuất cảnh và hàng hóa xuất khẩu trên chuyến bay xuất cảnh và quá cảnh, cung cấp cho Hải quan quản lý cảng hàng không gồm các thông tin sau: a.1) Quốc tịch tàu bay; a.2) Loại tàu bay; a.3) Hành trình bay; a.4) Thời gian đến, thời gian đi của tàu bay; a.5) Vị trí đỗ của tàu bay;	**Ban GSQL (NV5)** Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Sửa thuật ngữ "*doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không*" thành "*doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không*" để phù hợp với các thuật ngữ tương ứng tại Luật hàng không dân dụng Chỉnh sửa lại trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không, người khai thác cảng hàng không trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan hải quan để phục vụ kiểm tra, giám sát hải quan đảm bảo tính khả thi trong thực hiện

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
a.5) Vị trí đỗ của tàu bay; *a.6) Cửa vào của hành khách;* *a.7) Thời gian xếp, dỡ hàng hóa lên, xuống tàu bay.* *b) Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, thông báo cho cơ quan hải quan khi có thay đổi thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;* *c) Chia sẻ dữ liệu thông tin từ hệ thống ca-mê-ra, hệ thống máy soi tại nhà ga quốc tế với cơ quan hải quan để phục vụ việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.* *2. Trách nhiệm của Hãng hàng không hoặc người được Hãng hàng không ủy quyền:* *a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định;* *b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan;* *c) Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền phải xếp dỡ toàn bộ hàng hóa nhập khẩu tại cảng hàng không nơi tàu bay làm thủ tục nhập cảnh;* *d) Đối với tàu bay kết thúc chặng nội địa được sử dụng để bay tiếp chặng quốc tế, hãng*	a.6) Cửa vào của hành khách; a.7) Thời gian xếp, dỡ hàng hóa lên, xuống tàu bay. b) Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, thông báo cho cơ quan hải quan khi có thay đổi thông tin quy định tại điểm a khoản này; c) Lưu trữ dữ liệu thông tin từ hệ thống ca-mê-ra, hệ thống máy soi tại nhà ga quốc tế và chia sẻ với cơ quan hải quan để phục vụ việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. 2. Trách nhiệm của hãng hàng không hoặc người được hãng hàng không ủy quyền: a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định; b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan; c) Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền phải xếp dỡ toàn bộ hàng hóa nhập khẩu tại cảng hàng không nơi tàu bay làm thủ tục nhập cảnh; d) Đối với tàu bay kết thúc chặng nội địa được sử dụng để bay tiếp chặng quốc tế, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền chỉ được xếp hàng hóa xuất khẩu lên tàu bay xuất cảnh khi không còn hàng hóa trên tàu bay.	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hàng không hoặc người được ủy quyền chỉ được xếp hàng hóa xuất khẩu lên tàu bay xuất cảnh khi không còn hàng hóa trên tàu bay.		
Mục 2 **THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI TÀU BIỂN XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH**	**Mục 2** **~~THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI~~ TÀU BIỂN XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH, *CHUYỂN CẢNG***	
Điều 65. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng *1. Đối với tàu biển nhập cảnh:* *a) Hồ sơ hải quan:* *a.1) Bản khai chung;* *a.2) Danh sách thuyền viên;* *a.3) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;* *a.4) Bản khai dự trữ của tàu;* *a.5) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách;* *a.6) Bản khai hàng hóa trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;* *a.7) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house bill of lading) trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;* *a.8) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.* *b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:* *b.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 08 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng;* *b.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.6,*	**Điều 56. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng** 1. Đối với tàu biển nhập cảnh: a) Hồ sơ hải quan: a.1) Bản khai chung; a.2) Danh sách thuyền viên; a.3) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển; a.4) Bản khai dự trữ của tàu; a.5) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách; a.6) Bản khai hàng hóa trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa; a.7) Thông tin về vận đơn: vận đơn chủ (master bill of lading), vận đơn thứ cấp (house bill of lading) trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa; a.8) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm. b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP; c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu dự kiến cập cảng;	**Ban GSQL (NV5)** Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
a.7, a.8 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 12 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình dưới 5 ngày hoặc chậm nhất 24 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình khác. *c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan:* *c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu dự kiến cập cảng;* *c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.6, a.7, a.8 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan.* *2. Đối với tàu biển xuất cảnh:* *a) Hồ sơ hải quan:* *a.1) Bản khai chung;* *a.2) Danh sách thuyền viên;* *a.3) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển;* *a.4) Bản khai dự trữ của tàu;* *a.5) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách;* *a.6) Bản khai hàng hóa trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa;* *a.7) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.* *Khi tàu biển xuất cảnh, nếu không có nội dung thay đổi so với nội dung đã khai báo khi tàu nhập cảnh thì người khai hải quan chỉ phải nộp bản khai chung quy định tại điểm a.1 khoản 2 Điều này.* *b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: Chậm nhất 01 giờ trước khi tàu dự kiến rời cảng;*	c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.6, a.7, a.8 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan. 2. Đối với tàu biển xuất cảnh: a) Hồ sơ hải quan: a.1) Bản khai chung; a.2) Danh sách thuyền viên; a.3) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển; a.4) Bản khai dự trữ của tàu; a.5) Danh sách hành khách trong trường hợp tàu biển vận chuyển hành khách; a.6) Bản khai hàng hóa trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa; a.7) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm. Khi tàu biển xuất cảnh, trường hợp không có nội dung thay đổi so với nội dung đã khai báo khi tàu nhập cảnh thì người khai hải quan chỉ phải nộp bản khai chung quy định tại điểm a.1 khoản 2 Điều này. b) Thời hạn nộp hồ sơ hải quan: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP; c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu rời cảng. 3. Đối với tàu biển quá cảnh: Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu biển quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, trường hợp có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Đối với tàu biển chuyển cảng:	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
c) Thời hạn sửa đổi hồ sơ hải quan: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu rời cảng. *3. Đối với tàu biển quá cảnh* *Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu biển quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.* *4. Đối với tàu biển chuyển cảng* *Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng và chứng từ liên quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi tàu dự kiến cập cảng đến tiếp theo.*	Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng và chứng từ liên quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi tàu dự kiến cập cảng đến tiếp theo.	
Điều 67. Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng *1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:* *a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp người khai hải quan không có thông tin vận đơn thứ cấp thì cung cấp số tiếp nhận hồ sơ tàu biển nhập cảnh cho người phát hành vận đơn thứ cấp để khai đầy đủ thông tin vận đơn thứ cấp trong thời hạn quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;* *b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu*	**Điều 57. Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng** 1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh: a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 56 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp người khai hải quan không có thông tin vận đơn thứ cấp thì cung cấp số tiếp nhận hồ sơ tàu biển nhập cảnh cho người phát hành vận đơn thứ cấp để khai đầy đủ thông tin vận đơn thứ cấp trong thời hạn quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung đối với chứng từ quy định tại	**Ban GSQL (NV5)** Cơ bản kế thừa nội dung tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, chỉnh sửa cho phù hợp với thực tế triển khai thực hiện Quy định rõ nội dung quy định thực hiện thủ tục hồ sơ giấy khi Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng hoặc trong trường hợp tàu biển không IMO, không hô hiệu đảm bảo phù hợp với thực tiễn Quy định rõ nguyên tắc thực hiện kiểm tra, giám sát với phương tiện vận tải tài xuất cảnh, nhập cảnh, phân định rõ thẩm quyền trong việc quyết định tạm hoãn khởi hành, dừng phương tiện vận tải, kiểm tra phương tiện phù hợp với thẩm quyền quy định tại luật hải quan

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung đối với chứng từ quy định tại điểm a.6, điểm a.7, điểm a.8 khoản 1 Điều 65 Nghị định này trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; *c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu biển không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;* *d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan nộp 01 bộ hồ sơ giấy theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh.* *Ngay sau khi sự cố Hệ thống được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin chứng từ điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.* *Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh;* *đ) Trường hợp tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh có hoạt động chuyển tải, sang mạn tại khu neo đậu, chuyển tải do cơ quan có thẩm quyền công bố thì trước khi tàu biển đến khu vực neo đậu, chuyển tải, người khai hải quan thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn cho cơ quan hải*	điểm a.6, điểm a.7, điểm a.8 khoản 1 Điều 56 Nghị định này trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng tàu biển không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố hoặc trường hợp tàu biển không có hô hiệu hoặc số IMO, người khai hải quan nộp 01 bộ hồ sơ giấy theo quy định của pháp luật về hàng hải cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh. Ngay sau khi sự cố hệ thống được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này, người khai hải quan nộp văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy và chứng từ giải trình, chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung, hủy cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh; đ) Trường hợp tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh có hoạt động chuyển tải, sang mạn tại khu neo đậu, chuyển tải do cơ quan có thẩm quyền công bố thì trước khi tàu biển đến khu vực neo đậu, chuyển tải, người khai hải quan thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cho cơ quan hải quan quản lý khu vực chuyển tải, sang mạn để thực hiện giám sát theo quy định. 2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh: a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
quan quản lý khu vực chuyển tải, sang mạn để thực hiện giám sát theo quy định. *2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:* *a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin khai không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ;* *b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ.* *3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh:* *a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.* *Đối với tàu biển nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng hải biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.* *Đối với tàu biển thuộc danh sách từ chối,*	tin khai đầy đủ. Đối với thông tin khai không đầy đủ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan; b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ và cấp số tiếp nhận hồ sơ. 3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh: a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai hải quan và các bên liên quan. Đối với tàu biển nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng hải biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Đối với tàu biển thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu biển không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan; b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho Cảng vụ hàng hải để làm thủ tục cho tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh; c) Cơ quan hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu biển vận chuyển hàng hóa gây ô nhiễm môi trường của những tàu không thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 hoặc điểm c khoản 4 Điều 58 Nghị định	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc tàu biển không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan; *b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho Cảng vụ hàng hải để làm thủ tục cho tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh;* *c) Cơ quan hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với tàu biển vận chuyển hàng hóa gây ô nhiễm môi trường của Hãng tàu không thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 hoặc điểm c khoản 4 Điều 68 Nghị định này.* *Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng, cơ quan kiểm dịch và cơ quan có thẩm quyền khác thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.* *4. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ hải quan đối với tàu biển quá cảnh, chuyển cảng:* *a) Đối với tàu biển quá cảnh* *Thủ tục hải quan đối với tàu biển quá cảnh được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này ngay tại cơ quan hải quan tại nơi tàu biển nhập cảnh.* *Trường hợp tàu biển quá cảnh đi qua lãnh hải phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 23 Luật Biển Việt Nam năm 2012; thủ tục nhập cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên, thủ tục xuất cảnh thực hiện	này. Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng, cơ quan kiểm dịch và cơ quan có thẩm quyền khác thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định. 4. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ hải quan đối với tàu biển quá cảnh, chuyển cảng: a) Đối với tàu biển quá cảnh: Thủ tục hải quan đối với tàu biển quá cảnh được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Thủ tục nhập cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên, thủ tục xuất cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu xuất cuối cùng. Trường hợp tàu biển quá cảnh đi qua lãnh hải Việt Nam đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 thì không phải làm thủ tục hải quan. b) Đối với tàu biển chuyển cảng: b.1) Trường hợp tàu biển có kế hoạch chuyển cảng đến một cảng biển khác tại Việt Nam, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi tiếp nhận thông tin tàu chuyển cảng do Cảng vụ hàng hải, Hãng tàu hoặc Đại lý hãng tàu chuyển đến, lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo chỉ tiêu thông tin quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính gửi đến cơ quan hải quan nơi tàu dự kiến đến; b.2) Cơ quan hải quan tại nơi tàu đến tiếp nhận phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng, phản hồi thông tin cho hải quan nơi lập phiếu và thực hiện thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này; b.3) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
tại cơ quan hải quan cửa khẩu xuất cuối cùng; *b) Đối với tàu biển chuyển cảng:* *b.1) Trường hợp tàu biển có kế hoạch chuyển cảng đến một cảng biển khác tại Việt Nam, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi tiếp nhận thông tin tàu chuyển cảng do Cảng vụ hàng hải, Hãng tàu/Đại lý hãng tàu chuyển đến, lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo chỉ tiêu thông tin quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính gửi đến cơ quan hải quan nơi tàu dự kiến đến;* *b.2) Cơ quan hải quan tại nơi tàu đến tiếp nhận phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng, phản hồi thông tin cho hải quan nơi lập phiếu và thực hiện thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này;* *b.3) Trường hợp Hệ thống gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi thực hiện lập Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; niêm phong cùng bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định này giao người khai hải quan chuyển cho cơ quan hải quan nơi tàu đến.* *Cơ quan hải quan nơi tàu đến tiếp nhận từ người khai hải quan bộ hồ sơ đã niêm phong do cơ quan hải quan nơi tàu rời đi chuyển đến, phản hồi thông tin cho cơ quan hải quan nơi lập phiếu chuyển hồ sơ.* *5. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng:* *a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người khai hải quan trong thời hạn*	gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi thực hiện lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; niêm phong cùng bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Nghị định này giao người khai hải quan chuyển cho cơ quan hải quan nơi tàu đến. Cơ quan hải quan nơi tàu đến tiếp nhận từ người khai hải quan bộ hồ sơ đã niêm phong do cơ quan hải quan nơi tàu rời đi chuyển đến, phản hồi thông tin cho cơ quan hải quan nơi lập phiếu chuyển hồ sơ. 5. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng: a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung, hủy và phản hồi cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ. Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận; b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; trường hợp có vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật. c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ. 6. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu biển xuất	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
01 giờ kể từ thời điểm nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ. *Đối với thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi từ chối chấp nhận (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận;* *b) Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục căn cứ thông tin giải trình, chứng minh do người khai hải quan nộp để kiểm tra nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, hủy để cập nhật vào hệ thống hoặc nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối chấp nhận và phản hồi kết quả xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;* *c) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng tiếp nhận hồ sơ giấy, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của các chứng từ trong thời hạn 01 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận hồ sơ.* *6. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng:* *a) Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, biện pháp giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải;* *b) Trong quá trình giám sát tàu biển neo đậu, bốc, dỡ hàng hóa, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, nếu có cơ sở xác định trên tàu biển có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển*	cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng: a) Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng, kế hoạch chuyển tải, sang mạn của tàu biển đã được cơ quan hải quan đồng ý và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), Hải quan cửa khẩu nơi có tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, giám sát hải quan phù hợp; b) Trong quá trình giám sát tàu biển neo đậu, bốc, dỡ hàng hóa, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp có cơ sở xác định trên tàu biển có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hoặc quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để khám xét. Cơ quan hải quan thông báo việc tạm hoãn khởi hành, dừng phương tiện vận tải cho Cảng vụ hàng hải và hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
trái phép, Đội trưởng Hải quan quản lý địa bàn giám sát, Đội trưởng Hải quan làm thủ tục tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền quyết định kiểm tra thực tế tàu biển, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật liên quan hoặc thực hiện dừng, tạm hoãn việc khởi hành tàu biển theo quy định của pháp luật; *c) Trên cơ sở thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn, cơ quan hải quan thực hiện giám sát trên nguyên tắc quản lý rủi ro.*		
Điều 68. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển, Thuyền trưởng và Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền *1. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải:* *a) Ngay sau khi nhận được xác báo về thời gian tàu đến cảng hoặc thời gian dự kiến tàu rời cảng, Cảng vụ hàng hải phải thông báo ngay cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển biết để phối hợp;* *b) Ngay sau khi quyết định điều động tàu xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh vào cảng, thay đổi vị trí neo đậu của tàu, thuyền (nếu có), Cảng vụ hàng hải phải thông báo cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển về thời gian và địa điểm được chỉ định cho tàu, thuyền vào neo đậu tại cảng biển;* *c) Cảng vụ hàng hải nơi làm thủ tục cho tàu*	**Điều 58. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải, doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển, thuyền trưởng và hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền** 1. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải: a) Ngay sau khi nhận được xác báo về thời gian tàu đến cảng hoặc thời gian dự kiến tàu rời cảng, Cảng vụ hàng hải phải thông báo ngay cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển biết để phối hợp; b) Ngay sau khi quyết định điều động tàu xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh vào cảng, thay đổi vị trí neo đậu của tàu, thuyền (nếu có), Cảng vụ hàng hải phải thông báo cho cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển về thời gian và địa điểm được chỉ định cho tàu, thuyền vào neo đậu tại cảng biển; c) Cảng vụ hàng hải nơi làm thủ tục cho tàu vào hoặc rời cảng gửi giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động cho cơ quan hải quan tại cảng đó qua Cổng thông	Kế thừa nội dung Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Điều chỉnh "doanh nghiệp cảng biển" thành "doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển" phù hợp với quy định tại pháp luật hàng hải

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
vào hoặc rời cảng gửi giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động cho cơ quan hải quan tại cảng đó qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp Cảng vụ hàng hải chưa kết nối qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì ngay khi cấp giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động tại cảng đó thì Cảng vụ hàng hải gửi 01 bản chụp cho cơ quan hải quan; *d) Chia sẻ thông tin hệ thống nhận dạng tự động tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan để phục vụ công tác quản lý, giám sát hải quan.* *2. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng biển:* *a) Chia sẻ thông tin ca-mê-ra với cơ quan hải quan để phục vụ việc giám sát hải quan đối với tàu biển và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ tại khu vực cảng biển;* *b) Trước khi dỡ hàng xuống cảng, doanh nghiệp kinh doanh cảng phải thông báo cho cơ quan hải quan vị trí kho, bãi dự kiến lưu giữ hàng hóa nhập khẩu;* *c) Phối hợp thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra tại khu vực cảng biển theo quy định của Luật Hải quan và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.* *3. Trách nhiệm của Thuyền trưởng:* *a) Điều khiển phương tiện vận tải nhập cảnh từ khi đến lãnh thổ Việt Nam cho đến khi tới địa bàn hoạt động hải quan, điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh từ địa bàn hoạt động hải quan cho đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đi đúng tuyến đường, neo đậu tại vị trí do cơ quan có*	tin một cửa quốc gia. Trường hợp Cảng vụ hàng hải chưa kết nối qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì ngay khi cấp giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động tại cảng đó, Cảng vụ hàng hải gửi 01 bản sao cho cơ quan hải quan; d) Chia sẻ thông tin hệ thống nhận dạng tự động tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan để phục vụ công tác quản lý, giám sát hải quan. 2. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển: a) Chia sẻ thông tin ca-mê-ra với cơ quan hải quan để phục vụ việc giám sát hải quan đối với tàu biển và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ tại khu vực cảng biển; b) Trước khi dỡ hàng xuống cảng, doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển phải thông báo cho cơ quan hải quan vị trí kho, bãi dự kiến lưu giữ hàng hóa nhập khẩu; c) Phối hợp thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đưa vào, lưu giữ, đưa ra tại khu vực cảng biển theo quy định của Luật Hải quan và quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 3. Trách nhiệm của Thuyền trưởng: a) Điều khiển phương tiện vận tải nhập cảnh từ khi đến lãnh thổ Việt Nam cho đến khi tới địa bàn hoạt động hải quan, điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh từ địa bàn hoạt động hải quan cho đến khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đi đúng tuyến đường, neo đậu tại vị trí do cơ quan có thẩm quyền quy định. Trường hợp phải thay đổi tuyến đường, vị trí neo đậu phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép; b) Chỉ được phép chuyển tải, sang mạn hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải khi có sự đồng ý của	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
thẩm quyền quy định. Trường hợp phải thay đổi tuyến đường, vị trí neo đậu phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép; *b) Chỉ được phép chuyển tải, sang mạn hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải khi có sự đồng ý của cơ quan hải quan tại vị trí được phép neo đậu do cơ quan có thẩm quyền cấp phép;* *c) Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan.* *4. Trách nhiệm của Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền:* *a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định;* *b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan;* *c) Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan.*	cơ quan hải quan tại vị trí được phép neo đậu do cơ quan có thẩm quyền cấp phép; c) Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan. 4. Trách nhiệm của hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền: a) Khai báo hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin và đúng thời hạn theo quy định; b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung thông tin đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình hoặc gửi đến Cổng thông tin một cửa quốc gia; về sự thống nhất nội dung thông tin giữa hồ sơ lưu tại doanh nghiệp với hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan; c) Vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do hãng tàu hoặc người được hãng tàu ủy quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan.	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
Mục 3 **THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI TÀU HỎA LIÊN VẬN QUỐC TẾ NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH**	**Mục 3** **~~THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI~~ TÀU HỎA LIÊN VẬN QUỐC TẾ NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH**	**Ban GSQL (NV5)** Sửa lại kết cấu mục theo các loại hình phương tiện vận tải tương ứng.
Điều 69. Hồ sơ hải quan đối với tàu nhập cảnh 1. Tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới: a) Giấy giao tiếp hàng hóa: 01 bản chính; b) Vận đơn: 01 bản chụp; c) Bản trích lược khai hàng hóa nhập khẩu dỡ xuống từng ga đường sắt liên vận quốc tế theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành: 02 bản chính; d) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có): 01 bản chính; đ) Bảng kê nhiên liệu, dụng cụ, thực phẩm mang theo của tàu (nếu có): 01 bản chính. 2. Tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa: a) Các chứng từ nêu tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều này; b) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có): 01 bản chính. ***Điều 70. Hồ sơ hải quan đối với tàu xuất cảnh*** *1. Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa:* *a) Bản xác báo thứ tự lập tàu đối với tàu khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: 01 bản chính;*	**Điều 59. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh** 1. Hồ sơ hải quan, thời hạn nộp hồ sơ đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh: a) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới: a.1) Giấy giao tiếp hàng hóa; a.2) Vận đơn; a.3) Bản trích lược khai hàng hóa nhập khẩu dỡ xuống từng ga đường sắt liên vận quốc tế theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; a.4) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có); a.5) Bảng kê nhiên liệu, dụng cụ, thực phẩm mang theo của tàu (nếu có). b) Tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa: b.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.2, điểm a.3 khoản 1 Điều này; b.2) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có). c) Thời hạn nộp, khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 39 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP. 2. Hồ sơ hải quan, thời hạn nộp hồ sơ đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh: a) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: a.1) Bản xác báo thứ tự lập tàu đối với tàu khách làm	**Ban GSQL (NV5)** Cơ bản kế thừa nội dung quy định tại Điều 69, 70 , 71 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP , kết cấu lại nội dung, nội dung quy định về hồ sơ hải quan, thời hạn nộp hồ sơ hải quan tại Điều 69, 70, 71 tại Nghị định hiện hành, bổ sung quy định về thời hạn khai sửa đổi, bổ sung thông tin hồ sơ với tàu liên vận quốc tế để quy định tại Điều 59 dự thảo Nghị định;

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
b) Vận đơn (nếu có): 01 bản chụp; *c) Bản trích lược khai hàng hóa tại ga liên vận quốc tế trong nội địa theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;* *d) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có): 01 bản chính.* *2. Tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới:* *a) Chứng từ nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;* *b) Giấy giao tiếp hàng hóa: 01 bản chính;* *c) Bản xác báo thứ tự lập tàu: 01 bản chính;* *d) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có): 01 bản chính.*	thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa; a.2) Vận đơn (nếu có); a.3) Bản trích lược khai hàng hóa tại ga liên vận quốc tế trong nội địa theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; a.4) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có). b) Tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới: b.1) Chứng từ quy định tại điểm a.2, điểm a.3 khoản này; b.2) Giấy giao tiếp hàng hóa; b.3) Bản xác báo thứ tự lập tàu; b.4) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có). c) Thời hạn nộp, khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 và khoản 2 Điều 39 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP.	
Điều 71. Thời hạn cung cấp thông tin và tiếp nhận hồ sơ hải quan *1. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan:* *a) Đối với tàu nhập cảnh:* *a.1) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới: Người khai hải quan nộp chứng từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 69 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm của các chứng từ tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 69 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới;*	**Bãi bỏ Điều 71**	**Ban GSQL (NV5)** Gộp phần hồ sơ và thời hạn nộp hồ sơ thành 01 Điều; phần nội dung quy định đến thủ tục thực hiện đưa vào nội dung quy định tại điều về thủ tục thực hiện

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
a.2) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: Nộp các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa. *Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng thì người khai hải quan nộp cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới chứng từ giấy quy định tại khoản 1 Điều 69 Nghị định khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới và nộp cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa.* *b) Đối với tàu xuất cảnh:* *b.1) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: Người khai hải quan nộp chứng từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 70 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm của các chứng từ tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng;* *b.2) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới: Nộp các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng.* *Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng thì người khai hải quan nộp cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa chứng từ giấy quy định tại*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
khoản 1 Điều 70 Nghị định này trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng. Nộp, xuất trình cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng. *c) Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định.* *2. Thời hạn sửa đổi bổ sung thông tin hồ sơ hải quan* *Người khai hải quan khai sửa đổi, bổ sung các chứng từ, chỉ tiêu thông tin trước và sau khi hoàn thành kiểm tra hồ sơ đối với tàu nhập cảnh hoặc tàu xuất cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này và trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan.* *3. Tiếp nhận hồ sơ hải quan đối với tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh:* *a) Ngay sau khi người khai hải quan cung cấp thông tin hồ sơ hải quan tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động tiếp nhận, xử lý thông tin khai báo và phản hồi kết quả khai báo thành công cho người khai hải quan khi thông tin khai báo đầy đủ các chứng từ quy định tại Điều 69, Điều 70 Nghị định này.* *Trường hợp thông tin hồ sơ hải quan không đầy đủ, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan sẽ phản hồi và yêu cầu người khai hải quan thực hiện việc khai sửa đổi, bổ sung theo quy định;* *b) Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hải quan gặp sự cố thì hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới và ga liên vận quốc tế ở nội địa thực hiện tiếp nhận các chứng từ giấy do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này.		
Điều 71. Thời hạn cung cấp thông tin và tiếp nhận hồ sơ hải quan[106] *1. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan:* *a) Đối với tàu nhập cảnh:* *a.1) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới: Người khai hải quan nộp chứng từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 69 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm của các chứng từ tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 69 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới;* *a.2) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: Nộp các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa.* *Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng thì người khai hải quan nộp cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới chứng từ giấy quy định tại khoản 1 Điều 69 Nghị định khi tàu đến ga liên vận quốc tế ở biên giới và nộp cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa các chứng từ tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này khi tàu đến ga liên vận quốc tế trong nội địa.* *b) Đối với tàu xuất cảnh:* *b.1) Tại ga liên vận quốc tế trong nội địa: Người*	**Điều 60. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh** 1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh: a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 59 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, người khai hải quan nộp cho Hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới chứng từ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 59 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khi phương tiện vận tải đến ga liên vận quốc tế ở biên giới. b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; c) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng phương tiện không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. 2. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh: Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan	**Ban GSQL (NV5)** Kế thừa nội dung tại Điều 71 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. + Kết cấu lại nội dung liên quan đến hướng dẫn thủ tục hải quan với tàu hỏa liên vận quốc tế theo hướng quy định theo quy trình thủ tục từ khai báo của người khai hải quan đến việc tiếp nhận và xử lý của cơ quan hải quan tại Điều 60 dự thảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 336/2026/NĐ-CP về việc thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử khi triển khai thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng. Thủ tục với tàu hỏa liên vận khi thực hiện hồ sơ giấy (chưa thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia) cơ bản kế thừa nội dung quy định tại dự thảo hiện hành. Phân định rõ công tác giám sát tàu hỏa liên vận và hoạt động kiểm tra tàu hỏa liên vận của cơ quan hải quan tại Điều 60 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 72 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP) để đảm bảo thống nhất; - Bổ sung quy định hướng dẫn với trường hợp chuyển tải, sang toa, cắt toa, xếp dỡ hàng hóa, hành lý chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại Điều 70 Luật Hải quan.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
khai hải quan nộp chứng từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 70 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp bản đính kèm của các chứng từ tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng; *b.2) Tại ga liên vận quốc tế ở biên giới: Nộp các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng.* *Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng thì người khai hải quan nộp cho hải quan ga liên vận quốc tế trong nội địa chứng từ giấy quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định này trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng. Nộp, xuất trình cho hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới các chứng từ quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định này trước khi tàu rời ga 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng.* *c) Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định.* *2. Thời hạn sửa đổi bổ sung thông tin hồ sơ hải quan* *Người khai hải quan khai sửa đổi, bổ sung các chứng từ, chỉ tiêu thông tin trước và sau khi hoàn thành kiểm tra hồ sơ đối với tàu nhập cảnh hoặc tàu xuất cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này và trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu*	ngay khi nhận được thông tin khai đầy đủ. Đối với thông tin khai không đầy đủ, Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động phản hồi từ chối tiếp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do) cho người khai hải quan. Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, Hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới tiếp nhận hồ sơ từ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 59 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khi phương tiện vận tải đến ga liên vận quốc tế ở biên giới. 3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh: a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai hải quan và các bên liên quan. Đối với tàu hỏa liên vận quốc tế nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, Trưởng ga, Trưởng tàu biết để không dỡ hàng hóa xuống trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Đối với tàu hỏa liên vận quốc tế thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, Trưởng ga, Trưởng tàu về việc phương tiện vận tải đường bộ không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan; b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho Trưởng ga, Trưởng tàu hỏa liên vận để làm thủ tục cho tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
vực giám sát hải quan. *3. Tiếp nhận hồ sơ hải quan đối với tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh:* *a) Ngay sau khi người khai hải quan cung cấp thông tin hồ sơ hải quan tàu liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động tiếp nhận, xử lý thông tin khai báo và phản hồi kết quả khai báo thành công cho người khai hải quan khi thông tin khai báo đầy đủ các chứng từ quy định tại Điều 69, Điều 70 Nghị định này.* *Trường hợp thông tin hồ sơ hải quan không đầy đủ, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan sẽ phản hồi và yêu cầu người khai hải quan thực hiện việc khai sửa đổi, bổ sung theo quy định;* *b) Trường hợp Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố thì hải quan ga liên vận quốc tế ở biên giới và ga liên vận quốc tế ở nội địa thực hiện tiếp nhận các chứng từ giấy do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này.*	hoặc nhập cảnh. 4. Kiểm tra, giám sát hải quan: a) Kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ về số hiệu toa xe, số lượng toa xe hoặc container, số niêm phong (nếu có) với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; b) Niêm phong hải quan từng toa xe chứa hàng hóa, hành lý ký gửi đang chịu sự giám sát hải quan được vận chuyển tiếp đến ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa; trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời thì Trưởng tàu chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, hành lý ký gửi, toa xe trong quá trình vận chuyển đến ga đích theo quy định; c) Bàn giao hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa hoặc biên giới trong trường hợp có vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đến ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa đối với tàu nhập cảnh hoặc biên giới đối với tàu xuất cảnh theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; d) Trường hợp nộp hồ sơ giấy do Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, cơ quan hải quan xác nhận và đóng dấu lên những giấy tờ do Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp nộp; niêm phong hồ sơ hải quan các chứng từ bàn giao cho Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp chuyển đến Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa theo quy định; đ) Xác nhận và hồi báo cho Hải quan ga đường sắt	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa về việc tiếp nhận hàng hóa, hồ sơ lô hàng đang chịu sự giám sát hải quan và tình hình hàng hóa được chuyển đến. Lưu hồ sơ hải quan gồm: Bản trích lược khai hàng hóa và các chứng từ liên quan theo quy định; c) Trong quá trình giám sát tàu hỏa liên vận quốc tế dừng đỗ, bốc, dỡ hàng hóa, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp có cơ sở xác định trên tàu hỏa liên vận quốc tế có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hoặc quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để khám xét. Khi thực hiện việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải, cơ quan hải quan thông báo cho các cơ quan có liên quan và người khai hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. 5. Trước khi hoàn thành kiểm tra hồ sơ đối với tàu nhập cảnh hoặc tàu xuất cảnh, Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp được thực hiện khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan trong các trường hợp sau: a) Hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu có sự sai lệch như tên hàng, trọng lượng, số lượng (tăng hay giảm) giữa hàng hóa thực tế chuyên chở so với chứng từ vận đơn, bản trích lược khai, giấy giao tiếp hàng hóa, đã nộp cho cơ quan hải quan; b) Những thay đổi khác so với chứng từ đã nộp về phương tiện, hàng hóa, hành lý xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ trong kho, bãi, xuất kho, nhập kho;	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	c) Việc khai sửa đổi, bổ sung phải thực hiện trước khi đưa phương tiện, hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan. 6. Trường hợp chuyển tải, sang toa, cắt toa, xếp dỡ hàng hóa, hành lý trên phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan chỉ được tiến hành khi có sự đồng ý của cơ quan hải quan. a) Trách nhiệm của người khai hải quan: Có văn bản thông báo việc chuyển tải, sang toa, cắt toa, xếp dỡ hàng hóa, hành lý theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Khi thực hiện việc chuyển tải, sang toa, cắt toa, xếp dỡ hàng hóa, hành lý phải đảm bảo giữ nguyên trạng bao bì, thùng, kiện. b) Trách nhiệm của cơ quan hải quan: Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh thông báo việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chuyển tải, sang toa, cắt toa, xếp dỡ hàng hóa, hành lý trên phương tiện vận tải. Cơ quan hải quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát hải quan với hàng hóa, hành lý, toa xe được chuyển tải, sang toa, cắt toa theo quy định tại khoản 4 Điều này.	
Điều 72. Trách nhiệm của cơ quan hải quan *1. Xử lý hồ sơ hải quan do người khai nộp và xuất trình theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này như sau:* *a) Kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ về số hiệu toa xe, số lượng toa xe hoặc container, số niêm phong (nếu có) với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi;*		**Ban GSQL (NV5)** Kế thừa nội dung tại Điều 72 Nghị định 08/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP về trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, giám sát với PTVT. Bổ sung quy định về nguyên tắc thực hiện việc kiểm tra, giám sát phương tiện để đảm bảo minh bạch, thống nhất. Sửa dẫn chiếu điều để đảm bảo phù hợp, thống nhất.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
b) Niêm phong hải quan từng toa xe chứa hàng hóa, hành lý ký gửi đang chịu sự giám sát hải quan được vận chuyển tiếp đến ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa; trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời thì Trưởng tàu chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, hành lý ký gửi, toa xe trong quá trình vận chuyển đến ga đích theo quy định; *c) Bàn giao hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa hoặc biên giới trong trường hợp có vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đến ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa đối với tàu nhập cảnh hoặc biên giới đối với tàu xuất cảnh theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;* *d) Xác nhận và đóng dấu lên những giấy tờ do Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp nộp; niêm phong hồ sơ hải quan các chứng từ bàn giao cho Trưởng ga hoặc Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp chuyển đến Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa theo quy định;* *đ) Xác nhận và hồi báo cho Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa về việc tiếp nhận hàng hóa, hồ sơ lô hàng đang chịu sự giám sát hải quan và tình hình hàng hóa được chuyển đến. Lưu hồ sơ hải quan gồm: Bản lược khai hàng hóa và các chứng từ liên quan theo*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
quy định; *e) Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan, Đội trưởng Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.* 2. Tổ chức giám sát, kiểm soát đối với tàu nhập cảnh, tàu xuất cảnh trong phạm vi địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan như sau: a) Giám sát phương tiện (bao gồm container rỗng, toa rỗng, xe rỗng) chuyên chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát hàng hóa xuất khẩu cho đến khi hàng hóa ra khỏi địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan, giám sát hàng hóa nhập khẩu cho đến khi thông quan, giải phóng hàng và đưa ra khỏi địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan; b) Giám sát hành lý, hàng hóa của người nhập cảnh, tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu ngay khi họ rời khỏi tàu để vào khu vực nhập cảnh hoặc khu vực cách ly; c) Giám sát hành lý, hàng hóa của người xuất cảnh, tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu ngay khi họ rời khu vực xuất cảnh hoặc khu vực cách ly để lên tàu xuất cảnh; d) Giám sát hàng hóa, hành lý ký gửi được vận chuyển từ kho lưu giữ, từ khu vực xuất cảnh đến tàu để xếp lên tàu và hàng hóa, hành lý ký gửi dỡ từ tàu được vận chuyển đến kho lưu giữ, đến khu vực nhập cảnh; đ) Giám sát túi ngoại giao, túi lãnh sự nếu nhận, gửi túi tại khu vực sân đỗ tàu; e) Trên cơ sở kết quả thu thập và xử lý các		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
thông tin về tàu nhập cảnh tàu xuất cảnh, bố trí lực lượng tuần tra, kiểm soát phù hợp với đặc điểm từng chuyến tàu. *3. Thời hạn cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan đối với tàu liên vận nhập cảnh, xuất cảnh: Không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp, xuất trình đầy đủ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này.*		
Điều 73. ***Trách nhiệm của Trưởng ga và Trưởng tàu liên vận quốc tế*** *1. Trách nhiệm của Trưởng ga:* *a) Thông báo trước qua mạng máy tính, văn bản, điện fax cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế thông tin về hành trình tàu nhập cảnh, xuất cảnh gồm: số hiệu đầu tàu, toa xe; vị trí, thời gian tàu đến, dừng, rời ga liên vận; thông tin về hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, hành lý của hành khách nhập cảnh, xuất cảnh gồm: vị trí, thời gian xếp, dỡ lên xuống tàu và các thông tin thay đổi có liên quan đến tàu, hàng hóa, hành lý;* *b) Xác nhận và đóng dấu lên những chứng từ do Trưởng tàu nộp để làm thủ tục hải quan;* *c) Nộp, xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thực hiện thủ tục hải quan theo quy định;* *d) Chịu trách nhiệm về tính xác thực về nội dung các chứng từ nộp cho cơ quan hải quan;* *đ) Bố trí kho, bãi lưu giữ hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu tách biệt với khu vực khai thác hàng hóa nội địa, đảm bảo việc giám sát hải quan đối với tàu liên vận quốc tế và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Phối hợp với cơ quan hải quan trong*	**Điều 61. Trách nhiệm của Trưởng ga và Trưởng tàu liên vận quốc tế** 1. Trách nhiệm của Trưởng ga: a) Thông báo trước qua mạng máy tính, văn bản, điện fax cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế thông tin về hành trình tàu nhập cảnh, xuất cảnh gồm: số hiệu đầu tàu, toa xe; vị trí, thời gian tàu đến, dừng, rời ga liên vận; thông tin về hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, hành lý của hành khách nhập cảnh, xuất cảnh gồm: vị trí, thời gian xếp, dỡ lên xuống tàu và các thông tin thay đổi có liên quan đến tàu, hàng hóa, hành lý; b) Xác nhận và đóng dấu lên những chứng từ do Trưởng tàu nộp để làm thủ tục hải quan; c) Nộp, xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thực hiện thủ tục hải quan theo quy định; d) Chịu trách nhiệm về tính xác thực về nội dung các chứng từ nộp cho cơ quan hải quan; đ) Bố trí kho, bãi lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tách biệt với khu vực khai thác hàng hóa nội địa, đảm bảo việc giám sát hải quan đối với tàu liên vận quốc tế và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Phối hợp với cơ quan hải quan trong việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát để ngăn chặn và phát hiện kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật hải quan trên tàu và tại các ga đường sắt liên vận quốc tế.	**Ban GSQL (NV5)** Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát để ngăn chặn và phát hiện kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật hải quan trên tàu và tại các ga đường sắt liên vận quốc tế. 2. Trách nhiệm của Trưởng tàu: a) Nộp, xuất trình đúng, đủ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thực hiện thủ tục hải quan theo quy định; b) Chịu trách nhiệm về tính xác thực về nội dung các chứng từ nộp cho Trưởng ga và cơ quan hải quan; c) Phối hợp với Trưởng ga trong việc thực hiện thủ tục hải quan (bao gồm luân chuyển hồ sơ hải quan giữa Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới và ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa) theo quy định; d) Đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan (nếu có), niêm phong của hãng vận tải trong quá trình vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan.	2. Trách nhiệm của Trưởng tàu: a) Nộp, xuất trình đúng, đủ các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và thực hiện thủ tục hải quan theo quy định; b) Chịu trách nhiệm về tính xác thực về nội dung các chứng từ nộp cho Trưởng ga và cơ quan hải quan; c) Phối hợp với Trưởng ga trong việc thực hiện thủ tục hải quan (bao gồm luân chuyển hồ sơ hải quan giữa Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới và ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa) theo quy định; d) Đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan (nếu có), niêm phong của hãng vận tải trong quá trình vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan.	
Mục 4 **THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI Ô TÔ, MÔ TÔ, XE GẮN MÁY PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH**	**Mục 4** **~~THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI Ô TÔ, MÔ TÔ, XE GẮN MÁY~~ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH**	**Ban GSQL (NV5)** Sửa lại kết cấu mục theo các loại hình phương tiện vận tải tương ứng.
Điều 74. Hồ sơ, thời hạn khai hải quan nhập cảnh đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập và ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tái nhập *1. Hồ sơ đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh:* *a) Giấy phép liên vận hoặc giấy phép vận tải hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm*	**Điều 62. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh** 1. Hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ nhập cảnh: a) Giấy phép liên vận hoặc giấy phép vận tải hoặc văn bản cho phép do cơ quan có thẩm quyền cấp: Nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để kiểm tra đối chiếu	**Ban GSQL (NV5)** - Kế thừa nội dung quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Gộp nội dung quy định thành 01 Điều quy định chung về hồ sơ hải quan, thời hạn nộp hồ sơ. Thay cụm từ "văn bản chấp thuận" bằng "văn bản cho phép" để đảm bảo tính bao quát;

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
quyền cấp: Nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính; *b) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách: nộp 01 bản chính;* *c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập có xác nhận tạm xuất của Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm xuất: Nộp 01 bản chính;* *d) Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu: 01 bản chính.* *Các chứng từ quy định tại các điểm b, c và d khoản này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.* *2. Thời hạn nộp hồ sơ:* *a) Người khai hải quan nộp bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan hải quan khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới;* *b) Người khai hải quan được khai sửa đổi, bổ sung các chứng từ quy định tại khoản 1 Điều này trước khi đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan;* *c) Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định.* *3. Đối với ô tô nhập cảnh theo Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS)* thì thực hiện theo quy định tại Hiệp định và các văn bản hướng dẫn. ***Điều 75. Hồ sơ, thời hạn khai hải quan***	đối với lần đầu nhập cảnh hoặc khi được cấp mới. Đối với các lần nhập cảnh tiếp theo, xuất trình bản chính để cơ quan hải quan xác nhận theo quy định của các Hiệp định vận tải có liên quan. b) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách; c) Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất, hoặc tờ khai hải quan phương tiện đường bộ tạm xuất - tái nhập có xác nhận về việc tạm xuất; d) Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa quá cảnh. 2. Hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh: a) Giấy phép liên vận hoặc giấy phép vận tải hoặc văn bản cho phép do cơ quan có thẩm quyền cấp: Nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính để kiểm tra đối chiếu đối với lần đầu xuất cảnh hoặc khi được cấp mới. Đối với các lần xuất cảnh tiếp theo, xuất trình bản chính để cơ quan hải quan xác nhận theo quy định của các Hiệp định vận tải có liên quan. b) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách; c) Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập hoặc tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất có xác nhận về việc tạm nhập. 3. Các trường hợp không phải nộp giấy phép liên vận hoặc giấy phép vận tải quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này: a) Trường hợp chứng từ đã được chia sẻ từ cơ quan có thẩm quyền cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;	- Dự thảo cũng bổ sung quy định việc không phải nộp giấy tờ hồ sơ phương tiện vận tải trong trường hợp các hồ sơ giấy tờ này được chia sẻ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia . - Bổ sung việc khai báo bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa quá cảnh. - Kết cấu nội dung quy định thủ tục thực hiện cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh để phù hợp với việc triển khai thủ tục trên môi trường điện tử, bỏ quy định về việc đóng dấu trên tờ khai phương tiện, việc xác nhận của cơ quan hải quan trên tờ khai thực hiện bằng phương thức điện tử (sử dụng tờ khai điện tử), việc đóng dấu lên hồ sơ phương tiện được thực hiện theo quy định tại các Hiệp định vận tải đường bộ tương ứng

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
xuất cảnh đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất và ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tái xuất *1. Hồ sơ đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh:* *a) Giấy phép liên vận hoặc giấy phép vận tải hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền cấp: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính;* *b) Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách: nộp 01 bản chính;* *c) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập: Nộp 01 bản chính.* *Các chứng từ quy định tại điểm b, điểm c khoản này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.* *2. Thời hạn nộp hồ sơ hải quan:* *a) Người khai hải quan nộp bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan hải quan khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới;* *b) Người khai hải quan được khai sửa đổi, bổ sung các chứng từ quy định tại khoản 1 Điều này trước khi phương tiện vận tải xuất cảnh;* *c) Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định.* *3. Đối với ô tô xuất cảnh theo Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS) thì thực hiện theo quy*	b) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền có văn bản cho phép phương tiện vận tải nhập cảnh vào khu vực cửa khẩu để giao, nhận hàng hóa. 4. Thời hạn khai, khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP.	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
định tại Hiệp định và các văn bản hướng dẫn.		
Điều 77. Thủ tục hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh *1. Trách nhiệm người khai hải quan:* *a) Khai và ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu quy định của Bộ Tài chính; nộp và xuất trình bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này. Đưa phương tiện vào vị trí kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan;* *b) Trường hợp khi tái xuất hoặc tái nhập mà người khai hải quan không xuất trình được tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập có xác nhận của Hải quan cửa khẩu thì phải giải trình và khai báo lại trên tờ khai tạm nhập - tái xuất, tờ khai tạm xuất - tái nhập.* *2. Trách nhiệm cơ quan hải quan:* *a) Tiếp nhận hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ;* *b) Kiểm tra hồ sơ; kiểm tra nội dung các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Nghị định này và theo quy định của Chính phủ về quản lý xe cơ giới nước ngoài đưa vào Việt Nam;* *c) Trường hợp hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan;* *d) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì in tờ khai phương tiện tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện tạm xuất - tái nhập từ hệ thống,*	**Điều 63. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh** 1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh a) Người khai hải quan khai chứng từ liên quan quy định tại Điều 62 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố thì người khai hải quan khai và nộp hồ sơ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 62 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cho cơ quan hải quan khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới; c) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; d) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng phương tiện không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ hải quan trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; 2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận hồ sơ cho người khai hải quan ngay khi nhận được thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp thông tin khai	**Ban GSQL (NV5)** Kế thừa nội dung tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP Kết cấu nội dung phù hợp với trường hợp khai báo thủ tục phương tiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, tăng cường ứng dụng việc sử dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết thủ tục PTVT xuất nhập cảnh, hạn chế phụ thuộc vào hồ sơ giấy, đơn giản hóa khi giải quyết thủ tục, giảm thời gian xử lý. + Dự thảo sửa đổi, bổ sung theo hướng phân định rõ công tác kiểm tra, giám sát đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh tại để đảm bảo thống nhất

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
đóng dấu công chức hải quan tiếp nhận và dấu "VIET NAM CUSTOMS" theo mẫu do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành lên tờ khai và lên bản chính giấy phép liên vận hoặc sổ TAD hoặc giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền về việc cho phép phương tiện vận tải xuất nhập cảnh theo quy định tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc theo quy định của pháp luật, giao cho người khai hải quan để làm thủ tục cho phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh; lưu hồ sơ tờ khai do người khai hải quan nộp khi làm thủ tục tái nhập hoặc tái xuất;. *đ) Trường hợp không sử dụng được phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ, cơ quan hải quan cấp phát miễn phí tờ khai phương tiện vận tải cho người khai hải quan; hướng dẫn người khai hải quan khai thông tin vào tờ khai phương tiện vận tải;* *e) Cơ quan hải quan thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.* *3. Kiểm tra hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh* *Trên cơ sở thực hiện quản lý rủi ro hoặc trường hợp có cơ sở xác định trên phương tiện có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Đội trưởng Hải quan quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.* *4. Giám sát hải quan đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh* *a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ*	không đầy đủ, Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động phản hồi từ chối tiếp nhận hồ sơ (nêu rõ lý do) cho người khai hải quan. b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố Hải quan cửa khẩu biên giới tiếp nhận hồ sơ, chứng từ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 62 Nghị định này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khi phương tiện vận tải đến cửa khẩu biên giới. 3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai hải quan và các bên liên quan. Đối với phương tiện vận tải đường bộ nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan và các bên liên quan biết để không dỡ hàng hóa xuống, trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Đối với phương tiện vận tải đường bộ thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc phương tiện vận tải đường bộ không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan; b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, hải quan cửa khẩu xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan giấy như sau: b.1) Đối với trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký tờ khai hải quan, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và hướng dẫn khai bổ sung cho người khai hải quan;	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
quan hải quan chủ trì và sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh; *b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan công an chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát ô tô, mô tô, xe gắn máy nhập cảnh, xuất cảnh.* *5. Trường hợp thực hiện kiểm tra một cửa, một lần dừng thực hiện theo quy định thủ tục hải quan một cửa, một điểm dừng hoặc cơ chế một cửa quốc gia.*	b.2) Đối với trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận đăng ký và xác nhận phương tiện vận tải hoàn thành thủ tục hải quan; ký tên, đóng dấu công chức trên tờ khai hải quan. Ngay sau khi sự cố được khắc phục, Hải quan cửa khẩu phải cập nhật thông tin tờ khai hải quan vào Cổng thông tin một cửa quốc gia. c) Đối với trường hợp các Hiệp định vận tải đường bộ quy định về việc cơ quan hải quan xác nhận trên các hồ sơ, chứng từ của phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập – tái xuất, tạm xuất – tái nhập thì công chức hải quan đóng dấu "VIET NAM CUSTOMS" theo mẫu do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành. 4. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh: a) Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), Hải quan nơi quản lý cửa khẩu đường bộ áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, phương thức giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải; b) Trong quá trình phương tiện vận tải đường bộ dừng đỗ, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp có cơ sở xác định trên phương tiện vận tải đường bộ có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để khám xét. Khi thực hiện việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải, cơ quan hải quan thông báo cho các cơ	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	quan liên quan và người khai hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. 5. Phương tiện vận tải quá cảnh khi nhập cảnh, xuất cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 62 và Điều này.	
Mục 5 *THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH VÀ PHƯƠNG TIỆN QUA LẠI KHU VỰC CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐỂ GIAO NHẬN HÀNG HÓA*	**Mục 5** ~~THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI~~ *PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH VÀ PHƯƠNG TIỆN QUA LẠI KHU VỰC CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐỂ GIAO NHẬN HÀNG HÓA*	**Ban GSQL (NV5)** Sửa lại kết cấu mục theo các loại hình phương tiện vận tải tương ứng.
Điều 79. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ; tiếp nhận và xử lý hồ sơ đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa *1. Hồ sơ hải quan nhập cảnh đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nước ngoài tạm nhập và phương tiện vận tải đường thủy nội địa Việt Nam tái nhập:* *a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan có thẩm quyền: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính;* *b) Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập có xác nhận tạm xuất của Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm xuất: Nộp 01 bản chính;* *c) Bảng kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa: Nộp 01 bản chính;* *d) Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có): Nộp 01 bản chính;*	**Điều 64. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh** 1. Hồ sơ hải quan đối với phương tiện nhập cảnh: a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới hoặc văn bản cho phép do cơ quan có thẩm quyền cấp: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính; b) Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất hoặc Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập; c) Bảng kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa; d) Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa (nếu có); đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa; e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hàng hóa; g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hành khách. 2. Hồ sơ hải quan đối với phương tiện xuất cảnh:	**Ban GSQL (NV5)** - Kế thừa cơ bản nội dung Điều 79 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Kết cấu điều theo hướng thực hiện thủ tục điện tử, trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định tại Nghị định số 336/2026/NĐ-CP - Bổ sung thêm văn bản chấp thuận với trường hợp phương tiện vào khu vực cửa khẩu giao nhận hàng được đồng ý của cơ quan có thẩm quyền. - Sửa dẫn chiếu điều để đảm bảo phù hợp, thống nhất.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa: Nộp 01 bản chính; *e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hàng hóa: Nộp 01 bản chính;* *g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hành khách: Nộp 01 bản chính.* *Các chứng từ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.* *2. Hồ sơ hải quan xuất cảnh đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nước ngoài tái xuất và phương tiện vận tải đường thủy nội địa Việt Nam tạm xuất:* *a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới của cơ quan có thẩm quyền: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính;* *b) Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập hoặc Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất có xác nhận tạm nhập của Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập: Nộp 01 bản chính;* *c) Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có): Nộp 01 bản chính;* *d) Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện thủy nội địa: Nộp 01 bản chính;* *đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa: Nộp 01 bản chính;* *e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận*	a) Giấy phép vận tải thủy qua biên giới hoặc văn bản cho phép do cơ quan có thẩm quyền cấp: nộp 01 bản sao, xuất trình bản chính; b) Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập hoặc Tờ khai hải quan phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất; c) Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa (nếu có); d) Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa; đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa; e) Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hàng hóa; g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hành khách. 3. Các trường hợp không phải nộp giấy phép vận tải thủy qua biên giới hoặc văn bản cho phép do cơ quan có thẩm quyền cấp quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này: a) Trường hợp chứng từ đã được chia sẻ từ cơ quan có thẩm quyền cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia; b) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền có văn bản cho phép phương tiện vận tải nhập cảnh vào khu vực cửa khẩu để giao, nhận hàng hóa. 4. Thời hạn khai, khai sửa đổi, bổ sung và nộp hồ sơ hải quan: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 42 Nghị định số 336/2026/NĐ-CP.	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
chuyển hàng hóa: Nộp 01 bản chính; *g) Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy nội địa vận chuyển hành khách: Nộp 01 bản chính.* *Các chứng từ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản này theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.* *3. Trách nhiệm của người khai hải quan: Khai và ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; xuất trình hồ sơ phương tiện vận tải đường thủy (thuyền xuồng, ca nô) xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với thông tin đã cung cấp cho cơ quan Hải quan.* *Trường hợp khi tái xuất hoặc tái nhập mà người khai hải quan không xuất trình được tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập có xác nhận của Hải quan cửa khẩu thì phải giải trình và khai báo lại trên tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập.* *Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử thì người khai hải quan thực hiện khai báo trên hệ thống theo quy định.* *4. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ:* *a) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ hải quan; thực hiện quản lý rủi ro để kiểm tra hồ sơ,*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
kiểm tra thực tế, xác nhận tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh. *Trường hợp hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan.* *Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì in tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập - tái xuất, tờ khai phương tiện vận tải đường thủy nội địa tạm xuất - tái nhập từ hệ thống, đóng dấu công chức hải quan tiếp nhận và dấu "VIET NAM CUSTOMS" theo mẫu do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành lên tờ khai, giao cho người khai hải quan để làm thủ tục khi tái nhập hoặc tái xuất; lưu hồ sơ tờ khai do người khai hải quan nộp khi làm thủ tục tái nhập hoặc tái xuất;* *b) Trong quá trình giám sát, trường hợp xác định có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp kiểm tra, ngăn chặn, tạm giữ, khám xét theo quy định của pháp luật.* *5. Tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia, tàu thuyền nước ngoài từ Campuchia quá cảnh Việt Nam ra nước ngoài; tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền Campuchia có hô hiệu (IMO) xuất cảnh, nhập cảnh qua đường sông Tiền, sông Hậu thực hiện theo quy định tại Điều 65, Điều 67 và Điều 68 Nghị định này.* *6. Giám sát hải quan phương tiện vận tải đường thủy nội địa:* *a) Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan sử dụng phương tiện kỹ thuật để giám sát phương tiện vận tải đường thủy nội địa*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
nhập cảnh, xuất cảnh; *b) Ngoài địa bàn hoạt động hải quan, các phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh phải chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan, lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật.*		
	Điều 65. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh 1. Khai, nộp hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: a) Người khai hải quan khai chứng từ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 64 Nghị định này theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố thì người khai hải quan thực hiện khai, nộp hồ sơ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 64 Nghị định này cho cơ quan hải quan khi phương tiện vận tải đường thủy nội địa đến cửa khẩu biên giới; c) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh đã nộp, người khai hải quan khai theo các chỉ tiêu thông tin do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và nộp chứng từ giải trình, chứng minh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; d) Trường hợp hồ sơ đã nộp nhưng phương tiện không xuất cảnh, nhập cảnh, người khai hải quan khai và gửi đề nghị hủy hồ sơ trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. 2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh: a) Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động tiếp nhận, kiểm tra thông tin khai và phản hồi số tiếp nhận	**Ban GSQL (NV5)** - Kế thừa nội dung quy định tại Điều 79 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, Kết cấu nội dung để phù hợp với thủ tục thực hiện điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định tại Nghị định số 336/2026/NĐ-CP - Bổ sung nội dung về kiểm tra, giám sát với PTVT XNC, phân định rõ thẩm quyền trong quyết định tạm hoãn khởi hành, dừng phương tiện vận tải, quyết địnhn

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	hồ sơ cho người khai hải quan ngay khi nhận được thông tin khai đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp thông tin khai không đầy đủ, Cổng thông tin một cửa quốc gia tự động phản hồi từ chối tiếp nhận hồ sơ (nêu rõ lý do) cho người khai hải quan. b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, Hải quan cửa khẩu biên giới tiếp nhận hồ sơ, chứng từ giấy quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 64 Nghị định này khi phương tiện vận tải đường thủy nội địa đến cửa khẩu biên giới; 3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh: a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai hải quan và các bên liên quan. Đối với phương tiện thủy nội địa nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan và các bên liên quan biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa thuộc danh sách từ chối, tạm hoãn nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan về việc phương tiện vận tải đường thủy nội địa không đủ điều kiện làm thủ tục hải quan; b) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố, hải quan cửa khẩu tiếp nhận và xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan giấy như sau:	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	b.1) Đối với trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký tờ khai hải quan, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và hướng dẫn khai bổ sung cho người khai hải quan; b.2) Đối với trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận đăng ký tờ khai hải quan, xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải, ký tên, đóng dấu công chức trên tờ khai hải quan; Ngay sau khi sự cố được khắc phục, Hải quan cửa khẩu phải cập nhật thông tin tờ khai hải quan vào Cổng thông tin một cửa quốc gia. 4. Tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia, tàu thuyền nước ngoài từ Campuchia quá cảnh Việt Nam ra nước ngoài; tàu thuyền Việt Nam, tàu thuyền Campuchia có hô hiệu hoặc số IMO xuất cảnh, nhập cảnh qua đường sông Tiền, sông Hậu thực hiện theo quy định tại Điều 56, Điều 57, Điều 58 Nghị định này. 5. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh: a) Trên cơ sở thông tin khai hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh và các nguồn thông tin liên quan khác (nếu có), Hải quan nơi quản lý cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa áp dụng quản lý rủi ro để quyết định hình thức kiểm tra, phương thức giám sát hải quan phù hợp đối với hàng hóa, phương tiện vận tải; b) Trong quá trình phương tiện vận tải đường thủy nội địa dừng đỗ, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp có cơ sở xác định trên phương tiện vận tải đường thủy nội địa có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để kiểm tra, kiểm soát. Khi thực hiện việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải, cơ quan hải quan thông báo cho các cơ quan có liên quan và người khai hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.	
	MỤC 6 ***QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN ĐẶC THÙ***	**Ban GSQL (NV5)** Kết cấu mục của chương để phù hợp với nội dung điều chỉnh
Điều 81. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với một số trường hợp đặc thù *1. Phương tiện vận tải vận chuyển hành khách tuyến cố định, vận chuyển hàng hóa, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu theo giấy phép vận tải hoặc giấy phép liên vận thì người điều khiển phương tiện chỉ phải khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn 30 ngày. Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo được cơ quan hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc hệ thống và thanh khoản tờ khai vào lần tái xuất hoặc tái nhập cuối cùng.* *2. Đối với các trường hợp phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là xe cứu thương, cứu hỏa, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo, làm nhiệm vụ khẩn cấp theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước thì thủ tục như sau:* *a) Người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khai vào tờ khai phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, xuất trình các giấy tờ liên quan đến phương tiện vận tải*	**Điều 66. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với một số trường hợp đặc thù** 1. Phương tiện vận tải đường bộ vận chuyển hành khách tuyến cố định, vận chuyển hàng hóa, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu theo giấy phép vận tải hoặc giấy phép liên vận thì người điều khiển phương tiện được khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn 30 ngày. Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo, cơ quan hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc hệ thống và thanh khoản tờ khai hải quan vào lần tái xuất hoặc tái nhập cuối cùng. 2. Đối với các trường hợp phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là xe cứu thương, xe chữa cháy, xe cứu nạn, cứu hộ, cứu trợ nhân đạo, làm nhiệm vụ khẩn cấp theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước thì thủ tục thực hiện như sau: a) Người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khai tờ khai hải quan phương tiện vận tải tạm nhập – tái xuất, tạm xuất – tái nhập, xuất trình các giấy tờ liên quan đến phương tiện vận tải và giấy tờ tùy thân của người điều khiển phương tiện vận tải; b) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ do người khai	**Ban GSQL (NV5)** - Kế thừa nội dung quy định với trường hợp phương tiện thường xuyên qua lại xuất nhập cảnh tại một cửa khẩu được khai hải quan một lần, hiệu lực 30 ngày; nội dung quy định tại đối với trường hợp phương tiện cơ giới của người nước ngoài vào Việt Nam theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và pháp luật chuyên ngành có liên quan được phép tái xuất qua cửa khẩu khác tại khoản 1, khoản 4 Điều 81 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 167/2025/NĐ-CP - Bổ sung quy định hướng dẫn cho phép phương tiện làm nhiệm vụ khẩn cấp được ưu tiên xuất cảnh, nhập cảnh trước; hồ sơ, tờ khai được hoàn thiện trong thời hạn nhất định sau khi hoàn thành nhtiệntieenmjtieemjntieemnjiệm vụ hoặc sau khi qua cửa khẩu (trong vòng 48 giờ kể từ khi được cho phép qua cửa khẩu), trên cơ sở xác nhận của cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo xử lý tình trạng khẩn cấp

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
và giấy tờ tùy thân của người điều khiển phương tiện vận tải; *b) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình, kiểm tra thực tế phương tiện vận tải, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ và thông báo cho các đơn vị, cơ quan có liên quan để phối hợp, theo dõi, xử lý.* *3. Phương tiện vận tải quá cảnh khi nhập cảnh, xuất cảnh thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 74, Điều 75 và Điều 77 Nghị định này.* *4. Đối với phương tiện cơ giới của người nước ngoài vào Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ tạm nhập qua cửa khẩu đường bộ, tái xuất qua cửa khẩu quốc tế đường biển, đường hàng không, đường sắt và ngược lại thì thực hiện thủ tục hải quan cho phương tiện tạm nhập tái xuất theo quy định tại Điều 77 Nghị định này.* *5. Trường hợp hàng hóa vận chuyển qua cửa khẩu biên giới đường bộ bằng phương thức vận tải khác theo thỏa thuận của Việt Nam với các nước có chung biên giới (phương tiện vận tải hàng hóa vận hành tự động, không có người điều khiển qua lại cửa khẩu biên giới đất liền trong phạm vi xác định, băng tải, ống dẫn, đường truyền hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường*	hải quan nộp, xuất trình, kiểm tra thực tế phương tiện vận tải, cập nhật thông tin vào Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và thông báo cho các đơn vị, cơ quan có liên quan để phối hợp, theo dõi, xử lý; c) Trường hợp có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tình trạng cần ưu tiên làm nhiệm vụ khẩn cấp, Hải quan cửa khẩu trên cơ sở kiểm tra phương tiện, ghi nhận thông tin về loại phương tiện, biển kiểm soát phương tiện, thông tin người điều khiển phương tiện (tên và giấy tờ tùy thân), đơn vị chủ quản của phương tiện, thời gian qua cửa khẩu, cho phép phương tiện qua cửa khẩu và thông báo cho các đơn vị, cơ quan có liên quan để phối hợp, theo dõi, xử lý; yêu cầu đơn vị chủ quản phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện hoàn tất việc khai báo thủ tục với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh trong thời hạn 48 giờ kể từ khi được cho phép qua cửa khẩu. 3. Đối với phương tiện cơ giới của người nước ngoài vào Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 151/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ tạm nhập qua cửa khẩu đường bộ, tái xuất qua cửa khẩu quốc tế đường biển, đường hàng không, đường sắt và ngược lại thì thực hiện thủ tục hải quan cho phương tiện tạm nhập - tái xuất theo quy định tại Mục 4 Chương này. 4. Xe thô sơ, phương tiện thô sơ qua lại biên giới để giao nhận hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới chỉ được phép hoạt động trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. Khi qua lại cửa khẩu biên giới, chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện xuất trình cho cơ quan hải quan giấy tờ tùy thân và giấy tờ phương tiện	- Kế thừa nội dung quy định tại khoản 6 Điều 81 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 167/2025/NĐ-CP điều chỉnh với phương tiện của cá nhân, tổ chức thường xuyên qua lại cửa khẩu do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, bổ sung nội dung hướng dẫn rõ hồ sơ đăng ký giám sát hải quan với trường hợp này; - Bỏ quy nội dung hướng dẫn về thủ tục hải quan với trường hợp hàng hóa vận chuyển qua cửa khẩu biên giới đường bộ bằng phương thức vận tải khác theo thỏa thuận của Việt Nam với các nước có chung biên giới tại khoản 5 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP đợ sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CPdo nội dung này đã được hướng dẫn tại Nghị định số 336/2026/NĐ-CP và Thông tư số 128/2026/TT-BTC. - Làm rõ đối tượng được áp dụng thực hiện thủ tục theo quy định tại khoản 6 Điều 81 08/2018/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 167/2025/NĐ-CP là phương tiện thô sơ để đảm bảo thực hiện thống nhất.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
biên giới), tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm cung cấp trước thông tin hàng hóa, thời gian vận chuyển cho cơ quan hải quan để thực hiện giám sát theo quy định. *Chủ phương tiện phải cung cấp cho cơ quan hải quan danh sách các phương tiện qua lại cửa khẩu và không phải làm thủ tục hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh. Cơ quan hải quan cập nhật danh sách phương tiện vào sổ theo dõi và thực hiện việc giám sát phương tiện từ khi đến lãnh thổ Việt Nam đến khi vào địa điểm tập kết, kiểm tra tại cửa khẩu và quay lại ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.* *6. Phương tiện vận tải thô sơ và các phương tiện giao thông khác theo quy định tại Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ (trừ phương tiện cơ giới) qua lại biên giới để giao nhận hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới chỉ được phép hoạt động trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.* *Khi qua lại cửa khẩu biên giới, chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện xuất trình cho cơ quan hải quan giấy tờ tùy thân và giấy tờ phương tiện (nếu có). Trường hợp phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì nộp tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (hoặc chứng từ chứng minh là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) và 01 Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu (trong trường hợp vận chuyển hàng nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam).* *Người điều khiển phương tiện có trách nhiệm đưa phương tiện chở hàng hóa nhập khẩu*	(nếu có). Trường hợp phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì nộp tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (hoặc chứng từ chứng minh là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) và 01 bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu (trong trường hợp vận chuyển hàng nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam). Người điều khiển phương tiện có trách nhiệm đưa phương tiện chở hàng hóa nhập khẩu vào địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc khu vực tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa theo quy định tại khu vực cửa khẩu để chờ làm thủ tục hải quan. Cơ quan hải quan tiếp nhận, kiểm tra các chứng từ do người điều khiển phương tiện nộp, xuất trình theo quy định tại khoản này; cập nhật vào Sổ theo dõi theo quy định và thực hiện giám sát phương tiện trong thời gian phương tiện hoạt động tại khu vực cửa khẩu. Trường hợp các chứng từ chưa đầy đủ, hợp lệ thì không cho phép phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh và thông báo rõ lý do cho người điều khiển phương tiện. Thời gian phương tiện vận tải đường bộ quy định tại khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 48 giờ và thời gian phương tiện vận tải đường thủy nội địa quy định tại khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 72 giờ kể từ khi phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới. Trường hợp có lý do chính đáng cần kéo dài thời gian lưu lại tại khu vực cửa khẩu thì người điều khiển phương tiện hoặc chủ hàng hóa có văn bản đề nghị, Trưởng Hải quan cửa khẩu xem xét gia hạn không quá 48 giờ. 5. Phương tiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại cửa khẩu biên giới do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phải đăng ký với cơ quan hải quan (01 năm 01 lần) để kiểm tra, giám sát	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
vào địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc khu vực tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa theo quy định tại khu vực cửa khẩu để chờ làm thủ tục hải quan. *Cơ quan hải quan tiếp nhận, kiểm tra các chứng từ do người điều khiển phương tiện nộp, xuất trình theo quy định tại khoản này; cập nhật vào Sổ theo dõi theo quy định và thực hiện giám sát phương tiện trong thời gian phương tiện hoạt động tại khu vực cửa khẩu. Trường hợp các chứng từ chưa đầy đủ, hợp lệ thì không cho phép phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh và thông báo rõ lý do cho người điều khiển phương tiện.* *Thời gian phương tiện vận tải đường bộ quy định tại khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 48 giờ và thời gian phương tiện vận tải đường thủy nội địa quy định tại khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 72 giờ kể từ khi phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới. Trong trường hợp nếu có lý do chính đáng cần kéo dài thời gian lưu lại tại khu vực cửa khẩu thì người điều khiển phương tiện hoặc chủ hàng hóa có văn bản đề nghị, Đội trưởng Hải quan xem xét gia hạn, thời gian gia hạn thêm không quá 48 giờ.* *7. Phương tiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại cửa khẩu biên giới do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phải đăng ký với cơ quan hải quan (01 năm 01 lần) để kiểm tra, giám sát theo quy định. Trong thời gian đăng ký, khi qua lại cửa khẩu biên giới, cá nhân, cơ quan, tổ chức không phải khai hải quan; cơ quan hải quan thực hiện giám sát, đối chiếu thông tin phương tiện đã đăng ký*	theo quy định. Trong thời gian đăng ký, khi qua lại cửa khẩu biên giới, cá nhân, cơ quan, tổ chức không phải khai hải quan; cơ quan hải quan thực hiện giám sát, đối chiếu thông tin phương tiện đã đăng ký khi phương tiện qua lại biên giới. Hồ sơ đăng ký gồm giấy tờ tùy thân của người điều khiển hoặc người đại diện hợp pháp; giấy tờ chứng minh phương tiện thuộc quyền sở hữu, quản lý hoặc sử dụng hợp pháp; thông tin về biển số, số khung, số máy, chủ phương tiện, người thường xuyên điều khiển và cửa khẩu đăng ký qua lại. 6. Các loại phương tiện quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này chỉ được tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập qua cùng một cửa khẩu. Hải quan cửa khẩu có trách nhiệm làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, vào khu vực cửa khẩu để giao nhận hàng theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển hàng hóa trái phép, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế phương tiện và xử lý theo quy định.	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
khi phương tiện qua lại biên giới. *8. Các loại phương tiện quy định tại Điều này chỉ được tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập qua cùng một cửa khẩu. Cơ quan hải quan cửa khẩu có trách nhiệm làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, vào khu vực cửa khẩu để giao nhận hàng theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển hàng hóa trái phép, cơ quan hải quan kiểm tra thực tế phương tiện và xử lý theo quy định.*		
Chương V. THỦ TỤC THÀNH LẬP, HOẠT ĐỘNG CỦA KHO NGOẠI QUAN, KHO BẢO THUẾ, ĐỊA ĐIỂM THU GOM HÀNG LẺ	**Chương V.** ***THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI*** *KHO NGOẠI QUAN, ĐỊA ĐIỂM THU GOM HÀNG LẺ,* ***KHU PHI THUẾ QUAN***	**Ban GSQL (NV5)** Kết cấu lại tiêu đề để phù hợp với nội hàm chương
Mục 1. KHO NGOẠI QUAN	**Mục 1. KHO NGOẠI QUAN**	
Điều 83. Các dịch vụ được thực hiện trong kho ngoại quan Chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho chủ kho ngoại quan hoặc đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện các dịch vụ sau đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan: 1. Gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa; phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa. 2. Lấy mẫu hàng hóa để phục vụ công tác quản lý hoặc làm thủ tục hải quan. 3. Chuyển quyền sở hữu hàng hóa. 4. Riêng đối với kho ngoại quan chuyên dùng chứa hóa chất, xăng dầu, nếu đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan và yêu cầu	**Điều 67. Các dịch vụ được thực hiện trong kho ngoại quan** Chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan, chủ quản nền tảng thương mại điện tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan hoặc đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện các dịch vụ sau đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan: 1. Gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa; phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa, dán nhãn hàng hóa, các hoạt động khác tác động lên bao bì không ảnh hưởng đến bản chất của hàng hóa. Các dịch vụ thực hiện trên lô hàng trong kho ngoại quan không được làm thay đổi xuất xứ, mã HS của hàng hóa so với thời điểm trước khi đưa vào kho ngoại quan. 2. Lấy mẫu hàng hóa để phục vụ công tác quản lý hoặc làm thủ tục hải quan.	**Ban GSQL (NV5,NV4)** - Đề xuất cho phép chủ quản nền tảng thương mại điện tử trực tiếp hoặc uỷ quyền thực hiện các dịch vụ đối với kho ngoại quan để tạo thuận lợi cho hoạt động gửi kho ngoại quan đối với hoạt động thương mại điện tử qua biên giới. - Sửa đổi, bổ sung quy định để làm rõ về bản chất các hoạt động doanh nghiệp được thực hiện trong kho ngoại quan (Gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa; phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa, dán nhãn hàng hóa, các hoạt động tác động lên bao bì không được làm thay đổi xuất xứ của hàng hoá so với thời điểm trước khi đưa vào kho ngoại quan). Việc làm rõ bản chất các hoạt động được phép

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan được phép pha chế, chuyển đổi chủng loại hàng hóa.	3. Chuyển quyền sở hữu hàng hóa. 4. Riêng đối với kho ngoại quan chuyên dùng chứa hóa chất, xăng dầu, trường hợp đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan và yêu cầu quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thì được phép pha chế, chuyển đổi chủng loại hàng hóa *theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính*.	thực hiện (hoạt động đơn giản chỉ tác động đến bao bì, vỏ ngoài, không làm thay đổi trạng thái lô hàng, không biến đổi sản phẩm) đảm bảo tính thống nhất cho hải quan địa phương trong quá trình đánh giá, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động, đồng thời thống nhất thực hiện.; - Chuyển nội dung quy định về việc tiêu hủy hàng gửi kho ngoại quan do hư hỏng giảm phẩm chất, đổ vỡ trong quá trình lưu kho và quy định về việc đưa hàng xuất kho ngoại quan lên cửa khẩu xuất mà không xuất được phải đưa vào kho ngoại quan hoặc địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát hàng hóa tại biên giới hoặc về kho ngoại quan khác để quy định tại Thông tư, đảm bảo thống nhất thủ tục. - Rà soát, chỉnh sửa nội hàm tại quy định hiện hành, bỏ các nội dung trùng lặp.
Điều 84. Thuê kho ngoại quan 1. Đối tượng được phép thuê kho ngoại quan: a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam được phép kinh doanh xuất nhập khẩu thuộc các thành phần kinh tế; b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài. 2. Hợp đồng thuê kho ngoại quan: a) Hợp đồng thuê kho ngoại quan do chủ kho ngoại quan và chủ hàng thỏa thuận theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp chủ hàng vừa là chủ kho ngoại quan; b) Thời hạn hiệu lực và thời hạn thuê kho ngoại quan do chủ hàng và chủ kho ngoại quan thỏa thuận trên hợp đồng thuê kho ngoại quan,	**Điều 68. Thuê kho ngoại quan** 1. Đối tượng được thuê kho ngoại quan: a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam; b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài; c) Chủ quản nền tảng thương mại điện tử được thay mặt chủ hàng hóa trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại điện tử gửi kho ngoại quan. 2. Hợp đồng thuê kho ngoại quan: a) Hợp đồng thuê kho ngoại quan do doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan và chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền ký kết theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp chủ hàng là doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan; b) Thời hạn hiệu lực và thời hạn thuê kho ngoại	**Ban GSQL (NV5, NV4)** - Điểm a khoản 2 bổ sung nội dung liên quan đến hàng hóa XK, NK qua nền tảng thương mại điện tử nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại. - Bổ sung chủ thể được ký kết hợp đồng thuê kho ngoại quan là người được chủ hàng hóa ủy quyền ký kết hợp đồng để phù hợp với quy định về quyền của chủ sở hữu (quyền ủy quyền)

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
nhưng không quá thời hạn hàng hóa được gửi kho ngoại quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan.	quan do chủ hàng và doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan thỏa thuận trên hợp đồng thuê kho ngoại quan. Thời hạn thuê kho ngoại quan không quá thời hạn hàng hóa gửi kho ngoại quan theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan.	
Điều 85. Hàng hóa gửi kho ngoại quan 1. Hàng hóa từ Việt Nam đã làm xong thủ tục hải quan xuất khẩu, hàng hóa từ nước ngoài chờ làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam hoặc chờ xuất khẩu sang nước thứ ba của các đối tượng được phép thuê kho ngoại quan quy định tại Khoản 1 Điều 84 Nghị định này được đưa vào lưu giữ trong kho ngoại quan. 2. Hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan gồm: a) Hàng hóa của chủ hàng nước ngoài chưa ký hợp đồng bán hàng cho doanh nghiệp ở Việt Nam; b) Hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu từ nước ngoài chờ đưa vào thị trường trong nước hoặc chờ xuất khẩu sang nước thứ ba; c) Hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan để chờ xuất khẩu sang nước thứ ba. 3. Hàng hóa từ nội địa Việt Nam đưa vào kho ngoại quan bao gồm: a) Hàng hóa xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan chờ xuất khẩu; b) Hàng hóa hết thời hạn tạm nhập phải tái xuất. 4. Hàng hóa sau đây không được gửi kho ngoại quan: a) Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc tên gọi	**Điều 69. Hàng hóa gửi kho ngoại quan** 1. Hàng hóa từ Việt Nam đã làm xong thủ tục hải quan để chờ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào Việt Nam; hàng hóa từ nước ngoài chờ làm thủ tục hải quan nhập khẩu vào Việt Nam hoặc chờ xuất khẩu ra nước ngoài được đưa vào lưu giữ trong kho ngoại quan. 2. Hàng hóa sau đây không được gửi kho ngoại quan: a) Hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, giả mạo về sở hữu trí tuệ hoặc giả mạo tên gọi xuất xứ Việt Nam; b) Hàng hóa gây nguy hiểm cho người hoặc ô nhiễm môi trường; c) Hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép; d) Hàng hóa buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; đ) Hàng hóa khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	**Ban GSQL (NV5)** - Chỉnh sửa nội dung về hàng hóa gửi KNQ để phù hợp với khái niệm KNQ quy định tại Luật số 11/2026/QH16; - Cơ bản kế thừa nội dung quy định về hàng hóa không được gửi kho ngoại quan, điều chỉnh nội dung đảm bảo phù hợp với quy định quản lý với hàng hóa liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ - Thực hiện phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành danh mục hàng hóa nhập khẩu không được gửi kho ngoại quan (quy định hiện hành thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ)

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
xuất xứ Việt Nam; b) Hàng hóa gây nguy hiểm cho người hoặc ô nhiễm môi trường; c) Hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép. Ngoài hàng hóa quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 4 Điều này, căn cứ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định Danh mục hàng hóa nhập khẩu không được gửi kho ngoại quan.		
Điều 86. Quản lý lưu giữ, bảo quản hàng hóa gửi kho ngoại quan 1. Hàng hóa lưu giữ, bảo quản trong kho ngoại quan phải phù hợp với hợp đồng thuê kho ngoại quan; kho ngoại quan chuyên dùng chỉ được phép lưu giữ các mặt hàng phù hợp với điều kiện bảo quản, lưu giữ của kho. 2. Hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan phải làm thủ tục hải quan theo đúng quy định của pháp luật. Riêng đối với các mặt hàng là máy móc, thiết bị hoặc một số loại hàng hóa khác cung ứng từ nội địa vào kho ngoại quan để phục vụ cho các hoạt động đóng gói, phân loại, bảo dưỡng, chủ hàng hóa hoặc người được ủy quyền có thể lựa chọn không làm thủ tục hải quan, nhưng phải thông báo cụ thể cho *Hải quan* quản lý kho ngoại quan để theo dõi. 3. Áp dụng phương tiện, công nghệ thông tin để quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan và cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan về thực trạng hàng hóa trong kho và tình hình hoạt động của kho thông qua hệ thống công	**Điều 70. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra kho ngoại quan** 1. Hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan phải làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật. Riêng đối với các mặt hàng là máy móc, thiết bị, phương tiện và hàng hóa khác cung ứng từ nội địa vào kho ngoại quan để thực hiện các dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định này, chủ hàng hóa hoặc người được ủy quyền có thể lựa chọn không làm thủ tục hải quan, nhưng phải thông báo cụ thể cho Hải quan quản lý kho ngoại quan. Cơ quan hải quan căn cứ vào chủng loại hàng hóa gửi kho ngoại quan, tình hình hoạt động của kho ngoại quan và việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan để áp dụng phương thức giám sát phù hợp. 2. Hàng hóa từ nước ngoài hoặc từ nội địa, từ khu phi thuế quan đưa vào kho ngoại quan và ngược lại; chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền phải làm thủ tục tại Hải quan quản lý kho ngoại quan. Hàng hóa của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu	**Ban GSQL (NV5)** -Cơ bản kế thừa nội dung tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP - Chuyển nội dung quy định về việc tiêu hủy hàng gửi kho ngoại quan do hư hỏng giảm phẩm chất, đổ vỡ trong quá trình lưu kho và quy định về việc đưa hàng xuất kho ngoại quan lên cửa khẩu xuất mà không xuất được phải đưa vào kho ngoại quan hoặc địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát hàng hóa tại biên giới hoặc về kho ngoại quan khác tại khoản 4, khoản 5 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP để quy định tại Thông tư, đảm bảo thống nhất thủ tục.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
nghệ thông tin được kết nối với cơ quan hải quan. *4. Trong trường hợp muốn tiêu hủy lô hàng đổ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm chất hoặc quá thời hạn sử dụng phát sinh trong quá trình lưu giữ tại Việt Nam, chủ kho ngoại quan phải có văn bản thỏa thuận với chủ hàng hoặc đại diện hợp pháp của chủ hàng về việc đồng ý tiêu hủy. Văn bản thỏa thuận được gửi cho Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa hoặc nơi quản lý kho ngoại quan để theo dõi. Chủ hàng hóa hoặc chủ kho ngoại quan phải chịu trách nhiệm thực hiện và thanh toán các khoản chi phí tiêu hủy hàng hóa theo quy định của pháp luật.* *5. Hàng hóa xuất kho ngoại quan đưa ra cửa khẩu xuất để xuất khẩu chỉ được phép lưu giữ trong khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu xuất không quá 15 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu xuất. Trong thời hạn nêu trên nếu hàng hóa không xuất được và còn thời hạn lưu giữ trong lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Điều 61 Luật Hải quan, chủ hàng phải có văn bản thông báo cơ quan hải quan cho phép đưa hàng hóa vào gửi kho ngoại quan tại cửa khẩu xuất hoặc đưa trở lại kho ngoại quan ban đầu hoặc địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực cửa khẩu, biên giới và thực hiện thủ tục vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan.* *Trường hợp chủ hàng không có văn bản đề nghị đưa hàng hóa vào gửi kho ngoại quan tại cửa khẩu xuất hoặc đưa trở lại kho ngoại quan ban đầu hoặc địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở khu vực*	tiên và doanh nghiệp tuân thủ tốt đưa từ nội địa vào kho ngoại quan và ngược lại được thực hiện thủ tục giao nhận trước, đăng ký tờ khai hải quan sau. 3. Hàng hóa nhập khẩu từ kho ngoại quan vào thị trường Việt Nam thì phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài theo loại hình nhập khẩu tương ứng; thời điểm nhập khẩu thực tế hàng hóa là thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hàng hóa đưa ra khỏi kho ngoại quan. Hàng hóa gửi kho ngoại quan thuộc diện buộc phải tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì không được phép nhập khẩu trở lại thị trường Việt Nam. 4. Hàng hóa lưu giữ, bảo quản trong kho ngoại quan phải phù hợp với hợp đồng thuê kho ngoại quan; kho ngoại quan chuyên dùng chỉ được phép lưu giữ các mặt hàng phù hợp với điều kiện bảo quản, lưu giữ của kho. 5. Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan áp dụng phương tiện, công nghệ thông tin để quản lý hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan và cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan về thực trạng hàng hóa trong kho và tình hình hoạt động của kho thông qua hệ thống công nghệ thông tin được kết nối với cơ quan hải quan. 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra kho ngoại quan và việc xử lý hàng hóa quá thời hạn gửi kho ngoại quan.	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
cửa khẩu, biên giới thì cơ quan hải quan xử lý vi phạm theo quy định và buộc đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam tại cửa khẩu nhập ban đầu trong thời hạn 15 ngày, nếu chủ hàng không đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.		
Điều 87. Giám sát hải quan đối với kho ngoại quan **Điều 88. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan**		**Ban GSQL (NV5)** Gộp Điều 87-88 hiện nay thành một điều về thủ tục hải quan và kiểm tra giám sát hải quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra kho ngoại quan và giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thực hiện.
Điều 87. Giám sát hải quan đối với kho ngoại quan 1. Phương tiện, hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan và các dịch vụ trong kho ngoại quan phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan. Cơ quan hải quan căn cứ vào chủng loại hàng hóa gửi kho ngoại quan, tình hình hoạt động của kho ngoại quan và việc chấp hành pháp luật của chủ kho ngoại quan để áp dụng biện pháp giám sát phù hợp. 2. Việc thực hiện các dịch vụ gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa; phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa và lấy mẫu hàng hóa trong kho ngoại quan, chủ hàng hoặc chủ kho ngoại quan phải có văn bản thông báo trước khi thực hiện cho *Hải quan* quản lý kho ngoại quan để tổ chức theo dõi, giám sát. 3. Hàng hóa vận chuyển từ cửa khẩu đến kho ngoại quan và ngược lại hoặc từ kho ngoại quan đến các địa điểm làm thủ tục hải quan khác		**Ban GSQL (NV5)** Gộp Điều 87-88 hiện nay thành một điều về thủ tục hải quan và kiểm tra giám sát hải quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra kho ngoại quan và giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thực hiện.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
ngoài cửa khẩu và ngược lại phải làm thủ tục hải quan và phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.		
Điều 88. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan 1. Hàng hóa từ nước ngoài hoặc từ nội địa, từ khu phi thuế quan đưa vào kho ngoại quan, chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền phải làm thủ tục nhập kho ngoại quan tại *Hải quan* quản lý kho ngoại quan. 2. Hàng hóa từ kho ngoại quan đưa ra nước ngoài hoặc đưa vào nội địa hoặc các khu phi thuế quan, chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền phải kê khai thông tin hàng hóa xuất kho ngoại quan với *Hải quan* quản lý kho ngoại quan. Trường hợp nhập khẩu vào thị trường Việt Nam thì phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài theo loại hình nhập khẩu tương ứng; thời điểm nhập khẩu thực tế hàng hóa là thời điểm cơ quan hải quan xác nhận hàng hóa đưa ra khỏi kho ngoại quan. Hàng hóa gửi kho ngoại quan thuộc diện buộc phải tái xuất theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì không được phép nhập khẩu trở lại thị trường Việt Nam. 3. Hàng hóa vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến kho ngoại quan; hàng hóa từ kho ngoại quan đến cửa khẩu xuất; hàng hóa từ nội địa đưa vào kho ngoại quan và ngược lại phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa vận chuyển đang chịu sự giám sát hải quan, trừ trường hợp hàng hóa đã làm thủ tục xuất khẩu từ nội địa hoặc hàng hóa khi làm thủ tục nhập khẩu vào nội địa đã mở tờ khai vận chuyển kết hợp.		**Ban GSQL (NV5)** Gộp Điều 87-88 hiện nay thành một điều về thủ tục hải quan và kiểm tra giám sát hải quan đối với hàng hoá đưa vào, đưa ra kho ngoại quan và giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thực hiện.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
4. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa ra, đưa vào kho ngoại quan và việc xử lý hàng hóa tồn đọng quá thời hạn gửi kho ngoại quan.		
Mục 2. ĐỊA ĐIỂM THU GOM HÀNG LẺ (CFS)	**Mục 2. ĐỊA ĐIỂM THU GOM HÀNG LẺ (CFS)**	
Điều 90. Các dịch vụ được thực hiện trong địa điểm thu gom hàng lẻ 1. Đóng gói, đóng gói lại, sắp xếp, sắp xếp lại hàng hóa chờ xuất khẩu. 2. Hàng quá cảnh, hàng trung chuyển được đưa vào các địa điểm thu gom hàng lẻ trong cảng để chia tách, đóng ghép chung container xuất khẩu hoặc đóng ghép chung với hàng xuất khẩu của Việt Nam. 3. Chia tách các lô hàng nhập khẩu để chờ làm thủ tục nhập khẩu hoặc đóng ghép container với các lô hàng xuất khẩu khác để xuất sang nước thứ ba. 4. Chuyển quyền sở hữu đối với hàng hóa trong thời gian lưu giữ.	**Điều 71. Các dịch vụ được thực hiện trong địa điểm thu gom hàng lẻ** 1. Đóng gói, đóng gói lại, sắp xếp, sắp xếp lại hàng hóa chờ xuất khẩu. 2. Hàng quá cảnh, hàng trung chuyển được đưa vào các địa điểm thu gom hàng lẻ để chia tách, đóng ghép chung container xuất khẩu hoặc đóng ghép chung với hàng xuất khẩu của Việt Nam. 3. Chia tách các lô hàng nhập khẩu để chờ làm thủ tục nhập khẩu hoặc đóng ghép container với các lô hàng xuất khẩu khác để xuất sang nước thứ ba. 4. Chuyển quyền sở hữu đối với hàng hóa trong thời gian lưu giữ.	- Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. - Bổ sung hướng dẫn dịch vụ thực hiện trong địa điểm thu gom hàng lẻ tại Điều 72 dự thảo (sửa đổi, bổ sung Điều 91 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP)
Điều 91. Quản lý, giám sát hải quan *1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ trong địa điểm thu gom hàng lẻ quá thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Hải quan, nếu hàng hóa không được đưa ra khỏi địa điểm thu gom hàng lẻ thì xử lý theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan.* 2. Địa điểm thu gom hàng lẻ, hàng hóa lưu giữ tại địa điểm thu gom hàng lẻ và các hoạt động, dịch vụ thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan. 3. Hàng hóa vận chuyển từ cửa khẩu đến địa	**Điều 72. Quản lý, giám sát hải quan** 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được lưu giữ trong địa điểm thu gom hàng lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16. 2. Hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra địa điểm thu gom hàng lẻ phải làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật. Riêng đối với các mặt hàng là máy móc, thiết bị, phương tiện và hàng hóa khác cung ứng từ nội địa vào địa điểm thu gom hàng lẻ để thực hiện các dịch vụ quy định tại Điều 71 Nghị định này, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu	**Ban GSQL (NV5)** - Sửa đổi cho phù hợp và gộp thủ tục - Dự thảo quy định rõ về việc hàng hóa vận chuyển từ cửa khẩu đến địa điểm thu gom hàng lẻ nằm ngoài cửa khẩu và ngược lại hoặc hàng hóa vận chuyển từ địa điểm thu gom hàng lẻ đến các địa điểm làm thủ tục hải quan khác ngoài cửa khẩu và ngược lại phải làm thủ tục hải quan *như đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan.* Bổ sung quy định về giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục tại

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
điểm thu gom hàng lẻ nằm ngoài cửa khẩu và ngược lại hoặc hàng hóa vận chuyển từ địa điểm thu gom hàng lẻ đến các địa điểm làm thủ tục hải quan khác ngoài cửa khẩu và ngược lại phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan. 4. Việc giám sát hải quan đối với hàng hóa lưu giữ tại địa điểm thu gom hàng lẻ thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương III Luật Hải quan.	gom hàng lẻ hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ có thể lựa chọn không làm thủ tục hải quan, nhưng phải thông báo cụ thể cho Hải quan quản lý địa điểm thu gom hàng lẻ. Cơ quan hải quan căn cứ vào chủng loại hàng hóa gửi địa điểm thu gom hàng lẻ, tình hình hoạt động của địa điểm thu gom hàng lẻ và việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ để áp dụng phương thức giám sát phù hợp. 3. Hàng hóa vận chuyển từ cửa khẩu đến địa điểm thu gom hàng lẻ nằm ngoài cửa khẩu và ngược lại hoặc hàng hóa vận chuyển từ địa điểm thu gom hàng lẻ đến các địa điểm làm thủ tục hải quan khác ngoài cửa khẩu và ngược lại phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra địa điểm thu gom hàng lẻ và việc xử lý hàng hóa quá thời hạn lưu giữ tại địa điểm thu gom hàng lẻ.	Thông tư
Mục 3: KHO BẢO THUẾ	Bãi bỏ mục 3 về kho bảo thuế	
Điều 93. Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư đưa vào, đưa ra kho bảo thuế 1. Thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đưa vào kho bảo thuế thực hiện như thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, trừ thủ tục nộp thuế. 2. Hàng hóa đưa vào kho bảo thuế chỉ được sử dụng để sản xuất hàng xuất khẩu của chủ kho bảo thuế. 3. Khi đưa nguyên liệu, vật tư vào sản xuất, doanh nghiệp phải quản lý, theo dõi theo quy	Bãi bỏ Điều 93	**Ban GSQL (NV3)** Mục 3 Chương V Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ quy định về thủ tục thành lập kho bảo thuế; thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư đưa vào, đưa ra kho bảo thuế; việc kiểm tra, giám sát kho bảo thuế; chế độ báo cáo tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư tại kho bảo thuế; xử lý nguyên liệu, vật tư gửi kho bảo thuế bị hư hỏng, giảm phẩm cấp trong kho bảo thuế.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
định của pháp luật kế toán, thống kê.		Theo đó, hàng hóa đưa vào kho bảo thuế chỉ được sử dụng để sản xuất hàng xuất khẩu của chủ kho bảo thuế và thủ tục hải quan thực hiện như thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu. ***Vướng mắc:*** Theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật Hải quan nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã được thông quan để sản xuất hàng hóa xuất khẩu được chứa trong Kho bảo thuế thì chưa phải nộp thuế. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 thì nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu được miễn thuế. Như vậy, nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu là đối tượng được miễn thuế, không phải là đối tượng ân hạn thuế như trước. Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và tránh chồng chéo giữa Luật Hải quan số 54/2014/QH13 với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan đã bãi bỏ các quy định liên quan đến kho bảo thuế (gồm khoản 9 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 7, điểm đ khoản 3 Điều 22, tên mục 5, Điều 61, Điều 62, Điều 63). Trên cơ sở đó, cần bãi bỏ các quy định về kho bảo thuế tại Mục 3 Chương V gồm các điều từ Điều 93 đến Điều 96 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật. ***Đề xuất:*** Bãi bỏ các quy định cụ thể về kho bảo thuế tại Mục 3 Chương V gồm các điều từ Điều 93 đến Điều 96 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.
Điều 94. Kiểm tra, giám sát kho bảo thuế	Bãi bỏ Điều 94	**Ban GSQL (NV3)**

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
1. Định kỳ 01 năm 01 lần, cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra việc tổ chức quản lý kho bảo thuế của doanh nghiệp. Nội dung kiểm tra: a) Kiểm tra việc thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 92 Nghị định này; b) Kiểm tra thực tế lượng hàng tồn kho, đối chiếu số liệu tồn kho thực tế với tồn kho trên hệ thống sổ kế toán, chứng từ theo dõi kho bảo thuế, báo cáo tình hình sử dụng nguyên vật liệu của doanh nghiệp. 2. Xử lý kết quả kiểm tra: a) Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 92 Nghị định này hoặc hàng hóa chứa trong kho bảo thuế là hàng hóa không nhằm mục đích phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu thì xử lý theo quy định của pháp luật; b) Trường hợp doanh nghiệp không chấp hành đúng chế độ kế toán, chứng từ theo dõi việc xuất khẩu, nhập khẩu; xuất kho, nhập kho thì tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật; c) Trường hợp qua kiểm tra phát hiện lượng hàng hóa tồn kho thực tế không đúng lượng hàng hóa tồn kho trên hệ thống sổ kế toán, chứng từ theo dõi kho bảo thuế, báo cáo tình hình sử dụng nguyên vật liệu của doanh nghiệp thì tùy theo mức độ vi phạm xử lý theo quy định của pháp luật. 3. Kiểm tra đột xuất nguyên liệu, vật tư tồn kho: Trong quá trình theo dõi tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư gửi kho bảo thuế, cơ quan Hải quan phát hiện doanh nghiệp nhập nhiều		Giải trình tương tự như trên (Điều 93)

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
nguyên liệu, vật tư được bảo thuế nhưng số lượng sản phẩm xuất ít hơn kế hoạch đã đăng ký hoặc có đầy đủ thông tin doanh nghiệp tiêu thụ nguyên liệu, vật tư được bảo thuế vào nội địa thì tiến hành kiểm tra số lượng nguyên liệu, vật tư còn tồn kho để xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp và xử lý theo quy định của pháp luật. 4. Doanh nghiệp có kho bảo thuế chịu trách nhiệm tổ chức việc quản lý kho bảo thuế; phối hợp chặt chẽ với cơ quan hải quan trong việc thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát kho bảo thuế.		
Điều 95. Chế độ báo cáo tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư tại kho bảo thuế 1. Chủ kho bảo thuế hàng quý báo cáo tình hình quản lý, sử dụng hàng hóa gửi kho bảo thuế, dự kiến kế hoạch đưa hàng hóa gửi kho bảo thuế vào sản xuất trong thời gian tiếp theo với cơ quan hải quan trực tiếp quản lý theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành. 2. Kết thúc năm kế hoạch (ngày 31 tháng 12 hàng năm), chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm tiếp theo, doanh nghiệp phải lập báo cáo theo Điểm đ Khoản 2 Điều 63 Luật Hải quan và theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành. Doanh nghiệp có kho bảo thuế chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của báo cáo tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư gửi kho bảo thuế.	**Bãi bỏ Điều 95**	**Ban GSQL (NV3)** Giải trình tương tự như trên (Điều 93)
Điều 96. Xử lý nguyên liệu, vật tư gửi kho bảo thuế bị hư hỏng, giảm phẩm chất trong kho bảo thuế Nguyên liệu, vật tư gửi kho bảo thuế bị hư	**Bãi bỏ Điều 96**	**Ban GSQL (NV3)** Giải trình tương tự như trên (Điều 93)

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hỏng, giảm phẩm chất, không đáp ứng yêu cầu sản xuất được làm thủ tục hải quan để tái xuất hoặc tiêu hủy. Thủ tục tái xuất thực hiện như thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã nhập khẩu nhưng phải tái xuất. Thủ tục tiêu hủy thực hiện như sau: 1. Doanh nghiệp có văn bản gửi *Chi cục Hải quan khu vực* quản lý kho bảo thuế, nêu rõ lý do cần tiêu hủy, tên nguyên liệu, vật tư, chủng loại, số lượng nguyên liệu, vật tư, tờ khai hải quan nhập khẩu (số, ngày, tháng, năm). 2. Doanh nghiệp tự tổ chức và chịu trách nhiệm về việc tiêu hủy. Việc tiêu hủy được thực hiện dưới sự giám sát của cơ quan hải quan và cơ quan môi trường đối với hàng hóa thuộc diện quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 3. Sau khi tiêu hủy phải lập biên bản chứng nhận và có đầy đủ họ tên, chữ ký của người giám sát tiêu hủy. 4. Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu được áp dụng chế độ bảo thuế khi thực hiện tiêu hủy không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu.		
Chương VI. KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN	Giữ nguyên	
Điều 97. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan *1. Đối với hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 78 Luật Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Hải quan ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan. Trường hợp khối lượng hàng hóa lớn, chủng*	**Điều 73. Kiểm tra sau thông quan, thời hạn kiểm tra sau thông quan** 1. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan: a) Đối với các trường hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 78 Luật Hải quan, Trưởng Hải quan khu vực ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan.	**Chi cục KTSTQ:** Điều chỉnh gộp KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan và KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan vào cùng 1 Điều. Đồng thời, quy định "Thời hạn kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan tối đa 10 ngày, không áp dụng gia hạn" nhằm phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, nâng cao kỷ

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
loại hàng hóa phức tạp, có rủi ro về thuế, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực thực hiện ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan. *. Trường hợp người khai hải quan có trụ sở chính hoặc mã số thuế không thuộc địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan khu vực thì chỉ thực hiện kiểm tra đối với các tờ khai làm thủ tục hải quan tại địa bàn quản lý. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với tờ khai làm thủ tục hải quan tại địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan khu vực khác, đơn vị phát hiện dấu hiệu vi phạm báo cáo Cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra.* *2. Thông báo kết quả kiểm tra* *Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra (theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở cơ quan hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra theo quy định), người ký quyết định kiểm tra ký ban hành Thông báo kết quả kiểm tra và gửi cho người khai hải quan.* *3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan.*	Trường hợp phức tạp, có rủi ro về thuế, chính sách quản lý hàng hóa, Trưởng Hải quan khu vực ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan. Trường hợp người khai hải quan có trụ sở chính hoặc mã số thuế không thuộc địa bàn quản lý của Hải quan khu vực thì chỉ thực hiện kiểm tra đối với các tờ khai hải quan làm thủ tục hải quan tại địa bàn quản lý. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với tờ khai hải quan làm thủ tục hải quan tại địa bàn quản lý của Hải quan khu vực khác, đơn vị phát hiện dấu hiệu vi phạm báo cáo Cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra. b) Thời hạn: Tối đa 10 ngày, không áp dụng gia hạn. c) Người khai hải quan phải cung cấp hóa đơn thương mại, chứng từ vận tải, hợp đồng mua bán hàng hóa, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (nếu có), chứng từ thanh toán, hồ sơ, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa liên quan đến hồ sơ đang được kiểm tra trừ các chứng từ mà người khởi tạo các chứng từ đó đã cung cấp cho cơ quan hải quan và giải trình những nội dung liên quan. 2. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan: a) Thẩm quyền quyết định kiểm tra: Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan được thực hiện đối với các trường hợp quy định tại Điều 78 Luật Hải quan, bao gồm cả trường hợp đã kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan nhưng phát hiện có thông tin mới hoặc dấu hiệu vi phạm, có rủi ro về thuế. a.1) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc đối với doanh nghiệp thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên trừ trường hợp phân	luật thực thi, hạn chế kéo dài thời gian xử lý hồ sơ, giảm thời gian doanh nghiệp phải giải trình, cung cấp tài liệu.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	cấp cho Trưởng Hải quan khu vực quy định tại các Luật, Nghị quyết của Quốc hội quy định cơ chế, chính sách đặc biệt, đặc thù; a.2) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan trong phạm vi toàn quốc. Đối với trường hợp quy định tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Cục trưởng Cục Hải quan phân công; a.3) Trưởng Hải quan khu vực quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan có trụ sở chính hoặc mã số thuế thuộc địa bàn quản lý, bao gồm cả các doanh nghiệp được công nhận, gia hạn, đình chỉ, tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên theo thẩm quyền được phân cấp tại các Luật, Nghị quyết của Quốc hội quy định cơ chế, chính sách đặc biệt, đặc thù. Đối với trường hợp quy định tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Cục trưởng Cục Hải quan phân công. b) Thời hạn: Tối đa 20 ngày, được gia hạn 01 lần không quá 20 ngày. Trường hợp kiểm tra sau thông quan theo khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan để đánh giá công nhận áp dụng chế độ ưu tiên hoặc đánh giá gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên: thực hiện theo quy định tại điểm a.2 khoản 7 và điểm b.2 khoản 8 Điều 9 Nghị định này.	
Điều 98. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan *1. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan:* *a) Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc:* *a.1) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định*	Bãi bỏ	**Chi cục KTSTQ:** Bãi bỏ Điều này vì các nội dung về kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan đã được quy định tại Điều 89 (gộp quy định về KTSTQ tại cơ quan hải quan và KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan vào 01 Điều).

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên; *a.2) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan trong phạm vi toàn quốc. Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Cục trưởng Cục Hải quan phân công.* *b) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan có trụ sở chính hoặc có mã số thuế thuộc địa bàn quản lý. Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Cục trưởng Cục Hải quan phân công.* *Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm đối với người khai hải quan không thuộc địa bàn quản lý, Chi cục Hải quan khu vực báo cáo Cục Hải quan xem xét, quyết định phân công đơn vị kiểm tra.* *2. Kết luận kiểm tra sau thông quan: Cơ quan hải quan kết luận theo từng nội dung đã thực hiện kiểm tra sau thông quan.* *a) Trường hợp cơ quan hải quan có đủ cơ sở để kết luận kiểm tra, trình tự ban hành kết luận kiểm tra như sau:* *a.1) Dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan* *Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra (xác định theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở người khai hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra theo quy định), người ban*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hành quyết định kiểm tra hoàn thành dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan và gửi người khai hải quan; *a.2) Giải trình của người khai hải quan* *Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người khai hải quan có quyền giải trình bằng văn bản hoặc làm việc trực tiếp với người ký ban hành quyết định kiểm tra về các nội dung liên quan đến kết quả kiểm tra, dự thảo kết luận.* *Trường hợp người khai hải quan từ chối giải trình bằng văn bản hoặc không giải trình trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan xử lý kết luận kiểm tra trên cơ sở hồ sơ hiện có;* *a.3) Ký ban hành kết luận kiểm tra: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người ký ban hành quyết định kiểm tra có trách nhiệm:* *a.3.1) Xem xét văn bản giải trình của người khai hải quan, kết quả làm việc với đại diện có thẩm quyền của người khai hải quan trong trường hợp còn vấn đề cần làm rõ để ký ban hành kết luận kiểm tra;* *a.3.2) Ký ban hành kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan và gửi người khai hải quan (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này).* *Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra sau thông quan là ngày thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết thì thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra sau thông quan là ngày làm việc liền kề sau đó.* *b) Đối với trường hợp cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở kết luận, cần có ý kiến về chuyên*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
môn của cơ quan có thẩm quyền, trình tự ban hành kết luận kiểm tra như sau: *b.1) Trường hợp toàn bộ nội dung kết luận phải chờ xin ý kiến: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan hải quan gửi văn bản xin ý kiến. Thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo trình tự ban hành kết luận tại điểm a khoản này;* *b.2) Trường hợp kết luận kiểm tra có những nội dung đã đủ cơ sở kết luận và những nội dung cần ý kiến về chuyên môn, cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra đối với những nội dung đủ cơ sở kết luận theo thời hạn quy định tại điểm a khoản này. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký kết luận kiểm tra, cơ quan hải quan gửi văn bản xin ý kiến; sau khi nhận được ý kiến của cơ quan chuyên môn, cơ quan hải quan ban hành kết luận bổ sung (trường hợp cần thiết) và xử lý kết quả kiểm tra theo khoản 4 Điều 100 (nếu phát sinh). Trường hợp ban hành kết luận bổ sung, thời hạn ký ban hành là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo trình tự ban hành kết luận tại điểm a khoản này;* *b.3) Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan hải quan.* *Trường hợp hết thời hạn 30 ngày, cơ quan hải quan không nhận được ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền thì cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra (theo*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
trình tự quy định tại điểm a khoản này) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn dựa trên kết quả kiểm tra và dữ liệu của cơ quan hải quan hiện có.		
Bổ sung mới	**Điều 74. Thu thập thông tin, phúc tập hồ sơ, kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã thông quan** 1. Thu thập thông tin: a) Thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan được thu thập từ trong và ngoài ngành hải quan; b) Người khai hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu, tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra sau thông quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan. 2. Phúc tập hồ sơ hải quan: a) Phúc tập hồ sơ hải quan là hoạt động kiểm tra, rà soát, đối chiếu các chứng từ trong hồ sơ hải quan về xuất xứ, trị giá, phân loại hàng hóa và các nội dung khác có liên quan sau khi hàng hóa đã thông quan; b) Kết quả phúc tập hồ sơ là nguồn thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan và hoạt động nghiệp vụ khác của cơ quan hải quan; c) Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro trong việc lựa chọn hồ sơ phúc tập. 3. Kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã được thông quan: a) Kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã được thông quan là việc cơ quan hải quan kiểm tra trị giá hải quan đối với các trường hợp nghi vấn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định này; b) Kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã được thông quan được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông quan hàng hóa.	**Chi cục KTSTQ:** Đề xuất bổ sung quy định về thu thập thông tin, phúc tập hồ sơ nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho các hoạt động nghiệp vụ trước KTSTQ; phân định rõ hoạt động thu thập, xử lý thông tin và phúc tập hồ sơ với hoạt động KTSTQ; qua đó hình thành chuỗi nghiệp vụ thống nhất và logic hơn từ thu thập thông tin – phúc tập hồ sơ – phân tích, đánh giá rủi ro – lựa chọn đối tượng – tổ chức KTSTQ – xử lý kết quả. Điểm b khoản 1 Điều này được kế thừa từ khoản 2 Điều 100 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. - Đối với nội dung Kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã thông quan Cục Hải quan (Chi cục KTSTQ) đã xây dựng dự thảo nội dung kiểm tra trị giá hải quan của hàng hóa sau thông quan đối với các trường hợp hàng hóa có dấu hiệu nghi vấn mà đã được thông quan hàng hóa (trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông quan hàng hóa). - Việc thực thi này đã được cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan tại thời điểm thông quan, do đó, người khai hải quan có thể chủ động chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, căn cứ…giải trình cho tính hợp lý, chính xác, trung thực của trị giá hải quan đã khai báo

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	
Bổ sung mới	**Điều 75. Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan** 1. Chuẩn bị kiểm tra sau thông quan: a) Thu thập, phân tích, đánh giá thông tin để chuẩn bị kiểm tra sau thông quan. Căn cứ kết quả thu thập, phân tích, đánh giá thông tin, cơ quan hải quan quyết định địa điểm kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan hoặc trụ sở người khai hải quan; b) Trường hợp kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan, cơ quan hải quan khảo sát để chuẩn bị kiểm tra sau thông quan trong trường hợp cần thiết. Không áp dụng quy định tại điểm a và điểm b khoản này đối với trường hợp kiểm tra sau thông quan để đánh giá gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên. c) Ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan. Quyết định kiểm tra sau thông quan gửi cho người khai hải quan bằng một trong các hình thức: gửi trực tiếp, thư bảo đảm, fax, thư điện tử; thời hạn gửi trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày công bố quyết định kiểm tra sau thông quan, trừ trường hợp kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan. 2. Tiến hành kiểm tra sau thông quan: a) Công bố quyết định kiểm tra. Cơ quan hải quan và người khai hải quan ký biên bản công bố ghi nhận nguyên tắc kiểm tra, phương pháp kiểm tra; b) Thu thập, xác minh thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra (trong trường hợp cần thiết);	**Chi cục KTSTQ:** -Nội dung đề xuất quy định tại Điều này về cơ bản được kế thừa từ các quy định hiện hành tại Điều 98 và Điều 100 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP; việc sắp xếp lại không làm thay đổi bản chất của chính sách, quyền và nghĩa vụ cơ bản của cơ quan hải quan và người khai hải quan, không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, nhằm nâng cao tính minh bạch, thống nhất, khả thi và thuận lợi trong tổ chức thực hiện. - Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan hiện đang được quy định tại nhiều điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, trong đó tập trung tại các quy định về thực hiện kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra. Qua rà soát, các nội dung này về cơ bản vẫn phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tiễn tổ chức kiểm tra sau thông quan. Tuy nhiên, các bước của một cuộc kiểm tra đang được quy định tại các điều khác nhau, chưa được hệ thống hóa đầy đủ theo trình tự thời gian từ chuẩn bị kiểm tra, tiến hành kiểm tra đến xử lý kết quả kiểm tra. -Việc đề xuất quy định 01 Điều riêng về "Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan" nhằm hệ thống hóa, cơ cấu lại và làm rõ trình tự thực hiện một cuộc kiểm tra sau thông quan từ khi chuẩn bị đến khi xử lý kết quả.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	c) Đối chiếu nội dung khai báo với các tài liệu có liên quan, tình trạng thực tế của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong phạm vi, nội dung của quyết định kiểm tra sau thông quan; d) Lập biên bản kiểm tra sau thông quan khi kết thúc kiểm tra. 3. Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan: a) Báo cáo kết quả kiểm tra sau thông quan; b) Xây dựng dự thảo kết luận kiểm tra sau thông quan; c) Gửi dự thảo kết luận cho người khai hải quan để giải trình; d) Thẩm định dự thảo kết luận kiểm tra: người ra quyết định kiểm tra tổ chức thẩm định dự thảo kết luận kiểm tra khi cần thiết; đ) Ban hành kết luận kiểm tra: Trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan thì người quyết định kiểm tra phải ban hành kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan trong thời hạn tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra. Trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan thì người quyết định kiểm tra phải ban hành kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan trong thời hạn tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra. Trường hợp kết luận kiểm tra cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn ký kết luận kiểm tra là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan. Trường hợp hết thời hạn 30 ngày làm việc, cơ quan hải quan không nhận được ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	thì cơ quan hải quan ban hành kết luận kiểm tra trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn dựa trên kết quả kiểm tra và dữ liệu của cơ quan hải quan hiện có; e) Xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền xử lý theo kết quả kiểm tra. Trường hợp người khai hải quan không chấp hành quyết định kiểm tra, không giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu đúng thời hạn cho cơ quan hải quan thì cơ quan hải quan căn cứ hồ sơ, tài liệu đã thu thập, xác minh để quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật hải quan và các quy định pháp luật khác có liên quan. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	
Điều 99. Sửa đổi, bổ sung, tạm dừng, hủy quyết định kiểm tra sau thông quan 1. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau: a) Thay đổi thành viên đoàn kiểm tra, thay đổi về thời gian, thay đổi phạm vi, nội dung kiểm tra; b) Quyết định kiểm tra sau thông quan có sai sót về thể thức, nội dung, kỹ thuật trình bày văn bản. *2. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét tạm dừng trong các trường hợp sau:* *a) Tạm dừng khi cơ quan hải quan chưa thực hiện kiểm tra sau thông quan:* *a.1) Người khai hải quan đang chịu sự kiểm tra, thanh tra, điều tra của các cơ quan hải quan, thuế, thanh tra, kiểm toán nhà nước, công*	**Điều 76. Gia hạn thời hạn, sửa đổi, bổ sung, tạm dừng, hủy quyết định kiểm tra sau thông quan** 1. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau: a) Thay đổi thành viên đoàn kiểm tra, thay đổi về thời gian, thay đổi phạm vi, nội dung kiểm tra; b) Quyết định kiểm tra sau thông quan có sai sót về thể thức, nội dung, kỹ thuật trình bày văn bản. 2. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét tạm dừng trong các trường hợp sau: a) Tạm dừng khi cơ quan hải quan chưa thực hiện kiểm tra sau thông quan: a.1) Người khai hải quan đang chịu sự kiểm tra, thanh tra, điều tra của các cơ quan có thẩm quyền; a.2) Vì sự kiện bất khả kháng mà người khai hải quan không thể chấp hành được quyết định kiểm tra; b) Tạm dừng khi cơ quan hải quan đang thực hiện	**Chi cục KTSTQ** Bổ sung thêm trường hợp *"Gia hạn thời hạn"* nhằm xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quyết định kiểm tra (cuộc KTSTQ vẫn đang được thực hiện bình thường, nhưng do tính chất, quy mô, nội dung hoặc tình tiết phát sinh nên cần thêm thời gian để hoàn thành), bảo đảm hoạt động KTSTQ được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thời hạn theo quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người khai hải quan.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
an; *a.2) Vì sự kiện bất khả kháng mà người khai hải quan không thể chấp hành được quyết định kiểm tra.* *b) Tạm dừng khi cơ quan hải quan đang thực hiện kiểm tra sau thông quan:* *b.1) Trường hợp cơ quan hải quan tạm dừng để thực hiện xác minh tại cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tạm dừng do sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người ban hành Quyết định kiểm tra ban hành thông báo tạm dừng gửi cho người khai hải quan. Thông báo nêu lý do và thời gian tạm dừng;* *b.2) Trường hợp người khai hải quan đề nghị tạm dừng để có thời gian xử lý, khắc phục sự cố gây ra bởi sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người khai hải quan có văn bản đề nghị tạm dừng nêu lý do và thời gian tạm dừng gửi người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét, quyết định và thông tin cho người khai hải quan.* *Thời gian tạm dừng này không tính vào thời gian kiểm tra của Quyết định kiểm tra sau thông quan.* 3. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành quyết định kiểm tra quyết định hủy trong trường hợp người khai hải quan đã bỏ trốn, giải thể, phá sản, mất tích, ngừng hoạt động và trường hợp khác dẫn đến cơ quan hải quan không thực hiện được quyết định kiểm tra. Quyết định hủy quyết định kiểm tra sau thông quan phải nêu rõ lý do hủy.	kiểm tra sau thông quan: b.1) Trường hợp cơ quan hải quan tạm dừng để thực hiện xác minh tại cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; tạm dừng do sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người ban hành Quyết định kiểm tra ban hành thông báo tạm dừng gửi cho người khai hải quan. Thông báo nêu lý do và thời gian tạm dừng; b.2) Trường hợp người khai hải quan đề nghị tạm dừng để có thời gian xử lý, khắc phục sự cố gây ra bởi sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người khai hải quan có văn bản đề nghị tạm dừng nêu lý do và thời gian tạm dừng gửi người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét, quyết định và thông tin cho người khai hải quan. Thời gian tạm dừng này không tính vào thời gian kiểm tra của Quyết định kiểm tra sau thông quan. 3. Quyết định kiểm tra sau thông quan được người ban hành quyết định kiểm tra quyết định hủy trong trường hợp người khai hải quan đã bỏ trốn, giải thể, phá sản, mất tích, ngừng hoạt động và trường hợp khác dẫn đến cơ quan hải quan không thực hiện được quyết định kiểm tra. Quyết định hủy quyết định kiểm tra sau thông quan phải nêu rõ lý do hủy. 4. Quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan được người ban hành quyết định kiểm tra quyết định gia hạn thời hạn trong trường hợp cần thiết. Thời hạn gia hạn được thực hiện theo khoản 2 Điều 79 Luật Hải quan. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
Điều 100. Tổ chức hoạt động kiểm tra sau thông quan *1. Kiểm tra sau thông quan thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro về lựa chọn đối tượng, phạm vi, nội dung, phương pháp kiểm tra và trong quá trình kiểm tra.* *2. Thu thập thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan* *Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan yêu cầu người khai hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cung cấp thông tin, dữ liệu, tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra sau thông quan.* *3. Trình tự thực hiện kiểm tra sau thông quan* *a) Ban hành Quyết định kiểm tra sau thông quan* *Quyết định kiểm tra sau thông quan gửi cho người khai hải quan bằng một trong các hình thức: gửi trực tiếp, thư bảo đảm, fax, thư điện tử; thời hạn gửi trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan;* *b) Thực hiện kiểm tra sau thông quan:* *b.1) Công bố quyết định kiểm tra sau thông quan đối với trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan* *Cơ quan hải quan và người khai hải quan ký biên bản công bố ghi nhận nguyên tắc kiểm tra, phương pháp kiểm tra và xác định thời điểm bắt*	**Bãi bỏ**	**Chi cục KTSTQ:** Gộp nội dung vào Điều 83 về Kiểm tra sau thông quan, thời hạn kiểm tra sau thông quan.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
đầu tiến hành kiểm tra; *b 2) Biên bản kiểm tra* *Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra theo nội dung, phạm vi của quyết định kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro và ghi nhận các nội dung đã kiểm tra với người khai hải quan bằng các biên bản kiểm tra.* *Đối với trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan: Các biên bản kiểm tra được lập, ký trong thời gian thực hiện quyết định kiểm tra. Sau khi kết thúc việc kiểm tra (xác định theo ngày ký biên bản kiểm tra cuối cùng tại trụ sở người khai hải quan và trong thời hạn kiểm tra của Quyết định kiểm tra phù hợp quy định pháp luật), trường hợp người khai hải quan bổ sung chứng từ, tài liệu, dữ liệu, giải trình bổ sung hoặc trường hợp phức tạp cần làm rõ về nội dung đã kiểm tra: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, Đoàn kiểm tra lập, ký biên bản kiểm tra ghi nhận nội dung giải trình, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 80 Luật Hải quan;* *b.3) Biên bản làm việc* *Cơ quan hải quan ghi nhận nội dung làm việc với người khai hải quan, cá nhân, đơn vị, tổ chức liên quan (nếu có) bằng Biên bản làm việc;* *b.4) Biên bản giao nhận* *Cơ quan hải quan ghi nhận việc giao nhận hồ sơ, tài liệu, dữ liệu với người khai hải quan, cá nhân, đơn vị, tổ chức liên quan (nếu có) bằng Biên bản giao nhận;* *c) Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan:* *c.1) Trường hợp người khai hải quan cung cấp các thông tin, hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
liệu và giải trình chứng minh nội dung khai hải quan là đúng thì cơ quan hải quan chấp nhận nội dung khai báo; *c.2) Trường hợp người khai hải quan không cung cấp các thông tin, hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu, không giải trình chứng minh được nội dung khai hải quan là đúng thì cơ quan hải quan không chấp nhận nội dung khai báo và xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 4 Điều này.* *Cơ quan hải quan ban hành Thông báo kết quả kiểm tra và Kết luận kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và khoản 2 Điều 98 Nghị định này.* *4. Tổ chức thực hiện xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan* *Người có thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan tổ chức thực hiện hoặc phân công cho người có thẩm quyền cấp dưới theo quy định của pháp luật thực hiện:* *a) Ban hành các quyết định hành chính về quản lý thuế và hải quan theo quy định (nếu có);* *b) Xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự và pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);* *c) Đôn đốc người khai hải quan nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, tiền xử phạt theo các quyết định (nếu có) theo quy định của pháp luật;* *d) Ban hành quyết định, tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật (nếu có);* *đ) Cập nhật thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan theo quy định (nếu có);* *e) Kiến nghị những bất cập của chính sách,*		

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
pháp luật, biện pháp quản lý (nếu có).		
Chương VII. CÁC BIỆN PHÁP NGHIỆP VỤ KIỂM SOÁT HẢI QUAN	**Chương VII. ~~CÁC BIỆN PHÁP NGHIỆP VỤ~~ KIỂM SOÁT HẢI QUAN**	**Chi cục ĐTCBL** Sửa đổi tên Chương VII thành "Kiểm soát hải quan" để phù hợp với khoản 11 Điều 4 Luật Hải quan.
Điều 101. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan *1. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan gồm:* *a) Vận động quần chúng tham gia phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;* *b) Tuần tra hải quan;* *c) Thu thập, nghiên cứu thông tin về địa bàn, tuyến vận chuyển hàng hóa, vụ việc, hiện tượng, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và người có liên quan;* *d) Thu thập, nghiên cứu thông tin về cá nhân có dấu hiệu hoạt động liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;* *đ) Thu thập, xử lý thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan. Cử cán bộ, công chức hải quan ra nước ngoài để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;* *e) Tuyển chọn, xây dựng, sử dụng những người không thuộc biên chế của cơ quan hải quan để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;* *g) Bố trí công chức hải quan kiểm tra, giám*	**Điều 77. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan** 1. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan gồm: a) Vận động quần chúng tham gia phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; b) Tuần tra hải quan; c) Thu thập, nghiên cứu thông tin về địa bàn, tuyến vận chuyển hàng hóa, hiện tượng, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; d) Thu thập, nghiên cứu thông tin về tổ chức, cá nhân có dấu hiệu hoạt động liên quan đến buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; đ) Thu thập, xử lý thông tin trong nước và ngoài nước liên quan đến hoạt động hải quan. Cử công chức hải quan ra nước ngoài để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; e) Tuyển chọn, xây dựng, sử dụng những người không thuộc biên chế của cơ quan hải quan để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; g) Bố trí công chức hải quan kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; h) Sử dụng các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến, hoạt	Việc điều chỉnh điểm c, d, đ, e khoản 1 chủ yếu liên quan đến kỹ thuật xây dựng văn bản. - Đối với điểm c khoản 1 tập trung thu thập, nghiên cứu thông tin về các đối tượng mang tính phạm vi rộng bao quát như địa bàn, tuyến vận chuyển hàng hoá, hiện tượng, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh… + Bỏ cụm từ "vụ việc" bởi các vụ việc thường liên quan đến các đối tượng cụ thể (tổ chức, cá nhân). + Bỏ cụm từ "và người có liên quan" do đã được quy định tại điểm d khoản 1: "cá nhân". - Đối với điểm d khoản 1 tập trung thu thập, nghiên cứu thông tin về các đối tượng mang tính cụ thể: tổ chức, cá nhân. Hiện nay, Nghị định chưa quy định đối tượng thu thập thông tin đối với tổ chức, doanh nghiệp, trong khi đối tượng quản lý chủ yếu của cơ quan hải quan là tổ chức, doanh nghiệp. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung pháp nhân thương mại là đối tượng truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, bổ sung đối tượng là "tổ chức" để phù hợp với đặc thù của cơ quan hải quan chủ yếu quản lý đối tượng là tổ chức (doanh nghiệp). - Đối với điểm đ khoản 1 bỏ từ "cán bộ" để phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 6 Luật Hải quan và Luật Cán bộ, công chức (do cơ quan hải quan không có chức danh "cán bộ").

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
sát, theo dõi diễn biến hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; *h) Sử dụng các phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến, hoạt động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;* *i) Cơ quan hải quan sử dụng kết hợp các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật trong hoạt động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.* *2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan và quy định chế độ đảm bảo thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan quy định tại Điều này.*	động của đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; i) Cơ quan hải quan sử dụng kết hợp các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật trong hoạt động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan và quy định chế độ đảm bảo thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan.	- Bổ sung cụm từ "hỗ trợ" tại điểm e khoản 1 để làm rõ vai trò của lực lượng cộng tác viên.
Điều 102. Tuần tra hải quan 1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm tổ chức lực lượng, phương tiện tiến hành biện pháp tuần tra trong địa bàn hoạt động hải quan để phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. 2. Trong quá trình tuần tra cơ quan hải quan có quyền: a) Sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi để ra hiệu lệnh; b) Tạm dừng phương tiện vận tải để khám xét phương tiện vận tải, hàng hóa chứa trên phương tiện vận tải khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan; c) Khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm	**Điều 78. Tuần tra hải quan** 1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm tổ chức lực lượng, phương tiện tiến hành biện pháp tuần tra trong địa bàn hoạt động hải quan để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. 2. Trong quá trình tuần tra, cơ quan hải quan có quyền: a) Sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi, hình thức khác theo quy định của pháp luật để ra hiệu lệnh; b) Dừng phương tiện vận tải để khám phương tiện vận tải, hàng hóa chứa trên phương tiện vận tải khi phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, vi phạm pháp luật hải quan; c) Khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật	- Bổ sung cụm từ "hình thức khác theo quy định của pháp luật" tại điểm a khoản 2 để quy định mang tính khái quát việc cơ quan hải quan ra hiệu lệnh thông qua việc sử dụng công cụ hỗ trợ khác hay hình thức khác có thể phát sinh trong thực tiễn... Qua rà soát cho thấy các lực lượng khác như cảnh sát biển, cảnh sát giao thông đều quy định hiệu lệnh dừng phương tiện vận tải thông qua hình thức khác theo quy định của pháp luật. - Chuyển nội dung quy định về dừng phương tiện vận tải đối với trường hợp phát hiện dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới khi thực hiện tuần tra ở điểm d khoản 1 Điều 79 vào điểm b khoản 2 Điều 78 để thống nhất quy định về dừng phương tiện trong

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hành chính; d) Tạm giữ người, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính; đ) Trong trường hợp lực lượng kiểm soát đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra tại vùng nội thủy, lãnh hải mà phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì phát tín hiệu dừng phương tiện vận tải để kiểm tra theo quy định của Luật Biển Việt Nam. Qua kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm pháp luật cần phải tiến hành khám xét thì phải đưa phương tiện vận tải về cảng hoặc vị trí neo đậu đảm bảo cho việc khám xét an toàn. Việc khám xét được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Kết thúc kiểm tra, cơ quan hải quan phải lập biên bản. Biên bản được giao cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải 01 bản.	theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; d) Tạm giữ người, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đ) Trong trường hợp lực lượng kiểm soát đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra tại vùng nội thủy, lãnh hải mà phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì phát tín hiệu, ra hiệu lệnh dừng phương tiện vận tải để kiểm tra theo quy định của Luật Biển Việt Nam. Qua kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm pháp luật cần phải tiến hành khám thì phải đưa phương tiện vận tải về cảng hoặc vị trí neo đậu đảm bảo cho việc khám an toàn. Việc khám được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Kết thúc kiểm tra, cơ quan hải quan phải lập biên bản. Biên bản được giao cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải 01 bản.	quá trình tuần tra tại Điều 78. - Bổ sung cụm từ "ra hiệu lệnh" tại điểm đ khoản 2 để thống nhất với quy định tại điểm a khoản 2. - Chỉnh sửa về kỹ thuật soạn thảo.
Điều 103. Tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải 1. Các trường hợp được tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải: a) Cơ quan hải quan nhận được tin tố giác về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và xác định thông tin đó là có cơ sở; b) Cơ quan hải quan nhận được thông tin từ các cơ quan chức năng về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới hoặc yêu cầu dừng, hoãn khởi hành phương tiện từ các cơ quan đó; c) Cơ quan hải quan nhận được thông tin từ	**Điều 79. Dừng phương tiện vận tải** 1. Các trường hợp được dừng phương tiện vận tải: a) Cơ quan hải quan nhận được tin tố giác về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và xác định thông tin đó là có cơ sở; b) Cơ quan hải quan nhận được thông tin từ các cơ quan chức năng về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới hoặc yêu cầu dừng phương tiện vận tải từ các cơ quan đó; c) Cơ quan hải quan nhận được thông tin từ hải quan các nước về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; d) Khi thực hiện kiểm soát hải quan, cơ quan hải quan phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu buôn	- Thay từ "kiểm soát" bằng từ "giám sát" tại điểm đ khoản 1 để phù hợp với quy định của Luật Hải quan (Luật Hải quan không quy định khu vực kiểm soát hải quan). - Bỏ từ "tuần tra" tại điểm d khoản 1 Điều 79 do việc dừng phương tiện vận tải trong trường hợp phát hiện dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới khi thực hiện tuần tra ở điểm d khoản 1 Điều 79 đã được ghép vào điểm b khoản 2 Điều 78 và đã được tách riêng là một trường hợp được dừng phương tiện vận tải tại điểm g khoản 1 Điều 79. - Sửa đổi tên gọi một số đơn vị, chức danh tại điểm a khoản 2 để phù hợp với quy định tại

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
hải quan các nước về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; d) Trong khi tuần tra, kiểm soát hải quan, cơ quan hải quan phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; đ) Phương tiện vận tải chở hàng hóa đang làm thủ tục hải quan, hàng hóa chưa được phép thông quan hoặc giải phóng hàng mà cố tình đưa ra khỏi khu vực kiểm soát hải quan; e) Khi có căn cứ cho rằng trên phương tiện vận tải có cất giấu hàng hóa trái phép, có dấu hiệu khác vi phạm pháp luật về hải quan. *2. Thẩm quyền tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải* *a) Đội trưởng Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền được dừng, tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan.* *Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không dừng ngay phương tiện vận tải thì tang vật, tài liệu, phương tiện vận tải có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được dừng phương tiện vận tải để khám và báo cáo ngay với người có thẩm quyền nêu tại khoản này;* *b) Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền được dừng, tạm hoãn việc khởi hành*	lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; đ) Phương tiện vận tải chở hàng hóa đang làm thủ tục hải quan, hàng hóa chưa được phép thông quan hoặc giải phóng hàng mà cố tình đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan; e) Khi có căn cứ cho rằng trên phương tiện vận tải có cất giấu hàng hóa trái phép, có dấu hiệu khác vi phạm pháp luật về hải quan; g) Trường hợp quy định tại điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 78 Nghị định này. 2. Thẩm quyền dừng phương tiện vận tải: a) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu được dừng phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; b) Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu được dừng phương tiện vận tải tại vùng nội thủy, lãnh hải phù hợp với quy định của Luật Biển Việt Nam. 3. Khi dừng phương tiện vận tải, công chức hải quan được sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi, hình thức khác theo quy định của pháp luật để yêu cầu phương tiện vận tải dừng lại. Việc dừng phương tiện vận tải phải được thông báo bằng văn bản cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải; trừ trường hợp dừng phương tiện vận tải theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều này. 4. Người có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải quy định tại khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc dừng phương tiện vận tải của mình.	khoản 1 Điều 90 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16: + Thay cụm từ "Đội trưởng Hải quan" bằng cụm từ "Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu" tại điểm a khoản 2. + Thay cụm từ "Chi cục Hải quan khu vực" bằng cụm từ "Hải quan khu vực" tại điểm a, điểm b khoản 2. - Sửa đổi quy định về thẩm quyền dừng phương tiện vận tải tại điểm a khoản 2 để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16. - Bỏ quy định về tạm hoãn việc khởi hành phương tiện vận tải tại Điều 79 để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 và thống nhất với các điều khoản khác tại Chương IV của dự thảo Nghị định quy định về tạm hoãn việc khởi hành phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. (Khoản 1 Điều 90 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 không quy định thẩm quyền tạm hoãn việc khởi hành phương tiện vận tải). - Bổ sung cụm từ "hình thức khác theo quy định của pháp luật" tại khoản 3 để thống nhất với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 78. - Sửa đổi quy định tại khoản 3 theo hướng việc dừng phương tiện vận tải thì phải ra thông báo bằng văn bản trừ trường hợp quy định tại điểm g khoản 1. Lý do: + Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tuần tra mà phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
phương tiện tại vùng nội thủy, lãnh hải phù hợp với quy định của Luật Biển Việt Nam. *3. Việc giao quyền phải thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Khi dừng phương tiện vận tải, công chức hải quan được sử dụng đèn hiệu, cờ hiệu, pháo hiệu, loa, còi để yêu cầu phương tiện vận tải dừng lại.* *Việc dừng, tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải phải bằng quyết định của người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp tạm hoãn khởi hành đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa và đường biển, cơ quan hải quan phải thông báo cho cảng vụ hàng hải.* 4. Người ra quyết định tạm hoãn việc khởi hành và dừng phương tiện vận tải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.		buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, vi phạm pháp luật hải quan thì cơ quan hải quan cần phải dừng ngay phương tiện vận tải để kịp thời ngăn chặn hành vi vi phạm, ngăn ngừa việc tẩu tán hàng hoá hoặc đối tượng bỏ trốn. + Thực tiễn các lực lượng khác như cảnh sát biển, cảnh sát giao thông khi tuần tra đều dừng phương tiện vận tải bằng hiệu lệnh dừng phương tiện vận tải thông qua tín hiệu như còi, loa,... mà không thể hiện bằng văn bản thông báo dừng phương tiện vận tải.
Điều 104. Truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới 1. Trường hợp có căn cứ xác định hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, phương tiện vận tải chở hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan thì cơ quan hải quan tiếp tục truy đuổi để ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. *2. Đội trưởng Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền được quyết định việc*	**Điều 80. Truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới** 1. Trường hợp có căn cứ xác định hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, phương tiện vận tải chở hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan thì cơ quan hải quan tiếp tục truy đuổi để ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. 2. Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu hoặc cấp phó khi được giao quyền được quyết định việc truy đuổi. Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không	- Sửa đổi tên gọi một số đơn vị, chức danh tại khoản 2 theo tên gọi mới quy định tại Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16, cụ thể: + Thay cụm từ "Đội trưởng Hải quan" bằng cụm từ "Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu". + Thay cụm từ "Chi cục Hải quan khu vực" bằng cụm từ "Hải quan khu vực". - Bổ sung cụm từ "đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan" tại khoản 4 để làm rõ trách nhiệm thông báo của cơ quan hải quan trong trường hợp truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
truy đuổi. *Trong trường hợp có căn cứ cho rằng nếu không thực hiện ngay việc truy đuổi thì phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được thực hiện việc truy đuổi và báo cáo ngay với người có thẩm quyền nêu tại khoản này.* 3. Khi thực hiện truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, công chức hải quan quy định tại Khoản 2 Điều này được dừng phương tiện vận tải. *4. Việc truy đuổi và dừng phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới phải được thông báo cho cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường trên địa bàn để phối hợp, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhận được thông báo có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ cơ quan hải quan truy đuổi, dừng phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật.*	thực hiện ngay việc truy đuổi thì phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới có thể bị tẩu tán, tiêu hủy, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được thực hiện việc truy đuổi và báo cáo ngay với người có thẩm quyền quy định tại khoản này. 3. Khi thực hiện truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, công chức hải quan quy định tại khoản 2 Điều này được dừng phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan và báo cáo ngay với người có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định này. 4. Việc truy đuổi và dừng phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan phải được thông báo cho cơ quan công an, Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường trên địa bàn để phối hợp, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhận được thông báo có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ cơ quan hải quan truy đuổi, dừng phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật.	- Chỉnh sửa về kỹ thuật soạn thảo.
Điều 104a. Trang bị phương tiện phục vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới *1. Để thực hiện nhiệm vụ phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên các tuyến đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, cơ quan hải quan được trang bị xe ô tô, xe mô tô, tàu cao tốc, xuồng máy, canô và các phương tiện chuyên dùng khác có lắp đặt đèn hiệu, cờ hiệu hải quan, biểu*	**Điều 81. Trang bị phương tiện phục vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới** 1. Để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên các tuyến đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, cơ quan hải quan được trang bị xe ô tô, xe mô tô, tàu cao tốc, xuồng máy, ca nô và các phương tiện chuyên dùng khác có lắp đặt đèn hiệu, cờ hiệu hải quan, biểu tượng hải quan, pháo hiệu, loa, còi và các phương tiện kỹ thuật	- Bổ sung cụm từ "và các phương tiện kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật" tại khoản 1 để quy định mang tính khái quát đối với các phương tiện kỹ thuật có thể phát sinh trong thực tiễn, được trang bị. - Bổ sung từ "áp giải" để phù hợp với thẩm quyền áp giải người vi phạm của cơ quan hải quan theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 59/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 của Chính phủ quy định hình thức

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
tượng hải quan, pháo hiệu, loa, còi. *2. Các phương tiện của cơ quan hải quan làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ được quyền ưu tiên khi thực hiện truy đuổi, bắt giữ, khám phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, dẫn giải đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các nhiệm vụ khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.* *Việc cấp phép, quản lý, sử dụng các thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên của cơ quan hải quan đi làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về tín hiệu của xe được quyền ưu tiên.*	khác theo quy định của pháp luật. 2. Các phương tiện của cơ quan hải quan làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ được quyền ưu tiên khi thực hiện truy đuổi, bắt giữ, khám phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, dẫn giải, áp giải đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các nhiệm vụ khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp phép, quản lý, sử dụng các thiết bị phát tín hiệu, ra hiệu lệnh của xe được quyền ưu tiên của cơ quan hải quan đi làm nhiệm vụ trên tuyến đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật.	xử phạt trục xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất thì cơ quan hải quan có thẩm quyền áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính. - Chỉnh sửa về kỹ thuật soạn thảo.
Điều 105. Thông tin hải quan Thông tin hải quan bao gồm: 1. Thông tin từ hoạt động nghiệp vụ hải quan: a) Thông tin thuộc bộ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; b) Thông tin nghiệp vụ hải quan được thực hiện trong quá trình kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. 2. Thông tin từ Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan: a) Thông tin về chính sách quản lý hàng hóa sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành; b) Thông tin về cấp phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh,	**Điều 82. Thông tin hải quan** Thông tin hải quan bao gồm: 1. Thông tin từ hoạt động nghiệp vụ hải quan: a) Thông tin thuộc bộ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; b) Thông tin nghiệp vụ hải quan được thực hiện trong quá trình kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. 2. Thông tin từ Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan: a) Thông tin về chính sách quản lý hàng hóa sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành; b) Thông tin về cấp phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; c) Thông tin về xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.	**Ban CNTT** Về cơ bản, nội dung điều này kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP, bổ sung 02 nội dung, cụ thể: - Điểm d khoản 4: Tạo cơ sở pháp lý để xây dựng kho dữ liệu dùng chung, phục vụ việc ứng dụng công nghệ AI và phân tích dữ liệu lớn trong quản lý liên ngành, giảm thủ công. - Khoản 5 để luật hóa nguồn thông tin liên thông từ các Bộ, ngành khác, tránh tình trạng thông tin bị phân mảnh, cát cứ giữa các cơ quan nhà nước;

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
nhập cảnh, quá cảnh; c) Thông tin về xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. 3. Thông tin về các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: a) Thông tin về đăng ký, thành lập, giải thể, phá sản và tình trạng tài chính; b) Thông tin về quá trình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; c) Thông tin về quá trình tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực hải quan, thuế, kế toán, thống kê; d) Thông tin khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh do các tổ chức, cá nhân thực hiện. 4. Các thông tin khác có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan.	3. Thông tin về các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: a) Thông tin về đăng ký, thành lập, giải thể, phá sản và tình trạng tài chính; b) Thông tin về quá trình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; c) Thông tin về quá trình tuân thủ, ***chấp hành*** pháp luật trong lĩnh vực hải quan, thuế, kế toán, thống kê; ***d) Dữ liệu điện tử, dữ liệu số được kết nối từ hệ thống quản lý của doanh nghiệp; dữ liệu định vị, giám sát hành trình của phương tiện vận tải; hình ảnh và dữ liệu số từ các cơ quan kiểm tra chuyên ngành và doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi;*** đ) Thông tin khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh do các tổ chức, cá nhân thực hiện. 4. Các thông tin khác có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan. ***5. Thông tin chia sẻ, kết nối từ Cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.***	
Điều 106. Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan *1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin hải quan, bao gồm:* *a) Tiếp nhận, xử lý thông tin hải quan thông qua hoạt động cung cấp, trao đổi, kết nối, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực hải quan;* *b) Cử công chức hải quan ra nước ngoài để*	**Điều 83. Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan** 1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin hải quan, bao gồm: a) Tiếp nhận, xử lý thông tin hải quan thông qua hoạt động cung cấp, trao đổi, kết nối, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực hải quan; b) Cử công chức hải quan ra nước ngoài để thực hiện nghiệp vụ thu thập thông tin phục vụ quản lý nhà	**Ban CNTT** - Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2, lý do: + Cơ quan kiểm toán không phải là cơ quan tư pháp và cũng không phải là cơ quan quản lý nhà nước. + Làm rõ mục đích cung cấp thông tin, tạo hành lang pháp lý để cơ quan hải quan cung cấp dữ liệu cho các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán tối cao mà không vướng cơ chế bảo mật ngành.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
thực hiện nghiệp vụ thu thập thông tin phục vụ quản lý nhà nước về hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 96 Luật Hải quan. *Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thu thập thông tin nghiệp vụ hải quan quy định tại điểm này;* *c) Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cần thiết khác để thu thập thông tin liên quan về hàng hóa, phương tiện vận tải, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.* *2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan, bao gồm:* *a) Cung cấp thông tin về chế độ, chính sách, hướng dẫn về hải quan cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;* *b) Cung cấp cho người khai hải quan các thông tin liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan;* *c) Cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước khác;* *d) Cung cấp thông tin thống kê hải quan theo quy định của pháp luật về thống kê;* *đ) Trường hợp bất khả kháng do yêu cầu phải khôi phục về dữ liệu hồ sơ hải quan của người khai hải quan, cơ quan hải quan cung cấp cho người khai hải quan các thông tin về hồ sơ hải quan;* *e) Cung cấp thông tin hải quan cho cơ quan hải quan nước ngoài, tổ chức quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội*	nước về hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 96 Luật Hải quan. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thu thập thông tin nghiệp vụ hải quan quy định tại điểm này; c) Tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cần thiết khác để thu thập thông tin liên quan về hàng hóa, phương tiện vận tải, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. 2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan, bao gồm: a) Cung cấp thông tin về chế độ, chính sách, hướng dẫn về hải quan cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; b) Cung cấp cho người khai hải quan các thông tin liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan; c) Cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan nhà nước ***có liên quan để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và điều tra hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật;*** d) Cung cấp thông tin thống kê hải quan theo quy định của pháp luật về thống kê; ***đ) Cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử cho các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng để thực hiện các thủ tục liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;*** e) Trường hợp bất khả kháng do yêu cầu phải khôi phục về dữ liệu hồ sơ hải quan của người khai hải quan, cơ quan hải quan cung cấp cho người khai hải quan các thông tin về hồ sơ hải quan; g) Cung cấp thông tin hải quan cho cơ quan hải quan nước ngoài, tổ chức quốc tế phù hợp với quy định của	- Bổ sung điểm đ khoản 2 về cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử, lý do: Tạo cơ sở pháp lý để cơ quan hải quan chủ động chia sẻ dữ liệu; giúp thực thi hiệu quả quy định sử dụng tờ khai điện tử thay thế bản giấy trong các thủ tục thuế, tín dụng và các thủ tục hành chính khác. - Bổ sung khoản 3 về nguyên tắc bảo mật thông tin thương mại của doanh nghiệp. - Các nội dung khác, kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, chỉ thay đổi STT điều, khoản.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký kết.	pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế đã ký kết. ***3. Việc thu thập, cung cấp thông tin hải quan phải đảm bảo an ninh thông tin mạng, an ninh dữ liệu quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và bảo mật bí mật kinh doanh của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Cơ quan hải quan không được cung cấp các thông tin làm ảnh hưởng đến quyền cạnh tranh hợp pháp của doanh nghiệp, trừ trường hợp phục vụ công tác điều tra, tố tụng hình sự hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.***	
Điều 107. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước 1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan tư pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan hải quan: a) Thông tin liên quan đến chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và thông tin về hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành; b) Thông tin cấp phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; c) Thông tin về tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm và kết quả xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; d) Thông tin về các cảng biển, cảng sông biên giới, cảng thủy nội địa, cảng hàng không	**Điều 84. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước** 1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan tư pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan hải quan: a) Thông tin liên quan đến chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và thông tin về hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành; b) Thông tin cấp phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; thông tin liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ra nước ngoài; c) Thông tin về tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm và kết quả xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; d) Thông tin về các cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, cảng cạn, cảng hàng	**Ban GSQL (NV2, NV1)** - Khoản 1, khoản 2: Bổ sung "Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương". Lý do: Nhằm mở rộng mạng lưới chia sẻ dữ liệu quản lý nhà nước tại địa phương, giúp cơ quan hải quan bám sát thực tiễn để kiểm soát rủi ro và chống gian lận thương mại hiệu quả hơn. - Tại điểm b khoản 1 bổ sung "thông tin liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa...". Lý do: Để cơ quan hải quan đối chiếu chéo dữ liệu, kịp thời phát hiện và ngăn chặn tình trạng gian lận xuất xứ, lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại. - Điểm g khoản 1: Hiện nay, Bộ Công an tổ chức lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không theo quy định tại Nghị định 215/2026/NĐ-CP ngày 18/6/2026 của Chính phủ về an ninh hàng không, Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam có trách nhiệm quản

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; đ) Thông tin về tổ chức, cá nhân có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; e) Thông tin về người xuất cảnh, nhập cảnh và thông tin về phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. 2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan tư pháp xây dựng các quy định cụ thể về trao đổi, cung cấp thông tin hải quan.	không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế; d) Thông tin về tổ chức, cá nhân có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; e) Thông tin về người xuất cảnh, nhập cảnh và thông tin về phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; g) Thông tin, dữ liệu, hình ảnh từ hệ thống ca-mê-ra, hệ thống máy soi phục vụ việc quản lý hải quan. 2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan tư pháp xây dựng các quy định cụ thể về trao đổi, cung cấp thông tin hải quan.	lý, sử dụng hệ thống camera giám sát an ninh hàng không tại cảng hàng không. Tuy nhiên, pháp luật về an ninh hàng không hiện hành quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không có trách nhiệm đầu tư, trang bị hệ thống camera giám sát trong phạm vi quản lý, đồng thời doanh nghiệp khai thác cảng hàng không và đơn vị kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm kết nối hệ thống camera giám sát vào hệ thống chung khi có yêu cầu. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng kho bãi hiện được quy định tại Điều 41 Luật Hải quan, trách nhiệm của các Bộ ngành được quy định tại Điều 100 Luật Hải quan và được cụ thể hóa tại Nghị định hướng dẫn thi hành. Do đặc thù của cảng hàng không, đề xuất bổ sung quy định tại dự thảo quy định về trách nhiệm chia sẻ thông tin, dữ liệu của các đơn vị quản lý dữ liệu theo hướng bổ sung điểm g khoản 1: *"Chỉ đạo các đơn vị quản lý dữ liệu thông tin do đơn vị mình quản lý cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan hải quan thực hiện khai thác hệ thống ca-mê-ra, hệ thống máy soi phục vụ việc quản lý hải quan".*
Điều 108. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan 1. Tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan nhằm phục vụ cho hoạt động thu thập xử lý thông tin, kiểm tra hải quan, thanh tra và hoạt động điều tra, xác	**Điều 85. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan** 1. Tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan nhằm phục vụ cho hoạt động thu thập, xử lý thông tin, kiểm tra hải quan và hoạt động điều tra, xác minh, xử lý các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép	**Ban GSQL (NV1)** - Đề xuất bãi bỏ khoản 4, lý do: Theo Quyết định số 1103/QĐ-BCT ngày 21/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thu hồi quyền cấp C/O của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Đồng thời, đến nay, VCCI cũng chưa phát sinh việc cung cấp thông tin về đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ,

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
minh, xử lý các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới: a) Hồ sơ, thông tin giao dịch thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và thanh toán tiền thuế liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua tài khoản ngân hàng của người khai hải quan; thông tin về số tiền bảo lãnh cho người nộp thuế của ngân hàng theo yêu cầu của cơ quan hải quan; b) Hồ sơ, chứng từ, thông tin về số tài khoản thanh toán, bản sao sổ kế toán chi tiết tài khoản thanh toán, bản sao bộ chứng từ thanh toán quốc tế, bộ chứng từ thanh toán nội địa, thanh toán biên mậu qua ngân hàng của tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của cơ quan hải quan. 2. Tổ chức bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến các giao dịch bảo hiểm theo yêu cầu của cơ quan hải quan để phục vụ hoạt động kiểm tra hải quan, thanh tra và hoạt động điều tra, xác minh, xử lý các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới của cơ quan hải quan. 3. Các tổ chức, cá nhân là đối tác kinh doanh hoặc khách hàng của người khai hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan. 4. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ra nước ngoài; thông tin về đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ ở Việt Nam và nước ngoài theo yêu cầu của cơ quan hải quan.	hàng hóa qua biên giới: a) Hồ sơ, thông tin giao dịch thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và thanh toán tiền thuế liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua tài khoản ngân hàng của người khai hải quan; thông tin về số tiền bảo lãnh cho người nộp thuế của ngân hàng theo yêu cầu của cơ quan hải quan; b) Hồ sơ, chứng từ, thông tin về số tài khoản thanh toán, bản sao sổ kế toán chi tiết tài khoản thanh toán, bản sao bộ chứng từ thanh toán quốc tế, bộ chứng từ thanh toán nội địa, thanh toán biên mậu qua ngân hàng của tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của cơ quan hải quan. 2. Tổ chức bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến các giao dịch bảo hiểm theo yêu cầu của cơ quan hải quan để phục vụ hoạt động kiểm tra hải quan và hoạt động điều tra, xác minh, xử lý các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới của cơ quan hải quan. 3. Các tổ chức, cá nhân là đối tác kinh doanh hoặc khách hàng của người khai hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan. **4.** Các hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm cung cấp thông tin về hợp đồng xuất khẩu của người khai hải quan trong trường hợp pháp luật có quy định các hiệp hội ngành nghề xác nhận hợp đồng xuất khẩu trước khi làm thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan.	chuyển giao công nghệ ở Việt Nam cho cơ quan hải quan. Do đó, đề xuất bãi bỏ nội dung quy định tại khoản 4 Điều 108 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. - Các nội dung khác kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
5. Các Hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm cung cấp thông tin về hợp đồng xuất khẩu của người khai hải quan trong trường hợp pháp luật có quy định các Hiệp hội ngành nghề xác nhận hợp đồng xuất khẩu trước khi làm thủ tục hải quan xuất khẩu hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan.		
Điều 109. Hình thức cung cấp thông tin 1. Thông tin hải quan được cung cấp, trao đổi dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử. Giá trị pháp lý của thông tin hải quan dưới dạng điện tử được quy định tại Luật Giao dịch điện tử. 2. Việc trao đổi, cung cấp thông tin hải quan ở dạng điện tử được thực hiện thông qua kết nối mạng máy tính hoặc thông qua hệ thống mạng di động dưới hình thức thư điện tử hoặc tin nhắn từ các địa chỉ, số điện thoại được cơ quan hải quan công bố chính thức.	**Điều 86. Hình thức cung cấp và sử dụng thông tin hải quan** 1. Thông tin hải quan được cung cấp bằng văn bản hoặc thông điệp dữ liệu. Giá trị pháp lý của thông tin hải quan cung cấp bằng hình thức thông điệp dữ liệu được quy định tại Luật Giao dịch điện tử. 2. Cơ quan hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp, sử dụng thông tin được cung cấp đúng mục đích; tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh thông tin mạng, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, pháp luật chuyên ngành có liên quan và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật. 3. Tờ khai hải quan điện tử có giá trị sử dụng trong việc thực hiện các thủ tục về thuế, cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thủ tục thanh toán qua ngân hàng và các thủ tục hành chính khác; chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa lưu thông trên thị trường. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan sử dụng tờ khai hải quan điện tử phục vụ yêu cầu quản lý, không yêu cầu người khai hải quan cung cấp bản giấy tờ khai hải quan. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.	**Ban CNTT, Ban GSQL (NV2)** - Khoản 1: Chuẩn hóa thuật ngữ pháp lý, đảm bảo sự thống nhất và tương thích với các quy định mới của Luật Giao dịch điện tử. - Khoản 2 (Thay thế nội dung cũ): Nâng cao trách nhiệm pháp lý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; buộc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo mật, an ninh thông tin, an ninh mạng và an ninh dữ liệu khi cung cấp, tiếp nhận, sử dụng thông tin hải quan. - Khoản 3: Nội dung này được chuyển từ khoản 9 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP để đảm bảo tính hợp lý về cấu trúc, nội dung điều. - Khoản 4: Bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính chi tiết để làm cơ sở quy định tại cấp Thông tư (như các nội dung quy định cụ thể việc cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử tại Quyết định số 33/2016/QĐ-TTg ngày 19/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử do sẽ bãi bỏ Quyết định số 33/2016/QĐ-TTg)
	Điều 87. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số nội dung của các nghị định có liên quan 1. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số nội dung	**Ban TCCB, Chi cục ĐTCBL (n)** **1. Khoản 1** Do sắp xếp tổ chức bộ máy, tên gọi chức

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	của Nghị định số 02/2021/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về cờ truyền thống, cờ hiệu, biểu tượng, hải quan hiệu, phù hiệu, biển tên, cấp hiệu, trang phục, chứng minh hải quan và dấu hiệu đặc trưng phương tiện tuần tra, kiểm soát, giám sát hải quan của Chính phủ: a) Thay thế cụm từ "Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục Hải quan" tại khoản 2 Điều 2; Điều 8; b) Thay thế cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Hải quan" tại khoản 5 Điều 3; Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP; c) Thay thế cụm từ "Tổng cục trưởng", "Vụ trưởng", "Cục trưởng", "Chi cục trưởng" bằng cụm từ "Cấp trưởng" và thay thế cụm từ "Phó Tổng cục trưởng", "Phó Vụ trưởng", "Phó Cục trưởng", "Phó Chi cục trưởng" bằng cụm từ "Cấp phó" tại Mẫu số 02; Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP; d) Thay thế cụm từ "Lãnh đạo Tổng cục" bằng cụm từ "Lãnh đạo Cục" tại điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 10; Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP; đ) Thay thế cụm từ "Cục Hải quan" bằng cụm từ "Hải quan khu vực" tại điểm b khoản 3 Điều 13; e) Thay thế cụm từ "Cục, Vụ" bằng cụm từ "Ban, Chi cục, Hải quan khu vực" và cụm từ "Chi cục, Đội kiểm soát hải quan" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội, Phòng" tại điểm đ khoản 1 Điều 10; g) Thay thế cụm từ "Vụ, Cục" bằng cụm từ "Ban, Chi cục, Hải quan khu vực" và thay thế cụm từ "Chi cục, Đội và tương đương thuộc các Vụ, Cục" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội,	danh trong hệ thống tổ chức của Hải quan Việt Nam đã thay đổi. - Thay đổi "Tổng cục Hải quan" thành "Cục Hải quan", "Cục Hải quan" thành "Hải quan khu vực", "Cục, Vụ" bằng cụm từ "Ban, Chi cục, Hải quan khu vực" và cụm từ "Chi cục, Đội kiểm soát hải quan" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội, Phòng". - Thay đổi "Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan" thành "Cục trưởng Cục Hải quan", "Lãnh đạo Tổng cục" thành "Lãnh đạo Cục". - Bãi bỏ quy định: + Bỏ cụm từ: "và trực thuộc" do không còn đơn vị trực thuộc. + Bỏ "Công chức giữ chức vụ lãnh đạo cấp Tổ, Đội thuộc Chi cục; cấp Tổ thuộc Đội Kiểm soát hải quan và các chức vụ tương đương: 01 vạch ngang màu vàng" và quy định "Công chức, viên chức tập sự: Không gắn vạch cấp hiệu" tại điểm d khoản 1 Điều 10. + Bãi bỏ cấp hiệu gắn trên lễ phục, trang phục thu - đông, trang phục xuân - hè và trên trang phục chống buôn lậu của Lãnh đạo cấp Tổ, Đội và tương đương do cấp này không còn. - Sửa đổi, bổ sung phần "Tên đơn vị, Chỉ số đơn vị" theo mô hình bộ máy mới. - Điểm n: Bổ sung khoản 1a vào khoản 1 Điều 16 như sau: Theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 02/2021/NĐ-CP ngày 07/01/2021 của Chính phủ thì tàu thuyền, ca nô, xuồng máy phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát hải quan được đăng kiểm, đăng ký quản lý theo hệ thống đăng ký tàu thuyền của Bộ Quốc

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	Phòng và tương đương" tại Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP; h) Thay thế cụm từ "Cục" bằng cụm từ "Chi cục, Hải quan khu vực và tương đương"; thay thế cụm từ "Chi cục, Đội và tương đương thuộc Cục" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội, Phòng và tương đương" tại Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP; i) Bỏ cụm từ: "và trực thuộc" tại khoản 2 Điều 2; k) Bãi bỏ quy định: "Công chức giữ chức vụ lãnh đạo cấp Tổ, Đội thuộc Chi cục; cấp Tổ thuộc Đội Kiểm soát hải quan và các chức vụ tương đương: 01 vạch ngang màu vàng" và quy định "Công chức, viên chức tập sự: Không gắn vạch cấp hiệu" tại điểm đ khoản 1 Điều 10; l) Bãi bỏ cấp hiệu gắn trên lễ phục, trang phục thu - đông, trang phục xuân - hè và trên trang phục chống buôn lậu của Lãnh đạo cấp Tổ, Đội và tương đương thuộc Chi cục tại Mẫu số 02 và Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP; m) Sửa đổi, bổ sung phần "Tên đơn vị, Chi số đơn vị" tại Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2021/NĐ-CP như sau: Chi cục Điều tra chống buôn lậu: 11; Hải quan khu vực III: 12; Hải quan khu vực VII: 13; Hải quan khu vực VIII: 14; Hải quan khu vực X: 15; Hải quan khu vực XI: 16, 17; Hải quan khu vực IX: 18, 19, 20; Hải quan khu vực XII: 21, 22, 23; Hải quan khu vực XIV: 24; Hải quan khu vực XIII: 25; Hải quan khu vực II: 26, 27; Hải quan khu vực XVII: 28; Hải quan khu vực XX: 29, 30, 33; Hải quan khu vực XIX: 31, 32; Hải quan khu vực XVIII: 34; Hải quan khu vực IV: 35; Hải quan khu vực I: 36. n) Bổ sung khoản 1a vào khoản 1 Điều 16 như sau:	phòng. Thực tiễn trước khi Nghị định số 02/2021/NĐ-CP ngày 07/01/2021 được ban hành, thì toàn bộ tàu thuyền, ca nô, xuồng máy phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát hải quan đều đã được đăng kiểm, đăng ký quản lý theo hệ thống quản lý của Bộ Quốc phòng. Tuy nhiên, Nghị định số 02/2021/NĐ-CP ngày 07/01/2021 chưa quy định trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong việc tổ chức thực hiện đăng kiểm, đăng ký tàu thuyền, ca nô, xuồng máy phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát hải quan theo hệ thống đăng ký tàu thuyền của Bộ Quốc phòng. Vì vậy, để đảm bảo rõ ràng, minh bạch trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đề nghị bổ sung điểm n tại khoản 1 Điều 87 dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 16 Nghị định số 02/2021/NĐ-CP ngày 07/01/2021 quy định: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổ chức đăng ký, đăng kiểm tàu thuyền, ca nô, xuồng máy phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát hải quan theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	"1a. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổ chức đăng ký, đăng kiểm tàu thuyền, ca nô, xuồng máy phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát hải quan theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này".	
	2. Thay thế, bỏ một số cụm từ của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 và Nghị định số 153/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ như sau: a) Bỏ cụm từ "dân dụng" tại Điều 5; b) Bỏ cụm từ "kho bảo thuế" tại khoản 3 Điều 8; c) Thay thế cụm từ "Khu vực cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa" bằng cụm từ "Cảng cạn" tại khoản 3 Điều 8.	**Chi cục ĐTCBL** **2. Khoản 2** - Căn cứ điểm a khoản 9 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan thì cụm từ "cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa" tại điểm a khoản 3 Điều 22 Luật Hải quan được sửa đổi thành cụm từ "cảng cạn". - Căn cứ điểm i, điểm k khoản 31 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan quy định bỏ, bổ sung một số cụm từ như sau: + Bỏ cụm từ "dân dụng" và bổ sung cụm từ "cảng cạn;" sau cụm từ "nhập cảnh, quá cảnh;" tại điểm a khoản 1 Điều 7. + Bỏ cụm từ "kho bảo thuế," tại điểm a khoản 1 Điều 7 và điểm d khoản 3 Điều 22. - Một số cụm từ tại Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 và Nghị định số 153/2026/NĐ-CP ngày 14/5/2026 không còn phù hợp với quy định tại Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.
	3. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số cụm từ của Nghị định số 273/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế như	**Ban GSQL (NV4)** Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số cụm từ của Nghị định số 273/2026/NĐ-CP để thống nhất

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	sau: a) Thay thế cụm từ "điểm a khoản 2 Điều 47 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014" bằng cụm từ "khoản 3 Điều 61 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16" tại khoản 6 Điều 3; b) Thay thế cụm từ "Chi cục trưởng Chi cục Hải quan" bằng cụm từ "Trưởng Hải quan khu vực" tại khoản 2 Điều 7, điểm b khoản 2 Điều 17; c) Thay thế cụm từ "Đội trưởng Hải quan" bằng cụm từ "Trưởng Hải quan" tại điểm b khoản 2 Điều 9, khoản 7, khoản 8 Điều 19; d) Thay thế các cụm từ "Chi cục Hải quan", "Chi cục Hải quan khu vực" bằng cụm từ "Hải quan khu vực" tại Mẫu số 04/BBBG Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 273/2026/NĐ-CP; đ) Thay thế cụm từ "Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016" bằng cụm từ "Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ..." tại khoản 2, khoản 3 Điều 6.	với Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan và Nghị định thay thế Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.
	4. Bãi bỏ khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.	**Ban GSQL (NV3)** Quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP chuyển vào nội dung tại Điều 39 – Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất để đảm bảo thống nhất thực hiện theo pháp luật hải quan. Theo đó, tại khoản 5 đề xuất bãi bỏ khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.
	Điều 88. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027. 2. Nghị định này thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-	**Ban GSQL (NV2, NV3), Chi cục KTSTQ** - Khoản 1: Đề xuất hiệu lực thi hành cùng với hiệu lực của Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	Dự thảo Nghị định thay thế	Vướng mắc, thuyết minh lý do
	CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan. 3. Đối với hồ sơ để thực hiện các thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này, người khai hải quan đã nộp nhưng chưa hoàn thành thủ tục thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm trước khi Nghị định này có hiệu lực. 4. Quyết định kiểm tra sau thông quan, quyết định kiểm tra báo cáo quyết toán, tình hình sử dụng ban hành trước ngày 01/3/2027 tiếp tục thực hiện theo quy định tại thời điểm ban hành. Quyết định công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên đã ban hành tiếp tục có hiệu lực, việc gia hạn thực hiện theo Nghị định này. 5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	- Khoản 4: Bổ sung điều khoản chuyển tiếp để xử lý với các trường hợp kiểm tra sau thông quan, kiểm tra báo cáo quyết toán, tình hình sử dụng, quyết định công nhận DNUT ban hành trước ngày 01/3/2027.
Điều 111. Trách nhiệm thi hành 1. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao tại Nghị định. 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.	**Điều 89. Trách nhiệm thi hành** 1. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao tại Nghị định. 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	Kế thừa nội dung quy định Nghị định 08/2015/NĐ-CP.

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2026

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT HẢI QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT HẢI QUAN

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan) *(gọi tắt là dự thảo Nghị định)*. Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Nghị định

- Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra nhiệm vụ, giải pháp: "*Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân*".

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: "*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm" và*

việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn".

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách "*Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là về ....thuế, hải quan... Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn; Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị; Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật".*

- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025 (Điều 7 quy định về phân quyền và Điều 8 quy định về phân cấp).

- Các văn bản pháp luật về các khu đặc thù như: Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/06/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/06/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, Luật thủ đô số 02/2026/QH16, trong đó phân cấp cho Hải quan Khu vực về thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên, phạm vi áp dụng chế độ ưu tiên, điều kiện để được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên, điều kiện cần duy trì kể từ sau khi được công nhận.

- Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 12/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính xây dựng Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan có thời hạn trình là tháng 12/2026.

Những định hướng và giải pháp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị nêu trên đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu sửa đổi Nghị định để tạo hành lang pháp lý vững chắc cho quá trình chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về hải quan theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh mới đặc biệt là các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử; đẩy mạnh cắt giảm thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan; tăng cường quản lý, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho hải quan địa phương theo

Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

Đảm bảo đơn giản hoá thủ tục hành chính, minh bạch trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá, xuất nhập cảnh phương tiện vận tải.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính:

Dự thảo Nghị định có tổng số 13 TTHC, trong đó: không ban hành TTHC mới; giữ nguyên 03 TTHC; sửa đổi, bổ sung 09 TTHC; bãi bỏ 01 TTHC.

Dự thảo Nghị định không ban hành TTHC mới; sửa đổi, bổ sung 06 TTHC, các quy định về TTHC tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP được chuyển xuống quy định tại Thông tư thay thế 03 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC, 121/2025/TT-BTC; bãi bỏ 08 TTHC (các TTHC chi tiết được quy định tại cấp Thông tư và thực hiện bãi bỏ các TTHC này sau khi ban hành Thông tư thay thế các Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC, 121/2025/TT-BTC) theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC, Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

1.1. Đối với thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới: không.

1.2. Đối với thủ tục hành chính giữ nguyên:

Tại dự thảo Nghị định giữ nguyên 03 TTHC, bao gồm:

(i) Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh (mã TTHC 1.009094);

(ii) Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng. (mã TTHC 1.009096);

(iii) Thủ tục hải quan với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh (Mã TTHC 1.009095).

Các TTHC nêu trên tại dự thảo Nghị định được kế thừa và giữ nguyên theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Do đó, Bộ Tài chính đề xuất không thực hiện đánh giá tác động và tính toán chi phí tuân thủ đối với các TTHC này.

1.3. Đối với những thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung:

1.3.1. Thủ tục công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên

- Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung thủ tục:

Căn cứ quy định tại các văn bản pháp luật về các khu đặc thù như: Nghị quyết số 136/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 259/2025/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính

sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Nghị quyết Đà Nẵng); Nghị quyết số 226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 98/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 260/2025/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết TP Hồ Chí Minh); Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, trong đó:

+ Nghị quyết Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh phân cấp cho Trưởng Hải quan Khu vực về thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do

+ Luật Thủ đô, Nghị quyết Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Khánh Hòa: quy định nhà đầu tư chiến lược phải đáp ứng 5 điều kiện để được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên và duy trì 5 điều kiện kể từ sau khi được công nhận (không xét điều kiện kim ngạch).

+ Nghị quyết Đà Nẵng, Hồ Chí Minh: quy định doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do phải đáp ứng 4 điều kiện để được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên (không xét điều kiện kim ngạch và tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế) và duy trì 5 điều kiện kể từ sau khi được công nhận (không xét điều kiện kim ngạch).

Nội dung này khác với quy định hiện hành tại Luật Hải quan và Luật số 90/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15.

Theo đó, dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền phân cấp Hải quan Khu vực thực hiện đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do; quy định về trình tự thủ tục công nhận áp dụng chế độ ưu tiên theo hướng phân cấp cho Hải quan Khu vực và hướng dẫn việc đánh giá theo các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên tương ứng đối với các đối tượng theo Luật Thủ đô và Nghị quyết đặc thù; dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC đã sửa đổi, bổ sung mẫu biểu về doanh nghiệp ưu tiên để phù hợp triển khai với trường hợp doanh nghiệp nêu trên.

Do vậy, thủ tục này cần thiết được sửa đổi, bổ sung.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP *(chi tiết trong Phụ lục kèm theo).*

TTHC này quy định tại Điều 9 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP); quy định về mẫu biểu tại khoản 4 Điều 107 dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC.

- Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này đã không cắt giảm được chi phí tuân thủ TTHC *(chi tiết trong Phụ lục kèm theo)* nhưng thực hiện phân cấp, phân quyền.

Theo dự thảo Nghị định, mặc dù tăng thời gian lưu trữ camera giám sát từ 03 tháng thành 06 tháng (điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ) có thể làm phát sinh thêm chi phí của doanh nghiệp khi tham gia TTHC này; tuy nhiên, việc điều chỉnh là hoàn toàn cần thiết nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan quy định tại Nghị định 378/2026/NĐ-CP ngày 01/10/2026 của Chính phủ.

1.3.2. Thủ tục đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trường hợp doanh nghiệp đề nghị đình chỉ

- Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung thủ tục: Nghị quyết số 136/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 259/2025/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết số 98/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 260/2025/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phân cấp cho Trưởng Hải quan Khu vực về thẩm quyền đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do

Nội dung này khác với quy định hiện hành tại Luật Hải quan và Luật số 90/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15.

Theo đó, dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền phân cấp Hải quan Khu vực thực hiện đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do; tại dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC đã sửa đổi bổ sung mẫu biểu về doanh nghiệp ưu tiên để phù hợp triển khai đối với cả trường hợp doanh nghiệp ưu tiên này.

Do vậy, thủ tục này cần thiết được sửa đổi, bổ sung.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP *(chi tiết trong Phụ lục kèm theo).*

TTHC này quy định tại Điều 9 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP); quy định về mẫu biểu tại khoản 4 Điều 107 dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC.

- Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này không cắt giảm được chi phí tuân thủ TTHC *(chi tiết trong Phụ lục kèm theo)* nhưng thực hiện phân cấp, phân quyền.

1.3.3. Thủ tục xác định trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Điều 30)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục:

Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, thẩm quyền ban hành thông báo kết quả xác định trước xuất xứ hàng hóa thuộc Cục trưởng Cục Hải quan.

Để phù hợp với việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy ngành Hải quan và phân định thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chuyên môn thuộc Cục Hải quan, dự thảo Nghị định sửa đổi thẩm quyền ban hành thông báo kết quả xác định trước xuất xứ hàng hóa từ Cục trưởng Cục Hải quan sang Chi cục trưởng Chi cục Giám sát quản lý về hải quan.

Việc sửa đổi nhằm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan trực tiếp xử lý hồ sơ, tăng tính chủ động trong giải quyết thủ tục hành chính, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chuyên môn, đồng thời bảo đảm sự quản lý, kiểm tra, giám sát của cơ quan cấp trên.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục:

Thủ tục xác định trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được quy định tại Điều 28 Luật Hải quan và Điều 30 dự thảo Nghị định. Việc sửa đổi thẩm quyền giải quyết thủ tục được thực hiện trên cơ sở quy định của pháp luật về hải quan, phù hợp với yêu cầu kiện toàn tổ chức bộ máy và phân định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Cục Hải quan.

Dự thảo Nghị định quy định Chi cục Giám sát quản lý về hải quan là cơ quan xử lý, ban hành thông báo kết quả xác định trước xuất xứ hàng hóa; đồng thời kế thừa các quy định về điều kiện, trách nhiệm của người đề nghị, thời hạn giải quyết, kết quả giải quyết và hiệu lực của thông báo xác định trước xuất xứ hàng hóa. Việc sửa đổi thẩm quyền không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, góp phần bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng trong xác định cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

Thủ tục được đánh giá về tính hợp lý, hợp pháp theo quy định tại Thông tư số 26/2025/TT-BTP *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*.

- Chi phí tuân thủ TTHC:

Việc sửa đổi thủ tục hành chính chủ yếu liên quan đến thay đổi cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết từ Cục trưởng Cục Hải quan sang Chi cục trưởng Chi cục Giám sát quản lý về hải quan; không làm phát sinh yêu cầu mới về hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hoặc nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, cá nhân chỉ từ việc thay đổi thẩm quyền này.

Chi phí tuân thủ TTHC được đánh giá chi tiết trong Phụ lục kèm theo.

1.3.4. Thủ tục xác định trước trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Điều 30)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục:

Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, thẩm quyền ban hành thông báo kết quả xác định trước trị giá hải quan thuộc Cục trưởng Cục Hải quan.

Để phù hợp với việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy ngành Hải quan và phân định thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chuyên môn thuộc Cục Hải quan, dự thảo Nghị định sửa đổi thẩm quyền ban hành thông báo kết quả xác định trước trị giá hải quan từ Cục trưởng Cục Hải quan sang Chi cục trưởng Chi cục Thuế xuất nhập khẩu.

Việc sửa đổi nhằm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan trực tiếp xử lý hồ sơ, tăng tính chủ động trong giải quyết thủ tục hành chính, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chuyên môn, đồng thời bảo đảm sự quản lý, kiểm tra, giám sát của cơ quan cấp trên.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục:

Thủ tục xác định trước trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được quy định tại Điều 28 Luật Hải quan và Điều 30 dự thảo Nghị định. Việc sửa đổi thẩm quyền giải quyết thủ tục nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu kiện toàn tổ chức bộ máy và phân định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Cục Hải quan.

Dự thảo Nghị định quy định Chi cục Thuế xuất nhập khẩu là cơ quan xử lý, ban hành thông báo kết quả xác định trước trị giá hải quan; đồng thời quy định việc xác định trước trị giá hải quan bao gồm xác định trước phương pháp và mức giá, điều kiện đề nghị xác định trước, trách nhiệm của người đề nghị, thời hạn giải quyết, kết quả giải quyết và hiệu lực của thông báo xác định trước trị giá hải quan. Việc điều chỉnh thẩm quyền không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, góp phần bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng trong xác định cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

Thủ tục được đánh giá về tính hợp lý, hợp pháp theo quy định tại Thông tư số 26/2025/TT-BTP *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

- Chi phí tuân thủ TTHC:

+ Việc sửa đổi thủ tục hành chính chủ yếu liên quan đến thay đổi cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết từ Cục trưởng Cục Hải quan sang Chi cục trưởng Chi cục Thuế xuất nhập khẩu; việc thay đổi thẩm quyền này không làm phát sinh thêm yêu cầu về hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hoặc nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức, cá nhân.

+ Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 19, khoản 5 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP thì trường hợp TTHC chưa quy định đầy đủ bộ phận tạo thành của TTHC và giao cấp dưới quy định chi tiết TTHC thì việc tính chi phí tuân thủ TTHC sẽ được thực hiện trong quá trình đánh giá tác động của TTHC được quy định chi tiết.

+ Tại khoản 6 Điều 30 dự thảo Nghị định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan.

Quy định về xác định trước trị giá hải quan hiện đang được sửa đổi tại dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hải quan (thay thế các Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC và 121/2025/TT-BTC).

Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất không thực hiện đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục xác định trước trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại dự thảo Nghị định và sẽ thực hiện việc tính chi phí tuân thủ TTHC trong quá trình đánh giá tác động của TTHC tại Thông tư quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hải quan.

1.3.5. Thủ tục xác định trước mã số đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Điều 30)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục:

Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, thẩm quyền ban hành thông báo kết quả xác định trước mã số hàng hóa thuộc Cục trưởng Cục Hải quan.

Qua thực tiễn thực hiện, số lượng hồ sơ đề nghị xác định trước mã số hàng hóa phát sinh tương đối lớn và có xu hướng gia tăng, trong khi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ chủ yếu do đơn vị chuyên môn là Chi cục Thuế xuất nhập khẩu thuộc Cục Hải quan thực hiện. Để phù hợp với việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy ngành Hải quan, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chuyên môn và yêu cầu thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính, dự thảo Nghị định sửa đổi thẩm quyền ban hành thông báo kết quả xác định trước mã số hàng hóa từ Cục trưởng Cục Hải quan sang Chi cục trưởng Chi cục Thuế xuất nhập khẩu.

Việc sửa đổi nhằm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan trực tiếp xử lý hồ sơ, tăng tính chủ động trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm của người có thẩm quyền, đồng thời bảo đảm sự quản lý, kiểm tra, giám sát của cơ quan cấp trên và đẩy nhanh việc xử lý và ban hành kết quả xác định trước mã số.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục:

Thủ tục xác định trước mã số đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được quy định tại Điều 28 Luật Hải quan và Điều 30 dự thảo Nghị định. Việc sửa đổi thẩm quyền giải quyết thủ tục nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu kiện toàn tổ chức bộ máy và phân định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Cục Hải quan.

Dự thảo Nghị định quy định Chi cục Thuế xuất nhập khẩu là cơ quan xử lý, ban hành thông báo kết quả xác định trước mã số hàng hóa; đồng thời quy định điều kiện đề nghị xác định trước, trách nhiệm của người đề nghị, thời hạn giải quyết, kết quả giải quyết và hiệu lực của thông báo xác định trước mã số hàng hóa. Việc điều chỉnh thẩm quyền không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, góp phần bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng trong xác định cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

Thủ tục được đánh giá về tính hợp lý, hợp pháp theo quy định tại Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

- Chi phí tuân thủ TTHC:

+ Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 19, khoản 5 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP thì trường hợp TTHC chưa quy định đầy đủ bộ phận tạo thành của TTHC và giao cấp dưới quy định chi tiết TTHC thì việc tính chi phí tuân thủ TTHC sẽ được thực hiện trong quá trình đánh giá tác động của TTHC được quy định chi tiết.

+ Tại khoản 6 Điều 30 dự thảo Nghị định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan.

Quy định về xác định trước mã số hiện đang được sửa đổi tại dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hải quan (thay thế các Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC và 121/2025/TT-BTC).

Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất không thực hiện đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục xác định trước mã số đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại dự thảo Nghị định và sẽ thực hiện việc tính chi phí tuân thủ TTHC trong quá trình đánh giá tác động của TTHC tại Thông tư quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hải quan.

1.3.6. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại (Điều 44)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định rõ trường hợp hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại, tránh nhầm lẫn; chuyển toàn bộ phần quy định về thủ tục hải quan xuống Thông tư, đảm bảo đúng nguyên tắc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đồng thời vẫn đảm bảo tính minh bạch trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(chi tiết trong Phụ lục kèm theo).*

- Chi phí tuân thủ TTHC:

+ Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 19, khoản 5 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP thì trường hợp TTHC chưa quy định đầy đủ bộ phận tạo thành của TTHC và giao cấp dưới quy định chi tiết TTHC thì việc tính chi phí tuân thủ TTHC sẽ được thực hiện trong quá trình đánh giá tác động của TTHC được quy định chi tiết.

+ Tại khoản 2 Điều 44 quy định thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại mục 5 Chương III; khoản 4 Điều 44 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này; khoản 5 Điều 31 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; tại Điều 24 Luật Hải quan giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu tờ khai hải quan, việc sử dụng tờ khai hải quan, các trường hợp phải nộp, xuất trình chứng từ có liên quan.

Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất không thực hiện đánh giá chi phí tuân thủ TTHC đối với thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại tại dự thảo Nghị định và sẽ thực hiện việc tính chi phí tuân thủ TTHC trong quá trình đánh giá tác động của TTHC tại Thông tư quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (Thông tư thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC).

1.3.7. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải xuất khẩu (Điều 45)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: để đơn giản hóa thủ tục tái xuất khẩu hàng hóa đã nhập khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhập khẩu, hãng tàu, người nhận hàng trên vận đơn,... thực hiện thủ tục từ chối nhận hàng khi lô hàng nhập khẩu không phù hợp với hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 39 Luật Thương mại hoặc được tái xuất lô hàng sang nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan trong trường hợp không sử dụng hết lượng hàng đã nhập khẩu trước đó...

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(chi tiết trong Phụ lục kèm theo).*

- Chi phí tuân thủ TTHC:

+ Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 19, khoản 5 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BTP thì trường hợp TTHC chưa quy định đầy đủ bộ phận tạo thành của TTHC và giao cấp dưới quy định chi tiết TTHC thì việc tính chi phí tuân thủ TTHC sẽ được thực hiện trong quá trình đánh giá tác động của TTHC được quy định chi tiết.

+ Tại khoản 1 Điều 45 quy định thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại mục 5 Chương III; tại khoản 5 Điều 31 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; tại Điều 24 Luật Hải quan giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu tờ khai hải quan, việc sử dụng tờ khai hải quan, các trường hợp phải nộp, xuất trình chứng từ có liên quan.

Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất không thực hiện đánh giá chi phí tuân thủ TTHC đối với thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải xuất khẩu tại dự thảo Nghị định và sẽ thực hiện việc tính chi phí tuân thủ TTHC trong quá trình đánh giá tác động của TTHC tại Thông tư quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (Thông tư thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC).

1.3.8. Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh (Điều 62, 63, 66)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Đơn giản hoá thủ tục hành chính, đảm bảo tính minh bạch trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, thực hiện thống nhất trên môi trường điện tử, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(chi tiết trong Phụ lục kèm theo).*

- Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này đã cắt giảm được chi phí tuân thủ TTHC *(chi tiết trong Phụ lục kèm theo).*

1.3.9. TTHC 6: Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh (Điều 64)

- Sự cần thiết ban hành thủ tục: Đơn giản hoá thủ tục hành chính, đảm bảo tính minh bạch trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, thực hiện thống nhất trên môi trường điện tử, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp

- Tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục: thủ tục được ban hành bảo đảm tính hợp lý, hợp pháp và được đánh giá tác động theo Biểu mẫu đánh giá tác động của TTHC theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(chi tiết trong Phụ lục kèm theo).*

- Việc sửa đổi, bổ sung TTHC này đã cắt giảm được chi phí tuân thủ TTHC *(chi tiết trong Phụ lục kèm theo).*

1.4. Đối với thủ tục hành chính được bãi bỏ:

- Bãi bỏ Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa ra đưa vào kho bảo thuế (Mã số TTHC: 1.007863).

- Lý do bãi bỏ: Theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật Hải quan số 54/2014/QH13, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã được thông quan để sản xuất hàng hóa xuất khẩu được chứa trong Kho bảo thuế thì chưa phải nộp thuế. Tuy

nhiên, theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 thì nguyên liệu, vật tư; linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu được miễn thuế. Như vậy, nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu là đối tượng được miễn thuế, không phải là đối tượng ân hạn thuế như trước.

Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và tránh chồng chéo giữa Luật Hải quan số 54/2014/QH13 với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, tại Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan đã bãi bỏ các quy định liên quan đến kho bảo thuế (gồm khoản 9 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 7, điểm đ khoản 3 Điều 22, tên mục 5, Điều 61, Điều 62, Điều 63). Trên cơ sở đó, cần bãi bỏ các quy định về kho bảo thuế tại Mục 3 Chương V gồm các điều từ Điều 93 đến Điều 96 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật.

Do các quy định về kho bảo thuế không còn được duy trì, việc bãi bỏ thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa ra đưa vào kho bảo thuế là cần thiết nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và phù hợp với yêu cầu quản lý hiện hành.

- Chi phí tuân thủ TTHC: 0.

2. Việc phân quyền, phân cấp:

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã đề ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, theo đó: *"Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính, phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp"*.

Trên cơ sở rà soát quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước về hải quan, dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền nhằm bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức bộ máy của cơ quan hải quan. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định việc chuyển thẩm quyền ban hành một số danh mục hàng hóa từ Thủ tướng Chính phủ sang Bộ trưởng Bộ Tài chính; phân định thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp theo các cơ chế, chính sách đặc thù; đồng thời điều chỉnh thẩm quyền ban hành thông báo xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chuyên môn thuộc Cục Hải quan.

Việc phân cấp, phân định thẩm quyền nêu trên nhằm tăng tính chủ động, nâng cao trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm sự quản lý, kiểm tra, giám sát của cơ quan cấp trên, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan và tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan.

Dự thảo Nghị định phân cấp trong công tác quản lý hải quan, bao gồm:

+ Khoản 2 Điều 4: Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập;

+ Điều 9 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP): Phân cấp cho Hải quan Khu vực về thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp trong khu Thương mại tự do theo quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/06/2024 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 259/2025/QH15 (Điểm a Khoản 7a Điều 13); Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 260/2025/QH15 (Điểm c khoản 7 Điều 7a).

+ Khoản 2 Điều 69 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 85 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP: Phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu không được gửi kho ngoại quan.

+ Ngoài ra, tại dự thảo Nghị định đã phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn tại 51 Điều, cụ thể: Điều 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan; Điều 5. Người khai hải quan; Điều 9. Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên; Điều 11. Thu thập, xử lý thông tin hải quan trong quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro; Điều 12. Đánh giá, giám sát tuân thủ và xây dựng, quản lý hồ sơ tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; Điều 13. Hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện; Điều 14. Áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan và biện pháp quản lý hải quan trong quản lý tuân thủ; Điều 15. Đối tượng và tiêu chí quản lý rủi ro; Điều 16. Đánh giá, giám sát rủi ro và xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; Điều 18. Xác định trọng điểm trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; Điều 20. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; Điều 21. Phân loại hàng hóa; Điều 23. Trách nhiệm của Bộ, ngành trong việc thực hiện phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều 24. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Điều 25. Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan; Điều 26. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan; Điều 28. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều 30. Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan; Điều 31. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Điều 32. Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hàng hóa; Điều 33. Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; Điều 34. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ; Điều 35. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, chế xuất; Điều 36. Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất; địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất đáp ứng điều kiện là khu phi thuế quan; Điều 37. Kiểm tra báo cáo quyết toán việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu; Điều 38. Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa

xuất khẩu; Điều 39. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất; Điều 40. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan; Điều 43. Thủ tục hải quan đối với tài sản di chuyển; Điều 44. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu nhập khẩu trở lại; Điều 45. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải xuất khẩu; Điều 46. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện quay vòng để chứa hàng hóa theo phương thức tạm nhập, tạm xuất; Điều 47. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất; Điều 48. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh chuyển qua cửa khẩu Việt Nam; Điều 50. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; Điều 54. Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; Điều 57. Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng; Điều 59. Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh; Điều 60. Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh; Điều 63. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; Điều 65. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; Điều 67. Các dịch vụ được thực hiện trong kho ngoại quan; Điều 69. Hàng hóa gửi kho ngoại quan; Điều 70. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra kho ngoại quan; Điều 72. Quản lý, giám sát hải quan; Điều 74. Thu thập thông tin, phúc tập hồ sơ, kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã thông quan; Điều 75. Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan; Điều 76. Gia hạn thời hạn, sử đổi, bổ sung, tạm dừng, hủy quyết định kiểm tra sau thông quan; Điều 77. Các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan; Điều 84. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước; Điều 86. Hình thức cung cấp và sử dụng thông tin hải quan.

Dự thảo Nghị định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số nội dung về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, linh hoạt và phù hợp với yêu cầu quản lý thực tiễn. Các nội dung được giao quy định chi tiết thực hiện theo phạm vi, thẩm quyền được pháp luật quy định.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở quán triệt chủ trương đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; trong đó tập trung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng dữ liệu điện tử trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Cụ thể, dự thảo Nghị định quy định việc thực hiện thủ tục hải quan bằng phương thức điện tử; Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, xử lý và phản hồi thông tin tờ khai hải quan 24 giờ trong ngày, 07 ngày trong tuần; tăng cường sử dụng chứng từ điện tử, dữ liệu số hóa trong quá trình giải quyết thủ tục hải quan. Đồng thời, bổ sung các quy định về thông báo cơ sở gia công, sản xuất, địa điểm lưu giữ hàng hóa, thông tin vận chuyển hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; kiểm tra, đối chiếu dữ liệu báo cáo quyết toán tại trụ sở cơ quan hải quan trên cơ sở thông tin, hồ sơ hiện có, góp phần hạn chế việc kiểm tra trực tiếp tại doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan thông qua việc thu thập, xử lý thông tin, xây dựng và quản lý hồ sơ tuân thủ, hồ sơ rủi ro; phân tích, đối chiếu dữ liệu, phát hiện và cảnh báo rủi ro để áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp. Đồng thời, hoàn thiện quy định về trách nhiệm thu thập, cung cấp, sử dụng thông tin hải quan; kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan hải quan với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan; khai thác thông tin từ Cổng thông tin một cửa quốc gia, hệ thống quản lý hàng hóa, hệ thống camera giám sát và các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác kiểm tra, giám sát hải quan, bảo đảm an ninh, an toàn và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung các quy định nêu trên góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động hải quan; thúc đẩy xử lý thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, tăng cường khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý, giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Nghị định không có nội dung liên quan đến bình đẳng giới. Do đó, Bộ Tài chính không đánh giá về nội dung này.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Nghị định không có nội dung liên quan đến các chính sách dân tộc. Do đó, Bộ Tài chính không đánh giá về nội dung này./.

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2026

Phụ lục

DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT HẢI QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT HẢI QUAN

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Điều khoản quy định thủ tục hành chính	Ghi chú
I.	**Thủ tục hành chính giữ nguyên (03)**			
1.	Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh	1.009094	Điều 56, 57 dự thảo Nghị định (Điều 61, 63 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP)	Các thành phần của TTHC quy định tại dự thảo Nghị định kế thừa quy định tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Theo đó, đề xuất không đánh giá TTHC.
2.	Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng.	1.009096	Điều 59, 60, 61 dự thảo Nghị định	
3.	Thủ tục hải quan với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh	1.009095	Điều 62, 63 dự thảo Nghị định	
II.	**Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (09)**			
1.	Thủ tục công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên	1.007665	Điều 7, 8, 9 dự thảo Nghị định	
2.	Thủ tục đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trường hợp doanh nghiệp đề nghị đình chỉ	1.014898	Điều 9 dự thảo Nghị định (khoản 7 Điều 11 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP)	
3.	Xác định trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	1.007808	Điều 29, 30 dự thảo Nghị định (Điều 23, 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP)	

4.	Thủ tục xác định trước trị giá đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	1.013475	Điều 29, 30 dự thảo Nghị định (Điều 23, 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP)	
5.	Thủ tục xác định trước mã số đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	1.007807	Điều 29, 30 dự thảo Nghị định (Điều 23, 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP)	
6.	Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại	1.007843	Điều 44 dự thảo Nghị định (Điều 47 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP)	
7.	Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải xuất khẩu	1.007844	Điều 45 dự thảo Nghị định (Điều 48 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP)	
8.	Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh	1.009093	Điều 62, 63, 66 dự thảo Nghị định	
9.	Thủ tục hải quan với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh	1.009092	Điều 64 dự thảo Nghị định	
IV.	**Thủ tục hành chính bãi bỏ (01)**			
1.	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa ra đưa vào kho bảo thuế	1.007863	Điều 93 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP	

CỤC HẢI QUAN

Biểu mẫu số 03/ĐGTĐ-PC

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP

Tên dự thảo văn bản: Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

(Nghị định thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản của cấp trên đang quy định thủ tục hành chính)*	1. Luật Hải quan năm 2014 (Điều 42, 43, 44, 45); Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội (khoản 1 và 2 Điều 3); Luật số 133/2025/QH15 (khoản 5 Điều 25); Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/06/2024 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11/12/2025 (Khoản 5 Điều 12, Khoản 6 Điều 13, Điểm a Khoản 7a Điều 13); Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/06/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng (Điểm c Khoản 1 Điều 10); Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025 (Điểm b khoản 8 Điều 7, Điểm c khoản 5 Điều 7a, Điểm c khoản 7 Điều 7a); Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa (Điểm b khoản 8 Điều 7), Luật thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23/4/2026 (Điểm b khoản 5 Điều 26) 2. Điều 8, 9 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày của Chính phủ 3. Khoản 4 Điều 126 và Phụ lục XI ban hành kèm Thông tư số /2026/TT-BTC ngày / /2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI THAY ĐỔI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐANG ÁP DỤNG ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP	
Có cần phải thay đổi trình tự, thủ tục, thẩm quyền đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp không?	Có X Không □ Nêu rõ lý do: Quy định về phân cấp, phân quyền về thẩm quyền công nhận, tạm đình chỉ, đình chỉ DNUT theo quy định tại Nghị quyết đặc thù

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có X Không □ Nêu rõ lý do: Các văn bản pháp luật nêu trên đã có quy định về thẩm quyền làm cơ sở ban hành thủ tục hành chính
Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có □ Không X Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: ..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo ..... - Với văn bản của cơ quan khác: Có □ Không X Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: ..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: ..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo ..... - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có □ Không □ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: ..... + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: ..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo .....
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp	Có X Không □ Nêu rõ lý do: không sửa đổi tên gọi của thủ tục hành chính

không?	Nội dung thay đổi so với tên thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có X Không □ Nêu rõ lý do: Từng bước thực hiện được quy định cụ thể: hồ sơ đề nghị, các bước thực hiện thủ tục Nội dung thay đổi so với tên thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có X Không □ Nêu rõ lý do: Có quy định rõ các bước và chủ thể thực hiện Nội dung thay đổi so với tên thủ tục hành chính đang áp dụng: thay đổi về thẩm quyền do một số trường hợp được phân cấp để HQKV thực hiện Lý do thay đổi: quy định tại Nghị quyết đặc thù
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có □ Không X Nêu rõ lý do:.....
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có □ Không X Nếu CÓ, Nêu rõ lý do ..... Lý do quy định:..... - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không X Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự thảo: ..... Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi:.....
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử X b) Nhận kết quả:	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có X Không □ Nêu rõ lý do: quy định rõ cơ quan tiếp nhận văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cục Hải quan và Hải quan khu vực - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có X Không □ Nêu rõ lý do: quy định theo hướng DN gửi hồ sơ qua dịch vụ công

Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử X	trực tuyến. Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: hình thức nộp hồ sơ Lý do thay đổi: theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 9 dự thảo Nghị định
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: *Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;*	- Nêu rõ lý do quy định: thống nhất, minh bạch, là cơ sở để cơ quan hải quan xem xét nguyện vọng của doanh nghiệp - Yêu cầu về hình thức: theo mẫu ban hành tại Thông tư, bản chính Lý do quy định: thống nhất, minh bạch Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: cơ bản giữ các nội dung của mẫu tuy nhiên thiết kế lại mẫu biểu để phù hợp phân cấp phân quyền cho Hải quan khu vực và đánh giá đối với lượng hàng hóa áp dụng chế độ ưu tiên và không áp dụng chế độ ưu tiên Lý do thay đổi: phù hợp quy định về áp dụng chế độ ưu tiên đối với một số hàng hóa của một số nhóm DN đặc thù, theo quy định phân cấp phân quyền tại Luật và NQ đặc thù
b) Tên thành phần hồ sơ 2: *Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính*	- Nêu rõ lý do quy định: nắm thông tin về hoạt động XNK của DN - Yêu cầu về hình thức: bản chính Lý do quy định: nắm thông tin về hoạt động XNK của DN Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi đối với nhóm DN đang quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan (thủ tục hiện tại); bỏ hồ sơ này đối với nhóm DN không cần xét điều kiện kim ngạch; đối với nhóm DN không áp dụng điều kiện về thời hạn thì chỉ cần báo cáo trong phạm vi đánh giá. Lý do thay đổi: phù hợp mục tiêu đánh giá điều kiện của nhóm DN được miễn giảm điều kiện theo quy định.
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính;	- Nêu rõ lý do quy định: nắm thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật của DN - Yêu cầu về hình thức: bản chính Lý do quy định: nắm thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật của DN Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi đối với nhóm DN đang quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan (thủ tục hiện tại); bỏ hồ sơ này đối với nhóm DN không cần xét điều kiện tuân thủ pháp luật. Lý do thay đổi: phù hợp mục tiêu đánh giá điều kiện của nhóm DN được miễn giảm điều kiện theo quy định.
d) *Tên thành phần hồ sơ 4: Báo cáo tài chính đã*	- Nêu rõ lý do quy định: nắm thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật kế toán, kiểm toán của DN, tình hình tài chính của DN

được kiểm toán trong 02 năm gần nhất: 01 ***bản sao;***	- Yêu cầu về hình thức: bản sao Lý do quy định: nắm thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật kế toán, kiểm toán của DN, tình hình tài chính của DN Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi:
đ) Tên thành phần hồ sơ 5: *Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01* ***bản sao***	- Nêu rõ lý do quy định: nắm thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật kế toán, kiểm toán của DN, tình hình tài chính của DN - Yêu cầu về hình thức: bản sao Lý do quy định: nắm thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật kế toán, kiểm toán của DN, tình hình tài chính của DN Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi:
e) Tên thành phần hồ sơ 6: *Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01* ***bản sao;***	- Nêu rõ lý do quy định: nắm thông tin về tình hình thanh kiểm tra và kết luận đối với DN - Yêu cầu về hình thức: bản sao Lý do quy định: nắm thông tin về tình hình thanh kiểm tra và kết luận đối với DN Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi:
e) Tên thành phần hồ sơ 6: *Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có): 01* ***bản sao;***	- Nêu rõ lý do quy định: nắm thông tin về tình hình thanh kiểm tra và kết luận đối với DN - Yêu cầu về hình thức: bản sao Lý do quy định: nắm thông tin về tình hình thanh kiểm tra và kết luận đối với DN Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi:
g) Tên thành phần hồ sơ 7: *Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh* ***là các quy trình, nội quy, quy định hoặc hướng dẫn được Công ty ban hành,***	- Nêu rõ lý do quy định: nắm thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ của DN - Yêu cầu về hình thức: bản sao Lý do quy định: nắm thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ của DN Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi (chỉ bổ sung làm rõ về tài liệu thuyết minh để minh bạch) Lý do thay đổi:

***hồ sơ về thực tế triển khai các quy trình, biện pháp)**: 01 **bản sao**, trong đó bao gồm:* *g.1) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống về: Lưu trữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; giám sát nội bộ doanh nghiệp; quản lý, phòng ngừa các bất thường xảy ra liên quan đến an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; khắc phục các sai sót, vi phạm của doanh nghiệp sau khi được các cơ quan nhà nước khuyến nghị hoặc kết luận; kiểm soát khả năng tài chính để có thể hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp được ưu tiên về thời hạn nộp thuế;* *g.2) Bản mô tả quy trình, biện pháp hoặc phần mềm hoặc hệ thống đảm bảo về: An ninh hàng hóa; an ninh vận tải; an ninh tại khu vực làm việc của doanh nghiệp; kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin; an ninh nhân sự; an ninh đối tác thương mại.*	
h) Tên thành phần hồ sơ 8: ***Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định doanh nghiệp thuộc***	- Nêu rõ lý do quy định: nắm thông tin về loại hình DN để áp dụng quy định điều kiện thích hợp khi công nhận - Yêu cầu về hình thức: bản sao Lý do quy định: nắm thông tin về loại hình DN để áp dụng quy định

nhóm đối tượng quy định: 01 bản sao	điều kiện thích hợp khi công nhận Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: hồ sơ này chỉ áp dụng với doanh nghiệp đặc thù, không thay đổi về hồ sơ đối với doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Luật hải quan Lý do thay đổi: phù hợp quy định Luật và NQ đặc thù, là cơ sở để cơ quan hải quan xem xét áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định phù hợp
i) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có X Không □ Nêu rõ: quy định về hồ sơ tại khoản 1 đến khoản 3 Điều 9 Nghị định. Trong đó, quy định yêu cầu về Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ và tài liệu thuyết minh ***là các quy trình, nội quy, quy định hoặc hướng dẫn được Công ty ban hành, hồ sơ về thực tế triển khai các quy trình, biện pháp*** Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
k) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên)*:.....
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có X Không □ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: + Trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ không đáp ứng thì thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thì cơ quan hải quan ban hành văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do không đáp ứng. + Trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ đáp ứng thì thời hạn tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (trường hợp phức tạp là 60 ngày làm việc). Trường hợp KTSTQ: thời gian KTSTQ thực hiện theo quy định PL về KTSTQ. Lý do quy định: công khai, minh bạch Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi về tổng thời gian xử lý đối với trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ đáp ứng; giảm thời gian xử lý đối với trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ không đáp ứng từ 20 ngày thành 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Lý do thay đổi: đơn giản hóa, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục. Quy định tại Điều 9 Nghị định
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có	Có □ Không X Lý do quy định:.....

thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước X Nước ngoài □ Mô tả rõ: doanh nghiệp quy định tại khoản 7, 8 và 9 Điều 8 Nghị định Lý do quy định: phù hợp quy định pháp luật hải quan và Luật, Nghị quyết đặc thù Làm rõ đối tượng để DN tự rà soát trước khi nộp hồ sơ. - Cá nhân: Trong nước □ Nước ngoài □ Mô tả rõ:..... Lý do quy định:..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có □ Không X Nêu rõ lý do: định hướng mở rộng đối tượng theo lộ trình để đảm bảo yêu cầu quản lý Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: bổ sung đối tượng theo Luật và NQ đặc thù Lý do thay đổi: phù hợp quy định tại Luật và NQ đặc thù
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc X Vùng X Địa phương X - Nông thôn □ Đô thị X Miền núi □ - Biên giới, hải đảo □ - Lý do quy định: phù hợp quy định tại Luật và NQ đặc thù - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có □ Không X Nêu rõ lý do: định hướng mở rộng đối tượng theo lộ trình để đảm bảo yêu cầu quản lý Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: bổ sung đối tượng, phạm vi theo Luật và NQ đặc thù Lý do thay đổi: phù hợp quy định tại Luật và NQ đặc thù
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 50	
7. Cơ quan giải quyết	

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có X Không □ Lý do quy định: công khai minh bạch Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: bổ sung thêm trường hợp được giải quyết tại Hải quan khu vực Lý do thay đổi: phù hợp quy định tại Luật và NQ đặc thù
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có □ Không X Nêu rõ lý do: thực hiện theo thẩm quyền đã phân cấp quy định tại VBPL đặc thù Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng:phân cấp một số trường hợp thực hiện theo thẩm quyền của Trưởng HQKV Lý do thay đổi: phù hợp quy định tại Luật và NQ đặc thù
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không X Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do:..... - Phí: Không Có Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Chi phí khác: Không X Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (*nếu được quy định tại dự thảo*): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ..... + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ..... + Mức chi phí khác:..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có □ Không □ Lý do: ..... - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự thảo thì nêu rõ lý do: ..... - Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi:..... .....
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí	Có □ Không X

và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Nội dung quy định:..... Lý do quy định:.....
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có X Không □ Lý do: công khai, minh bạch
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Văn bản đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên theo mẫu của Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: các thông tin về pháp lý, hoạt động xuất nhập khẩu, đánh giá tuân thủ Lý do quy định: thống nhất, minh bạch về nội dung, thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có X Không □ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Người đại diện pháp luật của Doanh nghiệp Lý do quy định: cam kết của doanh nghiệp trong khai báo thông tin và thể hiện nguyện vọng của doanh nghiệp để làm cơ sở cơ quan hải quan xem xét Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: cơ bản giữ các nội dung của mẫu tuy nhiên thiết kế lại mẫu biểu để phù hợp phân cấp phân quyền cho Hải quan khu vực và đánh giá đối với lượng hàng hóa áp dụng chế độ ưu tiên và không áp dụng chế độ ưu tiên Lý do thay đổi: phù hợp quy định về áp dụng chế độ ưu tiên đối với một số hàng hóa của một số nhóm DN đặc thù, theo quy định phân cấp phân quyền tại Luật và NQ đặc thù
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt X Song ngữ □ Nêu rõ loại song ngữ:..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):.....
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có X Không □ Lý do quy định: phù hợp quy định về điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế	- Lý do quy định: phù hợp quy định về điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không X Nếu Có, đề nghị nêu

	rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có X Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):..... - Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi. Trừ một số đối tượng theo Luật và NQ đặc thù được miễn điều kiện tuân thủ pháp luật khi đánh giá công nhận Lý do thay đổi: quy định tại các văn bản pháp luật nêu trên
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Chấp hành pháp luật về kế toán, kiểm toán	- Lý do quy định: phù hợp quy định về điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không X Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không X + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):..... - Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
c) Yêu cầu, điều kiện 3: Hệ thống kiểm soát nội bộ	- Lý do quy định: phù hợp quy định về điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không X Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không X + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):..... - Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: tăng thời gian lưu trữ camera giám sát (điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ) từ 03 tháng thành 06 tháng Lý do thay đổi: quy định tại điểm b.3 khoản 3 Điều 8 Nghị định
d) Yêu cầu, điều kiện 4: Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có phần mềm hoặc hệ thống công nghệ	- Lý do quy định: phù hợp quy định về điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không X

thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan	Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không X + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):..... - Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
c) Yêu cầu, điều kiện 5: Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu	- Lý do quy định: phù hợp quy định về điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không X Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không X + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):..... - Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
e) Yêu cầu, điều kiện 6: Điều kiện về thanh toán qua ngân hàng	- Lý do quy định: phù hợp quy định về điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không X Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không X + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):..... - Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép □ - Giấy chứng nhận □ - Giấy đăng ký □

	- Chứng chỉ □ - Thẻ □ - Quyết định hành chính X - Văn bản xác nhận/chấp thuận □ - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ:..... Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy X Bản điện tử □ Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi:..... .....
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có X Không □ Lý do: mẫu quy định tại Thông tư Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không áp dụng Lý do thay đổi: .....
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có X Không □ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể tháng/ năm: 03 năm kể từ ngày ban hành quyết định - Nếu Không, nêu rõ lý do:..... Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc X Địa phương X Lý do: phù hợp quy định pháp luật Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: đối với nhóm DN được công nhận theo khoản 1 và 2 Điều 42 Luật Hải quan sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15 thì phạm vi không thay đổi, chỉ thay đổi về phạm vi áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại một số NQ đặc thù Lý do thay đổi: phù hợp quy định đặc thù
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Phạm Thị Quỳnh Anh Điện thoại cố định: 02439440833; Di động: 0942.661.199 E-mail: anhptq@customs.gov.vn	

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: **Thủ tục công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên (đối với doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15)**

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	Khai các thông tin liên quan, 01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.2	Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất	01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.3	Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất	01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.5	Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	

1.6	Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.7	Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp									
		Bưu chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
		Điện tử									
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí		0.00								
3.2	Lệ phí		0.00								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0.00								
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)	Cung cấp hồ sơ tài liệu, giải trình trong khi tiến hành cơ quan hải quan tiến hành thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế (10 ngày) hoặc kiểm tra sau thông quan theo quy định	80.00	62,000			1	10	4,960,000	49,600,000	
5	**Công việc khác** (nếu có)		0.00								
6	**Nhận kết quả**										
		Trực tiếp									
		Bưu chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
		Điện tử									
	TỔNG								**6,076,000**	**60,760,000**	

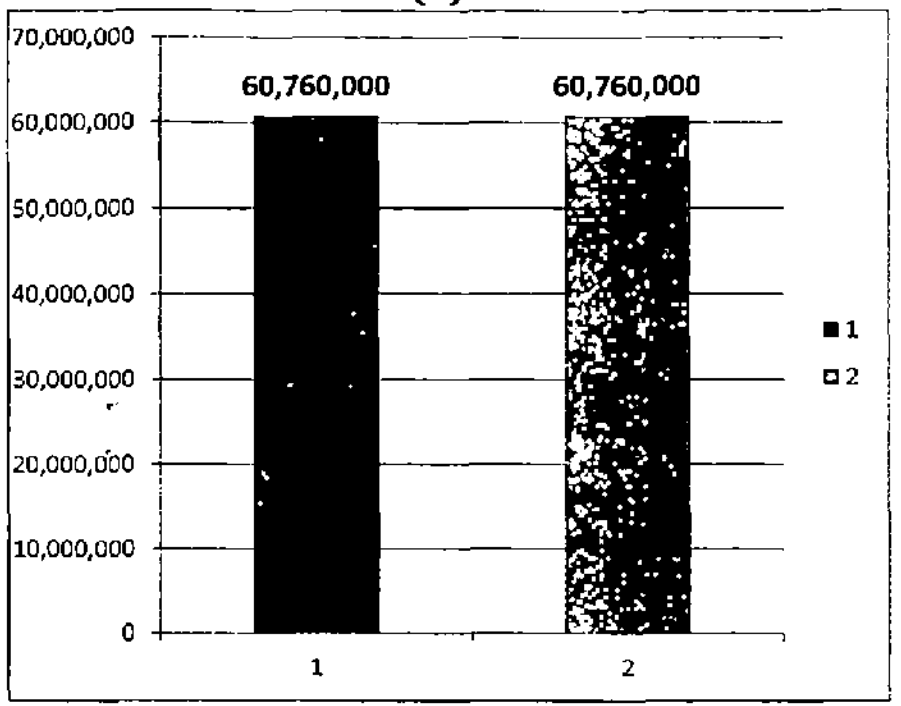
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, PHÂN CẤP

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	Khai các thông tin liên quan, 01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.2	Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất	01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.3	Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất	01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.5	Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.6	Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	

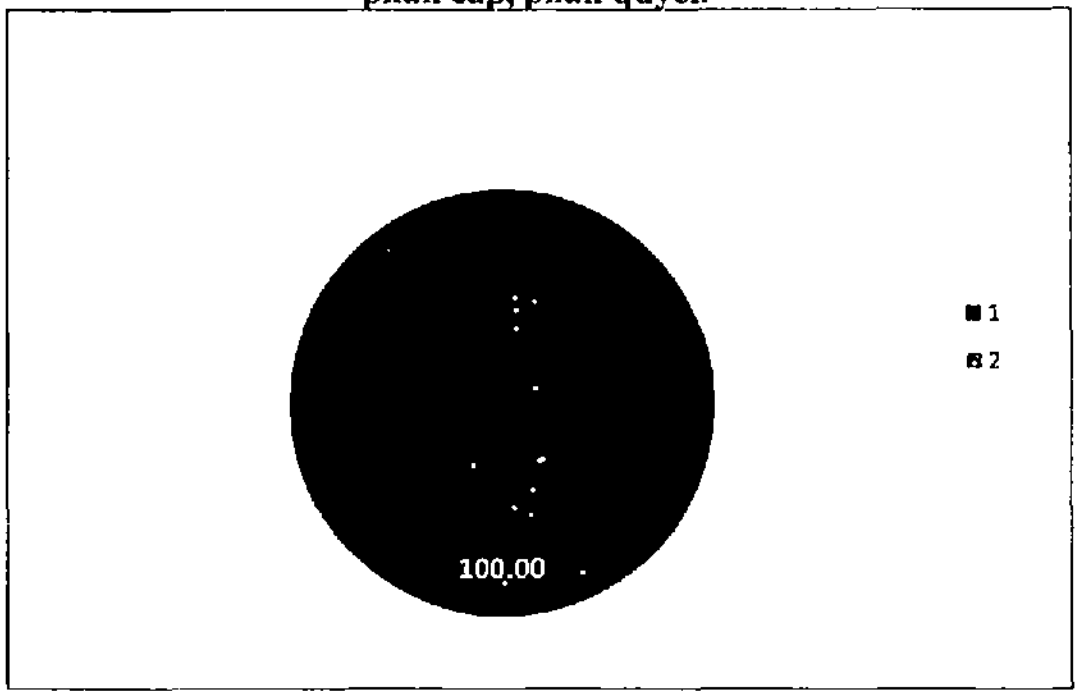
1.7	Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí		0.00								
3.2	Lệ phí		0.00								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0.00								
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)	Cung cấp hồ sơ tài liệu, giải trình trong khi tiến hành cơ quan hải quan tiến hành thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế (10 ngày) hoặc kiểm tra sau thông quan theo quy định	80.00	62,000			1	10	4,960,000	49,600,000	
5	**Công việc khác** (nếu có)		0.00								
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
	TỔNG								**6,076,000**	**60,760,000**	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại (1) và được sửa đổi, bổ sung, phân cấp, phân quyền (2)



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau dự kiến sửa đổi, bổ sung, phân cấp, phân quyền



BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: **Thủ tục công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên (đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định này và khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 25 Luật số 133/2025/QH15)**

1. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	Khai các thông tin liên quan, 01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.2	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.3	Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.4	Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.5	Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	

1.6	Công bố của cơ quan có thẩm quyền về doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 25 Luật số 11/2026/QH16	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp									
		Bưu chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
		Điện tử									
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí		0.00								
3.2	Lệ phí		0.00								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0.00								
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)	Cung cấp hồ sơ tài liệu, giải trình trong khi tiến hành cơ quan hải quan tiến hành thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế (10 ngày) hoặc kiểm tra sau thông quan theo quy định	80.00	62,000			1	10	4,960,000	49,600,000	
5	**Công việc khác** (nếu có)		0.00								
6	**Nhận kết quả**										
		Trực tiếp									
		Bưu chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
		Điện tử									
	TỔNG								**5,952,000**	**59,520,000**	

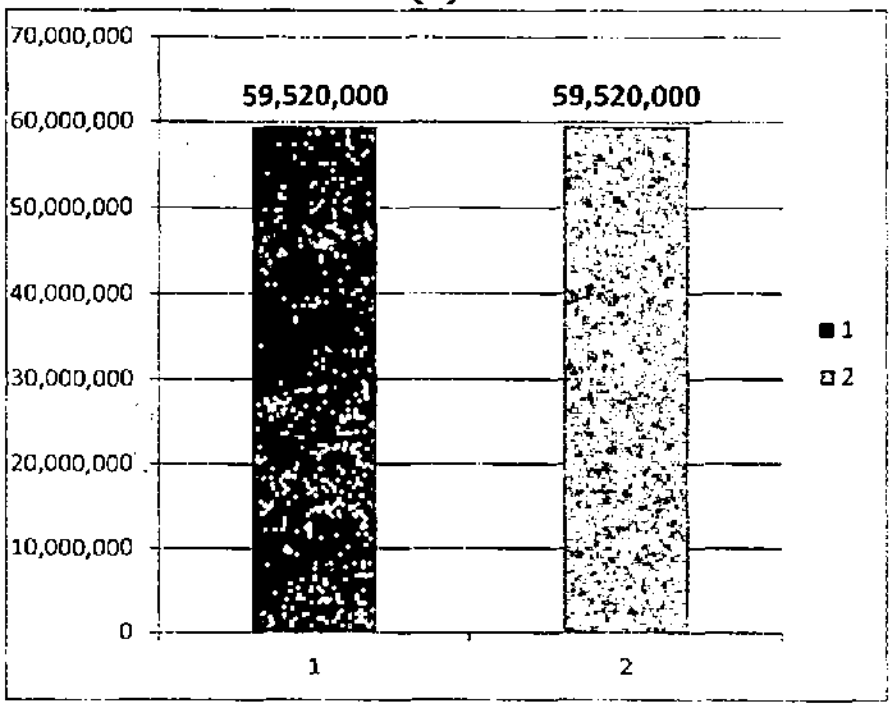
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	Khai các thông tin liên quan, 01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.2	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.3	Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.4	Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.5	Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.6	Công bố của cơ quan có thẩm quyền về doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 25 Luật số 11/2026/QH16	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	

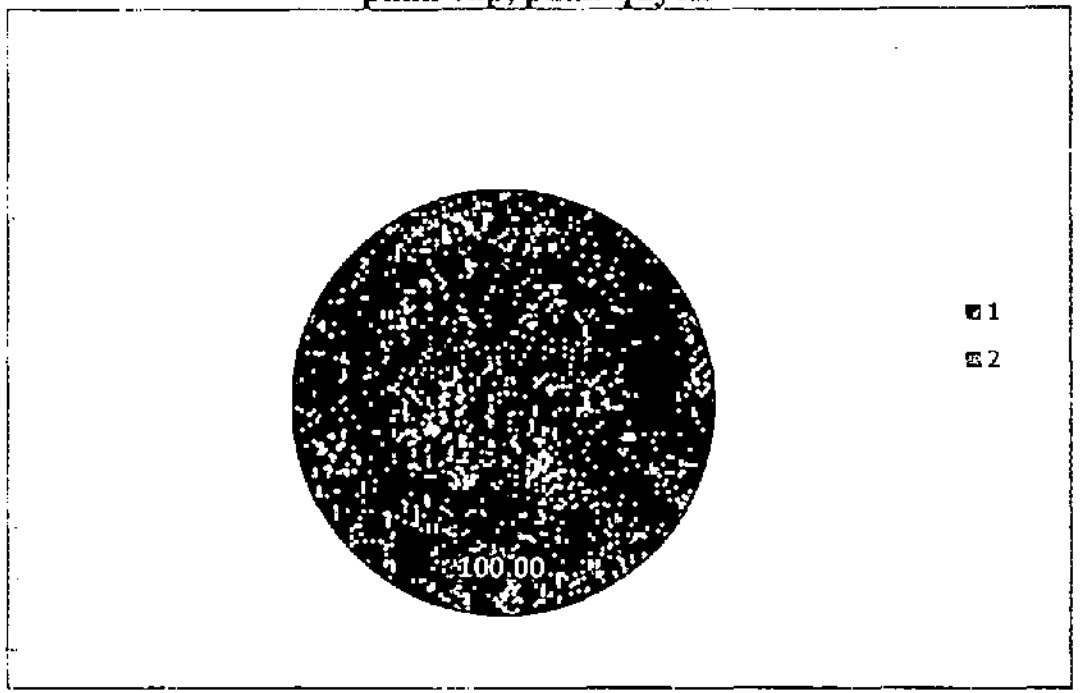
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí		0.00								
3.2	Lệ phí		0.00								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0.00								
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)	Cung cấp hồ sơ tài liệu, giải trình trong khi tiến hành cơ quan hải quan tiến hành thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế (10 ngày) hoặc kiểm tra sau thông quan theo quy định	80.00	62,000			1	10	4,960,000	49,600,000	
5	**Công việc khác** (nếu có)		0.00								
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
	TỔNG								**5,952,000**	**59,520,000**	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại (1) và được sửa đổi, bổ sung, phân cấp, phân quyền (2)



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau dự kiến sửa đổi, bổ sung, phân cấp, phân quyền



BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục công nhận doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên (đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 8 Điều 8 Nghị định)

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	Khai các thông tin liên quan, 01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.2	Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất	01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.3	Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất	01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.5	Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.6	Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	

1.7	Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp						10			
		Bưu chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
		Điện tử									
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí		0.00					10			
3.2	Lệ phí		0.00					10			
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0.00					10			
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)	Cung cấp hồ sơ tài liệu, giải trình trong khi tiến hành cơ quan hải quan tiến hành thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế (10 ngày) hoặc kiểm tra sau thông quan theo quy định	80.00	62,000			1	10	4,960,000	49,600,000	
5	**Công việc khác** (nếu có)		0.00								
6	**Nhận kết quả**										
		Trực tiếp									
		Bưu chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
		Điện tử									
	TỔNG								**6,076,000**	**60,760,000**	

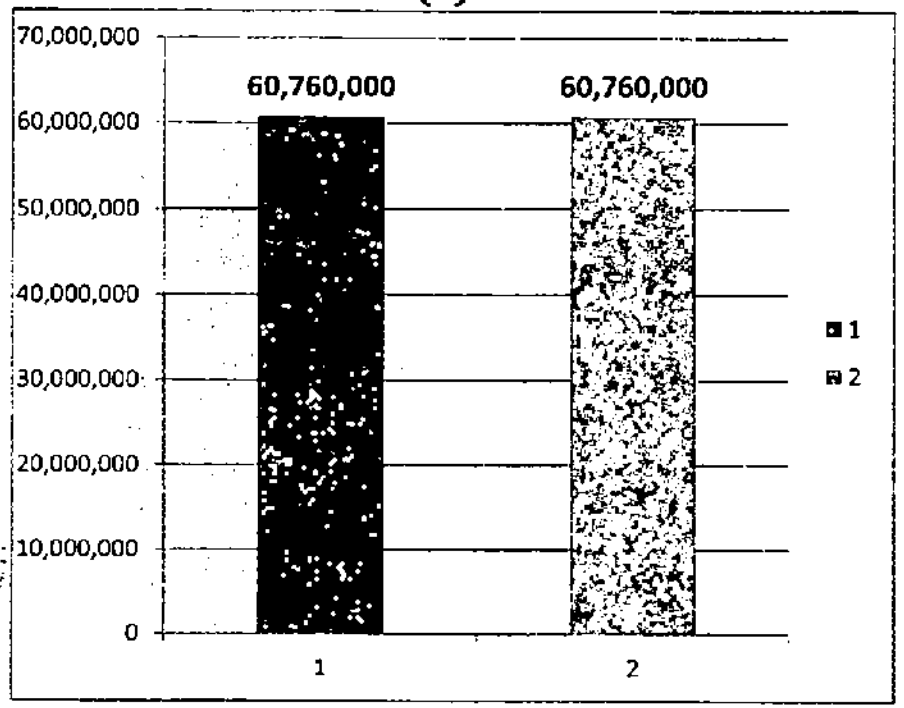
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, PHÂN CẤP

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	Khai các thông tin liên quan, 01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.2	Báo cáo chấp hành pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán trong 02 năm gần nhất	01 bản chính	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.4	Báo cáo kiểm toán trong 02 năm gần nhất	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.5	Bản kết luận thanh tra, kiểm tra trong 02 năm gần nhất (nếu có)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
1.6	Bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp (kèm tài liệu thuyết minh)	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	

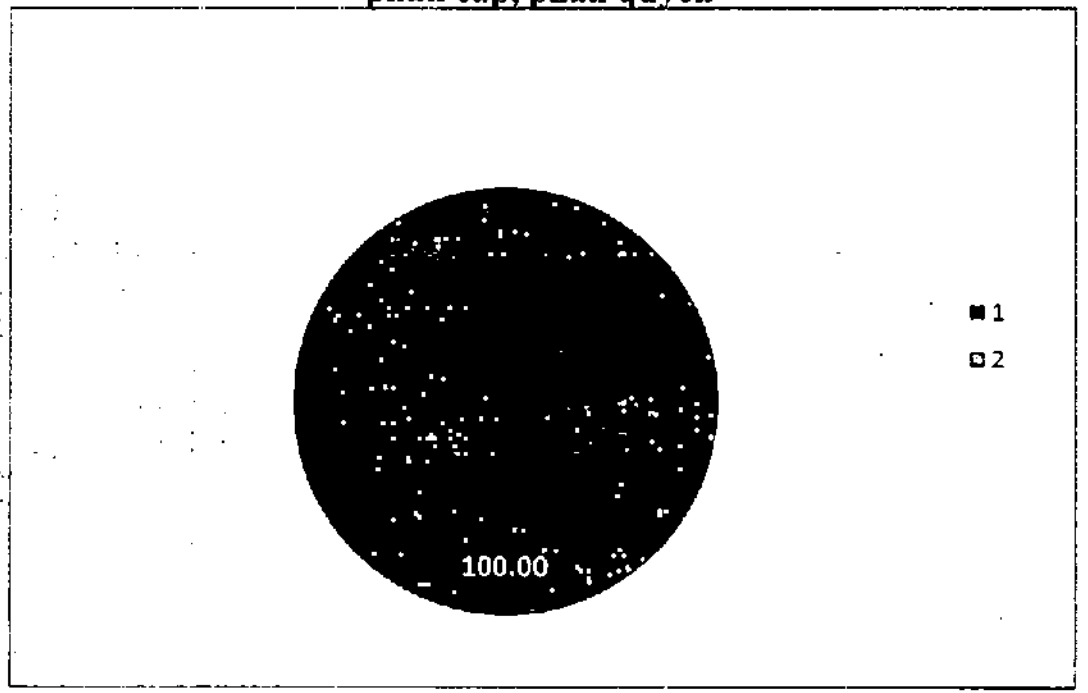
1.7	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định doanh nghiệp thuộc nhóm đối tượng quy định	01 bản chụp	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí		0.00								
3.2	Lệ phí		0.00								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0.00								
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)	Cung cấp hồ sơ tài liệu, giải trình trong khi tiến hành cơ quan hải quan tiến hành thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế (10 ngày) hoặc kiểm tra sau thông quan theo quy định	80.00	62,000			1	10	4,960,000	49,600,000	
5	**Công việc khác** (nếu có)		0.00								
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	2.00	62,000			1	10	124,000	1,240,000	
	TỔNG								**6,076,000**	**60,760,000**	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại (1) và được sửa đổi, bổ sung, phân cấp, phân quyền (2)



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau dự kiến sửa đổi, bổ sung, phân cấp, phân quyền



CỤC HẢI QUAN

Biểu mẫu số 03/ĐGTĐ-PC

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP

Tên dự thảo văn bản: Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

(Nghị định thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trường hợp doanh nghiệp đề nghị đình chỉ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản của cấp trên đang quy định thủ tục hành chính)*	1. Luật Hải quan năm 2014 (Điều 42, 43, 44, 45); Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội (khoản 1 và 2 Điều 3); Luật số 133/2025/QH15 (khoản 5 Điều 25); Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/06/2024 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11/12/2025 (Khoản 5 Điều 12, Khoản 6 Điều 13, Điểm a Khoản 7a Điều 13); Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/06/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng (Điểm c Khoản 1 Điều 10); Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025 (Điểm b khoản 8 Điều 7, Điểm c khoản 5 Điều 7a, Điểm c khoản 7 Điều 7a); Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa (Điểm b khoản 8 Điều 7), Luật thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23/4/2026 (Điểm b khoản 5 Điều 26) 2. Điều 8, 9 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày của Chính phủ 3. Khoản 4 Điều 126 và Phụ lục XI ban hành kèm Thông tư số /2026/TT-BTC ngày / /2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI THAY ĐỔI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐANG ÁP DỤNG ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP	
Có cần phải thay đổi trình tự, thủ tục, thẩm quyền đang được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp không?	Có X Không □ Nêu rõ lý do: Quy định về phân cấp, phân quyền về thẩm quyền đình chỉ DNUT theo quy định tại các Nghị quyết đặc thù
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	

1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có X Không □ Nêu rõ lý do: Các văn bản pháp luật nêu trên đã có quy định về thẩm quyền làm cơ sở ban hành thủ tục hành chính
Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có □ Không X Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: ..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo ..... - Với văn bản của cơ quan khác: Có □ Không X Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: ..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: ..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo ..... - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có □ Không □ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: ..... + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: ..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo .....
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và	Có X Không □ Nêu rõ lý do: không sửa đổi tên gọi của thủ tục hành chính

phù hợp không?	Nội dung thay đổi so với tên thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có X Không □ Nêu rõ lý do: Từng bước thực hiện được quy định cụ thể: văn bản đề nghị, các bước thực hiện thủ tục Nội dung thay đổi so với tên thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có X Không □ Nêu rõ lý do: Có quy định rõ các bước và chủ thể thực hiện Nội dung thay đổi so với tên thủ tục hành chính đang áp dụng: thay đổi về thẩm quyền do một số trường hợp được phân cấp để HQKV thực hiện Lý do thay đổi: quy định tại Nghị quyết đặc thù
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có □ Không X Nêu rõ lý do:.....
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có □ Không X Nếu CÓ, Nêu rõ lý do ..... Lý do quy định:..... - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không X Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự thảo: ..... Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi:.....
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp □ Bưu chính □	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có X Không □ Nêu rõ lý do: quy định rõ cơ quan tiếp nhận văn bản đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên: Cục Hải quan và Hải quan khu vực

Điện tử X b) Nhận kết quả: Trực tiếp □ Bưu chính □ Điện tử X	- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có X Không □ Nêu rõ lý do: quy định theo hướng DN gửi hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến. Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: hình thức nộp hồ sơ Lý do thay đổi: theo quy định tại khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: *Văn bản đề nghị*	- Nêu rõ lý do quy định: thống nhất, minh bạch, là cơ sở để cơ quan hải quan xem xét nguyện vọng của doanh nghiệp - Yêu cầu về hình thức: văn bản Lý do quy định: đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp, thể hiện tính tự nguyện khi đề nghị không áp dụng chế độ ưu tiên Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi:
b) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có □ Không X Nêu rõ: Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm trong việc tự đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
k) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên)*:.....
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có X Không □ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị Lý do quy định: công khai, minh bạch Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không

	thay đổi Lý do thay đổi: .....
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có □ Không X Lý do quy định:..... Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước X Nước ngoài □ Mô tả rõ: doanh nghiệp được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên Lý do quy định: phù hợp quy định pháp luật hải quan và Luật, Nghị quyết đặc thù - Cá nhân: Trong nước □ Nước ngoài □ Mô tả rõ:..... Lý do quy định:..... - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có □ Không X Nêu rõ lý do: định hướng mở rộng đối tượng theo lộ trình để đảm bảo yêu cầu quản lý Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: bổ sung đối tượng theo Luật và NQ đặc thù Lý do thay đổi: phù hợp quy định tại Luật và NQ đặc thù
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc X Vùng X Địa phương X - Nông thôn □ Đô thị X Miền núi □ - Biên giới, hải đảo □ - Lý do quy định: phù hợp quy định tại Luật và NQ đặc thù - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có □ Không X Nêu rõ lý do: định hướng mở rộng đối tượng theo lộ trình để đảm

	bảo yêu cầu quản lý Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: bổ sung đối tượng, phạm vi theo Luật và NQ đặc thù Lý do thay đổi: phù hợp quy định tại Luật và NQ đặc thù
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 50	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có X Không □ Lý do quy định: công khai, minh bạch Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: bổ sung thêm trường hợp dược giải quyết tại Hải quan khu vực Lý do thay đổi: phù hợp quy định tại Luật và NQ đặc thù
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có □ Không X Nêu rõ lý do: thực hiện theo thẩm quyền đã phân cấp quy định tại VBPL đặc thù Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: phân cấp một số trường hợp thực hiện theo thẩm quyền của Trưởng HQKV Lý do thay đổi: phù hợp quy định tại Luật và NQ đặc thù
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không X Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do:..... - Phí: Không Có Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Chi phí khác: Không X Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (*nếu được quy định tại dự thảo*): + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ..... + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ..... + Mức chi phí khác:.....

	+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có □ Không □ Lý do: ..... - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự thảo thì nêu rõ lý do: ..... - Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi:..... .....
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có □ Không X Nội dung quy định:..... Lý do quy định:.....
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có □ Không X Lý do: thủ tục này đơn giản và căn cứ theo nguyện vọng của Doanh nghiệp ưu tiên nên không cần thiết ban hành mẫu đơn
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: Lý do quy định: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có X Không □ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Người đại diện pháp luật của Doanh nghiệp Lý do quy định: cam kết của doanh nghiệp trong khai báo thông tin và thể hiện nguyện vọng của doanh nghiệp để làm cơ sở cơ quan hải quan xem xét Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi:
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt X Song ngữ □ Nêu rõ loại song ngữ:..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song

	ngữ):.....
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có □ Không X Lý do quy định:
a) Yêu cầu, điều kiện 1	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không □ Nếu Có, đề nghị nêu rõ:..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □ Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):..... - Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: Lý do thay đổi: .....
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép □ - Giấy chứng nhận □ - Giấy đăng ký □ - Chứng chỉ □ - Thẻ □ - Quyết định hành chính X - Văn bản xác nhận/chấp thuận □ - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ:..... Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy □ Bản điện tử □ Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi:..... .....
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có X Không □ Lý do: mẫu quy định tại Thông tư Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không

	thay đổi Lý do thay đổi: .....
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không X - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể tháng/ năm: - Nếu Không, nêu rõ lý do:..... Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Lý do thay đổi: .....
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc X Địa phương X Lý do: phù hợp quy định pháp luật Nội dung thay đổi so với thủ tục hành chính đang áp dụng: không thay đổi Theo đó phạm vi hiệu lực khi dình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên tương ứng. Lý do thay đổi: phù hợp quy định đặc thù
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Phạm Thị Quỳnh Anh Điện thoại cố định: 02439440833; Di động: 0942.661.199 E-mail: anhptq@customs.gov.vn	

BỘ TÀI CHÍNH

Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trường hợp doanh nghiệp đề nghị đình chỉ

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										Trong quá trình triển khai chế độ ưu tiên từ 2011 đến nay, chỉ có 01 doanh nghiệp nộp đơn đề nghị dừng áp
1.1	Văn bản đề nghị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên	Khai các thông tin liên quan	1.00	62,000			1	1	62,000	62,000	
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp									
		Bưu chính	0.20	62,000			1	1	12,400	12,400	
		Điện tử									
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí		0.00								
3.2	Lệ phí		0.00								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0.00								
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)		0.00								

5	**Công việc khác** (nếu có)		0.00								dụng chế độ ưu
6	**Nhận kết quả**										
		Trực tiếp									
		Bưu chính	0.10	62,000			1	1	6,200	6,200	
		Điện tử									
	TỔNG								**80,600**	**80,600**	

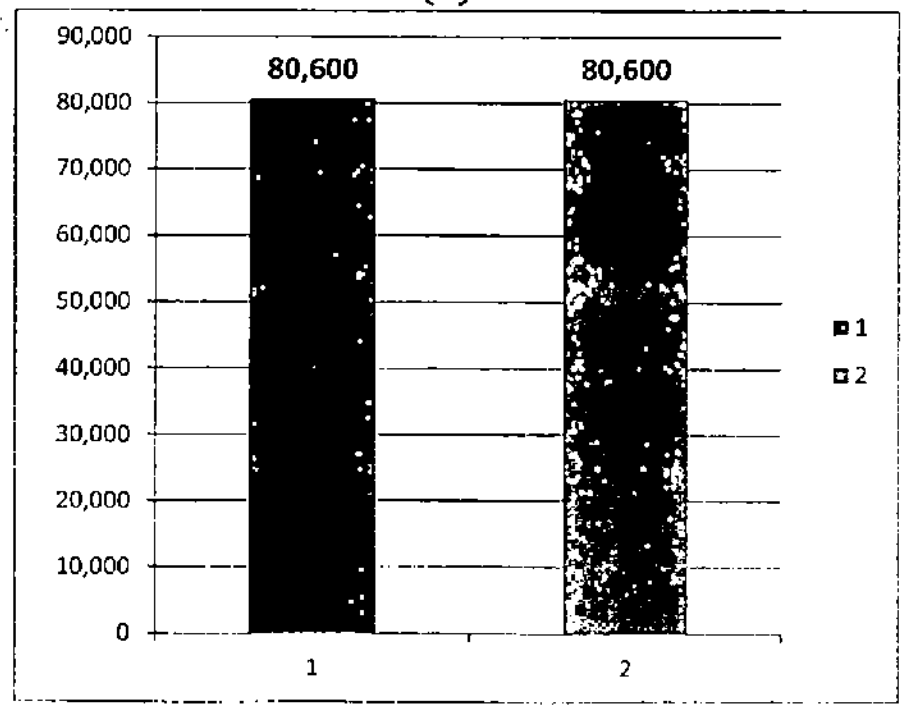
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, PHÂN CẤP

STT	**Các công việc khi thực hiện TTHC**	**Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể**	**Thời gian thực hiện** (giờ)	**Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng)	**Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng)	**Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng)	**Số lần thực hiện/ 01 năm**	**Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm**	**Chi phí thực hiện TTHC** (đồng)	**Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng)	**Ghi chú**
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Văn bản đề nghị theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	Khai các thông tin liên quan, 01 bản chính	1.00	62,000			1	1	62,000	62,000	
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	0.20	62,000			1	1	12,400	12,400	
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí		0.00								
3.2	Lệ phí		0.00								
3.3	Chi phí khác (nếu có)		0.00								

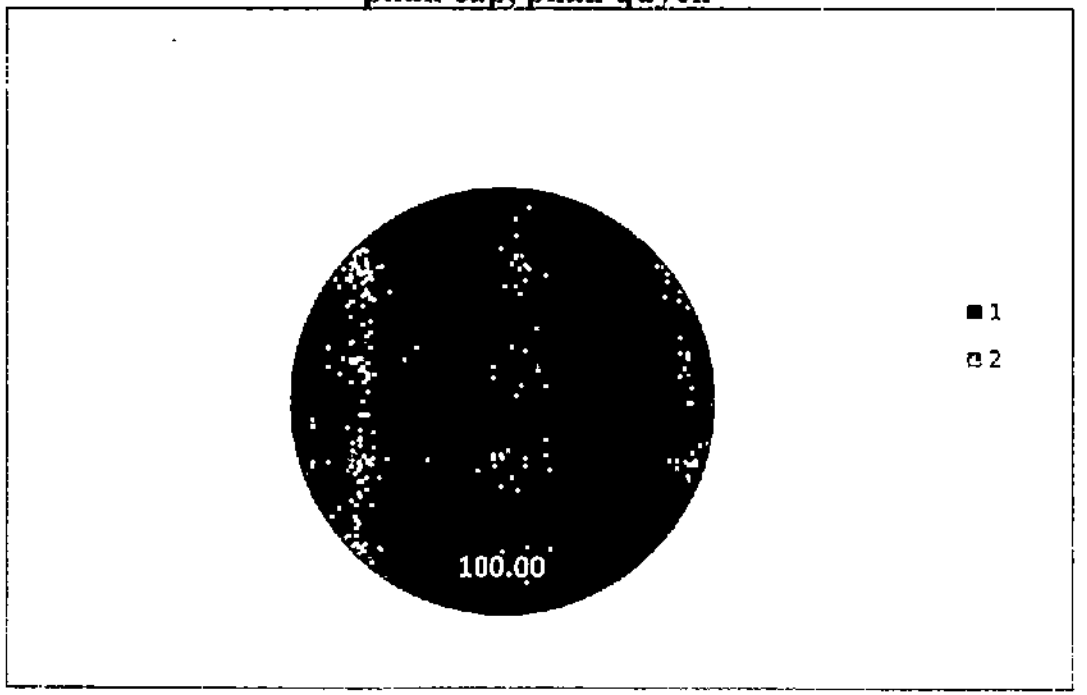
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)		0.00								
5	**Công việc khác** (nếu có)		0.00								
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	0.10	62,000				1	1	6,200	6,200
	TỔNG									**80,600**	**80,600**

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại (1) và được sửa đổi, bổ sung, phân cấp, phân quyền (2)



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau dự kiến sửa đổi, bổ sung, phân cấp, phân quyền



CỤC HẢI QUAN

Biểu mẫu số 02/ĐGTĐ- SĐBS

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục xác định trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn đang quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung)*	Điều 30 Nghị định số …../2027/NĐ-CP ngày… tháng….năm 2027 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☑ Không □ Nêu rõ lý do: Phù hợp quy định của Hiến pháp
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: …… + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:…….. + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo …….. - Với văn bản của cơ quan khác: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: …… + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:…….. + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo …….. - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: …… + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:…….. + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo ……..

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
1. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☑ Không □ - Lý do quy định: Thông báo gửi Đơn tới cho Chi cục Giám sát quản lý về hải quan.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có □ Không ☑ Nêu rõ lý do: Chi cục Giám sát quản lý về hải quan là cơ quan đầu mối về xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và đàm phán các Hiệp định thương mại tự do, trong đó có nội dung về xác định trước xuất xứ.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Lê Thị Oanh Điện thoại cố định: 024.39440833. E-mail: oanhlt@customs.gov.vn	

CỤC HẢI QUAN

Biểu mẫu số 03/ĐGTĐ-QĐCT/SĐBS

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan
(Nghị định thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục xác định trước trị giá hải quan

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)*	1. Điều 28 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 2. Khoản 3 Điều 30 dự thảo Nghị định
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
1. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không □ Lý do quy định: Tại điểm a khoản 3 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của cơ quan hải quan xử lý và ban hành Thông báo xác định trước trị giá là Chi cục Thuế xuất nhập khẩu.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có □ Không ☒ Nêu rõ lý do: Dự thảo đã phân cấp cho Chi cục Thuế xuất nhập khẩu xử lý và ban hành Thông báo xác định trước trị giá thay vì quy định tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 trước đây là Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan (nay là Cục trưởng Cục Hải quan) xác định trước trị giá.

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ
Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Thuận Điện thoại cố định: 8552; Di động: 0976079998 E-mail: thuannt2@customs.gov.vn

CỤC HẢI QUAN

Biểu mẫu số 02/ĐGTĐ- SĐBS

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan
(Nghị định thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH : Thủ tục xác định trước mã số

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn đang quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung)*	Điều 30 Nghị định số……/NĐ-CP ngày ……../2026
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☑ Không □ Nêu rõ lý do: Phù hợp quy định của Hiến pháp
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: …… + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:…….. + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo …….. - Với văn bản của cơ quan khác: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: …… + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:…….. + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo …….. - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: …… + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:…….. + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo

	.....

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)

1. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☑ Không □ - Lý do quy định: Cơ quan hải quan xử lý và ban hành Thông báo xác định trước mã số là Chi cục Thuế xuất nhập khẩu
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có □ Không ☑ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể cơ quan hải quan xử lý và ban hành Thông báo xác định trước mã số là Chi cục Thuế xuất nhập khẩu.

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Họ và tên người điền: Dương Thị Đương

Điện thoại cố định: 024.3944.0833

E-mail: duongdt2@customs.gov.vn

CỤC HẢI QUAN

Biểu mẫu số 02/ĐGTĐ- SĐBS

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

(Nghị định thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn đang quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung)*	Điều 44 Nghị định số …../2027/NĐ-CP ngày… tháng….năm 2027 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☑ Không □ Nêu rõ lý do: Phù hợp quy định của Hiến pháp
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: …… + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:…….. + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo …….. - Với văn bản của cơ quan khác: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: …… + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:…….. + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo …….. - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: …… + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:…….. + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo

	.....

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☑ Không □ Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ ràng tên thủ tục.
2. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☑ Không □ Lý do quy định: Việc quy định điều kiện đối với thủ tục này là hoàn toàn cần thiết nhằm kiểm soát đúng nguồn gốc hàng hóa và ngăn chặn hành vi lợi dụng hình thức tái nhập để buôn lậu, trốn thuế; đồng thời làm cơ sở pháp lý để cơ quan Hải quan thực hiện hậu kiểm, chống thất thu thuế và ngăn ngừa hàng hóa không bảo đảm chất lượng gây nguy hại cho sức khỏe, môi trường trong nước.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa.	- Lý do quy định: Xác định trường hợp được phép thực hiện thủ tục nhập khẩu trở lại đối với hàng hóa đã xuất khẩu. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☑ Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): .....

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Họ và tên người điền: Trần Thị Mai Vân

Điện thoại cố định:

E-mail: vanttm@customs.gov.vn

CỤC HẢI QUAN

Biểu mẫu số 02/ĐGTĐ- SĐBS

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

(Nghị định thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải xuất khẩu

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn đang quy định thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung)*	Điều 45 Nghị định số ...../2027/NĐ-CP ngày... tháng....năm 2027 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có phù hợp với Hiến pháp không?	Có ☑ Không □ Nêu rõ lý do: Phù hợp quy định của Hiến pháp
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: ..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo ..... - Với văn bản của cơ quan khác: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: ..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo ..... - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: ..... + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:..... + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự thảo

	.....

III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải xuất khẩu

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☑ Không □ Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ ràng tên thủ tục.
2. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có ☑ Không □ Lý do quy định: Quy định cụ thể các hình thức xuất khẩu hàng hóa đã nhập khẩu, đảm bảo tạo thuận lợi cho người khai hải quan trong việc nghiên cứu, thực hiện thủ tục hải quan, bao gồm: Hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được xuất khẩu để trả cho người bán hoặc xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan; Hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan bị buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan mà người vận tải hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất.
a) Yêu cầu, điều kiện 1: Hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được xuất khẩu để trả cho người bán hoặc xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan	- Lý do quy định: Xác định trường hợp được phép thực hiện thủ tục xuất khẩu lô hàng đã nhập khẩu. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☑ Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): .....
b) Yêu cầu, điều kiện 2: Hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan bị buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	- Lý do quy định: Xác định trường hợp hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan được phép thực hiện thủ tục tái xuất hoặc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☑ Không □ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: Quyết định buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam của cơ quan có thẩm quyền. + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☑ Không □ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): .....
c) Yêu cầu, điều kiện 3: Hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan mà	- Lý do quy định: Xác định trường hợp hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan được phép thực hiện thủ tục tái xuất.

người vận tải hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất.	- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần: + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có ☐ Không ☑ Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ..... + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có ☑ Không ☐ + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): .....

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Họ và tên người điền: Lưu Thị Thanh Thủy

Điện thoại cố định: 024.39440833.

E-mail: thuyltt3@customs.gov.vn

BỘ TÀI CHÍNH *Biểu mẫu số 03/ĐGTĐ-SĐBS*

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)*	1. Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2014/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15 và Luật số 11/2026/QH16; 2. Điều 66, Điều 67, Điều 69 Nghị định thay thế 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
1. Tên thủ tục hành chính: Không sửa đổi nên không đánh giá	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có □ Không □ Nêu rõ lý do:
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Quy định cụ thể thời hạn khai báo, khai sửa đổi, bổ sung và làm thủ tục đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm	Có ☒ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định rõ việc nộp từng loại giấy tờ nào cho cơ quan hải quan, kiểm dịch, biên phòng.

và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có □ Không ☒ Nêu rõ lý do:
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có □ Không □ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: Lý do quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không □ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☐ Bưu chính ☐ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☐ Bưu chính ☐ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không □ Nêu rõ lý do: Tiếp nhận thông tin khai điện tử theo thời gian 24 giờ trong một ngày và 07 ngày trong một tuần. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không □ Nêu rõ lý do: tiếp nhận thông tin khai báo trên Cổng thông tin một cửa quốc gia
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
4.1. **Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập và ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tái nhập (nhập cảnh):**	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: **Danh sách hành**	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền

khách đối với ô tô vận chuyển hành khách; Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập; Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu.	- Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
b) Tên thành phần hồ sơ 2: **Danh sách hành khách (nếu có).**	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Biên phòng cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
c) Tên thành phần hồ sơ 3: **Giấy khai báo y tế; Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có); Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)**	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
d) Tên thành phần hồ sơ 4: **Bản khai kiểm dịch thực vật (nếu có)**	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Kiểm dịch thực vật để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
đ) Tên thành phần hồ sơ 5: **Bản khai kiểm dịch**	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Kiểm dịch động vật để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử

động vật (nếu có	
e) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ: Không có quy định
g) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do: Khai thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia
4.2. Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài xuất cảnh hoặc ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất và ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tái xuất (xuất cảnh)	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: **Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách; Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập hoặc tạm nhập - tái xuất.**	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
b) Tên thành phần hồ sơ 2: **Thông tin về người điều khiển phương tiện vận tải, Danh sách hành khách (nếu có).**	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Biên phòng cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử

c) Tên thành phần hồ sơ 3: **Giấy khai báo y tế; Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có); Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)**	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
d) Tên thành phần hồ sơ 4: **Bản khai kiểm dịch thực vật (nếu có);**	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Kiểm dịch thực vật để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
đ) Tên thành phần hồ sơ 5: **Bản khai kiểm dịch động vật (nếu có).**	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Kiểm dịch động vật để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
e) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ: Không có quy định
g) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do: Khai thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia

4.3. Đối với phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức qua lại khu vực cửa khẩu biên giới	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Bảng kê thông tin hàng hóa nhập khẩu chở trên phương tiện vận tải theo quy định..	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Thông tin về người điều khiển phương tiện vận tải.	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Biên phòng cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Giấy khai báo y tế; Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có); Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
d) Tên thành phần hồ sơ 4: Bản khai kiểm dịch thực vật (nếu có);	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Kiểm dịch thực vật để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
đ) Tên thành phần hồ sơ 5: Bản khai kiểm dịch động vật (nếu có).	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Kiểm dịch động vật để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
e) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng	Có ☐ Không ☐

yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Nêu rõ: Không có quy định
g) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do: Khai thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia
5. Thời hạn giải quyết:	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Cơ quan xử lý tại cửa khẩu có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, xác nhận hoàn thành thủ tục đối với chứng từ có liên quan thuộc bộ hồ sơ thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai và các bên liên quan trong thời hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm người khai nộp hồ nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp thông tin khai không đầy dủ, không hợp lệ thì cơ quan xử lý phản hồi thông tin từ chối hồ sơ kèm lý do cho người khai thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: a) Kiểm dịch y tế biên giới Cơ quan kiểm dịch y tế biên giới tiếp nhận, xử lý thông tin, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế và xử lý kết quả kiểm tra y tế theo quy định tại Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới. Kết thúc kiểm tra, nếu đạt kết quả thì xác nhận đã hoàn thành kiểm dịch y tế cho người, phương tiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. b) Thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh Cơ quan hải quan tiếp nhận, xử lý thông tin, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế và thực hiện thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025. Kết thúc kiểm tra, nếu phù hợp, cơ quan hải quan cửa khẩu

	cập nhật thông tin phương tiện vận tải hoàn thành thủ tục nhập cảnh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. c) Thủ tục biên phòng điện tử Bộ đội Biên phòng cửa khẩu tiếp nhận, xử lý thông tin và xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với người điều khiển, phương tiện vận tải và hành khách xuất nhập cảnh cảnh trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Việc tiếp nhận, kiểm tra thông tin thực hiện theo Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg ngày 12/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ. d) Trạm Quản lý vận tải (nếu có): Tiếp nhận, kiểm tra thông tin Giấy phép vận tải và thực hiện xác nhận theo quy định tại Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; cập nhật thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. e) Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu: Tiếp nhận thông tin về phương tiện vận chuyển hàng hóa để triển khai thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng cửa khẩu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
6. Đối tượng thực hiện: Không sửa đổi nên Không đánh giá	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước □ Nước ngoài □ Mô tả rõ: Lý do quy định: Đã quy định rõ đối tượng áp dụng. - Cá nhân: Trong nước □ Nước ngoài □ Mô tả rõ: Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có □ Không □ Nêu rõ lý do:
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc □ Vùng □ Địa phương □

	- Nông thôn □ Đô thị □ Miền núi □ - Biên giới, hải đảo □ - Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có □ Không □ Nêu rõ lý do:
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 383000	
7. Cơ quan giải quyết: không sửa đổi nên không đánh giá	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có □ Không □ Nêu rõ lý do:
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có □ Không □ Nêu rõ lý do:
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có): Không sửa đổi nên không đánh giá	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không □ Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Phí: Không □ Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Chi phí khác: Không □ Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do: .....

	- Nêu rõ mức phi, lệ phí hoặc chi phí khác *(nếu được quy định tại dự án, dự thảo)*: + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ..... + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ..... + Mức chi phí khác: ..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có □ Không □ Lý do: ..... - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có □ Không □ Nội dung quy định: ..... Lý do quy định: .....
9. Mẫu đơn, tờ khai:	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không □ Lý do: Thống nhất thông tin khai trên Cổng thông tin điện tử quốc gia
b) Tên mẫu đơn, tờ khai	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không ☒ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ □ Nêu rõ loại song ngữ: ..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): ....
10. Yêu cầu, điều kiện: Không quy định nên không đánh giá	
Có quy định yêu cầu, điều	Có □ Không □

kiện không?	Lý do:
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:
b) Yêu cầu, điều kiện 2:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:
11. Kết quả thực hiện: nội dung này không thay đổi nên không đánh giá	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép □ - Giấy chứng nhận □ - Giấy đăng ký □ - Chứng chỉ □ - Thẻ □ - Quyết định hành chính □ - Văn bản xác nhận/chấp thuận □ - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy □ Bản điện tử □
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có □ Không □ Lý do:
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý	Có □ Không □ - Nếu Có, - Nếu Không, nêu rõ lý do:

không (nếu có)?	
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc □ Địa phương □ Lý do:
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Lê Hoàn Điện thoại cố định: 024.39440833; Di động: 0888688091 E-mail: hoanl@customs.gov.vn	

CỤC HẢI QUAN

Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ /01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (4) x (5) + (6) + (7)	(11) = (8) x (9) x (10)	(12)
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập và ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tái nhập (nhập cảnh)										
a	Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách; Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập; Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu.	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền	0.8	62000			1	75,000	49,600	3,720,000,000	
b	Danh sách hành khách (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho Biên phòng cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
c	Giấy khai báo y tế, Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có); Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
d	Bản khai kiểm dịch thực vật (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho Kiểm dịch thực vật để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
e	Bản khai kiểm dịch động vật (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định., nộp cho Kiểm dịch động vật để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	

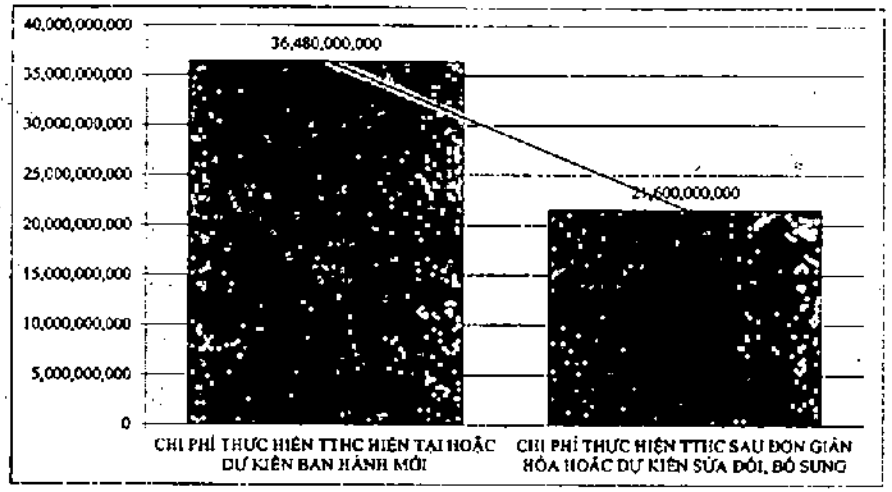
1.2	Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài xuất cảnh hoặc ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất và ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tái xuất (xuất cảnh)										
a	Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách; Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập hoặc tạm nhập - tái xuất.	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền	0.8	62000			1	75,000	49,600	3,720,000,000	
b	Thông tin về người điều khiển phương tiện vận tải, Danh sách hành khách (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho Biên phòng cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
c	Giấy khai báo y tế; Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có); Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
d	Bản khai kiểm dịch thực vật (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho Kiểm dịch thực vật để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
e	Bản khai kiểm dịch động vật (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định,, nộp cho Kiểm dịch động vật để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
2	Nộp hồ sơ										
		Trực tiếp	1	62,000			1	150,000	62,000	9,300,000,000	
		Bưu chính									
		Điện tử									
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
	Phí										
	Lệ phí		1	20,000			1	150,000	20,000	3,000,000,000	
	Chi phí khác (nếu có)										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả										
		Trực tiếp	1	62,000			1	150,000	62,000	9,300,000,000	
		Bưu chính						-	-	-	
		Điện tử									

TỔNG										36,480,000,000	
II. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP											
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ /01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập và ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tái nhập (nhập cảnh)										
a	Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách; Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập; Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu.	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền	0.8	62000			1	75,000	49,600	3,720,000,000	
b	Danh sách hành khách (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho Biên phòng cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
c	Giấy khai báo y tế; Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có); Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
d	Bản khai kiểm dịch thực vật (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho Kiểm dịch thực vật để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
e	Bản khai kiểm dịch động vật (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định,, nộp cho Kiểm dịch động vật để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
1.2	Đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài xuất cảnh hoặc ô tô, mô tô, xe gắn máy Việt Nam tạm xuất và ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tái xuất (xuất cảnh)										
a	Danh sách hành khách đối với ô tô vận chuyển hành khách; Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập hoặc tạm nhập - tái xuất.	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền	0.8	62000			1	75,000	49,600	3,720,000,000	

b	Thông tin về người điều khiển phương tiện vận tải, Danh sách hành khách (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho Biên phòng cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
c	Giấy khai báo y tế; Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có); Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
d	Bản khai kiểm dịch thực vật (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho Kiểm dịch thực vật để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
e	Bản khai kiểm dịch động vật (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định,, nộp cho Kiểm dịch động vật để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	75,000	12,400	930,000,000	
2	Nộp hồ sơ										
		Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	0.2	62,000			1	150,000	12,400	1,860,000,000	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
	Phí										
	Lệ phí		1	20,000			1	150,000	20,000	3,000,000,000	
	Chi phí khác (nếu có)										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả										
		Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	0.2	62,000			1	150,000	12,400	1,860,000,000	
TỔNG										21,600,000,000	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa





BỘ TÀI CHÍNH *Biểu mẫu số 03/ĐGTĐ-SĐBS*

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Thủ tục hải quan với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)*	1. Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2014/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15 và Luật số 11/2026/QH16; 2. Điều 68 Nghị định thay thế 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)*	
1. Tên thủ tục hành chính: Không sửa đổi nên không đánh giá	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có □ Không □ Nêu rõ lý do:
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Quy định cụ thể thời hạn khai báo, khai sửa đổi, bổ sung và làm thủ tục đối với tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm	Có ☒ Không □ Nêu rõ lý do: Quy định rõ việc nộp từng loại giấy tờ nào cho cơ quan hải quan, kiểm dịch, Đơn vị kiểm soát xuất cảnh, nhập

và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	cảnh cửa khẩu.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có □ Không ☒ Nêu rõ lý do:
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có □ Không ☒ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: Lý do quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không □ Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☐ Bưu chính ☐ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☐ Bưu chính ☐ Điện tử ☒	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không □ Nêu rõ lý do: Tiếp nhận thông tin khai điện tử theo thời gian 24 giờ trong một ngày và 07 ngày trong một tuần. Phản hồi cho người khai và các bên liên quan trong thời hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm người khai nộp hồ nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không □ Nêu rõ lý do: tiếp nhận thông tin khai báo trên Cổng thông tin một cửa quốc gia
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
4.1. Đối với phương tiện vận tải đường thuỷ nội địa xuất cảnh	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Giấy phép vận tải	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền

đường thủy qua biên giới; Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm xuất - tái nhập; Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên tầu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính; Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy; Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hàng hóa; Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách	- Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách; Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có).	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Đơn vị kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Giấy khai báo y tế,	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền

Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có), Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)	- Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
d) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☐ Nêu rõ: Không có quy định
e) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do: Khai thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia
4.2. Đối với phương tiện vận tải đường thuỷ nội địa nhập cảnh	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Giấy phép vận tải đường thủy qua biên giới; Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm xuất - tái nhập; Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên tầu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính; Bản	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử

khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy; Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hàng hóa; Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách	
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách; Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có).	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Đơn vị kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Giấy khai báo y tế, Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có), Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)	- Nêu rõ lý do quy định: nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền - Yêu cầu về hình thức: khai điện tử

d) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ: Không có quy định
e) Số lượng bộ hồ sơ: 01	Lý do: Khai thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia
5. Thời hạn giải quyết:	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Cơ quan xử lý tại cảng hàng không quốc tế có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, xác nhận hoàn thành thủ tục đối với chứng từ có liên quan thuộc bộ hồ sơ thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai và các bên liên quan trong thời hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm người khai nộp hồ nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp thông tin khai không đầy đủ, không hợp lệ thì cơ quan xử lý phản hồi thông tin từ chối hồ sơ kèm lý do cho người khai thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: - Cơ quan xử lý tại cảng hàng không quốc tế có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, xác nhận hoàn thành thủ tục đối với chứng từ có liên quan thuộc bộ hồ sơ thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và phản hồi cho người khai và các bên liên quan trong thời hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm người khai nộp hồ nhận thông tin đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp thông tin khai không đầy đủ, không hợp lệ thì cơ quan xử lý phản hồi thông tin từ chối hồ sơ kèm lý do cho người khai thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia; - Cơ quan xử lý tại cảng hàng không thực hiện quy trình kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra chứng từ có liên quan thuộc

	hồ sơ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
6. Đối tượng thực hiện: Không sửa đổi nên không đánh giá	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Điều 2 dự thảo Nghị định thay thế Lý do quy định: Đã quy định rõ đối tượng áp dụng. - Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐ Mô tả rõ: Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do:
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☐ Vùng ☐ Địa phương ☐ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☐ Nêu rõ lý do:
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 201000	
7. Cơ quan giải quyết:	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Quy định rõ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 54 dự thảo Nghị định thay thế

chính không?	
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có □ Không ☒ Nêu rõ lý do: Dự thảo Không quy định việc ủy quyền, phân cấp
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có): Không quy định nên không đánh giá	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không □ Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Phí: Không □ Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Chi phí khác: Không □ Có □ Nếu Có, nêu rõ lý do: ..... - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác *(nếu được quy định tại dự án, dự thảo)*: + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): ..... + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ..... + Mức chi phí khác: ..... + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có □ Không □ Lý do: ..... - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có □ Không □ Nội dung quy định: ..... Lý do quy định: .....
9. Mẫu đơn, tờ khai: Không quy định nên không đánh giá	

a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có □ Không □ Lý do:
b) Tên mẫu đơn, tờ khai	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không □ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Lý do quy định:
c) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt □ Song ngữ □ Nêu rõ loại song ngữ: ..... Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): .....
10. Yêu cầu, điều kiện: Không quy định nên không đánh giá	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	Có □ Không □ Lý do:
a) Yêu cầu, điều kiện 1:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:
b) Yêu cầu, điều kiện 2:	- Lý do quy định: - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:
11. Kết quả thực hiện: nội dung này không thay đổi nên không đánh giá	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép □ - Giấy chứng nhận □ - Giấy đăng ký □ - Chứng chỉ □

	- Thẻ □ - Quyết định hành chính □ - Văn bản xác nhận/chấp thuận □ - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy □ Bản điện tử □
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có □ Không □ Lý do: Để đảm bảo thông tin thống nhất
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có □ Không □ - Nếu Có, - Nếu Không, nêu rõ lý do:
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc □ Địa phương □ Lý do:

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Họ và tên người điền: Lê Hoàn

Điện thoại cố định: 024.39440833; Di động: 0888688091

E-mail: hoanl@customs.gov.vn

CỤC HẢI QUAN

Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục hải quan với phương tiện vận tải đường thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ /01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (4) x (5) + (6) + (7)	(11) = (8) x (9) x (10)	(12)
I	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	**Đối với phương tiện vận tải đường thuỷ nội địa xuất cảnh**										
a	Giấy phép vận tải đường thủy qua biên giới; Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm xuất - tái nhập; Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên tầu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính; Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy; Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hàng hóa; Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tai đường thủy vận chuyển hành khách	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền	0.8	62000			1	50,000	49,600	2,480,000,000	
b	Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách; Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có).	Chuẩn bị hồ sơ, nộp cho Đơn vị kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	50,000	12,400	620,000,000	
c	Giấy khai báo y tế, Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có), Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	50,000	12,400	620,000,000	
1.2	**Đối với phương tiện vận tải đường thuỷ nội địa nhập cảnh**										
a	Giấy phép vận tải đường thủy qua biên giới; Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm xuất - tái nhập; Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên tầu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính; Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy; Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hàng hóa; Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền	0.8	62000			1	50,000	49,600	2,480,000,000	

b	Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách; Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có).	Chuẩn bị hồ sơ, nộp cho Đơn vị kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	50,000	12,400	620,000,000	
c	Giấy khai báo y tế, Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có), Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	50,000	12,400	620,000,000	
2	Nộp hồ sơ										
		Trực tiếp	1	62,000			1	100,000	62,000	6,200,000,000	
		Bưu chính									
		Điện tử									
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
	Phí										
	Lệ phí		1	20,000			1	100,000	20,000	2,000,000,000	
	Chi phí khác (nếu có)										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả										
		Trực tiếp	1	62,000			1	100,000	62,000	6,200,000,000	
		Bưu chính						-	-	-	
		Điện tử									
TỔNG									-	21,840,000,000	

II. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC PHÂN CẤP

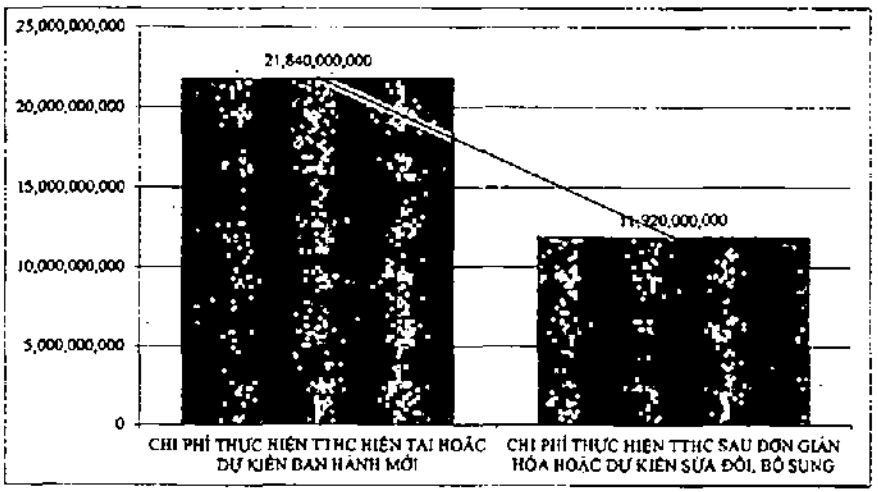
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ /01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đối với phương tiện vận tải đường thuỷ nội địa xuất cảnh										

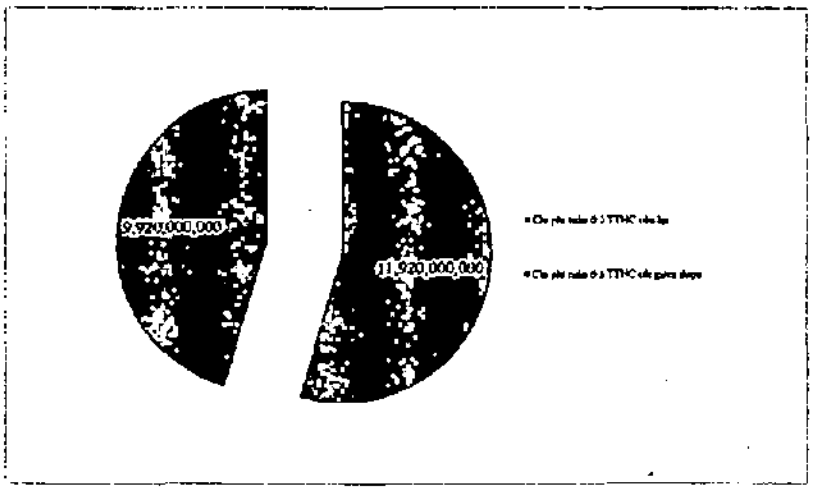
a	Giấy phép vận tải đường thủy qua biên giới; Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm xuất - tái nhập, Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên tầu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính; Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy; Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hàng hóa; Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền	0.8	62000			1	50,000	49,600	2,480,000,000	
b	Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách; Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ, nộp cho Đơn vị kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	50,000	12,400	620,000,000	
c	Giấy khai báo y tế, Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có), Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	50,000	12,400	620,000,000	
1.2	**Đối với phương tiện vận tải đường thuỷ nội địa nhập cảnh**										
a	Giấy phép vận tải đường thủy qua biên giới; Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm xuất - tái nhập; Bản kê nguyên liệu, vật dụng dự trữ trên tầu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính; Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy; Bản khai hàng hóa trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hàng hóa; Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách	Chuẩn bị hồ sơ, khai các thông tin, điền biểu mẫu theo quy định, nộp cho cơ quan hải quan để giải quyết theo thẩm quyền	0.8	62000			1	50,000	49,600	2,480,000,000	
b	Danh sách hành khách trong trường hợp phương tiện vận tải đường thủy vận chuyển hành khách; Danh sách thuyền viên, nhân viên làm việc trên phương tiện vận tải đường thủy (nếu có).	Chuẩn bị hồ sơ, nộp cho Đơn vị kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh cửa khẩu để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	50,000	12,400	620,000,000	
c	Giấy khai báo y tế, Giấy khai báo y tế của thi thể, hài cốt, tro cốt (nếu có), Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người (nếu có)	Chuẩn bị hồ sơ nộp cho Kiểm dịch y tế để giải quyết theo thẩm quyền	0.2	62000			1	50,000	12,400	620,000,000	
2	Nộp hồ sơ										
		Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	0.2	62,000			1	100,000	12,400	1,240,000,000	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
	Phí										
	Lệ phí		1	20,000			1	100,000	20,000	2,000,000,000	
	Chi phí khác (nếu có)										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
5	Công việc khác (nếu có)										

6	Nhận kết quả										
		Trực tiếp									
		Bưu chính									
		Điện tử	0.2	62,000			1	100,000	12,400	1,240,000,000	
TỔNG										11,920,000,000	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa





BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2026

Phụ lục I

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT HẢI QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT HẢI QUAN

(Tổng hợp ý kiến đơn vị theo công văn số 14903/BTC-CHQ ngày 22/9/2026 của Bộ Tài chính)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính có công văn số 14903/BTC-CHQ ngày 22/9/2026 gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ; UBND; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Kiểm toán Nhà nước; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; đồng thời đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP).

1. Tổng số cơ quan, tổ chức đã gửi xin ý kiến: 53 và tổng số đơn vị đã gửi ý kiến tham gia: 51 (gồm: 12 Bộ, 02 cơ quan ngang Bộ, 34 UBND, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Kiểm toán Nhà nước, VCCI *(Ý kiến VCCI tổng hợp tại Bản tổng hợp ý kiến doanh nghiệp)*).

2. Kết quả cụ thể như sau:

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1.	**Căn cứ ban hành**	UBND tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh Tuyên Quang (Chi cục HQKV XVI)	Đề xuất bổ sung căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính. Lý do: Nghị định có các quy định về hoạt động khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính; tạm giữ người, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính… các quy định này có quan hệ trực tiếp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và để phù hợp với khoản 5 Điều 2 Luật sửa đổi Luật Hải quan số 11/2026/QH16 được Quốc Hội thông qua ngày 23/8/2026, có hiệu lực từ 01/3/2027.	Theo quy định tại Luật Ban hành văn bản và các văn bản hướng dẫn thi hành thì căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành. Luật xử lý vi phạm hành chính không có quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				hải quan. Các nội dung có liên quan như ý kiến của đơn vị là các nội dung viện dẫn văn bản, không phải các nội dung quy định cụ thể. Do đó, không cần bổ sung căn cứ pháp lý là Luật Xử lý vi phạm hành chính.
2.	**Căn cứ ban hành**	UBND tỉnh Lai Châu, UBND tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh Lào Cai	Đề nghị bổ sung: "Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2024/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 148/2025/QH15 và Luật số 20/2026/QH16;" Lý do: Luật số 20/2026/QH16 được ban hành ngày 24/8/2026, sửa đổi, bổ sung Luật Giao dịch điện tử và có hiệu lực từ ngày 01/3/2027. Dự thảo Nghị định cũng quy định hiệu lực từ ngày 01/3/2027 nên cần rà soát, cập nhật đầy đủ căn cứ pháp lý tại thời điểm Nghị định có hiệu lực.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và bổ sung tại căn cứ ban hành Nghị định.
3.	**Căn cứ ban hành** Về căn cứ ban hành văn bản: "*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15*"	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung viện dẫn văn bản sửa đổi cho đầy đủ thành: "*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2026/QH16*".	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và sửa trực tiếp tại căn cứ ban hành dự thảo Nghị định.
4.	**Phạm vi điều chỉnh: Điều 1**	UBND TP Đồng Nai	**Kiến nghị:** Bổ sung tại Điều 1 nội dung để loại trừ việc áp dụng thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được quy định tại Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Phát triển đô thị. **Lý do:** Mặc dù phạm vi điều chỉnh đã được xác định khác nhau giữa dự thảo 02 Nghị định nhưng là liệt kê các điều, khoản của Luật Hải quan, dễ nhầm lẫn trong áp dụng (cũng có nội dung quy định về TTHQ, kiểm tra, giám sát HQ… và cũng căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16, các điều khoản quy định về thẩm quyền có loại trừ, ghi nhận rõ trong dự thảo Nghị định; các điều khoản về thủ tục không ghi nhận).	Không tiếp thu, lý do: - Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hải quan, có hiệu lực từ ngày 01/3/2027. - Thực hiện Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 12/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 378/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				Luật Phát triển đô thị, có hiệu lực từ ngày 01/10/2026. Tại khoản 6 Điều 63 Luật Phát triển đô thị giao Chính phủ quy định: *"a) Trình tự, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ việc áp dụng chế độ ưu tiên hải quan quy định tại Luật này;* *b) Điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với khu phi thuế quan; trình tự, thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa ra vào khu phi thuế quan quy định tại Luật này;* *c) Chế độ, thủ tục hải quan và quản lý chuyên ngành đặc thù tại khu cảng mở."* Theo đó, các nội dung này được quy định tại Nghị định số 378/2026/NĐ-CP, không bị trùng lặp về nội dung với Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan.
5.	**Điều 2. Đối tượng áp dụng** 1. Tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải. 2. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị bổ sung đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động trung chuyển hàng hóa, phù hợp với khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan (được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 1 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16).	Điều 241 Luật Thương mại quy định: "Quá cảnh hàng hóa là việc vận chuyển hàng hóa thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài qua lãnh thổ Việt Nam, kể cả việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức vận tải hoặc các công việc khác được thực hiện trong thời

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải. 3. Cơ quan hải quan, công chức hải quan. 4. Cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan.			gian quá cảnh". Theo quy định nêu trên thì trung chuyển là một hoạt động của quá cảnh, do vậy, đối tượng áp dụng là tổ chức cá nhân thực hiện quá cảnh hóa dã bao hàm đối tượng thực hiện hoạt động trung chuyển hàng hóa.
6.	**Điều 3. Giải thích từ ngữ** *4.* "Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, ***quá cảnh*** thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành" là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, ***quá cảnh*** phải kiểm tra chất lượng, văn hóa, kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, ***kiểm dịch y tế, kiểm tra*** an toàn thực phẩm ***và các biện pháp kiểm tra khác*** theo quy định của pháp luật ***chuyên ngành***.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Khoản 4 Điều 3: Đề nghị thay cụm từ "*và các biện pháp kiểm tra khác*" bằng cụm từ "*và các hình thức kiểm tra chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật*" để bảo đảm xác định rõ căn cứ pháp lý và phạm vi áp dụng, phù hợp với thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành của các cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định.
7.	**Khoản 4 Điều 3**	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị sửa cụm từ "kiểm tra chất lượng" thành "kiểm tra nhà nước về chất lượng" để thống nhất với Nghị định số 37/2026/NĐ-CP; đồng thời làm rõ việc kiểm tra nhà nước về chất lượng không áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, quá cảnh, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác (điểm c khoản 2 Điều 45 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khoản 1 Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP) và chỉnh lý tương ứng khoản 1 Điều 36.	- Tiếp thu cụm từ "kiểm tra nhà nước về chất lượng". - Nội dung kiểm tra chuyên ngành tại khoản này là kiểm tra chuyên ngành nói chung theo pháp luật quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; đối với hàng hóa quá cảnh tuy không phải kiểm tra chất lượng nhưng phải kiểm dịch, do vậy, Bộ Tài chính đề xuất giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo bao quát, đầy đủ.
8.	**Khoản 5 Điều 3** *5. Khu vực cách ly của các cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động*	Bộ Công an	Tại khoản 5 về giải thích "khu vực cách ly" và "khu vực hạn chế của cảng hàng không quốc tế", đề nghị nghiên cứu quy định của Luật Hàng không dân dụng để chỉnh lý cho phù hợp. Đồng	Khái niệm khu vực cách ly, khu vực hạn chế tại Nghị định chỉ áp dụng đối với địa điểm kinh

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế và cửa khẩu đường bộ quốc tế (sau đây gọi tắt là khu vực cách ly) là khu vực được ngăn cách, bảo vệ cách biệt tại khu vực cửa khẩu sau khu vực làm thủ tục xuất cảnh. *Khu vực hạn chế của cảng hàng không quốc tế (sau đây gọi tắt là khu vực hạn chế) là khu vực được ngăn cách, bảo vệ cách biệt tại khu vực nhà ga quốc tế sau khu vực làm thủ tục nhập cảnh và trước khu vực làm thủ tục hải quan.*		thời, xác dịnh cụ thể "cửa khẩu" quy định tại khoản này là "cửa khẩu xuất hay cửa khẩu nhập hay cả hai cửa khẩu"	doanh hàng miễn thuế không áp dụng tại các điều khoản khác của Nghị định. Tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, bỏ nội dung khái niệm khu vực cách ly, khu vực hạn chế tại Điều 3 giải thích từ ngữ và làm rõ hơn về vị trí địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế tại Điều 55 dự thảo Nghị định gửi đi lấy ý kiến (nay là Điều 49).
9.	**Khoản 8 Điều 3** *8. "Khu vực giám sát hải quan" là khu vực có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh phương tiện vận tải thuộc địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan, chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan thông qua các phương thức giám sát theo quy định của pháp luật hải quan.*	Bộ Khoa học và Công nghệ	Để áp dụng đối với kho ngoại quan và các loại kho, bãi lưu giữ hàng hóa khác theo quy định, đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: *"8. "Khu vực giám sát hải quan" là khu vực có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh phương tiện vận tải,* ***lưu giữ, tập kết, bảo quản hàng hóa chờ xuất khẩu, chờ nhập khẩu, chờ trung chuyển, chờ quá cảnh*** *thuộc địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan, chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan thông qua các phương thức giám sát theo quy định của pháp luật hải quan."*	Sau khi rà soát các quy định có liên quan đến địa bàn hoạt động hải quan, giám sát hải quan, dự thảo không đưa nội dung này tại dự thảo. Trách nhiệm giám sát hải quan thực hiện theo quy định Luật hải quan
10.	**Khoản 8 Điều 3:**	UBND TP Hải Phòng	**Kiến nghị:** Trường hợp quy định khái niệm "Khu vực giám sát hải quan" cần phải bao quát và đầy đủ, đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 7 - Địa bàn hoạt động hải quan và Điều 38 - Đối tượng, phương thức và thời gian giám sát hải quan tại Luật Hải quan. Đồng thời, kiến nghị làm rõ "khu vực có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa" để tránh phát sinh vướng mắc trong thực tế.	Sau khi rà soát các quy định có liên quan đến địa bàn hoạt động hải quan, giám sát hải quan, dự thảo không đưa nội dung này tại dự thảo. Trách nhiệm giám sát hải quan thực hiện theo quy định Luật hải quan

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Ví dụ: "trụ sở, kho hàng, cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá để gia công, sản xuất xuất khẩu" thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo khoản 2 Điều 2 Nghị định 01/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 12/2018/NĐ-CP và 153/2026/NĐ-CP có thuộc "khu vực có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa" không? **Lý do:** Trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, kiểm soát đối với hàng hóa, phương tiện vận tải và xử lý vi phạm pháp luật về hải quan phù hợp với pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Đối tượng giám sát hải quan gồm hàng hóa, phương tiện vận tải, phương tiện vận tải nội địa vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan	
11.	**Khoản 8 Điều 3**	UBND TP Huế	Khoản 8 Điều 3: đề nghị làm rõ khái niệm "khu vực giám sát hải quan" theo hướng xác định được ranh giới trong địa bàn hoạt động hải quan và phạm vi giám sát từ khi đối tượng chịu sự giám sát được đưa vào đến khi đưa ra khỏi khu vực giám sát; bảo đảm thống nhất với Luật Hải quan và thuận lợi khi tổ chức giám sát trên thực tế.	Sau khi rà soát các quy định có liên quan đến địa bàn hoạt động hải quan, giám sát hải quan, dự thảo không đưa nội dung này tại dự thảo. Trách nhiệm giám sát hải quan thực hiện theo quy định Luật hải quan
12.	**Khoản 10 Điều 3** *10. "Trung chuyển hàng hóa" là hoạt động vận chuyển hàng hóa từ nước ngoài đến cảng biển Việt Nam và đưa vào khu vực giám sát hải quan sau đó được vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo đề nghị của hãng vận chuyển hoặc người được hãng vận chuyển ủy quyền.*	Bộ Công an	Tại khoản 10 về giải thích "trung chuyển hàng hoá", đề nghị bổ sung quy định về thời hạn hàng hoá được lưu tại khu vực giám sát hải quan để phân biệt với quy định về "quá cảnh hàng hoá";	Tiếp thu. Bổ sung tại khoản 3 Điều 42 dự thảo Nghị định.
13.	**Điều 3**	UBND tỉnh Phú Thọ	**Tại Điều 3: Giải thích từ ngữ** Hiện nay chưa có quy định thế nào là **"gia công lại"**, khiến nhiều doanh nghiệp SXXK và DNCX, trong đó có cả doanh	Không tiếp thu. Lý do: - Theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			nghiệp ưu tiên cũng hiểu sai bản chất hoạt động này. Do đó, đã không thông báo cơ sở gia công lại/hợp đồng gia công lại khi thuê ngoài một vài công đoạn, nhiều doanh nghiệp đã bị xử phạt hành chính rất nặng khi kiểm tra sau thông quan. Vì vậy, việc bổ sung ngay định nghĩa "gia công lại" vào văn bản là vô cùng cấp thiết để doanh nghiệp chủ động tuân thủ và cơ quan hải quan áp dụng thống nhất. **Đề xuất bổ sung nội dung**: "Gia công lại là trường hợp tổ chức, cá nhân (bao gồm cả doanh nghiệp chế xuất) thực hiện hợp đồng gia công hoặc sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng không trực tiếp thực hiện mà thuê tổ chức, cá nhân khác trong hoặc ngoài khu phi thuế quan gia công lại một phần hoặc toàn bộ công đoạn của sản phẩm. **Đề nghị bổ sung quy định rõ:** Trường hợp tổ chức, cá nhân (bao gồm cả doanh nghiệp chế xuất) thực hiện hợp đồng gia công hoặc sản xuất hàng hóa xuất khẩu thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện các dịch vụ bảo hành, sửa chữa, kiểm định, kiểm nghiệm mà không làm thay đổi mã số, tính năng, công dụng của hàng hóa ban đầu, hàng hóa vẫn lưu giữ tại cơ sở sản xuất không phải giao đi đến cơ sở khác thì không phải là hoạt động gia công lại.	292/2026/NĐ-CP quy định quyền và nghĩa vụ của bên nhận gia công như sau: *"2. Được thuê thương nhân khác gia công lại một phần hoặc toàn bộ hợp đồng gia công."* - Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2016/NĐ-CP đã quy định cụ thể các trường hợp gia công lại làm cơ sở xác định hàng hoá được miễn thuế. - Đối với gia công giữa chế xuất và nội địa thì không được coi là hoạt động gia công lại mà là hoạt động gia công thông thường do quan hệ giữa nội địa và chế xuất là quan hệ xuất nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế. Do vậy, đề nghị không tiếp thu bổ sung khái niệm gia công lại.
14.	**Điều 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan** *3. Căn cứ quy hoạch và công bố hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng hàng không quốc tế, cửa khẩu đường bộ, cảng cạn, ga đường sắt liên vận quốc tế, mạng bưu chính công cộng cung ứng dịch vụ quốc tế và các khu vực khác thuộc địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan công nhận kho, bãi, địa điểm **đáp ứng** điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy*	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị bổ sung cụm từ "theo quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông" sau cụm từ "mạng bưu chính công cộng cung ứng dịch vụ quốc tế", phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.	Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến của Quý Bộ. Tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định đã quy định: *"Căn cứ quy hoạch và công bố ..."* là nguyên tắc chung, bao quát đầy đủ ý kiến góp ý của Quý Bộ, đảm bảo tính khái quát và tránh lặp từ trong kỹ thuật xây dựng văn bản. Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất giữ nguyên như dự thảo.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	*định; **Cục Hải quan bố trí lực lượng làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan.***			
15.	**Điều 5. Người Khai Hải quan**	UBND TP Hải Phòng	**Điều 5. Người khai hải quan** 1. Người khai hải quan bao gồm các đối tượng quy định tại khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 1 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16. **2. Trường hợp** chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam thì việc khai hải quan được thực hiện bởi đại lý làm thủ tục hải quan hoặc người đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu. **3. Người được chủ hàng hóa** ủy quyền đối với các loại hàng hóa sau đây: a) Quà biếu, quà tặng của cá nhân; b) Tài sản di chuyển của cá nhân; c) Hàng hóa của tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ; d) Hành lý gửi trước, gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh; đ) Hàng hóa tạm nhập tái xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài. e) Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư miễn thuế; g) Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng. **Lý do:** Diễn đạt lại để đảm bảo dễ thực hiện	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định theo hướng cơ bản giữ nguyên quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP.
16.	**Điều 5. Người khai hải quan** *2. Người được chủ hàng hóa ủy quyền đối với các loại hàng hóa sau đây:* ***g) Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng.***	Bộ Công an	Tại khoản 2, Điều 5 quy định "Người khai hải quan được chủ hàng hóa ủy quyền", đề nghị bổ sung vào sau điểm g đối với "hàng hoá nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng" quy định sau đây: "trừ hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng có yêu cầu bảo mật theo văn bản xác nhận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an được miễn khai hải quan và miễn kiểm tra thực tế" để phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 50 Luật Hải quan;	Bộ Tài chính xin giải trình nội dung góp ý như sau: - Khoản 2 Điều 50 Luật Hải quan quy định: (a) Trường hợp hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng theo văn bản xác nhận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				an, người khai hải quan được sử dụng tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh để làm thủ tục hải quan; (b) Trường hợp hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng có yêu cầu bảo mật theo văn bản xác nhận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an được miễn khai hải quan và miễn kiểm tra thực tế. Theo đó, trường hợp hàng hóa phục vụ an ninh, quốc phòng có yêu cầu bảo mật theo văn bản xác nhận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an thuộc diện được miễn khai hải quan. - Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định là quy định về người khai hải quan đối với trường hợp được ủy quyền của các đối tượng có nghĩa vụ phải khai hải quan theo quy định tại khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan. Theo đó, trường hợp miễn khai hải quan sẽ không phải thực hiện khai hải quan do đó cũng không phát sinh tình huống phải ủy quyền khai hải quan nên không cần bổ sung vào khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định. Như vậy, quy định tại khoản 2 Điều 5 và quy định tại điểm b

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				khoản 2 Điều 50 Luật Hải quan đảm bảo sự phù hợp, thống nhất.
17.	**Khoản 2 Điều 5**	Bộ Quốc phòng	Tại Điều 5, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định làm rõ phạm vi, hồ sơ ủy quyền và trách nhiệm của người được ủy quyền, bảo đảm người được ủy quyền được thực hiện đầy đủ thủ tục hải quan trong phạm vi ủy quyền; đồng thời quy định rõ cơ chế phối hợp, trách nhiệm của chủ hàng, người được ủy quyền và cơ quan hải quan đối với hồ sơ, hàng hóa có tính chất đặc thù, nhạy cảm, cho phép một đầu mối thực hiện thủ tục trong phạm vi ủy quyền, tránh phát sinh hồ sơ, thủ tục ngoài quy định.	Bộ Tài chính xin giải trình như sau: Tại khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 1 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16 quy định đối với ủy quyền khai hải quan như sau: Người được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan, không có nội dung quy định yêu cầu người khai hải quan phải nộp chứng từ chứng minh việc ủy quyền khi làm thủ tục hải quan. Theo đó, tại dự thảo Nghị định không quy định về hồ sơ, trách nhiệm …ủy quyền. Việc ủy quyền thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự và pháp luật có liên quan.
18.	Điều 5	Bộ Ngoại giao	Về thủ tục ủy quyền khai hải quan và Sổ định mức miễn thuế tại Điều 5 dự thảo Nghị định, đề nghị rà soát các mẫu biểu, quy trình nghiệp vụ bảo đảm liên thông, khớp nối với Sổ định mức miễn thuế do Bộ Ngoại giao cấp theo quy định.	Tại Điều 5 dự thảo Nghị định quy định về ủy quyền thực hiện khai hải quan, theo đó trên tờ khai hải quan, sổ định mức miễn thuế và các chứng từ liên quan khác vẫn dưới tên của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ.
19.	**Tại các điều quy định về chế độ ưu tiên (Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10)**	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại khoản 3 Điều 7, đề nghị xem xét làm rõ việc đưa hàng về kho bảo quản khi chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành được thực hiện sau khi đã lấy mẫu hay có thể lấy mẫu tại kho. Tương ứng với chế độ này, đề nghị bổ sung tại Điều 8 điều kiện tuân thủ pháp luật về hải quan, trong đó có việc không vi phạm quy định về kiểm tra chuyên ngành khi nhập khẩu (ví dụ: không nhập khẩu hàng hóa có	Không tiếp thu. Điều kiện tuân thủ pháp luật về hải quan sẽ không liệt kê tất cả các hành vi vi phạm vi không thể và đồng thời việc định danh hành vi đã có tại Nghị định xử phạt.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			chất lượng không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, hoàn thiện hồ sơ theo quy định...) và các quy định tương ứng tại Điều 9, Điều 10 liên quan đến công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, quản lý doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên.	Các nội dung này kế thừa quy định hiện hành.
20.	***Điều 7.*** ~~**Điều 9.**~~ **Chế độ ưu tiên**	Bộ Quốc phòng	Tại Điều 7, về tạm đình chỉ hoặc chấm dứt chế độ ưu tiên, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định "Trước khi quyết định tạm đình chỉ hoặc chấm dứt quyết định ưu tiên, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp về lý do, nội dung cần giải trình và thời hạn giải trình, trừ trường hợp việc thông báo trước có thể ảnh hưởng đến việc phát hiện, ngăn chặn hoặc xử lý vi phạm".	Không tiếp thu. Lý do: - Quy định này đã thực hiện ổn định, chưa phát sinh vướng mắc. - Nội dung tại dự thảo kế thừa quy định hiện hành. - Mặt khác, quy định nêu rõ các trường hợp tạm đình chỉ, đình chỉ và thủ tục hướng đến minh bạch, đơn giản, kịp thời ngăn chặn việc DNUT không thực hiện trách nhiệm (sau khi cơ quan hải quan đã thông báo), không chấp hành, không đáp ứng điều kiện theo quy định.
21.	***Điều 8.*** ~~**Điều 10.**~~ **Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên** *1. Điều kiện về tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế:* *. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu:*	Bộ Quốc phòng	Tại khoản 1 và khoản 4 Điều 8, đề nghị nghiên cứu bổ sung 01 nội dung: "các doanh nghiệp an ninh quốc phòng, doanh nghiệp quốc phòng nòng cốt, tổng công ty trực thuộc Bộ Quốc phòng được giao nhiệm vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh được áp dụng chế độ ưu tiên thủ tục hải quan mà không bắt buộc điều kiện về kim ngạch xuất nhập khẩu quy định tại khoản 4 Điều này". Lý do: Các doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ xuất nhập khẩu hàng quốc phòng mang tính chất đặc thù, phục vụ nhiệm vụ chính trị/trang bị quân sự của Quân đội để sẵn sàng cho bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Tần suất và kim ngạch nhập khẩu phụ thuộc hoàn toàn vào kế hoạch mua sắm, ngân sách quốc phòng hàng năm do Bộ Quốc phòng giao, không hoàn toàn mang tính thương mại thuần túy để đáp ứng tiêu chuẩn kim ngạch tối thiểu (100 triệu USD/năm).	Quy định này chưa được Luật giao Chính phủ hướng dẫn. Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến để nghiên cứu khi có kế hoạch sửa Luật Hải quan trong giai đoạn tiếp theo.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
22.	***Điều 8.*** ~~**Điều 10.**~~ **Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên** *3. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ* *b.4) Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin: Có biện pháp đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, lưu trữ, khôi phục và bảo mật các thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp;*	Bộ Công an	Tại điểm b.4 khoản 3 Điều 8 về điều kiện kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin để được áp dụng chế độ ưu tiên, đề nghị bổ sung quy định có biện pháp bảo đảm an ninh mạng, an ninh thông tin mạng và an ninh dữ liệu	Quy định này hướng đến sự tự nguyện, tự hoàn thiện, tự kiểm soát của DNUT về thông tin dữ liệu của chính doanh nghiệp, theo đó, đây cũng là quyền lợi của doanh nghiệp. Nội dung này không đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật chuyên sâu về an ninh, đảm bảo tính thông dụng, thuận lợi, dễ thực hiện, không phát sinh chi phí tuân thủ đối với doanh nghiệp. Ngoài ra, DNUT cũng như doanh nghiệp khác đều cần thực hiện các quy định pháp luật có liên quan.
23.	**Điểm b5, khoản 3, Điều 8: Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên**	UBND TP Hà Nội (Chi cục HQKV I - Công ty TNHH Toto Việt Nam)	Căn cứ khoản 3 Điều 1 Luật số 107/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp, có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 quy định: *"Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được yêu cầu cá nhân cung cấp thông tin lý lịch tư pháp hoặc Phiếu lý lịch tư pháp số 1, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc nghị định, nghị quyết của Chính phủ quy định cần sử dụng thông tin lý lịch tư pháp để phục vụ mục đích tuyển dụng, cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đối với các ngành nghề, vị trí việc làm có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng hoặc để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân khi tham gia các giao dịch dân sự, thương mại liên quan trực tiếp đến các đối tượng yếu thế trong xã hội"* Công ty kính đề nghị Quý Cơ quan xem xét, hướng dẫn các nội dung vướng mắc sau: (1) Doanh nghiệp có thể áp dụng biện pháp nào để chứng minh việc đáp ứng điều kiện về "an ninh nhân sự" nêu trên trong trường	Quy định về an ninh nhân sự tại NĐ 167 theo hướng đồng bộ với khung SAFE 2021, 2025: "AEO khi tuyển mới nhân sự cần xác minh nhân thân người được tuyển để đảm bảo người đó trước đấy không bị buộc tội về những vấn đề liên quan đến an ninh, vi phạm hải quan hay vi phạm hình sự trong nước" Hiện nay, quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ hướng đến trao quyền cho doanh nghiệp chủ động có các quy trình, biện pháp đảm bảo an ninh nhân sự phù hợp thực tế vận hành và thống nhất các quy định của công ty.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hợp không được yêu cầu người lao động cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc thông tin lý lịch tư pháp theo Luật Lý lịch tư pháp? (2) Trường hợp Công ty áp dụng các biện pháp thay thế sau có được coi là đáp ứng yêu cầu về an ninh nhân sự theo quy định hay không: Bản cam kết/khai báo của người lao động về việc không bị xử lý vi phạm pháp luật hình sự hoặc đã được xóa án tích; bổ sung điều khoản cam kết tuân thủ pháp luật, không bị xử lý vi phạm pháp luật hình sự hoặc đã được xóa án tích trong hợp đồng lao động? Trường hợp cần thiết phải sử dụng thông tin lý lịch tư pháp/ Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ việc duy trì điều kiện doanh nghiệp ưu tiên, kính đề nghị Quý Cơ quan hỗ trợ đưa ra hướng dẫn chính thức để Chúng tôi có căn cứ thực hiện và giải trình với các cơ quan liên quan. (3) Đề nghị Quý Cơ quan làm rõ phạm vi và nội dung của "thông tin cơ bản" cần được kiểm tra định kỳ đối với các vị trí quan trọng theo quy định tại Điểm b5, khoản 3, Điều 8 trong dự thảo nghị định	Cơ quan hải quan khuyến nghị: DN không yêu cầu nhân sự bắt buộc phải cung cấp Lý lịch tư pháp nhưng nên có biện pháp tuyên truyền đối với các ứng viên dự kiến làm việc tại các vị trí quan trọng về tinh thần chủ động, trách nhiệm chứng minh với Công ty về việc tuân thủ pháp luật của mình trước khi đảm trách vị trí quan trọng trong một AEO mang uy tín quốc tế. Việc cá nhân chủ động cung cấp lý lịch tư pháp thì không vi phạm quy định tại Luật lý lịch tư pháp. Mặt khác, trường hợp cá nhân không cung cấp LLTP vì lý do nào đó thì Công ty có thể áp dụng các biện pháp khác như bản cam kết hoặc hồ sơ khác do cá nhân cung cấp và có biện pháp xác minh, thu thập đánh giá thông tin... cho thấy Công ty kiểm soát được thông tin nhân sự tại vị trí quan trọng. Về các thông tin cơ bản cần kiểm tra định kỳ: Công ty căn cứ thực tế, yêu cầu công việc, yêu cầu đảm bảo an ninh an toàn để chủ động xác định các thông tin cần rà soát và thời hạn rà soát định kỳ đối với nhân sự. Theo đó, doanh nghiệp căn cứ các quy định hiện hành, thực tiễn

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				hoạt động để có biện pháp, quy trình, hệ thống phù hợp nhằm đảm bảo an ninh nhân sự của Công ty, kịp thời phát hiện và xử lý trường hợp nhân sự quan trọng vi phạm pháp luật hình sự gây ảnh hưởng đến DN.
24.	**Khoản 8, 9 Điều 8 Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên**	UBND TP Hải Phòng	Về cơ bản, 2 khoản này có nội dung tương đối giống nhau, chỉ khác một số văn bản. Như vậy, nếu không phân biệt rõ sẽ phát sinh vướng mắc khi nào áp dụng khoản 8, khi nào áp dụng khoản 9	Khoản 8 Điều 8 là nhóm đối tượng phải đáp ứng 04 điều kiện tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 8 khi đánh giá công nhận và duy trì 04 điều kiện này sau khi được công nhận; thẩm quyền công nhận thuộc Cục trưởng Cục Hải quan (điểm a khoản 5 Điều 9). Khoản 9 Điều 8 là nhóm doanh nghiệp tại Khu thương mại tự do theo Nghị quyết số 136/2024/QH15, Nghị quyết số 98/2023/QH15, phải đáp ứng 03 điều kiện tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 8 khi đánh giá công nhận và duy trì 04 điều kiện tại các khoản 1, 2, 3 và 5 sau khi được công nhận; thẩm quyền công nhận thuộc Trưởng Hải quan khu vực (điểm b khoản 5 Điều 9). Các đối tượng và trường hợp áp dụng đã rõ tại khoản 8 và 9.
25.	***Điều 9.*** ~~**Điều 11.**~~ **Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên** *2. Hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp quy*	Bộ Khoa học và Công nghệ	**Tại điểm c khoản 2 Điều 9:** Khoản 5 Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo được hưởng chế	Quy định này không được hiểu là phải có trình tự thủ tục công bố. "Công bố của cơ quan có thẩm quyền" có thể là văn bản trong đó có thông tin về đối tượng doanh

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 ***Điều 25 Luật số 133/2025/QH15*** *gồm:* *e) Công bố của* ***cơ quan có thẩm quyền*** *về doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5* ***Điều 25 Luật số 133/2025/QH15****: 01* ***bản sao****;*		độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan nhưng không quy định trình tự, thủ tục công bố các doanh nghiệp này. Đề nghị nghiên cứu, loại bỏ yêu cầu nộp "Công bố của cơ quan có thẩm quyền" đối với các doanh nghiệp nêu trên, bảo đảm thống nhất với pháp luật về công nghiệp công nghệ số, không phát sinh thêm thủ tục hành chính.	nghiệp ví dụ giấy chứng nhận dự án….
26.	**Khoản 12 Điều 9** ***Điều 9.*** **Công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên** *12. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan đối với doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên và doanh nghiệp ưu tiên quy định tại khoản 9 và 11 Điều 8 Nghị định này là Trưởng Hải quan khu vực quản lý khu vực đặc thù.* *Trường hợp Hải quan khu vực khác phát hiện dấu hiệu vi phạm (đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 và 11 Điều 8 Nghị định này) cần kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan thì chuyển thông tin để Trưởng Hải quan khu vực quản lý khu vực đặc thù quyết định kiểm tra theo thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 80 Luật Hải quan được sửa*	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát, sửa đổi dẫn chiếu tại khoản 12 Điều 9 dự thảo Nghị định, hiện dự thảo Nghị định đang dẫn chiếu thẩm quyền kiểm tra sau thông quan theo điểm a, b khoản 1 Điều 80 Luật Hải quan chưa phù hợp do thẩm quyền được quy định tại Điều 79, Điều 80 chỉ quy định trình tự, thủ tục.	Tiếp thu. Dự thảo Nghị định đã bỏ dẫn chiếu Điều 80 Luật Hải quan; thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan để đánh giá công nhận, gia hạn chế độ ưu tiên được quy định tại điểm a.2 khoản 7 và điểm b.2 khoản 8 Điều 9, phù hợp với khoản 1 Điều 79 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16: 25. Sửa đổi, bổ sung Điều 79 và Điều 80 như sau: "Điều 79. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan, thời hạn kiểm tra sau thông quan 1. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan: a) Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc;

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16. *Trường hợp Cục Hải quan phát hiện dấu hiệu vi phạm (đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 9 và 11 Điều 8 Nghị định này) cần kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan theo khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan quyết định kiểm tra theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 80 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16 hoặc chuyển thông tin để Trưởng Hải quan khu vực quy định tại khoản 1 Điều này quyết định kiểm tra theo thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 80 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16.*			*b) Trưởng Hải quan khu vực quyết định kiểm tra sau thông quan trong địa bàn quản lý của Hải quan khu vực.* Trường hợp kiểm tra người khai hải quan không thuộc phạm vi địa bàn quản lý được phân công, Hải quan khu vực báo cáo Cục Hải quan xem xét phân công đơn vị thực hiện kiểm tra. Việc kiểm tra đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan thực hiện theo kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành.
27.	**Điều 10. Quản lý doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên**	UBND TP Đồng Nai	Đề nghị sửa (để rõ hơn cơ quan hải quan quản lý) thành: 2. Trách nhiệm của doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên: đ) Thực hiện việc trao đổi thông tin với *Cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp có dự án đầu tư* để báo cáo những vướng mắc phát sinh (nếu có), vấn đề liên quan đến việc duy trì các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên. e) Thực hiện việc rà soát, tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót và báo cáo *Cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp có dự án đầu tư* về những sai sót đã phát hiện, khắc phục (để Chi cục hải quan nơi doanh nghiệp có dự án đầu tư quản lý việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp UT) g) Khi được *Cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp có dự án đầu tư* thông báo những sai sót hoặc những vấn đề cần làm rõ trong	Tiếp thu một phần làm rõ tại khoản 5 Điều 9 và Điều 10.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			quá trình quản lý doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo đầy đủ, kịp thời những vấn đề cơ quan hải quan thông báo;	
28.	**Điều 11. Thu thập, xử lý thông tin hải quan trong quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro** *4. Cơ quan hải quan xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin nghiệp vụ; ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ phù hợp để hỗ trợ thu thập, tích hợp, xử lý, phân tích thông tin, dữ liệu; nhận diện mối quan hệ, dấu hiệu, xu hướng và sự thay đổi có liên quan đến rủi ro và tuân thủ pháp luật; hỗ trợ đánh giá, giám sát, xác định trọng điểm, cảnh báo và lựa chọn biện pháp quản lý trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.* *Công chức hải quan thực hiện thu thập, kiểm tra, xác minh, phân tích và xử lý thông tin, dữ liệu theo nhiệm vụ, quyền hạn và yêu cầu của hoạt động nghiệp vụ do pháp luật quy định.* *5. Việc ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các phương thức xử lý tự động phải bảo đảm phù hợp với mục đích quản lý; chất lượng và khả năng kiểm tra thông tin, dữ liệu; khả năng truy nguyên, giải thích và kiểm soát kết quả xử lý; bảo mật, an toàn thông	Bộ Khoa học và Công nghệ	**Tại khoản 4, khoản 5, khoản 8 Điều 11:** Đề nghị rà soát, bảo đảm thống nhất với Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 và Nghị định số 142/2026/NĐ-CP về trách nhiệm của bên triển khai và cơ chế giám sát của con người khi sử dụng kết quả xử lý tự động để lựa chọn biện pháp kiểm tra.	Dự thảo Nghị định đã quy định tại khoản 3 Điều 11 về việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ phù hợp trong hoạt động quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro; đồng thời, khoản 5 Điều 11 quy định việc ứng dụng công nghệ và xử lý tự động thông tin, dữ liệu phải bảo đảm khả năng kiểm soát, kiểm tra, truy vết kết quả xử lý và tuân thủ quy định của pháp luật. Việc sử dụng kết quả xử lý tự động để thực hiện hoạt động nghiệp vụ hải quan cũng phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan, bao gồm pháp luật về trí tuệ nhân tạo. Do đó, các quy định tại dự thảo đã bảo đảm nguyên tắc kiểm soát, giám sát việc ứng dụng công nghệ, đồng thời không quy định trùng lặp các trách nhiệm và cơ chế giám sát đã được pháp luật chuyên ngành về trí tuệ nhân tạo điều chỉnh. (Điều 11 đã được chỉnh lý hoàn thiện)

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	tin và bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật. *Kết quả phân tích, dự báo, khuyến nghị, cảnh báo hoặc kết quả xử lý tự động của hệ thống không thay thế thẩm quyền, trách nhiệm quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong trường hợp pháp luật quy định phải có quyết định của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.* *8. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc thu thập, cập nhật, xử lý, kiểm tra, xác minh, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu; quản lý, vận hành hệ thống thông tin nghiệp vụ; yêu cầu quản lý đối với việc ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và phương thức xử lý tự động trong quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro.*			
29.	**Khoản 6 Điều 11** *6. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro; thực hiện kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu điện tử với cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.*	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Khoản 6 Điều 11: Đề nghị sửa thành "*Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan **thực hiện** cung cấp, kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro **theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền** và quy định của pháp luật; bảo đảm yêu cầu về bảo mật, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật*" để đảm bảo các cơ quan chức năng chỉ cung cấp, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy định của pháp luật chuyên ngành, tránh hiểu rằng mọi cơ quan chuyên ngành đều có nghĩa vụ cung cấp toàn bộ dữ liệu cho hải quan.	Tiếp thu. Dự thảo mới đã bỏ nội dung này tại Điều 11.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
30.	**Điều 12. Đánh giá tuân thủ pháp luật.** *2. Mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp được đánh giá, phân loại theo 04 (bốn) mức độ sau đây:* *a) Mức độ tuân thủ 1: Tuân thủ tốt;* *b) Mức độ tuân thủ 2: Tuân thủ;* *c) Mức độ tuân thủ 3: Tuân thủ hạn chế;* *d) Mức độ tuân thủ 4: Không tuân thủ.*	UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND tỉnh Sơn La	Tại khoản 2 Điều 12, đề nghị phân loại mức độ tuân thủ theo 04 mức như sau: *"a) Mức độ tuân thủ 1: Tuân thủ tốt;* *b) Mức độ tuân thủ 2: Tuân thủ trung bình;* *c) Mức độ tuân thủ 3: Tuân thủ thấp;* *d) Mức độ tuân thủ 4: Không tuân thủ."* Lý do: Để bảo đảm đồng bộ với việc phân loại 04 mức độ tuân thủ theo Thông tư số 94/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.	Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như dự thảo và xin giải trình như sau: Thông tư số 94/2026/TT-BTC quy định việc đánh giá tuân thủ trong lĩnh vực quản lý thuế nội địa; trong khi dự thảo Nghị định quy định việc đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa trong quản lý hải quan. Hai lĩnh vực có đối tượng, tiêu chí, phương pháp đánh giá và việc áp dụng kết quả đánh giá tuân thủ khác nhau, do đó tên gọi các mức độ tuân thủ có thể không hoàn toàn giống nhau. Tên gọi "Tuân thủ", "Tuân thủ hạn chế" tại dự thảo nhằm phản ánh trạng thái tuân thủ của doanh nghiệp và làm cơ sở áp dụng các chính sách, biện pháp quản lý hải quan tương ứng; phù hợp với cơ chế quản lý tuân thủ trong lĩnh vực hải quan. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị giữ như dự thảo.
31.	**Điều 15. Hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện**	UBND TP Hà Nội (Chi cục HQKV I - Công ty TNHH Toto Việt Nam)	Kiến nghị làm rõ tần suất đánh giá doanh nghiệp tuân thủ của cơ quan hải quan	Tiếp thu Dự thảo tại điểm a khoản 1 Điều 12 đã bổ sung quy định tần suất đánh giá tuân thủ là: Định kỳ 12 tháng cơ quan hải quan thực hiện đánh giá tuân thủ pháp luật đối với doanh nghiệp

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				Ngoài ra, trong quá trình giám sát tuân thủ, cơ quan hải quan phát hiện doanh nghiệp có hành vi vi phạm dẫn đến thay đổi mức độ tuân thủ hoặc thông tin khác có ảnh hưởng đến kết quả đánh giá tuân thủ thì thực hiện đánh giá lại và thông báo kết quả cho doanh nghiệp.
32.	**Điều 16. Áp dụng chính sách ưu tiên và biện pháp quản lý theo mức độ tuân thủ**	UBND TP Hà Nội (Chi cục HQKV I - Công ty TNHH Toto Việt Nam)	Đề nghị làm rõ quyền lợi tại điểm c khoản 1 Điều này có áp dụng đối với DN tuân thủ tốt là DN nội địa mua bán hàng hóa với DN chế xuất cũng là DN tuân thủ tốt hay không? Kiến nghị làm rõ tại Thông tư để hướng dẫn quy trình cụ thể chế độ này đối với DN tuân thủ tốt để đảm bảo các Hải quan tại các địa phương áp dụng đồng bộ	Dự thảo quy định theo hướng chỉ áp dụng đối với hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ (điểm b khoản 2 Điều 14, khoản 3 Điều 34 dự thảo Nghị định). Không bao gồm DN tuân thủ tốt là DN nội địa mua bán hàng hóa với DN chế xuất cũng là DN tuân thủ tốt.
33.	**Điều 16. Áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan và biện pháp quản lý theo mức độ tuân thủ**	Bộ Công Thương	***Về sự thống nhất giữa cơ chế quản lý rủi ro của pháp luật hải quan và yêu cầu kiểm tra theo pháp luật chuyên ngành***. Khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định cơ quan hải quan phân loại doanh nghiệp theo 04 mức độ tuân thủ để làm cơ sở áp dụng các biện pháp ưu tiên, miễn, giảm kiểm tra. Tuy nhiên, đối với hàng hóa thuộc đối tượng phải kiểm tra theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì vẫn không được áp dụng cơ chế miễn kiểm tra tương ứng. Quy định này có thể dẫn đến tình trạng mức độ tuân thủ của doanh nghiệp đã được cơ quan hải quan đánh giá, phân loại nhưng chưa được phản ánh đầy đủ trong phương thức kiểm tra hàng hóa. Qua đó, hiệu quả của cơ chế quản lý rủi ro và chính sách khuyến khích doanh nghiệp nâng cao mức độ tuân thủ có thể bị hạn chế, đồng thời chưa tạo được sự thống nhất giữa phương thức quản lý dựa trên rủi ro của cơ quan hải quan với phương thức kiểm tra chuyên ngành. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu cơ chế liên thông kết quả đánh giá mức độ tuân thủ của doanh nghiệp với hoạt động kiểm tra chuyên ngành, theo hướng sử dụng	Bộ Tài chính tiếp thu về nguyên tắc và có ý kiến như sau: Trong đánh giá tuân thủ, cơ quan hải quan sử dụng thông tin về kết quả kiểm tra chuyên ngành và việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc chính sách quản lý chuyên ngành. Đồng thời, kết quả đánh giá tuân thủ của cơ quan hải quan có thể được chia sẻ để cơ quan quản lý chuyên ngành sử dụng làm một trong các căn cứ đánh giá tuân thủ, rủi ro và áp dụng biện pháp kiểm tra theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			kết quả đánh giá rủi ro, lịch sử tuân thủ và mức độ đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của doanh nghiệp; làm một trong các căn cứ để xác định phương thức, tần suất hoặc mức độ kiểm tra, bảo đảm vừa kiểm soát được rủi ro thực chất, vừa tránh kiểm tra trùng lặp đối với doanh nghiệp có mức độ tuân thủ cao.	Việc miễn, giảm, xác định phương thức, mức độ, tần suất kiểm tra chuyên ngành thực hiện theo pháp luật chuyên ngành và thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý chuyên ngành. Do đó, dự thảo không quy định nội dung này tại Điều 14.
34.	**Điểm c khoản 2 Điều 16** *2. Đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt, cơ quan hải quan áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan, xem xét miễn, giảm mức độ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và áp dụng các biện pháp quản lý khác, bao gồm:* *c) Được giao hàng trước, mở tờ khai hải quan sau trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ và trong hoạt động mua bán, gia công, thuê, mượn, giao nhận hàng hóa với đối tác là doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật, theo quy định của pháp luật;*	Thanh tra Chính phủ	Đề nghị cân nhắc sửa đổi nội dung này, để phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 43 Luật Hải quan về chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp: "2. *Được làm thủ tục hải quan bằng tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc kể từ ngày nộp chứng từ thay thế tờ khai hải quan, người khai hải quan phải nộp tờ khai hải quan hoàn chỉnh và các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan.*"	Bộ Tài chính đề xuất giữ nguyên quy định tại dự thảo và xin giải trình như sau: Khoản 2 Điều 43 Luật Hải quan quy định chế độ riêng đối với doanh nghiệp ưu tiên, với cơ chế sử dụng tờ khai chưa hoàn chỉnh hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan. Đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt, dự thảo quy định theo hướng "giao hàng trước, mở tờ khai hải quan sau" nhằm xác định phạm vi áp dụng đối với một số giao dịch cụ thể, không đồng nhất với chế độ ưu tiên dành cho doanh nghiệp ưu tiên. Do đó, đề nghị giữ cách quy định tại dự thảo.
35.	**Điểm c khoản 2 Điều 16**	UBND TP Hà Nội	Điều 16. Đề nghị làm rõ quyền lợi tại điểm c khoản 2 Điều này có áp dụng đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt là doanh nghiệp nội địa mua bán hàng hóa với doanh nghiệp chế xuất cũng là doanh nghiệp tuân thủ tốt hay không? Kiến nghị làm rõ tại Thông tư để hướng dẫn quy trình cụ thể chế độ này đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt để đảm bảo các Hải quan tại các địa phương áp dụng đồng bộ	Dự thảo quy định theo hướng chỉ áp dụng đối với hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ (điểm b khoản 2 Điều 14, khoản 3 Điều 34 dự thảo Nghị định). Không bao gồm DN tuân thủ tốt là DN nội địa mua bán hàng hóa với DN chế xuất cũng là DN tuân thủ tốt

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
36.	**Điều 18. Đánh giá rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan** *4. Kết quả đánh giá rủi ro của đối tượng được phân loại theo 01 (một) trong 03 (ba) mức độ sau đây:* *a) Mức độ rủi ro 1: Rủi ro thấp;* *b) Mức độ rủi ro 2: Rủi ro trung bình;* *c) Mức độ rủi ro 3: Rủi ro cao.*	Bộ Khoa học và Công nghệ	**Tại khoản 4 Điều 18:** Đề nghị làm rõ kết quả phân loại rủi ro thấp, trung bình, cao là mức độ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan, không thay thế mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xác định theo Điều 5 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	Bộ Tài chính đề xuất giữ nguyên quy định tại dự thảo và xin giải trình như sau: Mức độ rủi ro thấp, trung bình, cao tại điểm c khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định là kết quả đánh giá rủi ro của cơ quan hải quan đối với các đối tượng trong hoạt động nghiệp vụ hải quan, được sử dụng để lựa chọn, áp dụng biện pháp quản lý hải quan. Kết quả này độc lập và không thay thế việc phân loại, xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện theo pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Điều 16 đã xác định rõ phạm vi là "đánh giá rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan", do đó không cần thiết bổ sung nội dung này tại điểm c khoản 1 Điều 16.
37.	**Điều 24. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan:**	UBND TP Đồng Nai	**Kiến nghị:** Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 24: *"3……Trường hợp có thông tin, tình tiết mới làm thay đổi căn cứ lựa chọn hoặc thuộc trường hợp khác theo quy định của pháp luật, công chức hải quan có thẩm quyền **báo cáo Lãnh đạo phụ trách** quyết định thay đổi kết quả lựa chọn hoặc việc áp dụng biện pháp nghiệp vụ theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Căn cứ và kết quả thay đổi phải được cập nhật trên hệ thống thông tin nghiệp vụ.* **Lý do:** Việc giao cho công chức có thẩm quyền trực tiếp thay đổi kết quả lựa chọn dễ phát sinh tiêu cực, vụ lợi cá nhân.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và sửa đổi dự thảo như sau: *"5. Việc kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác được tổ chức thực hiện theo kết quả áp dụng quản lý rủi ro, quyết định của người có thẩm quyền và quy định của pháp luật".* *(Điều 24 dự thảo gửi lấy ý kiến nay dự thảo mới là Điều 20)*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
38.	**Điều 26.** ~~Điều 17.~~ **Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam** 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam trong toàn quốc.	UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND tỉnh Sơn La	Tại khoản 2 Điều 26, đề nghị bỏ cụm từ **"toàn quốc"** tại quy định: *"Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam trong toàn quốc"*. Lý do: Để bảo đảm đồng bộ với tên gọi của Thông tư số 31/2022/TT-BTC.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và bỏ toàn bộ khoản 2 do đã có quy định tại khoản 1 Điều 23 dự thảo mới *(Điều 26, 27 dự thảo gửi lấy ý kiến nay dự thảo mới là Điều 22, 23)*
39.	***Điều 27.*** **Trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc thực hiện phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu** 3. ***Các Danh mục theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 gồm: Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu; Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện; Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành, sau đây được gọi tắt là Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.*** Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật xây dựng ***Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành, trong đó có mô tả hàng hóa, thông tin chi tiết về đặc điểm, thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng, quy cách đóng gói và các thông tin khác của***	Bộ Khoa học và Công nghệ	Khoản 3: pháp luật về quản lý ngoại thương không quy định Danh mục hàng hóa phải bao gồm thông tin chi tiết về đặc điểm, thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng, quy cách đóng gói của hàng hóa. Đề nghị rà soát, làm rõ Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành có trùng lặp với các Danh mục hàng hóa quy định tại Nghị định số 292/2026/NĐ-CP hay không; trường hợp có nội dung, mục đích tương tự thì đề nghị xem xét loại bỏ và sử dụng Danh mục quy định tại Nghị định số 292/2026/NĐ-CP. Trường hợp khác với Nghị định số 292/2026/NĐ-CP, đề nghị bổ sung yêu cầu Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành xác định rõ biện pháp quản lý tương ứng với từng nhóm hàng hóa (giấy phép, kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra nhà nước về chất lượng khi nhập khẩu hoặc biện pháp quản lý khác theo pháp luật chuyên ngành).	Khoản 4 Điều 26 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 quy định: *"Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện, Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành đảm bảo thống nhất về mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Chính phủ quy định chi tiết khoản này"*. Do vậy, để có cơ sở Bộ Tài chính xác định mã số đối với hàng hóa trong danh mục thì phải có thông tin chi tiết về hàng hóa mới xác định được mã số theo Danh mục hàng hóa XK, NK VN. "Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành" là tên gọi tắt cho các Danh mục hàng hóa theo Nghị định 292/2026/NĐ-CP.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	hàng hóa, mã số hàng hóa dự kiến theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gửi Bộ Tài chính. Chậm nhất 10 ngày làm việc, Bộ Tài chính thực hiện xác định về mã số hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các hàng hóa này để các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện công bố ban hành ***hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành***.			
40.	**Khoản 3 Điều 27**	UBND TP Đồng Nai	3. .... Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật xây dựng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành, trong đó có mô tả hàng hóa, thông tin chi tiết về đặc điểm, thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng, quy cách đóng gói và các thông tin khác của hàng hóa, mã số hàng hóa dự kiến theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gửi Bộ Tài chính. ..." Lý do: để thống nhất với khoản 3 Điều 26: Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam dùng để xây dựng các Danh mục hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và sửa cho thống nhất giữa điểm b khoản 2 Điều 22 với khoản 3 Điều 23 dự thảo Nghị định. *(Điều 26, 27 dự thảo gửi lấy ý kiến nay dự thảo mới là Điều 22, 23)*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
41.	**Khoản 4 Điều 27** *4. Mã số hàng hóa trong Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành để cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, thống kê. Việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng quản lý theo các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành phải căn cứ vào tên hàng, mô tả, đặc tính, thành phần, công dụng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chí quản lý khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành được quy định trong từng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.*	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị sửa thành: "Mã số hàng hóa trong Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành để cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, thống kê. *Việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng quản lý chuyên ngành không chỉ căn cứ vào mã số hàng hóa mà phải căn cứ đồng thời vào tên hàng, mô tả, đặc tính, thành phần, công dụng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chí quản lý khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành được quy định trong từng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành*" để bảo đảm xác định đúng đối tượng quản lý chuyên ngành, tránh áp dụng máy móc chỉ theo mã số hàng hóa. Ví dụ, với mặt hàng là gỗ, lâm sản có cùng mã số nhưng khác nhau về loài, nguồn gốc hoặc tình trạng quản lý theo pháp luật chuyên ngành.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và sửa lại để thể hiện rõ nội dung mã số HS trong danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành không phải là căn cứ duy nhất để áp dụng chính sách hàng hóa quản lý chuyên ngành và không phải là căn cứ để tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Quy định rõ ràng, dễ hiểu, minh bạch trong việc xử lý trường hợp mã số hàng hóa do cơ quan hải quan kiểm tra, xác định làm căn cứ tính thuế có sự khác biệt với mã số trong Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.
42.	**Khoản 4 Điều 27** *4. Mã số hàng hóa trong Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành để cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, thống kê. Việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng quản lý theo các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành phải căn cứ vào tên hàng, mô tả, đặc tính, thành phần, công dụng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chí quản lý khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành được quy định trong từng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.*	UBND TP Hải Phòng	Kiến nghị sửa thành: 4. Việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng quản lý theo các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành phải căn cứ vào ***mã số HS***, tên hàng, mô tả, đặc tính, thành phần, công dụng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chí quản lý khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành được quy định trong từng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành. **Lý do:** Khoản 3 đã quy định Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật xây dựng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành, trong đó có mô tả hàng hóa, thông tin chi tiết về đặc điểm, thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng, quy cách đóng gói và các thông tin khác của hàng hóa, mã số hàng hóa dự kiến theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gửi Bộ Tài chính. Chậm nhất 10 ngày làm việc, ***Bộ Tài chính thực hiện xác định về mã số hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các hàng hóa này*** để các Bộ, cơ	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			quan ngang Bộ thực hiện công bố ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành. Do đó, khoản 4 cần quy định thống nhất theo hướng mã số trong Danh mục quản lý chuyên ngành là mã số đã được xác định phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, tránh phát sinh cách hiểu về việc tồn tại đồng thời hai mã số cho cùng một hàng hóa. Đồng thời khoản 5 đã quy định trường hợp khác biệt về mã số.	
43.	**Khoản 4, 5 Điều 27** *4. Mã số hàng hóa trong Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành để cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, thống kê. Việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng quản lý theo các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành phải căn cứ vào tên hàng, mô tả, đặc tính, thành phần, công dụng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chí quản lý khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành được quy định trong từng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.* *5. Trường hợp hàng hóa có mã số tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành khác biệt với mã số xác định theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì thực hiện theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và pháp luật về hải quan.* *Khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, người khai hải quan thực hiện việc xác định và khai báo mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa*	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Khoản 4 và khoản 5 Điều 27: đề nghị làm rõ việc xác định, điều chỉnh mã số hàng hóa theo pháp luật hải quan không làm thay đổi phạm vi quản lý chuyên ngành được xác định theo pháp luật chuyên ngành. Đối với lĩnh vực điện ảnh, cần phân biệt phim theo Luật Điện ảnh với thiết bị lưu trữ, vật mang tin và bản ghi âm, ghi hình trong quá trình sản xuất phim. Việc các sản phẩm này có cùng mã số hàng hóa không đồng nghĩa với việc áp dụng cùng một điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu hoặc thủ tục kiểm tra chuyên ngành.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và sửa lại để thể hiện rõ nội dung mã số HS trong danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành không phải là căn cứ duy nhất để áp dụng chính sách hàng hóa quản lý chuyên ngành và không phải là căn cứ để tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Quy định rõ ràng, dễ hiểu, minh bạch trong việc xử lý trường hợp mã số hàng hóa do cơ quan hải quan kiểm tra, xác định làm căn cứ tính thuế có sự khác biệt với mã số trong Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và pháp luật về hải quan.			
44.	**Khoản 5 Điều 27** *5. Trường hợp hàng hóa có mã số tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành khác biệt với mã số xác định theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì thực hiện theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và pháp luật về hải quan.* *Khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, người khai hải quan thực hiện việc xác định và khai báo mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và pháp luật về hải quan.*	Bộ Khoa học và Công nghệ	Khoản 4 quy định: "Mã số hàng hóa trong Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành để cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, thống kê. Việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng quản lý theo các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành phải căn cứ vào tên hàng, mô tả, đặc tính, thành phần, công dụng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chí quản lý khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành được quy định trong từng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.". Do đó, đề nghị sửa khoản 5 theo hướng: trường hợp có sự khác biệt về mã số thì căn cứ nguyên tắc tại khoản 4 Điều này để xác định lại mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hiện hành.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và sửa lại để thể hiện rõ nội dung mã số HS trong danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành không phải là căn cứ duy nhất để áp dụng chính sách hàng hóa quản lý chuyên ngành và không phải là căn cứ để tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Quy định rõ ràng, dễ hiểu, minh bạch trong việc xử lý trường hợp mã số hàng hóa do cơ quan hải quan kiểm tra, xác định làm căn cứ tính thuế có sự khác biệt với mã số trong Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.
45.	**Khoản 6 Điều 27.** *6. Khi Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thay đổi, Bộ Tài chính có trách nhiệm thông báo cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành, phối hợp, xác định mã số để các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành ban hành Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày văn bản ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam sửa đổi hoặc thay thế.*	Bộ Khoa học và Công nghệ	Khoản 6: đề nghị chỉnh lý theo hướng khi Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành đối với các mã số bị ảnh hưởng; trường hợp chưa sửa đổi, mã số tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành đang áp dụng được thay đổi theo mã số tương ứng tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và sửa lại để thể hiện rõ nội dung mã số HS trong danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành không phải là căn cứ duy nhất để áp dụng chính sách hàng hóa quản lý chuyên ngành và không phải là căn cứ để tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Quy định rõ ràng, dễ hiểu, minh bạch trong việc xử lý trường hợp mã số hàng hóa do cơ quan hải quan kiểm tra, xác định làm căn cứ tính thuế có sự khác biệt với mã số trong Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
46.	**Khoản 6 Điều 27.** *6. Khi Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thay đổi, Bộ Tài chính có trách nhiệm thông báo cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành, phối hợp, xác định mã số để các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành ban hành Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày văn bản ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam sửa đổi hoặc thay thế.*	UBND tỉnh Nghệ An (Chi cục HQKV XI)	Đề nghị bổ sung vào khoản 6 Điều 27: "Trong thời gian Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành chưa được cập nhật theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam mới ban hành, các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm công khai trên Cổng thông tin điện tử Danh mục mã số hàng hóa tương ứng và hướng dẫn việc áp dụng thống nhất; không yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện lại thủ tục do việc chậm cập nhật Danh mục."	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và sửa lại để thể hiện rõ nội dung mã số HS trong danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành không phải là căn cứ duy nhất để áp dụng chính sách hàng hóa quản lý chuyên ngành và không phải là căn cứ để tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Quy định rõ ràng, dễ hiểu, minh bạch trong việc xử lý trường hợp mã số hàng hóa do cơ quan hải quan kiểm tra, xác định làm căn cứ tính thuế có sự khác biệt với mã số trong Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.
47.	***Điều 27.*** ~~**Điều 19.**~~ **Trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc thực hiện phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**	Kiểm toán Nhà nước	- Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, sửa đổi Điều 27 theo hướng phân định rõ trách nhiệm giữa Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành. Việc hướng dẫn, xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thuộc trách nhiệm chuyên môn của Bộ Tài chính. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành chịu trách nhiệm xác định phạm vi, đối tượng quản lý và xây dựng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành; trong đó phải mô tả đầy đủ, chính xác tên hàng, đặc điểm, thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng, quy cách đóng gói, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các tiêu chí quản lý khác làm cơ sở xác định mã số hàng hóa. Không nên yêu cầu các Bộ quản lý chuyên ngành phải tự xác định chính xác mã số hàng hóa, do việc phân loại hàng hóa đòi hỏi nghiệp vụ chuyên sâu và trong một số trường hợp phải phân tích, giám định hàng hóa. - Đối với Điều 27, khi Bộ Tài chính thực hiện việc xác định mã số hàng hóa, đề nghị cho phép yêu cầu bổ sung tài liệu, lấy ý kiến chuyên môn, phân tích hoặc giám định khi cần thiết và nghiên cứu về thời gian thực hiện thủ tục này.	Tiếp thu kiến nghị cho phép BTC yêu cầu bổ sung tài liệu khi cần thiết. Không tiếp thu yêu cầu phân tích giám định do chưa có hàng hóa thực tế xuất khẩu, nhập khẩu, trong khi việc yêu cầu phân tích giám định chỉ khi có hàng hóa thực tế.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
48.	***Điều 28. ~~Điều 18.~~ Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam*** 1. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam là tập hợp các thông tin liên quan về phân loại hàng hóa, ***Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.***	Bộ Công an	Tại khoản 1 Điều 28 về cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam quy định cơ sở dữ liệu này bao gồm cả Danh mục hàng hoá quản lý chuyên ngành. Do đó, đề nghị cân nhắc bổ sung quy định về trách nhiệm các bộ, ngành trong việc phối hợp với Bộ Tài chính chia sẻ thông tin về hàng hoá quản lý chuyên ngành phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam	Không tiếp thu do đã có quy định về trách nhiệm của cơ quan hải quan và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước khác trong việc thu thập, cung cấp thông tin tại Chương VIII dự thảo Nghị định.
49.	**Khoản 2 Điều 28.** 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc xây dựng và sử dụng cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.	UBND tỉnh Nghệ An (Chi cục HQKV XI)	Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 28: "Cơ sở dữ liệu được xây dựng, quản lý và khai thác trên môi trường điện tử, được cập nhật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ; bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ quan Hải quan với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan nhà nước có liên quan, phục vụ công tác quản lý, thực hiện thủ tục hành chính, tra cứu và xác định mã số hàng hóa."	Không tiếp thu vì nội dung này đã có quy định tại tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 85/2026/TT-BTC. Đã có quy định về trách nhiệm của cơ quan hải quan và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước khác trong việc thu thập, cung cấp thông tin tại Chương VIII dự thảo Nghị định.
50.	**Điều 29**	UBND tỉnh Lâm Đồng, UBND tỉnh Khánh Hòa (Chi cục HQKV XIII)	**Đề xuất bổ sung điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 29 dự thảo Nghị định như sau:** *"1. Đối với hàng hóa xuất khẩu:* *...b) Cửa khẩu xuất được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 7 Điều 3 Nghị định này. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu vào khu phi thuế quan, cửa khẩu xuất là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan và khu vực khác trong nội địa Việt Nam. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu tại chỗ, cửa khẩu xuất cuối cùng là địa điểm giao hàng hóa tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài."* *2. Đối với hàng hóa nhập khẩu:* *...b) Cửa khẩu nhập đầu tiên thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 6 Điều 3 Nghị định này. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa Việt Nam, cửa khẩu nhập đầu tiên là địa điểm ngăn cách giữa khu phi thuế quan*	Không tiếp thu do hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được giao nhận trên lãnh thổ Việt Nam, không qua cửa khẩu, biên giới. Tuy nhiên, việc xác định cửa khẩu xuất, cửa khẩu nhập đầu tiên để xác định trị giá hải quan phụ thuộc vào hàng hóa được vận chuyển theo phương tiện vận tải. Để thống nhất với các hàng hóa khác, không quy định đặc thù đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu hoặc xuất khẩu tại chỗ.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			và khu vực khác trong nội địa Việt Nam. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu tại chỗ, cửa khẩu nhập đầu tiên là địa điểm nhận hàng hóa tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài." **Lý do đề xuất:** Theo Điều 86 Luật Hải quan và Điều 29 dự thảo Nghị định, trị giá hải quan hàng xuất khẩu được xác định đến cửa khẩu xuất, hàng hóa nhập khẩu được xác định đến cửa khẩu nhập đầu tiên. Tuy nhiên, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được giao nhận trên lãnh thổ Việt Nam, không qua cửa khẩu, biên giới, và hiện chưa có quy định riêng xác định cửa khẩu xuất, cửa khẩu nhập đầu tiên đối với loại hình này. Điều đó dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa người khai hải quan và cơ quan hải quan, phát sinh rủi ro khai sai và ấn định thuế.	
51.	***Điều 29.*** **Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan** **Điều 32. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**.	UBND TP Đồng Nai	Thống nhất nội dung dự thảo. Tuy nhiên, kiến nghị gộp 02 điều này thành một điều. Lý do: đối tượng điều chỉnh là "Trị giá hải quan" và có mối quan hệ trực tiếp về nguyên tắc, phương pháp xác định, trong đó trị giá hải quan phục vụ mục đích thống kê về cơ bản được xác định trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan chung. Vì vậy, việc quy định thành 2 điều riêng biệt có thể dẫn đến trùng lặp nội dung và làm phân tán quy định về cùng một vấn đề.	Không tiếp thu, lý do: - Quy định về trị giá thống kê tại Điều 32 có một số trường hợp khác với trị giá hải quan tại Điều 29 , tách biệt để làm cơ sở quy định tại cấp Thông tư thành 2 Thông tư khác nhau. - Tại Điều 32 nêu rõ những trường hợp Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê được quy định khác đối với Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan được nêu tại Điều 29, đặc biệt là các quy định xác định đối với hàng hóa gia công. Trong đó, khoản 1 Điều 32 có liên quan đến quy định tại Điều 29 , khoản 2 và 3 Điều 32 quy định các vấn đề không liên quan đến quy định tại Điều 29 - Việc tách ra 02 điều riêng biệt để phân biệt rõ, tránh nhầm lẫn

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				trong quá trình thực hiện của người khai báo hải quan, người sử dụng số liệu hải quan và cán bộ hải quan. *(Điều 29, 32 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến nay là Điều 25, 28).*
52.	**Điều 30. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan** **Khoản 1 Điều 30**	UBND TP Hải Phòng	Kiến nghị sửa thành: 1. Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu có liên quan, thực tế hàng hóa ***(nếu có)*** **Lý do:** Không phải mọi trường hợp đều kiểm tra thực tế hàng hóa; Hồ sơ, chứng từ, tài liệu vẫn là căn cứ để kiểm tra, xác định trị giá.	Không tiếp thu. Khoản 1 Điều 26 dự thảo Nghị định liệt kê các căn cứ để kiểm tra, xác định trị giá hải quan. Việc kiểm tra chi tiết hay kiểm tra thực tế theo phân luồng của Hệ thống. Khoản này quy định các trường hợp cần kiểm tra trị giá. Việc bổ sung cụm từ "nếu có" không làm rõ nghĩa hơn mà gây cách hiểu không đúng về đối tượng cần kiểm tra trị giá. *(Điều 30 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến nay là Điều 26)*
53.	**Khoản 2 Điều 30**	UBND TP Hải Phòng	Kiến nghị sửa thành: 2. Xử lý kết quả kiểm tra:a) Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan ***thực hiện xác định trị giá hải quan*** và thông báo trị giá hải quan, đề nghị người khai hải quan thực hiện khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo ~~**và giải phóng hàng theo quy định**~~. Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan ***xử phạt vi phạm hành chính (nếu có)*** và thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện ~~**xác định trị giá hải quan**~~, ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế, ***xử phạt vi phạm hành chính (nếu có)*** và thông quan hàng hóa theo quy định. **Lý do:**	Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại dự thảo

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Quy định tại Luật Hải quan: - Tại khoản 24 Điều 1: "Trị giá hải quan là trị giá của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ cho mục đích tính thuế, thống kê hải quan." - Tại điểm a khoản 1 Điều 36:"Giải phóng hàng hóa là việc cơ quan hải quan cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây: a) Hàng hóa đủ điều kiện để được xuất khẩu, nhập khẩu nhưng chưa xác định được số thuế chính thức phải nộp;" Như vậy, trong trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan ban hành Thông báo trị giá hải quan là đã xác định được chính xác số thuế phải nộp. Do đó không thuộc trường hợp được giải phóng hàng theo quy định. Bổ sung nội dung xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo thống nhất với dự thảo Thông tư.	
54.	***Điều 30.*** ~~***Điều 21.***~~ Kiểm tra, xác định trị giá hải quan. ***2. Xử lý kết quả kiểm tra:*** ***b) Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn cho người khai hải quan, thông quan hàng hóa theo quy định, thực hiện kiểm tra trị giá sau khi hàng hóa đã thông quan.***	UBND tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh Tuyên Quang (Chi cục HQKV XVI)	Sửa cụm từ "*kiểm tra trị giá*" thành "*các bước kiểm tra trị giá khai báo*" (Lý do: làm rõ hơn nhiệm vụ tiếp theo của cơ quan hải quan theo quy định).	Không tiếp thu do cụm từ "các bước kiểm tra trị giá khai báo" không rõ nội hàm và gây khó hiểu cho người khai hải quan.
55.	***Điều 30.*** ~~***Điều 21.***~~ **Kiểm tra, xác định trị giá hải quan** ***2. Xử lý kết quả kiểm tra:***	Bộ Công an	Tại điểm b khoản 2 Điều 30 về "Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn cho người khai hải quan, thông quan hàng hóa theo quy định, thực hiện kiểm tra trị giá sau khi hàng hóa đã thông quan", đề nghị áp dụng bảo lãnh/đặt cọc số thuế chênh lệch trước khi thông quan, tránh trường hợp doanh nghiệp bỏ trốn làm thất thu ngân sách nhà nước.	Bộ Tài chính không tiếp thu và xin giải trình như sau: Tại Điều 37 Luật Hải quan quy định hàng hóa được thông quan: "1. Hàng hóa được thông quan sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan.

	*b) Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn **cho người khai hải quan, thông quan hàng hóa theo quy định, thực hiện kiểm tra trị giá sau khi hàng hóa đã thông quan.***			2. Trường hợp người khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng chưa nộp hoặc nộp chưa đủ số tiền thuế phải nộp trong thời hạn quy định thì hàng hóa được thông quan khi được tổ chức tín dụng bảo lãnh số tiền thuế phải nộp hoặc được áp dụng thời hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế" Theo quy định nêu trên thì người khai hải quan được thông quan hàng hóa trong trường hợp chưa nộp đủ số thuế nhưng được tổ chức tín dụng bảo lãnh số tiền thuế **phải nộp**. Tại thời điểm làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan mới chỉ nghi vấn trị giá khai báo, chưa đủ hoá đơn, chứng từ và các thông tin khác về hàng hoá để bác bỏ trị giá khai báo, xác định lại trị giá hải quan nên chưa xác định được số tiền thuế **phải nộp**. Việc kiểm tra trị giá sẽ được thực hiện trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa (điểm b khoản 3 Điều 74 dự thảo Nghị định). Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về kiểm tra trị giá sau khi hàng hoá đã được thông quan để khắc phục rủi ro khi thực hiện chủ trương tăng cường chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
56.	***Điều 33*. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan**	UBND TP Đồng Nai	Bổ sung thêm khoản 3 Điều 33 Dự thảo về Đơn vị thực hiện. Thông báo xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan: Cục Hải quan. Lý do: nhằm xác định rõ thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đề nghị.	Bộ Tài chính không tiếp thu do đã có quy định về thẩm quyền tại điểm a khoản 3 Điều 30 dự thảo Nghị định (khoản 2 Điều 34 dự thảo gửi lấy ý kiến)
57.	**Tại Điều 33 và Điều 34 dự thảo Nghị định về xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan:**	Kiểm toán Nhà nước	- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung các điều kiện cụ thể để tiếp nhận đề nghị xác định trước mã số hàng hóa, nhằm hạn chế trường hợp người khai hải quan đề nghị cơ quan Hải quan xác định trước đối với hàng hóa đã có đầy đủ căn cứ phân loại hoặc đã có văn bản hướng dẫn, kết quả xác định trước được công khai. Đề nghị quy định việc xác định trước mã số được thực hiện khi hàng hóa đáp ứng một trong các trường hợp như: hàng hóa mới; có cấu tạo, thành phần, công dụng hoặc quy trình sản xuất phức tạp; có khả năng phân loại vào từ hai mã số trở lên; chưa có văn bản hướng dẫn hoặc kết quả xác định trước đối với hàng hóa giống hệt; hoặc có căn cứ cho thấy việc phân loại có thể phát sinh vướng mắc trong quá trình làm thủ tục hải quan. Người đề nghị phải có trách nhiệm tự nghiên cứu, đề xuất mã số dự kiến, nêu rõ căn cứ phân loại và nội dung còn vướng mắc. Cơ quan hải quan được từ chối tiếp nhận trường hợp hàng hóa đã có kết quả xác định trước hoặc văn bản hướng dẫn còn hiệu lực; thông tin hàng hóa không đầy đủ; đề nghị trùng lặp; hoặc hồ sơ không thể hiện vấn đề cần xác định trước.	Bộ Tài chính không tiếp thu và xin giải trình như sau: - Nếu quy định các điều kiện như: hàng hóa mới; có cấu tạo, thành phần, công dụng hoặc quy trình sản xuất phức tạp; có khả năng phân loại vào từ hai mã số trở lên thì sẽ hạn chế việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. - Đã có quy định tại điểm b khoản 3 Điều 30 dự thảo Nghị định (điểm a khoản 3 Điều 34 dự thảo gửi lấy ý kiến) cơ quan hải quan từ chối xác định trước trong trường hợp không đủ hồ sơ XĐTMS hoặc đang chờ kết quả xử lý của cơ quan quản lý nhà nước hoặc đã có văn bản hướng dẫn về mã số của cơ quan quản lý nhà nước.
58.	**Điều 34. ~~Điều 24.~~ Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan** 4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan là cơ sở để khai hải quan khi làm thủ tục hải quan. Trường hợp tổ chức, cá nhân không đồng ý với nội dung xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan	UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Cà Mau (Chi cục HQKV XIX)	Đề nghị sửa đổi như sau: "4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan là cơ sở để khai hải quan khi làm thủ tục hải quan. Trường hợp tổ chức, cá nhân không đồng ý với nội dung xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan của Cục trưởng Cục Hải quan mà tổ chức, cá nhân cần thiết thông quan hàng hóa thì tổ chức, cá nhân thực hiện nộp thuế theo ***giá*** khai báo hoặc thực hiện bảo lãnh theo quy định để thực hiện thông quan hàng hóa. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan."	Không tiếp thu. Dự thảo đã bỏ khổ 2 khoản 4 Điều 34 dự thảo gửi lấy ý kiến (nay là khoản 4 Điều 30) do mâu thuẫn với khổ 1 khoản 4. Khổ 1 khoản 4 quy định văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan là cơ sở để khai hải quan khi làm thủ tục hải quan nhưng khổ 2 khoản 4 lại cho phép

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	của *Cục trưởng Cục Hải quan* mà tổ chức, cá nhân cần thiết thông quan hàng hóa thì tổ chức, cá nhân thực hiện nộp thuế theo giá khai báo hoặc thực hiện bảo lãnh theo quy định để thực hiện thông quan hàng hóa. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan tại ***trụ sở*** cơ quan hải quan.		Lý do: nội dung này quy định về xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá nên chỉ ghi như dự thảo thì chưa đủ nội dung.	người khai hải quan khai mã số, xuất xứ, trị giá khác với văn bản thông báo xác định trước.
59.	**Khoản 4 Điều 34**	UBND tỉnh Nghệ An (Chi cục HQKV XI)	Điều 33, Điều 34 dự thảo Nghị định quy định cơ quan Hải quan thực hiện xác định trước xuất xứ; kết quả được cập nhật vào cơ sở dữ liệu và công khai trên trang thông tin điện tử của Cục Hải quan. Đề nghị bổ sung vào khoản 4 Điều 34 dự thảo Nghị định: "Kết quả xác định trước xuất xứ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu dùng chung và chia sẻ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa để phục vụ việc cấp, kiểm tra và xác minh xuất xứ hàng hóa."	Không tiếp thu vì việc chia sẻ dữ liệu đã được quy định chung ở Chương VIII dự thảo Nghị định.
60.	**Điều 34**	UBND TP Đồng Nai	Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Dự thảo: **a. Khoản 1**: "Điều 34. Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan 1. Điều kiện xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan a) Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu và cung cấp thông tin, chứng từ, hồ sơ cần thiết liên quan đến việc xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan; b) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cần xác định trước trị giá hải quan là hàng hóa lần đầu xuất khẩu, nhập khẩu hoặc có thay đổi lớn, bất thường so với trị giá hải quan mà người khai hải quan đang thực hiện hoặc là hàng hóa có tính chất đơn chiếc hoặc không có tính phổ biến hoặc không có hàng hóa giống hệt, tương tự trên thị trường để so sánh).	- Khoản 1: Đơn vị không có kiến nghị cụ thể nên không có cơ sở để nghiên cứu, đề xuất. - Khoản 2: Tiếp thu một phần; điểm a khoản 3 Điều 30 dự thảo Nghị định quy định cụ thể cơ quan hải quan xử lý, ban hành thông báo xác định trước: Chi cục Thuế xuất nhập khẩu (mã số, trị giá), Chi cục Giám sát quản lý về Hải quan (xuất xứ). - Khoản 6 (nay là khoản 5 Điều 30): Không tiếp thu kiến nghị gộp điểm c và điểm d do trong trường hợp quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn bản thông

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Lý do: Doanh nghiệp không thể xác định được là hàng hóa có tính chất đơn chiếc hoặc không có tính phổ biến hoặc không có hàng hóa giống hệt, tương tự trên thị trường để so sánh. **b. Khoản 2:** "2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan: a) Nộp đủ hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đến Cục Hải quan trong thời hạn ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng; b) Tham gia đối thoại với cơ quan hải quan nhằm làm rõ nội dung đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan theo đề nghị của cơ quan hải quan; c) Thông báo bằng văn bản cho Cục Hải quan trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi liên quan đến hàng hóa đã đề nghị xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan, trong đó nêu rõ nội dung, lý do, ngày, tháng, năm có sự thay đổi." **Kiến nghị:** cần thống nhất 01 cụm từ "Cục Hải quan" hay "cơ quan hải quan" **c. Khoản 6:** "6. Hiệu lực của văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan: … c) Cục trưởng Cục Hải quan ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong trường hợp phát hiện hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan do tổ chức, cá nhân cung cấp không chính xác, không trung thực; hoặc d) Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan chấm dứt hiệu lực trong trường hợp quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế." Kiến nghị gộp 02 điểm này thành 01 điểm: c) Cục trưởng Cục Hải quan ban hành văn bản hủy bỏ văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong trường hợp phát	báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì văn bản thông báo xác định trước mã số tự chấm dứt hiệu lực. Quy định này đã rõ ràng, minh bạch.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hiện hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan do tổ chức, cá nhân cung cấp không chính xác, không trung thực; hoặc trong trường hợp quy định của pháp luật làm căn cứ ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế." Lý do: Đơn vị phát hành thông báo phải có trách nhiệm sửa đổi, hủy bỏ khi các cơ sở pháp lý đã thay đổi	
61.	**Điều 35. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu** 2. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, xử lý tờ khai hải quan 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần. Trường hợp chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp số tờ khai hải quan, xử lý tờ khai hải quan và phản hồi thông tin cho người khai hải quan. *Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động kiểm tra, đối chiếu thông tin khai trên tờ khai hải quan với thông tin trên chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để cảnh báo các thông tin sai khác cho công chức hải quan.* *Trường hợp các thông tin khai hải quan không đủ điều kiện đăng ký tờ khai, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động phản hồi* cho người khai hải quan biết và nêu rõ lý do.	UBND TP Đồng Nai	Sửa đổi, bổ sung Điều 35 Dự thảo: 2. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, xử lý tờ khai hải quan 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần. Trường hợp chấp nhận đăng ký tờ khai hải quan, Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cấp số tờ khai hải quan, xử lý tờ khai hải quan và phản hồi thông tin cho người khai hải quan. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động kiểm tra, đối chiếu thông tin khai trên tờ khai hải quan ***với các văn bản quy định pháp luật thuộc tất cả lĩnh vực liên quan đến nội dung khai báo để cảnh báo các thông tin sai khác và thực hiện đánh giá rủi ro nhằm*** với thông tin trên chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để cảnh báo các thông tin sai khác cho công chức hải quan." Lý do: Do chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đính kèm khai báo của người khai Hải quan tại thời điểm đăng ký tờ khai là bản chụp dữ liệu điện tử được chuyển thành file pdf, hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan không thể đọc và hiểu được nội dung thể hiện trong chứng từ nên không thể thực hiện việc cảnh báo các thông tin sai khác cho công chức hải quan	Không tiếp thu, lý do: Việc bổ sung nội dung "Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động kiểm tra, đối chiếu thông tin khai trên tờ khai hải quan với thông tin trên chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để cảnh báo các thông tin sai khác cho công chức hải quan" để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc triển khai số hóa chứng từ, đồng bộ với quy định tại Thông tư. Tại Thông tư đã quy định nguyên tắc khai hải quan, theo đó, các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan sẽ được khai báo dưới dạng các chỉ tiêu thông tin, đảm bảo cơ sở để hệ thống thực hiện tự động kiểm tra, đối chiếu và cảnh báo thông tin sai khác.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
62.	***Điều 35. ~~Điều 25.~~ Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*** *3. Các trường hợp sau đây người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy:* *b) Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, **tạm nhập – tái xuất**, tạm xuất – tái nhập phục vụ an ninh quốc phòng;*	Bộ Quốc phòng	Tại điểm b khoản 3 Điều 35, đề nghị nghiên cứu bổ sung hướng dẫn chi tiết về quy trình tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ giấy bảo mật như sau: "Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an quy định quy trình riêng về thủ tục, niêm phong và bảo lưu hồ sơ hải quan giấy đối với danh mục hàng hóa mật, tối mật, tuyệt mật phục vụ quốc phòng, an ninh". Lý do: Quy định cho phép khai trên tờ khai hải quan giấy đối với "Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập phục vụ an ninh quốc phòng" là rất phù hợp với yêu cầu bảo mật bí mật nhà nước. Tuy nhiên, quy định chưa làm rõ cơ chế phối hợp xử lý, lưu trữ thông tin/hồ sơ giấy giữa Cơ quan Hải quan và Doanh nghiệp quốc phòng để bảo đảm tuyệt đối bí mật quân sự, tránh nguy cơ lộ lọt thông tin qua các khâu trung gian.	Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến của Quý Bộ và xin giải trình nội dung góp ý như sau: - Khoản 2 Điều 50 Luật Hải quan quy định: (1) Trường hợp hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng theo văn bản xác nhận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an, người khai hải quan được sử dụng tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh để làm thủ tục hải quan; (2) Trường hợp hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng có yêu cầu bảo mật theo văn bản xác nhận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an được miễn khai hải quan và miễn kiểm tra thực tế. Theo đó, trường hợp hàng hóa phục vụ an ninh, quốc phòng có yêu cầu bảo mật theo văn bản xác nhận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an thuộc diện được miễn làm thủ tục hải quan. Người khai hải quan chỉ xuất trình văn bản của cơ quan có thẩm quyền để công chức hải quan kiểm tra, thực hiện giám sát hàng hóa đưa ra khu vực giám sát hải quan. - Điểm b khoản 3 Điều 31 dự thảo Nghị định quy định về trường hợp người khai hải quan được lựa

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				chọn khai trên tờ khai hải quan giấy. - Về quy trình bảo mật và lưu trữ hồ sơ: Trong trường hợp các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan được xác định là tài liệu mật, quy trình tiếp nhận, xử lý và lưu trữ không cần thiết phải quy định cơ chế phối hợp mới trong Nghị định này. Việc này đã và đang được cơ quan hải quan thực hiện theo Quyết định số 1588/QĐ-CHQ ngày 25/9/2026 của Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quy chế công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Do quy trình bảo đảm an toàn, tránh lộ lọt thông tin đã được quy định cụ thể, chặt chẽ, theo đó, Bộ Tài chính đề xuất giữ nguyên nội dung như dự thảo Nghị định.
63.	***Điều 35.*** *3. Các trường hợp sau đây người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy:* *...c) Hàng hóa của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ;*	UBND tỉnh Quảng Ngãi (Chi cục HQKV XII); UBND TP Huế.	Kiến nghị bổ sung cụm từ "tổ chức" sau cụm từ "c) Hàng hóa của", cụ thể: "c) hàng hóa của *tổ chức*, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ". Lý do: Để phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 5 Dự thảo Nghị định (quy định cho cả tổ chức và cá nhân).	Tiếp thu ý kiến và sửa tại dự thảo Nghị định.
64.	**Khoản 3 Điều 35**	UBND tỉnh Tây Ninh	Đề nghị bổ sung: "3. Các trường hợp sau đây người khai hải quan được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai hải quan giấy: a)... ***đ) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cư dân biên giới***. e) Hàng hóa khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Căn cứ quy định tại Thông tư số 154/2026/TT-BTC ngày 15/10/2026 sửa đổi bổ sung Thông tư số 80/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của cư dân biên giới thực hiện

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Lý do: Việc bổ sung quy định này là cần thiết vì hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới thường có quy mô nhỏ, diễn ra thường xuyên, gắn với nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của cư dân biên giới. Hơn nữa, điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị kết nối mạng và khả năng tiếp cận, sử dụng thủ tục hải quan điện tử của cư dân tại một số khu vực biên giới còn chưa đồng đều, không có khả năng tiếp cận hệ thống thông tin của Ngành. Cơ chế lựa chọn phương thức khai, không làm giảm yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan, cơ quan hải quan vẫn thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, giám sát, cập nhật thông tin và xử lý vi phạm theo quy định.	khai theo phương thức điện tử; trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử không đáp ứng hoặc gặp sự cố thì cư dân biên giới được khai trên tờ khai hải quan giấy. Như vậy, trong trường hợp việc khai báo hàng hóa XNK của cư dân biên giới chưa được thực hiện khai báo điện tử thì vẫn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 154/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 80/2019/TT-BTC. Nội dung dự thảo có quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 31 về việc thực hiện khai báo trên tờ khai hải quan giấy với trường hợp hàng hóa khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
65.	**Khoản 3, khoản 4 Điều 35**	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Đề nghị quy định rõ phương án tiếp nhận hồ sơ khi hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan gặp sự cố, đảm bảo thống nhất với Điều 3 dự thảo Thông tư quy định chi tiết thủ tục hải quan.	Bộ Tài chính xin ghi nhận ý kiến đóng góp của Quý Bộ nhằm làm rõ phương án tiếp nhận hồ sơ khi hệ thống gặp sự cố. Về nội dung này, Bộ Tài chính xin được giải trình như sau: - Khoản 3 Điều 31 dự thảo Nghị định quy định chi tiết khoản 2 Điều 29 Luật Hải quan về trường hợp người khai hải quan được khai trên tờ khai hải quan giấy, trong đó đã bao gồm trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hoặc hệ thống khai hải quan gặp sự cố, tại dự thảo Nghị định chỉ quy định về nguyên tắc.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				- Đồng thời, để đảm bảo thực hiện phân cấp, phân quyền trong quy định về thủ tục hải quan, khoản 5 Điều 31 đã giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc xử lý khi hệ thống gặp sự cố. - Việc tiếp nhận hồ sơ được quy định chi tiết tại Điều 3 dự thảo Thông tư về nộp, xác nhận và sử dụng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, hồ sơ khai thuế, trong đó bao gồm trường hợp nộp các chứng từ khi hệ thống gặp sự cố và khai trên tờ khai hải quan giấy. Theo đó, nội dung quy định tại dự thảo Nghị định và dự thảo Thông tư đã đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý, tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống văn bản. Do vậy, Bộ Tài chính đề xuất giữ nguyên nội dung khoản 3, khoản 5 Điều 31. Ngoài ra, để đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm của người khai hải quan, điểm d khoản 3 Điều 31 dự thảo đã bỏ quy định: *người khai hải quan phải có văn bản thông báo cho cơ quan hải quan trong trường hợp hệ thống khai hải quan điện tử của người khai hải quan không thực hiện được, theo đó trường hợp này người khai chủ động lựa chọn khai*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				qua đại lý hoặc khai tờ khai hải quan giấy. *(Điều 35 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến nay là Điều 31)*
66.	***Điều 36.*** **Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hàng hóa**	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Tại Điều 36, đề nghị rà soát phạm vi phối hợp của cơ quan quản lý chuyên ngành theo chức năng, thẩm quyền và điều kiện chia sẻ dữ liệu.	Bộ Tài chính xin ghi nhận ý kiến đóng góp của Quý Bộ về đề nghị rà soát phạm vi phối hợp của cơ quan quản lý chuyên ngành tại Điều 36 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 32). Về nội dung này, Bộ Tài chính xin được giải trình như sau: Quy định về chức năng, thẩm quyền tại dự thảo Nghị định hoàn toàn tuân thủ pháp luật về chuyên ngành, cụ thể: - Về trách nhiệm lấy mẫu hàng hóa thuộc đối tượng KTCN: Nội hàm Điều này quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức KTCN trong việc trực tiếp thực hiện lấy mẫu hàng hóa thuộc đối tượng KTCN; cơ quan hải quan chỉ thực hiện việc giám sát quá trình lấy mẫu này. - Về thẩm quyền quyết định thông quan hàng hóa: Cơ quan hải quan sẽ căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức KTCN để quyết định thông quan hàng hóa. - Về chia sẻ dữ liệu: Nghị định số 336/2026/NĐ-CP ngày

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				22/8/2026 của Chính phủ đã quy định về việc quản lý, vận hành, trao đổi, chia sẻ dữ liệu thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Tại điểm d khoản 2 Điều 32 dự thảo Nghị định quy định cơ quan hải quan tiếp nhận thông báo kết quả kiểm tra do người khai hải quan nộp dưới dạng dữ liệu số hóa thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để đảm bảo đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người khai hải quan trong trường hợp cơ quan, tổ chức KTCN chưa thực hiện thủ tục kiểm tra, cập nhật kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, vẫn thực hiện thủ tục cấp kết quả bản giấy chứng từ KTCN. Như vậy, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức KTCN và cơ quan hải quan đã được phân định cụ thể.
67.	***Điều 36.*** **Trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hàng hóa** *1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra* ***chuyên ngành****, cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật*	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Khoản 1 Điều 36 quy định cơ quan hải quan được căn cứ vào chứng từ khác theo pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định thông quan hàng hóa, đề nghị làm rõ việc áp dụng đối với các lĩnh vực có cơ chế quản lý đặc thù, trong đó có điện ảnh. Theo Điều 17 Luật Điện ảnh năm 2022, phim xuất khẩu phải có Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng; tổ chức, cá nhân nhập khẩu phim có nghĩa vụ gửi văn bản cam kết về nội dung phim đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và chịu trách nhiệm theo quy định của Luật. Vì vậy, đề nghị bảo đảm quy định về thông quan phù hợp với cơ chế này, không làm phát sinh yêu cầu cấp giấy phép nhập khẩu phim hoặc bắt buộc thẩm định, phân	Bộ Tài chính xin giải trình như sau: - Điểm b khoản 3 Điều 6 Luật Quản lý ngoại thương quy định: *Bộ Tài chính phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng pháp luật, chính sách liên quan đến quản lý ngoại thương theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; chỉ đạo cơ quan hải quan thực hiện việc*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	*về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định thông quan **hàng hóa**.* *Các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra đồng thời đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu hoặc các địa điểm kiểm tra hàng hóa, trừ trường hợp vì yêu cầu kỹ thuật, chuyên môn phải đưa về các địa điểm kiểm tra chuyên ngành.*		loại phim trước khi nhập khẩu. Việc phổ biến phim sau nhập khẩu phải đáp ứng các điều kiện tương ứng theo pháp luật về điện ảnh.	*kiểm tra, giám sát, thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan.* - Khoản 1 Điều 35 Luật Hải quan quy định: Trường hợp theo quy định của pháp luật **phải kiểm tra chuyên ngành** về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm đối với hàng hóa, phương tiện vận tải thì cơ quan hải quan căn cứ kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành để quyết định việc thông quan. Theo đó, các Bộ chuyên ngành chịu trách nhiệm xây dựng chính sách quản lý (giấy phép, điều kiện, các biện pháp kỹ thuật,...), cơ quan hải quan là đơn vị thực thi chính sách, căn cứ vào kết quả/ chứng từ của pháp luật chuyên ngành để quyết định thông quan, cơ quan hải quan không đặt ra yêu cầu về chính sách quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh. - Tại khoản 1 Điều 32 dự thảo Nghị định đã quy định cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, hoặc căn cứ vào "chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định thông quan hàng hóa".

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				Do đó, quy định tại dự thảo đã thống nhất với Luật Hải quan, Luật Quản lý ngoại thương, đảm bảo thực thi đúng pháp luật chuyên ngành và hoàn toàn không làm phát sinh thêm thủ tục liên quan đến chính sách chuyên ngành trước khi nhập khẩu. Ngoài ra, để đảm bảo yêu cầu quản lý đối với hàng hóa đưa về bảo quản trong thời gian chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, nâng cao trách nhiệm của người khai hải quan, của cơ quan chuyên ngành, tại khoản 4 Điều 32 dự thảo đã bổ sung thêm quy định: Bổ sung quy định về trách nhiệm phối hợp, xử lý đối với hàng hóa kiểm tra chuyên ngành quá thời hạn 30 ngày (thời hạn này hiện đang được quy định Thông tư 38/2015/TT-BTC) nhưng chưa có kết quả kiểm tra chuyên ngành, nhằm đảm bảo công tác quản lý hải quan, nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong trường hợp được mang hàng hóa về bảo quản để chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành đồng thời là cơ sở để cơ quan hải quan thực hiện xử lý vi phạm. *(Điều 36 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến nay là Điều 32)*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
68.	**Khoản 1 Điều 36** *1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra **chuyên ngành**, cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định thông quan **hàng hóa**.* *Các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra đồng thời đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh tại cửa khẩu hoặc các địa điểm kiểm tra hàng hóa; trừ trường hợp vì yêu cầu kỹ thuật, chuyên môn phải đưa về các địa điểm kiểm tra chuyên ngành.*	Bộ Khoa học và Công nghệ	Khoản 1: đề nghị làm rõ yêu cầu kết luận, chứng từ kiểm tra chuyên ngành chỉ áp dụng đối với hàng hóa thuộc đối tượng phải kiểm tra chuyên ngành theo pháp luật chuyên ngành, tránh cách hiểu mọi hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành đều phải có kết quả kiểm tra để được thông quan; ưu tiên khai thác dữ liệu đã có trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Đồng thời, đề nghị bổ sung nguyên tắc xử lý về hải quan đối với lô hàng có Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng kết luận lô hàng không đáp ứng yêu cầu chất lượng hoặc lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ (hai trường hợp khác nhau về bản chất).	Bộ Tài chính xin ghi nhận ý kiến của Quý Bộ và xin giải trình như sau: **- Về đề nghị làm rõ đối tượng áp dụng kết luận, chứng từ KTCN:** Tại khoản 1 Điều 32 dự thảo Nghị định đã quy định rất rõ đối tượng điều chỉnh là *"Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh **thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành**, cơ quan hải quan căn cứ vào kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành hoặc căn cứ vào chứng từ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để quyết định thông quan **hàng hóa**"*; nội dung tại dự thảo mặc dù quy định chung cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, tuy nhiên cũng giới hạn thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành. Nội hàm quy định này đã đảm bảo tính chặt chẽ, chính xác, không gây hiểu nhầm trên thực tế. - Việc ưu tiên khai thác dữ liệu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia đã được quy định cụ thể tại điểm d khoản 2 Điều này và tại Nghị định số 336/2026/NĐ-CP ngày 22/8/2026 của Chính phủ. - Về đề nghị bổ sung nguyên tắc xử lý về hải quan đối với lô hàng

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				có Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng kết luận lô hàng không đáp ứng yêu cầu chất lượng hoặc lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ: theo quy định của pháp luật chuyên ngành, cơ quan hải quan thực hiện giải quyết thủ tục hải quan trên cơ sở kết quả kiểm tra chuyên ngành (đạt/không đạt) để giải quyết thủ tục hải quan. Ngoài ra, để đảm bảo yêu cầu quản lý đối với hàng hóa đưa về bảo quản trong thời gian chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, nâng cao trách nhiệm của người khai hải quan, của cơ quan chuyên ngành, tại khoản 4 Điều 32 dự thảo đã bổ sung thêm quy định: Bổ sung quy định về trách nhiệm phối hợp, xử lý đối với hàng hóa kiểm tra chuyên ngành quá thời hạn 30 ngày (thời hạn này hiện đang được quy định Thông tư 38/2015/TT-BTC) nhưng chưa có kết quả kiểm tra chuyên ngành, nhằm đảm bảo công tác quản lý hải quan, nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong trường hợp được mang hàng hóa về bảo quản để chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành đồng thời là cơ sở để cơ quan hải quan thực hiện xử lý vi phạm.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				(Điều 36 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến nay là Điều 32)
69.	**Điểm d khoản 2 Điều 36** *d) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia cho cơ quan hải quan và người khai hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra.* *Trường hợp cơ quan **quản lý nhà nước chuyên ngành**, tổ chức **hoạt động** kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện thủ tục kiểm tra, cập nhật kết quả kiểm tra **hoặc giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu** trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì cơ quan hải quan tiếp nhận **bản scan có xác nhận bằng chữ ký số** thông báo kết quả kiểm tra, **giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu** do người khai hải quan nộp thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*	Bộ Khoa học và Công nghệ	Điểm d khoản 2: đề nghị thay cụm từ "bản scan có xác nhận bằng chữ ký số thông báo kết quả kiểm tra" bằng cụm từ "bản điện tử có chữ ký số của cơ quan kiểm tra thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành hoặc bản điện tử chuyển đổi từ bản giấy có xác nhận bằng chữ ký số của người khai hải quan thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành". Đồng thời, điểm b khoản 1 Điều 83 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP quy định cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ; việc quy định thông báo kết quả kiểm tra trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra chưa phù hợp, đề nghị xem xét lại.	Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến của Quý Bộ và có ý kiến như sau: - Tiếp thu và chỉnh sửa lại khổ rơi điểm d như sau: *Trường hợp cơ quan, tổ chức hoạt động kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện thủ tục kiểm tra, cập nhật kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì cơ quan hải quan tiếp nhận thông báo kết quả kiểm tra do người khai hải quan nộp **dưới dạng dữ liệu số hóa** thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.* - **Về thời hạn thông báo kết quả kiểm tra:** Luật Hải quan hiện hành đã quy định rõ: *"Thời hạn kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Cơ quan kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra".* Do vậy, dự thảo quy định thời hạn 02 ngày làm việc là đảm bảo tính tuân thủ và thống nhất với Luật Hải quan. Bên cạnh đó, mốc thời hạn 01 ngày tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP chỉ áp dụng riêng cho hàng hóa phải kiểm tra chất

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				lượng, trong khi Điều 32 dự thảo là quy định chung áp dụng cho các hàng hóa thuộc đối tượng KTCN (bao gồm cả kiểm dịch, kiểm tra an toàn thực phẩm...). *(Điều 36 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến nay là Điều 32)*
70.	**Khoản 3 Điều 36**	UBND TP Hải Phòng	Đề xuất bổ sung: kho CFS: Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa khẩu, cảng cạn, kho ngoại quan, ***kho CFS*** hoặc địa điểm kiểm tra tập trung hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cho đến khi thông quan. Ngoài các địa điểm trên, hàng hóa được đưa về các địa điểm sau:....	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và bổ sung tại dự thảo Nghị định.
71.	**Điều 36.**	UBND TP Hà Nội (Chi cục HQKV I - Công ty Thần Tốc)	Nếu là hàng đơn chiếc (1 chiếc) thì lấy mẫu như thế nào?	Việc lấy mẫu hàng hóa thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC và 121/2025/TT-BTC. Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng KTCN thì việc lấy mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật về KTCN, không thuộc trường hợp điều chỉnh tại Nghị định này.
72.	***Điều 37.*** **Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh**	UBND tỉnh Cà Mau (Chi cục HQKV XIX)	Đề nghị sửa lại như sau: "*4. Trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát hải quan, tuần tra tại địa bàn hoạt động hải quan, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực có quyền:* *a) Quyết định tạm hoãn việc khởi hành, dừng phương tiện vận tải đang vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan.*	Tiếp thu ý kiến đồng thời phân định rõ trách nhiệm của từng chức danh phù hợp với thẩm quyền quy định tại Luật Hải quan liên quan đến các nghiệp vụ liên quan *"4. Trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát hải quan, tuần tra tại địa bàn hoạt động hải quan, trường hợp phát hiện có dấu hiệu*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Trong trường hợp khẩn cấp, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được quyền tạm dừng phương tiện vận tải và báo cáo ngay với ***~~Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu~~ Thủ trưởng đơn vị;"*** Lý do: Đảm bảo đủ đối tượng được quy định tại khoản 4 này.	*vi phạm pháp luật, cơ quan hải quan có quyền:* ***a) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực*** *quyết định tạm hoãn việc khởi hành, dừng phương tiện vận tải đang vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.* *Trong trường hợp khẩn cấp, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được quyền tạm dừng phương tiện vận tải và báo cáo ngay với* ***Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực;*** ***b) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh*** *quyết định việc kiểm tra hồ sơ, kiểm tra phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				c) Trưởng Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quyết định *dừng hàng qua khu vực giám sát để kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.* ***d) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực*** *quyết định việc truy đuổi phương tiện vận tải vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan"*
73.	**Khoản 4 Điều 37** 4. Trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát hải quan, tuần tra tại địa bàn hoạt động hải quan, ***Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực*** có quyền:	UBND tỉnh Vĩnh Long	Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung cụm từ "*Thủ trưởng đơn vị*" vào sau cụm từ "Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu" vào Khoản 4 Điều 37 **thành** "4…Trong trường hợp khẩn cấp, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được quyền tạm dừng phương tiện vận tải và báo cáo ngay với Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, *Thủ trưởng đơn vị;*" **Lý do:** Đảm bảo đủ đối tượng được quy định tại khoản 4 này.	Tiếp thu ý kiến, đồng thời phân định rõ trách nhiệm của từng chức danh phù hợp với thẩm quyền quy định tại Luật Hải quan liên quan đến các nghiệp vụ liên quan. Chỉnh sửa tại dự thảo như trên.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	a) .... Trong trường hợp khẩn cấp, công chức hải quan đang thi hành nhiệm vụ được quyền tạm dừng phương tiện vận tải và báo cáo ngay với **Trưởng Hải quan *cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu***;...			
74.	**Điều 38. ~~Điều 35.~~ Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ**	UBND TP Hà Nội (Chi cục HQKV I - Công ty TNHH Toto Việt Nam)	Khoản 2 Điều 38 quy định: "*2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan; được giao, nhận hàng hóa trước làm thủ tục hải quan sau hoặc được làm thủ tục hải quan trước giao, nhận hàng hóa sau; chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi giao, nhận hàng hóa đến khi hoàn thành thủ tục hải quan hoặc từ khi làm thủ tục hải quan cho đến khi hoàn thành việc giao, nhận hàng hóa.*" Tuy nhiên tại Điều 101 Thông tư sửa đổi: điểm a4 khoản 5 quy định về trách nhiệm của người xuất khẩu: a.4) Chỉ giao hàng hóa sau khi người nhập khẩu đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu tại chỗ tương ứng trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này; Nội dung của Thông tư đang mâu thuẫn với Nghị định. Kiến nghị đồng nhất giữa Thông tư và nghị định.	Tiếp thu, chỉnh lý lại khoản 3 Điều 38 dự thảo Nghị định gửi đi lấy ý kiến (nay là Điều 34) để thống nhất thực hiện như sau: *"3. Các trường hợp được giao, nhận hàng hóa nhiều lần trước khi đăng ký tờ khai hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao, nhận lô hàng đầu tiên hoặc đăng ký tờ khai hải quan trước, giao, nhận hàng hóa sau:* *a) Người xuất khẩu tại chỗ hoặc người nhập khẩu tại chỗ là doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên;* *b) Người xuất khẩu tại chỗ và người nhập khẩu tại chỗ có mức độ tuân thủ tốt theo quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều 12 Nghị định này."*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
75.	***Điều 38.*** **Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ** **4.** *Thời hạn, địa điểm, phương thức giao, nhận hàng hóa thực hiện theo chỉ định của thương nhân nước ngoài và phải thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan hoặc trước thời điểm thực hiện việc giao, nhận hàng hóa*	UBND TP Đồng Nai	Khi làm thủ tục Hải quan, người khai Hải quan đều đã khai thông tin *Thời hạn, địa điểm, phương thức giao, nhận hàng hóa* trên TKXK, TKNK, như vậy người khai Hải quan vẫn phải làm thông báo riêng song song với việc khai thông tin trên TKNK, TKXK? Kiến nghị quy định làm rõ để tránh những vướng mắc trên.	Tiếp thu. Ngoài các chỉ tiêu thông tin thuộc tờ khai hải quan mà người khai hải quan phải khai, doanh nghiệp chỉ phải thông báo hợp đồng/đơn hàng tổng cho các giao dịch xuất nhập khẩu tại chỗ khi áp dụng thủ tục giao trước khai sau. Nội dung này đã được quy định tại Điều 86 Thông tư số 121/2025/TT-BTC và Điều 101 dự thảo Thông tư (thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC).
76.	**Điều 39 Nghị định: Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu.** 1. **Tổ chức, cá nhân** phải thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu cho **cơ quan hải quan quản lý địa bàn** nơi có cơ sở gia công, sản xuất thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan. Đối với **doanh nghiệp chế xuất** trước thời điểm chính thức đi vào hoạt động, thông báo điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan **cho cơ quan hải quan** thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.	Kiểm toán Nhà nước, UBND tỉnh Phú Thọ	Doanh nghiệp chế xuất khai báo đến cơ quan hải quan nào? (Hải quan khu vực/Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu/Hải quan hải quan quản lý địa bàn có cơ sở gia công, sản xuất của DNCX)	Tiếp thu, tại dự thảo đã bổ sung quy định doanh nghiệp thông báo CSSX ***đến Hải quan cửa khẩu, Hải quan ngoài cửa khẩu*** quản lý địa bàn nơi có CSSX theo nguyên tắc hải quan quản lý trực tiếp CSSX của doanh nghiệp sẽ thực hiện tiếp nhận Thông báo CSSX. Nội dung này sẽ được quy định cụ thể tại dự thảo Thông tư (thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC và 121/2025/TT-BTC).

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
77.	**Khoản 3 Điều 39**	UBND TP Hải Phòng	Đề nghị bỏ quy định: "Hàng hóa đưa ra lưu giữ ngoài cơ sở gia công, sản xuất, thuê gia công lại, hoạt động gia công giữa hai doanh nghiệp chế xuất, hoạt động bán phế liệu hoặc các trường hợp được lựa chọn không đăng ký tờ khai hải quan thì trước khi vận chuyển hàng hóa đi, tổ chức, cá nhân phải thông báo cho cơ quan hải quan thông qua hệ thống." - Quy định này làm phát sinh thủ tục hành chính mặc dù đã thuộc các trường hợp được lựa chọn không đăng ký tờ khai hải quan (giảm thủ tục hành chính). - Cơ quan Hải quan phải bố trí người trực 24/7 để tiếp nhận các thông báo của người khai trên hệ thống để xem xét, quyết định	Tiếp thu. Dự thảo đã bỏ quy định chung về thông báo trước khi vận chuyển tại khoản 3 Điều 39 dự thảo gửi lấy ý kiến; chỉ giữ thông báo cơ sở gia công lại, địa điểm lưu giữ bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất (điểm b, điểm c khoản 1 Điều 35) và thông báo thông tin vận chuyển của doanh nghiệp chế xuất khi lựa chọn không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 39; thủ tục thông báo do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết.
78.	**Khoản 3 Điều 39** *3.* Địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và sản phẩm xuất khẩu phải nằm trong ***cơ sở gia công, sản xuất*** của tổ chức, cá nhân; trường hợp lưu giữ hàng hóa ngoài ***cơ sở gia công, sản xuất***, tổ chức, cá nhân phải có văn bản gửi cơ quan hải quan xem xét, quyết định.	UBND tỉnh Tây Ninh	Đề nghị quy định cụ thể hình thức và thời gian cơ quan hải quan xem xét, quyết định nhằm đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động quản lý của cơ quan hải quan.	Tiếp thu, bổ sung tại dự thảo như sau: *"c) Trường hợp lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất khẩu bên ngoài cơ sở gia công, sản xuất thì thông báo địa điểm lưu giữ cho cơ quan hải quan quản lý thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa hàng hóa đến địa điểm lưu giữ".* Theo đó, tổ chức, cá nhân thông báo cho cơ quan hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa hàng hóa đến địa điểm lưu giữ. Hệ thống tự động tiếp nhận phản hồi cho tổ chức, cá nhân biết; cơ quan hải quan không kiểm tra địa điểm lưu giữ bên ngoài tại thời điểm này mà thực hiện kiểm tra cùng với thời

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				điểm kiểm tra cơ sở sản xuất nếu thuộc đối tượng phải kiểm tra theo quy định tại Điều 36 Nghị định này.
79.	**Về quy định không phải đăng ký tờ khai hải quan và thông báo vận chuyển (Điều 39, 45 dự thảo Nghị định)**	Bộ Công Thương	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định rõ việc tiếp nhận thông báo vận chuyển trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử là hoàn toàn tự động, hệ thống tự động cấp mã tiếp nhận ngay khi doanh nghiệp gửi, cơ quan hải quan không duyệt thủ công để tránh phát sinh thủ tục trung gian hoặc làm chậm tiến độ giao nhận nguyên liệu trên dây chuyền sản xuất.	Tiếp thu. Việc thông báo được thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (điểm b, điểm c khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39), không phải thủ tục chấp thuận; trình tự tiếp nhận, phản hồi trên Hệ thống do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết (khoản 3 Điều 35, khoản 4 Điều 39).
80.	**Điểm a khoản 1 Điều 40**	UBND TP Hải Phòng	Kiến nghị bổ sung cụm từ " **địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu** trừ chỉ tiêu thông tin số lượng máy móc, thiết bị để phục vụ hợp đồng gia công" Lý do: Để đồng nhất với tiêu đề khoản 1 Điều 40.	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo
81.	**Điểm d khoản 1 Điều 40** *1. Thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, **địa điểm** lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu:* ***d)** Trường hợp thay đổi nội dung thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu **do** thay đổi **diện tích sử dụng**, địa chỉ, quy mô **năng lực** sản xuất, người đại diện theo pháp luật của thương nhân, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đưa đi gia công lại, thay đổi **địa điểm** lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu thì phải thông báo với cơ quan hải quan trước khi nhập khẩu, đưa*	UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Cà Mau (Chi cục HQKV XIX)	Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, xem xét, bổ sung cụm từ *"gia công"* vào sau cụm từ "quy mô năng lực" vào Điểm d khoản 1 Điều 40 **thành:** *"Trường hợp thay đổi nội dung thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu do thay đổi diện tích sử dụng, địa chỉ, quy mô năng lực **gia công**, sản xuất,..."* **Lý do**: phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 42 dự thảo.	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, bán thành phẩm, sản phẩm đến nơi nhận gia công lại, địa điểm lưu giữ mới. Trường hợp có sự thay đổi ngoài các nội dung nêu trên thì phải thông báo cho cơ quan hải quan chậm nhất vào ngày thứ mười tháng đầu tiên của quý kế tiếp kể từ ngày phát sinh thay đổi.			
82.	**Khoản 2 Điều 40** 2. Lưu giữ hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia công, ***hợp đồng gia công lại, phụ lục hợp đồng gia công lại,*** định mức ***thực tế*** sử dụng cho từng mã sản phẩm, ***kế hoạch sản xuất,*** sơ đồ thiết kế mẫu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất, sơ đồ giác mẫu (nếu có) tại tổ chức, cá nhân và xuất trình khi cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật.	UBND TP Bắc Ninh (CCHQ KV V-Tập đoàn Samsung tại Việt Nam)	- Đề xuất: Bỏ yêu cầu lưu giữ "Kế hoạch sản xuất". - Lý do: Mục đích của việc kiểm tra việc lưu giữ kế hoạch sản xuất ở đây là gì? Thực tế, kế hoạch sản xuất thay đổi liên tục và cơ quan kiểm tra thì đã có kết quả sản xuất, định mức thực tế…	Tiếp thu, bãi bỏ tại dự thảo
83.	**Điều 40.**	UBND TP Hải Phòng	Điều 40 NĐ quy định: Phải kiểm tra CSSX trong trường hợp "tổ chức cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất XK" Đề nghị làm rõ: thời điểm chính thức đi vào hoạt động là thời điểm nào. Thực tế, tại GCN ĐT, có trường hợp ghi "thời điểm chính thức sản xuất có trường hợp không. Thực tế, tại thời điểm lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất XK và DN chưa đi vào sản xuất, phần lớn chưa đáp ứng điều kiện kiểm tra GS. - Việc quy định phải kiểm tra đồng thời trong trường hợp " lần đầu.." không phù hợp với quy định tại các điểm khoản còn lại	- Tiếp thu. Thời điểm chính thức đi vào hoạt động trích dẫn thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số …./2027/NĐ-CP (Nghị định thay thế Nghị định 134/2016/NĐ-CP và Nghị định số 18/2021/NĐ-CP). Cụ thể: *Thời điểm chính thức đi vào hoạt động của doanh nghiệp chế xuất để làm cơ sở xác định nghĩa vụ thuế được căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh, văn bản của cơ quan đăng*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				ký đầu tư có thẩm quyền (đối với trường hợp không phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). Trường hợp các văn bản nêu trên không ghi rõ thời điểm đi vào hoạt động, thời điểm này được xác định là ngày doanh nghiệp bắt đầu sản xuất chính thức theo thông báo của doanh nghiệp gửi cho cơ quan hải quan. - Quy định kiểm tra lần đầu đối với doanh nghiệp có hoạt động gia công, SXXK nhằm ngăn chặn tình trạng doanh nghiệp lợi dụng loại hình gia công, SXXK được miễn thuế NK để gian lận về thuế khi không tổ chức hoạt động sản xuất hàng hóa xuất khẩu.
84.	**Khoản 5 Điều 41**	UBND TP Hải Phòng	Bổ sung: 5. Tiếp nhận thông báo hàng hóa đưa ra lưu giữ ngoài cơ sở gia công, sản xuất, thuê gia công lại, hoạt động gia công giữa hai doanh nghiệp chế xuất, hoạt động bán phế liệu hoặc các trường hợp được lựa chọn không đăng ký tờ khai hải quan Lý do: Khoản 3 Điều 39 quy định người khai hải quan phải thực hiện thông báo qua hệ thống.	Dự thảo đã bỏ yêu cầu thông báo chung tại khoản 3 Điều 39 dự thảo gửi lấy ý kiến; việc tiếp nhận các thông báo theo khoản 1 Điều 35 đã được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 dự thảo Nghị định.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
85.	***Điều 42.*** ~~Điều 39.~~ **Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất *hàng hóa xuất khẩu*, năng lực gia công, sản xuất; *địa điểm* lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu; *kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất đáp ứng điều kiện là khu phi thuế quan*** *5. Xử lý kết quả kiểm tra* *b) Đối với doanh nghiệp chế xuất nếu đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan là khu phi thuế quan thì được áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan theo quy định tại Điều ... Nghị định số ... (thay thế Nghị định 134/2016/NĐ-CP, 18/2020/NĐ-CP)...*	UBND tỉnh Lai Châu, UBND tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh Lào Cai	Đề nghị sửa thành: "...thay thế Nghị định số 134/2016/NĐ-CP và **Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.**" **Lý do:** Nghị định số 18/2021/NĐ-CP được ban hành ngày 11/3/2021, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo
86.	**Điều 42**	Bộ Tư pháp	Điều 42 dự thảo Nghị định quy định các trường hợp kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, năng lực gia công, sản xuất; địa điểm lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu; kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất đáp ứng điều kiện là khu phi thuế quan quy định phạm vi kiểm tra rộng hơn so với Điều 39 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 21 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025. Do đó, đề nghị Quý Bộ rà soát, giải trình rõ hơn tại hồ sơ dự thảo Nghị định.	- Điều 28a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định DNCX phải thông báo đã đáp ứng đủ 03 điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan (hàng rào cứng, camera giám sát, phần mềm quản lý hàng hoá) và được cơ quan hải quan xác nhận đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan thì DNCX mới chính thức được áp dụng chế độ phi thuế quan. Hiện thủ tục kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với DNCX đang được quy định tại Thông tư số 121/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				38/2015/TT-BTC và Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 28a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP không quy định cụ thể điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất để áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan. Tại khoản 3 Điều 28 dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP quy định điều kiện, kiểm tra, giám sát hải quan và đối tượng kiểm tra doanh nghiệp chế xuất đáp ứng điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan và giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các điều kiện, thủ tục kiểm tra, giám sát hải quan để áp dụng chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của khu phi thuế quan. - Tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP chưa quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất; thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				đang được quy định Thông tư số 121/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Với chủ trương thống nhất một phương thức quản lý của 3 loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất, thực hiện quản lý theo vòng đời, dòng vận chuyển của hàng hóa, tại dự thảo Nghị định này đã bổ sung thủ tục hải quan áp dụng cho cả hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất, trong đó có kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất. Từ các lý do dẫn trên, việc bổ sung quy định kiểm tra điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất tại dự thảo Nghị định này không làm phát sinh thủ tục hành chính, DNCX thực hiện thông báo cơ sở sản xuất, điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan một lần, trong cùng 01 biểu mẫu điện tử và cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra một lần tại DNCX đối với 02 nội dung này đối với trường hợp phải kiểm tra.
87.	**Tiết b.1 điểm b khoản 1 Điều 43**	UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Cà	Đề nghị sửa đổi như sau: *"b.1) Số liệu báo cáo quyết toán của tổ chức, cá nhân có sự chênh lệch bất thường so với hồ sơ, dữ liệu trên Hệ thống của cơ quan hải quan **mà doanh nghiệp không giải trình được hoặc giải trình không hợp lý;**"*	Không tiếp thu, lý do: nội dung yêu cầu doanh nghiệp giải trình đã được quy định tại khoản 5 Điều này khi cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra tại trụ sở người khai hải

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Mau (Chi cục HQKV XIX)	Lý do: Trong thời gian qua thực tế có phát sinh một số trường hợp doanh nghiệp gửi BCQT sai lệch số liệu với số liệu thống kê của cơ quan hải quan nhưng nguyên nhân là do việc theo dõi, quản lý của doanh nghiệp chưa chặt chẽ dẫn đến sai lệch, không xuất phát từ việc cố ý làm sai nên đề xuất cho phép doanh nghiệp được giải trình Ngoài ra, tại điểm a khoản 5 Điều 43 quy định về xử lý kết quả kiểm tra sau khi thực hiện kiểm tra BCQT vẫn cho phép DN được giải trình "Trường hợp qua kiểm tra phát hiện có sự chênh lệch số liệu, không phù hợp nội dung giữa hồ sơ, dữ liệu, chứng từ có trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan với số liệu, dữ liệu, nội dung trên hồ sơ, chứng từ theo dõi tại doanh nghiệp" Chính vì vậy, đề xuất cho phép DN được giải trình trước khi quyết định kiểm tra BCQT sẽ phù hợp hơn.	quan.Việc kiểm tra trụ sở cơ quan hải quan không đủ chứng từ, dữ liệu để xác định, dễ dẫn đến tình trạng công chức hải quan yêu cầu doanh nghiệp xuất trình chứng từ chứng minh gây khó khăn cho doanh nghiệp.
88.	***Điều 43.*** **Kiểm tra báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư *nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu*** *1. Nguyên tắc, các trường hợp kiểm tra báo cáo quyết toán* *a) Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận báo cáo quyết toán thực hiện việc phân tích, đánh giá, đối chiếu báo cáo quyết toán với cơ sở dữ liệu và thông tin thu thập hiện có để xác định các trường hợp phải kiểm tra báo cáo quyết toán tại trụ sở người khai hải quan;* Trong khi đó khoản 4 Điều 43 dự thảo Nghị định quy định về thời gian, địa điểm kiểm tra: *"Việc kiểm tra báo cáo quyết taosn được thực hiện không quá 05 ngày làm việc tại trụ sở cơ quan hải quan..."*	Thanh tra Chính phủ	Căn cứ khoản 3, Điều 77 Luật Hải quan quy định: *"Trụ sở người khai hải quan bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi lưu giữ hàng hóa theo quy định của pháp luật có liên quan."* Đề nghị xác định rõ ràng, thống nhất địa điểm thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán.	Tiếp thu. Theo khoản 3 Điều này thì thẩm quyền quyết định kiểm tra báo cáo quyết toán là Trưởng Hải quan khu vực quyết định kiểm tra, việc kiểm tra được thực hiện tại trụ sở người khai hải quan (điểm a, điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 37 dự thảo Nghị định).

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
89.	**Điều 43. Kiểm tra báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu:** *1. Nguyên tắc, các trường hợp kiểm tra báo cáo quyết toán* *b) Các trường hợp phải kiểm tra* *b.3) Định mức thực tế sử dụng có sự chênh lệch bất thường so với định mức thực tế của mặt hàng tương tự của chính tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân khác đã xuất khẩu;*	UBND TP Đồng Nai	- Điểm b.3 khoản 1: + Đề nghị bổ sung thêm cụm từ "nếu có", cụ thể sửa thành: "b.3) Định mức thực tế sử dụng có sự chênh lệch bất thường so với định mức thực tế của mặt hàng tương tự của chính tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân khác đã xuất khẩu (nếu có). + Lý do: phù hợp với điểm d khoản 2 (nếu có điều kiện, dữ liệu kiểm tra)	Nội dung này đã bỏ tại dự thảo Nghị định, do đó không cần bổ sung quy định này.
90.	**Điểm b khoản 2 Điều 43.** 2. Nội dung kiểm tra b) Kiểm tra chứng từ, sổ kế toán, chứng từ theo dõi nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm nhập kho, xuất kho; kiểm tra lượng hàng hoá còn tồn trong kho;	UBND TP Đồng Nai	Tại điểm b khoản 2 Điều 43: Đề nghị chi tiết hơn nội dung "kiểm tra lượng hàng hoá còn tồn trong kho" khi thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán (nếu vẫn giữ nội dung này) hoặc bỏ cụm từ này: - Việc kiểm tra lượng tồn kho xác định tại thời điểm kết thúc năm tài chính của kỳ báo cáo quyết toán hay xác định lượng tồn kho tại thời điểm kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. + Trường hợp kiểm tra lượng tồn kho tại mốc thời điểm kết thúc năm tài chính: không khả thi do thời điểm kiểm tra báo cáo quyết toán sau thời điểm kết thúc năm tài chính (thường kế hoạch kiểm tra BCQT được Cục Hải quan phê duyệt trong tháng 6 hàng năm), việc kiểm tra lượng hàng hoá tồn trong kho đối với lượng tồn thời điểm kết thúc năm tài chính của năm trước không thể thực hiện được (hàng tồn kho cuối năm tài chính đã được tiếp tục đưa vào hoạt động sản xuất của năm ra quyết định kiểm tra BCQT). + Trường hợp kiểm tra lượng tồn kho tại thời điểm kiểm tra khi ban hành quyết định kiểm tra báo cáo quyết toán: Việc kiểm tra lượng tồn kho tại thời điểm kiểm tra để tính toán lượng tồn thực tế tại thời điểm kết thúc năm tài chính sẽ phải yêu cầu cung cấp thêm dữ liệu nhập, xuất ngoài phạm vi kiểm tra của năm tài chính đang kiểm tra đến thời điểm kiểm tra lượng tồn kho thực tế của năm tiếp	Nội dung này đã bỏ tại dự thảo Nghị định, do đó không cần bổ sung quy định này.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hành kiểm tra. Mặt khác thời gian kiểm tra báo cáo quyết toán là 05 ngày làm việc, việc kiểm tra lượng hàng hoá còn tồn trong kho tại thời điểm kiểm tra sẽ tăng khối lượng công việc (thời gian cân, đong, đo, đếm và bố trí con người thực hiện), nội dung này đề nghị thực hiện kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại Điều 44 Nghị định theo quy định tại điểm b khoản 5 điều này. - Kiểm tra báo cáo quyết toán được thực hiện không quá 05 ngày làm việc nên khó có thể thực hiện đầy đủ và chính xác, đặc biệt đối với doanh nghiệp có số lượng lớn mã hàng, tờ khai nhập khẩu và chứng từ phát sinh trong kỳ. Để thực hiện việc kiểm tra, cần có thời gian để đối chiếu từng mã hàng giữa số liệu báo cáo quyết toán với sổ sách kế toán, dữ liệu nhập-xuất-tồn, tờ khai hải quan, chứng từ nhập xuất kho và số lượng hàng hóa tồn tại doanh nghiệp. Do đó, nội dung kiểm tra bổ sung này không đủ thời gian để thực hiện.	
91.	**Điểm b khoản 2 Điều 43** *2. Nội dung kiểm tra* *b) Kiểm tra chứng từ, sổ kế toán, chứng từ theo dõi nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm nhập kho, xuất kho; **kiểm tra lượng hàng hoá còn tồn trong kho**;*	UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Cà Mau (Chi cục HQKV XIX)	Đề nghị xem lại quy định về kiểm tồn kho trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43, đề nghị chỉ quy định kiểm tồn kho khi trong quá trình kiểm tra sổ sách chứng từ kế toán, chứng từ xuất nhập kho có sự sai lệch hoặc có nghi ngờ số liệu không chính xác thì mới tiến hành kiểm tồn kho.	Nội dung này đã bỏ tại dự thảo Nghị định, do đó không cần bổ sung quy định này.
92.	**Điểm d khoản 2 Điều 43**	UBND TP Đồng Nai	Tại điểm d khoản 2 Điều 43 dự thảo NĐ quy định: "d) Kiểm tra đối chiếu định mức thực tế sản xuất do tổ chức, cá nhân đã thông báo với định mức thực tế sản xuất của mặt hàng tương tự của chính tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân khác đã xuất khẩu nếu có điều kiện, dữ liệu kiểm tra". Đề nghị sửa thành: Kiểm tra, đối chiếu định mức sản phẩm do tổ chức, cá nhân đã thông báo với định mức thực tế sản xuất sản phẩm phát sinh trong năm tài chính.	Nội dung này đã bỏ tại dự thảo Nghị định, do đó không cần bổ sung quy định này.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Còn việc kiểm tra, đối chiếu với định mức thực tế sản xuất của mặt hàng tương tự của chính tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân khác đã xuất khẩu nếu có điều kiện, dữ liệu kiểm tra mang tính chất tham khảo.	
93.	**Điểm d khoản 2 Điều 43** *2. Nội dung kiểm tra:* *....d) Kiểm tra đối chiếu định mức thực tế sản xuất do tổ chức, cá nhân đã thông báo với định mức thực tế sản xuất của mặt hàng tương tự của chính tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân khác đã xuất khẩu nếu có điều kiện, dữ liệu kiểm tra*	UBND tỉnh Hưng Yên, UBND tỉnh Ninh Bình (Chi cục HQKV IV)	Đề nghị bỏ điểm d, lý do: Không có định mức chuẩn chung cho mã hàng hoặc ngành hàng; định mức phụ thuộc nguyên liệu, công nghệ, máy móc và quy cách sản phẩm của từng doanh nghiệp. Định mức của doanh nghiệp khác không phù hợp làm căn cứ xác định định mức thực tế của doanh nghiệp được kiểm tra. Mặt khác, hầu hết mỗi DN gia công, sản xuất xuất khẩu đều có hàng trăm, hàng nghìn mã định mức. Việc quy định kiểm tra đối chiếu định mức trong thời hạn kiểm tra tối đa 10 ngày làm việc là không khả thi, không đủ thời gian để thực hiện	Nội dung này đã bỏ tại dự thảo Nghị định, do đó không cần bổ sung quy định này.
94.	**Khoản 4 Điều 43** *4. Thời gian, địa điểm kiểm tra* *Việc kiểm tra báo cáo quyết toán được thực hiện không quá 05 ngày làm việc **tại trụ sở cơ quan hải quan**. Đối với trường hợp phức tạp, Trưởng Hải quan khu vực quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra*	UBND tỉnh Hưng Yên, UBND tỉnh Ninh Bình (Chi cục HQKV IV)	*4. Thời gian, địa điểm kiểm tra* *Việc kiểm tra báo cáo quyết toán được thực hiện không quá 05 ngày làm việc **tại trụ sở doanh nghiệp**. Đối với trường hợp phức tạp, Trưởng Hải quan khu vực quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra*	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo
95.	**Khoản 4 Điều 43** *4. Thời gian, địa điểm kiểm tra* *Việc kiểm tra báo cáo quyết toán được thực hiện không quá 05 ngày làm việc **tại trụ sở cơ quan hải quan**. Đối với trường hợp phức tạp, Trưởng Hải quan khu vực quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra*	UBND TP Đồng Nai	Việc quy định kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan là chưa thống nhất với nội dung tại khoản 1 Điều 43 đồng thời nội dung kiểm tra liên quan chủ yếu đến kiểm tra hồ sơ hải quan, chứng từ sổ sách kế toán, hàng hóa tồn kho. **Kiến nghị:** *4. ... Việc kiểm tra báo cáo quyết toán được thực hiện không quá 05 ngày làm việc tại **trụ sở người khai hải quan.***	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
96.	**Khoản 6 Điều 43**	UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Cà Mau (Chi cục HQKV XIX)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: *"Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thủ tục, thời điểm báo cáo quyết toán, việc kiểm tra báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, **máy ~~móc, thiết bị~~** nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu."* Lý do: tại tên Điều 43 chỉ quy định Kiểm tra báo cáo quyết tón tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu, không quy định về kiểm tra máy móc, thiết bị.	Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo
97.	***Điều 44.* ~~Điều 40.~~ Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, thiết bị *nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu*** *1. Các trường hợp kiểm tra:* *đ) Kiểm tra trên cơ sở **thu thập, phân tích, đánh giá thông tin về tổ chức, cá nhân** đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc diện phải thông báo thông tin thay đổi về mặt bằng, địa chỉ, quy mô sản xuất, người đại diện theo pháp luật của thương nhân, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đưa đi gia công lại, thay đổi **địa điểm** lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 1 **Điều 40** Nghị định này.* *Đối với các trường hợp nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, tổ chức cá nhân có văn bản giải trình theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Việc kiểm tra chỉ được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân không có giải trình hoặc cơ quan hải quan có căn*	Bộ Công an	Tại điểm đ, khoản 1 Điều 44 quy định về kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, thiết bị nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu, đề nghị áp dụng hình thức kiểm tra ngay mà không chờ văn bản giải trình của doanh nghiệp đối với trường hợp có các dấu hiệu nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 44.	Tiếp thu, đưa vào các trường hợp phải kiểm tra tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 38 dự thảo Nghị định.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	cứ xác định giải trình của tổ chức, cá nhân là không hợp lý.			
98.	**Khoản 2 Điều 44** *2. Nội dung kiểm tra* *đ) Kiểm tra số lượng hàng hóa còn tồn trong kho;* *e) Kiểm tra số lượng thành phẩm chưa xuất khẩu*	UBND TP Đồng Nai, UBND tỉnh Hưng Yên, UBND tỉnh Ninh Bình (Chi cục HQKV IV)	*2. Nội dung kiểm tra:* *đ) Kiểm tra số lượng hàng hóa còn tồn trong kho;* ~~*e) Kiểm tra số lượng thành phẩm chưa xuất khẩu.*~~ Đề nghị bỏ điểm e do số lượng thành phẩm chưa xuất khẩu đã thuộc số lượng hàng hóa còn tồn trong kho (điểm e trùng nội dung với điểm đ)	Không tiếp thu, lý do: quy định tại điểm đ là kiểm tra số lượng hàng hóa được xác định là nguyên vật liệu còn tồn trong kho. Để tránh nhầm lẫn với điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 38 dự thảo Nghị định đã được chỉnh lý thành kiểm tra số lượng nguyên liệu, vật tư còn tồn trong kho, đang đưa đi gia công lại.
99.	**Điều 43, Điều 44 Nghị định và tên Điều 68. Điều 69 Thông tư: có sự không thống nhất Tên Điều giữa Nghị định và Thông tư:** -Tại Điều 43 Nghị định ghi: "Kiểm tra báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, **sản phẩm xuất khẩu**" Nhưng Điều 69 Thông tư lại ghi: "Báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, **hàng hóa xuất khẩu**". -Tại Điều 44 Nghị định ghi: "Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, **thiết bị nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu**" Nhưng Điều 68 Thông tư lại ghi: "Kiểm tra tình hình sử dụng, tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, **thiết bị và hàng hóa xuất khẩu**".	UBND tỉnh Phú Thọ	Đề nghị điều chỉnh, sửa đổi tên Điều và đảo thứ tự trình bày ở cả Nghị định và Thông tư cho đồng bộ, thống nhất sử dụng thuật ngữ về cùng một đối tượng điều chỉnh.	Tiếp thu, viết thống nhất theo quy định tại Điều 59 Luật Hải quan số 54/2014/QH13. - Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu; - Kiểm tra báo cáo quyết toán, quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
100.	**Điều 45. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất** ***1. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất thực hiện theo quy định tại mục này.***	Bộ Công Thương	(1) Đề nghị rà soát lại nội dung dẫn chiếu tại khoản 1 Điều 45 dự thảo Nghị định, vì lý do: khoản 1 Điều 45 quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp chế xuất thực hiện theo quy định tại mục này, tuy nhiên, mục này lại không có hướng dẫn cụ thể. (2) Trong thời gian vừa qua, Bộ Công Thương tiếp nhận một số ý kiến về khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp chế xuất khi cơ quan hải quan yêu cầu doanh nghiệp chế xuất cung cấp giấy phép nhập khẩu theo pháp luật chuyên ngành hoặc các chứng từ chứng minh việc tuân thủ biện pháp quản lý ngoại thương của nhà nhập khẩu ban đầu đối với hàng hóa đưa từ nội địa vào khu vực hải quan riêng, hàng hóa đưa từ khu vực hải quan riêng vào nội địa, hàng hóa luân chuyển giữa các chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất. Theo quy định tại Điều 28 Luật thương mại, việc đưa hàng hóa từ nội địa vào doanh nghiệp chế xuất không phải là hoạt động nhập khẩu, việc đưa hàng hóa từ doanh nghiệp chế xuất vào nội địa không phải là hoạt động xuất khẩu. Nguyên tắc áp dụng biện pháp quản lý ngoại thương đối với khu vực hải quan riêng được quy định tại Điều 56, 57, 58 Luật Quản lý ngoại thương. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 45 dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất với quy định tại Luật Quản lý ngoại thương, Luật Thương mại và các quy định khác có liên quan theo pháp luật chuyên ngành và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp chế xuất trong thời gian vừa qua. Trong đó, đề nghị phân tách rõ 02 nhóm quy định cụ thể về: (i) các trường hợp doanh nghiệp chế xuất không phải làm thủ tục hải quan mà chỉ phải thông báo cho cơ quan hải quan: hàng hóa mua bán với doanh nghiệp nội địa, hàng hóa luân chuyển giữa các doanh nghiệp chế xuất, giữa	(1) Tại Nghị định này chỉ quy định về nguyên tắc quản lý hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra DNCX. Thủ tục hải quan cụ thể giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tại Thông tư. (2) Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì "*Khu phi thuế quan* là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo quy định của pháp luật, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu." Căn cứ quy định này, DNCX được xác định là khu phi thuế quan, cũng có thể được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định tại Điều 28 Luật Thương mại. (3) Tiếp thu một phần ý kiến của Bộ Công Thương về phân tách rõ 02 nhóm quy định cụ thể về: (i) các trường hợp doanh nghiệp chế

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			các chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất...; (ii) đề xuất các trường hợp doanh nghiệp nội địa không phải làm thủ tục hải quan khi giao dịch với doanh nghiệp chế xuất để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thực tiễn: hàng hóa từ chế xuất đưa vào nội địa thực hiện dịch vụ bảo hành, sửa chữa, giặt là, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc các dịch vụ khác mà không làm thay đổi mã số, tính năng, công dụng của hàng hóa ban đầu; hàng hóa thanh lý của doanh nghiệp chế xuất, bán vào thị trường nội địa...	xuất không phải làm thủ tục hải quan mà chỉ phải thông báo cho cơ quan hải quan: hàng hóa mua bán với doanh nghiệp nội địa, hàng hóa luân chuyển giữa các doanh nghiệp chế xuất, giữa các chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất...; (ii) đề xuất các trường hợp doanh nghiệp nội địa không phải làm thủ tục hải quan khi giao dịch với doanh nghiệp chế xuất để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thực tiễn: hàng hóa từ chế xuất đưa vào nội địa thực hiện dịch vụ bảo hành, sửa chữa, giặt là, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc các dịch vụ khác mà không làm thay đổi mã số, tính năng, công dụng của hàng hóa ban đầu; hàng hóa thanh lý của doanh nghiệp chế xuất, bán vào thị trường nội địa; bổ sung thủ tục thanh lý hàng hóa của DNCX. Tuy nhiên, do quan hệ giữa chế xuất với nội địa là quan hệ xuất nhập khẩu do vậy hàng hóa mua bán giữa nội địa và chế xuất phải thực hiện thủ tục hải quan theo quy định. Ngoài ra, do quy định thông báo vận chuyển theo một số chỉ tiêu thông tin đối với trường hợp (a) Hàng hóa luân chuyển giữa các cơ sở gia công, sản xuất, chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất, kho thuê ngoài; (b) Hàng hóa đưa ra,

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				đưa vào doanh nghiệp chế xuất để thực hiện dịch vụ bảo hành, sửa chữa, giặt là, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc các dịch vụ khác sau đó đưa trở lại doanh nghiệp chế xuất mà không làm thay đổi mã số, tính năng, công dụng của hàng hóa ban đầu có thể phát sinh thủ tục hành chính, một số doanh nghiệp có ý kiến cho rằng tần suất thực hiện có thể tăng trong ngày, do đó, Ban soạn thảo đã cân nhắc, chỉ giữ nghĩa vụ thông báo thông tin vận chuyển đối với hàng hóa tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 39 khi doanh nghiệp chế xuất lựa chọn không làm thủ tục hải quan; chỉ tiêu thông tin và cách thức thông báo do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết (khoản 4 Điều 39).
101.	**Điểm a khoản 3 Điều 45** *3. Doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa được lựa chọn làm hoặc không làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp sau:* *a) Hàng hóa đưa từ nội địa vào doanh nghiệp chế xuất để xây dựng, lắp đặt công trình; hàng hóa là điện, nước do doanh nghiệp nội địa cung ứng cho doanh nghiệp chế xuất; văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đưa từ nội địa để phục vụ cho điều hành bộ*	UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Cà Mau (Chi cục HQKV XIX)	Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ đối với cụm từ ***"hàng tiêu dùng"*** quy định tại điểm a khoản 3 Điều 45. Lý do: Trong thời gian qua, việc áp dụng quy định này gặp nhiều vướng mắc do một số trường hợp không thể xác định được hàng tiêu dùng là những mặt hàng nào dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng quy định.	Tiếp thu, cụm từ "tiêu dùng" đã được lược bỏ tại dự thảo để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	máy văn phòng và sinh hoạt của người lao động làm việc tại doanh nghiệp chế xuất;			
102.	**Điểm a khoản 3 Điều 45** Mục 3a. Hàng hóa đưa từ nội địa vào doanh nghiệp chế xuất để xây dựng, lắp đặt công trình; hàng hóa là điện, nước do doanh nghiệp nội địa cung ứng cho doanh nghiệp chế xuất; văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đưa từ nội địa để phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của người lao động làm việc tại doanh nghiệp chế xuất	UBND TP Đồng Nai	Đề nghị giải thích rõ "Hàng tiêu dùng" quy định tại mục 3a bao gồm những hàng hóa gì? Các trường hợp hàng hóa đưa ra ngoài nếu phát sinh hằng ngày nhưng số lượng có thể thay đổi thì DN có thể chọn làm thông báo 1 lần hay không, nếu không số lượng thông báo sẽ phát sinh hằng ngày. Ngoài ra, có 1 số nguyên liệu, thành phẩm phải mang ra ngoài kiểm nghiệm các chỉ tiêu theo quy định về an toàn, chất lượng tại các cơ quan kiểm tra chất lượng thì sau khi kiểm nghiệm thì không còn như ban đầu, hoặc thải bỏ tại nơi kiểm tra thì thông báo như thế nào? Kiến nghị quy định làm rõ để tránh những vướng mắc trên.	- Cụm từ "tiêu dùng" đã được lược bỏ tại dự thảo để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện. - Dự thảo không yêu cầu thông báo đối với năng lượng, nhiên liệu, nước, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm và phương tiện quay vòng (điểm b, điểm c, điểm e khoản 1 Điều 39); doanh nghiệp chế xuất chỉ thông báo thông tin vận chuyển hàng hóa thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan khi lựa chọn không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 39; chỉ tiêu thông tin và cách thức thông báo do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết (khoản 4 Điều 39).
103.	**Điểm a khoản 3 Điều 45**	UBND tỉnh Quảng Ngãi (Chi cục HQKV XII); UBND TP Huế.	Kiến nghị: Bổ sung quy định để bao quát cả trường hợp hàng hóa là hàng tiêu dùng nhưng không phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của người lao động làm việc tại doanh nghiệp chế xuất (ví dụ: đồng phục bảo hộ để công nhân mặc trong nhà xưởng, mặt nạ chống độc, tai nghe chống ồn...) Lý do: Thực tế đã phát sinh vướng mắc trong việc xác định và xử lý đối với các trường hợp nêu trên, trong khi dự thảo và các văn bản trước đây chưa có quy định cụ thể, dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện.	Cụm từ "tiêu dùng" đã được lược bỏ tại dự thảo để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện.
104.	**Điểm a khoản 3 Điều 45**	UBND TP Đồng Nai	Kiến nghị xem xét lại quy định bắt buộc DNCX phải thông báo cho cơ quan hải quan đối với các hàng hóa tại điểm a khoản 3, chỉ nên quy định phải thông báo đối với điểm b khoản 3.	Tiếp thu. Dự thảo không yêu cầu thông báo đối với năng lượng, nhiên liệu, nước, văn phòng phẩm,

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Lý do: Trước đến nay không có quy định này phải thông báo với văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm. Quy định này sẽ tạo thêm thủ tục hành chính, khó khăn cho doanh nghiệp và cơ quan HQ cũng không thể kiểm soát hết các thông báo đối với các hàng hóa này.	lương thực, thực phẩm và phương tiện quay vòng (điểm b, điểm c, điểm e khoản 1 Điều 39); doanh nghiệp chế xuất chỉ thông báo thông tin vận chuyển hàng hóa thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan khi lựa chọn không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 39; chỉ tiêu thông tin và cách thức thông báo do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết (khoản 4 Điều 39).
105.	**Điều 45** **3b)....*Các trường hợp không đăng ký tờ khai quy định tại khoản này, trước khi vận chuyển hàng hóa đi, doanh nghiệp chế xuất phải thông báo cho cơ quan hải quan thông qua hệ thống.***	UBND TP Bắc Ninh (CCHQ KV V-Tập đoàn Samsung tại Việt Nam)	Đề xuất làm rõ "thông báo cho cơ quan hải quan qua hệ thống" là thông báo nội dung gì? Thông báo hợp đồng/phụ lục hay thông báo chi tiết hàng hóa cho từng lần vận chuyển. Nếu là thông báo chi tiết hàng hóa cho từng lần vận chuyển thì không khác gì việc khai báo hải quan. Do vậy cần làm rõ thông báo gì và thông báo thế nào. Nên đơn giản hóa để giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.	Tiếp thu. Dự thảo không yêu cầu thông báo đối với năng lượng, nhiên liệu, nước, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm và phương tiện quay vòng (điểm b, điểm c, điểm e khoản 1 Điều 39); doanh nghiệp chế xuất chỉ thông báo thông tin vận chuyển hàng hóa thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan khi lựa chọn không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 39; chỉ tiêu thông tin và cách thức thông báo do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết (khoản 4 Điều 39).
106.	**Khoản 3, 4 Điều 45**	UBND TP Đồng Nai	**1. Khoản 3 Điều 45** **Kiến nghị:** bổ sung cụm từ "không phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh" sau cụm từ "hàng tiêu dùng" và sửa điểm a khoản 3 thành như sau:	1. Tiếp thu, bổ sung vào dự thảo 2. Không tiếp thu, lý do tại tiêu đề của khoản đã quy định Doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa không phải làm thủ tục hải

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			a) Hàng hóa đưa từ nội địa vào doanh nghiệp chế xuất để xây dựng, lắp đặt công trình; hàng hóa là điện, nước do doanh nghiệp nội địa cung ứng cho doanh nghiệp chế xuất; văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm, ***hàng tiêu dùng*** *đưa từ nội địa để phục vụ cho điều hành bộ máy văn phòng và sinh hoạt của người lao động làm việc tại doanh nghiệp chế xuất,* **không phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh**; **2. Khoản 4 Điều 45.** **Kiến nghị**: sửa nội dung này thành như sau: *a) Doanh nghiệp chế xuất* ***được lựa chọn nhập khẩu*** *hàng hóa từ nước ngoài* ***để phục vụ cho sản xuất,*** *nộp đầy đủ các loại thuế, thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu theo quy định như hàng hóa nhập khẩu không hưởng chế độ, chính sách áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất, khi trao đổi, mua bán hàng hóa này với doanh nghiệp nội địa,* ***thì không phải làm thủ tục hải quan.*** ***Trường hợp hàng hóa DNCX mua từ nội địa lựa chọn không làm thủ tục hải quan, kê khai nộp thuế GTGT đầy đủ, khi trao đổi, mua bán với doanh nghiệp nội địa, thì không phải làm thủ tục hải quan.*** d) Hàng hóa doanh nghiệp nội địa bán cho doanh nghiệp chế xuất không có thuế xuất khẩu. **Kiến nghị sửa thành:** Hàng hóa doanh nghiệp nội địa bán cho doanh nghiệp chế xuất không có thuế xuất khẩu và kê khai nộp thuế GTGT theo quy định. Lý do: khi DN nội địa xuất hóa đơn GTGT theo mức thuế tương ứng và DNCX mua hàng đã nộp thuế GTGT đầy đủ rồi, thì không phân biệt hàng hóa có thuế xuất khẩu hay không có thuế xuất khẩu đều được lựa chọn không làm thủ tục hải quan, do đã nộp thuế GTGT đầy đủ rồi.	quan đối với các trường hợp sau...do đó, không cần thiết bổ sung để tránh lặp lại nội dung. Do nội dung Nghị định chỉ quy định về thủ tục hải quan, không quy định chính sách thuế, do đó, các nội dung liên quan đến thuế GTGT thì thực hiện theo pháp luật về thuế GTGT
107.	***Điều 45.*** *3. Doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa được lựa chọn*	UBND tỉnh Lai Châu, UBND	Đề nghị rà soát, làm rõ mối quan hệ và phạm vi áp dụng giữa khoản 3 và khoản 4 Điều 45; trường hợp hàng hóa đồng thời thuộc phạm vi của hai khoản thì cần quy định rõ trường hợp nào được lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện thủ tục hải quan và	Tiếp thu, nội dung này đã được chỉnh lý tại dự thảo chỉ quy định các trường hợp doanh nghiệp được lựa chọn làm hoặc không làm thủ

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	làm hoặc không làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp sau:... *4. Doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa không phải làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp sau:...*	tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh Lào Cai	trường hợp nào không phải thực hiện thủ tục hải quan, tránh cách hiểu khác nhau khi áp dụng. **Lý do:** Khoản 3 quy định quyền lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện thủ tục hải quan, trong khi khoản 4 quy định trường hợp không phải thực hiện thủ tục hải quan; một số trường hợp có khả năng giao thoa nên cần xác định rõ phạm vi và thứ tự áp dụng.	tục hải quan; các trường hợp không phải thực hiện thủ tục hải quan.
108.	**Điểm b, d khoản 4 Điều 45** *4. Doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa không phải làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp sau:* *b) Hàng hóa doanh nghiệp chế xuất mua từ nội địa và đã nộp đầy đủ các loại thuế như doanh nghiệp nội địa;* *d) Hàng hóa doanh nghiệp nội địa bán cho doanh nghiệp chế xuất không có thuế xuất khẩu.*	UBND tỉnh Lai Châu, UBND tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh Lào Cai	Đề nghị rà soát điểm b và điểm d khoản 4 Điều 45 để làm rõ phạm vi áp dụng, tránh trùng lặp; đồng thời làm rõ căn cứ xác định hàng hóa không phải thực hiện thủ tục hải quan, bảo đảm thống nhất với quy định chi tiết tại dự thảo Thông tư. **Lý do:** Điểm b quy định hàng hóa Doanh nghiệp chế xuất mua từ nội địa đã nộp đầy đủ các loại thuế như doanh nghiệp nội địa không phải làm thủ tục, trong khi điểm d tiếp tục quy định hàng hóa doanh nghiệp nội địa bán cho Doanh nghiệp chế xuất không có thuế xuất khẩu cũng không phải làm thủ tục. Hai quy định có khả năng giao thoa, cần được phân định rõ để tránh cách hiểu và áp dụng không thống nhất.	Tiếp thu, nội dung này đã được chỉnh lý tại dự thảo chỉ quy định các trường hợp doanh nghiệp được lựa chọn làm hoặc không làm thủ tục hải quan; các trường hợp không phải thực hiện thủ tục hải quan.
109.	**Liên quan đến DNCX**	UBND TP Hà Nội (Chi cục HQKV I - Công ty TNHH sản xuất may mặc Việt Nam)	Theo Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 được ban hành ngày 24/08/2026 và có hiệu lực từ 01/10/2026. Khoản 5 Điều 22 quy định : "máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong khu phi thuế quan được nhập khẩu vào nội địa trong trường hợp máy móc, thiết bị đó chưa qua sử dụng tại thời điểm đưa vào khu phi thuế quan." Trong khi đó, quy định hiện hành tại Nghị định 35/2022/NĐ-CP đang quy định DNCX được bán, thanh lý vào thị trường nội địa tài sản đã qua sử dụng và các hàng hóa theo quy định liên quan. Vậy DNCX có được áp dụng nghị định 35/2022/NĐ-CP hay không? Tại sao luật hải quan lại lồng vào luật phát triển đô thị?	Phạm vi áp dụng Luật Phát triển đô thị khác phạm vi áp dụng đối với DNCX. Do vậy, thủ tục thanh lý hàng hóa của DNCX thực hiện theo pháp luật về hải quan.
110.	**Liên quan đến DNCX**	UBND TP Hà Nội (Chi cục HQKV I - Công ty TNHH sản	Đối với sản phẩm lỗi, hỏng của DNCX chuyên sản xuất hàng SXXK nhưng vẫn còn giá trị sử dụng, sau khi DNCX tổ chức mở thầu và doanh nghiệp nội địa tham gia đấu thầu, trúng thầu, DNCX có được phép bán các sản phẩm này vào thị trường nội địa hay không?	Đây là câu hỏi vướng mắc, không phải nội dung góp ý Nghị định. Đề nghị Công ty có văn bản gửi Cục Hải quan để được hướng dẫn thực hiện.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		xuất may mặc Việt Nam)	Trong trường hợp được phép, doanh nghiệp cần thực hiện thủ tục hải quan như thế nào, bao gồm loại hình tờ khai, chính sách thuế và các thủ tục liên quan?	
111.	***Điều 46.*** **Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan** *4. Người khai hải quan được thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải trong quá trình vận chuyển tại địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan; kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ và các địa điểm khác theo quy định tại Điều 22 Luật Hải quan; và thông báo cho cơ quan hải quan nơi quản lý kho, bãi, địa điểm chậm nhất 02 giờ trước khi thực hiện.*	UBND tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh Tuyên Quang (Chi cục HQKV XVI)	Đề nghị quy định trường hợp chuyển tải ngoài địa điểm được công nhận thì phải thông báo và được sự đồng ý của cơ quan hải quan trước khi thực hiện (trường hợp PTVT gặp sự cố trên tuyến đường vận chuyển). Căn cứ đề xuất: Khoản 4 Điều 64 Luật Hải quan *"Trong thời gian vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, nếu người khai hải quan thực hiện việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức vận tải hoặc các công việc khác thì phải thông báo và được sự đồng ý của cơ quan hải quan trước khi thực hiện. Cơ quan hải quan có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 02 giờ kể từ khi nhận được thông báo của người khai hải quan".*	Quy định pháp luật hiện tại chỉ cho phép hoạt động *chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức vận tải được thực hiện tại các địa điểm theo quy định pháp luật (kho ngoại quan, CFS, khu vực cửa khẩu).* Do vậy, việc đưa quy định cho phép hoạt động này thực hiện tại các địa điểm chưa được công nhận là không phù hợp.
112.	**Khoản 4 Điều 46**	Bộ Xây dựng	Khoản 4 Điều 46 (chuyển tải, thay đổi phương thức và phương tiện vận tải): Đề nghị bổ sung cơ chế thông báo ngay sau khi phát sinh đối với trường hợp sự cố, tai nạn, thiên tai hoặc yêu cầu bảo đảm an toàn hàng hóa, phương tiện khiến không thể thông báo trước 02 giờ; quy định rõ việc cập nhật thông tin trên hệ thống để không gián đoạn vận tải đa phương thức, để bảo đảm tính rõ ràng, khả thi trong quá trình triển khai, thực hiện.	Tiếp thu ý kiến. Nội dung này đã được quy định tại dự thảo Thông tư.
113.	**Điều 47. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh** *1. Hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bao gồm:* *a) Hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ đất liền Việt Nam;*	UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND tỉnh Sơn La	Đề xuất bỏ cụm từ "đất liền" tại quy định "Hàng hóa quá cảnh qua lãnh thổ đất liền Việt Nam". Lý do: Để đảm bảo đồng bộ với quy định về quá cảnh theo Luật Thương mại, Luật quản lý ngoại thương	Tiếp thu ý kiến.
114.	**Khoản 2, 3 Điều 47**	Bộ Công Thương	- Khoản 2 Điều 47 dự thảo Nghị định: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát làm rõ sự cần thiết quy định về thời gian quá cảnh	- Khoản 2 Điều 47: Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến góp ý của Bộ

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2. Thời gian hàng hóa quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật quản lý ngoại thương. ***3. Quy định về đóng ghép hàng hóa quá cảnh với hàng xuất khẩu:*** *Hàng hóa quá cảnh được đóng ghép với hàng hóa xuất khẩu nếu đáp ứng các điều kiện sau:* ***a)** Hàng hóa quá cảnh và hàng hóa xuất khẩu phải được đóng gói riêng biệt (kiện, thùng, bao bì) và có đánh dấu để nhận biết;* ***b)** Hàng hóa quá cảnh phải không thuộc danh mục mặt hàng thuộc thẩm quyền cho phép quá cảnh của Thủ tướng Chính phủ;* ***c)** Việc đóng ghép phải thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ hoặc địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh **và được thực hiện sau khi đã thông báo cho cơ quan hải quan nơi quản lý kho, bãi, địa điểm đóng ghép chậm nhất 02 giờ trước khi thực hiện***		tại dự thảo Nghị định. Vì các nội dung này đã được quy định tại Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương. - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại các trường hợp hàng hóa quá cảnh tại khoản 3 Điều 47 dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất với quy định tại pháp luật quản lý ngoại thương (theo quy định của Nghị định số 292/2026/NĐ-CP hiện không còn danh mục mặt hàng thuộc thẩm quyền cho phép quá cảnh của Thủ tướng Chính phủ).	Công Thương và xin giải trình như sau: Việc dẫn chiếu thời gian quá cảnh theo Luật Quản lý ngoại thương để tạo cơ sở pháp lý trực tiếp cho cơ quan hải quan thực hiện giám sát hàng hóa quá cảnh. Quy định tại một Điều này giúp minh bạch hóa thủ tục, hỗ trợ doanh nghiệp và cơ quan hải quan dễ dàng nghiên cứu, áp dụng. Ngoài ra, nội dung này hoàn toàn không phát sinh quy định mới. - Khoản 3 Điều 47: Bộ Tài chính tiếp thu theo hướng sửa đổi như sau *(Điều 47 dự thảo gửi lấy ý kiến nay đã chuyển thành Điều 41)*: ***b)** Hàng hóa quá cảnh phải không thuộc danh mục -hàng hóa **có độ nguy hiểm cao do Chính phủ quy định** và không phải là vũ khí, **vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ.***
115.	**Mục 8.** Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác; **Chương III.** Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định liên quan đến phế liệu nhập khẩu tại Mục 8 Chương III dự thảo Nghị định, cụ thể như sau: "Đối với phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, cơ quan hải quan thực hiện thủ tục kiểm tra, giám sát hải quan trên cơ sở các điều kiện, hồ sơ và thông tin theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.". Đồng thời, rà soát, bổ sung quy định liên quan đến cơ chế trao đổi dữ liệu điện tử giữa cơ quan hải quan và cơ quan quản lý môi	Dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc chung về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh (không quy định riêng đối với từng mặt hàng cụ thể).

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			trường về doanh nghiệp, chủng loại, khối lượng, nguồn gốc và tình trạng pháp lý của phế liệu nhập khẩu.	Ngoài ra, các nội dung về hồ sơ hải quan, thủ tục hải quan, giám sát hải quan tại Thông tư hiện hành cũng như dự thảo Thông tư (thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC và 121/2025/TT-BTC) đã quy định về giấy phép, điều kiện theo pháp luật về quản lý chuyên ngành cũng như việc giám sát hải quan đối với các loại hàng hóa đặc thù. Như vậy, quy định hiện hành đã đáp ứng yêu cầu quản lý chặt chẽ, không cần thiết bổ sung vào dự thảo Nghị định.
116.	***Điều 50.*** **Thủ tục hải quan, kiểm tra hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại** **Điểm b khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều 50**	UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Cà Mau (Chi cục HQKV XIX)	Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, xem xét quy định tại Điểm b khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều 50 "1...*b) Nhập khẩu trở lại để tiêu hủy tại Việt Nam.* ***Hàng hóa gia công*** *cho thương nhân nước ngoài đã xuất khẩu* ***không được nhập khẩu trở lại để tiêu hủy;*** *4...a) Đối với* ***sản phẩm sửa chữa, tái chế là hàng gia công****, sản xuất xuất khẩu: Làm thủ tục hải quan để tiêu thụ nội địa hoặc tiêu hủy"* Lý do: Xét về bản chất thì vẫn cho phép hàng gia công được nhập trở lại để tiêu hủy tại Việt Nam, vì vậy nếu quy định như dự thảo, sẽ có khả năng bị doanh nghiệp lợi dụng. Vì vậy, đề xuất xem lại quy định tại hai điểm này.	Đối với toàn bộ Điều 50 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 44), Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến tham gia và chỉ quy định nguyên tắc tại Nghị định này, thủ tục chi tiết được chuyển hướng dẫn tại Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính; theo đó, bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa của chính tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu để thực hiện các mục đích khác nhau, cụ thể: *1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa. *2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* *3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.*
117.	**Điểm c khoản 1 Điều 50.** ***1. Hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại quy định tại Điều này là hàng hóa chưa qua sử dụng, bao gồm các trường hợp:*** ***ậ*** ***ẫ*** ***ở*** ***ạ*** ***i*** ***đ*** ***ề*** ***ụ*** ***ộ*** ***i*** ***d***	UBND TP Bắc Ninh (CCHQ KV V-Tập đoàn Samsung tại Việt Nam)	Đề xuất bổ sung điểm c khoản 1 Điều 50 các trường hợp tái nhập như sau: "c) Nhập khẩu trở lại để tiêu thụ nội địa, tái xuất, ***lưu kho hoặc tái sử dụng sản phẩm và linh kiện."*** - Lý do: Một số trường hợp sản phẩm khi nhập trở lại không thể tái xuất đúng sản phẩm đó mà phải bóc tách linh kiện, cụm linh kiện để sản xuất ra sản phẩm mới; Thực tế phát sinh có những trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu đi nhưng do các nước có các rào cản thương mại, điều tra nguồn gốc nguyên liệu không nhập khẩu hàng xuất từ Việt Nam, chính vì vậy doanh nghiệp đã phải tái nhập hàng để lưu kho chưa có kế hoạch xử lý đối với hàng hóa này.	Đối với toàn bộ Điều 50 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 44), Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến tham gia và chỉ quy định nguyên tắc tại Nghị định này, thủ tục chi tiết được chuyển hướng dẫn tại Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính; theo đó, bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa của chính tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu để thực hiện các mục đích khác nhau, cụ thể: *1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa. *2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* *3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.*
118.	**Khoản 1 Điều 50**	UBND TP Hải Phòng	Kiến nghị mở rộng các trường hợp phải nhập khẩu trở lại cho phù hợp với thực tế (tái nhập để làm nguyên liệu sản xuất, tái nhập để nghiên cứu, thử nghiệm...) Lý do: Phù hợp với thực tiễn.	Đối với toàn bộ Điều 50 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 44), Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến tham gia và chỉ quy định nguyên tắc tại Nghị định này, thủ tục chi tiết được chuyển hướng dẫn tại Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính; theo đó, bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa của chính tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu để thực hiện các mục đích khác nhau, cụ thể: *1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa. *2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* *3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.*
119.	**Khoản 3 Điều 50**	UBND TP Hải Phòng	**Kiến nghị:** Xem xét bỏ nội dung về thời hạn tiêu hủy đối với trường hợp nhập khẩu trở lại để tiêu hủy tại Việt Nam. Trường hợp giữ nguyên quy định thì cần hướng dẫn rõ việc theo dõi, đôn đốc, xử lý. **Lý do:** Đối với các trường hợp TNTX, TXTN thì cơ quan hải quan sẽ theo dõi được thời hạn TXTN, tuy nhiên trường hợp tái nhập để tiêu hủy cơ quan hải quan không theo dõi (người khai hải quan tự khai và chịu trách nhiệm về mục đích nhập khẩu).	Đối với toàn bộ Điều 50 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 44), Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến tham gia và chỉ quy định nguyên tắc tại Nghị định này, thủ tục chi tiết được chuyển hướng dẫn tại Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính; theo đó, bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa của chính tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu để thực hiện các mục đích khác nhau, cụ thể: *1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa. *2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* *3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.*
120.	**Điểm c khoản 4 Điều 50.** *4. Xử lý hàng hóa **bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế** không tái xuất được:* *c) Đối với sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu tái nhập **để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế** nhưng chỉ sử dụng được một phần nguyên liệu, vật tư để tiếp tục sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu (cùng hoặc khác chủng loại sản phẩm) thì phải theo dõi, xây dựng định mức riêng cho các mã sản phẩm sau sửa chữa, tái chế. Phế liệu, phế phẩm, phế thải loại ra từ quá trình sửa chữa, tái chế được theo dõi, xử lý tương tự như phế liệu, phế phẩm, phế thải của hoạt*	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Theo quy định tại khoản 27 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường, "phế liệu là vật liệu được thu hồi; phân loại, lựa chọn từ những vật liệu, sản phẩm loại ra trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc tiêu dùng để sử dụng làm nguyên liệu cho một quá trình sản xuất khác". Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, làm rõ quy định tại điểm c khoản 4 Điều 50 dự thảo Nghị định và Điều 64 dự thảo Thông tư về "phế liệu" để đưa ra quy định phù hợp.	Đối với toàn bộ Điều 50 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 44), Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến tham gia và chỉ quy định nguyên tắc tại Nghị định này, thủ tục chi tiết được chuyển hướng dẫn tại Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính; theo đó, bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa của chính tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu để thực hiện các mục đích khác nhau, cụ thể: *1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	động gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu.			*lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa.* *2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* *3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.*
121.	**Khoản 4 Điều 50**	UBND TP Bắc Ninh (CCHQ KV V-Tập đoàn Samsung tại Việt Nam)	- Đề xuất 1: + Không quản lý thời gian 12 tháng đối với lượng nguyên vật liệu, bán thành phẩm thu được sau bóc tách sản phẩm tái nhập, mà lượng này được quản lý theo đúng Aging. + Doanh nghiệp được sử dụng định mức sử dụng chung theo mã nguyên vật liệu, bán thành phẩm; không phải tách riêng định mức của nguyên vật liệu, bán thành phẩm thu được sau bóc tách với định mức nguyên vật liệu mua mới. Lý do: Sản phẩm tái nhập nhưng không thể sửa chữa, công ty tiến hành bóc tách để tái sử dụng lại nguyên vật liệu, bán thành phẩm (nguyên vật liệu và bán thành phẩm có mã quản trị đồng nhất với mã NVL và BTP trước kia đã sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu). Toàn bộ lượng NVL, BTP bóc tách được sẽ được nhập lại kho và bắt đầu chu trình quản lý xuất nhập tồn, sử dụng cho sản xuất cùng với lượng NVL, BTP có cùng mã hàng. Định mức được thiết kế từ trước theo các mã hàng NVL, BTP theo quản trị. - Đề xuất 2: sửa cụm từ "tái nhập" để bảo hành, bảo dưỡng thành "tạm nhập".	Đối với toàn bộ Điều 50 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 44), Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến tham gia và chỉ quy định nguyên tắc tại Nghị định này, thủ tục chi tiết được chuyển hướng dẫn tại Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính; theo đó, bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa của chính tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu để thực hiện các mục đích khác nhau, cụ thể: *1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Lý do: Để thống nhất với nội dụng tại điểm a khoản 1 Điều 50	*lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa.* *2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* *3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.*
122.	**Điều 50 Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại**	UBND TP Hà Nội (Chi cục HQKV I - Công ty TNHH Toto Việt Nam)	Thực tế DN phát sinh trường hợp: DN xuất khẩu sản phẩm A ra nước ngoài. Tuy nhiên, linh kiện a trong sản phẩm A bị hỏng, lỗi. DN muốn tái nhập riêng linh kiện a để điều tra nguyên nhân lỗi sau đó tiêu hủy Căn cứ quy định tại Dự thảo thì không có hướng dẫn cho trường hợp DN chỉ tái nhập 1 phần a của sản phẩm xuất khẩu A ban đầu Kiến nghị: DN kiến nghị bổ sung hướng dẫn về thủ tục hải quan cho trường hợp tái nhập 1 phần sản phẩm xuất khẩu và loại hình tờ khai phù hợp cho trường hợp này.	Đối với toàn bộ Điều 50 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 44), Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến tham gia và chỉ quy định nguyên tắc tại Nghị định này, thủ tục chi tiết được chuyển hướng dẫn tại Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính; theo đó, bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa của chính tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu để thực hiện các mục đích khác nhau, cụ thể: *1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa. *2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* *3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.*
123.	**Điều 50**	Bộ Công Thương	- Điều 50 dự thảo Nghị định quy định: Hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại quy định tại Điều này là hàng hóa chưa qua sử dụng, bao gồm các trường hợp: Tạm nhập để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế hoặc tái chế ra sản phẩm khác sau đó tái xuất. - Tại dự thảo Tờ trình có thuyết minh lý do sửa đổi, bổ sung Điều 50 dự thảo Nghị định là để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 16 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương về tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác. - Tại điểm h khoản 1 Điều 53 dự thảo Nghị định quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế hoặc để sử dụng vì mục đích khác theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. Do đó, để đảm bảo thống nhất trong quá trình thực thi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo: làm rõ phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 50 dự thảo Nghị định là hoạt động nhập khẩu hay tạm nhập, tái xuất để đảm bảo thống nhất giữa nội hàm và tên Điều; thủ tục	Đối với toàn bộ Điều 50 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 44), Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến tham gia và chỉ quy định nguyên tắc tại Nghị định này, thủ tục chi tiết được chuyển hướng dẫn tại Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính; theo đó, bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa của chính tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu để thực hiện các mục đích khác nhau, cụ thể: *1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác tại Điều 16 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP là thực hiện theo quy định tại Điều 50 hay Điều 53 dự thảo Nghị định, trong đó đề nghị lưu ý quy định về tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác tại Nghị định 292/2026/NĐ-CP được thiết kế theo từng trường hợp, mục đích tạm nhập, không căn cứ theo tình trạng hàng hóa đã sử dụng hay chưa sử dụng.	*lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa.* *2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* *3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.*
124.	**Điều 50.**	UBND TP Đồng Nai	***1. Hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại quy định tại Điều này là hàng hóa chưa qua sử dụng, bao gồm các trường hợp:*** ***a) Tạm nhập để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế hoặc tái chế ra sản phẩm khác sau đó tái xuất;*** ***b) Nhập khẩu trở lại để tiêu hủy tại Việt Nam.*** *Hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài đã xuất khẩu không được tái nhập để tiêu hủy;* ***c) Nhập khẩu trở lại để tiêu thụ nội địa hoặc tái xuất.*** ***2. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu chưa qua sử dụng phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại*** *Mục 5 Chương này; Người khai hải quan không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* ***3.*** *Đối với hàng hóa nhập* ***khẩu trở lại*** *để tiêu huỷ* ***hoặc tạm nhập để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế*** *sau đó tái xuất hoặc* ***tạm*** *nhập để tái xuất* ***cho đối tác nước ngoài khác*** *hoặc xuất*	Đối với toàn bộ Điều 50 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 44), Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến tham gia và chỉ quy định nguyên tắc tại Nghị định này, thủ tục chi tiết được chuyển hướng dẫn tại Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính; theo đó, bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa của chính tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu để thực hiện các mục đích khác nhau, cụ thể: *1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			*khẩu vào khu phi thuế quan, thời hạn tiêu huỷ, **bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế,** tái xuất không quá 12 tháng kể từ ngày đăng ký tờ khai **tạm** nhập, trừ trường hợp hàng hóa đặc thù, theo yêu cầu của chu trình sản xuất có thời gian **bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế** quá 12 tháng thì cơ quan hải quan quyết định **thời hạn** theo thỏa thuận của các bên.* *Người khai hải quan chưa phải nộp thuế trong thời hạn sửa chữa, tái chế, nếu quá thời hạn sửa chữa, tái chế đã đăng ký mà chưa tái xuất thì người nộp thuế phải làm thủ tục hải quan kê khai nộp thuế như hàng tái nhập để tiêu thụ nội địa.* ***4.** Xử lý hàng hóa **bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế** không tái xuất được:* *a) Đối với sản phẩm **bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế** là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu: Làm thủ tục hải quan để tiêu thụ nội địa hoặc tiêu hủy như sau:* *Trường hợp tiêu thụ nội địa phải kê khai, nộp thuế đối với nguyên liệu, vật tư (bao gồm cả vật tư làm bao bì hoặc bao bì để đóng gói sản phẩm xuất khẩu), linh kiện, bán thành phẩm nhập khẩu trực tiếp cấu thành sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để đóng gói, dán nhãn hoặc gắn, lắp ráp vào sản phẩm xuất khẩu hoặc đóng chung thành mặt hàng đồng bộ với sản phẩm xuất khẩu; Sau khi hoàn thành thủ tục tờ khai thay đổi mục đích sử dụng, cơ quan hải quan sẽ tất toán tờ khai tạm nhập trên hệ thống.* *Trường hợp tiêu hủy, sau khi cơ quan hải quan giám sát, trên cơ sở Biên bản giám sát tiêu hủy có xác nhận của các bên theo quy định, cơ quan hải quan sẽ tất toán tờ khai tạm nhập trên hệ thống.* *b) Đối với sản phẩm **bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế** không phải là hàng gia công, sản xuất xuất khẩu: trên cơ sở văn bản thông báo của người khai hải quan,cơ quan hải quan sẽ tất toán tờ khai tạm nhập trên hệ thống.*	*lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa.* *2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* *3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			~~***thì chuyển tiêu thụ nội địa*** *như hàng hóa tái nhập để tiêu thụ nội địa. Việc xử lý về thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế;*~~ *c) Đối với sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu tái nhập* ***để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế*** *nhưng chỉ sử dụng được một phần nguyên liệu, vật tư để tiếp tục sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu (cùng hoặc khác chủng loại sản phẩm) thì phải theo dõi, xây dựng định mức riêng cho các mã sản phẩm sau sửa chữa, tái chế. Phế liệu, phế phẩm, phế thải loại ra từ quá trình sửa chữa, tái chế được theo dõi, xử lý tương tự như phế liệu, phế phẩm, phế thải của hoạt động gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu.* *5. Trường hợp hàng hóa tạm nhập là sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã được miễn thuế nhập khẩu; hàng hóa xuất khẩu có nguồn gốc nhập khẩu được hoàn thuế nhập khẩu thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập thông báo cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục báo cáo quyết toán hoặc nơi làm thủ tục hoàn thuế biết (nếu là hai cơ quan hải quan khác nhau) về trường hợp không tái xuất được hoặc trường hợp quá thời hạn* ***quy định tại khoản 3 Điều này*** *để xử lý thuế theo quy định.* ***6. Trường hợp hàng hóa quy định tại Điều này đã qua sử dụng tại nước ngoài hoặc khu phi thuế quan của chính thương nhân tạm nhập, tái xuất để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài thì thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định này.***	
125.	**Tái nhập hàng xuất khẩu; Tạm nhập tái xuất: Điều 50, 53**	UBND TP Đồng Nai	- Theo Điều 50 của dự thảo, đối với **hàng hóa tạm nhập tái xuất chưa qua sử dụng**: + Thời hạn bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, tái xuất không quá 12 tháng kể từ ngày đăng ký tờ khai tạm nhập. ÷ Gia hạn thời hạn TNTX: không quy định. - Theo Điều 53 của dự thảo, đối với **hàng hóa tạm nhập tái xuất đã qua sử dụng**:	Đối với toàn bộ Điều 50 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 44), Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến tham gia và chỉ quy định nguyên tắc tại Nghị định này, thủ tục chi tiết được chuyển hướng dẫn tại Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính; theo đó, bổ sung

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			+ Thời hạn bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, tái xuất theo thỏa thuận của thương nhân với đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan. + Gia hạn thời hạn TNTX: người khai hải quan được phép gia hạn thời hạn TNTX trước khi hết thời hạn TNTX, không giới hạn số lần xin gia hạn nhưng phải đảm bảo thời gian gia hạn không được quá thời hạn thực hiện dự án đầu tư. - Theo điều 16 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP hướng dẫn về gia hạn thời hạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập theo Điều 41 Luật quản lý ngoại thương: + Thời hạn TNTX: thời hạn tạm nhập, tái xuất thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập (khoản 3, điều 41 Luật quản lý Ngoại thương) + Gia hạn thời hạn TNTX: Mỗi lô hàng tạm nhập, tái xuất được thực hiện không quá 02 lần gia hạn. ***Kiến nghị:** - Như vậy, có sự **không thống nhất nhau** về quy định thời hạn TNTX và số lần gia hạn thời hạn TNTX giữa Nghị định số 292/2026/NĐ-CP với Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan (gọi tắt là Dự thảo Nghị định). - Theo Dự thảo Nghị định, việc chia trường hợp chưa qua sử dụng và đã qua sử dụng dẫn đến khó thực hiện để xác định thuộc khoản 1 Điều 50 hay Điều 53 (ví dụ đưa linh kiện vào lắp ráp, sau đó kiểm tra sản phẩm không đạt tháo ra thì được xem là đã qua sử dụng không, nếu nhìn ngoại quan thì linh kiện vẫn mới). -Theo khoản 1 Điều 50 Dự thảo Nghị định, ***thời hạn tiêu huỷ, bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, tái xuất không quá 12 tháng kể từ ngày đăng ký tờ khai tạm nhập**, trừ trường hợp hàng hóa đặc thù, theo yêu cầu của CHU TRÌNH SẢN XUẤT có **thời gian bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế quá 12 tháng thì cơ quan hải quan quyết định thời hạn theo thỏa thuận của các bên**;	nguyên tắc tổ chức, cá nhân được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa của chính tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu để thực hiện các mục đích khác nhau, cụ thể: *1. Tổ chức, cá nhân đã xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan, xuất khẩu tại chỗ được nhập khẩu trở lại một phần hoặc toàn bộ hàng hóa.* *2. Thủ tục hải quan nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành, trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác.* *3. Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.* *4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			+ Trường hợp cung cấp Quy trình bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thể hiện các công đoạn và thời gian thực hiện (vậy có thuộc yêu cầu của *CHU TRÌNH SẢN XUẤT* nêu trên không? + Sau khi tạm nhập, qua phân tích kiểm tra xác định nguyên nhân sản phẩm lỗi, mức độ phức tạp cần sửa chữa thuộc công đoạn nào theo Quy trình bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế (quá 12 tháng mới khắc phục xong), đối tác vẫn yêu cầu thương nhân khắc phục, sửa chữa. Nhưng Dự thảo không quy định cho phép gia hạn theo thỏa thuận của thương nhân và đối tác). <u>- Kiến nghị của HQ KCX Long Bình</u>: + Thời hạn TNTX: thời hạn tạm nhập, tái xuất thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với bên đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập (như quy định tại Nghị định số 292/2026/NĐ-CP) + Gia hạn thời hạn TNTX: người khai hải quan được phép gia hạn thời hạn TNTX trước khi hết thời hạn TNTX, không giới hạn 02 lần xin gia hạn (như quy định tại Nghị định số 292/2026/NĐ-CP) nhưng phải đảm bảo thời gian gia hạn không được quá thời hạn thực hiện dự án đầu tư. + Trong trường hợp vẫn giữ nguyên nội dung như khoản 1 Điều 50, đề nghị bổ sung nội dung sau: *đối với trường hợp đặc thù, theo yêu cầu của QUY TRÌNH* <u>bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế</u> *có thời gian bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế quá 12 tháng:* ***<u>Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập thì cơ quan hải quan quyết định gia hạn thời hạn theo thỏa thuận của các bên</u>***.	
126.	**Điều 51. Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải *xuất khẩu***	UBND tỉnh An Giang (Chi cục HQKV XX-Công ty Fashion Garments Mekong)	Các hình thức xuất khẩu hàng hóa đã nhập khẩu bao gồm: xuất trả cho khách ở nước ngoài, xuất sang nước thứ 3 hoặc vào khu phi thuế quan nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể cho hình thức xuất khẩu hàng hóa (nguyên phụ liệu) có nguồn gốc nội địa. Một số Hải quan địa phương chấp nhận cho xuất loại hình B11 (xuất kinh doanh khác), nhưng một số nơi không chấp nhận và yêu cầu điều chỉnh Giấy phép kinh doanh có thể hiện nội dung được kinh doanh nguyên phụ liệu. Việc này cũng gây bất lợi cho DN vì	Điều 51 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 45) sửa đổi, bổ sung Điều 48 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định về thủ tục hải quan đối với 02 trường hợp: (1) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan vì một số nguyên nhân phải

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			không thể thanh lý NPL để bù lỗ trong trường hợp khách hàng hủy/giảm đơn hàng. Đề xuất: bổ sung các quy định được xuất khẩu NPL có nguồn gốc nội địa không còn sử dụng và các chứng từ cần giải trình cụ thể để phía cơ quan HQ có đủ cơ sở duyệt hồ sơ xuất khẩu cho các DN SXXK.	tái xuất khẩu (trả lại cho người bán hoặc xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan); (2) Trường hợp hàng hóa chưa làm thủ tục nhập khẩu, đang chịu sự giám sát hải quan bị buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc người vận tải hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất. Đối với trường hợp xuất khẩu nguyên phụ liệu có nguồn gốc nội địa không thuộc trường hợp thực hiện theo quy định tại Điều này. Đề nghị doanh nghiệp căn cứ thực tế hàng hóa xuất khẩu, mục đích khi xuất khẩu và Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ ngày 18/5/2021 của Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan) để xác định mã loại hình phù hợp.
127.	**Khoản 1 Điều 51**	UBND TP Hải Phòng	b) Xuất khẩu sang nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan **theo chỉ định của người bán ban đầu.** **Lý do:** Bổ sung để phân biệt trường hợp mua của một đối tác nước ngoài sau đó bán cho đối tác nước ngoài khác vì thuộc trường hợp "phải tái xuất" hoặc làm rõ khái niệm "phải tái xuất"	- Khoản 1 Điều này quy định đối với hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu nhưng vì một số lý do không được tiêu thụ tại Việt Nam và buộc phải xuất khẩu trả lại hoặc thay đổi mục đích xuất sang nước khác hoặc xuất vào khu phi thuế quan (ví dụ: hàng lỗi, hàng kém chất lượng, hàng không đúng hợp đồng...). - Việc một doanh nghiệp mua hàng từ đối tác nước ngoài này rồi

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				bán cho đối tác nước ngoài khác (hoặc vào khu phi thuế quan) là hoạt động kinh doanh thương mại, đã được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật thương mại, ngoại thương và hải quan. - Nếu bổ sung cụm từ "theo chỉ định của người bán ban đầu" vào điều khoản này sẽ làm thu hẹp quyền kinh doanh thương mại của doanh nghiệp. Tuy nhiên, **qua rà soát, để đảm bảo minh bạch, rõ ràng, Bộ Tài chính kết cấu lại Điều này như sau:** Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải *xuất khẩu* *1. Hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được xuất khẩu để trả cho người bán hoặc xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan: Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này.* *2. Hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan bị buộc tái xuất hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan hải quan thực hiện giám sát hàng hóa cho đến khi đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				Trường hợp hàng hóa là hàng cấm nhập khẩu, hàng tạm ngừng nhập khẩu thì phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu quốc tế. *3. Hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan mà người vận chuyển hoặc chủ hàng có văn bản đề nghị được tái xuất thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.* *Quy định tại khoản này không áp dụng đối với hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu và hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này.*
128.	**Điểm b khoản 2 Điều 53**	UBND TP Hải Phòng	Kiến nghị sửa thành: Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất, ***tạm xuất, tái nhập*** trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất, ***tạm xuất, tái nhập*** người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan. Đối với trường hợp tạm nhập, tạm xuất hàng hóa để thực hiện dự án thì thời gian gia hạn không được quá thời hạn thực hiện dự án đầu tư; ***Trường hợp quá thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, người khai hải quan chấp hành xử phạt vi phạm hành chính và thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập theo quy định.*** **Lý do:** Đảm bảo thống nhất và phù hợp với quy định về xử phạt vi phạm hành chính về áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tại Điều 8 Nghị định số 169/2026/NĐ-CP: a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa tạm nhập trong thời hạn thi hành quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 3, điểm a khoản 4 Điều	Không tiếp thu. - Cách viết "thời hạn tạm nhập, tạm xuất" đã bao quát là thời hạn tạm nhập hoặc thời hạn tạm xuất. Không cần thiết sửa thành "thời hạn tạm nhập, tạm xuất, tạm xuất, tái nhập" như kiến nghị. - Nội dung về trường hợp quá thời hạn tạm nhập, tái xuất liên quan đến pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, không cần thiết quy định tại Nghị định về thủ tục hải quan để tránh trùng lặp.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			này; ***trừ*** các trường hợp được phép tiêu thụ hàng hóa tại Việt Nam theo quy định của pháp luật quản lý ngoại thương và quy định khác của pháp luật có liên quan, ***trường hợp được gia hạn, kéo dài thời hạn tạm nhập tái xuất theo quy định của pháp luật quản lý ngoại thương, pháp luật hải quan;***	
129.	***Điều 53. Thủ tục hải quan, kiểm tra quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất***	UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Cà Mau (Chi cục HQKV XIX)	Đề nghị bổ sung quy định về **"Địa điểm lưu giữ"** đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất Lý do: Trong thời gian qua có phát sinh một số trường hợp doanh nghiệp tạm nhập hàng hóa thì công dự án tại địa điểm đăng ký, nhưng sau đó doanh nghiệp mang hàng đi nơi khác mà không thông báo với cơ quan hải quan trong khi hàng hóa vẫn đang chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến theo hướng nghiên cứu để bổ sung tại dự thảo Thông tư, đảm bảo nguyên tắc các nội dung hướng dẫn chi tiết sẽ được cụ thể hóa tại Thông tư nhằm thuận tiện cho người khai hải quan trong quá trình thực hiện.
130.	**Điều 53** *1. Các trường hợp tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất bao gồm:* *a) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất* *b) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ sản xuất, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, thử nghiệm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm;* *c) Tàu biển, tàu bay tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để sửa chữa, bảo dưỡng;* *d) Máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng, vật dụng tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay Việt Nam ở nước ngoài, tàu biển,*	Bộ Công Thương	- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại toàn bộ quy định tại Điều 53 dự thảo Nghị định để bảo đảm phân định rõ giữa thủ tục hải quan và chính sách quản lý hoạt động kinh doanh tạm nhập, tái xuất, tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác, tạm xuất, tái nhập. Các nội dung về chính sách quản lý đối với các loại hình này, diện mặt hàng, thời hạn lưu giữ, cửa khẩu tạm nhập, tái xuất và các điều kiện quản lý khác cần được quy định theo hướng dẫn chiếu đến Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP; dự thảo Nghị định này chỉ quy định về thủ tục, kiểm tra, giám sát hải quan. - Điểm a khoản 1 Điều 53 dự thảo Nghị định bổ sung "Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất" vào các trường hợp thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất. Qua rà soát, việc bổ sung hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất vào Điều 53 để quy định thống nhất về thủ tục hải quan là phù hợp về nguyên tắc. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các trường hợp tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập tại khoản 1 Điều 53 dự thảo Nghị định đảm bảo điều chỉnh đầy đủ các trường hợp tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác, tạm xuất, tái nhập tại Điều 16, 17 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP, trong đó cần lưu ý, mọi trường	Tiếp thu. Riêng về đối tượng, thời hạn, TNTX, TXTN quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 47 dự thảo Nghị định thì ngoài các trường hợp đã quy định tại Luật Quản lý ngoại thương và tại Điều 1 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP, tại dự thảo đã bổ sung các đối tượng: hàng hóa của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tạm nhập, tái xuất xe ô tô, xe gắn máy để phù hợp với Pháp lệnh ưu đãi miễn trừ.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	tàu bay nước ngoài neo đậu tại cảng Việt Nam; *d) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm;* *e) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định;* *g) Xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu miễn thuế của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ;* *h) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế hoặc để sử dụng vì mục đích khác theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương;* *2. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập:* *a) Thời hạn hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất được phép lưu giữ tại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngoại thương;* *b) Đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, h khoản 1 Điều này*		hợp tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác, tạm xuất, tái nhập đều phải tuân thủ quy định tại Điều 29 Luật Thương mại, Điều 41, 42 Luật Quản lý ngoại thương và khoản 6 Điều 16, khoản 7 Điều 17 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP. - Khoản 2 Điều 53 dự thảo Nghị định: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại toàn bộ nội dung tại khoản này, làm rõ cơ sở pháp lý, sự cần thiết quy định về thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập tại dự thảo Nghị định. Vì các nội dung này đã được quy định tại Điều 41, 42 Luật Quản lý ngoại thương, Điều 135, 135 Luật Thương mại. - Khoản 5 Điều 53 dự thảo Nghị định: Quy định về cửa khẩu tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập thuộc chính sách quản lý ngoại thương và hiện đã được quy định tại Nghị định số 292/2026/NĐ-CP, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc không quy định tại dự thảo Nghị định này theo hướng xác định hoặc mở rộng phạm vi cửa khẩu thực hiện hoạt động tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập. Đồng thời đề nghị rà soát quy định tại điểm b khoản 5 về việc xác định "cửa khẩu là khu phi thuế quan, kho ngoại quan hoặc khu chế xuất", bảo đảm phân biệt giữa cửa khẩu thực hiện hoạt động ngoại thương và địa điểm thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát hải quan. - Đề nghị rà soát nội dung thuyết minh tại Bảng so sánh, thuyết minh đảm bảo thống nhất với dự thảo Nghị định (nội dung thuyết minh về tên của Điều 53 hiện không khớp với dự thảo Nghị định).	

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thực hiện theo thỏa thuận của thương nhân với đối tác và đăng ký với cơ quan hải quan. *Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất, trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan. Đối với trường hợp tạm nhập, tạm xuất hàng hóa để thực hiện dự án thì thời gian gia hạn không được quá thời hạn thực hiện dự án đầu tư;* *c) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này thì thời hạn tái xuất, tái nhập như sau:* *c.1) Hàng hóa tạm nhập khẩu để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm tại Việt Nam phải được tái xuất khẩu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm đã đăng ký với cơ quan hải quan;* *c.2) Thời hạn tạm xuất khẩu hàng hóa để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm ở nước ngoài là 01 (một) năm kể từ ngày hàng hóa được tạm xuất khẩu; nếu quá thời hạn quy định tại điểm này mà chưa được tái nhập khẩu thì hàng hóa đó phải chịu thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.*			

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	d) Đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này: Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập theo thời hạn thực tế phát sinh công việc và phải đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp cần gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, tạm xuất đăng ký trên tờ khai hải quan, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan và nộp bản sao giấy tờ chứng minh việc kéo dài thời hạn phát sinh công việc cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất. *đ) Đối với trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều này:* *đ.1) Đối với cơ quan, tổ chức được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ: Thời hạn tạm nhập theo nhu cầu sử dụng trong thời gian hoạt động tại Việt Nam và khai trên tờ khai hải quan.* *đ.2) Đối với cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ: Thời hạn tạm nhập theo thời hạn công tác của cá nhân đó tại Việt Nam ghi trên giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp khai trên tờ khai hải quan.* *Trường hợp được gia hạn thời hạn công tác thì thời hạn tạm nhập của phương tiện được gia hạn tương ứng;*			

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	đ.3) Trường hợp gia hạn thời hạn tạm nhập thì trước khi hết thời hạn tạm nhập, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tờ khai hải quan. *...5. Cửa khẩu tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập* *a) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập được tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập qua các cửa khẩu theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Công Thương;* *b) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập nhưng tái xuất, tái nhập vào khu phi thuế quan, kho ngoại quan hoặc khu chế xuất thì cửa khẩu là khu phi thuế quan, kho ngoại quan hoặc khu chế xuất.*			
131.	***Điểm c.1 khoản 2 Điều 53*** *2. Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập:* *ạ* *ậ* *ầ* *u*	Bộ Quốc phòng	Tại điểm c.1 khoản 2 Điều 53, đề nghị nghiên cứu chỉnh lý theo hướng: Hàng hóa tạm nhập khẩu để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm tại Việt Nam phải được tái xuất khẩu trong thời hạn từ 45 đến 60 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm đã đăng ký với cơ quan hải quan. Lý do: Thủ tục tái xuất khẩu có thể bị kéo dài hơn 30 ngày do nhiều yếu tố khách quan.	Không tiếp thu. Lý do: Thời hạn tạm nhập tái xuất để tham dự hội chợ, triển lãm đã được quy định tại Luật Thương mại nên việc quy định khác tại Nghị định là không phù hợp.
132.	**Điều 53**	Bộ Ngoại giao	Về quy định gia hạn thời hạn tạm nhập khẩu xe ô-tô, xe gắn máy của đối tượng hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ, Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với quy định này, nhằm bảo đảm phù hợp với thời hạn tạm trú và chính sách thuế hiện hành, góp phần tăng cường quản lý các phương tiện này. Tuy nhiên, việc gia hạn thời hạn tạm nhập khẩu có thể làm phát sinh thủ tục hành chính, do sau khi được gia hạn thẻ tạm trú, chứng minh thư, chủ sở hữu xe còn phải thực hiện thủ tục gia hạn đăng	Theo quy định tại dự thảo Nghị định này thì cơ quan hải quan chỉ quản lý phương tiện của đối tượng ưu đãi miễn trừ bằng tờ khai theo chế độ tạm nhập (không thực hiện cấp giấy tạm nhập như hiện đang thực hiện), theo đó để đảm bảo quản lý của cơ quan hải quan cũng

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			ký, biển số xe tại cơ quan công an. Mặt khác, giấy đăng ký và biển số xe của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam cũng có thời hạn và phải gia hạn định kỳ. Do đó, đề nghị Quý Bộ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, cân nhắc hoàn thiện quy định tại khoản 2 Điều 53 dự thảo Nghị định theo hướng bảo đảm tính đồng bộ giữa các thủ tục, tránh phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết và đáp ứng yêu cầu quản lý thực tiễn.	như đồng nhất với quản lý của Bộ Ngoại giao, cơ quan cảnh sát giao thông thì trường hợp cá nhân được gia hạn thời hạn công tác, cơ quan khi kết thời hạn tạm nhập xe có nhu cầu tiếp tục sử dụng xe thì phải thực hiện thủ tục khai bổ sung tờ khai tạm nhập để cơ quan hải quan tiếp tục quản lý, cũng như để có cơ sở cho cơ quan công an tiếp tục gia hạn thời hạn lưu hành xe.
133.	**Điều 54. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu** *1. Hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu bao gồm các hình thức sau:* *a) Hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam;* *b) Hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, khu vực giám sát hải quan tại cảng Việt Nam;* *c) Hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu, có đưa vào khu vực kho bãi thuộc các cảng biển Việt Nam (không đưa vào kho ngoại quan).*	Bộ Công Thương	- Khoản 1 Điều 54 dự thảo Nghị định : Qua rà soát, khoản 2 Điều 30 Luật Thương mại đã quy định cụ thể các hình thức chuyển khẩu hàng hóa. Tuy nhiên, cách quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 54 dự thảo chưa hoàn toàn tương ứng với các hình thức chuyển khẩu được quy định tại Luật Thương mại. Mặt khác, Điều 54 dự thảo quy định về "Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu", do đó, việc quy định lại các hình thức kinh doanh chuyển khẩu đã được Luật Thương mại quy định là không cần thiết và có thể dẫn đến cách hiểu làm thay đổi hoặc thu hẹp phạm vi các hình thức chuyển khẩu theo Luật. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bãi bỏ khoản 1 Điều 54 dự thảo Nghị định và dẫn chiếu đến quy định của pháp luật về thương mại, quản lý ngoại thương. Trường hợp cần phân loại hàng hóa chuyển khẩu để quy định thủ tục, kiểm tra, giám sát hải quan thì đề nghị sử dụng đúng các hình thức chuyển khẩu quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Thương mại, không quy định lại theo cách làm thay đổi nội dung của Luật. - Khoản 2 Điều 54 dự thảo quy định: "Hàng hóa kinh doanh theo phương thức chuyển khẩu quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam tại cửa khẩu nhập."	Tiếp thu. Sửa đổi khoản 1 theo hướng dẫn chiếu các trường hợp kinh doanh chuyển khẩu đã được quy định tại pháp luật về thương mại, quản lý ngoại thương.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2. Hàng hóa kinh doanh theo phương thức chuyển khẩu quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này phải đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam tại cửa khẩu nhập.		Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định này để bảo đảm thống nhất với Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 292/2026/NĐ-CP. Việc xác định cửa khẩu đưa hàng hóa chuyển khẩu vào, đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam là nội dung thuộc chính sách quản lý hoạt động chuyển khẩu, không chỉ là biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan. Do đó, đề nghị quy định theo hướng cửa khẩu thực hiện hoạt động chuyển khẩu được thực hiện theo pháp luật về quản lý ngoại thương; Nghị định này chỉ quy định về thủ tục, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa chuyển khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam.	
134.	**Điều 55. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế** *3. ....Trong thời gian tạm dừng hoạt động, doanh nghiệp có trách nhiệm bảo đảm nguyên trạng hàng hóa, cơ quan hải quan thực hiện giám sát lượng hàng hóa tồn tại địa điểm, không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra tại địa điểm. Trong thời gian tạm dừng, doanh nghiệp phải khắc phục đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp không khắc phục, cơ quan hải quan thông báo chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, yêu cầu doanh nghiệp tái xuất hàng hóa hoặc thay đổi mục đích sử dụng và xử lý vi phạm theo quy định; sau khi đã khắc phục các tiêu chuẩn, doanh nghiệp thông báo hoạt động trở lại theo*	UBND tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh Tuyên Quang (Chi cục HQKV XVI)	Về địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, dự thảo ghi nhận: *"Trong thời gian tạm dừng, doanh nghiệp phải khắc phục đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn...; trường hợp không khắc phục, cơ quan hải quan thông báo chấm dứt hoạt động...".* Theo đó, để đảm bảo thống nhất thực hiện trong thực tế, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định về **thời hạn** mà doanh nghiệp không khắc phục thì cơ quan hải quan thông báo chấm dứt hoạt động.	Tiếp thu ý kiến và bổ sung tại khoản 3 Điều 55 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến *(nay là Điều 49).*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.			
135.	***Điều 57.* Thủ tục hải quan, *kiểm* đối với hành lý của người nhập ảnh vượt quá định mức miễn ế; hành lý của người xuất cảnh, ập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi** *3. Hành lý của người nhập cảnh có tổng trị giá hải quan vượt định mức miễn thuế quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định ... (**Nghị định thay thế Nghị định** số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016) của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật, có tổng trị giá hải quan không quá 20.000.000 đồng Việt Nam hoặc hành lý là vật nguyên chiếc, nguyên đơn vị sản phẩm có tổng trị giá hải quan vượt quá 20.000.000 đồng khi làm thủ tục nhập khẩu không phải có giấy phép nhập khẩu.*	Bộ Khoa học và Công nghệ	**Tại khoản 3 Điều 57:** Đề nghị quy định rõ hơn từng trường hợp để tránh hiểu sai khi áp dụng; đồng thời làm rõ việc không phải có giấy phép nhập khẩu tại khoản này có bao gồm việc miễn kiểm tra chuyên ngành hay không.	Không tiếp thu. Các trường hợp cụ thể đã được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, do đó không liệt kê lại tránh trùng lặp. Đối với quy định về miễn kiểm tra chuyên ngành đã được quy định ở các văn bản pháp luật riêng về từng lĩnh vực KTCN. Do vậy không bổ sung tại dự thảo Nghị định này.
136.	**Điều 57. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát đối với hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mực miễn thuế; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi**	UBND TP Hà Nội (Chi cục HQKV I - Công ty Thần Tốc)	*"4. Hành lý của người nhập cảnh thuộc danh mục mặt hàng phải có giấy phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật có tổng trị giá vượt mức quy định tại khoản 3 Điều này, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, người nhập cảnh phải có giấy phép nhập khẩu hàng hóa Trường hợp không có giấy phép nhập khẩu, cơ quan hải quan xử lý theo quy định"*	Không tiếp thu. Lý do: Nội dung kiến nghị chưa rõ. Thực tế các quy định hiện hành không có vướng mắc phát sinh

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Nếu là hàng đơn chiếc, nguyên đơn vị sản xuất có tổng trị giá hải quan vượt quá định mức miễn thuế được miễn thì phải có giấy phép nhập khẩu quy định tại Điều 57 đối với người xuất cảnh, nhập cảnh.	
137.	***Điều 57.* Thủ tục hải quan, *kiểm* đối với hành lý của người nhập ảnh vượt quá định mức miễn ế; hành lý của người xuất cảnh, ập cảnh gửi trước, gửi sau chuyến đi** *ủ tục nhập khẩu hành lý quy định tại người xuất cảnh, nhập cảnh thì không được áp dụng tiêu chuẩn ản 1 Điều 6 Nghị định ... (Nghị định thay thế Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 quy định tại khoản 4 Điều này.*	UBND TP Huế	Khoản 5 Điều 57: đề nghị làm rõ hậu quả pháp lý đối với trường hợp người nhập cảnh làm thủ tục đối với hành lý vượt định mức nhưng không có tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh; trong đó quy định rõ việc xử lý vi phạm, chính sách thuế và chính sách quản lý hàng hóa tương ứng, tránh cách hiểu chỉ không được hưởng định mức miễn thuế nhưng không xử lý hành vi không khai hải quan.	Việc khai Tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh không áp dụng bắt buộc đối với mọi trường hợp người nhập cảnh mà chỉ áp dụng đối với các trường hợp thuộc diện phải khai hải quan theo quy định. Tờ khai hải quan là căn cứ để cơ quan hải quan xem xét, áp dụng định mức miễn thuế đối với hành lý của người nhập cảnh thuộc diện phải khai báo. Do đó, khoản 5 Điều 51 dự thảo Nghị định đã quy định rõ trường hợp không có tờ khai thì không được áp dụng định mức miễn thuế và phải thực hiện chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu theo quy định. Trường hợp người nhập cảnh có hành lý thuộc diện phải khai hải quan nhưng không thực hiện khai báo thì việc xử lý vi phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan. Do đó, không cần thiết bổ sung nội dung xử lý vi phạm tại khoản 5 Điều này.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
138.	***Điều 58. Xử lý* hành lý *bị* thất lạc, ẩm lẫn** 2. Đối với hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh qua đường hàng không thất lạc, nhầm lẫn: Doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc đại diện doanh nghiệp vận chuyển có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan bản kê hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn. Cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với ***doanh nghiệp vận chuyển và doanh nghiệp kinh doanh cảng*** thực hiện kiểm tra qua máy soi hành lý trước khi đưa hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn vào khu vực lưu giữ ***và xử lý như sau:*** a) Trường hợp kiểm tra không phát hiện ***dấu hiệu vi phạm hoặc*** vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế thì giao doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc đại diện doanh nghiệp vận chuyển để chuyển trả cho người xuất cảnh, nhập cảnh; b) Trường hợp kiểm tra phát hiện ***dấu hiệu vi phạm hoặc*** vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế thì cơ quan hải quan thực hiện niêm phong ***và bàn giao cho doanh nghiệp kinh doanh cảng*** đưa vào khu vực lưu giữ hành lý thất lạc, nhầm lẫn.	UBND TP Huế	**Khoản 2 Điều 58**: đề nghị hoàn thiện quy trình xử lý hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn theo hướng cơ quan hải quan phối hợp với doanh nghiệp vận chuyển, doanh nghiệp kinh doanh cảng kiểm tra qua máy soi trước; trường hợp có dấu hiệu vi phạm hoặc cần xác định số lượng hàng hóa vượt định mức thì thực hiện kiểm tra thực tế theo quy định. Cách quy định này vừa bảo đảm kiểm soát hải quan, vừa tránh yêu cầu kiểm tra thực tế đối với mọi trường hợp.	Khoản 2 Điều 52 dự thảo Nghị định đã quy định cơ quan hải quan phối hợp với hãng hàng không và người khai thác cảng hàng không thực hiện kiểm tra hành lý thất lạc, nhầm lẫn qua máy soi để phân loại, xử lý. Theo đó, chỉ những trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc vượt tiêu chuẩn định mức miễn thuế mới thực hiện niêm phong, lưu giữ để kiểm tra thực tế khi người xuất cảnh, nhập cảnh nhận lại hành lý; không yêu cầu kiểm tra thực tế đối với tất cả các trường hợp. Do đó, nội dung kiến nghị đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định, đề nghị giữ nguyên quy định tại khoản 2 Điều 52.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	ận lại hành lý thất lạc, nhầm lẫn, *cơ ở n g* .			
139.	**Về trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không tại khoản 1 Điều 61:**	Bộ Xây dựng	- Khoản 1 Điều 61 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không trong việc cung cấp cho cơ quan hải quan các thông tin liên quan đến tàu bay, chuyến bay, vị trí đỗ tàu bay, cửa vào của hành khách, thời gian xếp, dỡ hàng hóa và chia sẻ dữ liệu thông tin từ hệ thống camera, hệ thống máy soi tại nhà ga quốc tế. Qua đối chiếu Bản so sánh, thuyết minh, các nội dung này cơ bản được kế thừa từ quy định hiện hành. Tuy nhiên, Bộ Xây dựng rà soát các quy định pháp luật về hàng không dân dụng hiện hành, theo đó đã quy định cụ thể về các chủ thể. Vì vậy, để bảo đảm thống nhất với pháp luật về hàng không dân dụng, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ cụm từ tại dự thảo để thay thế cụm từ "doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không" thành cụm từ "doanh nghiệp cảng hàng không, người khai thác cảng hàng không" để phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 2 Luật số 130/2025/QH15. - Điểm c khoản 1 Điều 61: đề nghị sửa lại như sau *"chia sẻ dữ liệu thông tin, hệ thống camera, hệ thống máy soi tại nhà ga quốc tế với cơ quan hải quan để phục vụ kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay hàng hóa và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh"* để bảo đảm tính khả thi trong quá trình áp dụng.	Tiếp thu ý kiến, sửa doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không thành "doanh nghiệp cảng hàng không hoặc người khai thác cảng hàng không" tại dự thảo để thống nhất với quy định tại Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. **- Điểm c khoản 1 Điều 61:** Tiếp thu ý kiến và sửa tại dự thảo Nghị định thành: ***Lưu trữ** dữ liệu thông tin từ hệ thống ca-mê-ra, hệ thống máy soi tại nhà ga quốc tế và chia sẻ với cơ quan hải quan để phục vụ việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.* *(Điều 61 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến nay là Điều 55)*
140.	**Điều 67. ~~Điều 72~~. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh** 2. ***Kiểm tra,*** giám sát đối với tàu nhập cảnh, tàu xuất cảnh trong	Bộ Quốc phòng	Tại khoản 2 Điều 67 về Kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh (trang 84), đề nghị bổ sung cụm từ "*Bộ đội Biên phòng cửa khẩu*", viết lại như sau: "2. Kiểm tra, giám sát đối với tàu nhập cảnh, tàu xuất cảnh trong phạm vi địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan như sau: Trong quá trình giám sát tàu hỏa liên vận quốc tế dừng đỗ, bốc, dỡ hàng hóa, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, nếu có	Tiếp thu. Dự thảo quy định cơ quan hải quan thông báo việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải cho các cơ quan có liên quan và người khai hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	phạm vi địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan như sau: *....Khi thực hiện việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản cho Ga liên vận quốc tế ở biên giới và Trưởng tàu thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.*		cơ sở xác định trên tàu hỏa liên vận quốc tế có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dùng phương tiện vận tải để kiểm tra, kiểm soát. Khi thực hiện việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản cho Ga liên vận quốc tế ở biên giới, ***Bộ đội Biên phòng cửa khẩu*** và Trưởng tàu thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia." Lý do: Theo quy định tại Điều 14 Luật Biên phòng Việt Nam, Bộ đội Biên phòng có nhiệm vụ "*duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu*", "*kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý*" và tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2023/NĐ-CP ngày 16/6/2023 và Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025) quy định Bộ đội Biên phòng cửa khẩu có trách nhiệm "*chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực cửa khẩu theo quy định pháp luật*" và "*phối hợp kiểm tra, giám sát hàng hóa, vật phẩm xuất, nhập qua cửa khẩu biên giới, đảm bảo an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại*", do đó việc cơ quan Hải quan tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải (tàu hỏa liên vận quốc tế) phải được thông báo cho Bộ đội Biên phòng cửa khẩu biết để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ và phối hợp kiểm tra, giám sát.	(đoạn cuối điểm e khoản 4 Điều 60 dự thảo Nghị định)

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
141.	***Điều 69. ~~Điều 74.~~ Hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh, nhập cảnh*** *1. Hồ sơ, **thời hạn nộp hồ sơ hải quan** đối với **phương tiện vận tải đường bộ nước ngoài nhập cảnh:*** ***a) Hồ sơ hải quan*** ***a.4)** Bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa nhập khẩu;*	UBND TP Huế	Điểm a.4 khoản 1 Điều 69: đề nghị rà soát, bổ sung trường hợp phương tiện vận tải chở hàng hóa quá cảnh vào phạm vi phải có bản kê thông tin hàng hóa nhập khẩu nếu chứng từ này được sử dụng chung cho hàng nhập khẩu và hàng quá cảnh; đồng thời thống nhất thuật ngữ với các điều khoản có liên quan.	Tiếp thu, bổ sung tại dự thảo
142.	***Điều 70. ~~Điều 77.~~ Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh*** *2. Hải quan cửa khẩu tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình và xử lý như sau:* *c) Trường hợp tiếp nhận hồ sơ giấy, công chức hải quan được phân công tiếp nhận cấp số tờ khai phương tiện tạm nhập – tái xuất hoặc số tờ khai tạm xuất – tái nhập, ký tên đóng dấu công chức và dấu "VIET NAM CUSTOMS" theo mẫu do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành lên tờ khai, giao cho người khai hải quan, lưu tờ khai hải quan do người khai hải quan nộp và lập sổ theo dõi riêng.* *Đối với trường hợp Hệ thống gặp sự cố, ngay sau khi hệ thống được khắc phục, hải quan cửa khẩu*	UBND TP Huế	Khoản 3 và điểm c khoản 2 Điều 70: đề nghị tiếp tục cho phép sử dụng, xác nhận tờ khai hoặc chứng từ giấy trong trường hợp điều ước quốc tế về vận tải đường bộ yêu cầu hoặc Hệ thống điện tử chưa kết nối, gặp sự cố; đồng thời quy định rõ việc cấp số tờ khai và cập nhật thông tin vào Hệ thống sau khi được khắc phục.	Dự thảo Nghị định quy định phù hợp với việc triển khai thực hiện thủ tục điện tử với PTVT XNC trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Tại dự thảo đã quy định về việc thực hiện nộp hồ sơ hải quan PTVT giấy khi chưa khai báo theo chỉ tiêu thông tin do hệ thống CNTT chưa đáp ứng và thực hiện cấp số và lập sổ theo dõi riêng. Hiện nay ngành Hải quan đang triển khai Hệ thống quản lý PTVT đường bộ XNC trên toàn quốc. Sau khi hệ thống một cửa đáp ứng điều kiện thì sẽ có sự kết nối với hệ thống một cửa. Trường hợp chưa thực hiện kết nối được thì vẫn thực hiện việc khai báo và làm thủ tục hải quan trên hệ thống hiện hành của hải quan

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	phải cập nhật thông tin tờ khai vào hệ thống. *3. Đối với trường hợp các Hiệp định vận tải đường bộ quy định về việc cơ quan hải quan xác nhận trên các hồ sơ, chứng từ của phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập – tái xuất, tạm xuất – tái nhập thì công chức hải quan đóng dấu "VIET NAM CUSTOMS" theo mẫu do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành theo quy định.*			
143.	***Điều 70. ~~Điều 77.~~ Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh*** *5. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh* *b) Trong quá trình phương tiện vận tải đường bộ dừng đỗ, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, nếu có cơ sở xác định trên phương tiện vận tải đường bộ có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc quyết định tạm hoãn*	Bộ Quốc phòng	Tại điểm b khoản 5 Điều 70 về Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh (trang 88), đề nghị bổ sung cụm từ "*Bộ đội Biên phòng cửa khẩu*", viết lại như sau: "b) Trong quá trình phương tiện vận tải đường bộ dừng đỗ, di chuyển trong địa bàn hoạt động hải quan, nếu có cơ sở xác định trên phương tiện vận tải đường bộ có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép, Trưởng Hải quan cửa khẩu, Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực quyết định kiểm tra phương tiện vận tải, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc quyết định tạm hoãn việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để kiểm tra, kiểm soát. Khi thực hiện việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản cho ***Bộ đội Biên phòng cửa khẩu,*** chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.". Lý do: Theo quy định tại Điều 14 Luật Biên phòng Việt Nam, Bộ đội Biên phòng có nhiệm vụ "*duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu*", "*kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý*" và tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền (được sửa đổi, bổ	Tiếp thu. Dự thảo quy định cơ quan hải quan thông báo việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải cho các cơ quan liên quan và người khai hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia (đoạn cuối điểm b khoản 5 Điều 63 dự thảo Nghị định).

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	việc khởi hành hoặc dừng phương tiện vận tải để kiểm tra, kiểm soát. *Khi thực hiện việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.*		sung bởi Nghị định số 34/2023/NĐ-CP ngày 16/6/2023 và Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025) quy định Bộ đội Biên phòng cửa khẩu có trách nhiệm "*chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực cửa khẩu theo quy định pháp luật*" và "*phối hợp kiểm tra, giám sát hàng hóa, vật phẩm xuất, nhập qua cửa khẩu biên giới, đảm bảo an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại*", do đó việc cơ quan Hải quan tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải (tàu hỏa liên vận quốc tế) phải được thông báo cho Bộ đội Biên phòng cửa khẩu biết để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ và phối hợp kiểm tra, giám sát.	
144.	**Điều 69, Điều 70 và Điều 71 (phương tiện đường bộ, đường thủy nội địa xuất nhập cảnh:**	Bộ Xây dựng	Điều 69, Điều 70 và Điều 71 (phương tiện đường bộ, đường thủy nội địa xuất nhập cảnh): Đề nghị quy định thống nhất nguyên tắc khai thác dữ liệu giấy phép vận tải, giấy phép liên vận và thông tin phương tiện đã được cơ quan cấp phép chia sẻ; không yêu cầu nộp hoặc xuất trình lại bản giấy, trừ trường hợp hệ thống gặp sự cố hoặc điều ước quốc tế có quy định khác. Rà soát thời điểm khai trước 30 phút đối với phương tiện đường bộ để có cách xử lý chuyến phát sinh hoặc thay đổi sát giờ qua cửa khẩu cho phù hợp với thực tiễn	- Tại khoản 3 Điều 69 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 62) quy định: "*Các trường hợp không phải nộp giấy phép liên vận hoặc giấy phép vận tải quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này:* *a) Trường hợp chứng từ đã được chia sẻ từ cơ quan có thẩm quyền cấp thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;*" - Quy định về việc khai thông tin trước đã được quy định tại Nghị định số 336/2026/NĐ-CP ngày 22/8/2026 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN. Nội dung

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				quy định tại dự thảo phù hợp với Nghị định số 336/2026/NĐ-CP.
145.	**Khoản 1 Điều 64, Điều 68 và khoản 5 Điều 71 (phối hợp với cảng vụ, ga liên vận)**	Bộ Xây dựng	Khoản 1 Điều 64, Điều 68 và khoản 5 Điều 71 (phối hợp với cảng vụ, ga liên vận): Đề nghị bổ sung quy định việc trao đổi thông báo tạm hoãn khởi hành, dừng phương tiện và thông tin điều động tàu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo cơ chế gửi, nhận và phản hồi có xác nhận; có phương án thông báo trực tiếp khi hệ thống gặp sự cố, bảo đảm cơ quan quản lý vận tải nhận được thông tin kịp thời.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 60 dự thảo Nghị định (Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh): *"3. Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ hải quan với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh:* *b)Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản kết quả xử lý hồ sơ cho Trưởng ga, Trưởng tàu hỏa liên vận để làm thủ tục cho tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh hoặc nhập cảnh"* *"4. Kiểm tra, giám sát hải quan:* *e)...Khi thực hiện việc tạm hoãn khởi hành phương tiện vận tải, cơ quan hải quan thông báo cho các cơ quan có liên quan và người khai hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia."*
146.	**Điều 72. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với một số trường hợp đặc thù:**	UBND TP Đồng Nai	*"1. Phương tiện vận tải **đường bộ** vận chuyển hành khách tuyến cố định, vận chuyển hàng hóa, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu theo giấy phép vận tải hoặc giấy phép liên vận thì người điều khiển phương tiện chỉ phải khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn 30 ngày. Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo được cơ quan hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc hệ thống và thanh khoản tờ khai vào lần tái xuất hoặc tái nhập cuối cùng."*	- Giữ nguyên nội dung quy định tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Trường hợp thủ tục cho phương tiện được triển khai trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì thực hiện theo quy định có liên quan tại Nghị định này và Nghị định số 336/2026/NĐ-CP:

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Theo hướng dẫn tại Điều 70, thủ tục hải quan được thực hiện trên ***Cổng thông tin một cửa quốc gia*** nên tại khoản này đề nghị quy định như sau: các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo người khai hải quan tiếp tục khai báo bổ sung trên cơ sở tờ khai gốc và cơ quan Hải quan tiếp nhận, xử lý trên ***Cổng thông tin một cửa quốc gia;*** trường hợp khai tờ khai giấy cơ quan hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc hệ thống. **- Về việc cấp phép qua lại biên giới đối với xe gắn máy:** Nghị định có quy định hồ sơ, thủ tục hải quan đối với PTVT trong đó bao gồm cả xe mô tô, xe gắn máy (giống như đối với ô tô). Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định 158/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ ***không*** quy định cấp phép đối với xe mô tô, xe gắn máy. Do vậy, để cơ quan Hải quan có cơ sở thực hiện thủ tục hải quan theo đúng quy định của pháp luật, tạo thuận lợi cho người dân đi lại mua bán, học tập, làm việc, thăm thân, du lịch, góp phần phát triển kinh tế biên mậu. Đề xuất Cục Hải quan có ý kiến báo cáo với Bộ chuyên ngành để có hướng dẫn cụ thể việc giao cơ quan nào thực hiện việc cấp phép/ cho phép đối với xe mô tô, xe gắn máy (02 bánh, 03 bánh) qua lại cửa khẩu biên giới đất liền.	*"1. Phương tiện vận tải **đường bộ** vận chuyển hành khách tuyến cố định, vận chuyển hàng hóa, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu theo giấy phép vận tải hoặc giấy phép liên vận thì người điều khiển phương tiện được khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn 30 ngày. Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo, cơ quan hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc hệ thống và thanh khoản tờ khai vào lần tái xuất hoặc tái nhập cuối cùng"* **- Đối với ý kiến liên quan đến mô tô, xe máy:** + Đối với trường hợp phương tiện của cơ quan tổ chức, cá nhân ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại cửa khẩu biên giới do nhu cầu sinh hoạt đã có quy định thực hiện tại khoản 5 Điều 66 dự thảo Nghị định. + Đối với các trường hợp không thuộc điều chỉnh nêu trên, các hiệp định vận tải đường bộ và văn bản PL liên quan chưa có điều chỉnh nên chưa có cơ sở thực hiện. Nội dung này Cục hải quan đã có kiến nghị với Bộ Xây dựng và sẽ tiếp tục có ý kiến trong quá trình xây dựng Hiệp định sửa đổi.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
147.	***Điều 72. ~~Điều 81.~~ Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với một số trường hợp đặc thù*** *2. Đối với các trường hợp phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là xe cứu thương, cứu hỏa, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo, làm nhiệm vụ khẩn cấp theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước thì thủ tục như sau:* *b) Cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình, kiểm tra thực tế phương tiện vận tải, nhập thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ và thông báo cho các đơn vị, cơ quan có liên quan để phối hợp, theo dõi, xử lý.*	UBND TP Huế	Điểm b khoản 2 Điều 72: đối với xe cứu thương, cứu hỏa, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo và phương tiện làm nhiệm vụ khẩn cấp, đề nghị thiết kế thủ tục ưu tiên, rút gọn và xử lý ngay trên cơ sở hồ sơ, thông tin xác minh; việc kiểm tra thực tế chỉ thực hiện khi có dấu hiệu vi phạm hoặc theo yêu cầu quản lý rủi ro, không nên loại bỏ hoàn toàn thẩm quyền kiểm tra của cơ quan hải quan.	Tại Hiệp định vận tải Việt Nam - Lào, Việt Nam – Campuchia đều quy định xe cứu hỏa, cứu thương, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo đều thuộc diện cấp giấy phép liên vận phi thương mại. Nội dung điều này quy định với trường hợp không có giấy phép liên vận theo quy định. Do đó, việc quy định như dự thảo để đảm bảo kiểm tra, kiểm soát phương tiện qua lại biên giới phù hợp với quy định hai bên cũng như xử lý với trường hợp khẩn cấp. Chỉnh lý nội dung tại khoản 2 Điều 66 dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định tại Hiệp định.
148.	**Khoản 5 Điều 72** *5. Trường hợp hàng hóa vận chuyển qua cửa khẩu biên giới đường bộ bằng phương thức vận tải khác theo thỏa thuận của Việt Nam với các nước có chung biên giới (phương tiện vận tải hàng hóa vận hành tự động, không có người điều khiển qua lại cửa khẩu biên giới đất liền trong phạm vi xác định, băng tải, ống dẫn, đường truyền hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên*	UBND TP Huế	Khoản 5 Điều 72: đề nghị làm rõ cơ chế cung cấp trước thông tin đối với hàng hóa vận chuyển qua biên giới bằng phương thức đặc thù như phương tiện tự động, băng tải, ống dẫn, đường truyền; đối với điện năng cần có quy định riêng phù hợp đặc thù giao nhận, đo đếm và thời điểm đăng ký tờ khai.	Việc quy định thủ tục hải quan với các trường hợp đặc thù đã được quy định tại Nghị định số 336/2026/NĐ-CP và Thông tư do Bộ trưởng bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan. Sau khi rà soát, dự thảo bỏ nội dung quy định này.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	giới), tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm cung cấp trước thông tin hàng hóa, thời gian vận chuyển cho cơ quan hải quan để thực hiện giám sát theo quy định. *Chủ phương tiện **hoặc đơn vị quản lý vận hành phương tiện** phải cung cấp cho cơ quan hải quan danh sách các phương tiện qua lại cửa khẩu và không phải làm thủ tục hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh. Cơ quan hải quan cập nhật danh sách phương tiện vào sổ theo dõi và thực hiện việc giám sát phương tiện từ khi đến lãnh thổ Việt Nam đến khi vào địa điểm tập kết, kiểm tra tại cửa khẩu và quay lại ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.*			
149.	**Khoản 6 Điều 72**	UBND tỉnh Tây Ninh	Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 72 Dự thảo như sau: *"6. Phương tiện của cá nhân, tổ chức qua lại khu vực cửa khẩu biên giới để giao nhận hàng hóa gồm:* *a) Xe ô tô tải của nước ngoài vào khu vực cửa khẩu, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa ở biên giới thuộc khu kinh tế cửa khẩu để giao hàng nhập khẩu hoặc nhận hàng xuất khẩu;* *b) Xe ô tô tải của Việt Nam đi qua biên giới để giao hàng xuất khẩu hoặc nhận hàng nhập khẩu, sau đó quay trở lại Việt Nam;* *c) Phương tiện vận tải thô sơ và các phương tiện giao thông khác theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ qua lại biên giới để giao nhận hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới.* *Các phương tiện quy định tại khoản này chỉ được hoạt động trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa ở biên giới hoặc khu vực được cơ quan có thẩm quyền cho phép; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải*	Việc điều chỉnh phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh qua lại biên giới chịu sự điều chỉnh của các điều ước quốc tế Việt Nam ký kết: Hiệp định quy chế quản lý biên giới, Hiệp định vận tải, Hiệp định thương mại biên giới… Các Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam ký kết đều quy định phương tiện cơ giới vào lãnh thổ nước ký kết phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Điều 67 Luật Hải quan quy định phương tiện nhập cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên, phương

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			quan, Bộ đội Biên phòng và các lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật. *Khi qua lại cửa khẩu biên giới, chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện có trách nhiệm xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy tờ phương tiện và chứng từ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; đưa phương tiện chở hàng hóa vào đúng địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của cơ quan hải quan và cơ quan có thẩm quyền.* *Cơ quan hải quan tiếp nhận, kiểm tra chứng từ; cập nhật, theo dõi thông tin phương tiện; thực hiện giám sát phương tiện từ khi nhập cảnh hoặc xuất cảnh đến khi hoàn thành việc giao nhận hàng hóa và quay trở lại qua cửa khẩu. Bộ đội Biên phòng phối hợp kiểm soát người, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh; trao đổi thông tin với cơ quan hải quan và xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm."* Lý do: 1. Tại Điều 82 Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký ngày 10/10/2005 (gọi tắt là Nghị định thư 2005) quy định: *"Điều 82. Các quy định chung* *Việc vận tải hàng hóa và vận tải hành khách qua lại giữa hai nước bằng đường bộ **theo các cặp cửa khẩu quy định tại Điều 83** dưới đây, được thực hiện theo hình thức đi thẳng từ nơi giao tới nơi nhận (đối với hàng hóa), từ nơi đi tới nơi đến (đối với hành khách) giữa hai nước **được quy định phù hợp tại sổ giấy phép liên vận**".* Theo đó, danh sách các cặp cửa khẩu tại Điều 83 Nghị định thư ký ngày 26/02/2019 (Nghị định thư về việc sửa đổi Nghị định thư 2005) bao gồm các cặp cửa khẩu quốc tế và các cặp cửa khẩu khác có thể được nâng cấp lên cửa khẩu quốc tế bởi chính phủ hai Bên ký kết được quy định lần lượt tại Phụ lục A1 và phụ lục A2 ban hành kèm theo Nghị định thư.	tiện xuất cảnh phải được làm thủ tục tại cửa khẩu xuất cảnh cuối cùng. Nội dung dự thảo phù hợp với quy định tại các Điều ước quốc tế, Luật Hải quan và các văn bản pháp luật có liên quan

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Đối chiếu với các quy định trên, giấy phép liên vận chỉ được cấp cho các phương tiện cơ giới qua lại cửa khẩu đường bộ quốc tế (không cấp cho cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ, lối mở). 2. Thực tế tại các cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ tuyến biên giới Tây Nam vẫn phát sinh hoạt động xe ô tô tải của tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài qua lại để giao hàng xuất khẩu, nhận hàng nhập khẩu rồi quay trở về trong ngày. Các phương tiện này chỉ giao nhận hàng hoá tại khu vực cửa khẩu không đi sâu vào nội địa của hai nước.	
150.	***Điều 73.*** **Các dịch vụ được thực hiện trong kho ngoại quan** Chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan, ***chủ quản nền tảng thương mại điện tử*** trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho chủ kho ngoại quan hoặc đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện các dịch vụ sau đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan:...	Bộ Khoa học và Công nghệ	**Tại Điều 73:** Để tránh cách hiểu là nghĩa vụ, đề nghị sửa đổi, bổ sung câu dẫn như sau: *"Chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan, chủ quản nền tảng thương mại điện tử được phép trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho chủ kho ngoại quan hoặc đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện các dịch vụ sau đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan:"*	Theo quy định tại Điều 63 Luật Hải quan, đây vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của các chủ thể liên quan.Nội dung dự thảo phù hợp với Luật Hải quan
151.	***Điều 72.*** ~~Điều 81.~~ Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với một số trường hợp đặc thù	UBND tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh Tuyên Quang (Chi cục HQKV XVI)	Đề nghị sửa cụm từ "Đội trưởng hải quan" Điều 72 Nghị định (trang 93 dự thảo Nghị định). Nghiệp vụ phát sinh tại Hải quan cửa khẩu tuy nhiên vẫn sử dụng cụm từ "Đội trưởng hải quan" là chưa phù hợp, cụ thể: - Điều 72: *Thời gian phương tiện vận tải đường bộ quy định tại khoản này giao nhận hàng hóa không vượt quá 48 giờ ...chủ hàng hóa có văn bản đề nghị, Đội trưởng Hải quan xem xét gia hạn, thời gian gia hạn thêm không quá 48 giờ.* Theo quy định tại Luật Hải quan sửa đổi: cụm từ Đội trưởng, Phó đội trưởng Hải quan cửa khẩu bằng cụm từ *"Trưởng Hải quan cửa khẩu, Phó Trưởng Hải quan cửa khẩu"*. Đề nghị Ban soạn thảo xem xét sửa đổi bổ sung quy định thẩm quyền phù hợp với các chức danh đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật Hải quan sửa đổi.	Tiếp thu chỉnh sửa thống nhất
152.	**Khoản 9 Điều 72**	UBND tỉnh Đồng Tháp,	Đề nghị bỏ quy định tại khoản 9 Điều 72 Nghị định ~~*(9. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện từ nội địa ra vào khu vực cửa khẩu biên giới đã đáp ứng cơ sở hạ tầng về hệ thống Ba-*~~	Tiếp thu, bỏ nội dung khoản này tại dự thảo.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		UBND tỉnh An Giang (Chi cục HQKV XX)	~~*ri-e kiểm soát theo quy định của pháp luật để giao nhận hàng hóa, không xuất cảnh..)*~~ Lý do: bảo đảm đúng theo quy định tại Điều 1 Luật Hải quan 2014. Tại Điều 1. Phạm vi điều chỉnh của Luật Hải quan 2014 quy định quản lý nhà nước về hải quan đối với *hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong lãnh thổ hải quan*... Như vậy, theo quy định trên, chỉ có phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của tổ chức, cá nhân thì mới làm thủ tục hải quan. Bản chất thủ tục hải quan phải xuất phát từ có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. Trong khi đó, theo dự thảo thì không có phát sinh xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, không có phát sinh xuất nhập khẩu; vì vậy, việc quy định thêm thủ tục này xét thấy không phù hợp quy định tại Điều 1 Luật Hải quan 2014, không phù hợp bản chất thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh. Bên cạnh đó, nếu quy định như dự thảo thì rất khó khăn, khả năng không thể triển khai được thủ tục này trên thực tế địa phương do các yếu tố khách quan: - Do lịch sử để lại, nên thực trạng hiện nay, cư dân biên giới (tuyến biên giới Tây Nam) sinh sống trong địa bàn hoạt động hải quan – trong khu vực cửa khẩu rất đông đúc không khác gì trong nội địa. - Trừ 02 cửa khẩu (cửa khẩu quốc tế Thường Phước và Cửa khẩu quốc tế Dinh Bà), các cửa khẩu còn lại trên toàn tuyến chưa được cơ quan có thẩm quyền xác định vị trí địa lý để cắm biển khu vực cửa khẩu nên không thể xác định ranh giới, phạm vi hoạt động để tiến hành thủ tục. - Việc quy định làm thủ tục hải quan đối với phương tiện chỉ vào khu vực cửa khẩu (như dự thảo) sẽ phát sinh hoạt động nghiệp vụ với số lượng phương tiện ra vào cửa khẩu giao nhận hàng nhưng không xuất cảnh khá lớn, phát sinh thêm thủ tục hành chính, chưa phù hợp với chủ trương cắt giảm thủ tục hành chính tại các	

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Nghị quyết của Chính phủ, làm tăng thêm công việc cho cơ quan hải quan, chi phí tuân thủ của các đối tượng tham gia.	
153.	**Khoản 9 Điều 72**	UBND tỉnh Đồng Tháp, UBND tỉnh An Giang (Chi cục HQKV XX)	Đề nghị bổ sung thêm khoản 9 Điều 72 của dự thảo Nghị định như sau: *Phương tiện của nước có chung biên giới vào khu vực cửa khẩu biên giới đất liền của Việt Nam để giao nhận hàng hóa sau đó quay về nước phải khai, nộp hồ sơ phương tiện vận tải (trừ giấy phép) để làm thủ tục hải quan.* *Trường hợp người, phương tiện của nước có chung biên giới có nhu cầu vận chuyển ra khỏi khu vực cửa khẩu biên giới đất liền vào sâu nội địa để giao nhận hàng hóa thì thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 69, Điều 70, Điều 71 Nghị định này.* Lý do: Nếu không bổ sung thêm khoản 9 Điều 72 thì sẽ tiếp tục bị gây tắc nghẽn tại các cửa khẩu tuyến biên giới nhất là tại các cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ, các cửa khẩu biên giới đất liền có tính chất hoạt động là đường thủy nội địa sẽ bị tắc nghẽn (sẽ bị đóng cửa khẩu) vì giấy phép chỉ cấp cho cửa khẩu quốc tế. Từ trước đến nay, pháp luật hải quan chỉ quy định thủ tục đối với phương tiện vận tải được thực hiện theo các quy định của Hiệp định, Nghị định thư và các văn bản thỏa thuận khác đã ký kết giữa nước CHXHCN Việt Nam và các nước có chung biên giới về xuất nhập cảnh và vận tải hàng hóa qua các cửa khẩu quốc tế. Do đó, rất cần thiết phải bổ sung khoản 9 Điều 72 nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý vững chắc để cơ quan hải quan thực hiện thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải qua lại biên giới đất liền giao nhận hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới theo quy định của Chính phủ và Chính quyền địa phương các tỉnh giáp biên trên cơ sở các Hiệp định thương mại biên giới.	Việc điều chỉnh phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh qua lại biên giới chịu sự điều chỉnh của các điều ước quốc tế Việt Nam ký kết: Hiệp định quy chế quản lý biên giới, Hiệp định vận tải, Hiệp định thương mại biên giới… Các Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam ký kết đều quy định phương tiện cơ giới vào lãnh thổ nước ký kết phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Điều 67 Luật Hải quan quy định phương tiện nhập cảnh phải được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập cảnh đầu tiên, phương tiện xuất cảnh phải được làm thủ tục tại của khẩu xuất cảnh cuối cùng. Nội dung dự thảo phù hợp với quy định tại các Điều ước quốc tế, Luật Hải quan và các văn bản pháp luật có liên quan
154.	**Điểm b.2 Khoản 9 Điều 72**	UBND tỉnh Cà Mau (Chi cục HQKV XIX)	Đề nghị bổ sung như sau: *"**b.2)** Trên cơ sở các thông tin khai báo của người khai hải quan và áp dụng quản lý rủi ro, sử dụng phương tiện kỹ thuật hoặc giám sát trực tiếp các phương tiện trọng điểm để thực hiện giám sát đối với phương tiện;"* Lý do: Lỗi đánh máy.	Tiếp thu ý kiến của UBND tỉnh Đồng Tháp, An Giang về việc bỏ quy định khoản 9, theo đó dự thảo đã bỏ nội dung khoản này.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
155.	**Điểm b.3 Khoản 9 Điều 72**	UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Cà Mau (Chi cục HQKV XIX)	Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: "*b.3) Trường hợp thông qua công tác giám sát hải quan và các thông tin khác có cơ sở xác định trên phương tiện có hàng hóa buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, ~~**Đội trưởng Hải quan**~~ **Thủ trưởng cơ quan hải quan** quyết định kiểm tra thực tế phương tiện hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.*" Lý do: đảm bảo đủ các trường hợp phát sinh và phù hợp với tên gọi theo quy định đơn vị, chức danh theo mô hình tổ chức bộ máy mới.	Tiếp thu ý kiến của UBND tỉnh Đồng Tháp, An Giang về việc bỏ quy định khoản 9, theo đó dự thảo đã bỏ nội dung khoản này.
156.	**Khoản 1 Điều 73 Các dịch vụ được thực hiện trong kho ngoại quan** 1. Gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa; phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa, **dán nhãn hàng hóa**, trộn đơn giản các sản phẩm, lắp ráp ác bộ phận của sản phẩm.	UBND TP Hải Phòng	Bỏ cụm từ "**dán nhãn hàng hóa**". Sửa đổi thành: Gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa; phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa, trộn đơn giản các sản phẩm, lắp ráp các bộ phận của sản phẩm". **Lý do:** Theo điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định: *Những loại hàng hóa sau đây không thuộc trường hợp phải ghi nhãn hàng hóa theo quy* định: *" ..... hàng hóa nhập khẩu gửi kho ngoại quan để xuất khẩu sang nước thứ ba;"* - Nếu cho doanh nghiệp dán nhãn hàng hóa trong Kho Ngoại quan thì công chức Hải quan rất khó kiểm soát; Doanh nghiệp dễ lợi dụng để dán nhãn chỉ dẫn sai về tên hàng, nơi sản xuất, lắp ráp, đóng gói hàng hóa; - Trường hợp: Vẫn giữ nguyên cho Doanh nghiệp được **" dán nhãn hàng hóa" thì** phải quy định cụ thể nội dung của nhãn hàng hóa gồm những tiêu chí gì, cách ghi nhãn hàng hóa như thế nào để không hiểu sai lệch về bản chất hàng hóa.	**Dự thảo sửa thành:** "*Gia cố, chia gói, đóng gói bao bì; đóng ghép hàng hóa; phân loại phẩm cấp hàng hóa, bảo dưỡng hàng hóa, dán nhãn hàng hóa, các hoạt động khác tác động lên bao bì không ảnh hưởng đến bản chất của hàng hóa.* *Các dịch vụ thực hiện trên lô hàng trong kho ngoại quan không được làm thay đổi xuất xứ, mã HS của hàng hóa so với thời điểm trước khi đưa vào kho ngoại quan."*
157.	**Khoản 1 Điều 73 các dịch vụ thực hiện trong kho ngoại quan**	UBND TP Hải Phòng	Chưa có trình tự thực hiện tại Dự thảo Thông tư hướng dẫn đối với trường hợp này.	Đã có nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 70 dự thảo Nghị định

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
158.	***Điều 75.*** **Hàng hóa gửi kho ngoại quan** 1. Hàng hóa từ Việt Nam đã làm xong thủ tục hải quan xuất khẩu, hàng hóa từ nước ngoài chờ làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam hoặc chờ xuất khẩu của các đối tượng được phép thuê kho ngoại quan quy định tại khoản 1 ***Điều 74*** Nghị định này được đưa vào lưu giữ trong kho ngoại quan. *Hàng hóa của doanh nghiệp ưu tiên đưa từ nội địa vào kho ngoại quan được thực hiện thủ tục giao nhận trước đăng ký tờ khai hải quan sau.*	UBND TP Hải Phòng	- Chưa có trình tự thực hiện đối với hàng hóa của doanh nghiệp ưu tiên đưa hàng hóa từ nội địa vào kho ngoại quan - Thời gian đăng ký tờ khai hải quan sau: Chưa có quy định cụ thể về thời gian đăng ký tờ khai đối với DN ưu tiên - Trường hợp: Hàng hóa đã gửi KNQ của DN ưu tiên chưa đăng ký tờ khai, nhưng sau đó DN bị đưa ra khỏi danh sách DN ưu tiên thì cơ chế xử lý như thế nào?	Dự thảo quy định tính nguyên tắc thực hiện. Thủ tục giao nhận trước mở tờ khai sau hoặc mở tờ khai trước, giao nhận sau của doanh nghiệp được hưởng chế độ ưu tiên được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư thay thế các Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC và 121/2025/TT-BTC.
159.	**Khoản 3 Điều 75**	UBND TP Hải Phòng	Chưa có trường hợp hàng hóa của DN ưu tiên đưa từ nội địa gửi kho ngoại quan mà chưa đăng ký tờ khai	Dự thảo quy định tính nguyên tắc thực hiện. Thủ tục giao nhận trước mở tờ khai sau hoặc mở tờ khai trước, giao nhận sau của doanh nghiệp được hưởng chế độ ưu tiên được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư thay thế các Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC và 121/2025/TT-BTC.
160.	Khoản 3 Điều 75	UBND TP Hải Phòng	**Rủi ro chính sách khi thay đổi Danh mục hàng hóa không được gửi kho ngoại quan (Khoản 4 Điều 75 Dự thảo Nghị định):** Khi Bộ Tài chính ban hành hoặc sửa đổi Danh mục hàng hóa nhập khẩu không được gửi kho ngoại quan, nếu không có thời gian chuyển tiếp hợp lý, các lô hàng đang trên đường biển (On-way) chưa cập cảng Việt Nam sẽ rơi vào thế vi phạm, buộc phải quay đầu tàu hoặc tái xuất khẩn cấp, gây thiệt hại nghiêm trọng.	Thời điểm hiện tại chưa đề xuất Bộ Tài chính ban hành Danh mục này (điểm đ khoản 2 Điều 69 dự thảo Nghị định), do đó chưa có nội dung chuyển tiếp.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Đề xuất: Quy định thời gian chuyển tiếp chính sách (Grace Period): Bắt buộc quy định thời gian hiệu lực thi hành của các văn bản bổ sung Danh mục hàng hóa không được gửi kho ngoại quan tối thiểu là 30 ngày kể từ ngày ký ban hành, áp dụng trừ lùi cho các lô hàng có vận đơn (Bill of Lading) phát hành trước ngày văn bản có hiệu lực.	
161.	**Điều 78. Kiểm tra sau thông quan, thời hạn kiểm tra sau thông quan**	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu xem xét bổ sung cơ sở, đánh giá tác động của việc thời hạn kiểm tra lên gấp đôi (10 ngày tại cơ quan HQ và 20 ngày tại DN) và có phù hợp với tinh thần cải cách hành chính, tạo thuận lợi thương mại hay không? Do việc này có thể sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.	Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan đã quy định thời hạn kiểm tra sau thông quan tối đa là 20 ngày, tương ứng với Luật Quản lý thuế. Việc thực hiện kiểm tra sau thông quan dựa trên cơ sở quản lý rủi ro và tính tuân thủ của doanh nghiệp, do đó, phù hợp với tinh thần đẩy mạnh tạo thuận lợi trong khâu thông quan, tăng cường hậu kiểm.
162.	***Điều 78.*** ~~Điều 90.~~ **Các dịch vụ được thực hiện trong địa điểm thu gom hàng lẻ** 4. Chuyển quyền sở hữu đối với hàng hóa trong thời gian lưu giữ.	UBND TP Hải Phòng	Chưa có hướng dẫn chi tiết tại Thông tư về trình tự thực hiện (tác nghiệp của các bên liên quan đến chuyển quyền sở hữu hàng hóa trong kho CFS)	Sửa khoản 2 Điều 72 dự thảo Nghị định thành: *2. Hàng hóa đưa vào, lưu giữ, đưa ra địa điểm thu gom hàng lẻ phải làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật. Riêng đối với các mặt hàng là máy móc, thiết bị, phương tiện và hàng hóa khác cung ứng từ nội địa vào địa điểm thu gom hàng lẻ để thực hiện các dịch vụ quy định tại Điều 71 Nghị định này, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ có thể lựa chọn không làm thủ tục hải quan, nhưng*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				phải thông báo cụ thể cho Hải quan quản lý địa điểm thu gom hàng lẻ. *Cơ quan hải quan căn cứ vào chủng loại hàng hóa gửi địa điểm thu gom hàng lẻ, tình hình hoạt động của địa điểm thu gom hàng lẻ và việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ hoặc doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ để áp dụng phương thức giám sát phù hợp.*
163.	Kho ngoại quan	UBND TP Hải Phòng	• **Về kết nối dữ liệu giám sát thời gian thực:** Dự thảo Nghị định (Điều 76) và Dự thảo Thông tư (Điều 44, Điều 103) bắt buộc kho ngoại quan phải kết nối dữ liệu phần mềm quản lý kho (WMS) và hệ thống camera 24/7 với cơ quan hải quan. Tuy nhiên, hạ tầng CNTT của nhiều doanh nghiệp chưa đồng bộ chuẩn API, đứt gãy đường truyền hoặc thiếu ổn định, gây khó khăn cho công chức hải quan khi truy xuất lịch sử bốc xếp và đối soát tồn kho thực tế. • **Kiểm soát rủi ro các dịch vụ gia tăng trong kho (Điều 73 Dự thảo Nghị định & Điều 88–93 Dự thảo Thông tư):** Kho ngoại quan được phép thực hiện dịch vụ đóng gói, chia gói, dán nhãn, đóng ghép container, và đặc biệt là pha chế, chuyển loại xăng dầu tại kho ngoại quan chuyên dùng. Nếu không có cơ chế kiểm soát dữ liệu định mức/hao hụt tự động, rủi ro đánh tráo xuất xứ, tráo đổi chủng loại hàng hóa hoặc thẩm lậu hàng hóa vào nội địa là rất cao. • **Bất cập quy đổi đơn vị tính (UOM) nhập – xuất kho trên Hệ thống VASSCM:** Thực tiễn phát sinh trường hợp hàng hóa khi nhập kho ngoại quan (Tờ khai C11) khai báo theo đơn vị trọng lượng (Tấn, Kg), nhưng khi xuất kho (Tờ khai A11) lại khai báo theo đơn vị thương mại (Thùng, Kiện, Bao). Hệ thống **VASSCM hiện chưa có thuật toán quy đổi** tương đương tự động, dẫn đến	Khoản 5 Điều 70 dự thảo Nghị định kế thừa quy định hiện hành về trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan áp dụng phương tiện, công nghệ thông tin để quản lý hàng hóa và cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan thông qua hệ thống được kết nối; dự thảo Nghị định không quy định chuẩn kết nối cụ thể. Chuẩn kết nối và việc xử lý khi đường truyền gián đoạn do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết (khoản 6 Điều 70).

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			việc hệ thống từ chối xác nhận Get-out hoặc báo lỗi chênh lệch tồn kho ảo, buộc công chức phải can thiệp thủ công. • **Gánh nặng theo dõi hàng xuất kho không xuất được (Khoản 3 Điều 103 Dự thảo Thông tư):** Hàng hóa đưa từ kho ngoại quan ra cửa khẩu xuất nhưng quá 15 ngày không xuất được phải đưa trở lại kho ngoại quan ban đầu hoặc kho ngoại quan tại cửa khẩu xuất. Quy trình cấp Tờ khai vận chuyển độc lập mới và trao đổi thông báo bằng văn bản giữa Hải quan cửa khẩu xuất và Hải quan quản lý kho ngoại quan gây phát sinh nhiều khâu hồ sơ theo dõi chồng chéo. **Đề xuất:** **1. Chuẩn hóa API kết nối WMS – VASSCM:** Ban hành chuẩn dữ liệu đầu ra bắt buộc cho phần mềm WMS của doanh nghiệp kho để tự động đồ dữ liệu Get-in/Get-out, vị trí ô/kệ (Bin/Rack) và trạng thái niêm phong về Hệ thống Hải quan. **2. Số hóa quy trình cảnh báo thời hạn lưu giữ:** Tích hợp tính năng tự động đếm ngược thời gian lưu giữ (24 tháng) trên Hệ thống Hải quan. Khi hàng hóa gửi kho đạt mốc 22 tháng, hệ thống tự động phát cảnh báo cho cả công chức hải quan và doanh nghiệp để đôn đốc tái xuất hoặc xử lý tồn đọng. **3. Phát triển công cụ quy đổi đơn vị tính tự động:** Cho phép doanh nghiệp đăng ký Bảng tỷ lệ quy đổi (Conversion Rate) trên Hệ thống trước khi làm thủ tục xuất kho, làm căn cứ để VASSCM tự động trừ lùi lượng tồn kho chính xác.	
164.	**Kho ngoại quan**	UBND TP Hải Phòng	• **Thiệt hại tài chính từ hàng hóa tồn đọng vô chủ/ ô nhiễm (Khoản 4 Điều 76 Dự thảo Nghị định):** Khi chủ hàng nước ngoài hoặc chủ hàng thuê kho bỏ hàng, từ chối nhận hàng hoặc phá sản, lô hàng bị ngâm tại kho ngoại quan nhiều năm. Doanh nghiệp kinh doanh kho vừa bị chiếm dụng diện tích bãi, không thu được phí lưu kho, vừa đứng trước rủi ro bị cơ quan quản lý yêu cầu tự bỏ tiền túi ra chi trả chi phí tiêu hủy hàng hóa hư hỏng/ô nhiễm. • **Ách tắc giao nhận khi Hệ thống Hải quan sự cố (Điều 48/Điều 52đ Dự thảo Thông tư):** Khi Hệ thống Hải quan gặp sự cố kết nối, kho ngoại quan không nhận được thông điệp điện tử	Việc xử lý hàng tồn đọng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 203/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 78/2026/IT-BTC

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			'Đủ điều kiện qua khu vực giám sát'. Quy định công chức hải quan 15 phút xuất file/giấy 01 lần để kho đối chiếu thủ công làm gián đoạn dây chuyền bốc xếp, gây ùn tắc xe container chờ tại Cổng kho. • **Thủ tục chuyển quyền sở hữu hàng hóa còn thủ công (Khoản 8 Điều 103 Dự thảo Thông tư):** Mặc dù quy định việc chuyển quyền sở hữu giữa các chủ hàng không phải làm thủ tục nhập/xuất kho, nhưng việc yêu cầu gửi 'thông báo bằng văn bản' cho cơ quan hải quan hiện vẫn thực hiện qua đường hồ sơ giấy hoặc đính kèm văn bản quét, chưa có form điện tử tương tác tức thì trên Hệ thống. **<u>Đề xuất:</u>** **1. Điện tử hóa 100% các thủ tục thông báo nghiệp vụ:** Xây dựng các mẫu thông báo điện tử (Mẫu thông báo chuyển quyền sở hữu, thông báo thực hiện dịch vụ chia gói/dán nhãn/lấy mẫu) trực tiếp trên Cổng thông tin Hải quan để doanh nghiệp gửi và nhận phản hồi tự động trong vòng 05 phút. **2. Cơ chế 'Dự phòng ngoại tuyến (Offline Buffer)':** Trường hợp Hệ thống Hải quan sự cố, cho phép Chủ kho đối chiếu dựa trên mã Barcode/Dữ liệu lệnh xuất kho đã được lưu trong bộ nhớ đệm (Cache) của WMS để giải phóng phương tiện, và thực hiện truyền bù dữ liệu (Batch Sync) trong vòng 24 giờ sau khi hệ thống phục hồi. **3. Cơ chế tài chính bảo vệ Doanh nghiệp kho:** Bổ sung quy định đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan quá hạn vô chủ: Chi phí tiêu hủy hoặc chi phí di dời được ưu tiên thanh toán từ tiền bán đấu giá các lô hàng thanh lý khác hoặc trích từ Ngân sách xử lý tài sản công. Doanh nghiệp kho được miễn chi phí tiêu hủy nếu đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thông báo cảnh báo quá hạn.	
165.	**Điểm a.2 khoản 2 Điều 80**	UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Cà	Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: *"a.2) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với người khai hải quan trong phạm vi toàn quốc trừ các doanh nghiệp đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên và doanh nghiệp ưu tiên trong khu vực đặc thù theo quy định của Luật Thủ đô,* ***và Luật***	Tiếp thu. Điểm a.1, a.2, a.3 khoản 2 Điều 73 dự thảo Nghị định đã phân định: Cục trưởng Cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp ưu tiên,

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Mau (Chi cục HQKV XIX)	***Phát triển đô thị và các** Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách đặc biệt, đặc thù của Quốc hội. Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1 khoản này thực hiện khi Cục trưởng Cục Hải quan phân công;"* Lý do: Ghi bổ sung quy định về Luật phát triển đô thị.	trừ trường hợp phân cấp cho Trưởng Hải quan khu vực theo Luật, Nghị quyết của Quốc hội quy định cơ chế, chính sách đặc biệt, đặc thù; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan chỉ kiểm tra các đối tượng này khi được Cục trưởng phân công; Trưởng Hải quan khu vực quyết định kiểm tra đối với doanh nghiệp ưu tiên thuộc thẩm quyền được phân cấp. Tiếp thu để làm rõ thẩm quyền KTSTQ vì nội dung này chưa quy định tại Luật Phát triển đô thị.
166.	**Điểm a.3 khoản 2 Điều 80**	UBND TP Đồng Nai	Ý kiến góp ý: quy định rõ thêm trường hợp người khai hải quan không có trụ sở chính hoặc mã số thuế thuộc địa bàn quản lý nhưng có chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi lưu giữ hàng hóa thuộc địa bàn quản lý của Hải quan khu vực Lý do: Luật số 11/2026/QH16 ngày 23/8/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan quy định tại khoản 3 Điều 77: "3. Kiểm tra sau thông quan được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan, trụ sở người khai hải quan. Trụ sở người khai hải quan bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi lưu giữ hàng hóa theo quy định của pháp luật liên quan"	Không tiếp thu. Nội dung dự thảo Nghị định đã kế thừa quy định hiện hành, quy định hiện tại đang thực hiện ổn định, không vướng mắc; mở rộng giải thích địa bàn quản lý là không cần thiết và dễ dẫn đến cách hiểu máy móc về câu chữ.
167.	**Điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 80**	UBND tỉnh Quảng Ngãi (Chi cục HQKV XII); UBND TP Huế.	Tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 80, đề nghị bổ sung cụm từ "kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra" sau quy định về "thời hạn tối đa 10 ngày" và "thời hạn tối đa 20 ngày" để phù hợp với khoản 2 Điều 79 Luật Hải quan được sửa đổi bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16.	Không tiếp thu do Điều 79 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 đã quy định cụ thể.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
168.	**Điều 80. ~~Điều 97.~~ Kiểm tra sau thông quan, thời hạn kiểm tra sau thông quan**	UBND TP Huế	Điều 80: đề nghị rà soát toàn bộ quy định về thời hạn kiểm tra sau thông quan để bảo đảm thống nhất với khoản 2 Điều 79 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16; không chỉ bổ sung cụm từ về thời điểm tính thời hạn mà cần điều chỉnh cả thời hạn kiểm tra, gia hạn và mốc tính thời hạn trong dự thảo cho đồng bộ.	Tiếp thu ý kiến, đã sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định và quy định chi tiết thời hạn đối với trình tự, thủ tục thực hiện và xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan tại Thông tư.
169.	**Điều 80. Kiểm tra sau thông quan, thời hạn kiểm tra sau thông quan**	UBND TP Hà Nội (Chi cục HQKV I - Công ty TNHH Toto Việt Nam)	Kiến nghị giữ nguyên thời hạn KTSTQ như quy định hiện hành. Việc tăng thời hạn kiểm tra lên gấp đôi (10 ngày tại cơ quan HQ và 20 ngày tại DN) sẽ gây gián đoạn lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đi ngược lại tinh thần cải cách hành chính, tạo thuận lợi thương mại.	Không tiếp thu: Thời hạn kiểm tra sau thông quan đã được quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16 (tối đa 20 ngày, gia hạn một lần không quá 20 ngày); dự thảo Nghị định quy định thời hạn kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan tối đa 10 ngày, trong phạm vi thời hạn Luật quy định (khoản 1, khoản 2 Điều 73).
170.	***Điều 80. ~~Điều 97.~~ Kiểm tra sau thông quan, thời hạn kiểm tra sau thông quan*** 2. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan a) Thẩm quyền quyết định kiểm tra	Bộ Quốc phòng	Tại điểm a khoản 2 Điều 80, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định: "Trường hợp kiểm tra sau thông quan đối với các doanh nghiệp quốc phòng có liên quan đến hợp đồng, hồ sơ nhập khẩu tài sản, khí tài quân sự thuộc danh mục bí mật nhà nước, Trưởng đoàn và thành viên đoàn kiểm tra hải quan phải đáp ứng điều kiện về bảo mật thông tin và phối hợp với cơ quan bảo vệ an ninh Quân đội trong quá trình kiểm tra. Lý do: Do đặc thù tài liệu, hồ sơ xuất nhập khẩu hàng quốc phòng có chứa nhiều nội dung thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Mật/Tối mật/Tuyệt mật do Bộ Quốc phòng quản lý, việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp quốc phòng cần tuân thủ nghiêm quy định bảo vệ bí mật nhà nước.	Các trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan phần lớn chưa tác động đến các doanh nghiệp Bộ Quốc phòng (khối các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Nhà nước). Trường hợp phát sinh rủi ro vi phạm của doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan hải quan mặc nhiên phải tuân thủ Luật bảo vệ bí mật nhà nước. Việc thông báo cho cơ quan an ninh quân đội chưa có cơ chế cụ thể, cơ quan hải quan sẽ nghiên cứu đề xuất triển khai "quy chế phối hợp" với cơ quan an ninh quân đội theo quy định của pháp luật.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
171.	**Điều 82**	UBND TP Đồng Nai Hải Phòng	**1. Điểm b khoản 1 Điều 82** … khảo sát để chuẩn bị kiểm tra sau thông quan trong trường hợp cần thiết. Đề nghị làm rõ "khảo sát" những nội dung nào? **2. Điểm c khoản 2 Điều 82** Đối chiếu….. tình trạng thực tế của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong phạm vi…. Đề nghị bổ sung cụm từ: nếu cần thiết và còn điều kiện. Lý do: vì phải còn hàng thì mới đối chiếu được. **3. Điểm d khoản 2 Điều 82** Lập biên bản kiểm tra sau thông quan khi kết thúc kiểm tra Đề nghị sửa thành: Lập biên bản kiểm tra sau thông quan ghi nhận kết quả kiểm tra Lý do: thực tế không thể (phải) chờ kết thúc KT mới lập BBKT mà việc lập BBKT đang thực hiện như hướng dẫn tại khoản 4, Điều 10 quy trình 2123 là phù hợp). (Ngay sau từng nội dung kiểm tra hoặc sau mỗi buổi kiểm tra trong thời gian thực hiện Quyết định kiểm tra sau thông quan, Đoàn kiểm tra và người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của người khai hải quan lập và ký Biên bản kiểm tra theo mẫu số 08/BBKT Phụ lục VIII ban hành kèm Thông tư số 121; biên bản giao nhận hồ sơ, tài liệu (nếu có) theo mẫu số 10/BBGN Phụ lục VIII ban hành kèm Thông tư số 121 để ghi nhận các nội dung đã kiểm tra kèm hồ sơ, tài liệu cung cấp) * Ngoài ra, cần quy định rõ "Ngày làm việc" trong Nghị định.	1. Tiếp thu và giải trình: Nội dung khảo sát đã được quy định trong đề cương khảo sát, quy định theo Thông tư và Quy trình; 2. Không tiếp thu do: (i) Nội dung dự thảo NĐ đã kế thừa các nội dung từ Luật HQ và NĐ hiện hành, đang thực hiện ổn định; (ii) Đối chiếu nội dung khai báo,....với tình trạng thực tế của hàng hoá XNK có ý nghĩa được phép mở rộng kiểm tra khi hàng hoá XNK đã được tiêu thụ; 3. Không tiếp thu. Việc lập biên bản kiểm tra sau thông quan phục vụ mục tiêu gì được hướng dẫn tại Thông tư, không đưa lên văn bản cấp Nghị định. Cơ quan Hải quan đã bổ sung "ngày làm việc" đối với trình tự xử lý KTSTQ để thống nhất.
172.	**Điểm b khoản 2 Điều 83** dự thảo Nghị định quy định về việc tạm dừng kiểm tra khi cơ quan hải quan đang thực hiện kiểm tra sau thông quan: "*Thời gian tạm dừng này không tính vào thời gian kiểm tra của Quyết định kiểm tra sau thông quan*".	Thanh tra Chính phủ	Căn cứ khoản 2, Điều 79 Luật Hải quan sửa đổi 2026: "... *Thời hạn kiểm tra không quá 20 ngày kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần nhưng không quá 20 ngày.*" Đề nghị rà soát lại cơ chế tạm dừng trong dự thảo Nghị định để kiểm soát việc tính thời hạn theo Luật.	Các trường hợp tạm dừng đã được giới hạn cụ thể tại khoản 2 Điều 76 dự thảo Nghị định; nội dung liên quan "tạm dừng" đã được quy định chi tiết tại dự thảo Thông tư và thực hiện ổn định từ Thông tư 121/2025/TT-BTC (kế thừa từ quy định trước đây)
173.	***Điều 85.* Tuần tra hải quan** 2. Trong quá trình tuần tra, cơ quan hải quan có quyền:	UBND tỉnh Cao Bằng,	Đề xuất sửa đổi, bổ sung "*Ra hiệu lệnh dừng phương tiện vận tải <u>để kiểm tra</u>, khám phương tiện vận tải, <u>đồ vật</u>, hàng hóa chứa*	**Không tiếp thu.** Lý do: Nội dung này đã được quy định tại điểm a, điểm c khoản

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	b) Dừng phương tiện vận tải để khám phương tiện vận tải, hàng hóa chứa trên phương tiện vận tải khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan;	UBND tỉnh Tuyên Quang (Chi cục HQKV XVI)	*trên phương tiện vận tải khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan''*. Lý do: Để phù hợp với diễn biến thực tế từ quá trình phát hiện đến các biện pháp tác động của cơ quan hải quan và phù hợp với các thuật ngữ dùng trong các quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính.	2 Điều 78, khoản 3 Điều 79 dự thảo Nghị định.
174.	**Điểm b khoản 2 Điều 85**	UBND tỉnh Lai Châu, UBND tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh Lào Cai	Đề nghị sửa thành: "**Truy đuổi,** dừng phương tiện vận tải để khám phương tiện vận tải, hàng hóa chứa trên phương tiện vận tải khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan"; **Lý do:** Để phù hợp quy định tại Điều 87 Dự thảo Nghị định về Truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới.	Bộ Tài chính không tiếp thu ý kiến và xin giải trình như sau: Việc truy duổi phương tiện vận tải, hàng hoá buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới dang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan đã được quy định tại Điều 80 dự thảo Nghị định.
175.	***Điều 86.*** ~~**Điều 103.**~~ **Dừng phương tiện vận tải**	Kiểm toán Nhà nước	Về quy định liên quan việc dừng phương tiện: Tại điểm d Khoản 1 Điều 86 quy định các trường hợp được dừng phương tiện vận tải "*Trong khi tuần tra, kiểm soát hải quan, cơ quan hải quan phát hiện phương tiện vận tải có dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*". Tuy nhiên khoản 3 Điều 86 quy định "*Việc dừng phương tiện vận tải phải được thông báo bằng văn bản cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải*" Đề nghị Cơ quan soạn thảo văn bản rà soát lại quy định nêu trên để đảm bảo tính khả thi, phù hợp khi thực hiện.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến, cụ thể: - Sửa đổi quy định tại điểm d khoản 1 Điều 79 theo hướng bỏ từ "tuần tra" do việc dừng phương tiện vận tải trong trường hợp phát hiện dấu hiệu buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới khi thực hiện tuần tra tại điểm này được ghép vào điểm b khoản 2 Điều 78 và là trường hợp được dừng phương tiện vận tải tại điểm g khoản 1 Điều 79. - Sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 79 theo hướng việc dừng phương tiện vận tải phải được thông báo bằng văn bản cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải, trừ

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				trường hợp dừng phương tiện vận tải khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra quy định tại điểm g khoản 1 Điều 79. *(Điều 85, 86 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến nay là Điều 78, 79)*
176.	***Điều 86.*** **Dừng phương tiện vận tải** *2. Thẩm quyền dừng phương tiện vận tải:* *a)* ***Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu,*** *Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu được dừng phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan.* *b) Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu được dừng phương tiện* ***vận tải*** *tại vùng nội thủy, lãnh hải phù hợp với quy định của Luật Biển Việt Nam.*	UBND tỉnh Lai Châu, UBND tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh Lào Cai	Đề nghị sửa thành: a) Trưởng Hải quan cửa khẩu, Trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu, Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu, ***cấp phó khi được giao quyền*** được dừng phương tiện vận tải trong phạm vi địa bàn hoạt động hải quan. b) Đội trưởng Đội Kiểm soát hải quan thuộc Hải quan khu vực, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu, ***cấp phó khi được giao quyền*** được dừng phương tiện vận tải tại vùng nội thủy, lãnh hải phù hợp với quy định của Luật Biển Việt Nam." **Lý do:** Để phù hợp quy định khoản 2 điều 87 Dự thảo Nghị định về Truy duổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới.	Bộ Tài chính không tiếp thu ý kiến và xin giải trình như sau: Quy định về thẩm quyền dừng phương tiện vận tải tại khoản 2 Điều 86 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 79) phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16.
177.	**Khoản 3 Điều 86** *3. ... Việc dừng phương tiện vận tải phải được thông báo bằng văn bản cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải.*	Thanh tra Chính phủ	Quy định chưa làm rõ thời điểm thực hiện việc thông báo bằng văn bản và trình tự thực hiện trong trường hợp khẩn cấp. Việc chưa xác định rõ các nội dung này có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất, đặc biệt trong trường hợp cần dừng phương tiện ngay để ngăn chặn hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.	Bộ Tài chính tiếp thu một phần, cụ thể: - Sửa đổi quy định tại 3 Điều 79 theo hướng việc dừng phương tiện vận tải phải được thông báo bằng văn bản cho chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định về thời điểm, nội dung thông báo và thông báo bằng văn bản đối với trường hợp khẩn cấp tại Thông tư hướng dẫn.	vận tải, trừ trường hợp dừng phương tiện vận tải khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra quy định tại điểm g khoản 1 Điều 79. - Đối với đề nghị cân nhắc bổ sung quy định về thời điểm, nội dung thông báo: Tại các điều khác của dự thảo Nghị định quy định về dừng phương tiện vận tải đang chịu sự giám sát hải quan đều không quy định về thời điểm, nội dung thông báo. Vì vậy, khoản 3 Điều 79 dự thảo Nghị định không quy định các nội dung này để đảm bảo sự thống nhất giữa các điều khoản của dự thảo Nghị định. *(Điều 86 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến nay là Điều 79).*
178.	***Điều 87.*** **Truy đuổi phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới** *4. Việc truy đuổi và dừng phương tiện vận tải, hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới* ***đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan*** *phải được thông báo cho cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường trên địa bàn để phối hợp, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhận được thông báo có trách*	UBND tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh Tuyên Quang (Chi cục HQKV XVI)	Quá trình truy đuổi phải được thông báo cho cơ quan công an (cụ thể là lực lượng công an nào? nếu là lực lượng Cảnh sát giao thông thì cần ghi rõ trong Nghị định không? Nếu cần rõ thì phải xây dựng quy chế phối hợp giữa các lực lượng, cách thức thông báo như thế nào? Về thời điểm thông báo: theo quy định như trên thì việc truy duổi và dừng phương tiện vận tải… ngoài địa bàn, chỉ được thực hiện khi đã thông báo cho các lực lượng. Thực tiễn triển khai các trường hợp truy duổi đều mang tính bất ngờ, yêu cầu phải nhanh chóng, tức thì, liên tục… Quy định như vậy sẽ phát sinh những tình huống thông báo không kịp thời, cơ quan hải quan vô tình lại thực hiện sai quy định, đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu quy định lại điều khoản này.	Bộ Tài chính không tiếp thu ý kiến và xin giải trình như sau: - Theo quy định của Luật Hải quan, trường hợp trong địa bàn hoạt động hải quan thì cơ quan hải quan chủ trì; ngoài địa bàn hoạt động hải quan thì cơ quan hải quan phối hợp. Trường hợp truy đuổi liên tục phương tiện vận tải (có chuyên chở hàng hoá có dấu hiệu vi phạm pháp luật) từ trong địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan thì cơ quan hải quan phải thông báo cho cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nhiệm phối hợp, hỗ trợ cơ quan hải quan truy đuổi, dừng phương tiện vận tải theo quy định của pháp luật.			lý thị trường trên địa bàn để phối hợp (bao gồm cả việc phối hợp với lực lượng chức năng có thẩm quyền dừng phương tiện vận tải ngoài địa bàn hoạt động hải quan). Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, các đơn vị phải xây dựng kế hoạch phối hợp, thiết lập mối quan hệ công tác, thống nhất các nội dung phối hợp với các lực lượng chức năng có liên quan để trường hợp phát sinh truy đuổi thì đã có đầu mối liên hệ, phối hợp được thống nhất trước khi triển khai kế hoạch.
179.	**Điều 89. Thông tin hải quan:**	UBND TP Đồng Nai	Cần quy định rõ nguyên tắc "một lần khai báo, dùng chung nhiều lần" để tránh doanh nghiệp phải nộp lại dữ liệu đã có trên Cổng một cửa quốc gia.	Bộ Tài chính không tiếp thu ý kiến và xin giải trình như sau: - Khoản 3 Điều 24 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 quy định: *"Đối với thành phần hồ sơ hải quan do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, tổ chức hoạt động KTCN cấp qua cơ chế một cửa quốc gia thì người khai hải quan không phải nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan."* - Điều 29 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 giao Bộ Tài chính quy định chi tiết về khai hải quan. - Tại Điều 3 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC và 121/2025/TT-BTC đã quy định về việc nộp, xác nhận và sử dụng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, hồ sơ thuế, cụ thể: *"Trường hợp các chứng từ đã được cấp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất khẩu gửi dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa ASEAN hoặc Cổng thông tin trao đổi với các nước khác theo quy định của Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì người khai hải quan không phải nộp.* *Khi kiểm tra hồ sơ, cơ quan hải quan căn cứ vào các thông tin trên tờ khai hải quan và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp thông qua Hệ thống để kiểm tra, đối chiếu và lưu trữ."* - Nguyên tắc kết nối, chia sẻ, dùng chung dữ liệu nhằm mục tiêu không yêu cầu người khai hải quan phải nộp lại các chứng từ, thông tin đã có trên hệ thống hoặc đã được các cơ quan quản lý nhà nước chia sẻ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thực chất đã được cụ thể hóa quy định tại khoản 5 Điều 82 dự thảo Nghị định: "Dữ liệu chia

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				sẻ, kết nối từ Cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan." Do đó, Bộ Tài chính đề xuất giữ như dự thảo.
180.	**Về chia sẻ dữ liệu thông tin hải quan (Điều 89, 90, 91 dự thảo Nghị định)** ***Điều 89.* Thông tin hải quan** Thông tin hải quan bao gồm: 1. Thông tin từ hoạt động nghiệp vụ hải quan: a) Thông tin thuộc bộ hồ sơ hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; b) Thông tin nghiệp vụ hải quan được thực hiện trong quá trình kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. 2. Thông tin từ Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan: a) Thông tin về chính sách quản lý hàng hóa sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành; b) Thông tin về cấp phép hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện	Bộ Công Thương	Điểm c khoản 2 Điều 90 dự thảo Nghị định quy định: cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan nhà nước có liên quan để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và điều tra hành vi vi phạm pháp luật theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 90 dự thảo Nghị định chỉ quy định trách nhiệm Bộ Tài chính quy định cụ thể việc cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử. Trong khi đó, khoản 2 Điều 91 dự thảo Nghị định quy định Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan tư pháp xây dựng các quy định cụ thể về trao đổi, cung cấp thông tin hải quan của cơ quan quản lý nhà nước cho cơ quan hải quan. Theo đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ phương thức trao đổi, phạm vi thông tin hải quan mà cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp, chia sẻ cho cơ quan quản lý nhà nước, trong đó làm rõ: Thông tin hải quan mà cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước theo điểm c khoản 2 Điều 90 dự thảo Nghị định có bao gồm toàn bộ thông tin quy định tại Điều 89 dự thảo Nghị định không	Điều 82 dự thảo Nghị định quy định cụ thể các loại thông tin hải quan; Khoản 2 Điều 83 quy định trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan, tổ chức có liên quan theo từng mục đích sử dụng. Theo đó, việc cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan nhà nước theo điểm c khoản 2 Điều 83 được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước của từng cơ quan, đồng thời phải tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan, không đồng nghĩa với việc cung cấp toàn bộ thông tin quy định tại Điều 82. Các nội dung cần cung cấp phụ thuộc yêu cầu cụ thể công tác quản lý nhà nước của từng đối tượng, do vậy Bộ Tài chính không thể quy định cụ thể nội dung này cho tất cả các đơn vị mà các đơn vị có nhu cầu, căn cứ tình hình thực tế và cơ sở pháp lý để phối hợp với Bộ Tài chính.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; c) Thông tin về xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. 3. Thông tin về các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh: a) Thông tin về đăng ký, thành lập, giải thể, phá sản và tình trạng tài chính; b) Thông tin về quá trình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; c) Thông tin về quá trình tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực hải quan, thuế, kế toán, thống kê; d) Thông tin khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh do các tổ chức, cá nhân thực hiện; *đ) Dữ liệu điện tử, dữ liệu số được kết nối từ hệ thống quản lý của doanh nghiệp; dữ liệu định vị, giám sát hành trình của phương tiện vận tải; hình ảnh và dữ liệu số từ các cơ quan kiểm tra chuyên ngành và doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi.*			Khoản 2 Điều 84 dự thảo Nghị định đã quy định Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan tư pháp xây dựng quy chế phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin hải quan. Riêng đối với quy định về cung cấp thông tin tờ khai hải quan điện tử - kế thừa từ Quyết định số 33/2016/QĐ-TTg ngày 19/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã phối hợp với các đơn vị có nhu cầu sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử để xác định nội dung chia sẻ, trách nhiệm các bên. Do vậy, Bộ Tài chính chủ trì xây dựng hướng dẫn nội dung chia sẻ thông tin tờ khai hải quan điện tử là phù hợp. Về phương thức cung cấp thông tin, Bộ Tài chính sẽ thực hiện trao đổi với các Bộ, ngành theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	4. Các thông tin khác có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan. *5. Dữ liệu chia sẻ, kết nối từ Cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.* ***Điều 90.* Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan** *2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan, bao gồm:* *c) Cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan nhà nước có liên quan để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và điều tra hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật;* *...4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc cung cấp, sử dụng thông tin tờ khai hải quan điện tử.*			

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
181.	***Điều 90.*** ~~***Điều 106.***~~ **Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan** *3. Việc thu thập, cung cấp thông tin hải quan phải đảm bảo an toàn thông tin mạng, an ninh dữ liệu quốc gia và bảo mật bí mật kinh doanh của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Cơ quan hải quan không được cung cấp các thông tin làm ảnh hưởng đến quyền cạnh tranh hợp pháp của doanh nghiệp, trừ trường hợp phục vụ công tác điều tra, tố tụng hình sự hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.*	Bộ Quốc phòng	Tại khoản 3 Điều 90, đề nghị nghiên cứu bổ sung cụm từ "bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh như sau: "3. Việc thu thập, cung cấp thông tin hải quan phải đảm bảo an toàn thông tin mạng, an ninh dữ liệu quốc gia, ***bảo vệ bí mật nhà nước*** trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và bảo mật bí mật kinh doanh của tổ chức, cá nhân...". Lý do: Khoản 3 Điều 90 đã đề cập đến bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu quốc gia và bảo mật bí mật kinh doanh. Tuy nhiên, đối với dữ liệu xuất nhập khẩu hàng hóa quốc phòng, an ninh, cần nhấn mạnh yêu cầu bảo mật bí mật nhà nước trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Quốc phòng, đồng thời chỉnh sửa lại cách diễn đạt cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Cụ thể: (1) Khoản 3 Điều 83 dự thảo Nghị định đã bổ sung cụm từ "bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh" theo đề nghị của Quý Bộ. (2) Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 đã thay thế Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 và Luật An ninh mạng năm 2018. Do vậy, cụm từ "an toàn thông tin mạng" được điều chỉnh thành "an ninh thông tin mạng" để thống nhất với thuật ngữ của luật hiện hành. Khoản 3 Điều 83 dự thảo Nghị định sau khi chỉnh sửa: "*3. Việc thu thập, cung cấp thông tin hải quan phải bảo đảm* ***an ninh thông tin mạng****, an ninh dữ liệu quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và bảo mật bí mật kinh doanh của tổ chức, cá nhân ...*"
182.	**Khoản 3 Điều 90**	Bộ Công an	Đề nghị rà soát dự thảo Nghị định để thay thế cụm từ "an toàn thông tin mạng" bằng cụm từ "an ninh thông tin mạng" cho phù hợp với quy định của Luật An ninh mạng.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và sửa tại dự thảo Nghị định.
183.	**Điều 90 và Điều 91**	Bộ Văn hóa, Thể	Điều 90 và Điều 91: Đề nghị bổ sung hoặc làm rõ cơ chế trao đổi thông tin về việc thực hiện nghĩa vụ cam kết, thông báo và các văn bản quản lý chuyên ngành khác, bên cạnh thông tin cấp phép.	Bộ Tài chính xin giải trình như sau: - Khoản 3 Điều 24 Luật Hải

	Điều 90. **Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan** ***Điều 91.*** **Trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước**	thao và Du lịch	Đồng thời, đề nghị quy định cơ chế cập nhật thông tin về thu hồi giấy phép, yêu cầu dừng hoạt động hoặc kết quả xử lý vi phạm có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; bảo đảm cơ quan hải quan và cơ quan quản lý chuyên ngành có căn cứ phối hợp kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải phù hợp với phạm vi quản lý, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin và không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại dữ liệu đã được cơ quan nhà nước tiếp nhận, chia sẻ hợp lệ.	quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 quy định: *"Đối với thành phần hồ sơ hải quan do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, tổ chức hoạt động KTCN cấp qua cơ chế một cửa quốc gia thì người khai hải quan không phải nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan."* - Nguyên tắc kết nối, chia sẻ, dùng chung dữ liệu nhằm mục tiêu không yêu cầu người khai hải quan phải nộp lại các chứng từ, thông tin đã có trên hệ thống hoặc đã được các cơ quan quản lý nhà nước chia sẻ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thực chất đã được cụ thể hóa quy định tại Khoản 5 Điều 89 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 82): *"Thông tin chia sẻ, kết nối từ Cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan."* - Về kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan quản lý nhà nước, nội dung nguyên tắc, phương thức, danh mục dữ liệu bắt buộc đã được quy định thống nhất tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025. Về tổ chức, cá nhân liên quan lĩnh vực hải quan (không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				278/2025/NĐ-CP), mức độ, phương thức kết nối (tự động, thời gian thực hay định kỳ) phụ thuộc năng lực hạ tầng công nghệ thông tin của từng đối tượng và tính chất từng loại thông tin, nghiệp vụ cụ thể; đây là nội dung mang tính kỹ thuật, có sự biến động theo mức độ đáp ứng của hạ tầng số, không phù hợp quy định cứng tại Nghị định, mà nên để tại quy trình nghiệp vụ, quy chế phối hợp hoặc thỏa thuận kết nối cụ thể. Ngoài ra, tại Nghị định số 336/2026/NĐ-CP cũng quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ ngành quản lý chuyên ngành và Bộ Tài chính. a) Bộ Tài chính bảo đảm kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; hướng dẫn chuẩn dữ liệu đối với các chỉ tiêu thông tin khai báo… b) Các bộ, ngành bảo đảm kết nối hệ thống xử lý chuyên ngành, bao gồm cả phần được phân cấp cho địa phương với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Đồng thời, Nghị định quy định nguyên tắc vận hành Cổng thông tin một cửa quốc gia đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				thương mại, bí mật kinh doanh, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
184.	***Điều 92.*** ~~**Điều 108.**~~ **Trách nhiệm cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan**	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Tại khoản 1 Điều 92, đề nghị bỏ nội dung *"thu thập, xử lý thông tin, kiểm tra hải quan, thanh tra"* để thống nhất với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 Luật Hải quan1; đồng thời về hồ sơ, tài liệu phải cung cấp, đề nghị quy định tương tự với khoản 2 Điều 92 dự thảo Nghị định (về việc cung cấp hồ sơ, tài liệu của tổ chức bảo hiểm)	Bộ Tài chính không tiếp thu ý kiến và xin giải trình như sau: - Điểm b khoản 2 Điều 91 Luật Hải quan quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của tổ chức tín dụng, tổ chức bảo hiểm để phục vụ hoạt động điều tra, xác minh và xử lý các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Ngoài phục vụ hoạt động điều tra, xác minh, xử lý hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, cơ quan hải quan còn thu thập thông tin để phục vụ thực hiện thủ tục hải quan; thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác của cơ quan hải quan. Điều 95 Luật Hải quan quy định cơ quan hải quan tổ chức thu thập thông tin từ các nguồn sau: hoạt động nghiệp vụ hải quan; tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh... - Điều 91 Luật Hải quan quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				chức và cá nhân liên quan trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Do đó, không có nội dung về trách nhiệm cung cấp thông tin đối với những thông tin khác. - Điều 93, 94 Luật Hải quan quy định về hệ thống thông tin hải quan; Điều 95 Luật Hải quan đã quy định về quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp thông tin hải quan, theo đó đã giao Chính phủ quy định chi tiết nội này. Do đó, quy định như tại dự thảo Nghị định là phù hợp với quy định tại Luật Hải quan.
185.	**Điều 93. ~~Điều 109.~~ Cung cấp và sử dụng thông tin hải quan**	Bộ Quốc phòng	Tại Điều 93, đề nghị nghiên cứu bổ sung: "Cơ quan hải quan và công chức hải quan có trách nhiệm bảo mật tuyệt đối các thông tin, dữ liệu tờ khai, danh mục hàng hóa, trị giá hợp đồng và đối tác cung cấp nước ngoài liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ an ninh, quốc phòng. Các thông tin này không được công khai trên các hệ thống tra cứu dữ liệu hải quan điện tử công cộng . Lý do: Để bảo đảm tuân thủ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ thông tin chiến lược trong hoạt động trang bị, mua sắm khí tài của quốc gia.	Bộ Tài chính không tiếp thu và xin giải trình như sau: - Khoản 2 Điều 86 dự thảo Nghị định quy định "2. Cơ quan Hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp, sử dụng thông tin được cung cấp đúng mục đích; tuân thủ các quy định về bảo đảm an ninh thông tin mạng, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, pháp luật chuyên ngành có liên quan và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật." đã bao hàm đầy đủ các nội dung ý kiến của Bộ Quốc phòng

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				- Việc bảo vệ các thông tin thuộc bí mật nhà nước được thực hiện theo Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Bên cạnh đó, việc cung cấp các thông tin hải quan có liên quan đến nhiều lĩnh vực và tùy vào từng trường hợp cụ thể. Khoản 2 Điều 84 dự thảo Nghị định đã có quy định về việc: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan tư pháp xây dựng quy chế phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin hải quan. Do đó quy định nguyên tắc như tại dự thảo Nghị định là phù hợp. *(Điều 91, 93 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến nay là Điều 84, 86).*
186.	**Điều 95. Hiệu lực thi hành**	Thanh tra Chính phủ	Đề nghị cân nhắc bổ sung điều khoản chuyển tiếp để bảo đảm không bỏ sót các vấn đề, nội dung, phát sinh trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thay vì chỉ đề cập đến thủ tục hành chính như quy định tại khoản 3, điều 95 của dự thảo.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến. Dự thảo đã bổ sung quy định chuyển tiếp đối với hồ sơ thủ tục hành chính, các quyết định kiểm tra đã ban hành, quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên (khoản 3, khoản 4 Điều 88 dự thảo Nghị định).

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
187.	***Điều 95.* Hiệu lực thi hành** *3. Đối với hồ sơ để thực hiện các thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này người khai hải quan **đã nộp** nhưng chưa hoàn thành thủ tục thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm **trước khi Nghị định này có hiệu lực**.*	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Khoản 3 Điều 95: Về quy định chuyển tiếp đề nghị cân nhắc quy định hồ sơ đã được tiếp nhận chính thức, đối với hồ sơ "đã nộp" nhưng cần sửa đổi, bổ sung thì cân nhắc thực hiện theo quy định tại Nghị định mới.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Quý Bộ và sẽ tiếp tục rà soát, nghiên cứu để chỉnh lý quy định về điều khoản chuyển tiếp, đảm bảo tính minh bạch, khả thi, không tạo ra khoảng trống pháp lý. Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 29 Luật Hải quan quy định chính sách quản lý hàng hóa, chính sách thuế áp dụng tại thời điểm đăng ký tờ khai, trừ trường hợp pháp luật về thuế XK, thuế NK có quy định khác. Trường hợp hồ sơ đã nộp phải sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ.
188.	**Phụ lục I, Mẫu số 01, từ chỉ tiêu 1.20 đến 1.31.**	UBND tỉnh Lai Châu, UBND tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh Lào Cai	Đề nghị rà soát lại toàn bộ số thứ tự các chỉ tiêu trong Phụ lục I, Mẫu số 01, đặc biệt đoạn từ 1.20 đến 1.31; xác định các chỉ tiêu còn thiếu hoặc đánh số nhầm và đánh lại số thứ tự bảo đảm liên tục, thống nhất với nội dung biểu mẫu. Lý do: Hiện số thứ tự chuyển từ 1.20 sang 1.29, làm phát sinh khoảng thiếu 1.21–1.28.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và chỉnh lý kỹ thuật tại Phụ lục.
189.	**Phụ lục I, Mẫu số 01, các chỉ tiêu 1.10, 1.13 và phần C**	UBND tỉnh Lai Châu, UBND tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh Lào Cai	Đề nghị sửa "kĩ thuật" thành "**kỹ thuật**"; "như cầu" thành "**nhu cầu**"; đồng thời rà soát, chỉnh sửa dấu câu tại chỉ tiêu 1.13 và thống nhất cách trình bày trong toàn bộ Phụ lục I. Lý do: Bảo đảm thống nhất về chính tả, thuật ngữ và kỹ thuật trình bày trong cùng một biểu mẫu.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và chỉnh lý kỹ thuật tại Phụ lục.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
190.	**Ý KIẾN KHÁC**			
191.	**Dự thảo tờ trình Chính phủ** ***3.1.2. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*** - Tại Điều 36 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hàng hóa (sửa đổi Điều 33 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP) đề xuất sửa đổi theo hướng: + Bổ sung hàng hóa "quá cảnh" thuộc đối tượng KTCN vì thực tế, ngoài giấy phép thì hàng hóa quá cảnh thuộc danh mục KTCN thì vẫn phải thực hiện kiểm tra theo quy định.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tại tiểu mục 3.1.2, lập luận "hàng hóa quá cảnh thuộc danh mục KTCN thì vẫn phải thực hiện kiểm tra" để bổ sung hàng hóa quá cảnh thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành chưa phù hợp với khoản 1 Điều 86 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP đối với kiểm tra nhà nước về chất lượng. Đề nghị làm rõ các loại kiểm tra chuyên ngành áp dụng đối với hàng hóa quá cảnh và căn cứ pháp luật chuyên ngành tương ứng.	Nội dung kiểm tra chuyên ngành tại khoản này là kiểm tra chuyên ngành nói chung theo pháp luật chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; đối với hàng quá cảnh tuy không phải kiểm tra chất lượng nhưng phải kiểm dịch, do vậy, Bộ Tài chính đề xuất giữ nguyên như ý kiến tại dự thảo Tờ trình để đảm bảo bao quát, đầy đủ.
192.	**Tờ trình Chính phủ**	Bộ Tư pháp	Về dự thảo Tờ trình, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tài chính tiếp tục rà soát để bảo đảm dự thảo Tờ trình có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ (Nghị định số 78/2025/NĐ-CP), trong đó lưu ý bổ sung nội dung về *"vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết"* theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp để hoàn thiện tờ trình Chính phủ theo quy định. Dự thảo Tờ trình đã được hoàn thiện theo bố cục Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, bổ sung mục vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến và kiến nghị phương án giải quyết theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.
193.	**Về sự cần thiết ban hành Nghị định**	Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp nhận thấy dự thảo Tờ trình gửi kèm Công văn số 14903/BTC-CHQ ngày 22/9/2026 nêu trên đã có các nội dung về cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc ban hành Nghị định. Tuy nhiên, đề nghị Quý Bộ rà soát, chỉnh sửa Mục I.1 dự thảo Tờ trình nêu trên theo hướng liệt kê cơ sở chính trị trước, cơ sở pháp lý sau để bảo đảm rõ ràng.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Quý Bộ để rà soát, hoàn thiện dự thảo tờ trình Chính phủ và hồ sơ dự thảo Nghị định. Mục I.1 dự thảo Tờ trình đã được sắp xếp lại theo hướng nêu cơ sở chính trị trước

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ tiếp tục rà soát nội dung dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 19/5/2026 của Bộ Chính trị về triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIV của Đảng; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam; Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 28/07/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó có yêu cầu *"trong năm 2025, hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo"* (Mục 2.1 Phần III); Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó yêu cầu *"đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát từ bỏ tư duy "không quản được thì cấm"* (Mục 2 Phần III); Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, trong đó không được *"chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ"* (điểm d khoản 2 Điều 9); Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; tuân thủ Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ VI Quốc hội khoá XV, trong đó quy định về việc phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng,	(Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW, Kết luận số 09-KL/TW), cơ sở pháp lý sau. Nội dung này được đánh giá chi tiết tại phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan kèm theo Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định. Liên quan đến việc thực hiện phân cấp, phân quyền, Bộ Tài chính đã báo cáo tại điểm 3.5 mục IV dự thảo tờ trình Chính phủ.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			tiêu cực, *"lợi ích nhóm"*, *"lợi ích cục bộ"* trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (Mục 3 Nghị quyết). Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tài chính rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định để bảo đảm thực hiện đúng chủ trương "*đẩy mạnh phân cấp, phân quyền*" theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; Kết luận số 97-KL/TW ngày 05/10/2024 của Hội nghị Trung ương 10, khoá XIII và các chỉ đạo khác có liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	
194.	**Về tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị định với hệ thống pháp luật**	Bộ Tư pháp	Liên quan đến nội dung của dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tài chính rà soát kỹ để đảm bảo dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2014/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15 và Luật số 11/2026/QH16; Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật 05/2017/QH14, Luật số 44/2019/QH14 và Luật số 75/2025/QH15; Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 133/2025/QH15; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2024/QH15; Luật số 116/2025/QH15 và Luật số 148/2025/QH15; Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 và thống nhất với các Nghị định hướng dẫn, quy định chi tiết, tổ chức thi hành các Luật nêu trên.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Quý Bộ để rà soát, đảm bảo quy định tại dự thảo Nghị định phù hợp với các Luật, Nghị định có liên quan. Nội dung này được đánh giá chi tiết tại phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan kèm theo Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định.
195.	**Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên**	Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ rà soát dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan, trong đó có cam kết tại Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) và các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam là	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Quý Bộ để rà soát, đảm bảo quy định tại dự thảo Nghị định phù hợp với các cam kết quốc tế có liên quan. Nội dung này được đánh giá

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			thành viên. Trong đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ lưu ý rà soát điểm a khoản 2 Điều 30 dự thảo Nghị định về kiểm tra, xác định trị giá hải quan, trong đó quy định: *"Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo trị giá hải quan, đề nghị người khai hải quan thực hiện khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và giải phóng hàng theo quy định. Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá hải quan, ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định"*; điểm b khoản 2 Điều 30 dự thảo Nghị định quy định: *"Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn cho người khai hải quan, thông quan hàng hóa theo quy định, thực hiện kiểm tra trị giá sau khi hàng hóa đã thông quan"*. Liên quan đến nội dung trên, tại Quyết định của Uỷ ban về Định giá Hải quan được thành lập theo Hiệp định về thực hiện Điều VII của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) 1994 trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) về trường hợp cơ quan hải quan có lý do nghi ngờ sự trung thực hoặc chính xác của giá trị khai báo hải quan năm 1995 nêu rõ: Khi có lý do nghi ngờ tính trung thực hoặc tính chính xác của số liệu/chứng từ do doanh nghiệp nộp, cơ quan hải quan có quyền yêu cầu nhà nhập khẩu giải trình và cung cấp thêm chứng từ, bằng chứng xác minh trị giá khai báo phản ánh đúng tổng số tiền thực tế đã thanh toán hoặc phải thanh toán; trước khi đi đến quyết định cuối cùng, cơ quan hải quan sẽ thông báo cho nhà nhập khẩu, bằng văn bản nếu được yêu cầu, các căn cứ để nghi ngờ về sự trung thực hoặc chính xác của các chi tiết hay các chứng từ được cung cấp và	chi tiết tại phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan kèm theo Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định. **Đối với góp ý liên quan đến Điều 30, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:** (i) Tiếp thu đối với điểm b Khoản 2 Điều 30 (Nay là điểm a Khoản 2 Điều 26): Đây là nội dung quy định cho các trường hợp cơ quan hải quan có nghi vấn về trị giá, nhưng cơ quan hải quan vẫn thông quan hàng hóa theo quy định để tạo điều kiện thông quan nhanh chóng hàng hóa cho doanh nghiệp. Đồng thời, cơ quan hải quan chuyển nghi vấn trị giá sang khâu sau khi hàng hóa đã thông quan. Tại khâu này cơ quan hải quan sẽ yêu cầu người khai hải quan giải trình và cung cấp thêm chứng từ, bằng chứng xác minh trị giá khai báo. Người khai hải quan sẽ có các cơ hội giải trình, chứng minh trị giá khai báo. Khi quyết định cuối cùng được đưa ra, cơ quan hải quan sẽ thông báo cho người khai hải quan bằng văn bản quyết định và các căn cứ để đưa ra quyết định đó (Hiện nay đã

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			nhà nhập khẩu sẽ có các cơ hội hợp lý để trả lời; khi quyết định cuối cùng được đưa ra, cơ quan hải quan sẽ thông báo cho nhà nhập khẩu bằng văn bản quyết định của họ và các căn cứ để đưa ra quyết định đó[1]. Như vậy, quy định tại khoản 2 Điều 30 dự thảo Nghị định mới chỉ quy định về việc người khai hải quan được khai bổ sung khi cơ quan hải quan *"đủ cơ sở bác bỏ trị giá hải quan"*; chưa có quy định yêu cầu cơ quan hải quan phải thông báo cho người khai hải quan bằng văn bản quyết định cuối cùng về trị giá khai báo và căn cứ để đưa ra quyết định đó như yêu cầu tại Quyết định nêu trên của Uỷ ban về Định giá Hải quan được thành lập theo Hiệp định về thực hiện Điều VII của Hiệp định GATT 1994. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ rà soát các nội dung nêu trên để bảo đảm dự thảo Nghị định tương thích hơn với các điều ước quốc tế liên quan trong khuôn khổ WTO.	được quy định chi tiết tại Điều 109 dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định này). (ii) Không tiếp thu đối với Điểm a Khoản 2 Điều 30: Đây là trường hợp có phát sinh rất ít trong thực tế, nội dung hướng dẫn cho trường hợp tại thời điểm kiểm tra hồ sơ, trên cơ sở chứng từ, tài liệu người khai hải quan cung cấp theo quy định, cơ quan hải quan đã có đầy đủ căn cứ, cơ sở bác bỏ trị giá khai báo (quy định chi tiết tại Điều 19 dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định này). Do đó, nếu quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế. Như vậy, các hướng dẫn nêu trên đã đảm bảo tương thích với các quy định tại Hiệp định về thực hiện Điều VII của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) 1994, vừa tạo điều kiện

[1] Đoạn 1 Quyết định về trường hợp cơ quan hải quan có lý do nghi ngờ sự trung thực hoặc chính xác của giá trị khai báo hải quan của Uỷ ban về Định giá Hải quan được thành lập theo Hiệp định về thực hiện Điều VII của Hiệp định GATT 1994 quy định như sau: *"When a declaration has been presented and where the customs administration has reason to doubt the truth or accuracy of the particulars or of documents produced in support of this declaration, the customs administration may ask the importer to provide further explanation, including documents or other evidence, that the declared value represents the total amount actually paid or payable for the imported goods, adjusted in accordance with the provisions of Article 8. If, after receiving further information, or in the absence of a response, the customs administration still has reasonable doubts about the truth or accuracy of the declared value, it may, bearing in mind the provisions of Article 11, be deemed that the customs value of the imported goods cannot be determined under the provisions of Article 1. Before taking a final decision, the customs administration shall communicate to the importer, in writing if requested, its grounds for doubting the truth or accuracy of the particulars or documents produced and the importer shall be given a reasonable opportunity to respond. When a final decision is made, the customs administration shall communicate to the importer in writing its decision and the grounds therefor."*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				cho doanh nghiệp thông quan nhanh hàng hóa.
196.	**Về sự cần thiết ban hành Nghị định**	Bộ Ngoại giao	Bộ Ngoại giao nhất trí với sự cần thiết xây dựng và ban hành Nghị định nhằm bảo đảm tính thống nhất các quy định về hải quan, đơn giản hóa thủ tục và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến.
197.	**Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định**	Bộ Ngoại giao	Tại Phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định kèm theo Báo cáo Tổng kết việc thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Quý Bộ đã có nội dung rà soát, đánh giá nội dung dự thảo Nghị định với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó có các cam kết tại EVFTA, CPTPP, RCEP và các nghĩa vụ trong khuôn khổ WTO. Qua rà soát, Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với đánh giá của Quý Bộ; đồng thời đề nghị Quý Bộ tiếp tục rà soát các điều ước quốc tế có liên quan, bao gồm các điều ước song phương (nếu có).	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến và đã bổ sung tại Phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định một số điều ước song phương liên quan như: Hiệp định Thương mại Tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc; Hiệp định giữa Nhật Bản và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam - UAE (CEPA).
198.		Bộ Ngoại giao	Đề nghị rà soát, đánh giá tác động của các quy định tại dự thảo đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu, bảo đảm xác định đầy đủ chi phí tuân thủ và khả năng đáp ứng của doanh nghiệp đối với các yêu cầu, thủ tục mới, tránh phát sinh gánh nặng hành chính không cần thiết.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Quý Bộ. Tại Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan kèm hồ sơ Nghị định, Bộ Tài chính đã thực hiện

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				đánh giá sự cần thiết ban hành thủ tục, tính hợp lý, hợp pháp và chi phí tuân thủ của từng thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. Các thủ tục hành chính được sửa đổi theo hướng đơn giản hóa, thực hiện phân cấp, phân quyền, không phát sinh thêm chi phí cho doanh nghiệp.
199.	**Về kết nối, chia sẻ dữ liệu truy xuất nguồn gốc**	Bộ Công Thương	Khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định quy định doanh nghiệp có trách nhiệm lưu giữ chứng từ, dữ liệu truy xuất trong thời hạn 05 năm và xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng. Đây là nguồn dữ liệu có giá trị phục vụ công tác quản lý, đánh giá mức độ tuân thủ và kiểm soát rủi ro đối với hàng hóa, doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay dữ liệu truy xuất nguồn gốc do doanh nghiệp lưu giữ chủ yếu được sử dụng phục vụ công tác quản lý tuân thủ của cơ quan hải quan, chưa có cơ chế kết nối, chia sẻ trực tiếp với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia. Như vậy có thể dẫn đến tình trạng thông tin được hình thành, lưu trữ tại các hệ thống khác nhau nhưng chưa được khai thác đồng bộ, làm tăng chi phí phối hợp, tra cứu và xác minh thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung định hướng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin hải quan với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, bảo đảm dữ liệu được khai thác thống nhất, hạn chế yêu cầu cung cấp lại thông tin và tạo cơ sở nâng cao hiệu quả quản lý dựa trên dữ liệu.	Bộ Tài chính xin giải trình như sau: Nội dung này không liên quan đến truy xuất nguồn gốc mà hướng tới việc doanh nghiệp chủ động lưu trữ và cung cấp được cho cơ quan hải quan khi được yêu cầu về dữ liệu xuất nhập khẩu phạm vi 5 năm (thời hạn lưu trữ hồ sơ hải quan). Doanh nghiệp được lựa chọn kết nối hoặc chia sẻ (cung cấp), cụ thể quy định: *"Theo dõi, kiểm soát, quản lý được hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý được quá trình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế; Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp, đảm bảo cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, số liệu trên hệ thống, số liệu trong quá khứ, số liệu theo giai đoạn (thời hạn 05 năm kể từ*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				ngày đăng ký tờ khai hải quan) liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo yêu cầu của cơ quan hải quan."
200.	**Về hạ tầng hải quan và logistics**	Bộ Công Thương	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định ưu đãi thủ tục hải quan và đơn giản hóa điều kiện thành lập các kho ngoại quan, kho ICD, bãi tập kết, điểm kiểm tra hàng hóa tập trung nằm trong hoặc kết nối trực tiếp với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Điều này giúp tối ưu hóa chuỗi cung ứng, giảm chi phí vận chuyển nội địa cho doanh nghiệp và giảm áp lực giao thông kết nối cảng biển, sân bay.	Về thủ tục, điều kiện hoạt động kho bãi, địa điểm được quy định tại Nghị định về kho bãi, địa điểm, không quy định tại Nghị định này (về thủ tục hải quan, hoạt động kiểm tra, giám sát...)
201.	**Về cơ chế phối hợp quản lý**	Bộ Công Thương	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp giám sát hải quan giữa cơ quan Hải quan địa phương với Ban Quản lý Khu công nghiệp và Sở Công Thương (đơn vị quản lý cụm công nghiệp) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn.	Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến của Quý Bộ và xin giải trình như sau: Vấn đề phối hợp và chia sẻ thông tin đã được quy định bao quát tại dự thảo Nghị định và các văn bản pháp luật liên quan, cụ thể: Điều 83, 84, 85 dự thảo Nghị định đã quy định nguyên tắc, trách nhiệm cung cấp, chia sẻ thông tin giữa cơ quan hải quan với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan. Đồng thời, phương thức cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu sẽ được thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ.
202.		Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các quy định về hàng hóa quản lý chuyên ngành, kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, bảo đảm thống nhất với Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15) và Nghị định số 37/2026/NĐ-	- Tại dự thảo Nghị định đề cập đến hàng hóa kiểm tra chuyên ngành nói chung (không chỉ kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm), đồng thời các quy định về

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			CP; phân định rõ trách nhiệm của cơ quan hải quan và cơ quan quản lý chuyên ngành; tăng cường khai thác dữ liệu điện tử, tránh phát sinh thủ tục, kiểm tra trùng lặp đối với doanh nghiệp.	kiểm tra chuyên ngành đều dẫn chiếu đến pháp luật về chuyên ngành, nội dung tại Nghị định đảm bảo nguyên tắc cơ quan hải quan là cơ quan thực thi. - Về chia sẻ dữ liệu: Nghị định số 336/2026/NĐ-CP ngày 22/8/2026 của Chính phủ đã quy định về việc quản lý, vận hành, trao đổi, chia sẻ dữ liệu thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Tại điểm d khoản 2 Điều 32 dự thảo Nghị định quy định cơ quan hải quan tiếp nhận thông báo kết quả kiểm tra do người khai hải quan nộp dưới dạng dữ liệu số hóa thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để đảm bảo đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người khai hải quan trong trường hợp cơ quan, tổ chức KTCN chưa thực hiện thủ tục kiểm tra, cập nhật kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, vẫn thực hiện thủ tục cấp kết quả bản giấy chứng từ KTCN. Như vậy, liên quan trách nhiệm của cơ quan, tổ chức KTCN và cơ quan hải quan trong việc chia sẻ, cung cấp, sử dụng thông tin về kiểm tra chuyên ngành đã được quy định và phân định cụ thể.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
203.		Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị rà soát tổng thể về thể thức, kỹ thuật trình bày, chính tả của các dự thảo và tài liệu trong hồ sơ; hoàn thiện các nội dung còn để trống; chỉnh lý tương ứng Bản so sánh, thuyết minh theo các ý kiến nêu trên.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến để rà soát, hoàn thiện.
204.		Kiểm toán Nhà nước	Một số nội dung trong dự thảo Nghị định đang viện dẫn một số văn bản chờ (chưa được duyệt, chưa có số hiệu) như: Khoản 8 Điều 7 "*...Nghị quyết số ..../2026 ngày... của Quốc hội về thí điểm cơ chế đặc thù phát triển kinh tế xã hội cho đặc khu kinh tế Vân Đồn, Phú Quốc và Vân Phong...*"; Khoản 5 Điều 42 "*Đối với doanh nghiệp chế xuất nếu đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan là khu phi thuế quan thì được áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan theo quy định tại Điều ... Nghị định số ... (thay thế Nghị định 134/2016/NĐ- CP, 18/2020/NĐ-CP)*";... Đề nghị Cơ quan soạn thảo lưu ý rà soát lại việc dẫn chiếu các văn bản chờ nêu trên để đảm bảo văn bản đã được phê duyệt, ban hành và cơ sở pháp lý cho dự thảo Nghị định trước khi ban hành chính thức.	Tiếp thu ý kiến, đảm bảo không hướng dẫn VBPL chưa được ban hành.
205.	**Ý kiến khác**	Bộ Xây dựng	Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 chỉ đề cập đến "doanh nghiệp cảng". Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 37/2017NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh cảng biển có định nghĩa: "Doanh nghiệp cảng là doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển". Đề nghị rà soát điều chỉnh "doanh nghiệp kinh doanh cảng biển" thành "doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng biển" theo định nghĩa tại Nghị định số 37/2017NĐ CP ngày 04/4/2017 và sử dụng thống nhất trong Nghị định.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo với phần nội dung tại trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng biển (Điều 1, Điều 58 dự thảo Nghị định).
206.	**Ý kiến khác**	Bộ Quốc phòng	Đề nghị nghiên cứu quy định Bộ Tài chính và Bộ Quốc phòng phối hợp trong việc rà soát, cập nhật mã số đối với các mặt hàng quốc phòng đặc thù, hạn chế trường hợp cùng một loại hàng hóa nhưng có cách xác định mã số hoặc phạm vi quản lý chuyên ngành khác nhau.	Tiếp thu. Đã có quy định tại Điều 23 dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc thực hiện phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
207.	**Ý kiến khác**	Bộ Quốc phòng	Dự thảo Nghị định có nội dung tác động trực tiếp tới hoạt động của người dân, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu tổ chức lấy ý	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Quý Bộ và xin giải trình như sau:

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			kiến đầy đủ, thực chất các đối tượng chịu tác động theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL. Sau khi tổng hợp, tiếp thu các ý kiến tham gia, đề nghị nghiên cứu cân nhắc tiếp tục lấy ý kiến đối với các nội dung đã tiếp thu, chỉnh lý để hoàn thiện dự thảo, bảo đảm tính khả thi, đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện.	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Tài chính đã có văn bản gửi lấy ý kiến các đơn vị thuộc Cục Hải quan, đồng thời đề nghị các Chi cục Hải quan khu vực lấy ý kiến các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn quản lý; Tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị định; Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến các đơn vị thuộc Cục Hải quan, Bộ Tài chính và doanh nghiệp, hiệp hội; Văn bản gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, UBND, VCCI, Hiệp hội doanh nghiệp về dự thảo Nghị định. Trên cơ sở nghiên cứu các vướng mắc của các đơn vị, Bộ Tài chính (Cục Hải quan) đã tiếp thu tối đa ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý của cơ quan hải quan, đồng thời tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.
208.	**Ý kiến khác**	Bộ Công an	Đề nghị rà soát quy định của pháp luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để chỉnh lý kỹ thuật, trình bày điều, khoản, điểm cho phù hợp, tránh một điều quy định quá dài, nhiều nội dung.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Quý Bộ để rà soát, chỉnh lý đảm bảo theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				luật số 64/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
209.	**Về hồ sơ**	Bộ Nội vụ	1. Thống nhất với Bộ Tài chính về sự cần thiết xây dựng dự thảo Nghị định và dự thảo Thông tư. Theo đó, đề nghị rà soát, hoàn thiện Hồ sơ bảo đảm tuân thủ đúng thẩm quyền, nội dung, hình thức và trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung và tương thích với các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực hải quan; đồng thời phù hợp Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật. 2. Đề nghị đánh giá kỹ, đầy đủ nguồn nhân lực, điều kiện thực tế về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và trình độ công nghệ nhằm bảo đảm cho việc thi hành Nghị định, thi hành Thông tư hiệu lực, hiệu quả.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến để rà soát, hoàn thiện. Tại Phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan kèm theo báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định, Bộ Tài chính đã đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất giữa dự thảo Nghị định với các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản QPPL, các điều ước quốc tế có liên quan. Tại mục VI dự thảo Tờ trình Chính phủ, Bộ Tài chính đã báo cáo cụ thể về dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định.
210.		Bộ Nội vụ	Đề nghị tiếp tục rà soát, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo bảo đảm đơn giản hóa, minh bạch trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh phương tiện vận tải.	Bộ Tài chính xin tiếp thu ý kiến và sẽ tiếp tục rà soát, chỉnh lý dự thảo nhằm đảm bảo mục tiêu cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp.
211.		Bộ Nội vụ	Tại các Điều đã giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết, đề nghị cân nhắc theo hướng sẽ không quy định cụ thể trách nhiệm, nhiệm vụ cho cơ quan Hải quan tại các Điều đó (ví dụ như tại Điều 11,12,13,34,37,42,43) nhằm bảo đảm phù hợp quy định về phân cấp, phân quyền theo các văn bản của cấp có thẩm quyền.	Bộ Tài chính xin giải trình như sau: Các Điều 11, 12, 13... dự thảo Nghị định quy định cơ quan hải quan là chủ thể thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về hải quan, không phải là quy định giao

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				cơ quan hải quan thẩm quyền quy định chi tiết. Đối với các nội dung cần hướng dẫn chi tiết, dự thảo Nghị định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định theo thẩm quyền. Do đó, việc quy định trách nhiệm thực hiện của cơ quan hải quan tại các Điều nêu trên không mâu thuẫn với quy định về phân cấp, phân quyền.
212.	Về hình thức	Thanh tra Chính phủ	Đề nghị rà soát, chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến để rà soát, hoàn thiện.
213.	Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua nền tảng thương mại điện tử (quy định chi tiết Điều 16a Luật Hải quan sửa đổi)	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị Cơ quan soạn thảo quy định cụ thể: (i) trách nhiệm cung cấp, kết nối dữ liệu đơn hàng, thanh toán, vận chuyển của chủ quản nền tảng thương mại điện tử, doanh nghiệp chuyển phát nhanh, bưu chính; (ii) cơ chế đối chiếu dữ liệu để nhận diện việc chia nhỏ đơn hàng, khai sai trị giá; (iii) cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan hải quan và cơ quan thuế trong quản lý thuế đối với hoạt động này.Lý do: Đây là lĩnh vực phát sinh mới, quy mô lớn, rủi ro thất thu cao; cần cơ chế dữ liệu đủ chi tiết để thực thi.	Không tiếp thu. Lý do: Nội dung này đã được hướng dẫn tại dự thảo Nghị định quy định về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử
214.	Quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro (quy định chi tiết Điều 17a Luật Hải quan sửa đổi)	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu: (i) quy định tiêu chí định lượng, công khai để đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ; (ii) quy định kỳ đánh giá lại và cơ chế hạ hạng, chấm dứt ưu tiên khi phát hiện vi phạm, kể cả vi phạm được phát hiện qua thanh tra, kiểm toán; (iii) yêu cầu hệ thống lưu vết căn cứ, tham số, kết quả phân luồng và các quyết định tự động (kể cả quyết định có ứng dụng trí tuệ nhân tạo); (iv) xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, công chức hải quan trong thiết lập, điều chỉnh tiêu chí rủi ro. Lý do: Bảo đảm minh bạch và trách nhiệm giải trình; tạo cơ sở để kiểm tra, kiểm toán tính hiệu quả của cơ chế quản lý rủi ro.	**(i) Về quy định tiêu chí định lượng, công khai để đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ:** **Tiếp thu.** Điểm b khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định đã quy định các nhóm thông tin, dữ liệu làm cơ sở xây dựng tiêu chí đánh giá tuân thủ; điểm c khoản 1 Điều 12 đã quy định 04 mức độ tuân thủ; khoản 4 Điều 12 quy định quyền của doanh nghiệp được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá tuân thủ và kiến nghị xem xét lại kết quả đánh giá;

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				khoản 5 Điều 12 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết. Theo đó, tiêu chí cụ thể, phương pháp đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ sẽ được quy định tại Thông tư để bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tiễn hoạt động hải quan. **(ii) Về kỳ đánh giá lại và cơ chế hạ hạng, chấm dứt ưu tiên khi phát hiện vi phạm:** **Tiếp thu.** Dự thảo Điều 12 đã quy định việc đánh giá tuân thủ định kỳ hằng năm và đánh giá lại khi phát sinh thông tin, dữ liệu, sự kiện hoặc kết quả nghiệp vụ có khả năng làm thay đổi kết quả đánh giá, bao gồm thông tin về vi phạm được phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán. Kết quả đánh giá lại là cơ sở để điều chỉnh mức độ tuân thủ và xem xét áp dụng các biện pháp quản lý hải quan, chế độ ưu tiên phù hợp theo quy định tại điều về áp dụng ưu tiên trong quản lý tuân thủ. **(iii) Về yêu cầu lưu vết căn cứ, tham số, kết quả phân luồng và các quyết định tự động:** **Tiếp thu.** Khoản 5 Điều 11 dự thảo Nghị định đã quy định việc ứng dụng công nghệ và xử lý tự động thông tin, dữ liệu phải bảo đảm khả năng kiểm soát, kiểm tra,

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				truy vết kết quả xử lý và tuân thủ quy định của pháp luật. Đồng thời, khoản 3 Điều 17 quy định kết quả phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan được cập nhật, lưu trữ trên hệ thống thông tin nghiệp vụ, bảo đảm khả năng truy vết nguồn thông tin, dữ liệu, căn cứ và quá trình thực hiện. Các quy định này là cơ sở để thực hiện việc lưu vết, kiểm tra kết quả xử lý tự động, bao gồm trường hợp có ứng dụng trí tuệ nhân tạo. **(iv) Về trách nhiệm của cơ quan, công chức hải quan trong thiết lập, điều chỉnh tiêu chí rủi ro:** **Tiếp thu.** Khoản 2, khoản 3 Điều 15 dự thảo Nghị định đã quy định trách nhiệm của cơ quan hải quan trong xây dựng, áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro; khoản 3 Điều 20 quy định thẩm quyền của Cục trưởng Cục Hải quan trong quyết định hoặc phân cấp áp dụng tiêu chí lựa chọn đối tượng kiểm tra; khoản 6 Điều 20 quy định trách nhiệm theo dõi, đánh giá, rà soát, điều chỉnh tiêu chí quản lý rủi ro. Đồng thời, khoản 4 Điều 15 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết để xác định cụ thể trách nhiệm, thẩm quyền trong tổ chức thực hiện.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
215.	Khai bổ sung hồ sơ hải quan (quy định chi tiết khoản 4 Điều 29 Luật Hải quan sửa đổi)	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị cơ quan soạn thảo: (i) bổ sung trường hợp không áp dụng cơ chế khai bổ sung thông thường sau thông quan khi cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra, kiểm tra hoặc KTNN đã công bố quyết định kiểm toán tại người khai hải quan, người nộp thuế đối với nội dung khai bổ sung; (ii) quy định cơ chế kiểm tra trước khi chấp nhận đối với khai bổ sung làm giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được hoàn; (iii) quy định rõ cách xác định tiền chậm nộp đối với trường hợp khai bổ sung làm tăng số thuế phải nộp. Lý do: Thực tiễn kiểm toán cho thấy rủi ro người nộp thuế khai bổ sung sau khi có dấu hiệu bị kiểm tra, kiểm toán để né tránh xử phạt; cần thống nhất với cách tiếp cận của pháp luật quản lý thuế.	Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến của Quý đơn vị và xin giải trình như sau: - Khoản 7 Điều 29 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 giao Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều 29 về khai hải quan trong đó bao gồm nội dung khai bổ sung. Theo đó, các trường hợp khai bổ sung và thủ tục khai bổ sung sẽ được quy định chi tiết tại Thông tư (thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, 39/2018/TT-BTC và 121/2025/TT-BTC). - Tại khoản 4 Điều 29 Luật Hải quan đã quy định: *"Đối với hàng hóa đã được thông quan: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan và **trước thời điểm** quyết định dừng đưa hàng qua khu vực giám sát, **kiểm tra sau thông quan, thanh tra, kiểm tra đối với hàng hóa đã thông quan**, trừ trường hợp nội dung khai bổ sung liên quan đến giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; kiểm tra chuyên ngành về chất lượng hàng hóa, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm"* - Tại Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				BTC đã quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan hải quan khi thực hiện thủ tục khai bổ sung, trong đó công chức hải quan phải thực hiện kiểm tra tính đầy đủ, phù hợp của hồ sơ khai bổ sung, kiểm tra thực tế hàng hóa (nếu có), xử lý vi phạm (nếu có); trên cơ sở kết quả kiểm tra, cơ quan hải quan sẽ chấp nhận hoặc không chấp nhận nội dung khai bổ sung.
216.	Luật Hải quan có quy định: Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với hệ thống thông tin của tổ chức, cá nhân ngoài ngành hải quan, của Hải quan các nước và tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật Việt Nam	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu đưa Kiểm toán nhà nước vào nhóm các cơ quan được kết nối, truy cập và khai thác trực tiếp cơ sở dữ liệu hải quan để phục vụ hoạt động kiểm toán theo quy định của pháp luật; đồng thời quy định rõ phương thức kết nối, phân quyền và trách nhiệm bảo mật thông tin. Lý do: Phù hợp với khoản 3 Điều 1 Luật số 55/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13. Cơ quan Hải quan là đối tượng kiểm toán thường xuyên đối với nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước và quyết toán NSNN hàng năm, việc khai thác dữ liệu điện tử giúp rút ngắn thời gian kiểm toán, giảm thiểu yêu cầu cung cấp hồ sơ giấy, tiết kiệm chi phí hành chính và phù hợp với chủ trương xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành và cơ quan quản lý nhà nước.	Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Quý đơn vị. Tại điểm c khoản 2 Điều 83 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến đã bổ sung nội dung cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan, bao gồm: *"Cung cấp thông tin hải quan cho các cơ quan nhà nước có liên quan để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và điều tra hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật."* Về kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan quản lý nhà nước, nội dung nguyên tắc, phương thức, danh mục dữ liệu bắt buộc đã được quy định thống nhất tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025. Các nội dung chi tiết hơn (phạm vi, tần suất, định dạng dữ liệu, đầu mối thực hiện...) đề nghị thỏa

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				thuận thống nhất trong quy chế phối hợp giữa các đơn vị, không quy định chi tiết trong dự thảo Nghị định.
217.	Kho ngoại quan, kho bảo thuế; điều khoản chuyển tiếp	Kiểm toán Nhà nước	Đề nghị cơ quan soạn thảo: (i) bổ sung quy định chuyển tiếp đối với hàng hóa đang lưu giữ tại kho bảo thuế tại thời điểm ngày 01/3/2027 (thời hạn thanh khoản, xác định, thu nộp số thuế; trách nhiệm của doanh nghiệp và cơ quan hải quan); (ii) quy định giám sát, báo cáo tồn kho và xử lý hàng hóa quá thời hạn lưu giữ tại kho ngoại quan theo thời hạn mới của Luật. Lý do: Tránh khoảng trống pháp lý và rủi ro thất thu khi bãi bỏ loại hình kho bảo thuế.	Bộ Tài chính ghi nhận ý kiến của Quý cơ quan về quy định chuyển tiếp đối với hàng hóa dang lưu giữ tại kho bảo thuế và xin giải trình như sau: - Khoản 1 Điều 4 Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan đã quy định nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu đã nhập kho bảo thuế còn tồn sau thời điểm Luật có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III Luật Hải quan số 54/2014/QH13 trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành. - Báo cáo hàng hóa tồn kho được triển khai theo hệ thống điện tử nên không yêu cầu doanh nghiệp gửi báo cáo giấy như trước đây; đối với hàng hoá quá thời hạn lưu giữ được hướng dẫn tại Thông tư số 203/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 78/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
218.		UBND TP Hải Phòng	Điều 16a Luật Hải quan về hàng hóa XK, NK qua nền tảng thương mại điện tử là quy định mới hoàn toàn, có tính nền tảng, nhưng dự thảo Nghị định không quy định chi tiết. Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) cũng không liệt kê Điều 16a trong danh mục các điều, khoản được quy định chi tiết. Đề xuất: Bổ sung 01 Mục riêng "Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa XK, NK qua nền tảng thương mại điện tử", gồm tối thiểu: (1) phạm vi hàng hóa thuộc diện áp dụng; (2) trách nhiệm định danh, xác thực điện tử của tổ chức, cá nhân tại VN (kết nối VNeID, định danh tổ chức); (3) yêu cầu kỹ thuật, lộ trình và chế tài đối với việc kết nối của chủ quản nền tảng TMĐT với hệ thống xử lý dữ liệu TMĐT của cơ quan hải quan; (4) danh mục chỉ tiêu thông tin, thời hạn và phương thức cung cấp thông tin của chủ quản nền tảng, DN kho ngoại quan, DN vận chuyển/đại lý vận chuyển; (5) cơ chế xử lý khi không kết nối/không cung cấp thông tin. Đồng thời bổ sung Điều 16a vào khoản 1 Điều 1.	Bộ Tài chính xin giải trình như sau: Khoản 4 Điều 16a Luật Hải quan giao Chính phủ quy định chi tiết kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại điện tử. Hiện Bộ Tài chính đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định riêng quy định về quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử. Theo đó, Nghị định này chỉ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan; không quy định nội dung liên quan đến hàng hóa XNK qua giao dịch thương mại điện tử.
219.	Doanh nghiệp chỉ cho hàng ra/vào khi có thông tin đủ điều kiện của Hải quan	UBND TP Hải Phòng	Đề nghị bổ sung cơ chế bảo vệ doanh nghiệp: Khi Hệ thống Hải quan trả thông tin hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát và doanh nghiệp cảng đã thực hiện đúng thông tin đó thì được coi là hoàn thành trách nhiệm giám sát của doanh nghiệp. Nếu sau đó phát sinh việc doanh nghiệp XNK khai sai, nợ thuế, tờ khai bị điều chỉnh… nhưng tại thời điểm giao hàng hệ thống đã báo đủ điều kiện, cảng không nên phải chịu trách nhiệm.	Trách nhiệm của DNKD cảng đã được quy định cụ thể tại Điều 41 Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn có liên quan, do vậy, không cần bổ sung thêm quy định về cơ chế bảo vệ doanh nghiệp.
220.	Thời gian Hải quan phải xử lý vướng mắc	UBND TP Hải Phòng	Hải quan có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý vướng mắc và cung cấp số điện thoại phối hợp. Đề nghị quy định thêm thời gian phản hồi tối đa do việc khai thác tại Bãi/ cảng là liên tục nên DN rất cần cơ quan Hải quan phản hồi hoặc có hướng dẫn xử lý trong khoảng thời gian nhất định(DN xin đề xuất trong khoảng từ 15–30 phút) đối với các nghiệp vụ khai thác trực tiếp như xếp dỡ hàng hóa lên/ xuống tàu.	Tại Điều 48 dự thảo Thông tư đã có quy định về phối hợp, trao đổi thông tin và khi Hệ thống gặp sự cố, theo đó quy định trách nhiệm của cơ quan hải quan trong việc cung cấp số điện thoại, tiếp nhận, xử lý vướng mắc có liên quan.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
221.	Tách biệt hàng nội địa và hàng XNK theo phương thức quản lý, không nhất thiết phải "cứng" về mặt vật lý	UBND TP Hải Phòng	Yêu cầu bố trí khu vực lưu giữ riêng giữa hàng nội địa với hàng XNK/quá cảnh. Đối với doanh nghiệp khai thác cảng/container terminal, nếu hiểu là phải phân khu vật lý cố định, sẽ làm giảm đáng kể hiệu suất sử dụng bãi. Kiến nghị cho phép: Quản lý tách biệt bằng hệ thống điều hành khai thác Cảng TOS/WMS, vị trí slot, mã trạng thái hàng hóa, camera và các biện pháp quản lý điện tử tương đương, không bắt buộc xây hàng rào hoặc bố trí khu vực vật lý riêng nếu vẫn bảo đảm Hải quan nhận diện và giám sát được hàng hóa.	Căn cứ theo quy định tại Luật Hải quan thì đối tượng điều chỉnh của Luật Hải quan là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và không bao gồm hàng hoá nội địa. Do vậy, nội dung dự thảo các VBQPPL hướng dẫn Luật Hải quan hiện không có quy định liên quan đến hàng hoá nội địa.
222.	Xử lý hàng tồn	UBND TP Hải Phòng	Đề nghị làm rõ trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi đối với hàng hóa tồn đọng theo hướng doanh nghiệp chịu trách nhiệm lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin và phối hợp xử lý trong phạm vi hoạt động của doanh nghiệp; không chịu trách nhiệm đối với nguyên nhân phát sinh hàng tồn do chủ hàng, người vận chuyển hoặc các chủ thể khác không thực hiện nghĩa vụ theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đã thông báo hàng hóa tồn đọng theo quy định, đề nghị quy định cụ thể thời hạn cơ quan Hải quan tiếp nhận, phân loại và quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định phương án xử lý; tránh kéo dài thời gian lưu giữ hàng hóa tại cảng, gây chiếm dụng mặt bằng, giảm năng lực khai thác và phát sinh chi phí cho doanh nghiệp. Đồng thời, đề nghị quy định rõ cơ chế thanh toán chi phí lưu kho, lưu bãi, nâng hạ, di chuyển, kiểm đếm, giám định, bảo quản, tiêu hủy và các chi phí hợp lý khác phát sinh trong quá trình xử lý hàng tồn đọng; doanh nghiệp cảng không phải tự chịu các chi phí phát sinh do thực hiện quyết định/yêu cầu của cơ quan nhà nước. Đối với hàng nguy hiểm, hàng dễ cháy nổ, hóa chất, hàng dễ hư hỏng hoặc hàng có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn, môi trường và hoạt động khai thác cảng, đề nghị có quy trình xử lý ưu tiên và thời hạn xử lý riêng, cho phép doanh nghiệp cảng chủ động đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sớm.	Điều 58 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 giao thẩm quyền Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng trong địa bàn hoạt động hải quan. Việc xử lý hàng hoá tồn đọng hiện đã được quy định cụ thể tại Thông tư số 203/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 78/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Thống nhất/ Không có ý kiến: UBND TP Cần Thơ, UBND tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh Gia Lai. UBND tỉnh Lạng Sơn, UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh Quảng Ninh, UBND TP Hồ Chí Minh, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Y tế.	

Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ NGOÀI BỘ TÀI CHÍNH

Stt	Đơn vị	Số CV	Đồng ý	Có ý kiến
A	**CV 14903/BTC-CHQ ngày 22/9/2026 gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ; UBND; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Kiểm toán Nhà nước; VCCI (Ý kiến VCCI tổng hợp theo CV 22054/CHQ-GSQL tại bảng tổng hợp ý kiến doanh nghiệp)**			
I	**Các Bộ (12/13) (Chưa nhận được ý kiến: Bộ Giáo dục và đào tạo)**			
1.	Bộ Quốc phòng	7371/BQP-PC ngày 02/10/2026		x
2.	Bộ Công an	17998/ANKT-TCĐT ngày 07/10/2026		x
3.	Bộ Ngoại giao	Dự thảo		x
4.	Bộ Nội vụ	11017/BNV-PC ngày 01/10/2026		x
5.	Bộ Tư pháp	8147/BTP-PLQT&GQTCĐTQT ngày 15/10/2026		x
6.	Bộ Công Thương	8140/BCT-XNK ngày 07/10/2026		x
7.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	11386/BNNMT-PC ngày 05/10/2026		x
8.	Bộ Xây dựng	15760/BXD-PC ngày 05/10/2026; 16087/BXD-PC ngày 09/10/2026		x
9.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	6531/BVHTTDL-PC ngày 08/10/2026		x
10.	Bộ Khoa học và Công nghệ	7751/BKHCN-TĐC ngày 04/10/2026		x
11.	Bộ Y tế	7644/BYT-KHTC ngày 09/10/2026	✓x	
12.	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	3130/BGDTG-KHTC ngày 02/10/2026		x

II.	**Cơ quan ngang Bộ (02/03) (Chưa nhận được ý kiến: Văn phòng Chính phủ)**			
13.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	9195/NHNN-PC ngày 07/10/2026		x
14.	Thanh tra Chính phủ	3603/TTCP-PC ngày 02/10/2026		x
III.	**Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**	1788/MTTW-BTT ngày 09/10/2026	✓x	
IV	**Kiểm toán Nhà nước**	1645/KTNN-CNII ngày 07/10/2026		x
V	**UBND (34/34)**	**34**	**9**	**25**
1.	An Giang	3427/HQKV20-NVHQ ngày 30/9/2026; 3408/HQKV20-NVHQ ngày 29/9/2026 của Chi cục HQKV XX		x
2.	TP Bắc Ninh	7993/STC-QLNS ngày 02/10/2026		x
3.	Cà Mau	2030/HQKV19-NV ngày 29/9/2026 của Chi cục HQKV XIX		x
4.	TP Cần Thơ	11329/STC-QLNS ngày 30/9/2026 của UBND TP Cần Thơ	✓x	
5.	Cao Bằng	2497/HQKV16-NVHQ ngày 01/10/2026 của Chi cục HQKV XVI		x
6.	TP Đà Nẵng	10187/UBND-KT ngày 07/10/2026		x
7.	Đắk Lắk	1750/HQKV14-NV ngày 01/10/2026 của Chi cục HQKV XIV	✓x	
8.	Điện Biên	8910/UBND-KT ngày 07/10/2026		x
9.	Đồng Nai	10434/UBND-KTNS ngày 02/10/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai		x
10.	Đồng Tháp	9467/STC-VP ngày 05/10/2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp		x
11.	Gia Lai	1750/HQKV14-NV ngày 01/10/2026 của Chi cục HQKV XIV	✓x	

12.	TP Hà Nội	7933/HQKV-NVHQ ngày 02/10/2026 của Chi cục HQKV I		x
13.	Hà Tĩnh	7320/STC-NST ngày 02/10/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh	✓x	
14.	TP Hải Phòng	9707/HQKV3-NVHQ ngày 06/10/2026 của Chi cục HQKV III		x
15.	TP Hồ Chí Minh	23296/HQKV2-NVHQ ngày 07/10/2026 của Chi cục HQKV II	✓x	
16.	TP Huế	15450/UBND-TC ngày 13/10/2026		x
17.	Hưng Yên	4045/HQKV4-NVHQ ngày 30/9/2026 của Chi cục HQKV IV		x
18.	Khánh Hòa	2422/HQKV13-NVHQ ngày 01/10/2026 của Chi cục HQKV XIII		x
19.	Lai Châu	6564/STC-QLNS ngày 02/10/2026 của UBND tỉnh Lai Châu		x
20.	Lâm Đồng	11019/STC-NS ngày 02/10/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng		x
21.	Lạng Sơn	2780/UBND-KTTH ngày 05/10/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn	✓x	
22.	Lào Cai	10262/UBND-KT ngày 08/10/2026		x
23.	Nghệ An	3994/HQKV11-NV ngày 01/10/2026 của Chi cục HQKV XI		x
24.	Ninh Bình	4045/HQKV4-NVHQ ngày 30/9/2026 của Chi cục HQKV IV		x
25.	Phú Thọ	9010/STC-QLDAĐTNN ngày 02/10/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ		x
26.	TP Quảng Ninh	5034/HQKV8-NVHQ ngày 02/10/2026	✓x	
27.	Quảng Ngãi	2760/HQKV12-NVHQ ngày 01/10/2026 của Chi cục HQKV XII		x
28.	Quảng Trị	8631/STC-GCSDN ngày 02/10/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị	✓x	
29.	Sơn La	7666/UBND-THKT ngày 07/10/2026 của UBND tỉnh Sơn La		x
30.	Tây Ninh	2377/HQKV17-NVHQ ngày 07/10/2026 của Chi cục HQKV XVII		x

31.	Thái Nguyên	14050/STC-TH&QLNS ngày 01/10/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên	✓x	
32.	Thanh Hóa	20975/UBND-KTTC ngày 02/10/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa		x
33.	Tuyên Quang	2497/HQKV16-NVHQ ngày 01/10/2026 của Chi cục HQKV XVI		x
34.	Vĩnh Long	14792/UBND-TH ngày 03/10/2026 của UBND tỉnh Vĩnh Long		x

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2026

Phụ lục II

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT HẢI QUAN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT HẢI QUAN
(Tổng hợp ý kiến doanh nghiệp theo công văn số 22054/CHQ-GSQL ngày 22/9/2026 của Cục Hải quan)

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Hải quan đã có công văn số 22054/CHQ-GSQL ngày 22/9/2026 lấy ý kiến các Hiệp hội doanh nghiệp đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP).

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến: 34 và tổng số doanh nghiệp, hiệp hội đã gửi ý kiến tham gia: 14 (bao gồm: Samsung Việt Nam; Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam; Hiệp hội cao su Việt Nam; Hội đồng kinh doanh Hoa Kỳ - ASEAN (USABC); Tổng Công ty Tân Cảng; Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam; Hiệp hội lương thực Việt Nam; Hiệp hội Cảng biển Việt Nam; Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Hiệp hội Da – Giày – Túi xách (LEFASO); Công ty TNHH Wistron Infocomm (Việt Nam); Công ty cổ phần đầu tư phát triển kinh tế; Công ty TNHH Pouyuen VN

2. Kết quả cụ thể như sau:

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1.	**Khoản 2 Điều 1** 2. Nghị định quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Hải quan, các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành theo quy định tại Điều 104 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ	TCT Tân Cảng Sài Gòn	2. Nghị định quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Hải quan, các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành theo quy định tại Điều 104 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung **bởi Luật số 11/2026/QH16**, bao gồm: … Lý do: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh cách viện dẫn, vì việc viện dẫn chính xác khoản sửa đổi cụ thể của Luật sửa đổi là đúng, tuy nhiên nên điều chỉnh	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	sung bởi khoản 30 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16, bao gồm:…		thành *"được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16"* để thống nhất cách viện dẫn nêu tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định này.	
2.	**Điểm I Khoản 2 Điều 1** i) Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại; thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải xuất khẩu;	TCT Tân Cảng Sài Gòn	i) Thủ tục hải quan, **kiểm tra, giám sát** đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; **hàng hóa** đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại; **hàng hóa** nhập khẩu phải xuất khẩu; Lý do: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh cách viết để nội dung mạch lạc hơn.	Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo như sau: *hàng hóa đã xuất khẩu nhập khẩu trở lại;* hàng hóa nhập khẩu phải *xuất khẩu*
3.	**Điểm q Khoản 2 Điều 1** q) Thông tin hải quan.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	q) **Quản lý, khai thác và sử dụng** thông tin hải quan. Lý do: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung để làm rõ phạm vi quản lý nhà nước đối với mảng "Thông tin hải quan".	Chương VI Luật Hải quan quy định về Thông tin hải quan; Mục 1 chương này quy định riêng về Thông tin hải quan, trong đó tại Điều 93 Luật Hải quan quy định: *Thông tin hải quan được thu thập, lưu trữ, quản lý, sử dụng để phục vụ thực hiện thủ tục hải quan; thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; kiểm tra sau thông quan; phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các hoạt động nghiệp vụ khác của cơ quan hải quan.* Tại mục 1 không có nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 *(Chính phủ ban hành Nghị định để*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật...), tại điểm p khoản 2 Điều 1 dự thảo quy định nội dung "Thông tin hải quan" làm cơ sở pháp lý quy định các nội dung tại Chương VIII – Thông tin hải quan, trên cơ sở góp ý của các đơn vị, tại Chương VIII dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định chi tiết trách nhiệm chia sẻ thông tin giữa cơ quan hải quan với các bộ ngành với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu
4	**Khoản 5 Điều 3** 5. Khu vực cách ly của các cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế và cửa khẩu đường bộ quốc tế (sau đây gọi tắt là khu vực cách ly) là khu vực được ngăn cách, bảo vệ cách biệt tại khu vực cửa khẩu sau khu vực làm thủ tục xuất cảnh. Khu vực hạn chế của cảng hàng không quốc tế (sau đây gọi tắt là khu vực hạn chế) là khu vực được ngăn cách, bảo vệ cách biệt tại khu vực nhà ga quốc tế sau khu vực làm thủ tục nhập cảnh và trước khu vực làm thủ tục hải quan.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	5. Khu vực cách ly của **cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh** (sau đây gọi tắt là khu vực cách ly) là khu vực được ngăn cách, bảo vệ cách biệt tại khu vực cửa khẩu sau khu vực làm thủ tục xuất cảnh. **6.** Khu vực hạn chế của cảng hàng không quốc tế (sau đây gọi tắt là khu vực hạn chế) là khu vực được ngăn cách, bảo vệ cách biệt tại khu vực nhà ga quốc tế sau khu vực làm thủ tục nhập cảnh và trước khu vực làm thủ tục hải quan. Lý do: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét tách thành 2 khoản riêng biệt; đồng thời điều chỉnh nội dung này để thống nhất với cách gọi được nhắc đến tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 55 Dự thảo Nghị định này: "***Trong khu vực cách ly của cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;...***"	Khái niệm khu vực cách ly, khu vực hạn chế tại Nghị định chỉ áp dụng đối với địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế không áp dụng tại các điều khoản khác của Nghị định. Sau khi rà soát, dự thảo Nghị định bỏ nội dung khái niệm khu vực cách ly, khu vực hạn chế tại Điều 3 giải thích từ ngữ và làm rõ hơn về vị trí địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế tại Điều 55 dự thảo Nghị định gửi đi lấy ý kiến (nay là Điều 49).

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
5.	**Khoản 10 Điều 3** 10. "Trung chuyển hàng hóa" là hoạt động vận chuyển hàng hóa từ nước ngoài đến cảng biển Việt Nam và đưa vào khu vực giám sát hải quan sau đó được vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo đề nghị của hãng vận chuyển hoặc người được hãng vận chuyển ủy quyền.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	10. "Trung chuyển hàng hóa" là hoạt động vận chuyển hàng hóa từ nước ngoài đến cảng biển**, cảng hàng không quốc tế của** Việt Nam và đưa vào khu vực giám sát hải quan sau đó được vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo đề nghị của hãng vận chuyển hoặc người được hãng vận chuyển ủy quyền. Lý do: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung nội dung này vì dự thảo Nghị định này không chỉ áp dụng riêng cho đường biển.	Tiếp thu theo hướng bổ sung hoạt động trung chuyển tại các cảng hàng không quốc tế Việt Nam (nội dung này được quy định tại Điều 48 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 42) - Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển.
6.	**Điều 5. Người khai hải quan** Người khai hải quan bao gồm các đối tượng quy định tại khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 1 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16. Trường hợp: 1. Chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài ...	TCT Tân Cảng Sài Gòn	**Điều 5. Người khai hải quan** Người khai hải quan bao gồm các đối tượng quy định tại khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 1 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16 **thực hiện khai hải quan đối với một số trường hợp cụ thể như sau**: 1. Chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài ... Lý do: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh cách viết để nội dung mạch lạc hơn	Tiếp thu ý kiến, Bộ Tài chính rà soát và chỉnh sửa theo hướng: giữ nguyên như quy định tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, đồng thời bổ sung các trường hợp cụ thể, các trường hợp được ủy quyền.
7.	**Điều 5. Người Khai Hải quan**	Công ty CP đầu tư phát triển kinh tế	Bổ sung một khoản: "Đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện các quyền của người khai hải quan quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Hải quan đối với tờ khai hải quan do đại lý làm thủ tục hải quan đứng tên khai." Lý do: Khoản 4 Điều 20 Luật Hải quan – viện dẫn duy nhất khẳng định điều này – không còn trong bản sửa đổi. Khoản 3 Điều 18 chỉ dẫn chiếu tới nghĩa vụ. Phù hợp Chuẩn mực 8.4 Công ước Kyoto sửa đổi.	**Không tiếp thu** Lý do: - Theo quy định tại khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 quy định: *"người khai hải quan bao gồm: chủ hàng hóa; ... đại lý làm thủ tục hải quan, ..."*. - Điều 18 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 quy định về quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan, trong đó: khoản 1 quy

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				định chung về quyền của người khai hải quan (đã bao gồm đại lý làm thủ tục hải quan), khoản 3 quy định người khai hải quan là đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 2 Điều này … - Điều 5 dự thảo quy định về người khai hải quan; Theo đó, cơ sở pháp lý hiện hành đã đảm bảo quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan.
8.	**Điều 5. Về người khai hải quan là người được chủ hàng hóa ủy quyền**	VCCI	Khoản 2 Điều 5 Dự thảo quy định người khai hải quan là "người được chủ hàng hóa ủy quyền đối với các loại hàng hóa sau đây" và liệt kê bảy nhóm hàng hóa: quà biếu, quà tặng của cá nhân; tài sản di chuyển của cá nhân; hàng hóa của đối tượng hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ; hành lý gửi trước, gửi sau; hàng tạm nhập tái xuất để thay thế, sửa chữa tàu biển, tàu bay nước ngoài; hàng nhập khẩu thực hiện dự án đầu tư miễn thuế; hàng phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng. VCCI ghi nhận mục tiêu tạo thuận lợi của quy định này. Tuy nhiên, điểm d khoản 1 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan (sau đây gọi là Luật số 11/2026/QH16), khi sửa đổi khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan số 54/2014/QH13, đã xác định người khai hải quan bao gồm "người được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan" mà không giới hạn theo loại hàng hóa. Nếu danh mục tại khoản 2 được hiểu là danh mục đóng, Nghị định sẽ vô hình trung thu hẹp phạm. vi chủ thể mà Luật đã trao quyền, vượt ra ngoài phạm vi được giao quy định chi tiết, đồng thời bỏ sót nhiều trường hợp phát sinh thường xuyên trong thực tiễn như hàng hóa tạm nhập tái xuất	Tiếp thu ý kiến của VCCI, Bộ Tài chính chỉnh sửa lại theo hướng, cơ bản giữ nguyên quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, ngoài ra bổ sung thêm: Người khai hải quan: *- Người đại diện cho thương nhân nước ngoài tại Việt Nam có tên trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu;* *- Chủ quản nền tảng thương mại điện tử.* *- Các trường hợp khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			để tham dự hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; hàng mẫu không thanh toán; máy móc, thiết bị của nhà thầu thi công tạm nhập phục vụ công trình; hàng hóa của công ty mẹ giao cho công ty con, chi nhánh làm thủ tục. Cần lưu ý rằng ủy quyền theo khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan khác về bản chất với hoạt động đại lý làm thủ tục hai quan: uy quyền gắn với một chủ hàng, một lô hàng hoặc một thời hạn cụ thể và không mang tính kinh doanh dịch vụ, nên việc mở rộng phạm vi ủy quyền sẽ không làm vô hiệu chế định đại lý, cũng như không tạo kẽ hở cho việc "mượn danh" chủ hàng, nếu Nghị định phân định rõ ranh giới giữa hai cơ chế và xác định rõ trách nhiệm của từng bên. VCCI đề nghị điều chỉnh khoản 2 Điều 5 theo hướng quy định nguyên tắc chung kèm các điều kiện kiểm soát: người được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền bằng văn bản được thực hiện thủ tục hải quan trong phạm vi ủy quyền; văn bản ủy quyền được gửi qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và ký bằng chữ ký số của bên ủy quyền, thay cho yêu cầu công chứng, chứng thực bản giấy, qua đó vừa bảo đảm tính xác thực, khả năng truy vết, vừa không phát sinh thêm chi phí; chủ hàng hóa chịu trách nhiệm về nghĩa vụ thuế và tính chính xác của hồ sơ cung cấp, người được ủy quyền chịu trách nhiệm về việc khai báo trong phạm vi được ủy quyền; tổ chức, cá nhân thường xuyên nhận ủy quyền làm thủ tục hải quan cho nhiều chủ hàng để thu phí dịch vụ phải đáp ứng quy định về đại lý làm thủ tục hải quan. Trường hợp Quý Cơ quan vẫn muốn giữ danh mục để kiểm soát rủi ro đối với hàng hóa thương mại, đề nghị bổ sung các trường hợp mang tính phi thương mại hoặc đặc thù nêu trên và một điểm mở "các trường hợp khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính", bảo đảm Nghị định không hạn chế quyền đã được Luật quy định.	

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
9.	**Khoản 1 Điều 7** **Điều 7. Chế độ ưu tiên** 1. Chế độ ưu tiên thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Hải quan.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	**Điều 7. Chế độ ưu tiên** 1. Chế độ ưu tiên thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Hải quan **được bổ sung bởi Khoản 2 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15**. Lý do: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung nội dung này, vì Điều 43 Luật Hải quan được bổ sung bởi Khoản 2 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15.	**Không tiếp thu** - Chế độ ưu tiên theo Luật Hải quan được quy định từ khoản 1 đến khoản 3 Điều 42 Luật Hải quan - Khoản 2 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15 bổ sung khoản 4 Điều 43 quy định phạm vi áp dụng chế độ ưu tiên đối với Doanh nghiệp được công nhận theo khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2 Điều 3 Luật số 90/2025/QH15.
10.	**Khoản 8 Điều 8** 8. Đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do theo quy định tại Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/06/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, Nghị quyết số …./2026 ngày… của Quốc hội về thí điểm cơ chế đặc thù phát triển kinh tế xã hội cho đặc khu kinh tế Vân Đồn, Phú Quốc và Vân Phong; nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/06/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày	TCT Tân Cảng Sài Gòn	8. Đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do theo quy định tại Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/06/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, **Nghị quyết số …./2026 ngày…** của Quốc hội về thí điểm cơ chế đặc thù phát triển kinh tế xã hội cho đặc khu kinh tế Vân Đồn, Phú Quốc và Vân Phong; nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/06/2024 **của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng** được sửa đổi, bổ sung **bởi** Nghị quyết số 259/2025/QH15 ~~ngày 11/12/2025 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng~~, Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 **của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh** được sửa đổi, bổ sung **bởi** Nghị quyết số 260/2025/QH15 ~~ngày 11/12/2025 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh~~, Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của	Tiếp thu

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	11/12/2025 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng, Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/06/2023 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này. Doanh nghiệp phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.		Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này. Doanh nghiệp phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, điều chỉnh, trích dẫn đúng và đầy đủ tên của Nghị quyết (theo quy định tại Điều 68 Nghị định 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 38 Điều I Nghị định 187/2025/NĐ-CP quy định về việc viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật).	
11.	**Khoản 9 Điều 8** 9. Đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do theo quy định tại Nghị	TCT Tân Cảng Sài Gòn	9. Đối với doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu thương mại tự do theo quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung **bởi** Nghị quyết số 259/2025/QH15; Nghị quyết số 98/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung **bởi** Nghị quyết số	Tiếp thu

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	quyết số 136/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 259/2025/QH15; Nghị quyết số 98/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 260/2025/QH15 để nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều này. Doanh nghiệp phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.		260/2025/QH15 đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều này. Doanh nghiệp phải duy trì việc được cơ quan có thẩm quyền công bố thuộc nhóm doanh nghiệp nêu trên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh, trích dẫn VBPL theo quy định tại Điều 68 Nghị định 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Khoản 38 Điều 1 Nghị định 187/2025/NĐ-CP).	
12.	**Điều 8, Điều 9, Điều 10 Dự thảo. Về chế độ doanh nghiệp ưu tiên**	VCCI	Dự thảo bổ sung năm nhóm doanh nghiệp được xem xét áp dụng chế độ ưu tiên theo các cơ chế đặc thù (khoản 7 đến khoản 11 Điều 8), kèm theo năm bộ hồ sơ riêng tại khoản 1 đến khoản 5 Điều 9, phân cấp cho Hải quan khu vực công nhận đối với doanh nghiệp tại các khu vực đặc thù (khoản 11, khoản 12 Điều 9); đồng thời giữ các yêu cầu hiện hành như báo cáo hằng quý (điểm b khoản 2 Điều 10), có hệ thống công nghệ thông tin kết nối, cung cấp số liệu trong 05 năm (điểm i khoản 2 Điều 10), biện pháp bảo đảm nhân sự tại vị trí quan trọng "không bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật hình sự" (điểm b.5 khoản 3 Điều 8). Dự thảo đã cụ thể hóa các cơ chế đặc thù mà Quốc hội đã ban hành cho Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Thủ đô và các đặc khu. Tuy nhiên, năm bộ hồ sơ tại Điều 9 phần lớn trùng lặp (đều gồm văn bản đề nghị,	*** Nội dung (i): Về quy định liên quan đến hồ sơ cần chuẩn bị để doanh nghiệp nộp khi đề nghị công nhận:** Nghị định đã chia các nhóm được áp dụng chế độ ưu tiên với các điều kiện khác nhau và hồ sơ tương ứng. Nội dung này làm minh bạch, công khai và để doanh nghiệp tiếp cận và khi doanh nghiệp xác định nhóm đối tượng mà doanh nghiệp mong muốn đề nghị được công nhận áp dụng CĐUT thì doanh nghiệp sẽ chuẩn bị hồ sơ theo đúng quy định phù hợp đối tượng.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra, bản mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ, văn bản xác nhận thuộc nhóm đối tượng), khiến Điều 9 dài và khó áp dụng. Việc duy trì chế độ báo cáo hằng quý bằng văn bản trong khi doanh nghiệp đã phải kết nối hệ thống, cung cấp số liệu theo yêu cau tai điểm i khoản 2 Điều 10 là trùng lặp, trái với định hướng cắt giảm chế độ báo cáo. Yêu cầu kiểm tra định kỳ lý lịch tư pháp của nhân sự tại vị trí quan trọng cũng cần được xem xét trong mối quan hệ với Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, bởi thông tin về tiền án, tiền sự là dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Bên cạnh đó, việc cùng lúc có Cục Hải quan và nhiều Hải quan khu vực cùng công nhận, gia hạn, đình chỉ chế độ ưu tiên có nguy cơ dẫn đến tiêu chuẩn áp dụng không thống nhất giữa các địa bàn. Theo đó, VCCI đề nghị: (i) Hợp nhất khoản 1 đến khoản 5 Điều 9 thành một bộ hồ sơ chung, trong đó các thành phần chỉ áp dụng cho từng nhóm đối tượng được ghi rõ "áp dụng đối với doanh nghiệp quy định tại khoản.. . Điều 8"; (ii) Bỏ chế độ báo cáo hằng quý tại điểm b khoản 2 Điều 10 đối với doanh nghiệp ưu tiên đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan hải quan theo điểm i khoản 2 Điều 10; (iii) Điều chỉnh điểm b.5 khoản 3 Điều 8 theo hướng doanh nghiệp có quy trình tuyển dụng, đánh giá nhân sự phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 và pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, không yêu cầu kiểm tra định kỳ lý lịch tư pháp; (iv) Bổ sung quy định Cục Hải quan ban hành bộ tiêu chí, quy trình thẩm định thống nhất và thực hiện hậu kiểm việc công nhận của Hải quan khu vực, bảo đảm doanh nghiệp ưu tiên được công nhận ở bất kỳ địa bàn nào đều có cùng tiêu chuẩn và cùng quyền lợi trên phạm vi toàn quốc.	Nội dung hồ sơ này là cần thiết để thực hiện thủ tục hành chính và hoàn toàn minh bạch, công khai, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. *** Nội dung (ii): Về chế độ báo cáo quý có nội dung về vi phạm, sự biến động,... để đảm bảo việc cơ quan hải quan và doanh nghiệp có sự trao đổi thông tin thường xuyên. Báo cáo này được gửi cơ quan hải quan bằng phương thức điện tử.** Nội dung này khác với trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, dữ liệu XNK liên quan đến hàng hóa XNK để đảm bảo cung cấp hồ sơ trong phạm vi 5 năm. Theo đó, 2 quy định này không thay thế được cho nhau. Các quy định này kế thừa quy định hiện hành đã thực hiện, không phát sinh vướng mắc. *** Nội dung (iii): Quy định hiện hành không yêu cầu lý lịch tư pháp.** - Quy định hướng đến: trao quyền cho doanh nghiệp chủ động có biện pháp đảm bảo an ninh nhân sự, trong đó đảm bảo nhân sự làm việc tại vị trí quan trọng không vi phạm pháp luật hình sự tại thời điểm tuyển dụng (trường hợp nhân sự vi phạm pháp luật hình sự trước đó nhưng đã được xóa án tích tại thời điểm tuyển dụng

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				hì vẫn được chấp nhận), về thông tin định kỳ cũng do doanh nghiệp chủ động thực hiện để đảm bảo an ninh nhân sự cho chính doanh nghiệp. Việc xuất trình, cung cấp hồ sơ cho cơ quan hải quan khi đánh giá: thực hiện theo quy định pháp luật. Nội dung này hướng theo khuyến nghị SAFE 2021 (thời điểm xây dựng Nghị định số 167/2025/NĐ-CP) và SAFE 2025 (mới nhất) để đảm bảo sự tương đồng với chương trình AEO của hải quan các nước để ký kết các MRA AEO: "AEO khi tuyển mới nhân sự cần xác minh nhân thân người được tuyển để đảm bảo người đó trước đây không bị buộc tội về những vấn đề liên quan đến an ninh, vi phạm hải quan hay vi phạm hình sự trong nước" - Căn cứ khoản 1 và 5 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 107/2025/QH15 (hiệu lực từ 01/7/2026): *"1. Công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam từ đủ 16 tuổi trở lên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp của mình.* *...5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được yêu cầu cá nhân cung cấp*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				thông tin lý lịch tư pháp hoặc Phiếu lý lịch tư pháp số 1, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc nghị định, nghị quyết của Chính phủ quy định cần sử dụng thông tin lý lịch tư pháp để phục vụ mục đích tuyển dụng, cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đối với các ngành nghề, vị trí việc làm có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng hoặc để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân khi tham gia các giao dịch dân sự, thương mại liên quan trực tiếp đến các đối tượng yếu thế trong xã hội." - Căn cứ khoản 1 thì không có vướng mắc trong việc nhân sự dự kiến đảm nhận vị trí quan trọng (trước khi tuyển dụng) để nghị được cấp Phiếu lý lịch tư pháp của cá nhân. - Căn cứ khoản 5 thì Công ty lo lắng khi không quy định cụ thể tại quy trình tuyển dụng, hồ sơ tuyển dụng là gồm lý lịch tư pháp thì cá nhân sẽ không cung cấp. Trường hợp quy định cụ thể thì vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp. Tinh thần thực hiện như sau: Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ tại

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				Nghị định số 167/2025/NĐ-CP hướng đến trao quyền cho doanh nghiệp chủ động có các quy trình, biện pháp đảm bảo an ninh nhân sự phù hợp thực tế vận hành và thống nhất các quy định của công ty và phù hợp với khuôn khổ pháp luật khác. Cơ quan hải quan khuyến nghị: doanh nghiệp không yêu cầu nhân sự bắt buộc phải cung cấp lý lịch tư pháp nhưng nên có biện pháp tuyên truyền đối với các ứng viên dự kiến làm việc tại các vị trí quan trọng về tinh thần chủ động, trách nhiệm chứng minh với Công ty về việc tuân thủ pháp luật của mình trước khi đảm trách vị trí quan trọng trong một AEO mang uy tín quốc tế. Việc cá nhân chủ động cung cấp lý lịch tư pháp thì không vi phạm quy định tại Luật lý lịch tư pháp. Mặt khác, trường hợp cá nhân có lý lịch tư pháp mà không cung cấp lý lịch tư pháp vì lý do nào đó thì Công ty có thể áp dụng các biện pháp khác như người nước ngoài cung cấp giấy phép lao động hoặc gia hạn giấy phép lao động; bản cam kết hoặc hồ sơ khác do cá nhân cung cấp và có biện pháp xác minh, thu thập đánh giá thông tin… cho thấy Công ty kiểm soát được thông tin nhân sự tại vị trí quan trọng.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				Công ty nên có đối ứng phù hợp, xem xét xác minh độ tin cậy với trường hợp nhân sự quan trọng mà có hành vi không minh bạch về vị thế pháp lý của cá nhân, không muốn cung cấp cho Công ty thì cũng là 1 dấu hiệu cho thấy cá nhân sẵn có thông tin nhưng không muốn cung cấp, không hợp tác ngay từ đầu. Về các thông tin cơ bản cần kiểm tra định kỳ: Công ty căn cứ thực tế, yêu cầu công việc, yêu cầu đảm bảo an ninh an toàn để chủ động xác định các thông tin cần rà soát và thời hạn rà soát định kỳ đối với nhân sự. Theo đó, doanh nghiệp căn cứ các quy định hiện hành, thực tiễn hoạt động để có biện pháp, quy trình, hệ thống phù hợp nhằm đảm bảo an ninh nhân sự của Công ty, kịp thời phát hiện và xử lý trường hợp nhân sự quan trọng vi phạm pháp luật hình sự gây ảnh hưởng đến doanh nghiệp. * **Nội dung (iv):** Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên, chế độ ưu tiên và trình tự, thủ tục liên quan đã minh thị tại Luật và Nghị định để đảm bảo thực hiện tại các đơn vị hải quan thống nhất trên toàn quốc. Về công tác quản lý của Cục Hải quan để đảm bảo hậu kiểm đối với

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				Hải quan khu vực: Ghi nhận và đưa vào hướng dẫn tại quy trình.
13.	**Khoản 4 Điều 13** 4. Giám sát tuân thủ pháp luật được thực hiện trên hệ thống thông tin nghiệp vụ và thông qua hoạt động nghiệp vụ của công chức hải quan; việc thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu thực hiện theo Điều 11 Nghị định này. Cơ quan hải quan thực hiện rà soát, kiểm tra, xác minh khi có dấu hiệu, sự thay đổi hoặc thông tin, dữ liệu cần làm rõ theo yêu cầu giám sát.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	4. Giám sát tuân thủ pháp luật được thực hiện trên hệ thống thông tin nghiệp vụ và thông qua hoạt động nghiệp vụ của công chức hải quan; việc thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu thực hiện theo Điều 11 Nghị định này. Cơ quan hải quan thực hiện rà soát, ~~kiểm tra,~~ xác minh khi có dấu hiệu, sự thay đổi hoặc thông tin, dữ liệu cần làm rõ theo yêu cầu giám sát. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì điều chỉnh để xác định đúng bản chất điều khoản là "Giám sát tuân thủ pháp luật".	Tiếp thu ý kiến và sửa đổi quy định này theo hướng "*việc giám sát tuân thủ pháp luật đối với doanh nghiệp được thực hiện thông qua theo dõi, phân tích việc thực hiện nghĩa vụ, hành vi, sự thay đổi tuân thủ và các nội dung có liên quan trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa. Kết quả giám sát tuân thủ được cập nhật vào hồ sơ tuân thủ, được sử dụng làm căn cứ để kiểm tra, xác minh, xem xét đánh giá lại tuân thủ, hỗ trợ tuân thủ và áp dụng biện pháp quản lý phù hợp*". (Nội dung này trước đây ở Điều 13 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến, nay là Điều 12).
14.	**Điều 14. Xây dựng, quản lý hồ sơ tuân thủ**	Công ty CP đầu tư phát triển kinh tế	Tại khoản 1, sửa cụm "doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá" thành "doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá và đại lý làm thủ tục hải quan". Tại khoản 2, bổ sung điểm h: "h) Thông tin về kết quả tự rà soát, tự kiểm tra, khắc phục sai sót trước khi truyền tờ khai hải quan." Lý do: Điểm c khoản 3 Điều 12 đã lấy việc tự phát hiện, khai báo, sửa chữa sai sót làm yếu tố đánh giá, nhưng hồ sơ tuân thủ tại khoản 2 Điều 14 chưa có nhóm thông tin để ghi nhận. Gần 60% nước thành viên WCO đưa đại lý vào chương trình doanh nghiệp tin cậy.	1. Về phạm vi đánh giá tuân thủ: Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, theo đó chỉ đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa. Không đánh giá tuân thủ đối với Đại lý làm thủ tục hải quan. Lý do: + Việc đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ cần được xác định phù hợp với mục tiêu quản lý và các chính sách, biện pháp được áp dụng trên cơ sở kết quả đánh giá. Dự thảo

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				tập trung đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa vì đây là nhóm chủ thể trực tiếp thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và kết quả đánh giá có thể gắn trực tiếp với mức độ ưu tiên, kiểm tra, giám sát và các biện pháp quản lý hải quan. + Thực tiễn cho thấy việc đánh giá tuân thủ đối với các chủ thể khác như đại lý làm thủ tục hải quan, doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát nhanh, chủ phương tiện... chưa thực sự phát huy hiệu quả do kết quả đánh giá chưa gắn với chính sách hoặc biện pháp quản lý cụ thể đối với từng đối tượng. Ví dụ, một đại lý hải quan có thể thực hiện thủ tục cho hàng trăm doanh nghiệp xuất nhập khẩu có mức độ tuân thủ khác nhau; nếu sử dụng mức độ tuân thủ của đại lý làm căn cứ tăng cường kiểm tra đối với hàng hóa do đại lý khai báo thì có thể ảnh hưởng đến cả những doanh nghiệp xuất nhập khẩu tuân thủ tốt. + Việc không đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ đối với tất cả người khai hải quan không có nghĩa là các chủ thể này không được quản lý. Cơ quan hải quan vẫn thu thập thông tin, đánh giá rủi ro đối với người khai

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				hải quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh để phục vụ phân luồng, kiểm tra, giám sát và áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp. 2. Đối với ý kiến đề nghị bổ sung "thông tin về kết quả tự rà soát, khắc phục sai sót": Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Nội dung đề xuất đã được bao hàm tại điểm b.3 khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định về năng lực tổ chức thực hiện tuân thủ, việc chủ động phòng ngừa, tự phát hiện, khai báo, sửa chữa, khắc phục sai sót và duy trì tuân thủ pháp luật. Việc tự rà soát, tự kiểm tra, khắc phục sai sót trước khi truyền tờ khai hải quan là một trong những biểu hiện cụ thể của năng lực tự kiểm soát tuân thủ của doanh nghiệp. Do đó, không cần thiết bổ sung thành một nhóm tiêu chí riêng, bảo đảm quy định tại Nghị định mang tính nguyên tắc, khái quát, tránh trùng lặp và phù hợp với việc cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá tại Thông tư hướng dẫn.
15.	**Điều 15. Hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ tự nguyện**	Công ty CP đầu tư phát triển kinh tế	Khoản 3 Điều 15 sửa thành: "Cơ quan hải quan thiết lập cơ chế trao đổi, cung cấp thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp, đại lý làm thủ tục hải quan; cung cấp công cụ, phương tiện phù hợp để tự rà soát, nhận diện nội dung cần khắc phục và theo dõi kết quả cải thiện tuân thủ. Công cụ, phương tiện này	Đối với đề nghị cho phép tổ chức khác cung cấp công cụ, phương tiện theo chuẩn kỹ thuật do cơ quan hải quan công bố, đây là nội dung mang tính kỹ thuật, liên quan đến điều kiện cung cấp, tiêu chuẩn, quản lý, kết

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			có thể do tổ chức khác cung cấp theo chuẩn kỹ thuật do cơ quan hải quan công bố." Lý do: Khoản 3 Điều 15 đã thừa nhận nguyên lý cung cấp công cụ để tự rà soát, nhưng chưa bao gồm đại lý và chưa mở cho nguồn cung ngoài cơ quan hải quan	nối và bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu; không thuộc nội dung cần quy định tại Nghị định này. Trường hợp cần thiết sẽ được nghiên cứu quy định tại văn bản hướng dẫn hoặc quy định kỹ thuật có liên quan.
16.	**Điểm d3, khoản 2, Điều 16**	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Điểm d3, khoản 2, Điều 16 dự thảo Nghị định đang quy định: "*2. Đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt, cơ quan hải quan áp dụng ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan, xem xét miễn, giảm mức độ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau:* *d.3) Lựa chọn ngẫu nhiên để kiểm tra phục vụ đánh giá, đo lường tuân thủ*" Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định giới hạn tỷ lệ kiểm tra ngẫu nhiên phục vụ đánh giá (ví dụ: *không quá 0.5% - 1% tổng số tờ khai*) đối với nhóm doanh nghiệp tuân thủ tốt để đảm bảo ý nghĩa thực sự của việc "miễn kiểm tra hồ sơ/thực tế hàng hóa" đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt.	Không tiếp thu. Lý do: **Tại điểm c khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định** đã quy định doanh nghiệp tuân thủ tốt được **"miễn kiểm tra hồ sơ** hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hoá" (trừ một số trường hợp cụ thể). Quy định về việc "*lựa chọn ngẫu nhiên để kiểm tra*" là một trong những cách thức quản lý của cơ quan hải quan nhằm đánh giá tuân thủ doanh nghiệp. Cách thức này đảm bảo không làm giảm ý nghĩa của quy định miễn, giảm kiểm tra đối với doanh nghiệp tuân thủ tốt đã được quy định **tại điểm c khoản 2 Điều 14**. Việc xác định tỷ lệ kiểm tra ngẫu nhiên được thực hiện theo yêu cầu quản lý trong từng thời kỳ và đáp ứng của hệ thống *(Nội dung này trước đây ở Điều 16 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến, nay là Điều 14)*
17.	**Điều 16**	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Đề nghị bổ sung khoản mới vào trước khoản 3 Điều này như sau: "...Đối với doanh nghiệp có mức độ tuân thủ tốt, có hệ thống kiểm soát nội bộ, bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng và kết nối dữ liệu với Hệ thống, cơ quan hải quan áp dụng biện	Tiếp thu về nguyên tắc, theo đó: Các yếu tố về hệ thống kiểm soát nội bộ, bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng, kết nối, chia sẻ dữ liệu có thể được nghiên cứu, xem xét trong xây dựng

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			pháp tạo thuận lợi gồm: ưu tiên xử lý dữ liệu, giảm mức độ giám sát trực tiếp, áp dụng giám sát điện tử và các biện pháp khác trên cơ sở quản lý rủi ro." **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định này để tăng động lực tuân thủ cho doanh nghiệp; tạo cơ sở để doanh nghiệp cảng phát triển mô hình nhà khai thác logistics tin cậy.	tiêu chí đánh giá mức độ tuân thủ của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp được đánh giá ở mức tuân thủ tốt, Điều 14 dự thảo đã quy định các biện pháp ưu tiên, tạo thuận lợi, bao gồm ưu tiên thực hiện thủ tục hải quan, xem xét miễn, giảm mức độ kiểm tra, giám sát hải quan và áp dụng các biện pháp quản lý khác. Do đó, không cần thiết bổ sung quy định riêng như đề xuất. *(Nội dung này trước đây ở Điều 16 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến, nay là Điều 14)*
18.	**Điều 17. Xây dựng, áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro** Khoản 3 Điều 17	Công ty CP đầu tư phát triển kinh tế	Bổ sung vào cuối khoản: "Cục trưởng Cục Hải quan ban hành tiêu chí, chỉ số tiêu chí quản lý rủi ro quy định tại Điều này." Lý do: Khoản 3 Điều 17 mới quy định tiêu chí "được phê duyệt theo thẩm quyền trước khi áp dụng" mà chưa xác định cấp phê duyệt và hình thức văn bản. Thông tư số 81/2019/TT-BTC trước đây có quy định này.	Tiếp thu, khoản 4 Điều 15 dự thảo Nghị định đã giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này. *(Nội dung này trước đây ở Điều 17 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến,* nay là Điều 15)
19.	**Khoản 3 Điều 24** 3.. Trường hợp có thông tin, tình tiết mới làm thay đổi căn cứ lựa chọn hoặc thuộc trường hợp khác theo quy định của pháp luật, công chức hải quan có thẩm quyền được quyết định thay đổi kết quả lựa chọn hoặc việc áp dụng biện pháp nghiệp vụ theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Căn cứ	TCT Tân Cảng Sài Gòn	3.. Trường hợp có thông tin, tình tiết mới làm thay đổi căn cứ lựa chọn hoặc thuộc trường hợp khác theo quy định của pháp luật, công chức hải quan có thẩm quyền được quyết định thay đổi kết quả lựa chọn hoặc việc áp dụng biện pháp nghiệp vụ theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Căn cứ **pháp lý, lí do** và kết quả thay đổi phải được cập nhật trên hệ thống thông tin nghiệp vụ. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định công chức hải quan khi quyết định chuyển luồng (ví dụ: từ Xanh sang Vàng/Đỏ) phải **cập nhật lý do cụ thể và căn cứ pháp lý** lên Hệ thống thông tin nghiệp vụ để tăng cường	**Tiếp thu về nguyên tắc.** Dự thảo đã chỉnh lý Điều 24 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 20) theo hướng phân định rõ việc áp dụng tiêu chí lựa chọn đối tượng và thẩm quyền quyết định kiểm tra, giám sát, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác tại khoản 3, khoản 4; đồng thời bổ sung tại khoản 6 trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá, cập nhật, xử lý

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	và kết quả thay đổi phải được cập nhật trên hệ thống thông tin nghiệp vụ.		minh bạch, phòng ngừa việc chuyển luồng thủ công tùy tiện gây phiền hà cho người khai hải quan.	kết quả trên hệ thống thông tin nghiệp vụ để kiểm soát, đánh giá và điều chỉnh việc áp dụng quản lý rủi ro. Việc thay đổi kết quả lựa chọn, áp dụng biện pháp nghiệp vụ và yêu cầu cập nhật, lưu vết trên hệ thống thông tin nghiệp vụ sẽ được quy định cụ thể tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc tại Quyết định của Cục Hải quan hướng dẫn quy trình nghiệp vụ.
20.	**Điều 11 đến Điều 24, Điều 89 Dự thảo. Về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro và thu thập dữ liệu từ doanh nghiệp**	VCCI	Dự thảo dành 14 điều (từ Điều 11 đến Điều 24) quy định về thu thập, xử lý thông tin, đánh giá, giám sát, hồ sơ tuân thủ, hỗ trợ tuân thủ tự nguyện, áp dụng biện pháp quản lý theo mức độ tuân thủ và các nội dung quản lý rủi ro. Khoản 6 Điều 11 quy định cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm "cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro; thực hiện kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu điện tử với cơ quan hải quan"; điểm d khoản 3 Điều 89 bổ sung vào thông tin hải quan "dữ liệu điện tử, dữ liệu số được kết nối từ hệ thống quản lý của doanh nghiệp". Khoản 2 Điều 12 phân loại doanh nghiệp theo bốn mức độ tuân thủ; khoản 5, khoản 6 Điều 12 ghi nhận quyền của doanh nghiệp được biết kết quả và kiến nghị xem xét lại; Điều 16 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết các biện pháp ưu tiên và biện pháp quản lý tương ứng. VCCI ghi nhận việc Dự thảo xác lập nguyên tắc kết quả xử lý tự động của hệ thống, kể cả trí tuệ nhân tạo, không thay thế thẩm quyền quyết định của người có thẩm quyền (khoản 5 Điều 11) và quyền của doanh nghiệp được cung cấp căn cứ chủ yếu của kết quả đánh giá (khoản 6 Điều 12). Tuy nhiên, VCCI nhận thấy ba vấn đề cần được hoàn thiện.	1. Ý kiến 1. Về ý kiến liên quan đến nghĩa vụ kết nối, cung cấp, chia sẻ dữ liệu quy định tại Điều 11 dự thảo. Tiếp thu, theo đó, đã bỏ quy định khoản 6 Điều 11. 2. Ý kiến 2. Về thời hạn thông báo kết quả, giải quyết kiến nghị và đánh giá lại mức độ tuân thủ Tiếp thu, theo đó dự thảo đã bổ sung tại Nghị định các nội dung sau: - Định kỳ 12 tháng, cơ quan Hải quan thực hiện đánh giá tuân thủ Kết quả đánh giá được cung cấp cho doanh nghiệp chậm nhất 05 ngày kể từ ngày kết thúc đánh giá (điểm a khoản 1 Điều 12). Về thời hạn xử lý kiến nghị của doanh nghiệp: trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Thứ nhất, nghĩa vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu tại khoản 6 Điều 11 và điểm d khoản 3 Điều 89 đang được quy định rất rộng, không xác định loại dữ liệu, phạm vi thời gian, đối tượng doanh nghiệp phải kết nối và chi phí đầu tư hạ tầng do ai chịu. Nếu được hiểu là mọi doanh nghiệp xuất nhập khẩu đều phải mở kết nối hệ thống quản trị nội bộ (ERP, phần mềm kho, dữ liệu định vị phương tiện) cho cơ quan hải quan, đây sẽ là một nghĩa vụ tuân thủ mới có chi phí rất lớn, nhất là với doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời đặt ra rủi ro về bí mật kinh doanh và dữ liệu cá nhân của người lao động, khách hàng. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 yêu cầu việc xử lý dữ liệu cá nhân phải có căn cứ pháp lý, đúng mục đích và giới hạn trong phạm vi cần thiết; Dự thảo chưa thể hiện các nguyên tắc này. VCCI chia sẻ yêu cầu của Quý Cơ quan về quản lý hải quan dựa trên dữ liệu chuỗi cung ứng để phòng, chống gian lận thương mại, kể cả ở nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa; vấn đề cần giải quyết là thiết kế nghĩa vụ cung cấp dữ liệu tương xứng với mức độ rủi ro và quy mô doanh nghiệp, thay vì áp dụng một nghĩa vụ kết nối thường xuyên chung cho mọi đối tượng. Thứ hai, kết quả đánh giá tuân thủ là căn cứ để áp dụng hoặc tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát, kiểm tra sau thông quan (khoản 4 Điều 12, khoản 4, khoản 5 Điều 16), tức là tác động trực tiếp đến thời gian thông quan và chi phí của doanh nghiệp. Tuy vậy, Dự thảo chưa quy định thời hạn cơ quan hải quan thông báo kết quả, thời hạn xử lý kiến nghị của doanh nghiệp, thời hạn duy trì một mức độ tuân thủ và điều kiện để doanh nghiệp được đánh giá lại khi đã khắc phục. Toàn bộ các nội dung này đều được giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định (khoản 7 Điều 12), trong khi đây là những bảo đảm về quyền của người khai hải quan nên được xác lập ngay tại cấp Nghị định.	kiến nghị, cơ quan hải quan xem xét, trả lời doanh nghiệp; trường hợp kiến nghị có căn cứ thì đánh giá lại, cập nhật hồ sơ tuân thủ và thông báo cho doanh nghiệp (khoản 4 Điều 12). 3. Ý kiến 3. Quy định doanh nghiệp tuân thủ tốt được áp dụng các biện pháp tạo thuận lợi thay vì chỉ được *"xem xét"* áp dụng. Tiếp thu, tại khoản 2 Điều 14 đã bỏ từ "xem xét" khi áp dụng cho doanh nghiệp tuân thủ tốt.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Thứ ba, các biện pháp tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tuân thủ tốt tại khoản 2 Điều 16 đều được diễn đạt bằng cụm từ "xem xét", trong khi các biện pháp đối với doanh nghiệp tuân thủ hạn chế, không tuân thủ lại được diễn đạt bằng cụm từ "thực hiện", "tăng cường". Sự bất cân xứng này làm giảm động lực tuân thủ tự nguyện mà Điều 17a Luật Hải quan hướng tới. Để khắc phục các bất cập nêu trên, VCCI đề nghị: (i) Bổ sung vào Điều 11 nguyên tắc phân tầng nghĩa vụ cung cấp dữ liệu: việc kết nối trực tuyến, thường xuyên với hệ thống quản trị nội bộ chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, địa điểm và doanh nghiệp tự nguyện tham gia gắn với ưu đãi tương xứng; đối với các doanh nghiệp khác, nghĩa vụ là trích xuất, cung cấp dữ liệu theo định dạng chuẩn do cơ quan hải quan công bố khi có quyết định kiểm tra, thanh tra hoặc văn bản yêu cầu giải trình nêu rõ dấu hiệu rủi ro; phạm vi dữ liệu được giới hạn ở thông tin liên quan trực tiếp đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và nghĩa vụ thuế; cơ quan hải quan cung cấp giải pháp kết nối, công cụ trích xuất dữ liệu không thu phí; đồng thời quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, công chức hải quan trong việc bảo mật bí mật kinh doanh và dữ liệu cá nhân, chỉ sử dụng dữ liệu cho mục đích quản lý hải quan và chịu trách nhiệm khi để lộ, lọt dữ liệu theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; (ii) Bổ sung vào Điều 12 các thời hạn cụ thể: cơ quan hải quan thông báo kết quả đánh giá trên hệ thống chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả; doanh nghiệp được kiến nghị trong thời hạn 30 ngày; cơ quan hải quan trả lời trong thời hạn 15 ngày làm việc; kết quả đánh giá ở mức tuân thủ hạn chế hoặc không tuân thủ được rà soát lại tối thiểu 06 tháng một lần hoặc ngay khi doanh nghiệp chứng minh đã khắc phục;	

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			(iii) Sửa khoản 2 Điều 16 theo hướng doanh nghiệp tuân thủ tốt "được áp dụng" các biện pháp tạo thuận lợi, trừ các trường hợp loại trừ đã nêu tại điểm d khoản 2 Điều 16, bảo đảm tính dự liệu và công bằng giữa các nhóm doanh nghiệp.	
21.	**Điểm b khoản 3 Điều 26** b) Xây dựng các Danh mục hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ;	TCT Tân Cảng Sài Gòn	b) Xây dựng các Danh mục hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước ~~theo quy định của Chính phủ~~ **về xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật và bảo đảm thống nhất mã số với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;** **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh vì trong thực tế mã số hàng hóa được đồng thời sử dụng cho thuế, thống kê và quản lý chuyên ngành. Nếu các Danh mục chuyên ngành không thống nhất mã số sẽ dẫn đến khai báo khác nhau, phải sửa hồ sơ, kéo dài thời gian thông quan và phát sinh chi phí lưu kho, lưu bãi, logistics.	Không tiếp thu. Khoản 3 Điều 23 dự thảo Nghị định đã quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành kèm mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; khoản 6, khoản 7 Điều 23 quy định việc xử lý khác biệt và cập nhật mã số, bảo đảm thống nhất mã số giữa các Danh mục.
22.	**Khoản 4 vào Điều 26**	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Đề nghị cơ quan chủ trì xem xét bổ sung khoản 4 vào Điều 26 dự thảo Nghị định như sau: "*4. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các Danh mục hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước có liên quan đến mã số hàng hóa được quản lý, cập nhật trên cơ sở dữ liệu điện tử thống nhất, bảo đảm khả năng tra cứu, sử dụng và kết nối, chia sẻ thông tin theo quy định của pháp luật.*" **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định về việc xây dựng cơ sở dữ liệu chung về mã số để đảm bảo việc sử dụng mã số thống nhất giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, hạn chế yêu cầu giải trình và xử lý thủ công.	Không tiếp thu do đã có quy định về cơ sở dữ liệu tại Điều 24 dự thảo Nghị định đã bao gồm *Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành.*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
23.	***Điều 27. ~~Điều 19.~~ Trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc thực hiện phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*** *5. Trường hợp hàng hóa có mã số tại Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành khác biệt với mã số xác định theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì thực hiện theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và pháp luật về hải quan.* *Khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, người khai hải quan thực hiện việc xác định và khai báo mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và pháp luật về hải quan.*	Hội đồng kinh doanh Hoa Kỳ - ASEAN	Thực tế hiện nay, các Bộ thường ban hành các Danh mục hàng hóa thuộc diện quản lý của từng bộ gắn với mã HS (gọi tắt là Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành). Trong quá trình soạn thảo các Danh mục này, các Bộ đã phối hợp với cơ quan hải quan để xác định mã HS đối với từng mặt hàng. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn tồn tại sự không thống nhất giữa Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành và Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam. Cục Hải quan cũng đã nêu vấn đề này trong Tờ trình Chính phủ khi xây dựng Nghị định hướng dẫn Luật Hải quan: "Một số trường hợp do các bộ ngành không thể cung cấp thông tin chi tiết về hàng hóa nên mã số được Cục Hải quan xác định chỉ là tương đối, không chính xác". Sự thiếu chính xác này gây rủi ro rất lớn cho doanh nghiệp khi không biết phải tuân thủ quy định nào. Nếu doanh nghiệp sử dụng mã HS trong Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành, mã HS đó có thể không được cơ quan hải quan chấp nhận, dẫn đến nguy cơ bị xử phạt và truy thu thuế. Ngược lại, nếu sử dụng mã HS khác với Danh mục chuyên ngành, doanh nghiệp có thể bị cho là khai báo không đúng nhằm lẩn tránh chính sách quản lý mặt hàng, dẫn đến nguy cơ bị xử phạt hoặc áp dụng các biện pháp khác, bao gồm thu hồi sản phẩm trong một số trường hợp. Ở cả hai trường hợp trên, sự thiếu nhất quán giữa các quy định của cơ quan nhà nước đều có thể dẫn đến rủi ro và thiệt hại cho doanh nghiệp. Đồng tình với mục tiêu của quy định 27.5 nhằm bảo đảm việc xác định và khai báo mã HS được thực hiện thống nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Tuy nhiên, quy định này chưa giải quyết được các trường hợp đã phát sinh trước đây, khi các doanh nghiệp đã căn cứ vào các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành của các Bộ để khai báo hải quan và đang đối mặt với nguy cơ bị xử	Không tiếp thu do theo quy định hiện hành, Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành để xác định chính sách quản lý chuyên ngành, việc áp dụng chính sách thuế phải căn cứ hồ sơ hải quan và các thông tin về hàng hóa thực tế để xác định mã số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Luật Quản lý thuế đã có quy định *"Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế"*, đối với số tiền thuế nộp thiếu thì doanh nghiệp vẫn phải nộp. Do vậy không có căn cứ pháp lý để quy định không truy thu đối với số tiền thuế còn thiếu.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			phạt, truy thu thuế do cơ quan hải quan xác định mã HS khác với mã tại các Danh mục này. Đề nghị bổ sung thêm quy định chuyển tiếp vào Điều 95 của Dự thảo theo hướng **không hồi tố** đối với những trường hợp trước đây, cụ thể: "Đối với các trường hợp người khai hải quan đã sử dụng mã HS tại các Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành của các Bộ để khai báo hải quan trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì không bị xử phạt vi phạm hành chính và truy thu số tiền thuế còn thiếu, tiền chậm nộp."	
24.	***Điều 30.*** ~~**Điều 21.**~~ **Kiểm tra, xác định trị giá hải quan** ***2. Xử lý kết quả kiểm tra:*** ***c)*** *Trường hợp không thuộc* ***điểm a, điểm b khoản*** *này, cơ quan hải quan chấp nhận trị giá khai báo để thông quan hàng hóa theo quy định.*	Hiệp hội Lương thực Việt Nam	Bổ sung vào điểm c Khoản 2 Điều 30 Nghị định nội dung *"hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng thương mại cấp Chính phủ hoặc hợp đồng trúng thầu quốc tế thì cơ quan hải quan chấp nhận trị giá khai báo theo giá hợp đồng".*	Không tiếp thu do việc kiểm tra hải quan theo nguyên tắc rủi ro và theo phân luồng của Hệ thống thông quan điện tử. Do vậy, những hàng hoá thuộc hợp đồng thương mại cấp Chính phủ hoặc trúng thầu quốc tế có thể không thuộc đối tượng cần kiểm tra theo Điều 30 dự thảo nên không có cơ sở để bổ sung theo đề nghị của Hiệp hội lương thực Việt Nam. *(Điều 30 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến nay là Điều 26)*
25.	**Điều 30, Điều 34 Dự thảo - Về trị giá hải quan và xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá**	VCCI	Điểm b khoản 2 Điều 30 quy định trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn, thông quan hàng hóa và "thực hiện kiểm tra trị giá sau khi hàng hóa đã thông quan". Điểm a khoản 2 Điều 30 quy định trường hợp "đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo" thì cơ quan hải quan thông báo trị giá và yêu cầu khai bổ sung trong 05 ngày làm việc. Điểm a khoản 2 Điều 34 giữ yêu cầu nộp hồ sơ xác định trước "ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng". Việc chuyển tham vấn trị giá ra khỏi khâu thông quan, qua đó rút ngắn đáng kể thời gian giải phóng hàng. Tuy	(i) Tiếp thu: Đối với điểm b Khoản 2 Điều 30 **(tại điểm a khoản 2 Điều 26 DT mới):** Đối với trường hợp cơ quan hải quan có nghi vấn về trị giá, nhưng cơ quan hải quan vẫn thông quan hàng hóa theo quy định để tạo điều kiện thông quan nhanh chóng hàng hóa cho doanh nghiệp. Đồng thời, cơ quan hải quan chuyển nghi vấn trị giá sang khâu sau khi hàng

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			nhiên, để cải cách này không chuyển rủi ro từ khâu thông quan sang một trạng thái "treo" kéo dài sau thông quan, Dự thảo cần làm rõ thời hạn và cách thức kiểm tra trị giá sau thông quan đối với các tờ khai đã bị thông báo nghi vấn. Nếu không có thời hạn, doanh nghiệp có thể phải chờ đến giới hạn 05 năm của thời hiệu kiểm tra sau thông quan mới biết lô hàng có bị ấn định thuế hay không, trong khi khoản tiền chậm nộp tiếp tục phát sinh. VCCI hiểu rằng các vụ việc chuyển giá, gian lận thông qua công ty liên kết ở nước ngoài đòi hỏi thời gian xác minh dài; tuy nhiên, đó là nhóm có dấu hiệu vi phạm cần được xử lý bằng kiểm tra sau thông quan, thanh tra theo thời hạn chung, còn đối với số đông tờ khai chỉ bị nghi vấn do chênh lệch so với cơ sở dữ liệu giá, cần có thời hạn xác định để doanh nghiệp ổn định nghĩa vụ thuế. Đồng thời, các trường hợp "đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo" đang được giao hoàn toàn cho Thông tư, và tại Dự thảo Thông tư đang lấy ý kiến song song, phạm vi này rất rộng, bao gồm cả việc khai sai một chỉ tiêu như địa điểm dỡ hàng, mô tả hàng hóa hay nước xuất xứ. Theo tinh thần Quyết định 6.1 của Ủy ban Trị giá hải quan thuộc Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) về các trường hợp cơ quan hải quan có lý do nghi ngờ tính trung thực hoặc chính xác của trị giá khai báo, trước khi bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan cần thông báo lý do nghi ngờ và tạo cơ hội hợp lý để người khai hải quan giải trình. Đối với xác định trước, thời hạn nộp hồ sơ ít nhất 60 ngày trước khi xuất khẩu, nhập khẩu, cộng với thời hạn xử lý từ 30 đến 60 ngày, khiến doanh nghiệp khó sử dụng công cụ này cho các giao dịch thương mại thông thường có chu kỳ ký hợp đồng, giao hàng ngắn. Khoản 1 Điều 3 Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại (TFA) của WTO, mà Việt Nam là thành viên, chỉ yêu cầu xác định trước được ban hành "một cách hợp lý, có thời hạn" khi người đề nghị đã nộp đủ	hóa đã thông quan và thực hiện kiểm tra trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa. Tại khâu này cơ quan hải quan sẽ yêu cầu người khai hải quan giải trình và cung cấp thêm chứng từ, bằng chứng xác minh trị giá khai báo. Người khai hải quan sẽ có các cơ hội giải trình, chứng minh trị giá khai báo. Khi quyết định cuối cùng được đưa ra, cơ quan hải quan sẽ thông báo cho người khai hải quan bằng văn bản quyết định và các căn cứ để đưa ra quyết định đó (Hiện nay đã được quy định chi tiết tại Điều 109 dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định này). (ii) Không tiếp thu đối với Điểm a Khoản 2 Điều 30 **(tại điểm b khoản 2 Điều 26 dự thảo mới):** Về căn cứ bác bỏ trị giá khai báo: cơ quan hải quan có đủ cơ sở bác bỏ khi người khai hải quan khai không đúng, không đủ một trong các tiêu chí **có ảnh hưởng đến trị giá hải quan.** Các chỉ tiêu được liệt kê đều là những chỉ tiêu có khả năng ảnh hưởng đến trị giá hải quan, (ví dụ: khác về địa điểm dỡ hàng có thể dẫn đến khác về chi phí vận chuyển ảnh hưởng đến khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan, khác về đơn vị

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			thông tin cần thiết, không đặt ra điều kiện về thời hạn nộp trước so với thời điểm xuất khẩu, nhập khẩu. Đề nghị: (i) Bổ sung vào điểm b khoản 2 Điều 30 quy định cơ quan hải quan hoàn thành việc kiểm tra trị giá đối với tờ khai có thông báo nghi vấn trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan; trường hợp phải xác minh với cơ quan thuế, ngân hàng, cơ quan hải quan nước ngoài thì được gia hạn một lần không quá 30 ngày và thông báo lý do cho người khai hải quan; hết thời hạn này mà cơ quan hải quan không ban hành thông báo trị giá thì kết thúc việc kiểm tra đối với nghi vấn đã thông báo. Việc kết thúc này không loại trừ quyền kiểm tra sau thông quan, thanh tra trong thời hạn theo quy định của Luật Hải quan và Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 khi có thông tin mới về dấu hiệu chuyển giá, gian lận thương mại; (ii) Quy định tại Điều 30 các nhóm căn cứ bác bỏ trị giá khai báo ở mức nguyên tắc, chỉ gồm các sai sót ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định trị giá, và nguyên tắc người khai hải quan được giải trình trước khi cơ quan hải quan ban hành thông báo trị giá; (iii) Sửa điểm a khoản 2 Điều 34 theo hướng bỏ yêu cầu nộp hồ sơ trước 60 ngày, hoặc rút xuống 30 ngày, đồng thời rút ngắn thời hạn trả lời đối với trường hợp thông thường xuống 20 ngày.	tính có thể ảnh hưởng đến tổng trị giá của hàng hóa ...) - Tiếp thu ý kiến đề xuất của VCCI: Cục Hải quan (Chi cục KTSTQ) đã xây dựng dự thảo nội dung kiểm tra trị giá hải quan của hàng hóa sau thông quan đối với các trường hợp hàng hóa có dấu hiệu nghi vấn mà đã được thông quan hàng hóa (trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, khoản 3 Điều 74 dự thảo Nghị định). - Việc thực thi này đã được cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan tại thời điểm thông quan, do đó, người khai hải quan có thể chủ động chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, căn cứ...giải trình cho tính hợp lý, chính xác, trung thực của trị giá hải quan đã khai báo - Đối với đề xuất (ii) đề nghị VCCI đề xuất cụ thể nguyên tắc phù hợp. Hiện tại, nguyên tắc bác bỏ trị giá hải quan đã được xây dựng phù hợp với thông lệ quốc tế.
26.	**Điều 34. Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan** 3. Trách nhiệm của Cục Hải quan: b) Cục trưởng Cục Hải quan ban hành văn bản thông báo kết	Samsung Việt Nam	Một số sản phẩm mới của doanh nghiệp chưa được ra mắt trên thị trường, chứa đựng bí mật kinh doanh. Việc công khai kết quả của cơ quan hải quan có thể làm lộ lọt thông tin về sản phẩm ra thị trường, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, giảm lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp đặc biệt các doanh nghiệp diện từ công nghệ cao	Đối với Thông báo xác định trước mã số: Tiếp thu một phần để sửa mẫu thông báo xác định trước mã số tại dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC và Thông tư số 121/2025/TT-BTC theo

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường) hoặc 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan **và công khai trên trang điện tử của Cục Hải quan.**		**Kiến nghị**: bổ sung theo hướng trên đơn đề nghị xác định trước mã số sẽ có mục để doanh nghiệp lựa chọn "bảo mật kết quả phân loại để đảm bảo tính cạnh tranh của doanh nghiệp" và Cục Hải quan sẽ không công khai trên trang điện tử của Cục Hải quan đối với hàng hóa có yêu cầu này.	hướng chỉ công khai nội dung mô tả hàng hóa và mã số xác định trước, không công khai thông tin về nhà sản xuất và các thông tin thuộc về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp.
27.	**Khoản 4 Điều 35**	Công ty CP đầu tư phát triển kinh tế	Khoản 4 Điều 35 bổ sung vào danh mục nội dung giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết cụm: "việc đối soát, chuẩn hoá dữ liệu khai hải quan trước khi đăng ký tờ khai hải quan". Lý do: Không có câu giao tại nghị định thì Thông tư không có căn cứ quy định khâu này. Các cụm "chuẩn hoá", "đối soát" không xuất hiện lần nào trong 129 Điều dự thảo Thông tư.	Không tiếp thu, lý do: - Cụm từ "đối soát", "chuẩn hóa" chỉ sử dụng tại quy định tại Điều 17 về phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan và Điều 18 về xác định trọng điểm trong hoạt động nghiệp vụ hải quan. - Khoản 2 Điều 18 Luật Hải quan quy định người khai hải quan "Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của nội dung đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình"; Điều 29 Luật Hải quan quy định "Người khai hải quan phải khai đầy đủ, chính xác, rõ ràng các tiêu chí thông tin tờ khai hải quan", đồng thời tại Điều này đã giao Bộ Tài chính quy định chi tiết về khai hải quan. Trong khi đó "việc đối soát,

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				chuẩn hóa dữ liệu khai hải quan trước khi đăng ký tờ khai hải quan" là trách nhiệm tự kiểm tra dữ liệu của người khai hải quan nhằm bảo đảm tính chính xác của hồ sơ khi khai báo cho cơ quan hải quan. Theo đó, việc bổ sung nội dung giao thẩm quyền cho Bộ Tài chính quy định về "đối soát, chuẩn hóa dữ liệu..." là không cần thiết.
28.	**Điều 35. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu**	Hiệp hội xăng dầu Việt Nam	Hiệp hội đề nghị xem xét bổ sung thêm nội dung sau: *"5. Hàng hóa tạm nhập tái xuất đã giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó chuyển mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thì phải khai tờ khai hải quan mới. Chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu (bao gồm kiểm tra chuyên ngành – nếu có), chính sách thuế (bao gồm chính sách thuế ưu đãi – nếu có) đối với hàng nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu".* Lý do đề xuất: Xăng dầu tạm nhập khi thực hiện kiểm tra chất lượng nhà nước ở khâu đầu vào thì được miễn kiểm tra khâu chuyển tiêu thụ nội địa. Đồng thời, xăng dầu chuyển tiêu thụ nội địa cũng được hưởng chính sách thuế ưu đãi theo lô tạm nhập ban đầu nếu khi thực hiện thủ tục tạm nhập đã khai báo và nộp đầy đủ C/O ưu đãi của lô hàng.	Nội dung quy định tại khoản 4 Điều 31 dự thảo Nghị định đã quy định rõ, trong đó bao gồm trường hợp mà Hiệp hội kiến nghị.
29.	**Điều 36**	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Đề nghị bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau: "... Kho bãi của Doanh nghiệp kinh doanh cảng đáp ứng điều kiện về khu vực kiểm tra, kho lạnh, khu vực lấy mẫu, camera giám sát, an ninh, trang thiết bị và kết nối dữ liệu được công nhận là địa điểm kiểm tra chuyên ngành tập trung. Trường hợp lô hàng đồng thời thuộc diện kiểm tra hải quan và kiểm tra chuyên ngành thì các cơ quan tổ chức kiểm tra,	Hàng hóa kiểm tra chuyên ngành chưa thông quan là hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, theo đó tại khoản 3 Điều 32 dự thảo Nghị định đã quy định hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa khẩu, cảng cạn,

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			lấy mẫu cùng thời điểm khi điều kiện kỹ thuật cho phép." **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định xem xét cho phép xem xét kho bãi của doanh nghiệp kinh doanh cảng đáp ứng các điều kiện quy định là, địa điểm kiểm tra tập trung. Quy định này phù hợp định hướng chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm và thừa nhận kết quả kiểm tra chuyên ngành điện tử; doanh nghiệp giảm thời gian chờ, hạn chế việc phải kéo hàng đi nhiều nơi; cơ quan quản lý dễ phối hợp, giám sát tập trung và chia sẻ kết quả bằng phương thức điện tử; doanh nghiệp cảng phát triển dịch vụ hạ tầng kiểm tra chuyên ngành, tăng hiệu quả khai thác kho bãi.	kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ hoặc <u>địa điểm kiểm tra tập trung hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</u>. Như vậy, trường hợp doanh nghiệp lưu giữ hàng tại các doanh nghiệp kinh doanh cảng cũng phải là các địa điểm nêu trên.
30.	**Điểm a khoản 2 Điều 37 – Tiêu chí tổ chức bãi linh hoạt và cách ly riêng**	Hiệp hội cảng biển Việt Nam (Hiệp hội Cảng biển Việt Nam)	Đề nghị cụ thể hóa việc phân khu, nhận diện và theo dõi hàng hóa bằng sơ đồ bãi, hệ thống quản lý khai thác cảng và phương thức điện tử đáp ứng giám sát. Tiêu chí cần bảo đảm nhận diện lô hàng, trạng thái hải quan, vị trí lưu giữ và lịch sử di chuyển; cơ quan Hải quan có khả năng tra cứu, đối chiếu dữ liệu. Không mặc định mọi nhóm hàng phải được ngăn cách bằng công trình vật lý cố định. Đề nghị quy định cơ chế doanh nghiệp cập nhật phương án bãi định kỳ hoặc khi thay đổi, nội dung thông báo, trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra của Hải quan. Xác định rõ trường hợp cần bố trí khu vực cách ly riêng do nguy cơ cháy nổ, an toàn, môi trường hoặc yêu cầu kiểm soát đặc thù; việc cách ly căn cứ tính chất hàng hóa và yêu cầu pháp luật liên quan.	Tại khoản 2 Điều 37 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 33) chỉ quy định việc bố trí khu vực lưu giữ riêng giữa các khu vực lưu giữ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, không quy định việc ngăn cách bằng công trình vật lý cố định Đồng thời tại điểm c khoản 2 đã có quy định về việc DNKD cảng có trách nhiệm: *Sử dụng **<u>hệ thống công nghệ thông tin</u>** đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định để **<u>quản lý, giám sát</u>** hàng hóa xuất khẩu; nhập khẩu đang chịu sự giám sát hải quan đưa vào, lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi và thực hiện **kết nối với cơ quan quản lý nhà nước** tại cửa khẩu;*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
31.	**Điểm a khoản 2 Điều 37 – Bố trí địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa** a) Bố trí địa điểm tập kết, địa điểm lưu giữ hàng hóa đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan và được cơ quan hải quan công nhận theo quy định, khu vực lưu giữ riêng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, hàng hoá tồn đọng, hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan.	Hiệp hội cảng biển Việt Nam (Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)	**Về yêu cầu bố trí địa điểm lưu giữ hàng hóa đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan và được hải quan công nhận,** Thống nhất việc doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi phải bố trí địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát hải quan. Tuy nhiên, đề nghị quy định theo hướng bảo đảm khả năng nhận diện, phân biệt, theo dõi và kiểm soát hàng hóa bằng phương thức phù hợp với điều kiện khai thác thực tế của từng cảng, thay vì yêu cầu bắt buộc phải bố trí khu vực lưu giữ riêng được ngăn cách bằng hàng rào, vách ngăn hoặc các công trình vật lý cố định. Trong thực tế khai thác, sản lượng và cơ cấu hàng hóa qua cảng biến động liên tục theo từng thời kỳ, phụ thuộc vào nhu cầu xuất nhập khẩu, lịch tàu và phương án khai thác của các hãng tàu. Đối với các cảng có sản lượng thông qua lớn, việc tổ chức bãi cần được điều chỉnh linh hoạt để bảo đảm công suất khai thác, tránh tình trạng phải dành các khu vực cố định nhưng không được sử dụng hết công suất trong khi các khu vực khác phát sinh quá tải. Do đó, đề nghị sửa đổi theo hướng cho phép doanh nghiệp thực hiện việc phân khu, khoanh vùng và nhận diện hàng hóa trên sơ đồ mặt bằng, hệ thống quản lý khai thác cảng và các phương tiện quản lý điện tử khác; định kỳ hoặc khi có thay đổi, doanh nghiệp cập nhật thông tin, sơ đồ bố trí cho cơ quan hải quan để phục vụ công tác giám sát.	Tại khoản 2 Điều 37 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 33) chỉ quy định việc bố trí khu vực lưu giữ riêng giữa các khu vực lưu giữ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, không quy định việc ngăn cách bằng công trình vật lý cố định Đồng thời tại điểm c khoản 2 đã có quy định về việc DNKD cảng có trách nhiệm: *Sử dụng **hệ thống công nghệ thông tin** **đảm bảo tiêu chuẩn** theo quy định để **quản lý, giám sát** hàng hóa xuất khẩu; nhập khẩu đang chịu sự giám sát hải quan **đưa vào, lưu giữ, đưa ra** khỏi khu vực cảng, kho, bãi và thực hiện **kết nối với cơ quan quản lý nhà nước** tại cửa khẩu*
32.	**Khoản 2 Điều 28 và điểm b khoản 2 Điều 37 – Đầu tư, thanh toán và thu hồi chi phí soi chiếu**	Hiệp hội cảng biển Việt Nam (Hiệp hội Cảng biển Việt Nam)	Đề nghị làm rõ phạm vi trách nhiệm phối hợp, bố trí địa điểm và vận chuyển phục vụ soi chiếu của doanh nghiệp cảng theo Luật Hải quan; phương án phải phù hợp quy hoạch, điều kiện hạ tầng và an toàn khai thác. Cho phép sử dụng máy soi di động hoặc địa điểm soi chiếu tập trung phù hợp khi không thể bố trí máy soi cố định tại cảng. Đề nghị tách chi phí đầu tư, xây dựng, cải tạo hạ tầng và thiết bị chuyên dụng với chi phí dịch vụ phát sinh cho từng lô hàng gồm nâng hạ, đảo chuyển, vận chuyển, lưu giữ. Quy	Tiếp thu. Trên cơ sở các vướng mắc và ý kiến tham gia, Ban soạn thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 34 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (Điều 33 dự thảo Nghị định) theo hướng: • Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi trong việc bố trí địa điểm

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			định rõ chủ thể đầu tư, nguồn kinh phí, chủ thể thanh toán dịch vụ, căn cứ xác định chi phí và cơ chế thu hồi, hoàn trả; đặc biệt đối với container phải vận chuyển ra ngoài cảng. Phân định trách nhiệm bảo quản, bàn giao, an toàn vận chuyển và giám sát tại địa điểm soi chiếu.	tập kết, lưu giữ hàng hóa đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan và được cơ quan hải quan công nhận theo quy định; bố trí khu vực lưu giữ riêng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, hàng hóa tồn đọng và hàng hóa vi phạm pháp luật; bảo đảm khả năng nhận diện, quản lý và giám sát hàng hóa. • Bổ sung quy định doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ đến địa điểm soi chiếu trong khu vực cảng, kho, bãi theo yêu cầu của cơ quan hải quan; bảo đảm cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, soi chiếu hàng hóa theo quy định của Luật Hải quan.
33.	**Điểm b khoản 2 Điều 37 – Máy soi và chi phí phục vụ soi chiếu** "b) Bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ đến địa điểm soi chiếu theo yêu cầu của cơ quan hải quan."	Hiệp hội cảng biển Việt Nam (Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)	**Về bố trí khu vực lắp đặt máy soi**, do khu vực bố trí lắp đặt thường có quy định rõ ràng, cụ thể (khu vực soi chiếu diện tích 2.000m2, được trải Asphalt, có mái che, hàng rào, v.v) trong khi nhiều cảng chưa có khả năng bố trí khu vực lắp đặt ngay theo yêu cầu của Hải quan vì giới hạn công suất bãi. Do đó, đề nghị bổ sung tiêu chí cụ thể về quy mô Cảng cần bố trí khu vực lắp đặt máy soi (theo sản lượng thông qua hàng năm, số lượng bến/cầu cảng, v.v) để xác định trường hợp bắt buộc phải bố trí khu vực lắp đặt máy soi cố định. Đối với cảng có quy mô, sản lượng không đáp ứng quy định, đề nghị cho phép áp dụng phương án phối hợp linh hoạt	**Tiếp thu.** Trên cơ sở các vướng mắc và ý kiến tham gia, Ban soạn thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 34 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (Điều 33 dự thảo Nghị định) theo hướng: • Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi trong việc bố trí địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan và được cơ quan hải quan công nhận

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			(sử dụng máy soi di động do hải quan bố trí luân phiên, hoặc vận chuyển hàng đến địa điểm soi chiếu tập trung gần nhất) thay vì bắt buộc toàn bộ các khu vực cảng, không phân biệt quy mô, đều bố trí quỹ đất, đầu tư hạ tầng cố định cho máy soi. Đồng thời, đề nghị làm rõ trách nhiệm và chi phí phát sinh đối với việc nâng hạ, vận chuyển, đảo chuyển và lưu giữ hàng hóa phục vụ soi chiếu. Việc cơ quan Hải quan quyết định áp dụng biện pháp kiểm tra, soi chiếu không nên dẫn đến việc doanh nghiệp kinh doanh cảng mặc nhiên phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh từ hoạt động này.	theo quy định; bố trí khu vực lưu giữ riêng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, hàng hóa tồn đọng và hàng hóa vi phạm pháp luật; bảo đảm khả năng nhận diện, quản lý và giám sát hàng hóa. • Bổ sung quy định doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ đến địa điểm soi chiếu trong khu vực cảng, kho, bãi theo yêu cầu của cơ quan hải quan; bảo đảm cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, soi chiếu hàng hóa theo quy định của Luật Hải quan.
34.	**Khoản 2 Điều 37 – Trách nhiệm xử lý hàng hóa tồn đọng**	Hiệp hội cảng biển Việt Nam (Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)	**Về trách nhiệm xử lý hàng hóa tồn đọng**, Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung cơ chế ràng buộc trách nhiệm của người vận chuyển, hãng tàu ngay từ thời điểm nhận vận chuyển hàng hóa tại cảng xếp hàng ở nước ngoài. Đồng thời, đề nghị quy định thời hạn cụ thể để người vận chuyển, hãng tàu và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện trách nhiệm xác minh, thông báo, phối hợp xử lý và đưa hàng hóa ra khỏi khu vực cảng; trường hợp hết thời hạn mà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì phải xác định rõ trách nhiệm và cơ chế xử lý tiếp theo. Đối với hàng hóa có nguy cơ gây mất an toàn, cháy nổ, ô nhiễm môi trường hoặc ảnh hưởng đến hoạt động khai thác cảng, đề nghị áp dụng cơ chế xử lý rút gọn, ưu tiên, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của người vận chuyển, hãng tàu	Điều 58 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 giao thẩm quyền Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng trong địa bàn hoạt động hải quan. Việc xử lý hàng hoá tồn dọng hiện đã được quy định cụ thể tại Thông tư số 203/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 78/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			trong việc tổ chức di dời, xử lý và thanh toán các chi phí phát sinh. Thực tế hiện nay, có những lô hàng tồn đọng kéo dài nhiều năm nhưng chưa được xử lý dứt điểm, dẫn đến phát sinh ngày càng lớn các chi phí lưu giữ, bảo quản, kiểm kê, phân loại, đảo chuyển, thuê bãi ngoài và các chi phí liên quan khác; đồng thời gây áp lực về mặt bằng khai thác, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cảng và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, ô nhiễm môi trường. Việc quy định rõ trách nhiệm và thời hạn xử lý của người vận chuyển, hãng tàu sẽ góp phần thúc đẩy việc xử lý hàng hóa tồn đọng kịp thời, hạn chế tình trạng chi phí và trách nhiệm kéo dài nhưng doanh nghiệp kinh doanh cảng là đơn vị trực tiếp phải tiếp tục lưu giữ và bố trí mặt bằng.	
35.	**Khoản 2 Điều 37 – Thời hạn xử lý hàng tồn đọng và cơ chế tạm ứng, thu hồi kinh phí**	Hiệp hội cảng biển Việt Nam (Hiệp hội Cảng biển Việt Nam)	Đề nghị quy định rõ thời hạn và trách nhiệm của chủ hàng, người vận chuyển, đại lý, doanh nghiệp cảng, cơ quan Hải quan và các cơ quan liên quan trong xác minh, thông báo, di dời, thanh lý hoặc tiêu hủy hàng tồn đọng. Ưu tiên xử lý hàng nguy hiểm, hàng gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ mất an toàn khai thác. Cho phép chuyển hàng đến địa điểm đủ điều kiện giám sát theo phương án được cơ quan Hải quan chấp thuận, giữ nguyên tình trạng pháp lý của hàng hóa và bảo đảm truy xuất. Quy định thời hạn phản hồi cụ thể kể từ khi nhận đủ hồ sơ; nếu không chấp thuận phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung. Đề nghị xác định nguồn kinh phí, chủ thể và điều kiện tạm ứng, hồ sơ thanh quyết toán, cơ chế thu hồi chi phí từ chủ thể chịu trách nhiệm khi xác định được. Trường hợp không xác định được chủ thể hoặc không thu hồi được chi phí, cần quy định rõ cơ quan quyết định, nguồn kinh phí và cơ chế xử lý, không mặc nhiên buộc doanh nghiệp cảng chịu toàn bộ chi phí.	Điều 58 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 giao thẩm quyền Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng trong địa bàn hoạt động hải quan. Việc xử lý hàng hoá tồn đọng hiện đã được quy định cụ thể tại Thông tư số 203/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 78/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
36.	**Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và điểm b khoản 2 Điều 37 – Bố trí địa điểm, hạ tầng và chi phí phục vụ soi chiếu** Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu đến địa điểm kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan hải quan.	Hiệp hội cảng biển Việt Nam (Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép)	Việc doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi phối hợp và tạo điều kiện để cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra, soi chiếu hàng hóa là cần thiết. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét làm rõ phạm vi trách nhiệm của doanh nghiệp, đặc biệt đối với việc bố trí địa điểm, cơ sở hạ tầng và các thiết bị kỹ thuật phục vụ soi chiếu cũng như chi phí vận chuyển hàng hóa phục vụ soi chiếu. Thực tế tại khu vực cảng nước sâu Cái Mép, các bến cảng đã được đầu tư và tổ chức khai thác theo quy hoạch nhiều năm qua, với mặt bằng và hạ tầng khai thác có giới hạn. Việc bố trí thêm máy soi, khu vực soi chiếu, khu vực chờ và các hạ tầng kỹ thuật liên quan có thể ảnh hưởng trực tiếp đến mặt bằng, luồng giao thông nội bộ và phương án khai thác của cảng, đặc biệt trong trường hợp đặt máy soi cố định. Do đó, cần làm rõ giới hạn phạm vi trách nhiệm của doanh nghiệp cảng để tránh khi triển khai sẽ có thể dẫn đến cách hiểu rằng doanh nghiệp cảng phải đáp ứng mọi yêu cầu về địa điểm, hạ tầng và thiết bị kỹ thuật, kể cả trường hợp vượt quá điều kiện thực tế và khả năng bố trí của cảng. Đề nghị cơ quan Hải quan xem xét điều chỉnh theo hướng: doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện và bố trí trong phạm vi điều kiện thực tế của cảng để cơ quan Hải quan thực hiện hoạt động soi chiếu; đối với các yêu cầu phát sinh ngoài điều kiện hạ tầng hiện có của doanh nghiệp thì cần có cơ chế đầu tư và phân định trách nhiệm, chi phí phù hợp. **Cụ thể như sau:** 1. Bổ sung nguyên tắc việc bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa đến địa điểm kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan Hải quan phải phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế về mặt bằng, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và phương án khai thác của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi.	**Tiếp thu.** Trên cơ sở các vướng mắc và ý kiến tham gia, Ban soạn thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 34 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (Điều 33 dự thảo Nghị định) theo hướng: • Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi trong việc bố trí địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan và được cơ quan hải quan công nhận theo quy định; bố trí khu vực lưu giữ riêng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, hàng hóa tồn đọng và hàng hóa vi phạm pháp luật; bảo đảm khả năng nhận diện, quản lý và giám sát hàng hóa. • Bổ sung quy định doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ đến địa điểm soi chiếu trong khu vực cảng, kho, bãi theo yêu cầu của cơ quan hải quan; bảo đảm cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, soi chiếu hàng hóa theo quy định của Luật Hải quan.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			2. Trường hợp yêu cầu của cơ quan Hải quan làm phát sinh nhu cầu đầu tư, xây dựng, cải tạo hoặc bổ sung hạ tầng, thiết bị chuyên dụng ngoài điều kiện hiện có của doanh nghiệp, đề nghị quy định rõ cơ chế thực hiện, trách nhiệm đầu tư và nguồn kinh phí tương ứng, thay vì mặc nhiên xác định đây là nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi. 3. Đề nghị đồng thời làm rõ đơn vị chịu trách nhiệm chi trả các chi phí liên quan đến hoạt động soi chiếu cho doanh nghiệp cảng, bao gồm chi phí vận chuyển hàng hóa đến địa điểm soi chiếu, nhằm bảo đảm minh bạch về trách nhiệm tài chính của các bên.	
37.	**Điểm b khoản 2 Điều 37**	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 dự thảo Nghị định như sau: "*2. Để thực hiện các quy định về giám sát hải quan tại Luật Hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm:* *.b) Bố trí địa điểm lắp đặt máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác ~~và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ đến địa điểm~~ phục vụ hàng hóa cần soi chiếu theo yêu cầu của cơ quan hải quan.*" **Lý do:** Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi là bên cung cấp dịch vụ và dịch vụ vận chuyển hàng hóa tới địa điểm soi chiếu là một trong các dịch vụ có tính phí mà doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi cung cấp cho Khách hàng. Dịch vụ này chỉ thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên do đó trường hợp quy định đây là nghĩa vụ bắt buộc mà doanh nghiệp kinh donah cảng, kho, bãi phải thực hiện là chưa hợp lý.	**Tiếp thu.** Trên cơ sở các vướng mắc và ý kiến tham gia, Ban soạn thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 34 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (Điều 33 dự thảo Nghị định) theo hướng: • Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi trong việc bố trí địa điểm tập kết, lưu giữ hàng hóa đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan và được cơ quan hải quan công nhận theo quy định; bố trí khu vực lưu giữ riêng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, hàng hóa tồn đọng và hàng hóa vi phạm pháp luật; bảo đảm khả năng nhận diện, quản lý và giám sát hàng hóa. • Bổ sung quy định doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm lắp đặt

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				máy soi, các thiết bị kỹ thuật khác và vận chuyển hàng hóa cần soi chiếu trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ đến địa điểm soi chiếu trong khu vực cảng, kho, bãi theo yêu cầu của cơ quan hải quan; bảo đảm cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, soi chiếu hàng hóa theo quy định của Luật Hải quan.
38.	**Điểm c Khoản 2 Điều 37** c) Sử dụng hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định để quản lý, giám sát hàng hóa xuất khẩu; nhập khẩu đang chịu sự giám sát hải quan đưa vào, lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi và thực hiện kết nối với cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu;	TCT Tân Cảng Sài Gòn	c) Sử dụng hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định để quản lý, giám sát hàng hóa xuất khẩu; nhập khẩu đang chịu sự giám sát hải quan đưa vào, lưu giữ, đưa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi và thực hiện kết nối với cơ quan quản lý nhà nước tại cửa khẩu; Dữ liệu từ hệ thống điều hành cảng (TOS), camera giám sát, niêm phong điện tử (e-seal), định vị (GPS), dấu thời gian, dữ liệu phương tiện và sự kiện ra, vào do doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi cung cấp, được xác thực theo chuẩn kết nối là căn cứ để cơ quan hải quan thực hiện giám sát và quản lý rủi ro; không yêu cầu cung cấp lại cùng thông tin bằng chứng từ khác, trừ trường hợp dữ liệu có sai lệch hoặc có dấu hiệu rủi ro." **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung, vì dự thảo mới quy định nghĩa vụ ứng dụng công nghệ thông tin và kết nối của doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi nhưng chưa khẳng định giá trị pháp lý, giá trị nghiệp vụ của dữ liệu do hệ thống cảng cung cấp để thay thế một phần giám sát thủ công. Quy định này giúp doanh nghiệp giảm hồ sơ và thao tác lặp lại; cơ quan hải quan có dữ liệu thời gian thực, truy vết tốt hơn; dữ liệu TOS trở thành hạ tầng giám sát, mở ra cơ hội cung cấp dịch vụ dữ liệu và tích hợp hệ thống cho doanh nghiệp cảng.	Ghi nhận để nghiên cứu đưa vào chỉ tiêu thông tin trao đổi giữa DNKD cảng và cơ quan hải quan

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
39.	**Điểm g khoản 2 Điều 37 – Tiêu hủy hàng hóa gây ô nhiễm môi trường** g) Chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy đối với hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường mà **không xác định được** chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền dưới sự giám sát của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan khác theo quy định.	Hiệp hội cảng biển Việt Nam (Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)	Đối với quy định doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy đối với hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường mà **không xác định được** chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền, Đề nghị Ban soạn thảo xem xét quy định cụ thể tiêu chí, căn cứ và trình tự xác định trường hợp "**không xác định được**" các chủ thể nêu trên để bảo đảm có cơ sở thống nhất trong quá trình thực hiện, tránh phát sinh cách hiểu và áp dụng khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, đề nghị xây dựng cơ chế hỗ trợ và bảo đảm nguồn kinh phí phục vụ việc xử lý, tiêu hủy hàng hóa. Trên thực tế, chi phí xử lý, tiêu hủy một container, đặc biệt đối với hàng hóa có tính chất nguy hiểm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có thể rất lớn. Trong khi đó, doanh nghiệp kinh doanh cảng đã phải chịu các thiệt hại và chi phí phát sinh trong thời gian hàng hóa tồn đọng như chi phí lưu giữ, bảo quản, kiểm kê, phân loại, đảo chuyển, vận chuyển, thuê bãi ngoài và các chi phí cần thiết khác nhưng nhiều trường hợp không có khả năng thu hồi; đồng thời bị chiếm dụng diện tích bãi trong thời gian kéo dài, thậm chí hàng chục năm, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực khai thác và hiệu quả sử dụng mặt bằng của cảng.	Trách nhiệm tiêu hủy hàng hóa lưu giữ tại cảng gây ô nhiễm môi trường mà không xác định được chủ phương tiện vận tải đã được quy định tại Điều 58 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16; điểm g khoản 2 Điều 33 dự thảo Nghị định kế thừa quy định này. Nội dung quy định phù hợp và thống nhất với quy định tại Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 Quy trình xử lý hàng hoá tồn đọng hiện đã được quy định cụ thể tại Thông tư 203/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 78/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.
40.	**Điểm h vào khoản 2 Điều 37**	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Đề nghị bổ sung điểm h vào khoản 2 Điều 37 dự thảo Nghị định như sau: " *Trường hợp container, hàng hóa nhập khẩu lưu giữ tại cảng quá 90 ngày kể từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu nhập mà chưa có người đến nhận hoặc đã được xác định là hàng hóa tồn đọng theo quy định tại Điều 58 Luật Hải quan, doanh nghiệp cảng được phép di chuyển đến địa điểm lưu giữ khác để giao nhận hàng hóa theo phương án được cơ quan hải quan chấp thuận.* Việc di chuyển không làm thay đổi tình	Điều 58 Luật hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16 giao thẩm quyền Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn xử lý hàng hoá tồn đọng Nội dung hướng dẫn về việc xử lý hàng hoá tồn đọng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			trạng pháp lý của hàng hóa; các bên liên quan có trách nhiệm bàn giao, bảo đảm truy xuất thông tin hàng hóa trong quá trình di chuyển, lưu giữ. *Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung này"* **Lý do:** Dự thảo Nghị định chưa có quy định về cơ chế di chuyển, giải phóng mặt bằng cảng đối với container, hàng hóa tồn đọng quá thời hạn lưu giữ nhưng vẫn chiếm dụng khu vực khai thác chính của cảng, làm ảnh hưởng đến năng lực tiếp nhận, xếp dỡ và giải phóng hàng hóa của cảng. Việc cho phép di chuyển hàng hóa tồn đọng sang địa điểm đủ điều kiện giám sát giúp giải phóng cầu bến, bãi cảng, giảm chiếm dụng diện tích và rủi ro mất an toàn, hạn chế chi phí lưu bãi kéo dài; cơ quan hải quan vẫn kiểm soát được hàng hóa tại địa điểm được công nhận. Do đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung.	
41.	**Khoản 3 Điều 39** **Điều 39. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu** Hàng hóa đưa ra lưu giữ ngoài cơ sở gia công, sản xuất, thuê gia công lại, hoạt động gia công giữa hai doanh nghiệp chế xuất, hoạt động bán phế liệu hoặc các trường hợp được lựa chọn không đăng ký tờ khai hải quan thì trước khi vận chuyển hàng hóa đi, tổ chức, cá nhân phải	TCT Tân Cảng Sài Gòn	**Điều 39. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu** Hàng hóa đưa ra lưu giữ ngoài cơ sở gia công, sản xuất, thuê gia công lại, hoạt động gia công giữa hai doanh nghiệp chế xuất, hoạt động **tiêu thụ** ~~bán~~ phế liệu**, phế phẩm** hoặc các trường hợp được lựa chọn không đăng ký tờ khai hải quan thì trước khi vận chuyển hàng hóa đi, tổ chức, cá nhân phải thông báo cho cơ quan hải quan thông qua hệ thống. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh nội dung này do cụm từ "bán phế liệu" chưa bao quát hết các hình thức xử lý phế liệu, phế phẩm khác; trên thực tế phế liệu còn phát sinh nhiều hình thức xử lý khác như tiêu hủy (với phế liệu độc hại), tiêu thụ nội địa (bán cho công ty khác dùng làm nguyên liệu tái chế), hoặc chuyển mục đích sử dụng khác.	Tiếp thu, tuy nhiên nội dung này chuyển quy định tại Thông tư.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thông báo cho cơ quan hải quan thông qua hệ thống.			
42.	**Điều 40. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu** 2. Lưu giữ hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia công, hợp đồng gia công lại, phụ lục hợp đồng gia công lại, định mức thực tế sử dụng cho từng mã sản phẩm, **kế hoạch sản xuất**, sơ đồ thiết kế mẫu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất, sơ đồ giác mẫu (nếu có) tại tổ chức, cá nhân và xuất trình khi cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật.	Samsung Việt Nam	- Quy định yêu cầu doanh nghiệp phải lưu giữ "kế hoạch sản xuất" không phù hợp với các doanh nghiệp sản xuất quy mô rất lớn như Samsung tại Việt Nam, có số lượng lệnh sản xuất lên tới hàng nghìn trong một ngày, liên tục thay đổi - Dự thảo chưa nêu rõ kế hoạch sản xuất bao gồm những thông tin gì, lưu trữ nhằm mục đích gì? **Kiến nghị**: Bỏ yêu cầu doanh nghiệp phải lưu giữ "kế hoạch sản xuất"	Tiếp thu, đã bỏ tại dự thảo
43.	**Điều 43. Kiểm tra báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu** 2. Nội dung kiểm tra d) Kiểm tra đối chiếu định mức thực tế sản xuất do tổ chức, cá nhân đã thông báo với **định mức thực tế sản xuất của mặt hàng tương tự** của chính tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân khác đã xuất khẩu nếu có điều kiện, dữ liệu kiểm tra.	Samsung Việt Nam	- Định mức thực tế sản xuất là: Lượng NL, VT thực tế sử dụng để sản xuất sản phẩm xuất khẩu bao gồm lượng nguyên liệu, vật tư cấu thành sản phẩm và lượng nguyên liệu, vật tư tiêu hao, tạo thành phế liệu, phế phẩm. Định mức thực tế của một đơn vị sản phẩm theo từng nguyên liệu, vật tư = Tổng lượng nguyên liệu, vật tư đã dùng để gia công, sản xuất sản phẩm xuất khẩu/ Tổng số lượng sản phẩm thu được Trong đó: - Tổng lượng nguyên liệu, vật tư đã dùng để gia công, sản xuất sản phẩm xuất khẩu bằng tổng lượng nguyên liệu, vật tư đưa vào để sản xuất sản phẩm trừ lượng nguyên liệu vật tư thu hồi và lượng nguyên liệu, vật tư đang dở dang trên dây chuyền tính tới thời điểm xác định định mức để gia công, sản xuất sản phẩm xuất khẩu. - Tổng số lượng sản phẩm thu được: là tổng số lượng thu được cho tới thời điểm xác định định mức.	Tiếp thu, đã bỏ tại dự thảo

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			- Đây có thể được gọi là định mức thực tế sản xuất trung bình năm. Số lượng sản phẩm lớn, một định mức có thể chứa nghìn nguyên vật liệu. Định mức kỹ thuật của công ty thường xuyên có sự thay đổi; định mức thực tế sản xuất cũng có sự thay đổi do có sự thay đổi về phân bổ sản xuất hay mua về, thay đổi nhà cung cấp kéo theo thay đổi về mã hàng; sử dụng nguyên vật liệu thay thế được; áp dụng công nghệ khác nhau ở các thời điểm khác khau; định mức thay đổi do tỷ lệ hao hụt khác nhau ở các thời điểm do hiệu suất làm việc của máy móc cũ mới ... Và cùng ngành hàng nhưng tính chất sản phẩm có thể khác nhau do áp dụng công nghệ khác nhau, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử... Vì thế tiêu chí để xác định thế nào là phù hợp hay không phù hợp khi tiến hành so sánh giữa định mức thực tế sản xuất với định mức kỹ thuật, so sánh định mức thực tế sản xuất ở các thời điểm khác nhau; so sánh định mức cùng ngành hàng? Việc so sánh này không phù hợp với thực tế và gây nhiều khó khăn, nhiều bất đồng cho cả doanh nghiệp và hải quan khi phải giải trình trong quá trình kiểm tra. **Kiến nghị: Bỏ quy định** kiểm tra đối chiếu định mức thực tế sản xuất với định mức kỹ thuật, định mức thực tế sản xuất của mặt hàng tương tự của chính tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân khác đã xuất khẩu nếu có điều kiện, dữ liệu kiểm tra.	
44.	**Điều 43.** **Về báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu**	JCCI (Công ty Honda Việt Nam)	Quy định này chưa phù hợp do: - Định mức thực tế do doanh nghiệp tự xây dựng và thông báo, định mức này phải được xác định chủ yếu trên cơ sở công nghệ, máy móc, thiết bị, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình và điều kiện sản xuất thực tế của riêng từng doanh nghiệp. Trường hợp cơ quan Hải quan sử dụng dữ liệu so sánh của ngành hàng/hệ thống, dữ liệu này chỉ nên mang giá trị tham khảo, không được xem là căn cứ hoặc mang tính quyết	Tiếp thu, đã bỏ tại dự thảo

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			định để kết luận doanh nghiệp khai báo định mức không phù hợp. - Chưa có quy định xác định rõ thế nào là "chênh lệch bất thường so với định mức thực tế của mặt hàng tương tự của chính tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân khác đã xuất khẩu"; Do đó, đề xuất bỏ quy định về việc kiểm tra đối chiếu định mức thực tế sản xuất với định mức thực tế của mã hàng tương tự của tổ chức khác đã xuất khẩu hoặc định mức thực tế của cùng ngành hàng.	
45.	**Điểm b.3 khoản 1 Điều 43** quy định cơ quan hải quan kiểm tra báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư NK, sản phẩm XK khi: ***"b.3) Định mức thực tế sử dụng có sự chênh lệch bất thường so với định mức thực tế của mặt hàng tương tự của chính tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân khác đã XK";*** **Điểm d khoản 2 Điều 43** cho phép cơ quan Hải quan: ***"d) Kiểm tra đối chiếu định mức thực tế sản xuất do tổ chức, cá nhân đã thông báo với định mức thực tế sản xuất của mặt hàng tương tự của chính tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân khác đã XK nếu có điều kiện, dữ liệu kiểm tra".***	Hiệp hội VASEP	**** Đề xuất:*** - Bỏ cụm từ "*hoặc tổ chức, cá nhân khác*" tại điểm b.3 khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 43, không dùng định mức của doanh nghiệp khác làm căn cứ độc lập để xác định rủi ro hoặc kết luận sai phạm. - Trong trường hợp cơ quan hải quan cần có dữ liệu so sánh, dữ liệu này chỉ được dùng làm chỉ báo rủi ro để tham chiếu khi phân tích; kết luận phải căn cứ hồ sơ, quy trình, định mức thực tế và dữ liệu sản xuất của chính doanh nghiệp được kiểm tra. **** Lý do:*** Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng với thủy sản. Tỷ lệ thu hồi phụ thuộc kích cỡ, mùa vụ và chất lượng nguyên liệu, dạng sản phẩm, cách thức chế biến (trimming, glazing,…) và quy cách sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Hai doanh nghiệp cùng sản xuất tôm PD/PUD hoặc cá tra fillet vẫn có thể có định mức hợp lý khác nhau. Nếu lấy định mức của doanh nghiệp khác làm chuẩn sẽ dẫn đến đánh giá sai về hao hụt tự nhiên hoặc tiêu hao nguyên liệu. Ngoài ra, việc sử dụng dữ liệu của doanh nghiệp này để đối chiếu với doanh nghiệp khác còn đặt ra vấn đề bảo mật thông tin sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.	Tiếp thu, do nội dung này đã lược bỏ tại Nghị định.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
46.	**Điều 44. Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, thiết bị nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu:** **Điểm b khoản 1 Điều 44** quy định cơ quan hải quan kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, thiết bị NK, sản phẩm XK khi: "***a) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng có dấu hiệu rủi ro đã NK máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư mà quá chu kỳ sản xuất, kinh doanh nhưng không có sản phẩm XK;*** ***b) Khi có dấu hiệu xác định tổ chức, cá nhân NK nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc XK sản phẩm tăng, giảm bất thường so với năng lực sản xuất"***	Hiệp hội VASEP	**** Đề xuất:*** - Đề nghị bổ sung cụm từ "*theo tiêu chí do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định*" vào cuối điểm b khoản 1 Điều 44 và giao cho Thông tư hướng dẫn (theo khoản 6 Điều 44) quy định tiêu chí rủi ro khách quan, định lượng để xác định mức "tăng, giảm bất thường"; - Tiêu chí rủi ro phải tính đến tính mùa vụ, việc thuê gia công, thuê kho và biến động tỷ lệ thu hồi theo nguyên liệu. - Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp được giải trình trước khi kiểm tra đối với các trường hợp tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 44; đồng thời đề nghị quy định cơ quan hải quan nêu rõ căn cứ bằng văn bản khi không chấp nhận giải trình. ***Lý do:*** Sản xuất thủy sản có tính mùa vụ rất cao. Sản lượng nhập, xuất có thể tăng mạnh trong mùa vụ thu hoạch thủy sản hoặc theo các hợp đồng lớn mà không liên quan đến gian lận. Khái niệm "*bất thường*" nếu không có tiêu chí cụ thể sẽ dễ dẫn tới cách hiểu và thực thi khác nhau giữa các Hải quan khu vực, gây rủi ro pháp lý và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.	Không tiếp thu. Lý do: việc xác định có tình trạng tăng giảm bất thường phụ thuộc vào nhiều lý do khác nhau, không thể định lượng cụ thể, nội dung này do công chức hải quan tự xác định trên cơ sở thu thập đánh giá thông tin và áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro.
47.	**Điều 44. Kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư máy móc, thiết bị nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu:** 2. Nội dung kiểm tra: a) Kiểm tra hồ sơ hải quan, báo cáo nhập - xuất - tồn, chứng từ theo dõi nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập kho, xuất kho;	JCCI (HONEST VIET NAM CO., LTD)	**Đề nghị bổ sung** khoản 2a sau khoản 2 Điều 44 như sau: 2a. Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu về tình hình nhập - xuất - tồn, sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và định mức sử dụng nguyên liệu, vật tư đối với hoạt động gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, doanh nghiệp chế xuất phải được thực hiện trên cơ sở số liệu của kỳ báo cáo quyết toán của doanh nghiệp. Kỳ dữ liệu sử dụng để kiểm tra, đối chiếu được xác định từ ngày đầu đến ngày cuối của năm tài chính tương ứng với kỳ báo cáo quyết toán của doanh nghiệp. **Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:** - Quy định hiện hành chưa xác định cụ thể kỳ dữ liệu mà cơ quan hải quan phải sử dụng khi kiểm tra, đối chiếu tình	Không tiếp thu. Lý do: việc kiểm tra báo cáo quyết toán độc lập với việc kiểm tra tình hình sử dụng nguyên vật liệu, thành phẩm. Việc kiểm tra BCQT chỉ thực hiện trong năm tài chính, việc kiểm tra tình hình sử dụng có phạm vi kiểm tra rộng hơn bao gồm cả việc kiểm tra tình hình sử dụng máy móc, thiết bị và có thể kéo dài đến 05 năm theo quy định của Luật Hải quan. Nội dung kiểm tra quy định tại khoản

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hình nhập - xuất - tồn, sử dụng nguyên liệu, vật tư và định mức của doanh nghiệp. Do đó, trong thực tế KTSTQ, các đơn vị KTSTQ có thể lựa chọn, trích xuất và đối chiếu dữ liệu theo các thời điểm khác nhau, hoặc lấy số liệu đến thời điểm kiểm tra để đối chiếu mà không thống nhất với kỳ báo cáo quyết toán của doanh nghiệp. Việc này dẫn đến khi kiểm tra, doanh nghiệp có thể phát sinh chênh lệch về số liệu nhập - xuất - tồn và định mức, từ đó bị xác định có chênh lệch nguyên liệu, vật tư và phát sinh nghĩa vụ thuế, mặc dù doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư. Nếu đơn vị kiểm tra sau thông quan đối chiếu dữ liệu theo đúng kỳ báo cáo quyết toán của doanh nghiệp thì số liệu được tổng hợp đầy đủ theo năm tài chính, phản ánh chính xác hơn tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư và việc tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Ví dụ: Doanh nghiệp có năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm. Doanh nghiệp lập và nộp báo cáo quyết toán hải quan theo năm tài chính. Trong báo cáo quyết toán theo định mức thực tế sử dụng nguyên liệu vật tư theo mẫu số 16/ĐMTT-GSQL là định mức thực tế tính trung bình tính cho cả năm tài chính. Khi cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra và chốt số liệu tại ngày 01/6, nếu lấy dữ liệu từ ngày 01/6 năm trước đến ngày 01/6 năm kiểm tra để đối chiếu thì kỳ dữ liệu này không trùng với kỳ báo cáo quyết toán từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của doanh nghiệp. Do đặc thù thời điểm nhập khẩu nguyên liệu, thực tế sản xuất, xuất khẩu và tồn kho không đồng đều giữa các tháng trong năm, việc đối chiếu cắt dữ liệu giữa kỳ (không trùng kỳ của Báo cáo quyết toán của doanh nghiệp) sẽ có thể phát sinh chênh lệch số liệu về nhập - xuất - tồn và định mức, trong khi số liệu theo kỳ báo cáo quyết toán của doanh nghiệp có thể không phát sinh chênh lệch.	này không phải là nội dung kiểm tra sau thông quan - Không tiếp thu do: (i) Việc lựa chọn thời điểm để xác định tình hình, kết quả quản lý nguyên liệu, vật tư của Doanh nghiệp trong công tác KT STQ căn cứ trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro đối với từng đối tượng (Doanh nghiệp cụ thể); (ii) Theo quy định của pháp luật: Doanh nghiệp có nghĩa vụ quản lý, sử dụng nguyên liệu vật tư....dúng mục đích, đúng đối tượng từ khâu nhập khẩu, trong quá trình sản xuất, xuất khẩu hoặc xuất bán sản phẩm dúng theo loại hình (chế độ chính sách) mà doanh nghiệp lựa chọn khai báo; (iii) Chức năng nhiệm vụ của KTSTQ là kiểm tra tính chính xác trung thực của Hồ sơ HQ, trong đó có BCQT.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			- Thực tế, quá trình cơ quan Hải quan KTSTQ, khi doanh nghiệp có đề nghị cơ quan hải quan thực hiện chốt thời điểm chạy dữ liệu kiểm tra là theo kỳ của năm tài chính của báo cáo quyết toán. Tuy nhiên, cơ quan hải quan có ý kiến rằng: chẳng có quy định nào bắt buộc hải quan phải thực hiện chốt thời điểm lấy dữ liệu kiểm tra là ngày theo kỳ năm tài chính cả. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp và chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để kiểm soát việc thực thi của cơ quan Hải quan, dẫn đến cách hiểu, áp dụng tùy tiện, chưa thống nhất trong thực tế. Từ lý do trên, cần bổ sung quy định cụ thể tại Nghị định để thống nhất kỳ dữ liệu kiểm tra với kỳ báo cáo quyết toán, bảo đảm cơ sở pháp lý thống nhất trong thực hiện và kết quả kiểm tra phản ánh đúng tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư của doanh nghiệp.	
48.	**Điều 45. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất**	JCCI (TOYO INK COMPOUNDS VIETNAM CO., LTD)	Điều 45, khoản 3: "Các trường hợp không đăng ký tờ khai quy định tại khoản này, trước khi vận chuyển hàng hóa đi, doanh nghiệp chế xuất phải thông báo cho cơ quan hải quan thông qua hệ thống." Đề xuất: Bỏ thủ tục thông báo ở khoản 3 Điều 45 bởi vì: - Điện, nước không thể thông báo sẽ dùng thực tế bao nhiêu - Các mặt hàng lương thực, thực phẩm, văn phòng phẩm thường phát sinh đột xuất nên rất khó cho doanh nghiệp để thông báo trước - Các mặt hàng lương thực, thực phẩm, văn phòng phẩm, hàng tiêu dùng có số lượng chủng loại rất lớn và đa dạng nếu doanh nghiệp phải thông báo trước với cả tiêu chí áp HS thì rất khó cho doanh nghiệp. Bởi doanh nghiệp không thể có đầy đủ kiến thức để áp HS chính xác cho tất cả các mặt hàng đa dạng chủng loại như vậy.	Tiếp thu. Nội dung này sẽ chuyển xuống quy định tại Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính và quy định chỉ thực hiện khi có hệ thống hỗ trợ (khoản 4 Điều 39). Dự thảo Nghị định không yêu cầu thông báo đối với năng lượng, nhiên liệu, nước, văn phòng phẩm, lương thực, thực phẩm và phương tiện quay vòng (điểm b, c, e khoản 1 Điều 39); doanh nghiệp chế xuất chỉ thông báo thông tin vận chuyển hàng hóa thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan khi lựa chọn không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa tại điểm a, d, đ khoản 1 Điều 39. Theo quy định tại Điều 59 Luật Hải quan thì hàng hóa gia công,

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				SXXK thuộc đối tượng kiểm tra, giám sát hải quan. Theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp thì quan hệ giữa nội địa và chế xuất là quan hệ xuất nhập khẩu. Do vậy, trường hợp không thực hiện thủ tục hải quan thì chỉ trong một số trường hợp DNCX mới phải thực hiện thông báo một số chỉ tiêu thông tin liên quan đến hàng hóa, không yêu cầu thông báo mã HS cho cơ quan hải quan.
49.	**Điều 45. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra doanh nghiệp chế xuất** 4. Doanh nghiệp chế xuất không phải làm thủ tục hải quan nhưng phải thông báo cho cơ quan hải quan thông qua hệ thống trước khi vận chuyển hàng hóa đi trong các trường hợp sau: a) Hàng hóa luân chuyển giữa các cơ sở gia công, sản xuất, chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất, kho thuê ngoài; b) Hàng hóa đưa ra, đưa vào doanh nghiệp chế xuất để thực hiện dịch vụ bảo hành, sửa chữa, giặt là, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc các dịch vụ khác sau đó đưa trở lại doanh nghiệp chế xuất mà	Samsung Việt Nam	Dự thảo chưa làm rõ những chỉ tiêu thông tin, biểu mẫu và phương thức mà doanh nghiệp phải thực hiện khi thông báo cho Hải quan. Điều này gây khó khăn, lúng túng cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan khi triển khai **Kiến nghị**: Quy định chi tiết, cụ thể thủ tục thông báo theo hướng đơn giản hóa như sau: "Doanh nghiệp chế xuất không phải làm thủ tục hải quan nhưng phải thông báo (theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, đơn hàng, hoặc lệnh điều chuyển, luân chuyển) cho hải quan thông qua hệ thống 01 lần trước khi vận chuyển hàng hóa lần đầu tiên"	Tiếp thu, bổ sung biểu mẫu tại Thông tư của Bộ Tài chính để thống nhất thực hiện.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	không làm thay đổi mã số, tính năng, công dụng của hàng hóa ban đầu.			
50.	**Điểm a khoản 3 Điều 45, Điều 95 Dự thảo về hiệu lực thi hành và xử lý đối với điện, nước cung ứng cho doanh nghiệp chế xuất trước ngày Nghị định có hiệu lực**	VCCI	Điểm a khoản 3 Điều 45 Dự thảo cho phép doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp nội địa được lựa chọn làm hoặc không làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa là điện, nước do doanh nghiệp nội địa cung ứng cho doanh nghiệp chế xuất và hàng hóa đưa vào doanh nghiệp chế xuất để xây dựng, lắp đặt công trình. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 95 quy định Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/3/2027, còn khoản 3 Điều 95 chỉ xử lý chuyển tiếp đối với hồ sơ đã nộp nhưng chưa hoàn thành thủ tục, chưa đề cập các giao dịch đã phát sinh trước ngày Nghị định có hiệu lực. Quy định mới tại điểm a khoản 3 Điều 45 xuất phát từ chính bất cập mà Tờ trình của Quý Cơ quan đã chỉ rõ. Theo điểm b khoản 1 Điều 17 và điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, hàng hóa từ nội địa bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan, được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động SXXK được áp dụng thuế suất 0% khi có hợp đồng, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt và "tờ khai hải quan theo quy định"; Điều 27 Nghị định này chỉ loại trừ yêu cầu tờ khai đối với "trường hợp không cần phải có tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan". Như vậy, pháp luật thuế đã dẫn chiếu sang pháp luật hải quan để xác định trường hợp không cần tờ khai, trong khi khoản 4 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế - căn cứ hiện hành về các trường hợp doanh nghiệp chế xuất được lựa chọn không làm thủ tục hải quan - lại không điều chỉnh điện, nước; Tờ trình cũng thừa nhận tình trạng này "dẫn đến vướng mắc khi thực hiện thủ tục hành chính, ảnh	**Không tiếp thu.** Lý do: việc quy định điều khoản chuyển tiếp đã được quy định tại Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và nội dung kiến nghị của VCCI không thuộc các trường hợp này, cụ thể: *"Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật* *1. Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội thì văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mới được quy định hiệu lực trở về trước.* *2. Văn bản quy phạm pháp luật không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây:* *a) Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý;* *b) Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn."*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hưởng đến chuỗi cung ứng". Trên thực tế, điện, nước được cung ứng liên tục qua lưới điện, đường ống và đo đếm bằng công tơ theo kỳ thanh toán, không có lô hàng vận chuyển qua khu vực giám sát hải quan; việc mở tờ khai hải quan cho từng kỳ chỉ mang tính hình thức, nhưng việc thiếu tờ khai lại có thể trở thành căn cứ để từ chối áp dụng thuế suất 0% khi thanh tra, kiểm tra thuế. Như vậy, trong khoảng 20 tháng, từ ngày 01/7/2025 - thời điểm Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 và Nghị định số 181/2025/NĐ-CP có hiệu lực - đến trước ngày 01/3/2027, các doanh nghiệp cung ứng điện, nước cho doanh nghiệp chế xuất mà không làm thủ tục hải quan vẫn đối mặt với rủi ro bị loại khỏi thuế suất 0%, bị truy thu thuế giá trị gia tăng và tiền chậm nộp, dù bản chất giao dịch không thay đổi. Đây có thể là hệ quả của sự chưa đồng bộ giữa pháp luật thuế và pháp luật hải quan trong giai đoạn chuyển giao, không xuất phát từ hành vi gian lận của doanh nghiệp; việc Chính phủ chủ động sửa đổi tại điểm a khoản 3 Điều 45 cũng phần nào cho thấy quy định yêu cầu mở tờ khai đối với điện, nước có thể chưa thực sự phù hợp với thực tiễn. Khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng xác định hàng hóa bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0%, do đó việc xử lý các giao dịch này là nhằm bảo đảm thực hiện quyền lợi đã được Luật quy định. Khoản 1 Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) cho phép văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương quy định hiệu lực trở về trước trong trường hợp thật cần thiết để thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật; một quy định hồi tố theo hướng có lợi như vậy cũng không thuộc các trường hợp bị cấm tại khoản 2 Điều 55 của Luật này. Đáng	

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			lưu ý, do Điều 27 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP dẫn chiếu sang pháp luật về hải quan, khi điểm a khoản 3 Điều 45 có hiệu lực thì điện, nước sẽ thuộc trường hợp không cần phải có tờ khai hải quan; vì vậy, chỉ cần một quy định chuyển tiếp ngay trong Nghị định này là đủ để xử lý dứt điểm giai đoạn trước đó mà không phải sửa đổi Nghị định số 181/2025/NĐ-CP. **VCCI đề nghị:** (i) Bổ sung vào Điều 95 một khoản chuyển tiếp như sau: "Trường hợp doanh nghiệp nội địa đã cung ứng điện, nước, hàng hóa để xây dựng, lắp đặt công trình cho doanh nghiệp chế xuất trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà không làm thủ tục hải quan thì không bị coi là vi phạm quy định về thủ tục hải quan; việc không có tờ khai hải quan không là căn cứ để từ chối áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng."; (ii) Quy định hồ sơ thay thế tờ khai hai quan cho giai đoạn này, gồm hợp đồng cung ứng, hóa đơn, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt và biên bản xác nhận chỉ số công tơ hoặc khối lượng giao nhận giữa hai bên, để cơ quan thuế, cơ quan hải quan áp dụng thống nhất; (iii) Trường hợp nội dung về thuế không thể xử lý trong Nghị định này, đề nghị Bộ Tài chính - với vai trò cơ quan quản lý cả lĩnh vực thuế và hải quan – ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất cho cơ quan thuế, cơ quan hải quan theo hướng nêu trên, đồng thời xem xét cho điểm a khoản 3 Điều 45 có hiệu lực sớm hơn các nội dung khác của Nghị định.	
51.	**Điều 39 đến Điều 45 Dự thảo về gia công, sản xuất xuất khẩu và doanh nghiệp chế xuất**	VCCI	VCCI nhận thấy một số nội dung chưa thống nhất hoặc có thể làm phát sinh chi phí không cần thiết:	(i) Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo. Theo đó, khi có nhu cầu lưu giữ hàng hóa bên ngoài cơ sở sản xuất,

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Thứ nhất, khoản 3 Điều 39 vẫn yêu cầu trường hợp lưu giữ hàng hóa ngoài cơ sở gia công, sản xuất thì tổ chức, cá nhân "phải có văn bản gửi cơ quan hải quan xem xét, quyết định", tức là một cơ chế chấp thuận, trong khi ngay đoạn tiếp theo của khoản này và Tờ trình đều hướng tới cơ chế thông báo trước khi vận chuyển. Hệ quả là tại Dự thảo Thông tư, việc doanh nghiệp chế xuất thuê kho bên ngoài vẫn phải qua bước chấp thuận của Trưởng Hải quan khu vực, bị giới hạn thời hạn 02 năm và phải đáp ứng điều kiện camera kết nối trực tuyến, lưu dữ liệu 12 tháng - chặt hơn cả điều kiện đối với chính doanh nghiệp chế xuất. Thứ hai, điểm a khoản 1 Điều 43 quy định cơ quan hải quan phân tích báo cáo quyết toán để xác định các trường hợp phải kiểm tra báo cáo quyết toán tại trụ sở người khai hải quan", trong khi khoản 4 Điều 43 quy định việc kiểm tra báo cáo quyết toán được thực hiện "tại trụ sở cơ quan hải quan". Hai quy định này mâu thuẫn trực tiếp và có thể làm mất ý nghĩa của cải cách mà Tờ trình đã nêu. Thứ ba, điểm b khoản 1 Điều 42 bổ sung trường hợp bắt buộc kiểm tra cơ sở sản xuất đối với mọi tổ chức, cá nhân xuất khẩu hàng hóa sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu theo loại hình sản xuất kinh doanh có nhu cầu hoàn thuế, "trừ trường hợp đã được cơ quan hải quan kiểm tra". Việc kiểm tra bắt buộc, không căn cứ quản lý rủi ro, sẽ làm chậm quyền được hoàn thuế của doanh nghiệp theo Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, trong khi rủi ro của phần lớn các trường hợp này có thể được kiểm soát thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thuế và kiểm tra sau hoàn thuế. Thứ tư, điểm b.3 khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 43 cho phép đối chiếu định mức thực tế của doanh nghiệp với định mức của "tổ chức, cá nhân khác đã xuất khẩu". Định mức phụ thuộc vào công nghệ, tay nghề, quy cách sản phẩm, nên	tổ chức, cá nhân thông báo cho cơ quan hải quan thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trước khi đưa hàng hóa đến địa điểm lưu giữ. Hệ thống tự động tiếp nhận phản hồi cho tổ chức, cá nhân biết; cơ quan hải quan không kiểm tra địa điểm lưu giữ bên ngoài tại thời điểm này mà thực hiện kiểm tra cùng với thời điểm kiểm tra cơ sở sản xuất nếu thuộc đối tượng phải kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 36 dự thảo Nghị định. (ii) Không tiếp thu. Việc kiểm tra BCQT vừa thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan, vừa thực hiện tại trụ sở người khai hải quan đối với các trường hợp cơ quan hải quan xác định có dấu hiệu vi phạm. (iii) Không tiếp thu, do đây là điều kiện để được hoàn thuế thì doanh nghiệp phải có CSSX và CSSX phải được cơ quan hải quan kiểm tra xác nhận đáp ứng điều kiện được hoàn thuế; kiểm tra CSSX được thực hiện trước thời điểm hoàn thuế, do đó sẽ không ảnh hưởng đến thời gian hoàn thuế của doanh nghiệp.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			sự chênh lệch giữa các doanh nghiệp là bình thường; nếu sử dụng định mức của doanh nghiệp khác làm căn cứ kết luận sẽ không phản ánh đúng thực tế và có nguy cơ làm lộ bí mật kinh doanh của doanh nghiệp được so sánh. Trong các ngành dệt may, da giày, linh kiện điện tử, chế biến nông sản, tỷ lệ hao hụt còn biến động theo chất lượng từng lô nguyên liệu, tình trạng máy móc và tay nghề công nhân, nên việc áp đặt một con số định mức cố định dễ dẫn đến kết luận "khai sai định mức" đối với doanh nghiệp đang thử nghiệm công nghệ mới hoặc sản xuất mã hàng phức tạp. Thứ năm, điểm d khoản 4 Điều 45 quy định doanh nghiệp nội địa bán hàng cho doanh nghiệp chế xuất không có thuế xuất khẩu thì "không phải làm thủ tục hải quan". Theo Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15, Luật số 149/2025/QH15 và Luật số 09/2026/QH16 và điểm b khoản 1 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, hàng hóa từ nội địa bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan phải có "tờ khai hải quan theo quy định" để được áp dụng thuế suất 0%, Điều 27 Nghị định này chỉ loại trừ yêu cầu tờ khai đối với "trường hợp không cần phải có tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan". Nếu Nghị định quy định bắt buộc "không phải làm thủ tục", doanh nghiệp nội địa sẽ không còn chứng từ hải quan để chứng minh hàng hóa đã thực tế đưa vào doanh nghiệp chế xuất khi cơ quan thuế kiểm tra, đồng thời dễ phát sinh cách hiểu khác nhau giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp về điều kiện "tờ khai hải quan theo quy định", ảnh hưởng đến việc áp dụng thuế suất 0% và khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào. **VCCI đề nghị:**	(iv) Tiếp thu, tuy nhiên nội dung này đã được lược bỏ tại dự thảo. (v) Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo. (vi) Tiếp thu, chỉnh lý tại dự thảo.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			(i) Sửa khoản 3 Điều 39 theo hướng tổ chức, cá nhân thông báo địa điểm lưu giữ ngoài cơ sở gia công, sản xuất cho cơ quan hải quan qua hệ thống trước khi đưa hàng hóa vào lưu giữ và tự chịu trách nhiệm về việc đáp ứng điều kiện lưu giữ; cơ quan hải quan kiểm tra trên cơ sở quản lý rủi ro; (ii) Sửa điểm a khoản 1 Điều 43 cho thống nhất với khoản 4 Điều 43, theo đó việc kiểm tra báo cáo quyết toán được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan; (ii) Sửa điểm b khoản 1 Điều 42 theo hướng việc kiểm tra cơ sở sản xuất đối với trường hợp này được thực hiện trên cơ sở quản lý rủi ro, không phải là trường hợp bắt buộc; (iv) Bổ sung vào Điều 43 nguyên tắc: định mức của tổ chức, cá nhân khác chỉ được sử dụng làm thông tin tham khảo để xác định dấu hiệu rủi ro, không được sử dụng làm căn cứ duy nhất để kết luận hoặc ấn định thuế, và cơ quan hải quan không được tiết lộ định mức của doanh nghiệp này cho doanh nghiệp khác; doanh nghiệp được xây dựng, lưu giữ định mức kèm tỷ lệ hao hụt dao động trong một biên độ hợp lý theo đặc thù công nghệ, và kết luận kiểm tra định mức phải căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật sản phẩm (BOM), quy trình công nghệ và chứng từ sản xuất thực tế của chính doanh nghiệp đó; (v) Sửa điểm d khoản 4 Điều 45 thành trường hợp "được lựa chọn làm hoặc không làm thủ tục hải quan" và bổ sung vào khoản 3 Điều 45, đồng thời rà soát, đối chiếu với điều kiện áp dụng thuế suất 0% tại Nghị định số 181/2025/NĐ-CP để bảo đảm doanh nghiệp nội địa không bị ảnh hưởng quyền lợi về thuế; (vi) Hoàn thiện dẫn chiếu còn để trống tại điểm b khoản 5 Điều 42 ("Điều ...Nghị định số ...").	
52.	**Điều 37, Điều 48, Điều 52, Điều 72 Dự thảo về hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan, trung chuyển, phương**	VCCI	Khoản 2 Điều 48 quy định thời hạn lưu giữ hàng hóa trung chuyển không quá 30 ngày và chỉ được gia hạn khi hàng hóa bị hư hỏng, tổn thất. Khoản 9 Điều 72 bổ sung yêu cầu phương tiện vận tải nội địa ra, vào khu vực cửa khẩu biên	- **Điểm i: Tiếp thu** theo hướng hàng hóa trung chuyển được 02 lần gia hạn thời hạn lưu giữ (điểm a khoản 3 Điều 42 dự thảo Nghị định).

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	tiện chứa hàng quay vòng và phương tiện vào khu vực cửa khẩu		giới để giao nhận hàng hóa phải khai báo trước thông tin phương tiện và hàng hóa trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Điểm g khoản 2 Điều 37 quy định doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi chịu trách nhiệm tiêu hủy hàng hóa gây ô nhiễm môi trường khi không xác định được người vận chuyển. Đối với hàng trung chuyển, trên thực tế việc lưu giữ quá 30 ngày thường phát sinh do lịch tàu thay đổi, tắc nghẽn cảng trung chuyển quốc tế hoặc chờ gom hàng - những nguyên nhân khách quan không thuộc trường hợp "hư hỏng, tổn thất". Việc không có cơ chế gia hạn cho các trường hợp này sẽ làm giảm sức cạnh tranh của cảng biển Việt Nam trong vai trò trung chuyển khu vực, đi ngược mục tiêu phát triển Khu thương mại tự do mà Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP Hải Phòng và Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng hướng tới; đặc biệt, Nghị quyết số 259/2025/QH15 đã giao Chính phủ quy định và hướng dẫn việc lưu giữ hàng hóa trung chuyển, kinh doanh tạm nhập tái xuất trong khu thương mại tự do, nên Nghị định cần thiết kế cơ chế đủ linh hoạt để thực hiện yêu cầu này. Đối với khoản 9 Điều 72, hàng hóa trên phương tiện vào khu vực cửa khẩu để xuất khẩu phần lớn đã được khai trên tờ khai hải quan; việc yêu cầu khai báo lại thông tin hàng hóa là trùng lặp, trái với nguyên tắc người khai chỉ cung cấp thông tin một lần mà chính Tờ trình đã đặt ra. Đối với điểm g khoản 2 Điều 37, việc giao doanh nghiệp cảng, kho, bãi tổ chức tiêu hủy là cần thiết để xử lý nhanh rủi ro môi trường, song Dự thảo chưa xác định nguồn chi trả và cơ chế thu hồi chi phí, trong khi doanh nghiệp này không phải là bên gây ra vi phạm.	Trường hợp hàng hóa trung chuyển bị hư hỏng, tổn thất thì thời gian khắc phục không tính vào thời gian lưu giữ, gia hạn. - **Điểm ii:** Tiếp thu ý kiến, bỏ nội dung khoản 9 Điều 72 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến. - **Điểm iii:** Trách nhiệm doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi tiêu hủy hàng ô nhiễm môi trường đã được quy định tại Điều 58 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2026/QH16. - **Điểm iv:** Không tiếp thu. Lý do: Phương tiện chứa hàng quay vòng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 46 dự thảo Nghị định có đặc thù khác với trường hợp phương tiện quay vòng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 46 do không có số ký hiệu in cố định trên phương tiện (không thể xác định, định danh phương tiện quay vòng) nên để đảm bảo có thông tin trong quá trình làm thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan thì cần phân loại và quy định như nội dung dự thảo.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Đối với phương tiện chứa hàng quay vòng, khoản 2 Điều 52 Dự thảo và Điều 97 Dự thảo Thông tư đang lấy ý kiến song song chỉ áp dụng cơ chế khai Bảng kê và báo cáo tình hình sử dụng định kỳ hằng năm đối với container và bồn chứa khí, chất lỏng (điểm a, điểm b khoản 1 Điều 52); bồn mềm lót trong container, pallet, giá kệ, khay và các phương tiện chứa khác (điểm c, điểm d khoản 1 Điều 52) vẫn phải làm thủ tục tạm nhập, tái xuất như hàng hóa thông thường. Đây là những vật dụng có giá trị thấp, luân chuyển liên tục theo nhịp giao hàng của chuỗi cung ứng linh kiện ô tô, điện tử; việc theo dõi, thanh khoản theo từng tờ khai, từng lượt quay vòng tạo ra khối lượng thủ tục rất lớn, không tương xứng với rủi ro, và làm chậm tốc độ quay vòng của chính các phương tiện này. **VCCI đề nghị:** (i) Bổ sung vào khoản 2 Điều 48 quy định hàng hóa trung chuyển được gia hạn thời hạn lưu giữ một lần không quá 30 ngày theo đề nghị của hãng vận chuyển vì lý do khách quan, trên cơ sở thông báo cho cơ quan hải quan qua hệ thống; (ii) Sửa điểm a khoản 9 Điều 72 theo hướng người khai chỉ khai báo thông tin phương tiện và số tờ khai hải quan (hoặc số vận đơn, số container) liên kết với hàng hóa, hệ thống tự động kế thừa dữ liệu hàng hóa đã khai; (iii) Bổ sung vào điểm g khoản 2 Điều 37 nguyên tắc doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi được thanh toán chi phí tiêu hủy từ tiền bán hàng tồn đọng (nếu có) hoặc được bảo đảm quyền truy đòi chi phí đối với chủ hàng, người vận chuyển khi xác định được; trường hợp không xác định được thì chi phí được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo quy định về xử lý hàng tồn đọng; (iv) Mở rộng cơ chế khai Bảng kê và báo cáo tình hình sử dụng định kỳ hằng năm cho phương tiện chứa hàng quay vòng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 52, ít nhất	*(Điều 52 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến nay là Điều 46)*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			đối với doanh nghiệp ưu tiên và doanh nghiệp được đánh giá tuân thủ tốt, thay cho việc theo dõi, thanh khoản theo từng tờ khai; đồng thời chỉnh sửa tương ứng khoản 2 Điều 97 Dự thảo Thông tư.	
53.	**Khoản 3 Điều 46** 3. Người khai hải quan chịu trách nhiệm sử dụng phương tiện vận chuyển hàng hóa đảm bảo điều kiện niêm phong hải quan và bảo quản nguyên trạng niêm phong của hãng vận chuyển (nếu có), niêm phong hải quan (nếu có), vận chuyển hàng hóa đúng tuyến đường, thời gian đã đăng ký với cơ quan hải quan. Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được thì người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa trong quá trình vận chuyển.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	3. Người khai hải quan có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm điều kiện niêm phong hải quan, bảo quản nguyên trạng niêm phong của hãng vận chuyển (nếu có), niêm phong hải quan (nếu có), **bảo quản nguyên trạng hàng hóa trong trường hợp hàng hóa không thể niêm phong**; vận chuyển hàng hóa đúng tuyến đường, ~~thời gian đã đăng ký với cơ quan hải quan~~ **cửa khẩu và thời hạn theo quy định.** ~~Trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được thì người khai hải quan chịu trách nhiệm bảo quản nguyên trạng hàng hóa trong quá trình vận chuyển.~~Trường hợp do sự cố, bất khả kháng hoặc tình huống khách quan dẫn đến không thể bảo đảm nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan, tuyến đường, thời gian hoặc phương tiện vận tải đã đăng ký, người khai hải quan phải áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế, ngăn ngừa tổn thất và thông báo cho cơ quan hải quan theo quy định. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung cơ chế bất khả kháng để giải quyết những tình huống thực tế như xe hỏng, tai nạn, ùn tắc, thiên tai, cấm đường... mà doanh nghiệp không thể kiểm soát. Việc bổ sung cơ chế xử lý sự cố, bất khả kháng và cơ chế điện tử đối với thay đổi phương tiện vận tải là cần thiết để phù hợp với thực tiễn vận chuyển hàng hóa bằng container và hoạt động khai thác cảng, đồng thời tránh phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết trong trường hợp thay đổi phương tiện nhưng không làm thay đổi hàng hóa, tuyến đường, địa điểm đến và tình trạng niêm phong.	Không tiếp thu. Lý do: Về cơ bản nội dung tại khoản 3 dự thảo Nghị định đã bao hàm nội dung kiến nghị. Ngoài ra, nội dung Điều này hướng dẫn về "Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan", vì vậy, cần quy định như dự thảo để đảm bảo đúng phạm vi, đối tượng trong quá trình thực hiện quy định này. Ngoài ra, trường hợp bất khả kháng được quy định ở cấp Thông tư (hiện nay nội dung này đã có tại dự thảo Thông tư).

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
54.	**Điều 46**	TCT Tân Cảng Sài Gòn	**Đề nghị bổ sung thêm điều khoản mới vào sau khoản 4 điều 46 như sau:** **5.** Trường hợp thay đổi phương tiện vận tải do sự cố kỹ thuật, điều kiện khai thác hoặc lý do khách quan mà không làm thay đổi hàng hóa, tuyến đường, địa điểm vận chuyển và tình trạng niêm phong, việc thông báo và cập nhật thông tin phương tiện được thực hiện theo cơ chế đơn giản hóa trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Lý do:** Đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan có lưu lượng lớn tại cảng biển, nếu mọi thay đổi phương tiện hoặc xử lý sự cố đều phải thực hiện thủ công và chờ phê duyệt sẽ có nguy cơ làm gián đoạn chuỗi vận chuyển, phát sinh chi phí lưu container, lưu bãi và ảnh hưởng đến năng lực khai thác cảng. Do đó, cần xây dựng cơ chế xử lý điện tử, dựa trên quản lý rủi ro và phân biệt giữa thay đổi có ảnh hưởng đến mức độ rủi ro của lô hàng với thay đổi thuần túy về phương tiện khai thác.	Không tiếp thu. Việc thay đổi phương tiện vận tải do sự cố kỹ thuật, điều kiện khai thác hoặc lý do khách quan thuộc trường hợp bất khả kháng đã được hướng dẫn tại Thông tư. Việc thực hiện thông báo hiện đang được xử lý thủ công do hệ thống chưa có chức năng thông báo điện tử. Về lâu dài, Cục Hải quan sẽ nghiên cứu hướng tới việc thông báo và xử lý các tình huống bất khả kháng này trên hệ thống dữ liệu điện tử.
55.	**Điều 46**	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Đề nghị bổ sung khoản mới (sau khoản 5 đề xuất nêu trên) như sau: "... Căn cứ mức độ rủi ro, tình trạng niêm phong của hãng vận chuyển và khả năng giám sát liên tục bằng dữ liệu điện tử, cơ quan hải quan quyết định áp dụng hoặc miễn niêm phong hải quan. Trường hợp miễn niêm phong hải quan, người khai hải quan, người vận chuyển phải bảo đảm nguyên trạng hàng hóa, vận chuyển đúng hành trình và cung cấp dữ liệu giám sát theo quy định." **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung, vì cơ chế hiện nay vẫn lấy niêm phong vật lý và tuyến đường, thời gian đã đăng ký làm trọng tâm, chưa mở rõ trường hợp giám sát điện tử thay thế niêm phong đối với hàng hóa rủi ro thấp có dữ liệu giám sát liên tục.	Không tiếp thu. Lý do: Việc giao cơ quan hải quan quyết định áp dụng hoặc miễn niêm phong hải quan đối với lô hàng là không phù hợp, dễ dẫn đến cảm tính trong các quyết định và không đảm bảo công tác giám sát hải quan theo quy định, tạo ra rủi ro cho công chức hải quan. Ngoài ra, việc niêm phong hay miễn niêm phong hải quan sẽ dựa trên đối tượng rủi ro hay loại hình hàng hóa (nội dung này đã được quy định cụ thể tại Thông tư).

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Quy định này phù hợp định hướng miễn niêm phong đối với hàng hóa còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển; doanh nghiệp giảm thời gian chờ niêm phong, chi phí giao nhận; cơ quan hải quan chuyển từ kiểm soát thủ công sang cảnh báo rủi ro theo dữ liệu; cảng giảm ùn tắc tại cổng, bãi, tăng tốc độ luân chuyển container.	
56.	**Điều 46 và Điều 48**	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Đề nghị bổ sung cơ chế tái sử dụng dữ liệu như sau: "... Trường hợp cơ quan hải quan đã có đầy đủ dữ liệu về hàng hóa, vận đơn, phương tiện vận tải, điểm đi, điểm đến từ lược khai hàng hóa (manifest), lược khai hàng hóa điện tử (e-manifest), vận đơn hoặc hệ thống kết nối thì thủ tục vận chuyển được hình thành trên cơ sở dữ liệu đã có; người khai hải quan chỉ bổ sung các chỉ tiêu còn thiếu hoặc có thay đổi." **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung, vì nếu Nghị định tiếp tục yêu cầu mọi trường hợp đều phải hình thành thủ tục vận chuyển riêng với đầy đủ dữ liệu thì dự thảo Thông tư khó rút gọn tờ khai vận chuyển, dù phần lớn thông tin đã tồn tại trên Hệ thống. Quy định này giảm khai báo trùng và sai sót dữ liệu; cơ quan hải quan có dữ liệu nhất quán, dễ đối chiếu tự động; doanh nghiệp cảng rút ngắn thời gian chờ phê duyệt vận chuyển, thuận lợi tổ chức chuyển cảng, trung chuyển.	Không tiếp thu. Lý do: Lý do: Hệ thống hải quan hiện chưa đáp ứng việc tự động kiểm tra, đối chiếu để xác định có đầy đủ dữ liệu về hàng hoá/vận đơn/PTVT đi hoặc đến, do vậy sẽ không khả thi nếu thực hiện quy định này bằng biện pháp thủ công.
57.	**Điều 3; Điều 46 và Điều 48 – Khung thủ tục hải quan đối với khu cảng mở gắn với Khu thương mại tự do** Điều 3 chưa giải thích khu cảng mở; Điều 46 quy định chung về vận chuyển chịu sự giám sát hải quan; Điều 48 đã bổ sung việc lưu giữ hàng trung chuyển tại kho, bãi, địa điểm	Hiệp hội cảng biển Việt Nam (Hiệp hội Cảng biển Việt Nam)	Đề nghị bổ sung khái niệm hoặc dẫn chiếu rõ khái niệm khu cảng mở theo văn bản có thẩm quyền; quy định phạm vi áp dụng chế độ hải quan, điều kiện quản lý và trách nhiệm phối hợp đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra và luân chuyển giữa các bến trong khu cảng mở gắn với FTZ. Cần phân định khu cảng mở với khu phi thuế quan, tránh mặc nhiên áp dụng cùng một mô hình kiểm soát. Đề nghị nghiên cứu cơ chế kết nối các cảng cạn (ICD), bãi container (depot) đủ điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan với khu cảng mở; làm rõ thủ tục vận chuyển và trao đổi dữ	Không tiếp thu. Khu cảng mở và chế độ, thủ tục hải quan đối với khu cảng mở thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 và Nghị định số 378/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phát triển đô thị. Nội dung kiến nghị cần được hướng dẫn tại Nghị định hướng dẫn Luật phát triển đô thị.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	trong Khu thương mại tự do (FTZ).		liệu. Việc công nhận đầu mối liên kết không mặc nhiên làm mở rộng ranh giới FTZ hoặc phát sinh ưu đãi thuế.	
58.	**Điều 37; Điều 46 và khoản 1 Điều 48 – Quản lý ranh giới và hàng hóa bằng công nghệ** Nội dung dự thảo: Điều 37 quy định giám sát hàng hóa tại cảng, kho, bãi; khoản 1 Điều 48 yêu cầu kho, bãi, địa điểm trong FTZ đáp ứng điều kiện tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan.	Hiệp hội cảng biển Việt Nam (Hiệp hội Cảng biển Việt Nam)	Đề nghị quy định phương thức quản lý ranh giới và hàng hóa trong khu cảng mở bằng sơ đồ ranh giới được phê duyệt, hệ thống quản lý khai thác cảng, dữ liệu điện tử và phương tiện giám sát kết nối với Hải quan; không bắt buộc áp dụng hàng rào cứng, cổng kiểm soát riêng biệt như mô hình khu phi thuế quan đối với toàn bộ khu cảng mở. Các bến tại Cái Mép có thể liền kề hoặc không liền kề, sử dụng chung hạ tầng giao thông đan xen với doanh nghiệp khác nên việc bao kín toàn khu bằng hàng rào vật lý không khả thi. Đề nghị xác định tiêu chí kiểm soát tương đương bằng công nghệ, bảo đảm nhận diện địa điểm, hàng hóa và theo dõi đầy đủ việc ra, vào, luân chuyển.	Không tiếp thu. Lý do: Nội dung này cần được hướng dẫn tại Nghị định số 378/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phát triển đô thị.
59.	**Khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 46; Điều 48 – Luân chuyển liên bến trong khu cảng mở (ITT)** Nội dung dự thảo: Khoản 1 Điều 46 yêu cầu hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan làm thủ tục theo hình thức vận chuyển độc lập hoặc vận chuyển kết hợp. Điều 48 quy định giám sát hàng trung chuyển trong quá trình lưu giữ và vận chuyển.	Hiệp hội cảng biển Việt Nam (Hiệp hội Cảng biển Việt Nam)	Đề nghị bổ sung cơ chế riêng đối với luân chuyển hàng hóa giữa các bến trong cùng khu cảng mở đã được xác định phạm vi và có hệ thống giám sát kết nối Hải quan: không yêu cầu mở tờ khai vận chuyển độc lập cho từng lượt ITT; thay bằng việc các cảng truyền dữ liệu quản lý, khai thác và xác nhận giao nhận trên hệ thống Cảng mở. Đề nghị cho phép sử dụng định vị GPS, niêm phong điện tử và dữ liệu ePort để giám sát trên cơ sở quản lý rủi ro, hạn chế niêm phong thủ công khi đã đáp ứng điều kiện kiểm soát. Cơ quan Hải quan vẫn thực hiện kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn điều kiện áp dụng, thông tin vận chuyển, trách nhiệm cảng đi/cảng đến và xử lý khi hệ thống gặp sự cố.	Không tiếp thu. Lý do: Nội dung này cần được hướng dẫn tại Nghị định số 378/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phát triển đô thị.
60.	**Khoản 2 Điều 47** 2. Thời gian hàng hóa quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật quản lý ngoại thương.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	2. Thời gian quá cảnh hàng hóa qua lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương. **Trường hợp hàng hóa được lưu kho tại Việt Nam hoặc bị hư hỏng, tổn thất hoặc phương tiện vận tải chở hàng quá cảnh bị hư hỏng trong thời gian quá cảnh thì**	Không tiếp thu. Nội dung về trường hợp bất khả kháng để gia hạn thời gian quá cảnh đã được quy định cụ thể tại Luật Quản lý ngoại thương và các Hiệp định quá cảnh (nội dung

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<u>việc gia hạn thời gian quá cảnh thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương và pháp luật về hải quan.</u> <u>**Lý do:**</u> Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung khoản về bất khả kháng vì đây là nội dung có giá trị thực tiễn rất lớn đối với vận tải và khai thác cảng. Ví dụ phương tiện gặp sự cố, thiên tai, tai nạn hoặc tình huống khách quan làm ảnh hưởng đến niêm phong/tuyến đường/thời gian.	như dự thảo đã bao hàm cả nội dung này).
61.	**Điều 48**	TCT Tân Cảng Sài Gòn	**Bổ sung thêm khoản 4, 5 như sau:** 4. Việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển được thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro, ứng dụng công nghệ thông tin và dữ liệu điện tử, bảo đảm giám sát liên tục từ khi hàng hóa đến cửa khẩu nhập đến khi hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, đồng thời không làm phát sinh thủ tục hải quan ngoài quy định của pháp luật. *Đối với hàng hóa trung chuyển giữa các bến cảng, cảng biển, kho, bãi, địa điểm trong khu thương mại tự do có kết nối dữ liệu với Hệ thống, việc giám sát được thực hiện theo sự kiện thông qua ghi nhận điện tử các sự kiện rời điểm, đến điểm, lưu giữ và đưa ra nước ngoài; thủ tục tại từng điểm được đơn giản hóa trên cơ sở quản lý rủi ro.* 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết phương thức kiểm tra, giám sát và việc thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa trung chuyển theo quy định tại Điều này. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung nhằm phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp cảng và logistics. Dự thảo đã mở cho hàng hóa trung chuyển di chuyển giữa các bến cảng và khu thương mại tự do nhưng chưa thiết kế rõ mô hình quản lý theo trạng thái hàng hóa và sự kiện logistics xuyên suốt. Quy định giám sát theo sự kiện giúp doanh nghiệp rút ngắn thủ tục trung chuyển; cơ quan hải quan theo dõi được toàn hành trình và trạng thái hàng hóa; doanh	Ghi nhận. Nội dung kiến nghị liên quan đến việc nâng cấp hệ thống. Cục Hải quan ghi nhận và đưa vào yêu cầu nghiệp vụ xây dựng bài toán Hải quan số.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			nghiệp cảng thuận lợi phát triển trung chuyển quốc tế, kết nối các bến trong hệ thống.. Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết nghiệp vụ về quản lý hàng hóa trung chuyển tại cảng biển.	
62.	**Khoản 2 Điều 48** 2. Hoạt động trung chuyển hàng hóa...Trường hợp hàng hóa trung chuyển trong thời gian được lưu giữ tại Việt Nam bị hư hỏng, tổn thất cần phải có thêm thời gian để khắc phục thì thời gian trung chuyển được gia hạn tương ứng với thời gian cần thiết để thực hiện các công việc đó và phải được cơ quan hải quan nơi làm thủ tục trung chuyển chấp thuận.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	2. Hoạt động trung chuyển hàng hóa...Trường hợp hàng hóa trung chuyển trong thời gian được lưu giữ tại Việt Nam bị hư hỏng, tổn thất cần phải có thêm thời gian để khắc phục thì **tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị,** thời gian trung chuyển được gia hạn tương ứng **nhưng tối đa không quá 30 ngày** ~~với thời gian cần thiết để thực hiện các công việc đó~~ và phải được cơ quan hải quan nơi làm thủ tục trung chuyển chấp thuận **bằng văn bản**. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh nội dung này do dự thảo chưa khống chế trần thời gian gia hạn khi hàng hóa bị hư hỏng, để tránh việc doanh nghiệp kéo dài thời gian lưu giữ hàng hóa trung chuyển vô thời hạn.	Không tiếp thu. Lý do: người khai hải quan đã được quy định tại Điều 5 và việc thực hiện khai báo sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư theo hướng qua hệ thống, trường hợp hệ thống gặp sự cố hoặc không đáp ứng thì thực hiện bằng văn bản giấy, cơ quan hải quan sẽ phê duyệt, phản hồi cho người khai hải quan.
63.	**Khoản 1 Điều 49** **Điều 49. Thủ tục hải quan đối với tài sản di chuyển** 1. Tài sản di chuyển gồm: a) Tài sản của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc Việt Nam đưa vào Việt Nam khi thôi cư trú hoặc chấm dứt hoạt động ở nước ngoài; b) Tài sản của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc Việt Nam đưa ra khỏi Việt Nam khi thôi cư trú hoặc chấm dứt hoạt động ở Việt Nam;	TCT Tân Cảng Sài Gòn	**Điều 49. Thủ tục hải quan đối với tài sản di chuyển** 1. Tài sản di chuyển gồm: a) Tài sản của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc Việt Nam đưa vào Việt Nam khi thôi cư trú hoặc chấm dứt hoạt động ở nước ngoài **có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp và thời gian cư trú/hoạt động thực tế**; b) Tài sản của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc Việt Nam đưa ra khỏi Việt Nam khi thôi cư trú hoặc chấm dứt hoạt động ở Việt Nam **được cơ quan có thẩm quyền xác nhận**; **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định yêu cầu chứng minh tính hợp pháp của tài sản và thời gian cư trú.	**Không tiếp thu.** Lý do: Tại dự thảo Nghị định quy định mang tính nguyên tắc nhằm xác định các trường hợp tài sản di chuyển. Việc chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản, thời gian cư trú hoặc chấm dứt hoạt động được thực hiện thông qua hồ sơ, chứng từ theo quy định về thủ tục hải quan tại Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính. Do đó, không cần thiết bổ sung các yêu cầu về giấy tờ chứng minh tại khoản 1 Điều này, đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
64.	**Điều 50. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại** 3. Đối với hàng hóa nhập khẩu trở lại để tiêu huỷ hoặc tạm nhập để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế sau đó tái xuất hoặc tạm nhập để tái xuất cho đối tác nước ngoài khác hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan, **thời hạn tiêu huỷ, bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, tái xuất không quá 12 tháng kể từ ngày đăng ký tờ khai tạm nhập**, trừ trường hợp hàng hóa đặc thù, theo yêu cầu của chu trình sản xuất có thời gian bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế quá 12 tháng thì cơ quan hải quan quyết định thời hạn theo thỏa thuận của các bên	Samsung Việt Nam	- Quy trình quản lý đối với hàng hóa của DNCX (**thuộc đối tượng không chịu thuế**) như sau: 1. Nhập khẩu nguyên vật liệu về phục vụ cho sản xuất, nhập kho nguyên vật liệu, xuất NVL để đưa vào sản xuất các công đoạn tiếp theo cho đến khi ra sản phẩm cuối cùng. Toàn bộ nhập xuất tồn của NVL được phản ánh tại BCQT mẫu 15. 2. Sản phẩm được nhập kho thành phẩm, rồi xuất kho xuất khẩu và được phản ánh vào BCQT mẫu 15a. 3. Hàng xuất khẩu bị trả lại, được mở tờ khai tái nhập trở lại, nhập lại kho thành phẩm, được sửa chữa rồi tái xuất (lỗi chức năng); nếu không sửa chữa được thì tiến hành xuất kho thành phẩm để đem đi bóc tách. Các giao dịch này được phản ánh vào BCQT mẫu 15a. 4. Sản phẩm tái nhập được bóc tách thành nguyên vật liệu và cụm linh kiện cấu thành ban đầu và được nhập kho toàn bộ lên hệ thống và được phản ánh vào BCQT mẫu 15. Sau khi nhập kho thì được quản lý tương tự như NVL ở bước 1. Công ty quản lý và theo dõi NVL, sản phẩm xuất khẩu từ khi nhập khẩu, trong quá trình sản xuất ra nguyên vật liệu cho đến khi sản phẩm được xuất khẩu hoặc thay đổi mục đích sử dụng, xử lý phế liệu, phế phẩm, … Chính vì thế, dự thảo yêu cầu **thời hạn tiêu huỷ, bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, tái xuất không quá 12 tháng kể từ ngày đăng ký tờ khai tạm nhập** (được gia hạn) đối với hàng hóa nhập khẩu trở lại không phù hợp đối với sản phẩm của DNCX bị trả lại tái nhập khẩu, sau đó DNCX tiến hành bóc tách, thu hồi NVL để tái sử dụng phục vụ sản xuất sản phẩm xuất khẩu khác: - NVL thu hồi được tái sử dụng, cấu thành trong nhiều sản phẩm khác nhau, không thể truy suất và cũng không tách riêng với cùng NVL nhập kho không phải từ nguồn thu hồi để đảm bảo thời gian tái xuất không quá 12 tháng kể từ ngày đăng ký tờ khai nhập khẩu trở lại của sản phẩm tái nhập.	Tiếp thu ý kiến, để bổ sung quy định, làm rõ tại Thông tư của Bộ Tài chính, tránh trường hợp nhầm lẫn trong quá trình thực hiện.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			- Sản phẩm tái nhập khẩu của DNCX và chỉ sử dụng trong DNCX thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu, tương tự như hàng hóa khác. Trường hợp DNCX tiêu thụ nội địa sẽ phải thực hiện thủ tục hải quan, kê khai nộp thuế. Do vậy, yêu cầu 12 tháng đối với sản phẩm tái nhập gây phân biệt đối xử với hàng hóa nhập khẩu khác của DNCX **→ Kiến nghị:** - Quy định cơ chế riêng đối với sản phẩm nhập khẩu trở lại của DNCX: Bỏ yêu cầu quản lý thời hạn tiêu huỷ, bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, tái xuất không quá 12 tháng kể từ ngày đăng ký tờ khai tạm nhập đối với sản phẩm nhập khẩu trở lại của DNCX. - Trường hợp phải áp dụng quản lý 12 tháng thì chỉ áp dụng quản lý 12 tháng đối với sản phẩm nhập khẩu trở lại; không áp dụng quản lý 12 tháng đối với nguyên vật liệu thu hồi được sau khi bóc tách sản phẩm tái nhập. **Đề xuất được thực hiện thủ tục hải quan theo 1 trong 2 cách sau:** - Công ty xin được thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích từ hàng hóa miễn thuế trong vòng 12 tháng sang hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế để kết thúc việc quản lý trong vòng 12 tháng đối với sản phẩm tái nhập này. - Việc công ty bóc tách để thu hồi và tái sử dụng nguyên vật đảm bảo sản phẩm nhập khẩu trở lại không còn tính năng và công dụng ban đầu thì cũng tương ứng với một bước xử lý tiêu hủy ban đầu. Vì thế, công ty đề xuất được thực hiện thủ tục tiêu hủy khi mang sản phẩm nhập khẩu trở lại mang đi bóc tách để kết thúc việc quản lý trong vòng 12 tháng đối với sản phẩm tái nhập này. Toàn bộ nguyên vật liệu sau khi bóc tách sẽ được nhập kho và quản lý như nguyên vật liệu nhập kho khác.	
65.	**Điều 50. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối**	Samsung Việt Nam	- Nguyên vật liệu thu hồi được sau khi bóc tách sản phẩm tái nhập là nguyên vật liệu trước đây sử dụng để sản xuất ra	Tiếp thu ý kiến, để bổ sung, làm rõ, nếu sản phẩm xuất khẩu có cùng

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	với hàng hóa đã xuất khẩu phải nhập khẩu trở lại 4. Xử lý hàng hóa bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế không tái xuất được: c) Đối với sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu tái nhập để bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế nhưng chỉ sử dụng được một phần nguyên liệu, vật tư để tiếp tục sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu (cùng hoặc khác chủng loại sản phẩm) thì phải theo dõi, **xây dựng định mức riêng cho các mã sản phẩm sau sửa chữa, tái chế**. Phế liệu, phế phẩm, phế thải loại ra từ quá trình sửa chữa, tái chế được theo dõi, xử lý tương tự như phế liệu, phế phẩm, phế thải của hoạt động gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu.		sản phẩm (nay tái nhập) và được nhập kho trở lại để sử dụng cho sản xuất. Vì thế không có sự phân biệt về mã hàng giữa nguyên vật liệu mua mới và nguyên vật liệu thu hồi sau khi bóc tách sản phẩm tái nhập. Toàn bộ giao dịch nhập xuất kho được quản trị thống nhất chung theo mã nguyên vật liệu, sản phẩm, bán thành phẩm và minh bạch trên hệ thống SAP. - Định mức của sản phẩm được thiết kế trước khi sản xuất thực tế nên không thể phân nguyên liệu mua mới hay nguyên vật liệu thu hồi sau khi bóc tách sản phẩm tái nhập. Chính vì thế, việc yêu cầu tách riêng định mức cho sản phẩm tái nhập đang đi ngược lại nguyên tắc quản lý của hệ thống toàn cầu SAP và không phù hợp với thực tế quản lý sản xuất. → **Kiến nghị:** doanh nghiệp được sử dụng **định mức sử dụng chung theo mã NVL, BTP; không** phải tách riêng định mức của NVL, BTP thu được sau bóc tách với định mức NVL mua mới	mã NVL, mã sản phẩm thì chấp nhận theo kiến nghị của Công ty. Tuy nhiên, nội dung này sẽ được quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính.
66.	**Điều 50**	Công ty TNHH Wistron Infocomm (Việt Nam)	Công ty là DNCX, đang làm loại hình SXXK và gia công. Thành phẩm Công ty xuất đi, sau đó Công ty tạm nhập để sửa chữa (có nhập lại kho thành phẩm để quản lý), nhưng sau đó không sửa chữa được nên công ty muốn bóc tách thành phẩm ra thành các NVL và các NVL này cũng được đưa về các kho NVL để quản lý tiếp và sản xuất ra mã thành phẩm khác để xuất đi. Khi nhập khẩu ban đầu theo mã G13, vậy sau đó công ty sẽ phải mở tờ khai như thế nào để khấu trừ được tiếp và xử lý thuế thế nào vì mục đích của công ty vẫn là dùng vào để sản xuất và xuất đi.	Tại Điều 50 dự thảo Nghị định gửi đi lấy ý kiến (nay là Điều 44) chỉ quy định nguyên tắc, quy định thủ tục chi tiết sẽ được quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính
67.	**Điều 52 – Container rỗng theo phương thức quay vòng**	Hiệp hội cảng biển Việt Nam	Đề nghị bổ sung nguyên tắc sử dụng, tái sử dụng dữ liệu khai báo điện tử đối với container rỗng. Trường hợp thông	Tiếp thu. Nội dung này cần được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Nội dung dự thảo: Điều 52 quy định thủ tục, thời hạn và địa điểm lưu giữ phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng; khoản 5 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết.	(Hiệp hội Cảng biển Việt Nam)	tin đã được khai đầy đủ trên Manifest điện tử và hệ thống có thể khai thác, đối chiếu thì không yêu cầu khai lại cùng thông tin trên Bảng kê Mẫu số 02. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc liên kết dữ liệu Manifest với dữ liệu tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập; thông tin còn thiếu được khai bổ sung điện tử. Cơ chế này nhằm bỏ khai báo trùng lặp nhưng vẫn bảo đảm theo dõi thời hạn, địa điểm lưu giữ và xử lý theo quản lý rủi ro.	
68.	**Khoản 2 Điều 58** **Điều 58. Xử lý hành lý bị thất lạc, nhầm lẫn** 2. Đối với hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh qua đường hàng không thất lạc, nhầm lẫn: Doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc đại diện doanh nghiệp vận chuyển có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan bản kê hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn. Cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp vận chuyển và doanh nghiệp kinh doanh cảng thực hiện kiểm tra qua máy soi hành lý trước khi đưa hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn vào khu vực lưu giữ và xử lý như sau:	TCT Tân Cảng Sài Gòn	**Điều 58. Xử lý hành lý bị thất lạc, nhầm lẫn** 2. Đối với hành lý ký gửi của người xuất cảnh, nhập cảnh qua đường hàng không thất lạc, nhầm lẫn: Doanh nghiệp kinh doanh cảng hoặc đại diện doanh nghiệp vận chuyển có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hải quan bản kê hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn. Cơ quan hải quan chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp vận chuyển và doanh nghiệp kinh doanh cảng thực hiện kiểm tra qua máy soi hành lý **và lập biên bản ghi nhận trạng thái ban đầu** trước khi đưa hành lý ký gửi thất lạc, nhầm lẫn vào khu vực lưu giữ và xử lý như sau: **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định yêu cầu lập biên bản ghi nhận trạng thái từ đầu nhằm đảm bảo tính pháp lý khi quản lý hành lý thất lạc.	**Không tiếp thu.** Lý do: Quy định về kiểm tra, giám sát và xử lý hành lý thất lạc, nhầm lẫn tại dự thảo Nghị định được kế thừa từ quy định hiện hành, quá trình thực hiện cơ bản ổn định, không phát sinh vướng mắc. Việc bổ sung yêu cầu lập biên bản ghi nhận trạng thái ban đầu đối với hành lý thất lạc, nhầm lẫn là không cần thiết, làm phát sinh thêm thủ tục, công việc cho cơ quan hải quan và các đơn vị liên quan. Do đó, đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Nghị định.
69.	**Tiết c2 điểm c khoản 1 Điều 59** c.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.3, a.4, a.5, a.7 khoản 1 Điều này được thực hiện **trước**	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh, làm rõ mốc thời gian chính xác thực hiện sửa đổi, bổ sung các chứng từ tại điểm a.3, a.4, a.5 và a.7	Nội dung quy định thực hiện từ 2018 không có nội dung vướng mắc.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	hoặc ngay sau khi tàu bay nhập cảnh dừng đỗ tại vị trí quy định;			
70.	**Tiết b2 điểm b khoản 2 Điều 59** b.2) **Chậm nhất 01 giờ sau thời điểm tàu bay xuất cảnh** đối với chứng từ quy định tại điểm a.1 khoản này;	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Đối với hàng hóa được vận chuyển bằng phương tiện vận tải đường hàng không, hồ sơ hải quan phải được nộp trước khi tổ chức vận tải chấm dứt việc làm thủ tục nhận hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 69 Luật Hải quan 2014. Do đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại nội dung này	Tiếp thu ý kiến chỉnh sửa tại dự thảo.
71.	**Tiết c2 điểm c khoản 2 Điều 59** c.2) **Trong 24 giờ kể từ khi tàu bay xuất cảnh** đối với chứng từ quy định tại điểm a.1 khoản này;	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Đối với hàng hóa được vận chuyển bằng phương tiện vận tải đường hàng không, hồ sơ hải quan phải được nộp trước khi tổ chức vận tải chấm dứt việc làm thủ tục nhận hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 69 Luật Hải quan 2014. Do đó đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại nội dung này	Không tiếp thu. Lý do: Thực tế, trong quá trình khai thác hàng hóa từ kho hàng không lên tàu bay xuất cảnh có thể phát sinh việc rút hàng, chia lô, chuyển chuyến hoặc sai lệch giữa thông tin đã khai với hàng hóa thực tế vận chuyển. Theo đó, hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế đảm bảo dữ liệu chính xác để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và đối chiếu của cơ quan hải quan. Việc quy định thời hạn như trên tại dự thảo Nghị định đảm bảo đúng phân cấp, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 69 Luật Hải quan
72.	**Khoản 3 Điều 59** 3. Đối với tàu bay quá cảnh Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu bay quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh,	TCT Tân Cảng Sài Gòn	3. Đối với tàu bay quá cảnh Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu bay quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại **điểm b** khoản 2 Điều này.	Quy định khoản này với tàu bay quá cảnh do đó việc dẫn chiếu là phù hợp.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.		**Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung làm rõ thời hạn áp dụng sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan trước khi xuất cảnh theo điểm b khoản 2 Điều này.	
73.	**Điểm a khoản 3 Điều 60** a)... Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng không biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	a)... Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng **hàng không**, Cảng vụ hàng không biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung thống nhất quy định điểm 1 khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định này.	Tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa phù hợp với Luật Hàng không.
74.	**Điểm c khoản 2 Điều 61** c) Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền phải xếp dỡ toàn bộ hàng hóa nhập khẩu tại cảng hàng không nơi tàu bay làm thủ tục nhập cảnh;	TCT Tân Cảng Sài Gòn	c) Đối với tàu bay nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, hãng hàng không hoặc người được **hãng hàng không** ủy quyền phải xếp dỡ toàn bộ hàng hóa nhập khẩu tại cảng hàng không nơi tàu bay làm thủ tục nhập cảnh, **trừ các hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đã được cơ quan hải quan thông báo để không dỡ hàng hóa xuống cảng**; **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 60 dự thảo Nghị định này.	Không tiếp thu. Lý do: Trường hợp hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được quy định cụ thể tại điểm a khoản 3 Điều 54 dự thảo Nghị định.
75.	**Điểm d khoản 2 Điều 61** d) Đối với tàu bay kết thúc chặng nội địa được sử dụng để	TCT Tân Cảng Sài Gòn	d) Đối với tàu bay kết thúc chặng nội địa được sử dụng để bay tiếp chặng quốc tế, hãng hàng không hoặc người được **hãng hàng không** ủy quyền chỉ được xếp hàng hóa xuất	Tiếp thu, bổ sung cụm từ ...người được **hãng hàng không** ủy quyền tại dự thảo.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	bay tiếp chặng quốc tế, hãng hàng không hoặc người được ủy quyền chỉ được xếp hàng hóa xuất khẩu lên tàu bay xuất cảnh khi không còn hàng hóa trên tàu bay.		khẩu lên tàu bay xuất cảnh khi không còn hàng hóa trên tàu bay. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung phù hợp quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định này.	
76.	**Tiết b2 điểm b khoản 1 Điều 62** b.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.6, a.7, a.8 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 12 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình dưới 5 ngày hoặc chậm nhất 24 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình **khác**.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	b.2) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.6, a.7, a.8 khoản 1 Điều này: Chậm nhất 12 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình dưới 5 ngày hoặc chậm nhất 24 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng đối với tàu biển có hành trình **trên 5 ngày**. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh để làm rõ đối tượng áp dụng khác biệt.	Tiếp thu chỉnh sửa theo hướng dẫn chiếu quy định về Nghị định 336/2026/NĐ-CP của Chính phủ.
77.	**Tiết c1 điểm c khoản 1 Điều 62** c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu dự kiến cập cảng;	TCT Tân Cảng Sài Gòn	c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2, a.3, a.4, a.5 khoản 1 Điều này: Được thực hiện trước hoặc ngay sau khi tàu dự kiến cập cảng, **chậm nhất 02 giờ sau khi cảng vụ hàng hải thông báo tàu biển nhập cảnh đã đến vị trí đón hoa tiêu**; **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 69 Luật Hải quan 2014.	Tiết c.1 điểm c khoản 1 Điều 56 dự thảo Nghị định quy định thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan, trong khi điểm b khoản 2 Điều 69 Luật Hải quan quy định thời hạn khai và **nộp** tờ khai hải quan, chứng từ có liên quan đối với tàu biển xuất cảnh. Do vậy, nội dung đề xuất không phù hợp
78.	**Tiết a.7 Điểm a khoản 2 Điều 62** a.7) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm. Khi tàu biển xuất cảnh, nếu không có nội dung thay đổi so với	TCT Tân Cảng Sài Gòn	a.7) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm Khi tàu biển xuất cảnh, nếu không có nội dung thay đổi so với nội dung đã khai báo khi tàu nhập cảnh thì người khai hải quan chỉ phải nộp bản khai chung quy định tại điểm a.1 khoản 2 Điều này. **Đối với tàu biển xuất cảnh lần đầu tại Việt Nam, chưa có dữ liệu khai báo nhập cảnh, thì người khai hải quan thực hiện**	Nội dung khoản 2 Điều 56 dự thảo Nghị định hiện chỉ quy định trường hợp đặc biệt khi tàu biển xuất cảnh mà không có nội dung thay đổi so với nội dung đã khai báo khi tàu nhập cảnh thì chỉ phải nộp bản khai chung; các trường hợp còn lại đều

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nội dung đã khai báo khi tàu nhập cảnh thì người khai hải quan chỉ phải nộp bản khai chung quy định tại điểm a.1 khoản 2 Điều này.		**đầy đủ các hồ sơ hải quan nên tại điểm a khoản 2 Điều này.** **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung hướng dẫn thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải xuất cảnh mang quốc tịch Việt Nam chưa có dữ liệu nhập cảnh, xuất cảnh ban đầu, tách biệt với quy trình dành cho phương tiện nước ngoài đã qua nhập cảnh.	phải thực hiện đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 56.
79.	**Điểm c khoản 2 Điều 62** c) Thời hạn sửa đổi hồ sơ hải quan: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu rời cảng.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	c) Thời hạn sửa đổi, **bổ sung** hồ sơ hải quan: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu rời cảng. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung.	**Tiếp thu** Đã sửa đổi tại dự thảo: *c) Thời hạn sửa đổi, **bổ sung** hồ sơ hải quan: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu rời cảng.*
80.	**Khoản 3 Điều 62** 3. Đối với tàu biển quá cảnh Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu biển quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	3. Đối với tàu biển quá cảnh Khi làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu biển quá cảnh, người khai hải quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; khi làm thủ tục xuất cảnh, nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan gồm các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh theo thời hạn quy định tại **điểm b** khoản 2 Điều này. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung làm rõ thời hạn áp dụng sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan trước khi xuất cảnh theo điểm b khoản 2 Điều này.	Nội dung khoản 3 Điều 56 dự thảo Nghị định quy định cả về hồ sơ hải quan và thời hạn nộp hồ sơ đối với tàu biển quá cảnh, do vậy việc dẫn chiếu đến quy định khoản 2 Điều 56 là phù hợp
81.	**Điểm d khoản 1 Điều 63** d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng hoặc trường hợp tàu biển không hô hiệu (IMO), người khai hải quan nộp 01 bộ hồ sơ giấy theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10	TCT Tân Cảng Sài Gòn	d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng hoặc trường hợp tàu biển không **có** hô hiệu (**hoặc số** IMO), người khai hải quan nộp 01 bộ hồ sơ giấy theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam **về quản lý hoạt động hàng hải** cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh.	Đơn vị soạn thảo đã rà soát và sửa đổi nội dung dự thảo theo hướng sử dụng thống nhất thuật ngữ "IMO" theo quy định của Bộ Luật hàng hải và các VBQPPL về hàng hải mà không việt hoá thuật ngữ nêu trên. Theo đó dự thảo Nghị định sửa đổi thành:

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam **năm ~~2015~~** cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh.		**Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh phù hợp với quy định tại Mẫu Tờ khai đăng ký tàu biển và Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển ban hành kèm theo Nghị định số 171/2016/NĐ-CP quy định bắt buộc phải ghi rõ thông tin "Hô hiệu/Call Sign" cùng với số IMO và Tên tàu. Đề nghị điều chỉnh đúng trích yếu của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP	d) Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố hoặc trường hợp tàu biển không có hô hiệu hoặc số IMO, người khai hải quan nộp 01 bộ hồ sơ giấy theo quy định của pháp luật về hàng hải cho cơ quan hải quan nơi giải quyết thủ tục hải quan tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh. Ngay sau khi sự cố hệ thống được khắc phục, người khai hải quan cập nhật lại thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. (điểm d khoản 1 Điều 57 dự thảo Nghị định)
82.	**Điểm a khoản 3 Điều 63** a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Đối với tàu biển nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, Cảng vụ hàng hải biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền…	TCT Tân Cảng Sài Gòn	a) Cơ quan hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh hoặc nhập cảnh thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Đối với tàu biển nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng **biển**, Cảng vụ hàng hải biết để không dỡ hàng hóa xuống cảng trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền… **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung thống nhất quy định điểm m khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định này	Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo phù hợp với Luật Hàng hải và văn bản liên quan
83.	**Điểm a khoản 4 Điều 63**	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Trường hợp tàu biển quá cảnh đi qua lãnh hải phải đáp ứng điều kiện **đi qua không gây hại trong lãnh hải** theo quy	Tại Điều 23 Luật Biển Việt Nam đã có quy định cụ thể về các điều

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Trường hợp tàu biển quá cảnh đi qua lãnh hải phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 23 Luật Biển Việt Nam năm 2012; thủ tục nhập cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên, thủ tục xuất cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu xuất cuối cùng;		định tại Điều 23 Luật Biển Việt Nam năm 2012; thủ tục nhập cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên, thủ tục xuất cảnh thực hiện tại cơ quan hải quan cửa khẩu xuất cuối cùng; **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung rõ điều kiện tàu biển quá cảnh đi qua lãnh hải phải đáp ứng quy định tại Điều 23 Luật Biển Việt Nam 2012	kiện tàu biển quá cảnh đi qua lãnh hải.
84.	**Tiết b3 điểm b khoản 4 Điều 63** b.3) Trường hợp ~~**Hệ thống**~~ gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi thực hiện lập Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; niêm phong cùng bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định này giao người khai hải quan chuyển cho cơ quan hải quan nơi tàu đến.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	b.3) Trường hợp **Cổng thông tin một cửa quốc gia** gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi thực hiện lập Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; niêm phong cùng bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định này giao người khai hải quan chuyển cho cơ quan hải quan nơi tàu đến. **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh thống nhất về cổng tiếp nhận hồ sơ tại dự thảo Nghị định này.	Tiếp thu. Đã sửa đổi tại dự thảo Nghị định: "*b.3) Trường hợp **Cổng thông tin một cửa quốc gia** gặp sự cố, cơ quan hải quan nơi tàu rời đi thực hiện lập Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng....*"
85.	**Điều 62 và Điều 63 – Mã cảng thống nhất trong khu cảng mở** Nội dung dự thảo: Điều 62 quy định hồ sơ, thời hạn khai và sửa đổi hồ sơ tàu biển; Điều 63 quy định tiếp nhận, xử lý hồ sơ.	Hiệp hội cảng biển Việt Nam (Hiệp hội Cảng biển Việt Nam)	Đề nghị nghiên cứu áp dụng một mã cảng thống nhất trên hệ thống khai báo hải quan cho khu cảng mở để tạo thuận lợi khi tàu thay đổi bến cập hoặc hàng hóa được điều tiết giữa các bến trong cùng khu vực. Hệ thống vẫn cần ghi nhận mã định danh bến, kho, bãi thực tế để phục vụ giám sát, truy xuất và phân định trách nhiệm. Đề nghị có cơ chế cập nhật thông tin bến cập thực tế và chia sẻ dữ liệu giữa Hải quan, cơ quan hàng hải, hãng tàu và cảng, hạn chế khai sửa trùng lặp chỉ do thay đổi bến trong cùng khu cảng mở. Việc thống nhất mã hải quan cần được phối hợp với cơ quan hàng hải và các bên liên quan.	Ghi nhận. Việc mã hóa cảng, bến, kho, bãi trên Hệ thống là nội dung kỹ thuật, không quy định tại Nghị định này. Ghi nhận để nghiên cứu, đưa vào bài toán Hải quan số.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
86.	**Điểm c khoản 1 Điều 64** c) Cảng vụ hàng hải nơi làm thủ tục cho tàu vào hoặc rời cảng gửi giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động cho cơ quan hải quan tại cảng đó qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp Cảng vụ hàng hải chưa kết nối qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì ngay khi cấp giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động tại cảng đó thì Cảng vụ hàng hải gửi 01 bản sao cho cơ quan hải quan;	TCT Tân Cảng Sài Gòn	c) Cảng vụ hàng hải nơi làm thủ tục cho tàu vào hoặc rời cảng gửi giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động cho cơ quan hải quan tại cảng đó qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp Cảng vụ hàng hải chưa kết nối qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì ngay khi cấp giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động tại cảng đó thì Cảng vụ hàng hải gửi 01 **bản sao giấy phép rời cảng hoặc lệnh điều động** cho cơ quan hải quan; **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung đảm bảo tính rành mạch của dự thảo Nghị định	Nội dung quy định đã cụ thể, theo đó nêu rõ: Trường hợp Cảng vụ hàng hải chưa kết nối qua Cổng thông tin một cửa quốc gia thì ngay **khi cấp giấy phép rời cảng** hoặc **lệnh điều động** tại cảng đó thì Cảng vụ hàng hải gửi **01** bản sao cho cơ quan hải quan.
87.	**Khoản 3 Điều 67**	Công ty CP đầu tư phát triển kinh tế	Dẫn chiếu hồ sơ hải quan tới "Điều 65 và Điều 66". Điều 65 là hồ sơ nên dẫn đúng; Điều 66 là thủ tục đối với tàu hoả liên vận quốc tế, không quy định thành phần hồ sơ.	Tiếp thu. Điểm a khoản 1 Điều 60 dự thảo Nghị định đã dẫn chiếu đúng các chứng từ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 59 (hồ sơ hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế).
88.	**Điểm b khoản 2 Điều 74** Thời hạn hiệu lực và thời hạn thuê kho ngoại quan do chủ hàng và chủ kho ngoại quan thỏa thuận trên hợp đồng thuê kho ngoại quan. Thời hạn hàng hóa lưu giữ tại kho ngoại quan không quá thời hạn hàng hóa được gửi kho ngoại quan theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Thời hạn hiệu lực và thời hạn thuê kho ngoại quan do chủ hàng và chủ kho ngoại quan thỏa thuận trên hợp đồng thuê kho ngoại quan. Thời hạn hàng hóa **gửi** lưu giữ tại kho ngoại quan không quá thời hạn hàng hóa ~~**được**~~ gửi kho ngoại quan theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan; **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh phù hợp với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan (đã được sửa đổi theo khoản 18 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16).	Tiếp thu chỉnh sửa tại dự thảo
89.	**Điểm a khoản 2 Điều 80** 2. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan	TCT Tân Cảng Sài Gòn	2. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan a) Thẩm quyền quyết định kiểm tra Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan được thực hiện đối với các trường hợp quy định tại Điều 78	Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo Nghị định

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	a) Thẩm quyền quyết định kiểm tra Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan được thực hiện đối với các trường hợp quy định tại Điều 78 Luật Hải quan, trừ các hồ sơ hải quan đã được kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều này.		Luật Hải quan, trừ các hồ sơ hải quan đã được kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều này. **Đối với tờ khai, nội dung đã có kết luận kiểm tra sau thông quan, việc kiểm tra tiếp chỉ thực hiện khi phát hiện thông tin, tài liệu, chứng cứ mới hoặc cần kiểm tra nội dung chưa được kiểm tra; quyết định kiểm tra phải xác định rõ phạm vi và căn cứ kiểm tra tiếp.** **Lý do:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh, cụm "trừ các hồ sơ hải quan đã được kiểm tra theo quy định tại khoản 1" có thể được hiểu là không tiếp tục kiểm tra tiếp tại doanh nghiệp, kể cả khi phát hiện chứng cứ mới hoặc cần đối chiếu sổ kế toán, hàng hóa. Ngược lại, doanh nghiệp cần được bảo vệ khỏi việc kiểm tra lặp lại cùng nội dung.	
90.	**Điều 80. Kiểm tra sau thông quan, thời hạn kiểm tra sau thông quan** 2. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan b) Thời hạn: Tối đa 20 ngày, được gia hạn 01 lần không quá 20 ngày	Samsung Việt Nam	- Thời hạn kiểm tra sau thông quan kéo dài hơn so với quy định cũ tạo áp lực lớn cho doanh nghiệp và cho cả cơ quan hải quan trong quá trình chuẩn bị và tiến hành kiểm tra sau thông quan - Luật Hải quan quy định kiểm tra sau thông quan theo nguyên tắc quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ, tuy nhiên Dự thảo chưa nêu rõ việc giảm thời hạn kiểm tra đối với các doanh nghiệp tuân thủ cao như AEO → **Kiến nghị** bổ sung quy định: cơ quan hải quan quyết định thời hạn kiểm tra sau thông quan căn cứ theo mức độ tuân thủ của người khai hải quan	Tiếp thu một phần, cơ quan hải quan sẽ tiếp tục nghiên cứu, hướng dẫn cơ chế giảm thời hạn kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp ưu tiên.
91.	***Điều 81. Thu thập thông tin, phúc tập hồ sơ*** *2. Phúc tập hồ sơ hải quan* *a) Phúc tập hồ sơ hải quan là hoạt động kiểm tra, rà soát, đối chiếu các chứng từ trong hồ sơ hải quan về xuất xứ, trị giá, phân loại hàng hóa và các nội dung*	Hiệp hội Lương thực Việt Nam	Bổ sung vào Khoản 2 Điều 81 Nghị định và Điều 113 Thông tư 1 nội dung *"khi phúc tập phát hiện sai sót không có dấu hiệu gian lận, cơ quan hải quan thông báo để doanh nghiệp tự khai bổ sung theo điểm b.1 khoản Điều 13 Thông tư 1, không bị xử phạt".*	Ghi nhận kiến nghị để xem xét, nghiên cứu xây dựng quy định phù hợp định hướng quản lý và thực tiễn hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; việc xử phạt thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính (nếu có).

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	khác có liên quan sau khi hàng hóa đã thông quan; *b) Kết quả phúc tập hồ sơ là nguồn thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan và hoạt động nghiệp vụ khác của cơ quan hải quan;* *c) Cơ quan hải quan áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong việc lựa chọn hồ sơ phúc tập.*			
92.	**Tiết b2 điểm b khoản 2 Điều 83** b.2) Trường hợp người khai hải quan đề nghị tạm dừng để có thời gian xử lý, khắc phục sự cố gây ra bởi sự kiện bất khả kháng hoặc có yếu tố khách quan khác làm ảnh hưởng đến thời gian tiến hành kiểm tra, người khai hải quan có văn bản đề nghị tạm dừng nêu lý do và thời gian tạm dừng gửi người ban hành Quyết định kiểm tra xem xét, quyết định và thông tin cho người khai hải quan.	TCT Tân Cảng Sài Gòn	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh và làm rõ vì "Yếu tố khách quan khác" quá rộng; thời gian tạm dừng không tính vào thời hạn kiểm tra nhưng không có giới hạn số lần hoặc tổng thời gian. Điều này có thể làm mất ý nghĩa của giới hạn 20 ngày, gia hạn một lần tối đa 20 ngày tại Điều 79 Luật Hải quan. Đồng thời, thủ tục đối với hàng hóa và quyền lợi của doanh nghiệp đối với trường hợp bị tạm hoãn kiểm tra kéo dài chưa cụ thể. Đặc biệt trong trường hợp đối với doanh nghiệp sản xuất yêu cầu cung cấp đơn hàng theo thời điểm quy định trong hợp đồng.	Việc tạm dừng được thực hiện trên cơ sở Cơ quan hải quan xem xét, tạo điều kiện theo đề nghị tạm dừng để thực hiện hoạt động của Doanh nghiệp.
93.	**Điều 90** *Điều 90.* ~~Điều 106.~~ Trách nhiệm thu thập, cung cấp thông tin của cơ quan hải quan *2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm cung cấp thông tin hải quan, bao gồm:...*	Công ty CP đầu tư phát triển kinh tế	Bổ sung điểm h: "h) Công bố các danh mục, dữ liệu đã được công khai theo quy định của pháp luật dưới dạng tệp có cấu trúc, máy đọc được, có phiên bản và được cập nhật theo kỳ trên Cổng thông tin điện tử hải quan." Lý do: Chỉ là hình thức cung cấp của dữ liệu đã công khai, không phát sinh dữ liệu mới. Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, Hàn Quốc đều làm và đều miễn phí.	Không tiếp thu, lý do: Tại khoản 1 Điều 93 dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến (nay là Điều 86) sửa đổi, bổ sung Điều 109 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định "*Thông tin hải quan được cung cấp **bằng hình thức** văn bản hoặc **thông điệp** dữ liệu. Giá trị pháp lý*

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
				*của thông tin hải quan **cung cấp bằng hình thức thông điệp dữ liệu** được quy định tại Luật Giao dịch điện tử.*" Trong đó "*thông điệp dữ liệu được quy định tại Luật Giao dịch điện tử*" đã hoàn toàn bao hàm các hình thức tệp dữ liệu có cấu trúc mà doanh nghiệp đã đề cập. Do đó, đề xuất giữ như dự thảo.
94.	**Ý kiến khác**	Công ty TNHH Pouyuen VN	Các công ty của tập đoàn thực hiện hoạt động sản xuất xuất khẩu (SXXK) theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Thông tư số 38/2015/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC), Công ty được phép lựa chọn đăng ký Thông báo cơ sở sản xuất (TBCSSX), mở tờ khai nhập khẩu, xuất khẩu và nộp Báo cáo quyết toán (BCQT) cho loại hình gia công, SXXK của tất cả các công ty tại Hải quan Khu công nghệ cao – Chi cục Hải quan khu vực II. Lý do: Tất cả nguyên phụ liệu chủ yếu nhập khẩu qua các cửa khẩu tại TP. Hồ Chí Minh, việc đăng ký quản lý và mở tờ khai tại Hải quan Khu công nghệ cao giúp giảm thiểu thời gian luân chuyển chứng từ, tối ưu hóa công tác kiểm tra hồ sơ/thực tế hàng hóa, đảm bảo tiến độ sản xuất. Cơ quan hải quan nơi mở tờ khai đồng thời là cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp, giúp toàn bộ các thủ tục hải quan của doanh nghiệp (đối chiếu BCQT, hoàn thuế, chuyển mục đích sử dụng, tiêu hủy, thu thập thông tin doanh nghiệp, thông báo hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia công...) được thực hiện tập trung, thống nhất và thuận lợi tại một cơ quan Hải quan. Vướng mắc: Khi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP và Thông tư số 121/2025/TT-BTC có hiệu lực (kèm các văn bản hướng dẫn số 8444/CHQ-GSQL ngày 02/02/2026 và	Không tiếp thu, định hướng của ngành hải quan là quản lý theo địa bàn, doanh nghiệp thuộc địa bàn quản lý của đơn vị hải quan nào thì do đơn vị hải quan đó theo dõi quản lý cơ sở sản xuất, tờ khai hải quan XK, NK đăng ký tại Hải quan thuận tiện.

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			18294/CHQ-GSQL ngày 30/06/2026 của Cục Hải quan), theo dự thảo mới, văn bản mới chỉ định giữa cơ quan hải quan quản lý địa bàn nơi có CSSX và cơ quan Hải quan nơi mở tờ khai, không còn khái niệm Cơ quan Hải quan quản lý doanh nghiệp. Nếu chuyển về CCHQ quản lý địa bàn (nơi có CSSX) như Đồng Tháp, An Giang, Tây Ninh để khai báo: thì DN gặp rất nhiều khó khăn, kéo dài thời gian thông quan do khoảng cách địa lý xa cửa khẩu nhập, cửa khẩu xuất so với hải quan CNC. Nếu tiếp tục mở tờ khai nhập khẩu, xuất khẩu khai tại cửa khẩu/Hải quan CNC nhưng thông báo hợp đồng gia công, hợp đồng gia công lại và báo cáo quyết toán cho cơ quan Hải quan nơi có CSSX lại gây khó khăn cho Doanh nghiệp vì có đến 2 cơ quan Hải quan quản lý Doanh nghiệp và dữ liệu nằm ở 2 cơ quan hải quan khác nhau, DN gặp khó khăn khi tập hợp dữ liệu để báo cáo Quyết toán. Hiện nay, ngành Hải quan đang tiến đến thông quan tập trung, quản lý Hải quan bằng dữ liệu, hoàn thành Hải quan số, quản lý DN bằng Hải quan thông minh AI nhằm tạo điều kiện hỗ trợ DN trong việc khai báo hải quan được thuận lợi và được Cơ quan Hải quan quản lý chặt chẽ không phân biệt vị trí địa lý. Do đó để hỗ trợ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp như từ trước đến nay, Doanh nghiệp kiến nghị bổ sung dự thảo Nghị định và thông tư mới điều khoản cho phép tiếp tục giữ nguyên cơ chế "cho phép các tổ chức, cá nhân đã thực hiện các thủ tục Hải quan tại Hải quan CNC trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục chọn Chi cục Hải quan đang quản lý doanh nghiệp (Hải quan Khu công nghệ cao) là cơ quan hải quan quản lý tập trung toàn bộ thủ tục đăng ký tờ khai Xuất nhập khẩu gia công, SXXK, thông báo cơ sở sản xuất, thông báo hợp đồng gia công, hợp đồng gia công	

Stt	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			lại, thông báo tiêu hủy, như trước đây; Cục Hải quan có thể chia sẻ, đầy dữ liệu đến cơ quan hải quan quản lý địa bàn nơi có cơ sở sản xuất thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan	
95.	Điều 46 và 47; Điều 60 và 66; Điều 71 và 81	Công ty CP Đầu tư phát triển kinh tế	Ba cặp điều cùng ghi trùng một số điều cũ, lần lượt là "Điều 43", "Điều 63" và "Điều 79".	Tiếp thu, dự thảo đã chỉnh sửa.
96.	Phần Căn cứ; khoản 1 Điều 1; tiêu đề Điều 77; điểm e khoản 2 Điều 1; khoản 2 Điều 24	Công ty CP Đầu tư phát triển kinh tế	Phần Căn cứ dẫn Luật Hải quan được sửa đổi bởi 06 luật, khoản 1 Điều 1 chỉ dẫn 02 luật; tiêu đề Điều 77 thiếu dấu chấm sau phần dẫn số điều cũ; lỗi chính tả "chế xuất", khoản 2 Điều 24 thiếu dấu hai chấm trước phần liệt kê.	- Khoản 1 Điều 1 dẫn các điều khoản Luật giao trực tiếp Chính phủ quy định chi tiết, theo đó chỉ có Luật Hải quan số 54/2014/QH13, Luật số 90/2025/QH15 và Luật số 11/2026/QH16. - Các nội dung khác tiếp thu để rà soát, chỉnh sửa.
97.		TCT Tân Cảng Sài Gòn	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh thống nhất cụm từ "**có giá trị pháp lý tương đương nhau**" thành "**có giá trị pháp lý tương đương**" trong toàn bộ nội dung tại dự thảo	Tiếp thu, dự thảo không còn sử dụng cụm từ "có giá trị pháp lý tương đương nhau".
		Hiệp hội cao su Việt Nam, Hiệp hội Da – Giày – Túi xách (LEFASO)	**Không có ý kiến**	

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP GỬI Ý KIẾN THAM GIA:

STT	Doanh nghiệp	Số công văn	Đồng ý	Có ý kiến
1.	Samsung Việt Nam	Email		x
2.	JCCI	Email		x

3.	Công ty cổ phần đầu tư phát triển kinh tế	924/2026/IED-GSQL ngày 24/9/2026		x
4.	Hiệp hội cao su Việt Nam	272/HHCS ngày 01/10/2026	✓	
5.	Công ty TNHH Wistron Infocomm (Việt Nam)	Zalo (Tổ 3 gửi)		x
6.	Hội đồng kinh doanh Hoa Kỳ - ASEAN (USABC)	USABC-HN-20261001-01 ngày 01/10/2026		x
7.	Tổng Công ty Tân Cảng	5173/TCg-PC ngày 02/10/2026 (Email)		x
8.	Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam	643/HHXDVN-VP ngày 07/10/2026		x
9.	Hiệp hội lương thực Việt Nam	233/CV-HHLTVN ngày 09/10/2026		x
10.	Hiệp hội Cảng biển Việt Nam	120/VPA-CV ngày 07/10/2026		x
11.	Công ty TNHH Pouyuen VN	PY-09102026 ngày 09/10/2026		x
12.	Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam	160/CV-VASEP ngày 13/10/2026 (email)		x
13.	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	2281/LĐTM-PC ngày 12/10/2026		x
14.	Hiệp hội Da – Giày – Túi xách (LEFASO)	123/CV-HHDG ngày 02/10/2026 (email) Nội dung tham gia liên quan đến Thông tư		

Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1772/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất.

Điều 2.

1. Cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với các văn bản được xác định cụ thể tại mục Ghi chú nêu tại Danh mục kèm theo Quyết định này. Các bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm về đề xuất ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn và bảo đảm lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung đề xuất ban hành văn bản quy định chi tiết, bảo đảm đúng thẩm quyền, quy định đầy đủ, chính xác các nội dung được giao;

b) Tổ chức soạn thảo các văn bản quy định chi tiết trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm chất lượng, tiến độ để ban hành văn bản quy định chi tiết có hiệu lực đồng thời với luật, nghị quyết hoặc nội dung được giao trong luật, nghị quyết;

c) Chủ động rà soát, công bố văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, không để xảy ra "khoảng trống pháp lý" ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Chủ động rà soát, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật quy định biện pháp cụ thể để bảo đảm kịp thời tổ chức, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất;

đ) Trường hợp cần thiết, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo lãnh đạo Chính phủ phụ trách ngành, lĩnh vực xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục văn bản quy định chi tiết đối với văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; việc sửa đổi tên gọi, phạm vi điều chỉnh của văn bản đã có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này có thể được thực hiện đồng thời với việc trình dự thảo văn bản;

e) Việc điều chỉnh Danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết phải bảo đảm thực hiện nghiêm chủ trương về hạn chế ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo Kết luận số 09-KL/TW ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 8800/VPCP-PL ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ về việc khẩn trương ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất. Sau khi điều chỉnh phải gửi thông tin cho Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp, báo cáo.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết có trách nhiệm:

a) Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chất lượng, tiến độ soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết theo Quyết định này; Công điện số 36/CĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong

xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết; Công văn số 520/TTg-PL ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc khẩn trương ban hành các văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội; Công văn số 707/TTg-PL ngày 20 tháng 6 năm 2026 về việc thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Công văn số 8800/VPCP-PL ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ về việc khẩn trương ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất;

b) Chủ động xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, ban hành thông tư quy định chi tiết các luật, nghị quyết trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật mà không phải báo cáo, xin ý kiến lãnh đạo Chính phủ;

c) Chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách lĩnh vực những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

4. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan tập trung nguồn lực, nâng cao chất lượng, tiến độ thẩm định; phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính trong quá trình xây dựng các nghị định quy định chi tiết Luật Phát triển đô thị; phối hợp với Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc ban hành văn bản quy định chi tiết; báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ để xảy ra tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết.

5. Bộ Tài chính khẩn trương chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành nghị định quy định chi tiết Nghị quyết số 43/2026/QH16 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp; các nghị định quy định chi tiết Luật Phát triển đô thị ban hành kèm theo Quyết định này và các nghị định quy định cơ chế, chính sách phát triển cho thành phố Đồng Nai và các tỉnh, thành phố khác theo quy định tại khoản 5 Điều 1, khoản 6 Điều 1, khoản 7 Điều 7 của Luật Phát triển đô thị.

6. Văn phòng Chính phủ đẩy nhanh tiến độ xử lý các hồ sơ dự thảo văn bản quy định chi tiết được các bộ, cơ quan ngang bộ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp trong việc theo dõi, đôn đốc, kiểm soát việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết của các bộ, cơ quan ngang bộ bảo đảm văn bản quy định chi tiết phải được ban hành có hiệu lực đồng thời với hiệu lực của luật, nghị quyết hoặc nội dung giao quy định trong luật, nghị quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg và các PTTg, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, PL (2).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Hồng Hà

Phụ lục

DANH MỤC VÀ PHÂN CÔNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT/ NỘI DUNG ĐƯỢC GIAO QUY ĐỊNH TRONG CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC QUỐC HỘI KHÓA XVI THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP KHÔNG THƯỜNG LỆ THỨ NHẤT

(Kèm theo Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên luật, nghị quyết	Ngày có hiệu lực của luật, nghị quyết	Tên văn bản quy định chi tiết (cụ thể điều, khoản, điểm giao QĐCT)/nội dung được giao quy định	Cơ quan chủ trì soạn thảo VBQĐCT	Cơ quan phối hợp soạn thảo VBQĐCT	Thời hạn trình	Ghi chú (Trình tự, thủ tục rút gọn (nếu có) ...)
1.	Nghị quyết số 43/2026/QH16 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp	24/8/2026 (áp dụng cho kỳ tính thuế 2026, 2027)	1. Nghị định quy định chi tiết Nghị quyết số 43/2026/QH16 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp áp dụng cho kỳ tính thuế 2026, 2027 (khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 43/2026/QH16)	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Ngày 10/10/2026	Trình tự, thủ tục rút gọn
2.	Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16	01/10/2026	2. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phát triển đô thị (khoản 2 Điều 19; điểm o khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 43; khoản 4 Điều 54; khoản 6 Điều 63; điểm a khoản 7 Điều 63; điểm b khoản 7 Điều 63 Luật số 18/2026/QH16)	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Ngày 20/9/2026	Trình tự, thủ tục rút gọn
			3. Thông tư quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở và nội dung hoạt động của phòng giao dịch chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong khu thương mại tự do, khu phi thuế quan ngoài trụ	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan		Thời điểm ban hành phải đảm bảo có hiệu lực đồng thời với thời điểm có

			sở chi nhánh (điểm c khoản 5 Điều 21, điểm c khoản 5 Điều 53 Luật số 18/2026/QH16)				hiệu lực của Luật số 18/2026/QH16
3.	Luật số 23/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12, Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15	01/12/2026	4. Nghị định về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (khoản 5 Điều 1; khoản 6 Điều 1; khoản 8 Điều 1 Luật số 23/2026/QH16)	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Ngày 10/11//2026	Trình tự, thủ tục rút gọn
			5. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền (Điều 9; khoản 2 Điều 10 Luật số 14/2022/QH15 và khoản 3 Điều 2; khoản 4 Điều 2 Luật số 23/2026/QH16)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Ngày 10/11//2026	Trình tự, thủ tục rút gọn
			6. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2025/TT-NHNN ngày 15/9/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền (khoản 8 Điều 2 Luật số 23/2026/QH16)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan		Thời điểm ban hành phải đảm bảo có hiệu lực đồng thời với thời điểm có hiệu lực của Luật số 23/2026/QH16
4.	Luật số 21/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	01/01/2027	7. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (khoản 3 Điều 1; khoản 4 Điều 1; khoản 6 Điều 1; điểm a khoản 7 Điều 1; khoản 3 Điều 2; điểm b khoản 5 Điều 2; khoản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Ngày 10/12/2026	Trình tự, thủ tục rút gọn

			4 Điều 3; khoản 5 Điều 3; khoản 6 Điều 3; khoản 7 Điều 3; khoản 6 Điều 4; Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 6; khoản 3 Điều 6; khoản 4 Điều 6; khoản 6 Điều 6; khoản 7 Điều 6; khoản 8 Điều 6; khoản 9 Điều 6; khoản 10 Điều 6; Điều 7; Điều 8 Luật số 21/2026/QH16)				
			8. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (khoản 2 Điều 1; khoản 4 Điều 1; khoản 5 Điều 1; khoản 6 Điều 1; điểm a khoản 7 Điều 1; khoản 4 Điều 2; khoản 1 Điều 3; khoản 2 Điều 3; khoản 6 Điều 3; điểm a khoản 7 Điều 3; khoản 2 Điều 4; khoản 3 Điều 4; khoản 5 Điều 4; Điều 5; khoản 3 Điều 9; Điều 10 Luật số 21/2026/QH16)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan		Thời điểm ban hành phải đảm bảo có hiệu lực đồng thời với thời điểm có hiệu lực của Luật số 21/2026/QH16
5.	Luật số 19/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc	01/3/2027	9. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc (Điều 14 Luật số 40/2019/QH14 và điểm b khoản 4 Điều 1; khoản 5 Điều 1; điểm a khoản 6 Điều 1; khoản 7 Điều 1; khoản 9 Điều 1; khoản 12 Điều 1; khoản 13 Điều 1 Luật số 19/2026/QH16)	Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Tháng 12/2026	

			10. Thông tư quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc (sửa đổi, bổ sung một số điều hoặc thay thế Thông tư số 03/2020/TT-BXD ngày 28/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc) (Điều 12 Luật số 40/2019/QH14; khoản 3 Điều 1 Luật số 19/2026/QH16)	Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Tháng 12/2026	Thời điểm ban hành phải đảm bảo có hiệu lực đồng thời với thời điểm có hiệu lực của Luật số 19/2026/QH16
6.	Luật số 24/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư	01/3/2027 (Khoản 1 Điều 1 và khoản 1 Điều 3 có hiệu lực từ 01/01/2027)	11. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật số 24/2026/QH16 về điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính để cấp phép đối với kinh doanh dịch vụ thị thực của nhà đầu tư nước ngoài (khoản 2 Điều 3 Luật số 24/2026/QH16)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Tháng 12/2026	
			12. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật số 24/2026/QH16 về kinh doanh khí N_2O để sử dụng cho con người qua đường hô hấp, trừ mục đích y tế, công nghệ thực phẩm, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học và mục đích khác (điểm b khoản 1 Điều 1 Luật số 24/2026/QH16, có hiệu lực từ ngày 01/01/2027)	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Tháng 11/2026	Trình tự, thủ tục rút gọn
7.	Luật số 22/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm	01/3/2027	13. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (thay thế	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan,	Tháng 12/2026	Trình tự, thủ tục rút gọn

	việc ở nước ngoài theo hợp đồng		Nghị định số 112/2021/NĐ-CP) (khoản 4 Điều 16; khoản 3 Điều 24; khoản 5 Điều 25; khoản 2 Điều 54; khoản 2 Điều 74 Luật số 69/2020/QH14 và điểm c khoản 6 Điều 1; điểm b khoản 7 Điều 1; khoản 13 Điều 1; khoản 16 Điều 1; khoản 18 Điều 1; khoản 22 Điều 1 Luật số 22/2026/QH16)		tổ chức có liên quan		
			14. Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (thay thế Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH) (khoản 3 Điều 19; khoản 4 Điều 20; điểm c khoản 4 Điều 23; khoản 3 Điều 58; khoản 3 Điều 65 Luật số 69/2020/QH14 và khoản 8 Điều 1; khoản 9 Điều 1; điểm b khoản 10 Điều 1 Luật số 22/2026/QH16)	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan		Thời điểm ban hành phải đảm bảo có hiệu lực đồng thời với thời điểm có hiệu lực của Luật số 22/2026/QH16
8.	Luật số 11/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan	01/3/2027	15. Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (thay thế Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP) (khoản 3 Điều 17; khoản 3 Điều 17a; khoản 5 Điều 22; khoản 4 Điều 26; khoản 5 Điều 28; khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 42; khoản 3 Điều 47a; khoản 5 Điều 48;	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Tháng 12/2026	

			điểm a khoản 4 Điều 62; điểm b khoản 4 Điều 62; điểm c khoản 4 Điều 62; khoản 5 Điều 64; khoản 4 Điều 69; khoản 6 Điều 77; khoản 3 Điều 79; khoản 2 Điều 80; khoản 5 Điều 86; khoản 6 Điều 88; khoản 4 Điều 95; Điều 104 Luật số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15, Luật số 11/2026/QH16)				
			16. Thông tư quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan (khoản 8 Điều 1; khoản 10 Điều 1; khoản 12 Điều 1; khoản 13 Điều 1; khoản 23 Điều 1 Luật số 11/2026/QH16)	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan		Thời điểm ban hành phải đảm bảo có hiệu lực đồng thời với thời điểm có hiệu lực của Luật số 11/2026/QH16
9.	Luật số 17/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản	01/3/2027 (khoản 21 Điều 1 có hiệu lực từ ngày 01/01/2029)	17. Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản (khoản 3 Điều 13; Điều 52 Luật số 19/2012/QH13 và điểm e khoản 33 Điều 1; khoản 8 Điều 1; khoản 9 Điều 1; khoản 10 Điều 1; khoản 11 Điều 1; khoản 13 Điều 1; khoản 14 Điều 1; khoản 15 Điều 1; khoản 16 Điều 1; khoản 17 Điều 1; khoản 18 Điều 1; khoản 19 Điều 1; khoản 20 Điều 1; khoản 21 Điều 1;	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Tháng 12/2026	

			khoản 22 Điều 1; khoản 23 Điều 1; khoản 24 Điều 1; khoản 25 Điều 1; khoản 26 Điều 1; khoản 27 Điều 1; khoản 29 Điều 1; khoản 32 Điều 1; điểm c khoản 3 Điều 3 Luật số 17/2026/QH16)				
			18. Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều và hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản (khoản 18 Điều 1 Luật số 17/2026/QH16 và nội dung được giao trong Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan		
			19. Thông tư quy định chế độ thù lao đối với người đọc và kiểm tra, thẩm định nội dung xuất bản phẩm lưu chiểu (khoản 18 Điều 1 Luật số 17/2026/QH16)	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan		
10.	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 12/2026/QH16	01/3/2027	20. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (khoản 2 Điều 4; Điều 6; Điều 7; khoản 2 Điều 8; Điều 13; khoản 8 Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; khoản 4 Điều 23; Điều 36; khoản 1 Điều 37 Luật số 12/2026/QH16)	Bộ Tư pháp	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Tháng 12/2026	

			21. Thông tư quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (khoản 5 Điều 33; khoản 5 Điều 34; khoản 2 Điều 37 Luật số 12/2026/QH16)	Bộ Tư pháp	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan		
11.	Luật Hòa giải ở cơ sở số 16/2026/QH16	01/3/2027	22. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở (Điều 3; Điều 7; Điều 9; khoản 5 Điều 12; khoản 7 Điều 12; Điều 14; Điều 17; điểm a khoản 2 Điều 20; điểm b khoản 2 Điều 20; khoản 1 Điều 26; Điều 32 Luật số 16/2026/QH16)	Bộ Tư pháp	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Tháng 12/2026	
12.	Luật Dầu khí số 10/2026/QH16	01/3/2027	23. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dầu khí (Khoản 2 Điều 7; Điều 8; Điều 10; Điều 13; Điều 14; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 25; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 39; Điều 40; Điều 41; Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 49; Điều 50; Điều 51; Điều 53; Điều 58; Điều 60 Luật số 10/2026/QH16)	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Tháng 12/2026	
13.	Luật số 20/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện, Luật Viễn thông, Luật Giao dịch	01/3/2027 (Một số nội dung có hiệu lực từ ngày 01/10/2026)	24. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông (khoản 3 Điều 2 Luật số 20/2026/QH16)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Tháng 12/2026	Trình tự, thủ tục rút gọn

	điện tử và Luật Chuyển giao công nghệ		25. Nghị định thay thế Nghị định số 63/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15 (khoản 3 Điều 1 Luật số 20/2026/QH16, có hiệu lực từ ngày 01/10/2026)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Ngày 20/9/2026	Trình tự, thủ tục rút gọn
14.	Luật số 15/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	01/3/2027	26. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (thay thế Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ) (Khoản 3 Điều 22; Điều 23; Điều 28; Điều 41; Điều 42; Điều 44; Điều 45; Điều 46; Điều 47; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 61; Điều 62; Điều 65; Điều 66; Điều 69; Điều 73 Luật số 10/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2026/QH16)	Bộ Tư pháp	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Tháng 12/2026	
15.	Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt số 13/2026/QH16	01/7/2027	27. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (khoản 7 Điều 10; khoản 7 Điều 12; khoản 4 Điều 14; khoản 6 Điều 15; khoản 6 Điều 16; khoản 7 Điều 17; khoản 4 Điều 19; khoản 4 Điều 21; khoản 7 Điều 23; khoản 6 Điều 25; khoản 4 Điều 28; khoản 4 Điều 30; khoản 2 Điều 31; khoản 4 Điều 32; khoản 3 Điều 33; khoản 4 Điều 34 Luật số 13/2026/QH16)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan	Tháng 4/2027	